

KHÚC NGẠN BÀN



LỊCH SỬ ĂN MÀY

CAO TỰ THANH dịch



NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

Khúc Ngạn Bân

Lịch sử ăn mày

Cao Tự Thanh dịch

Nhà xuất bản TRẺ

Mục lục

* Lời người dịch	7
* Lời nói đầu	9
Chương 1. Ăn mây là gì	15
Chương 2. Vua chúa và ăn mây	39
Chương 3. Văn nhân và ăn mây	69
Chương 4. Cái bang Trung Quốc	108
Chương 5. Ăn mây và công án	156
Chương 6. Ăn mây và các loại người giang hồ	185
Chương 7. Các hình thức kiếm sống của ăn mây xưa nay	208
Chương 8. Hiện tượng ăn mây và phong tục tập quán	264
Chương 9. Ăn mây và văn hóa Trung Quốc	294

Lời người dịch

Nói tới ăn mày là nói tới một tầng lớp luôn luôn bị xếp vào nấc thang cuối cùng trong thang bậc giá trị của mọi xã hội, một nhóm xã hội nếu không bắt lương thì cũng bắt hảo. Bởi vì trong đó tuy cũng có một số người không may lâm vào tình cảnh đói rét khốn cùng không còn cách nào để mưu sinh nên bắt đắc dĩ phải làm ăn mày, nhưng theo với sự phân hóa xã hội mà một trong những động lực là kinh tế hàng hóa, ăn mày đã phát triển theo hướng chúc nghiệp hóa đồng thời lưu manh hóa. Nhóm xã hội này vì vậy hiện không chỉ là một lực lượng sống nhờ ăn bám xã hội mà còn là đội dự bị quan trọng, căn cứ địa vững chắc của nhiều tệ nạn xã hội như cờ bạc ma túy, trộm cướp lưu manh... Tuy nhiên, ăn mày không chỉ là một tệ nạn xã hội, một hiện tượng nhất thời mà còn là một yếu tố nảy sinh từ tình trạng không hoàn thiện mang tính quy luật trong sự phát triển của xã hội. Việc nghiên cứu một cách nghiêm túc và thấu đáo về nhóm xã hội này từ góc độ cấu trúc xã hội do đó là vấn đề cần thiết và cấp bách đối với hoạt động ngăn chặn, bài trừ, đẩy lùi và tiêu diệt tệ nạn ăn mày, bảo vệ môi trường sinh thái xã hội hiện nay.

Khất cái sử (Lịch sử ăn mày) của Khúc Ngạn Bản, thuộc Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tục sử từng thư, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1995 là một công trình nghiên cứu về ăn mày ở Trung Quốc theo định hướng học thuật và thực tiễn ấy. Ngoài **Lời mở đầu**, sách gồm chín chương **Ăn mày là gì, Vua chúa và ăn mày, Văn nhân và ăn mày, Cái bang Trung Quốc, Ăn mày và công án, Ăn mày và các loại người giang hồ, Các hình thức kiếm sống của ăn mày xưa nay, Hiện tượng ăn mày và phong tục tập quán, Ăn mày và văn hóa Trung Quốc**. Đáng chú ý là trong quá trình phân tích mối quan hệ giữa ăn mày với sinh hoạt xã hội, tác giả đã chỉ ra sự kết hợp giữa "ý thức lưu manh" với "tài khéo của bọn ăn mày lang thang" trong cả các lãnh vực chính trị, văn hóa, sự kết hợp có thể nói là tất yếu không chỉ trong lịch sử và văn hóa Trung Quốc "Chỗ yếu căn bản của nhân dân Trung Quốc là ý thức lưu manh... Nhìn lại thảm kịch mười năm Đại cách

mạng văn hóa, chẳng phải cũng là một phen bộc lộ ý thức lưu manh, một lần tái diễn của tài khéo của bọn ăn mày lang thang trong văn hóa truyền thống sao!". Chính vì vậy mà mặc dù các cứ liệu được khảo sát và dẫn chứng trong quyển sách chủ yếu lấy từ lịch sử Trung Quốc, công trình này vẫn có những giá trị thực tiễn chung nhất định, có thể là một tác phẩm bổ ích về cả kiến thức lẫn nhận thức không những với người đọc Trung Quốc mà còn cả với người đọc Việt Nam hiện nay.

Có một sự trùng hợp không ngẫu nhiên : ngoài **Khất cái sử** của Khúc Ngạn Bản thuộc Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tục sử từng thư của Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, người ta còn thấy **Trung Quốc cổ đại đích khất cái** (Ăn mày ở Trung Quốc thời cổ) của Sầm Đại Lợi và Cao Vinh Kiến thuộc Tủ sách Trung Quốc cổ đại sinh hoạt từng thư của Thương vụ ấn thư quán Quốc tế hữu hạn công ty, 1995 cũng nghiên cứu về ăn mày. Tình hình này cho thấy một động thái mới đang dần dần đóng vai trò chủ đạo trong sự phát triển của khoa học xã hội ở Trung Quốc, đó là nó đã chuyển từ việc nghiên cứu hình thái xã hội qua nghiên cứu kết cấu xã hội, một động thái phù hợp với nhu cầu tổng kết, lý giải và dự báo về các hiện tượng, quá trình và lãnh vực xã hội trong bối cảnh kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường...

Nhiều năm nay, khoa học xã hội Trung Quốc phát triển mạnh theo hướng hệ thống hóa và tổng kết truyền thống văn hóa và tiến trình lịch sử của đất nước như một sự chuẩn bị về tri thức và tinh thần cho việc cất cánh của quốc gia này trong thời gian tới. Quyển **Khất cái sử** cùng các quyển **Kỹ nữ sử**, **Đồ bác sử**, **Lưu manh sử**... trong Tủ sách Trung Quốc xã hội dân tục sử từng thư của Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã viết về các tầng lớp kỹ nữ, con bạc, lưu manh ở Trung Quốc ngày xưa vừa là sự thể hiện sinh động vừa là sự phản ánh trung thành đường hướng ấy. Cho nên là một người đọc sách, chúng tôi cũng dịch quyển sách này với chút ít ngậm ngùi "Trông người mà ngẫm đến ta"...

Người dịch
Tháng 2 - 2001

Lời nói đầu

Vì sao phải khảo sát, nghiên cứu nghề ăn mày và lịch sử nghề ăn mày ?

Nói ngắn gọn, thì nghề ăn mày là một hiện tượng lịch sử lẻ ra phải bị tiêu diệt trong xã hội loài người, một quần thể á văn hóa tồn tại lâu dài với sự phát triển của nền văn minh. Để tiêu diệt hiện tượng xã hội đầy nhơ bẩn và tội ác ấy, văn minh hóa và lành mạnh hóa xã hội thì phải tìm hiểu cội nguồn của nó, chỉ rõ những chỗ bí ẩn sâu kín của nó, từ đó tìm ra một con đường chữa trị căn bệnh xã hội trầm kha này.

Tuy nhiên, công việc này rất không đơn giản. Nhà nữ nhân loại học nổi tiếng người Mỹ Lôi ty - Bản nê dịch khắc đặc trong thế kỷ này từng nêu "Nhân loại học lấy loài người mà tạo vật sáng tạo làm đối tượng nghiên cứu. Nó tập trung chú ý vào các phương diện đặc điểm và bản chất, công nghệ và kỹ thuật, tập tục và quan niệm về giá trị. Đó là những gì khiến một khu vực xã hội khác hẳn với một khu vực xã hội mang truyền thống khác"⁽¹⁾. Cũng có thể dùng cách giải thích ấy làm nguyên tắc cơ bản để phân biệt ăn mày với các nhóm xã hội khác. Ăn mày là một nhóm xã hội người chen lẫn với ma, có nhiều màu sắc kỳ quái, là một tầng lớp phức tạp dưới đáy xã hội, một xã hội nhỏ, một nhóm xã hội chứa đựng nhiều nhơ bẩn và tội ác pha trộn vào nhau. Cùng như giới kỹ

(1) *Mô hình văn hóa*, bản dịch của Hà Tích Chương và Hoàng Quan, Hoa Hạ xuất bản xã, 1987, tr. 1

nữ và cờ bạc, nhóm người phức tạp dưới đáy xã hội này đều bị coi là cái ung nhọt trên cơ thể xã hội, mà ăn mày với kỹ nữ và cờ bạc có mối liên hệ chặt chẽ, hoặc cái này là nguyên nhân của cái kia, hoặc thu tóm và dung chứa nhau.

Người ta chú ý tới sự vật gì, phần lớn đều có lý do nhất định. Cho dù ngẫu nhiên mà gặp, cũng là có hoàn cảnh và điều kiện tiềm tàng. Việc lựa chọn đề tài nghiên cứu của người làm công tác khoa học cũng vậy. Vài năm nay trong quá trình nghiên cứu Dân tục học ngôn ngữ, tôi đã đi tới chỗ nghiên cứu một số chuyên đề về các hiện tượng văn hóa trong ngôn ngữ như Phó ngữ ngôn tập tục, văn hóa số đếm và tiếng lóng bí mật trong dân gian, lần nào cũng đều thử từ cách nhìn phức hợp về văn hóa nhân loại mà mở rộng và đào sâu nghiên cứu. Nhất là việc nghiên cứu tiếng lóng dân gian càng khiến tôi mở rộng tầm mắt về á văn hóa của hạ tầng xã hội. Tiếng lóng trong dân gian "hoàn toàn không chỉ là hình thức đặc biệt của ngôn ngữ mà còn phản ánh một loại phương thức sinh hoạt... Nó có quan hệ với việc nghiên cứu tâm lý, then chốt về sự đánh giá đối với con người và xã hội, phương thức tư duy, tổ chức xã hội và năng lực kỹ thuật đều nằm trong đó"⁽²⁾. Căn cứ vào đó nhóm học giả người Mỹ Lạp lý A. Tát mẫu ngỗ cho rằng "Trong lúc nghiên cứu các loại á văn hóa rất xa cách với văn hóa chủ lưu, chúng tôi thường phát hiện ra những ý nghĩa cụ thể phụ thêm của ngôn ngữ. Ví dụ trong một loại á văn hóa mà mọi người cho rằng chủ yếu do hành vi khác thường cấu thành, ngôn ngữ của nó rất có khả năng phát triển thành một loại tiếng lóng (argot). Loại "hành vi khác thường" này có nhiều hình thức khác nhau. Ví dụ tù nhân vì vi phạm pháp luật mà trở thành người khác thường, họ sẽ có loại tiếng lóng ấy. Lưu manh và ăn mày, tuy

(2) Đối duy W. Ma lạc, *Đầu cốt đồ đồ đích ẩn ngữ, Mỹ quốc chính trị xã hội khoa học niên giám* (Tiếng lóng của bọn con bạc, Niên giám chính trị khoa học xã hội nước Mỹ) số 269, 1950, tr. 119

theo phần lớn tiêu chuẩn mà nói thì không phải tội phạm, nhưng chắc chắn không thuộc văn hóa chủ lưu. Đối với chúng ta, then chốt là phải hiểu được ranh giới nhất định của á văn hóa và ngôn ngữ sử dụng trong nội bộ quần thể ấy, còn thành viên của nó là ngoài văn hóa chủ đạo. Hiểu tiếng lóng là hiểu được á văn hóa có liên quan hoặc chỗ then chốt của quần thể á văn hóa⁽³⁾. Tiếng lóng dân gian là ngôn ngữ mã hóa của quần thể á văn hóa, không những có thể nhận ra các lớp trong văn hóa hạ tầng mà thậm chí còn có thể phản ánh rõ ràng một số lớp trong văn hóa thượng tầng của xã hội. Chính trong việc khảo sát ấy, tiếng lóng sẽ như một chiếc chìa khóa giúp chúng ta mở ra cánh cửa bí mật của xã hội giang hồ, trở thành điểm nhìn văn hóa về một thế giới riêng biệt. Một trong các thế giới ấy chính là quần thể ăn mày chứa chất sự nhơ bẩn, người và ma lẫn lộn trước nay. Rất nhiều ăn mày diễn trò xuất hiện trên đường phố hiện nay, rất nhiều tiếng lóng của họ đều thấy trong tiếng lóng giang hồ cuối thời Thanh, ví dụ xin cơm gọi là Treo hơi lửa (Quải hán), Núi nát (Toái sơn), ăn mày bại liệt là Trái đường (Phi nhai), giả làm kẻ gặp nạn ăn xin là Tướng thoa (Chà tướng), Khi tắm (Mộc hầu), dùng thư từ kể lể tình cảnh xin xỏ là Đẳng mài đường (Ma nhai đẳng), dắt theo phụ nữ xin xỏ là Đẳng Quan Âm (Quan Âm đẳng), đội khăn tang đi xin là Đẳng Tang môn (Tang môn đẳng), khóc lóc xin xỏ là Đẳng kêu oan (Tố oan đẳng), vòng tay xin xỏ là Đẳng ném vòng (Đầu khuyên đẳng), nuôi rắn diễn trò xin ăn là Dắt dây (Xả lưu), nuôi khỉ diễn trò xin ăn là Đùa ông già (Nao lão tử) vân vân, từ đó phát hiện được không ít dấu vết trong lịch sử truyền thừa của ăn mày.

Ăn mày không chỉ có tiếng lóng lưu hành, mà còn có

(3) Lạ lý A. Tát mẫu ngôa, Lý tra đức E. Ba đặc, Lôi mẽ C. Giản tư, *Khoa văn hóa truyền thống*, bản dịch, Tam Liên thư điểm, 1988, tr. 191 – 192

tổ chức loại "Cái bang", thậm chí con em Bát kỳ cuối thời Thanh còn có kẻ giữ chức "Bang chủ" đầu lĩnh ăn mày. Trong *Xạ điêu anh hùng truyện* từ tiểu thuyết thông tục phát triển thành văn chương bác học có miêu tả tập đoàn ăn mày do Hồng Thất công làm bang chủ, trong tập đoàn lại chia ra nhiều chi phái. Sau khi dùng chìa khóa mở ra con đường, muốn thâm nhập vào quần thể xã hội ăn mày, nếu chỉ dựa vào tiếng lóng thì không tìm hiểu được bao nhiêu, phải thâm nhập để khảo sát toàn diện từ người và việc, hình thức tổ chức, quy củ bí mật, tín ngưỡng, quan niệm giá trị tới quy phạm hành vi, tình hình hoạt động trong đó. Nhất là phải đặt vào bối cảnh lịch sử xã hội, văn hóa rộng lớn mà tiến hành phân tích khoa học một cách tổng hợp, thì không những có giá trị học thuật mà còn có ý nghĩa thực tế quan trọng. Đồng chí Lưu Hán Thái đã dùng hình thức văn chương tả thực viết quyển *Trung Quốc khát cái dịch quần lạc* (Quần thể ăn mày Trung Quốc)⁽⁴⁾, sau khi xuất bản gây tiếng vang lớn một thời. Mọi người phát hiện trong số ăn mày mình gặp hàng ngày còn phức tạp hơn thế thì Trung Quốc hiện nay rõ ràng cũng tồn tại tổ chức "Cái bang" lớn hơn, khiến người ta không tìm được tặc lưỡi, suy nghĩ sâu xa. Lại như lời tựa trong sách ấy nói, "Lịch sử ăn mày kéo dài cùng với lịch sử văn minh", "Từ khi xã hội công xã nguyên thủy tan rã, ăn mày vẫn liên tục tồn tại, chỗ khác nhau là theo sự biến thiên của lịch sử nó cũng dần dần thay đổi bề ngoài và phương thức sinh tồn". Ai cũng biết căn cứ vào các thư tịch chính truyện, dã sử thì trong lịch sử cổ và cận hiện đại Trung Quốc từng xuất hiện rất nhiều truyền thuyết, tập tục, lời bình luận khen chê về ăn mày và có liên quan với ăn mày, về phạm vi đề cập thì trên từ đế vương khanh tướng, quan lại trí thức, dưới tới bình dân bách tính, ngũ hoa bát môn, ly kỳ quái lạ, chuyện có hoang đường và xấu xa, cũng có chính nghĩa và chăm

(4) Giang Tô Văn nghệ xuất bản xã, 1987

biếm, có thể gọi là một bộ văn hóa sử thu nhỏ. Gắn kết chúng vào nhau thì là một bức tranh về lịch sử phong tục xã hội sinh động thú vị, khiến người ta giữa khoảng chán ghét và buồn cười phải suy ngẫm.

Chính như thế, thông qua nghiên cứu tiếng lóng dân gian, tôi vận dụng phương pháp Dân tục ngôn ngữ học mà tìm được chìa khóa để đi sâu vào văn hóa hạ tầng xã hội. Lúc ấy cao hứng, liền tiếp biên soạn hai bộ sách chuyên khảo về tiếng lóng, một bộ từ điển tiếng lóng. Nay lại mở rộng góc nhìn, nhắm thẳng vào ăn mày, phá toang màn khói lịch sử mà tìm hiểu lịch sử ăn mày Trung Quốc.

Thời Dân quốc, Vương Thư Nô có viết quyển *Trung Quốc xướng kỹ sử* (Lịch sử ca kỹ Trung Quốc). Các bộ sử chuyên khảo về xã hội giang hồ thuộc tầng lớp dưới ít ỏi tới mức đáng thương, mà nhiều nhất là lịch sử bang hội, trong đó lẽ ra phải có các bộ sử chuyên khảo như lịch sử ăn mày, lịch sử cờ bạc, lịch sử trộm cướp nhưng đến nay vẫn là khoảng còn trống vắng trong lịch sử văn hóa xã hội. Đọc quyển *Trung Quốc lịch sử nghiên cứu pháp* (Phương pháp nghiên cứu lịch sử Trung Quốc) và phần biên soạn bổ sung của Lương Nhiệm công (Khải Siêu), tuy có nói từ lịch sử văn hóa tới bị sử (lịch sử vụn vặt), nhưng cũng chưa nói tới các bộ sử chuyên khảo về văn hóa hạ tầng xã hội như lịch sử ăn mày. Theo phương pháp phân loại của sử học truyền thống và Thư mục học, lịch sử ăn mày thuộc loại bị sử, tiểu thuyết. Nhưng trong quá khứ không có tiền lệ làm khuôn mẫu để tham khảo, nên chỉ còn cách tạm dựa vào dàn bài của mình mà viết ra. Thường viết sử thì phần lớn theo thứ tự thời gian, xâu chuỗi gắn liền hoặc người hoặc việc. Viết quyển *Trung Quốc khát cái sử* (Lịch sử ăn mày Trung Quốc) thì phải lấy một số hiện tượng chủ yếu (người và việc) trong mối quan hệ giữa hiện tượng ăn mày với lịch sử hoặc hình thái văn hóa làm trục để ghi chép luận thuật, trong đó về người về việc lại

theo thứ tự thời gian, đối chiếu xưa nay, từ đó hình thành một bộ sử chuyên khảo kiểu hình khối ngang dọc liên kết, trên dưới quán thông. Đồng thời, trong quá trình ấy lại dùng kiến thức kém cỏi phân tích việc người, hoàn cảnh, tâm lý, lột tả chân tướng, cố gắng hết sức để đưa độc giả từ mê cung lịch sử phức tạp này đi tới nơi về tới chốn, có những suy nghĩ sâu xa.

Trong lịch sử sử học Trung Quốc, *Sử ký* có ảnh hưởng rất sâu sắc tới phong khí một thời. Cho dù vận dụng một số phương pháp khoa học hiện đại để nghiên cứu lịch sử ăn mày cũng khó có thể đổi mới tất cả, song nội dung sử học thì vừa xưa cũ vừa mới lạ, ít nhất cũng có khả năng làm rõ điều sâu kín, phát dương chỗ tinh vi. Chỉ mong đây là một bộ sử chuyên khảo có sự thú vị riêng mà không thiếu sự sâu sắc.

Chương 1

Ăn mày là gì

*Một thế giới thần bí người và ma lẫn lộn **

Tìm hiểu nghĩa gốc từ Khất cái * Hàng loạt tên gọi của ăn mày * Nghèo có thể khiến người ta làm ăn mày, nhưng ăn mày chưa hẳn đều nghèo * Phú ông lấy việc ăn xin làm vui * Gã ăn mày bố thí một đồng tiền mà trở nên giàu và có vợ đẹp * Bà ăn mày lừa người trẻ tuổi * Lừa ép trẻ con nông thôn đi ăn xin, không nghe là giết * Phân biệt các loại hình ăn mày

*Xã hội, văn hóa, đất đai sản sinh ra ăn mày **

Bài *Khất cái luận* của Nguyên Kết thời Đường * Ăn mày và thầy lang ngựa * Người ăn mày Hán Dương Sinh trong *Liệt tiên truyện* * Chàng trẻ Thấm xin xỏ chịu nhục * Ăn mày khéo chống bị hành hạ

Ăn mày có hoàn cảnh và hành tung phức tạp, có kẻ nhất thời xin xỏ ở chợ búa thôn xóm, cũng có kẻ lấy việc ăn xin lâu dài làm nghề nghiệp, cũng có kẻ lấy ăn mày làm thân phận nhưng không ăn xin mà tiến hành nhiều hoạt động phạm tội. Vì vậy, tìm hiểu lịch sử ăn mày thì ăn mày là gì, các loại ăn mày, nguyên nhân xã hội và văn hóa chủ yếu sản sinh ra ăn mày... là những điều cần làm rõ trước tiên.

1. Một thế giới bí ẩn người và ma lẫn lộn

Để thuyết minh thế nào là ăn mày thì phải khảo sát

qua ý nghĩa của từ khát cái. Ý nghĩa của chữ "khát" trong Hán tự là khẩn cầu, cầu xin, trong ngôn ngữ hiện nay cũng dùng nghĩa ấy, đồng thời cũng có thể dùng với nghĩa ngược lại, chỉ việc ban phát, đem hai nghĩa trái ngược dồn vào một chữ. Chữ "cái" còn có cách viết khác, trong bốc tử của văn giáp cốt phần lớn dùng trong việc cúng tế, chỉ việc cầu xin thần linh, như "Sùng vũ, cái vu hà", tức mưa lớn gây tai họa, thì cầu xin với Hà thần. Không lẽ thì có đôi, chữ "cái" cũng có nghĩa là ban cho, như *Ngụy thư*, *Thực hóa chí* viết "Linh Thái hậu tăng lệnh công khanh dĩ hạ nhiệm lục phụ vật di thủ chi, hựu số bí cấm nội tả hữu, sở phí vô tỷ, nhi bất năng nhất cái bách tính dã" (Linh Thái hậu từng ra lệnh cho các quan từ công khanh trở xuống tùy sức lực mang vác đồ vật, lại mấy lần ngăn cấm tả hữu trong cung, phí tổn không có khoản nào để chi, không thể cho bách tính tất cả). Mà hai chữ ấy hợp thành từ "khát cái" vẫn chứa đủ hai mâu thuẫn nói trên. Nói ra thì hiện tượng chữ nghĩa thú vị này cũng có đạo lý của nó, mục đích của kẻ mong cầu, xin xỏ là được cho, được cho thì có thể thỏa mãn lòng mong cầu, xin xỏ. Vì thế từ "khát cái" cũng có thể coi như việc mong cầu người khác cho, tức xin xỏ, ví dụ Nhan Chi Thôi thời Bắc Tề trong *Nhan thị gia huấn*, *Miễn học* nói "Tàng Phùng Thế ở Đông Hoãn, năm hơn hai mươi tuổi, muốn đọc sách *Hán thư* của Ban Cố nhưng khổ nỗi không mượn được lâu, bèn tới chỗ em rể là Lưu Viện xin những giấy thừa bỏ đi, chép lại một bản". Chữ "xin" ở đây có nghĩa "cầu xin", nhưng y hoàn toàn không phải ăn mỳ ăn xin để sống. Cũng chính là nói từ ăn mỳ trong lời lẽ thông thường hiện nay là chỉ người xin xỏ thức ăn, tiền bạc vật dùng để sống, là một loại nghề nghiệp tự phát trong xã hội. Việc dùng từ "khát cái" để gọi loại người ấy đã thấy từ trong *Thái bình quảng ký* do Lý Phỏng thời Bắc Tống biên soạn, quyển 126 dẫn lại sách *Vương thị kiến văn* nói "Tới như nơi thôn vắng hẻm sâu, đám thầy lang ngựa hầu rượu, ăn mỳ làm thuê tới bọn trẻ con bán dạo, đều coi như chó". Lại như

Chu từ ngữ loại quyển 130 cũng chép "Phép tiền giấy ban hành, có kẻ buổi sáng còn giàu có, chiều đã trở thành ăn mày", là nói sau khi thi hành việc dùng tiền giấy thay vàng bạc, tiền đồng để lưu thông, có người buổi sáng còn là phú thương, buổi chiều đã có thể luân lạc làm ăn mày ăn xin để mưu sinh, sự khác biệt thay đổi rất mau lẹ.

Một đặc điểm nổi bật trong Hán ngữ cổ đại là phần lớn các từ đều có một chữ một âm, cực kỳ ngắn gọn. Gọi "khất cái" là "cái" thì trong thư tịch thời cổ có không ít ví dụ. Như bài *Ký Hứa Kinh triệu Mạnh Dung thư* của Liễu Tôn Nguyên thời Đường "Ty lệ dung cái, giai đặc thượng phụ mẫu khâu mộ" (Bọn nô lệ ăn mày đều được tới phần mộ cha mẹ). Lại như *Du Lương tảo ký, Ngô Thủy Phụng* của Hoàng Hiên Tổ cuối thời Thanh nói "Quần cái hoàn khâu khất tiền" (Đám ăn mày xúm quanh xin tiền) cũng là theo cách gọi ấy. Không nói tới lời ăn tiếng nói hiện nay, chỉ lấy những từ gọi ăn mày từ thời Thanh mà trở về trước cũng đã có rất nhiều, có sách gọi là "khất nhân", như *Mạnh tử, Cáo tử thượng* nói "Tự nhi nhi dĩ chi, khất nhân bất tiết dã" (Giày xéo lên mà cho, ăn mày cũng chê bẩn). *Nam Tê thư, Vũ Lăng Chiêu vương Tát truyện* nói "Đông nguyệt phùng khất nhân, thoát nhu dĩ chi" (Mùa đông gặp ăn mày, cởi áo bào mà cho). Lại như *Tiêm thư, Viên gián* của Đường Chân thời Thanh nói "Vạn thặng chi chủ, cầu vi đạo lộ chi khất nhân nhi bất khả đắc dã" (Bậc vua chúa có muôn cỗ xe, muốn làm ăn mày trên đường mà không thể được). Lại có sách gọi là "Khất nhi", như *Liệt tử, Hoàng Đế* nói "Phạm thị môn đồ lộ ngộ khất nhi mã y, phát cảm nhục dã" (Môn đồ của họ Phạm trên đường gặp đám ăn mày thấy lang ngựa cũng không dám khinh rẻ). Thủ 3 bài *Thỉnh Tức Trai thư sự* của Phạm Thành Đại thời Tống viết "Tự nhứt hể biên náo tự lôi, Khất nhi tranh bối hương hàn khô" (Cơm rượu lên men nặng xúm quanh, Ăn mày tranh

cướp chạy cho nhanh). Lại *Dương Châu họa phảng lục*, *Tân thành bắc lục trung* của Lý Đẩu thời Thanh nói "Bà lâu cao nhị thập trượng, ... hạ thê khất nhi sổ bách" (Lâu cao hai mươi trượng... dưới thang có mấy trăm ăn mày). Có khi lại gọi là "Khất sách nhi", như *Đường giá ngôn*, *Hảo tri kỷ ác cốp đệ* của Vương Định Bảo thời Ngũ đại chép "Ăn bình tính tư thô, Kháng chi môn lại gia bặc mỹ bất ác chi, vãng vãng hô vi khất sách nhi. Kháng đãi chi như nhất" (Ăn tính nét thô lỗ, gia nhân trong nhà Kháng ai cũng ghét, cứ gọi là gã ăn mày, nhưng Kháng vẫn đối xử như trước). Lại như *Thái bình quảng ký* quyển 498 dẫn lại *Ngọc Tuyền Tử*, *Miêu Đàm* nói "Khất sách nhi tốt ngã tử nhĩ, hà trệ ngã chi như thị da!" (Gã ăn mày tốt lại sẽ chết đói thôi, sao lại bắt ta phải như thế chứ!). Lại gọi là "Cái nhân", như *Quế uyển tùng đàm*, *Đỗ Khả Quân tức thử* của Phùng Dục thời Đường viết "Hy tông mặt, Quảng Lăng hữu cùng khất nhân Đỗ Khả Quân giả, niên tứ thập dư, nhân kiến kỳ hiệu ẩm tuyết lập, mỗi nhật thường nhập tửu tứ, tuần tọa cầu ẩm" (Cuối triều Hy tông, ở Quảng Lăng có người ăn mày nghèo khổ tên Đỗ Khả Quân, người ta thấy y nghiện rượu bỏ cơm, hàng ngày thường vào quán rượu, đi khắp các bàn xin rượu uống). Lại gọi là "Cái phu", như *Ất Bính chi tế thực nghị đệ thập lục* của Cung Tự Trân thời Thanh nói "Kỳ tệ dã, bối chuyên xa bất đắc nhất sắt ma, hữu kim nhất đấu bất xỉ cục mẽ, hựu kỳ tệ dã, cái phu thủ châu ngọc, đạo tần bảo hoàng kim" (Mỗi tệ là một xe tiền không đổi được một tấm vải thô, một đấu vàng không đổi được một vốc gạo, lại tệ hơn là ăn mày tay đẩy châu ngọc, chết dọc đường ôm đầy vàng bạc). Lại gọi người lấy việc ăn xin làm nghề nghiệp là "Khất côn", như *Kiên biểu tứ tập. Gia Hòa hành* của Chủ Nhân Hoạch thời Thanh viết "Bất ý định cách chi hậu, lạc vu khất côn Tôn Thọ chi thủ" (Không ngờ sau khi triều đại thay đổi, lại rơi vào tay người ăn mày là

Tôn Thọ). Đối với các phụ nữ ăn xin, lại có cách gọi "Khất bà" như hồi 2 vở *Hóa lang dân* của tác giả khuyết danh thời Nguyên có đoạn "Nan đạo nhĩ bất thính đắc ! Nhiệm đâu giá lão khất bà xú chinh thích mạ ngã lý" (Chẳng lẽ người không nghe sao ! Lại để mặc cho mụ ăn mày xấu xa này chửi ta à). Lại như *Thần trung lâu, Nộ khiển* của Lý Ngư Kịch thời Thanh viết "Liên nhĩ giá cá lão khất bà dài khẩu quan tài lai kiến ngã" (Ngay cả mụ ăn mày nhà người cũng mang quan tài tới gặp ta). Lại gọi ăn mày là "Hoa tử", như hồi 3 vở *Lý Vân Khanh đắc ngô thăng chân* được đưa vào *Nguyên tạp kịch* viết "Bãi ngã độc tự cá, hà xứ an thân hảo, thiếu bất đắc tố hoa tử sao hóa đảo lão" (Để một mình ta thì biết chỗ nào yên thân được, chắc chắn là phải làm hoa tử ăn xin đến già thôi). Mà trong *tạp kịch* của người thời Nguyên đã có tiền lệ, như hồi 2 vở *Trương Thiên sư* được đưa vào *Nguyên khúc tuyển* viết "Định ! Du chủy hoa tử khoái xuất khứ !" (Này ! Thằng ăn mày mồm mép trơn tuột kia ra ngoài ngay !). *Ngũ tạp trở*, quyển 5, *Nhân bộ* của Tà Triệu Chiết thời Minh có viết "Kinh sư vị khất cái vi hoa tử, bất tri hà thủ nghĩa" (Ở kinh sư gọi ăn mày là hoa tử, không biết ý nghĩa là gì). Trong thực tế, "hoa" là "hóa" trong "hóa tử" chuyển âm mà thành, chứ vốn là "hóa tử". "Khiếu hoa tử" tức "Khiếu hóa tử", "khiếu" cũng viết là "cáo", cũng là chuyển âm sai lạc mà ra. Thời trước gọi những người ăn mày không vào nhà ăn xin mà đi trên đường van vì xin xỏ là "khiếu nhai" (kêu gào trên đường phố), loại ăn mày này tức "khiếu hóa tử", về sau dùng chỉ chung ăn mày. "Khiếu hóa" tức đi xin, như *Bắc Tề thư* chép "Sa môn Yến Thông vu đạo bàng tạo đại tất tượng, giáo hóa khất tài" (Sa môn Yến Thông làm một pho tượng Phật lớn bên đường, khuyến giáo mộ hóa xin tiền), cũng thuộc loại ăn mày. Lại như *Duy Ma Cật kinh Bồ Tát phẩm biến văn giáp* trong *Đôn Hoàng biến văn* viết "Hữu tâm đầu cơ di thân

ngâm, vô lực trượng lê nhi giáo hóa" (Có lòng chọn dịp rên rỉ, không sức cầm gậy giáo hóa) cũng như thế. Chữ "khiếu" và chữ "hóa" dùng thông với nhau. "Hóa" tức mộ hóa, chỉ việc tâng nhân đạo sĩ xin bố thí hóa duyên, là cách nói cho đẹp về việc làm tầm thường hèn hạ ấy. Lại đạo Phật gọi nhân duyên giáo hóa là "hóa duyên", Phật, Đạo đều coi kẻ có thể bố thí làm lành, có thể kết duyên với Phật, Tiên. Dù thấy gọi ăn mày là "khiếu hóa" hoặc "giáo hóa", là gọi theo việc làm mà coi là có đức hạnh. Đến nay, "khiếu hóa tử" đã trở thành lối nói thông thường trong khẩu ngữ, từ "khất cái" đã rất phổ biến trong sách vở.

Từ những cách gọi về ăn mày nói trên mà nhìn, thì đó vốn dùng chỉ những người nghèo khổ lấy việc đi xin tiền bạc vật dùng để sống. Nhưng trong thực tế người đi xin chưa chắc đã là kẻ nghèo khổ, cũng có người giàu cam lòng làm ăn mày. Ví dụ phía nam huyện Gia Định Thượng Hải thời Thanh có trấn Nam Tường nổi tiếng về chùa chiền, phía đông trấn có một nhà tuy không thật giàu nhưng cũng thuộc loại trung lưu sung túc, có đủ đất đai nhà cửa, có cả con trai con dâu, sinh hoạt rất khá, người con trai đột nhiên lại ra làm ăn mày. Người nhà rất khó khăn trong việc ngăn cản y, bất kể khuyên can thế nào cũng không được. Một người em họ của y nhà cũng rất giàu, nói với y rằng tôi tình nguyện tặng anh một trăm mẫu ruộng, kể cả số ruộng đất nhà anh có là hơn hai khoảnh^(*), càng không phải lo lắng về cơm áo, y vẫn nhất định không chịu. Cha mẹ y chỉ có một đứa con trai, y lại nói với cha mẹ rằng, tôi thấy điều sung sướng nhất trên đời không gì bằng làm ăn mày nên tình nguyện làm ăn mày coi bốn biển là nhà. Huống chi tôi đã có con trai, cha mẹ có thể giữ cháu nội bên cạnh mà vui vẻ, cũng là tôi tận hiếu với cha

(*) *Khoảnh*: đơn vị đo lường ở Trung Quốc thời cổ, bằng 100 mẫu.

mẹ rồi. Nói xong lập tức đi luôn không trở về, vẫn làm nghề ăn mày⁽¹⁾. Loại người này trải qua những ngày tháng đầy đủ, tinh thần thiếu thốn nên cam lòng làm ăn mày để đạt được điều mà y cho là khoái lạc của đời người, trên đời hiếm có. Thời Thanh còn có một trường hợp khác, cũng là nhà giàu cam lòng làm ăn mày nhưng không phải để kéo lại sự quân bình về tâm lý mà vì đám dân đói tới nhà mình xin ăn, cũng là chuyện lạ. Chuyện này phát sinh ở Hàng Châu thời Thanh, có một thiếu niên tên Kim Dung, vì nhà nghèo nên vâng lời cha vào học việc buôn bán ở cửa hiệu bán gạo. Một hôm Kim Dung đi đòi nợ về ngang qua một quán cơm, thấy chủ quán túm một người ăn mày không buông, giằng co một lúc mà không ai bước ra can. Y bước tới hỏi mới biết vì người ăn mày ấy thiếu một đồng tiền cơm nên chủ quán không cho đi. Kim Dung thấy thế nói một đồng bạc nhỏ mượn cần gì phải làm thế, rồi lập tức móc ra một đồng trả thay. Người ăn mày ấy rất biết ơn, lại đi theo Kim Dung tới chỗ vắng, hỏi tên họ quê quán nhà cửa của y, sau đó chấp tay cảm tạ nói "Tôi vốn là người Hà Nam, nhà có vạn lượng vàng, nhưng khổ nỗi mấy ngàn dân đói hàng ngày cứ tới cửa xin ăn, dù cho có dốc hết kho lẫm ra cũng không giải quyết được gì. Vì thế chỉ còn cách lấy cớ kho lẫm rỗng không, rồi nhà ra đi, lưu lạc giang hồ ăn xin. Nhưng phải mang con gái đã lớn và vợ cùng đi cùng nên có nhiều điều bất tiện, hàng ngày không những khiến người ta dòm ngó mà còn sợ con cái tập nhiễm thói hư ở chợ búa, nên trong lòng không khỏi lo lắng. Hôm nay ông trên đường giúp đỡ, quả là một người thành thật, tuy chỉ một đồng cũng khiến người ta cảm kích không quên. Thế này nhé, tôi tình nguyện gả con gái cho ông, ông thấy sao?". Kim Dung bất giác cả mừng, đây đúng là chuyện hay bỗng dưng trên trời rơi xuống, bèn nói "Cho dù chúng ta ngẫu

(1) Chư Hồi Hương, *Mình Trai tiểu thức*, quyển 6, *Nguyên vi cái*.

nhiên gặp nhau nhưng cũng chưa chắc là không có duyên. Đã đời ơn lão nhân gia người biết tới, nhưng chuyện hôn nhân đại sự không dám cưỡng vọng tự mình làm chủ, để tôi trở về thưa lại với cha mẹ rồi sẽ quyết định". Buổi chiều về nhà vừa kể lại với cha mẹ xong đã thấy vợ chồng người ăn mày đưa con gái trẻ đẹp tới. Cưới nhau được một tháng, con gái người ăn mày thấy cả nhà Kim Dung đều vô cùng trung hậu rất yên tâm, bèn đưa những châu ngọc cất giấu trong người cho chồng làm vốn buôn bán. Không đầy vài năm họ Kim đã trở thành một nhà giàu có nổi tiếng trong vùng. Dùng một đồng tiền mà phát tích, được vợ đẹp giàu có, nhất thời khiến mọi người hâm mộ khen ngợi, có thơ rằng "Huy sai hoàng kim bất kế niên, Hà bằng bác đắc mỹ nhân liên? Na tri tuyệt đại như hoa mạo, Chỉ hoán khan nang nhất cá tiền" (Dầu phải nhiều năm phí bạc ròng, Chắc gì người đẹp đã xiêu lòng? Nào ngờ dung mạo như hoa thắm, Chỉ đổi tiền lưng có một đồng)⁽²⁾. Truyền thuyết này không chỉ kể việc một người giàu có làm ăn mày mà còn phản ánh sự phản ứng của tầng lớp ăn mày nghèo khổ đối với quan niệm khinh rẻ của xã hội, hoặc có ý lấy chuyện lạ để châm chọc người đời đồng thời kéo lại sự quân bình trong tâm lý của họ, rõ ràng thuộc một tư tưởng xử thế mang nội dung nhân quả báo ứng tiêu cực. Đó là sự răn dạy người đời, đồng thời cũng là sự an ủi giải trí cho mình.

Ngoài ra còn có khá nhiều người giả dạng ăn mày để tiến hành các hoạt động làm hại trị an xã hội như lừa đảo, trộm cắp, lừa manh, từ thời Tống Nguyên trở đi ngày càng nghiêm trọng. Thậm chí cả những bà già ăn mày hơn sáu mươi tuổi cũng mang lòng lừa đảo. Ví dụ một câu chuyện ở Hàng Châu thời Thanh mạt. Lúc ấy ở Hàng Châu có đồ đưa khách qua sông ban đêm, đi hàng trăm dặm là nam nữ chen

(2) Hứa Thu Trà, *Văn kiến dị từ*, quyển 1, *Nhất tiên tri phú*.

chúc, có điều giữa đôi bên có ván ngăn cách. Huyện Nhân Hòa (tức huyện Tiền Đường hoặc Hàng huyện) có một thiếu niên khinh bạc họ Trương, tự cho mình là kẻ phong lưu. Đêm ấy y đáp thuyền tới Phú Dương, trên thuyền thấy ngăn bên cạnh có một phụ nữ hướng về y như cười mà không phải cười, bèn cho rằng nàng có ý với mình. Lúc chèo ba, phần lớn khách trên thuyền đã ngủ, lúc ấy Trương Mỗ cảm thấy bên kia vách có người thò tay qua vuốt ve hạ thể. Y cả mừng, tuột quần cho bên kia mặc ý sờ mó, lại đưa tay qua mò, thì đối phương quả nhiên là phụ nữ. Lúc ấy bèn bò qua, đôi bên không ai nói câu nào, cùng nhau thả sức vui thú. Đến lúc gà gáy, Trương Mỗ nhòm dậy muốn trở về ngăn mình, nữ nhân kia lại ôm chặt không buông, y cho rằng đối phương yêu thương mình, lại càng phóng túng. Đến gần sáng Trương Mỗ vừa thấy nữ nhân nằm dưới người mình mái tóc bạc trắng, bất giác cả kinh thất sắc. Người ấy nói "Ta vốn là ăn mày ở đầu phố, năm nay đã hơn sáu mươi tuổi không chồng không con, cũng không có thân thích, đang buồn vì không nơi nương tựa, đêm lại may đội ơn chàng thương yêu. Tục ngữ nói Một đêm làm vợ chồng ơn nghĩa trăm ngày. Bây giờ người là chồng ta, ta không cần một đồng sinh lễ cũng xin theo người, có cháo ăn cháo, có cơm ăn cơm, thế nào?". Trương Mỗ vừa quần vừa sợ, la lớn kêu cứu. Khách trên thuyền nghe thấy giật mình thức dậy ai cũng bò ra cười, sau cùng khuyên y tặng mười lượng vàng, bà già ăn mày mới bỏ qua⁽³⁾. Bà già ăn mày đáng ghét nhưng cũng đáng thương, chứ thiếu niên Trương Mỗ hoang đường tự cho rằng mình đáng yêu thì không ai thương xót.

Lại như tháng 9 năm Đạo Quang thứ 17 nhà Thanh (1837) phía nam chùa Tam Tháp ở Hòa Trung có người phụ

(3) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biển loại, Cái bà trá khi Mỗ thiếu niên*, Trung Hoa thư cục bài ấn bản, tr. 5407 - 5408

nữ họ Vương, ở cách nhà mẹ không xa. Lúc ấy vừa xong vụ gặt, bèn làm một ít bánh đưa về nhà cho cha mẹ nếm. Chồng nàng vì hôm sau phải vào thành bán vải nên bảo về mau. Vương thị vâng dạ rồi dắt một đứa con trai đi, không biết vì sao đến tối vẫn không thấy về. Sáng hôm sau người chồng qua nhà bố vợ hỏi, nói là không thấy tới, tìm suốt một hồi không có kết quả, chỉ còn cách trở về. Hôm ấy y ra khỏi cửa đi dọc theo đê sông, tới cách phía bắc núi Vạn Thọ khoảng một dặm, xa xa thấy bờ bên kia có một chiếc thuyền, vội gọi dò bên sông mau chớ tới đó, thấy hai người ăn mày đang giành giật thức ăn với nhau. Một người cầm bánh chửi người kia "Hôm qua sư phụ thấy người không xin được tiền nên không cho ăn mà đem giỏ bánh này thưởng cho ta, người giành cái gì!". Y tới gần nhìn kỹ thì rất giống với chỗ bánh vợ mình làm tới qua. Lúc ấy bèn hỏi người ăn mày "Sư phụ người lấy ở đâu ra giỏ bánh này vậy?". Người ăn mày nói "Tối hôm qua có một phụ nữ dắt một đứa nhỏ gọi sư phụ tôi chèo đò, sư phụ ghé thuyền vào bờ, đón họ xuống thuyền, có mang theo cái giỏ bánh này, bây giờ còn thừa mấy cái". Người kia nghe xong liền chạy về báo cho cha vợ, lập tức họp mười mấy người cầm gậy gộc lên thuyền bắt hai người ăn mày. Kế lục soát trên thuyền phát hiện trước thuyền sau thuyền có rất nhiều khạp, chất đầy những xác chết cụt đầu cụt tay, có mới có cũ. Có một cái khạp nhỏ, miệng khạp niêm phong, mở ra xem thì đúng là đầu vợ con của y, máu còn ròng ròng chưa khô, bèn giải cả lên quan xét xử. Đến khi quan huyện thẩm vấn, chúng đều khai thật ra không hề sợ sệt. Nguyên hai người ăn mày ấy chèo thuyền đi lại trên sông hồ, chuyên bắt cóc trẻ con, sai làm ăn mày, ai không phục tùng là giết ngay, đủ thấy sự hung ác tàn nhẫn⁽⁴⁾. Ở huyện thành Mỗ thời Thanh có một chỗ ăn mày sinh sống, có mấy gian

(4) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Côn biển loại, Cái trác trợ bao thuyền đi hành biển*, tr. 5416 - 5417

phòng, người ta gọi là Nhà ăn mây (Hóa tử viện). Từng có kẻ hiểu sự đùa tởm tặng một đôi câu đối như sau "Tuy phi tác hoạn kinh thương khách, Khước thị tàng long ngoạ hồ đường" (Chẳng phải nghề đi buôn làm quan, Cũng là chốn rồng nằm cạp ắn)⁽⁵⁾. Chỉ một câu mà vạch trần trong đám ăn mây có đủ thành phần phức tạp, rõ ràng là một nơi chứa chất sự nhơ bẩn, đủ thấy sự đa đoan phức tạp bên trong.

Người thời cận đại là cha con Từ Kha đối với ăn mây lại có cách nhìn khác, có thể coi là đại biểu cho một quan điểm của người thời cận đại. *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Từ Tân Hoa đối vu khất cái chi quan niệm* chép con gái thứ hai của Từ Kha là Từ Tân Hoa cho rằng đám người rong chơi lêu lổng không thể tự mình vươn lên, nếu giáo dục phát triển thì không đến nỗi bệnh lâu không khỏi. Tuy nhân khẩu ngày càng tăng nhưng sinh kế ngày càng khó, hàng ngoại tràn ngập thị trường, hàng nội bị chèn ép, số người thất nghiệp ngày càng nhiều, nếu không ngăn chặn nguồn lợi của quốc gia bị rò rỉ ra ngoài thì đất nước sẽ ngày càng nghèo, nhân dân cũng sẽ ngày càng khổ. Cứ thế kéo dài, công nghiệp trong nước sa sút, ngay những vật dụng thường ngày cũng đều là hàng ngoại nhập vào, thì tình hình ăn mây trong toàn quốc cũng khó mà thay đổi. Nói với gia phụ (tức Từ Kha), bàn về chuyện này, gia phụ nói "Quan niệm của ta về ăn mây từng thay đổi bốn lần. Ban đầu là thương xót, cùng là con người, mà chúng ta không phải lo lắng cơm áo, chỉ có họ đói rét ; kế đó là oán hận họ, cho rằng bọn ăn mây lười biếng thành nết, không muốn tự mình làm lụng sinh sống ; qua vài năm, lại cảm thấy thương xót họ, cho rằng xã hội không có cách giáo dục phù hợp, khiến cho họ không còn cách nào để sống còn, trách nhiệm không thuộc về họ ; lại qua vài năm, lại cảm thấy rất đau đớn, chỉ hy vọng gạt bỏ họ ra khỏi

(5) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Hóa tử viện liên*, tr. 5474

đời sống". Ý tứ là những người này lười biếng thành nết, nếu không có hạn hán lụt lội và bệnh dịch để đào thải họ thì sẽ gây ra nguy hại với người tốt, vân vân. Kiến thức ấy phần lớn có đạo lý nhưng cho rằng thiên tai có thể đào thải ăn mày, cho rằng đó là xu thế thì không khỏi có chỗ thiên lệch không công bằng, cũng không phù hợp với thực tế. Trong quần thể ăn mày thì người và ma lẫn lộn, cỏ lúa cùng sống, há lại có thể coi là một, gạt bỏ tất cả sao ! Và lại thiên tai nhân họa cũng tạo ra cảnh đói khổ bần cùng, là một nguyên nhân cơ bản sản sinh ra ăn mày, tai họa càng nhiều đất nước càng khó khăn, ăn mày cũng sẽ nảy sinh không dứt, trong đó bọn lưu manh trộm cướp lại càng dễ cậy thế làm càn làm bậy, đất nước lại càng không yên ổn, hoặc chính vì thế mà ăn mày trong nhận thức của người ta mặt này là đáng thương nhưng mặt khác cũng có chỗ đáng ghét, hình tượng ấy rốt lại không thể khiến người ta mến mộ ưa thích. Cũng có thể là trong sự thương xót ăn mày, luôn luôn ẩn giấu thái độ đề phòng hoặc chán ghét.

Mâu thuẫn trong cách nhìn nhận về ăn mày của mọi người phù hợp với một quần thể phức tạp chứa đầy mâu thuẫn, tức ở chỗ đó là một kết cấu bí ẩn. Về điểm này nếu nhìn từ các loại hình ăn mày đủ loại, thì có thể thấy rõ một chút. Thời cận đại có người căn cứ vào các phương thức ăn xin mà chia ăn mày ra làm mười một loại như sau ⁽⁶⁾ :

1. Loại ăn mày cầm gậy bùng bát đi xin trên đường trong xóm là nhiều nhất, kể là loại hành khất quỳ lạy đập đầu bên đường, kể là loại cao giọng van xin nài nỉ. Họ đều có thứ bậc, chia ra đông tây đỏ trắng. Cường ép để xin là loại đỏ, nài nỉ để xin là loại trắng, còn hai loại đông tây chưa rõ.

2. Loại ăn mày chuyên phục dịch các cửa hàng hoặc

(6) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Cái chi chủng loại*, tr. 5472 - 5474

gia đình có đám cưới đám ma để xin tiền thưởng, lúc ăn xin có chia rõ địa bàn, không thể vượt ranh giới qua khu khác xin tiền thưởng, trở thành một loại quy định nghề nghiệp. Tiền thưởng nhiều ít là dựa vào nhà chủ giàu nghèo khác nhau. Đồng thời đám này còn làm việc phục dịch ở các đám cưới đám ma, cũng được một số tiền thuê.

3. Loại ăn mày lang thang khắp nơi trên giang hồ, tới đâu thì xin tiền đám ăn mày ở đó, mỗi năm tới một nơi một đôi lần, có lúc cũng tới cửa hiệu hay nhà dân để xin.

4. Loại ăn mày đi lại trên giang hồ biểu diễn để xin ăn, lưu lạc khắp nơi, không ở hẳn chỗ nào, có kẻ ca hát hý khúc, tình ca, hoặc sơn ca, Liên hoa lạc, có kẻ quay chén như để chén trên đầu, dùng ngón tay hoặc mũi xoay cái chén, thuộc loại tạp kỹ, có kẻ biểu diễn nuốt dao, nuốt quả cầu sắt, có kẻ thì diễn rấn, như cho rấn chui vào lỗ mũi rồi chui ra miệng. Tất cả những loại ấy là dùng cách biểu diễn thu hút mọi người, mỗi khi diễn xong một trò hoặc đến chỗ then chốt thì xin tiền người xem.

5. Loại ăn mày cu li, có kẻ giúp đỡ làm một số việc tay chân nặng nhọc, như giúp phu xe kéo xe lên dốc, qua cầu, có kẻ làm việc khiêng vác hành lý.

6. Loại lấy sự tàn tật làm vốn để xin tiền người qua đường, trong đó có kẻ mù, kẻ què hoặc tay chân lở lói máu mủ đầm đìa. Có người lấy thân hình quái dị làm vốn xin ăn, như tay chân dính làm một, đầu to ở khúc cuối, có kẻ dùng thuốc độc tự phá hủy khuôn mặt khiến tai, mũi, miệng, mắt đều chỉ còn một cái lỗ nhỏ. Sự dị dạng của loại người tàn tật làm ăn mày này phần nhiều do kẻ xấu gây ra, bắt họ dùng đó để ăn xin thu lợi.

7. Dùng thủ đoạn bịa đặt thêu dệt làm người ta thương xót để xin xỏ, hoặc bịa là mình tìm người thân không gặp phải lưu lạc quê người, hoặc bịa là cha mẹ mắc bệnh phải

ăn xin để tròn đạo hiếu, hoặc bịa là trong nhà có người chết không tiền chôn cất, hoặc cố ý tạo ra sự tàn phế trên cơ thể như trên mặt mũi có mụn độc, máu me đầm đìa để xin tiền, là loại ăn mày hóa trang.

8. Cường ép để xin, giở trò vô lại. Có kẻ là phạm nhân đi đày, có kẻ là ác côn, xin tiền không được là bộc lộ bộ mặt vô lại, dùng dao rạch thân thể hoặc cánh tay khuôn mặt của mình, lấy máu uy hiếp người ta, đến khi được tiền thì thôi.

9. Lấy việc buôn bán những đồ vật lặt vặt như ráy tai làm cơ để xin xỏ, chủ yếu là làm tai mất cho trùm ăn mày.

10. Ăn mày phụ nữ, loại này phần lớn không có nghề nghiệp tài năng gì, hoặc bị tàn tật, hoặc nguy trang để lừa đảo xin tiền.

11. Loại ăn mày đàn ông đàn bà đi chung, có kẻ vào chùa miếu dọn dẹp tro than giúp người ta để xin tiền, có kẻ đứng bên đường phủi bụi bặm cho người ta để xin tiền.

Ngoài ra còn có loại ăn mày chữa bệnh bán thuốc coi bói, có kẻ mang theo con nhỏ ăn xin, có kẻ mang theo người già hoặc người bệnh đi xin, nhiều trò nhiều vẻ, đủ mọi kiểu xấu xa trên đời. Rất nhiều những trò hoa dạng nói trên đều là lưu truyền từ xưa, đến nay vẫn thế, phần lớn là lừa đảo để xin tiền. Một quần thể như thế làm sao bảo người ta không chán ghét ! Huống chi trong đó lại che giấu rất nhiều hoạt động tội phạm khiến người ta phải lên án như trộm lộn, hãm hiếp, trộm cắp, đâm chém. Nhưng cho dù như thế mà trước nay mọi người vẫn tự động mắc lừa, để những trò lừa đảo ấy lừa gạt lừa gạt, cứ như ai cũng thiện lương. Một số người biết rõ, không đếm xỉa gì tới cứ bỏ đi, một số người lại chủ động nhiệt tình bộc lộ lòng từ ái đối với những kẻ ngu dốt ấy, mà thủ đoạn của ăn mày thì muôn lần biến hóa không rời gốc, xưa nay đều thế, hình thành một loại á văn hóa đặc biệt lưu

truyền. Cứ thế trong số ăn mày bị sinh kế bức bách rơi vào chỗ ấy cũng ngày càng nhiều bọn tội phạm, mọi người bị hý vọng phát khổ, ai biết ai là ăn mày thật, ai là ăn mày giả ! Lại ai có thời giờ đâu mà phân biệt ăn mày giả hay thật !

Đó đúng là một thế giới thần bí đầy rẫy tội ác mà người và ma lẫn lộn khó phân biệt.

2. Xã hội văn hóa đất đai sản sinh ra ăn mày

Tục ngữ nói, người ta lấy ăn làm trời. Nói tóm lại người ta không đủ cơm áo, lại không có cách nào để mưu sinh thì sẽ đi tới chỗ ăn xin, lưu lạc làm ăn mày. Những cuộc điều tra về ăn mày hiện nay phần lớn tựa hồ đều chú ý tới các câu hỏi về hoàn cảnh. Nhưng đối diện với loại hành khất đủ trò xấu xa mà hỏi họ : Tại sao anh không nghĩ gì tới thể diện để làm người, thì câu trả lời sẽ rất tự nhiên cắt ngang : Nếu đói thì còn kể gì tới thể diện, muốn thể diện thì chỉ còn cách chết đói chết rét thôi, người ta tới mức này thì còn kể gì tới thể diện ! Họ nói thẳng ra như thế khiến người ta phải kinh ngạc, tựa hồ còn có một đạo lý nhất định, phù hợp với logic, sẽ cảm thấy đồng tình. Nhưng nếu anh nhìn thấy một mặt khác của họ - vì tiền thì việc xấu nào cũng làm, có tiền thì trời hoa đất rượu, uống rượu chơi gái, lại có vô số ăn mày thỉnh thoảng về nhà gửi lại một món tiền lớn... thì sau khi trợn mắt há miêng, anh sẽ vô cùng phần nộ căm ghét. Nhưng không bao lâu khi lại đối diện với khuôn mặt đáng thương, nài nỉ van vỉ của họ, anh sẽ lại động lòng trắc ẩn, sẽ rút ra một phần trong số tiền mình định mua vật dùng mà suy đi nghĩ lại lại thôi mà nhét vào bàn tay run rẩy của họ. Ô, bản tính tự nhiên của con người mới kỳ quái làm sao, mà những linh hồn lầm lạc đầy tội ác kia lại có được my lực đáng giận như thế. Ai ngờ trong việc phía sau đó thường xuyên xuất hiện hàng loạt tội ác lại bao gồm cả sự giúp đỡ của anh. Mà

những tội ác ấy lại trực tiếp làm ô nhiễm, phá hoại hoàn cảnh trị an của xã hội, trật tự cộng đồng tốt đẹp mà trong đó anh sinh sống. Không còn nghi ngờ gì nữa, đây là một vòng tròn xấu xa tuần hoàn trong xã hội.

Đồng chí Mao Trạch Đông vào những năm 50 đã phát biểu một luận đề nổi tiếng "Ngoài những đặc điểm riêng, đặc điểm chung nổi bật của sáu trăm triệu người Trung Quốc là một là nghèo hai là trắng. Điều đó thoạt nhìn là dở, nhưng thật ra là hay. Nghèo thì nghĩ tới việc thay đổi, muốn hành động, muốn làm cách mạng. Một tờ giấy trắng không vướng vớ gì sẽ dễ viết lên những bài văn, dễ vẽ lên những bức tranh mới nhất hay nhất"⁽⁷⁾. Tư tưởng ấy từng cổ vũ chúng ta từ một nước lớn nghèo khổ tự lực cánh sinh gian khổ phấn đấu, đạt được những thành tựu nhất định. Nhưng nó lại bị bẻ cong thành niềm vinh dự, vui vẻ về sự nghèo đói và "Nghèo hết mức" thể hiện rõ triết học ăn mày kiểu tinh thần AQ. Mình thì áo rách khổ dây mà với người ngoài lại phóng khoáng ban phát, lấy đó để tự khen ngợi mình. Đồng thời còn tự mình đóng cửa, làm ra một giai đoạn lịch sử khiến người ta không biết dùng lời gì để gọi tên. Trung Quốc xưa nay vốn có một quan niệm giá trị văn hóa đáng sợ, là "Cười người nghèo không cười kẻ làm đi", trực tiếp dẫn tới một khía cạnh ngược lại của quan niệm tư tưởng "Nghèo sẽ nghĩ tới việc thay đổi", nghèo hèn cũng trở thành mảnh đất màu mỡ cho tội phạm. Một mặt là những quan niệm "Người nghèo có chí khí của người nghèo", "Người nghèo có cốt cách của người nghèo" ; một mặt thì "Cười người nghèo không cười kẻ làm đi" trụy lạc và tội ác, là biến thái về tâm lý, là bẻ cong nhân cách. Đó đều là những thực tế lịch sử mà mọi người cùng nhìn thấy. Vì thế từ một góc độ khác mà nói, nghèo khổ cũng là một mảnh đất màu mỡ nảy sinh tội ác, loại nghèo

(7) *Giới thiệu nhất cá hợp tác xã* (Giới thiệu một hợp tác xã), Nhân dân xuất bản xã, 1958, tr. 2

khổ này bao gồm sự nghèo khổ về cả kinh tế lẫn tinh thần, là một nguy cơ tiềm tàng trong đời sống xã hội. Sự nảy sinh của ăn mày và quá trình bên trong chính là một sự thật lịch sử như thế, đủ để người ta phải suy nghĩ lại thật sâu xa.

Trung Quốc là một quốc gia đông dân có nền văn minh nông nghiệp lâu đời. Tuy trong lịch sử cũng trải qua mấy lần thanh bình phồn vinh, nhưng sự bần cùng và lạc hậu thủy chung vẫn như bóng ma trở đi trở lại trên đại lục lâu đời. Có thể nói từ lâu con ma nghèo khổ đã hưởng thụ sự cúng tế, sự thành kính của mọi người trong lịch sử, có lẽ chính vì thế nó mới dùng dằng lưu luyến không chịu bỏ đi. Là một nước lớn có nền văn minh nông nghiệp nổi tiếng trong lịch sử, mà mỗi khi có chiến tranh, lụt lội hạn hán, thiên tai nhân họa thì người đầu tiên chịu tai nạn là nông dân, kể là dân nghèo ở các thành thị. Số dân nghèo may mắn thoát chết không biết làm sao mà sống chỉ còn cách dắt díu vợ con bốn ba rời bỏ quê hương tìm đường lánh nạn, đến nỗi bán vợ đợ con, ruột thịt chia lìa, mỗi người tìm đường sống riêng cho mình. Như vậy họ đã trở thành nguồn nguyên liệu cơ bản nhất cho ăn mày, khu vực ăn mày trở thành nơi thu dung những nạn dân nghèo khổ gặp nạn. Đi ăn xin để sống, lại thêm ganh nặng tâm lý, việc bề cong tâm hồn, tổn hại nhân cách vốn rất nghiêm trọng, ai muốn sống qua những ngày không dám nhìn người, không dám ngẩng đầu đau khổ như thế ! Nghèo đã trở thành người bạn thường xuyên của ăn mày, là một chữ nghi tới là run sợ. Nếu có cách thoát được thì quyết không sống bằng nghề này, ăn chén cơm này, bày hàng với loại người này. Cái gọi là "cười người nghèo không cười kẻ làm đi" chính là sự biến dạng của tâm lý bị bề cong ấy. Mà phụ nữ nhà lành luân lạc làm kỹ nữ, thực chất cũng là cách thức ăn xin đặc biệt đưa thân xác ra bán, đưa nhân cách ra bán. Bởi vì thu nhập thực tế của họ hoàn toàn kém xa với cái giá mà họ phải đưa ra.

Bất kể quần thể ăn mày phức tạp thế nào, bất kể lịch sử phát triển, lan tràn của ăn mày ra sao, nhưng việc họ dung chứa tội ác thì nguồn gốc vẫn là vì nghèo khổ không còn cách nào sinh sống, đến nay vẫn không thiếu loại ăn mày như vậy. Còn trong vương quốc ăn mày ngày càng có nhiều hồn ma tội ác bí mật thì đó là sản phẩm nảy sinh từ hiện tượng ăn mày, đã trở thành bọn tội phạm khoác áo ăn mày, có đủ tính chất lưu manh. Cho dù đám cận bã của xã hội văn minh này ngày càng nhiều hơn trong quần thể ăn mày, đã gần như trở thành chủ thể, nhưng vẫn là bọn lưu manh tội phạm lấy việc xin ăn làm chiêu bài, tức ăn mày chuyên nghiệp. Kể cả một số hiện tượng ăn mày có nghề nghiệp nhưng không lo làm ăn và sự hình thành tổ chức đoàn thể ăn mày, thì hoàn toàn vì tính chất ấy mà khiến quần thể ăn mày rơi xuống tận đáy, trở thành mụn ghẻ độc lở loét trên cơ thể của xã hội văn minh. Mụn ghẻ độc này liên kết với các loại tội phạm xã hội thành một thể, trở thành một mối hại lớn không thể coi thường trong lịch sử văn minh của loài người. Mà hiện tượng ăn mày là một mối hại lớn có tính lây lan mạnh mẽ đáng sợ, chính vì vậy nên trong một thời gian dài không thể diệt trừ tận gốc, việc vì bản cùng phải đi ăn xin khiến ăn mày kéo dài không dứt không phải là nguyên nhân chủ yếu, quan trọng hơn là kinh tế, văn hóa của xã hội không phát triển, văn minh thấp kém làm nảy sinh tội phạm, cứ chiếm lấy và lợi dụng tấm áo ấy, mảnh đất ấy, tập hợp tất cả các loại tội ác thành một thể.

Thời Đường có một văn nhân được nhà thơ lớn Đỗ Phủ đề cao là Nguyên Kết, tự Thứ Sơn, hiệu Mạn Lang, Ngao Tẩu, sinh năm 719, mất năm 772, thơ văn rất chú trọng tới việc phản ánh hiện thực chính trị và tình trạng đau khổ trong đời sống của nhân dân. Lúc ấy ông từng viết một bài *Khất cái luận*, bàn về kiến giải của mình đối với ăn mày⁽⁸⁾.

(8) *Cổ kim đồ thư tập thành, Bắc vật hồi biên, Nghệ thuật diễn*, quyển 815, *Khất cái bộ, Nghệ văn*.

Đại ý ông nói là : Ngày rằm tháng giêng năm Thiên Bảo thứ 7 (748) đi dạo chơi ở kinh đô Trường An, tác giả từng kết giao với ăn mày. Gia như có người nói, anh như thế mà lại làm bạn với ăn mày, chẳng phải là quá hèn hạ sao ? Ông nói, cổ nhân vì không tìm được bạn bè ở làng xóm nên lấy núi mây làm bạn, không tìm được bạn bè ở quê hương nên lấy tùng bách làm bạn, ở nơi không có người quân tử có thể kết giao thì lấy đàn rượu làm bạn. Đi chơi ở kinh đô gặp được người quân tử nên kết giao với ăn mày. Cái gọi là người quân tử hiện nay, tôi e rằng còn không bằng người bạn của ông ta! Ăn mày có lý lẽ của ăn mày, anh đã nghe qua chưa ? Tôi đã kết bạn với ăn mày, sau khi nói rõ lời thỉnh cầu, người bạn ăn mày bèn nói, có phải anh xấu hổ vì tôi là ăn mày không ? Thật ra chưa biết trên đời còn ai đáng xấu hổ hơn không đấy. Cứ thử nhìn xem hiện nay trên đời có ai không xin dồng dôi, xin cưới vợ, xin danh vị, xin thể diện ở người khác ! Thậm chí còn giống bọn già nò, tỳ nữ vô sỉ khúm núm lạy lục dưới đất để xin xỏ kẻ quyền quý... Có kẻ còn tệ hơn, vì có điều cầu xin mà hòa vào bọn tôi tớ của kẻ khác, để bảo toàn mạng sống mà lạy lục dưới gấu quần các tỳ thiếp của quan lớn, dám xin ở tôn miếu mà không dám xin với vợ con, bất kể thế nào, chẳng lẽ không xấu hổ sao ! Sở dĩ tôi chống gậy cầm bát đi xin trên đường không phải vì cần cơm thừa canh cặn mà là muốn có quyền lợi cơm áo như người trong thiên hạ, nếu không thì cũng thẹn làm người sống trên đời. Xin áo cơm là vì khôn cùng không còn cách nào, vì thế không cảm thấy xấu hổ, mọi người ai không cần cơm áo. Không phải ông muốn giữ vẹn cái đạo của bậc quân tử sao ? Đó chính là đạo của bậc quân tử đấy. Cho dù anh may mắn hay rủi ro mà luân lạc tới bước này, thì chẳng qua cũng nên cầm bát mà chống gậy gõ làm ăn mày như tôi, học câu nói xin cơm để lòng dạ vô si của ăn mày được người đời bao dung, ai cũng không vì mình thế nào mà khinh bỉ chọc ghẹo ăn mày. Về việc này, Nguyên Kết cho rằng câu ấy của ăn mày đủ để biến thành một bộ *Cải luận* "Để bổ sung cho quy củ đương thời".

Từ bài văn mượn lời một người ăn mày đàm luận phúng dụ, châm biếm thời thế này mà nhìn thì rõ ràng nhân cách của ăn mày theo ý nghĩa ban đầu là vì nghèo phải làm ăn mày lại càng chật chội. Những lời nghiêm túc đứng đắn ấy lại cho chúng ta một thông tin quan trọng có liên quan tới lịch sử ăn mày, giải thích ra thì là dưới thời Đường, ít nhất là đến niên hiệu Thiên Bảo của hôn quân Lý Long Cơ trị vì thời Nguyên Kết thì quần thể ăn mày Trung Quốc về cơ bản vẫn còn vì khốn cùng mà phải luân lạc ở nơi chợ búa thôn xóm, vẫn còn là một quần thể ăn mày "chính tông" theo ý nghĩa ban đầu ; hoặc ít nhất vào thời kỳ ấy lưu manh cũng vẫn chưa chiếm thành phần chủ yếu trong ăn mày, bọn ác ôn vô lại vẫn chưa chiếm địa vị chủ đạo trong vương quốc ăn mày. Sự sa đọa mang tính tập thể của xã hội ăn mày sớm nhất cũng là từ thời Đường, Ngũ đại trở đi, qua thời Tống, Nguyên đến Minh, Thanh càng bộc lộ rõ ràng. Còn trước đó xem trong các sử liệu ngoài những chuyện hay lạ, đức hạnh có liên quan tới ăn mày thì phần lớn chỉ phản ánh tình cảnh vì nghèo khổ bức bách phải lưu lạc bốn phương làm ăn mày, bị thế gian coi thường, làm nhục thế nào. Thử xem vài ví dụ dưới đây :

Thời Chiến quốc, nước Tề có người ăn mày là dân nghèo chạy nạn thường xin ăn ở chợ búa, bị người ta ghét bỏ, không ai cho cái gì. Không biết làm sao, y chỉ còn tới một nhà nuôi ngựa họ Điền làm thấy lang ngựa kiêm quét dọn chuồng ngựa để sống. Người trong thành cười nhạo y, nói "Làm thấy lang ngựa để sống, người không thấy xấu hổ à ?". Người ăn mày ấy nói "Trên đời không có nghề nào nhục nhằn bằng ăn mày, ta làm thấy lang ngựa chẳng lẽ hèn hạ hơn làm ăn mày sao ?"⁽⁹⁾. Địa vị của thấy lang ngựa trước nay vốn nổi tiếng hèn hạ, nhiều đời vẫn coi là nghề nghiệp thấp kém.

(9) *Liệt tử, Thuyết phù thiên*, theo *Cổ kim đồ thư tập thành, Bác vật hồi biên, Nghệ thuật điện*, quyển 815, *Khất cái bộ, Kỹ sự chi nhị*.

Người trong thành ghét bỏ một kẻ ăn mày, bắt y phải làm thấy lang ngựa lấy việc lao động để mưu sinh, vốn là một việc hay, nhưng lại nhân đó mà mỉa mai châm chọc, há chẳng phải là lại bức bách y phải trở lại luân lạc đầu đường cuối hẻm sao ? Thiên kiến của người đời rất sâu khiến ăn mày cũng không biết thế nào là đúng, không biết theo đường nào.

Thời Ngụy Tấn, dưới Vĩ Kiều ở Trường An có người ăn mày Hán Dương Sinh, thường đi xin ăn trong chợ. Người trong chợ rất chán ghét y, lại hắt cứt đá lên người. Lúc y bỏ đi rồi quay lại xin, thì quần áo lại sạch sẽ không thấy vết dơ bẩn như cũ. Quan trên biết được, bèn sai người bắt về đóng gông, nhưng y vẫn đi xin ăn trong chợ như cũ. Đến khi bị bắt lần thứ hai suýt bị đem ra giết, y mới rời khỏi nơi ấy không đi xin nữa. Nhưng những kẻ từng hắt cứt đá vào y không biết vì sao mà nhà cửa đều hư nát, lại có hơn mười người chết. Vì vậy nhất thời ở Trường An truyền tụng một câu ngạn ngữ "Gặp ăn mày, cho rượu ngon, để tường vách khỏi hư mòn" (Kiến khát nhi, Dữ mỹ tửu, Dĩ miễn phá ốc chi cữu). Ý tứ là gặp phải ăn mày thì ngàn vạn lần nên cho họ ăn uống ngon lành, nếu không sẽ gặp tai họa⁽¹⁰⁾. Câu chuyện này vốn chép trong *Liệt tiên truyện*, lại thấy trong bộ kinh điển nhà Phật *Pháp uyển châu lâm*, là một câu chuyện truyền kỳ dân gian dùng cách nói nhân quả báo ứng để khuyên răn người đời không nên coi rẻ làm nhục ăn mày. Thật ra có thể vì Hán Dương Sinh ngấm ngấm trả thù nên những người kia nhà hư người chết.

Lại như nhà văn Thám Ước (441 - 513) nổi tiếng trong lịch sử nhà Lương thời Nam Bắc triều từng làm tới

(10) Tấn Thiên Bảo, *Sưu thân ký*, quyển 1, Trung Hoa thư cục giới thiệu doanh hiệu chú, 1979, tr. 8. Xem thêm *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Bác vật hồi biên*, *Nghệ thuật diễn*, quyển 815, *Khất cái bộ*, *Ký sự chi nhĩ*.

chức Thượng thư lệnh. Nhưng lúc ông còn nhỏ lại rất cô đơn nghèo khổ, từng bị cơm áo bức bách phải tới xin xỏ bạn bè người thân, được mấy trăm斛 gạo. Nhưng nếu trong họ hàng có ai lấy đó để làm nhục, thì ông lập tức nổi giận đổ bỏ tất cả số gạo xin được, giận dữ bỏ đi. Sau khi ông phát tích trở nên giàu sang, thì không để bụng chuyện đó⁽¹¹⁾. Lúc ấy Thẩm Ước chỉ mới xin xỏ họ hàng chứ chưa lưu lạc đầu đường xó chợ xin ăn mà đã bị khinh miệt như thế, nếu nghèo khổ đến nỗi phải làm ăn mảy thì gặp cảnh ngộ thế nào có thể biết được. Quan niệm của thế tục là như thế, vì thế ngược lại lại làm nảy sinh vô số hành động nghĩa hiệp giết kẻ giàu giúp người nghèo qua các đời, hình thành hàng loạt phong tục tập quán mong giàu tránh nghèo, ai cũng sợ có ngày sẽ luân lạc làm ăn mảy. Đồng thời, người ta cũng bị loại thành kiến giết người không thấy máu ấy giam hãm rất chặt. Loại tâm lý ấy vốn lẽ ra có thể giúp sức cho lòng thương xót trời sinh, bố thí cho ăn mảy, nhưng mọi người lại theo với trào lưu của quan niệm thế tục mà khinh rẻ làm nhục, vô cùng coi thường ăn mảy, thật đáng than thở. Nhưng trong truyền thống văn hóa của dân tộc Trung Hoa, hiện tượng tâm lý đầy mâu thuẫn ấy, quan niệm đầy mâu thuẫn ấy quả thật có rất nhiều, không thể kể xiết. Văn hóa của dân tộc Trung Quốc chính phát sinh, phát triển và tích lũy lại trong tâm lý mâu thuẫn đặc biệt ấy.

Lại như trong niên hiệu Long Đức (921 - 923) lúc hoàng đế Chu Diên cuối cùng của nhà Hậu Lương thời Nam Bắc triều trị vì, có một người ăn mảy tên Trương Hàm Quang, xin ăn khắp nơi, đương thời lại có một người ăn mảy tên Lưu Nguyệt Minh. Hai người bọn họ đi xin có cùng một đặc điểm là đều mang rất nhiều thìa dũa theo. Mỗi khi gặp những nhà giàu đùa giỡn cướp thìa dũa thì lại lấy cái khác

(11) Sử Vi, *Thẩm Ước truyện*, theo *Cổ kim đồ thư tập thành, Bắc vật hồi biên, Nghệ thuật điện*, quyển 815, *Khất cái bộ, Kỳ sự chi nhị*.

trong tay áo ra. Lúc Phò mã nhà Lương là Gián nghị Ôn Tích coi phủ Khai Phong, Trương Hàm Quang lập tức tới gõ cửa từ biệt nhà giàu kia, nói tôi muốn tới chỗ Ôn Gián nghị. Người ta hỏi anh đi chuyến này có ai giới thiệu vậy? Trả lời là theo ghi chép mấy năm gần đây, chuyến đi này nhất định sẽ xúng ý. Đại gián từng làm bài *Phá sơn tiếm long cung thượng lương văn* nói "Mạn đầu tự uyển, Chứng bính như ly, Sướng sát Lưu Nguyệt Minh Chủ hạ, Hỷ sát Trương Hàm Quang Tú tài" (Mạn đầu tựa cái chén, Bánh chưng như cái lồng, Sướng chết Chủ hạ Lưu Nguyệt Minh, Mừng chết Tú tài Trương Hàm Quang) xem đó đủ biết nhất định sẽ được đoái tưởng. Người nghe đều bật cười⁽¹²⁾. Xem đó đủ biết lúc bấy giờ tuy ăn mày gõ cửa xin ăn chịu đủ nhục nhà nhưng phần lớn đều không quá phạm làm điều bậy bạ, cho dù phóng dăng làm chuyện mao hiểm cũng không đến nỗi gây hại cho thôn xóm. Đương nhiên cũng có người trả thù mà phá hỏng nhà cửa người ta, đưa người ta vào chỗ chết như Hán Dương Sinh, nhưng đó là loại hành động bị bức bách phải tự vệ, khác xa bọn người lấy việc ăn mày để làm ác, càng không thuộc loại lưu manh ác côn. Trong đó lưu manh ác côn cũng không then cùng hàng với ăn mày, về thực chất cũng không có đạo đức bằng ăn mày. Tóm lại xem trong các sử sách thì có rất ít những việc ăn mày làm ác gây hại. Điều này có liên quan với những người ăn mày nghĩa hiệp lấy đạo nghĩa làm gốc về sau, nhưng cũng là chỗ cho quần thể ăn mày sa đọa thành tập đoàn tội phạm lưu manh về sau lấy làm nơi dựng cờ chiếm đất, cung cấp điều kiện cho họ lợi dụng, từ đó khiến quần thể xã hội này ngày càng sa đọa, cuối cùng biến chất trở thành một loại ung độc ác tính không ngừng di căn lây lan trên cơ thể của xã hội văn minh.

Nhưng đặt vào lịch sử bản cùng kéo dài không dứt và

(12) *Cổ Kim đô thư tập thành, Bắc vật hồi biên, Nghệ thuật diễn*, quyển 815, *Khất cái bộ, Danh lưu liệt truyện chi tam*.

truyền thống văn hóa dân tộc chứa đầy mâu thuẫn nội tại như thế, thì việc xóa bỏ hiện tượng ăn mày có hại hoàn toàn không phải là việc dễ như trở bàn tay trong một ngày một buổi, mà là một công trình to lớn xử lý tổng hợp cải tạo xã hội, thúc đẩy xã hội không ngừng hướng tới văn minh, phát triển.

Chương 2

Vua chúa và ăn mày

** Tấn Văn công trải qua việc lưu vong xin ăn khai sáng nghiệp bá * Hậu chủ Bắc Tề xây dựng nhà đột thôn hoang trong hậu cung, đích thân đóng vai ăn mày đi xin để làm vui * Yến Anh khuyên Tề Cảnh công thu dưỡng trẻ em hành khất * Tống Thái tông bày kế giết ăn mày để ra oai * So sánh văn hóa giữa Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương ăn mày phát tích với Hitler từ ăn mày trở thành kẻ đứng đầu Nazi thời hiện đại * Đại Nguyên soái Bành Đức Hoài không quên chuyện lúc nhỏ làm ăn mày * Mối duyên giữa người ăn mày Nghèo không sợ với hoàng đế Chính Đức nhà Minh: Ăn mày làm việc tốt, Hoàng đế làm mai dong*

Trong lịch sử Trung Quốc không chỉ có loại vua chúa một thời luân lạc làm ăn mày, mà trong một số hoàn cảnh lịch sử lớn hoặc hoàn cảnh ngẫu nhiên nhỏ cũng cung cấp các điều kiện và cơ hội thú vị cho mối duyên giữa vua chúa và ăn mày, vì thế xuất hiện rất nhiều truyền thuyết hay lạ. Các ví dụ ấy không những có thể dùng làm tư liệu tìm hiểu lịch sử, khảo sát xã hội mà còn có thể từ đó phân tích, nhìn suốt sự nối tiếp về quan niệm truyền thống văn hóa của dân tộc cũng như hàng loạt mâu thuẫn cố hữu trong đó, từ đó giúp người ta

so sánh rõ ràng, thay đổi nhận thức một cách sâu sắc về xã hội, đánh giá lịch sử, tiến hành suy nghĩ lại một cách sâu sắc về lịch sử và văn hóa, từ hiện tượng phân tích ra cội nguồn, từ lối quanh phat hiện ra đường thẳng. Trong những hiện tượng phức tạp của xã hội, đây cũng là một cách thức quan sát, một góc độ tìm hiểu. Các ghi chép bất kể trong chính sử hay dã sử, tiểu thuyết đến nay đều là những sử liệu cực kỳ quý giá.

Ngoài việc phải giải quyết vấn đề ăn mỳ trong chính sự và đề ra các chính sách chế định tương ứng, các câu chuyện về vua chúa và ăn mỳ phản ánh quan hệ phức tạp của đời sống con người. Việc ăn no giàu nghèo trong đời sống vật chất và tinh thần của con người trên đời không phải nhất thành bất biến, và lại vua chúa là người, ăn mỳ cũng là người, đều có sự tao ngộ, kinh lịch và hoàn cảnh xã hội văn hóa khác nhau. Như vậy cũng là chuyện đời, những hiện tượng trên đời không điều kỳ lạ nào không có, cho dù là bậc "Con trời" ngồi trên cao cai trị muôn dân đời cũng phát sinh nhiều quan hệ với bọn ăn mỳ không được kể vào cả cừu lưu, đúng là trời đất tuy lớn mà nhỏ.

Trong lịch sử Trung Quốc có một vị vua chúa nổi tiếng từng trải qua mười chín năm lưu vong xin ăn là Tấn Văn công Trùng Nhĩ làm vua nước Tấn thời Xuân thu năm 636 trước Công nguyên. Trùng Nhĩ là con Tấn Hiến công. Trước khi cưới Lệ Cơ, Tấn Hiến công có ba trai một gái, tức Thân Sinh, Trùng Nhĩ, Di Ngô và Mục Cơ. Về sau Hiến công đem quân tấn công Lệ Nhung (một chi của Tây Nhung) được Lệ Cơ, sau sinh được một con trai là Hề Tề. Lệ Cơ được Hiến công sủng ái, sách phong làm Phu nhân, lại muốn lập Hề Tề làm Thái tử. Lệ Cơ vì lợi ích thiết thân, muốn trừ mối họa tiềm ẩn cho việc Hề Tề làm vua trong tương lai, trước tiên xúi Hiến công đẩy ba người con trai kia ra ba nơi ngoài biên giới, về sau lại gièm pha bức tử Thân Sinh, sai quân và thích

khách truy sát Di Ngô và Trùng Nhĩ. Di Ngô binh bại thành mất, chạy qua nước Lương (nay thuộc phía nam huyện Hàn Thành tỉnh Thiểm Tây), Trùng Nhĩ cũng thoát tay thích khách, mang bọn Hồ Mao, Hồ Yên mấy người tùy tùng thân tín tất tả chạy qua nước của mẹ mình là nước Địch. Trong thời gian đó, nước Tấn liên tiếp phát sinh nhiều biến cố to lớn. Sau khi Di Ngô, Trùng Nhĩ chạy khỏi nước Tấn, Hề Tề được lập làm Thế tử. Không bao lâu Hiến công mắc bệnh nặng, bèn nhờ đại thần là Tuân Tức phò tá Hề Tề lên ngôi. Hiến công chết, Hề Tề mười một tuổi nối ngôi làm quốc quân, phong Tuân Tức làm Thượng khanh, chuyện này bị Lý Khắc, Phí Trịnh kịch liệt phản đối, sai người trà trộn vào quân ngự lâm, mượn việc chôn cất Hiến công giết chết Hề Tề. Lê Cơ lại lập con trai của em gái mình là Trát Tử làm vua, bí mật thuê thích khách nhân dịp đưa tang trừ khử hai người Lý Khắc, Phí Trịnh. Bọn Lý Khắc tương kế tựu kế, lấy khẩu hiệu "Thân oan cho Thái tử, nghênh lập Trùng Nhĩ làm vua" giết người thân tín của Lê Cơ là Đông Quan Ngũ, lại giết Trát Tử, chém chết Tuân Tức, đánh chết Lê Cơ. Nước không thể một ngày không có vua, nhà không thể một ngày không có chủ. Di Ngô không tiếc cất đất tặng vàng, dưới sự giúp đỡ của Tần Mục công mà về nước lên ngôi làm vua, tức Tấn Huệ công. Huệ công không những lạm sát công thần lương tướng, thất tín phụ nghĩa, mà còn phái thích khách Bật Đề ám sát Trùng Nhĩ vì sợ Trùng Nhĩ trở về giành ngôi. Lúc ấy Trùng Nhĩ nghe tin chỉ còn cách rời khỏi nước Địch đã nương náu mười hai năm, trốn qua nước Tề. Lúc lên đường, người hầu là Đầu Tu chuyên quản lý áo quần vật dùng lại cuỗm hết tiền bạc trốn đi, khiến bọn Trùng Nhĩ rơi vào hoàn cảnh khốn khổ.

Chạy qua nước Vệ, Vệ Văn công vẫn ám ức về việc năm trước Tấn không giúp Vệ xây dựng kinh đô nên cự tuyệt không tiếp tế. Lại trốn tới Ngâu Lộc (nay ở phía nam huyện

Bộc Dương tỉnh Hà Bắc), đã vô cùng đói khát, xin cơm nông dân, người nông dân lại cho một nắm đất⁽¹⁾. Chỉ có cách đi tiếp, nhưng người mệt ngựa đói, Trùng Nhĩ vừa mệt vừa đói nằm gối đầu lên tùy tùng. Lúc hái rau đào củ luộc ăn cho đỡ đói, Giới Tử Thôi cắt một miếng thịt đùi của mình luộc chín dâng cho Trùng Nhĩ, khiến ông ta cảm kích rơi lệ. Sau đó họ còn mấy lần lưu vong vất vả, cuối cùng nhờ Tần Mục công giúp đỡ, đến năm 636 trước Công nguyên lên ngôi vua nước Tấn, tức Tấn Văn công. Văn công ở ngôi chín năm, trước tiên kết minh với nước Tần, trở thành mối quan hệ "Tần Tấn" nổi tiếng trong lịch sử, về sau dẹp yên được cuộc nổi loạn của Vương tử Đới, nộp cống cho Chu Tương vương, cứu Tống phá Sở, xưng bá chư hầu, trở thành một trong Ngũ bá thời Xuân thu. *Tả truyện* cho rằng Trùng Nhĩ thành công là nhờ "trời giúp", nhưng thật ra phải nói đó là sự gian khổ trong mười chín năm lưu vong xin ăn, nương dựa người khác đã đưa tới cho ông mưu lược và tài trí, ở một mức độ nhất định đã làm thay đổi bản chất phù phiếm, cầu an, yếu đuối ở một vị quý công tử trong ông, khiến ông trở thành một chính trị gia lão luyện giàu tài năng. Trong thời đại ấy không những không có vị vua nào có công nghiệp sánh ngang Trùng Nhĩ mà điều quan trọng hơn còn là họ đều không có được kinh nghiệm gian nan vất vả của ông.

Trên đây là một trường hợp rất sớm trong lịch sử từ chỗ lưu lạc ăn mày mà rèn luyện phát tích, cuối cùng trở thành quân vương có công nghiệp đứng đầu một thời.

Theo *Bắc Tề thư* của Lý Bách Dục thời Đường, quyền

(1) *Sử ký. Tần thế gia* chép "Người làm ruộng bỏ hòn đất vào tô dâng lên". *Tả truyện. Hy công nhị thập tam niên* chép "Tần công tử Trùng Nhĩ gặp lúc hoạn nạn... qua Vệ, Vệ Văn công không lấy lễ tiếp đón. Ra tới Ngũ Lộc, xin cơm người làm ruộng. Người làm ruộng cho hòn đất. Công tử tức giận, định đánh y. Tử Phạm nói: Trời cho đất đấy, công tử bèn cúi đầu nhận lấy mang đi".

8 *Đế kỷ đệ bát*, ấu chúa Bắc Tề Cao Hằng lên ngôi hoàng đế năm Long Hoa thứ 2 (577), lúc bấy giờ mới tám tuổi, đổi niên hiệu là Thừa Quang nguyên niên, tôn Hậu chủ Cao Vĩ làm Thái thượng hoàng. Nhưng y chỉ làm được hoàng đế một năm thì nước bị diệt. Ông vua tám tuổi đối với việc mất nước thì có trách nhiệm gì, nếu gạt bỏ những nguyên nhân khác không bàn thì người chịu trách nhiệm trực tiếp phải quy về Thái thượng hoàng tức Hậu chủ Cao Vĩ tối tăm vô đạo, hoang dâm trụy lạc. Trong thời gian y chấp chính, gian thần đầy triều, kéo bè kết đảng làm rối loạn chính sự, giết hại hiền tài. Về việc này, Cao Vĩ suốt ngày không hề hối tởi, thì y đi đâu? Có bao nhiêu thời gian đều dốc vào việc yến ẩm xa hoa. Theo sử sách, y phong tất cả các nữ tỳ nhỏ trong cung làm Quận quân. Trong cung ăn ngon mặc đẹp, có trên năm trăm người. Vả lại một cái quần đáng giá hàng vạn tấm vải, một cái gương đáng giá hàng ngàn lượng vàng, mọi người đua nhau xa xỉ khoe khoang, thậm chí áo mặc buổi sáng buổi chiều đã không dùng nữa. Hoàng đế cho rằng đó là chuyện đương nhiên. Vì thế lại sửa chữa cung điện, xây dựng Yển vũ Tu văn đài, dựng Kinh điện, Bảo điện, Đại mạo điện ở các cung của Phi tần, đều rường chạm cột vẽ, nổi tiếng một thời, ngoài ra còn xây dựng mười hai viện vô cùng tráng lệ ở Tấn Dương. Nhưng y không thích gì lâu, hôm nay xây dựng thì vài hôm sau đã có thể phá đi xây lại, khiến thợ thuyền phải thấp thỏm làm việc cả ban đêm, mệt mỏi không được lúc nào nghỉ ngơi. Chỉ đúc một tượng phật lớn ở Tây Sơn Tấn Dương mà một đêm phải dùng tới hàng vạn chậu dầu, ánh lửa soi tới tận hoàng cung. Lại xây dựng chùa Đại Từ cho Hồ Chiêu nghi, chưa xong đã xây chùa Đại Bảo Lâm cho Mục hoàng hậu, vô cùng khéo léo, chớ đá lấp ngôi, phí tổn mấy trăm vạn, còn người ngựa bị chết thì không biết bao nhiêu mà kể. Thức ăn của con ngựa y cưới có hơn mười món, còn xây cho nó một gian chuồng riêng để lúc nó động cựa giao phối thì đích thân tới xem. Chó của y ăn cơm và thịt, ngựa và chim

ưng cũng thế. Những người được phong Quận quân thì đá gà đua ngựa không gì không làm. Đòi các nơi phải bắt rết để nuôi gà, một đêm phải nộp ba thăng.

Điều đáng ghét mà cũng khiến người ta dờ khóc dờ cười nhất là vị thiên tử đương triều này còn xây dựng một số nhà dột thôn hoang trong vườn Hoa Lâm tại hậu cung, cỡi áo hoàng đế ra mà mặc quần áo rách rưới làm ăn mày đi xin cơm. Còn đóng vai kẻ bán hàn, ra chợ búa mua bán. Y cho người mặc áo đen đóng giả làm quân Khương, giống trống ầm ầm, lại đích thân dùng cung tên bắn lại. Từ Tấn Dương đông tuần, y một mình một ngựa, áo quần rách rưới tóc tai rũ rượi trở về. Những chuyện như thế rất nhiều, là thiên tử đương triều mà không lo gì cho dân, lại sau lúc xa xỉ cùng cực lại tìm thú vui trong cuộc sống ăn mày đói rét để thỏa mãn tâm lý méo mó. Trong các vua chúa Trung Quốc, quả thật đây là một chuyện rất kỳ lạ. Về việc này các sử gia bình luận rằng "Lại ưa thích bọn tầm thường, ủy nhiệm cho việc triều chính, trong chỗ màn trướng dâm dục xa xỉ quá độ, cái triệu diệt vong là ở đó chăng?... Phụ tá là bọn a hoàn trong cung, thuộc hạ là đám cung phi dâm dăng, buông lòng dục vọng, thỏa ý kiêu xa, lời ngạn có câu Theo điều ác như núi lở, ý nói chuyện đó rất dễ dàng. Trong năm Vũ Bình, ngày càng suy vi, ít tiếp triều sĩ, không lo chính sự, một ngày muôn việc đều ủy thác cho kẻ hung tàn. Trong cây màn trướng, ngoài nhà ty luận, oai võ hung tàn, chí mong trái đạo; hại người hại vật, cờ bạc không chán, buôn quan bán tước, lòng tham khó đầy. Lại thêm danh tướng có mầm họa, trung thần bị tru lục, đã thấy cái triệu diệt thân, cái điềm mất nước, Chu Vũ thừa cơ giành thiên hạ, đáng buồn làm sao! Nhưng Kiệt Trụ là tội nhân, sự tiêu vong cũng mau lẹ, là lẽ tự nhiên vậy... Tề sau Hà Thanh, Lệ cuối Vũ Bình xây dựng cung điện không thôi, tuyển chọn phi tần không dứt, thuế má hết mức, sức người kiệt quệ, vật sản không thể cấp lòng cầu, sông ngòi không thể thỏa ham

muốn. Đó gọi là lửa đã lớn còn chất củi thêm vào, số đã cùng vẫn làm ác kéo lại, mong hè lớn không đổ, kéo dài quá sức, chẳng cũng khó sao! Từ đó mà nói thì sự bại vong của họ Tề đại khái cũng do người chứ không phải chỉ vì đạo trời vậy!⁽²⁾ vân vân. Ai bảo mình không phải, thân đứng đầu muôn dân mà không những không hỏi tới điều đau khổ của dân gian lại đóng vai ăn mày làm vui, làm sao được lòng dân! Ngoài việc sụp đổ mau lẹ thật không thể có kết quả nào khác. Trong lịch sử Trung Quốc, Hậu chủ nhà Bắc Tề làm ăn mày một đạo, nhưng không phải vì bị cảnh ngộ bức bách làm ăn mày thật, mà là vì tâm lý méo mó chế giễu người đời, người trong ăn mày đến nay cũng không hề lấy đó làm điều vinh dự, đó cũng là một tiếng vọng mang đủ sức mạnh phê phán chỉ trích của lịch sử.

Trong các vua chúa Trung Quốc tuy không thiếu bọn tối tăm ngu xuẩn nhưng vì bảo vệ địa vị của mình, phần lớn đều ra sức thực hiện đức chính, nhân chính, cho dù chỉ là vẻ bề ngoài để trang sức thì cũng thử một lần. Về điểm này, Cao Vĩ lại không khỏi bộc lộ sự ngu xuẩn đặc biệt. Tương truyền thời Xuân thu, Tề Cảnh công thấy trẻ ăn mày xin ăn dọc đường, nói đây là đứa trẻ không có nhà mà về. Tể tướng Yên Anh đứng cạnh lập tức nói có người gánh vác trách nhiệm làm vua thì sao chúng lại không có nhà mà về? Nếu phải người thu dưỡng bọn chúng, mọi người sẽ làm theo như thế⁽³⁾. Ý ở ngoài lời, là không phí hơi sức thu dưỡng một đứa trẻ ăn mày như thế thì có thể thu được sự khen ngợi và quy thuận của trăm họ đối với nhà vua, khiến quốc quân được tiếng tốt có nhân chính. Lại như năm 976, Tống Thái tông Triệu Linh

(2) Lý Bách Dục, *Luận ngữ*, xem *Bắc Tề thư* quyển 8, *Để ký đệ bát*, Trung Hoa thư cục, 1972, tr. 114 - 117

(3) Việc chép trong *Án tử Xuân thu*, theo *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Bác vật hồi biên*, *Nghệ thuận điển*, quyển 815 *Khất cái bộ*, *Kỷ sự chi nhĩ*.

nổi ngôi làm vua, đổi niên hiệu là Thái Bình Hưng Quốc, lúc nào cũng lo lắng về việc làm sao cho mọi người trong ngoài đều phục tùng mình. Một hôm trong chợ ở kinh thành có người ăn mày không xin được gì, bèn dựa cổng chửi mắng. Tuy chủ cửa hiệu mấy lần ra xin lỗi nhưng y vẫn chửi mắng không ngớt, khiến hàng trăm người xúm lại xem. Chợt trong đám đông có một người bước ra đâm chết người ăn mày rồi vút dao bỏ chạy. Lúc ấy trời đã tối, mọi người không bắt được hung thủ. Hôm sau Thái tông nghe tin cả giận, nói đây là học theo mối loạn thời Ngũ quý, lớn mật giết người giữa ban ngày, lập tức ra hạn bắt về trị tội. Hữu ty sợ quá hạn phải chịu tội, về sau truy cứu mới biết chủ nhân cửa hiệu kia tức giận không kìm được đã giết người ăn mày. Dem án tình trình lên nhà vua, Thái tông cao hứng nói "Khanh như thế là dụng tâm tận chức, đương nhiên là lập công vì ta, nhưng hãy đưa thanh đao giết người lên đây". Không bao lâu lại trình khẩu cung và thanh đao lên. Thái tông nói "Đã thẩm tra chưa?", thưa "Đã thẩm tra rồi". Lúc ấy Thái tông sai nội thị bên cạnh lấy vỏ đao của mình ra, cắm thanh đao vào vỏ, phất tay áo đứng lên nói "Thế này há không phải giết oan người ta sao!". Té ra đó là Tống Thái tông mượn việc tra cứu người giết kẻ ăn mày để lấy lòng dân và ra oai với mọi người, một mũi tên bắn trúng hai đích. Đồng thời không những giết người ăn mày vô tội (rất có thể là giả trang ra), mà người chủ cửa hiệu bị Hữu ty truy cứu cũng chịu cực hình về tội giết người, cũng là một mũi tên bắn trúng hai đích, giết oan hai mạng người. Dùng máu đổi quyền uy, đưa ra cho mọi người hình ảnh về một vị thiên tử yêu dân như con không tha cả kẻ nóng giận giết chết một người ăn mày hèn hạ. Qua thật Triệu Linh không uống phí tâm tư, con trai đại gian thần Thái Kinh thời Tống là Tử du các Thị chế Thái Điều đã chép lại chuyện ấy trong quyển bút ký *Thiết vi sơn tùng đàm* lấy việc ca ngợi công đức, khoe khoang thái bình làm tôn chỉ chủ

yếu⁽⁴⁾. Nhưng công tội ngàn thu thì người sau tự có công luận. Người có mắt không khó khăn gì nhận ra đây là một vụ án cố ý tạo ra hiếm có trong lịch sử, trên bộ mặt giả làm ra vẻ nhân chính của Triệu Linh còn tô đậm vết máu tươi oán hận của người chết oan. Đối với bậc thiên tử hiền hách thì tính mạng của dân đen tầm thường còn chưa ra gì, huống hồ là một kẻ ăn mày sao!

Trước mặt những ông vua như Tề Cảnh công, Tống Thái tông, thì Cao Vi cũng là vua một thời còn thua xa. Nhưng so với Tống Thái tông thì y lại chỉ lấy việc đóng vai ăn mày xin ăn để làm vui chứ hoàn toàn chưa giết người, nên cũng ít nhiều có ưu thế riêng.

Trong các vua chúa Trung Quốc còn có một vị thiên tử xuất thân ăn mày, đó là Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương. Vả lại ông ta cũng không phải là một người ăn mày bình thường mà là một người ăn mày đi khắp bốn phương dưới bệ ngoài của một nhà sư hành cước. So sánh người này với Hậu chủ Cao Vi nhà Bắc Tề xuất thân từ "giống rồng" thì không khỏi có chỗ chênh lệch. Nhưng đoạn đời lưu lạc làm ăn mày ấy của Chu Nguyên Chương lại là đoạn đời quan trọng, một cơ duyên khó lòng gặp được đối với việc ông ta phát tích lên ngôi hoàng đế, khai sáng triều đại về sau.

Chu Nguyên Chương sinh ngày Đinh sùu tháng 9 năm Thiên Lịch thứ 1 thời Nguyên (1238) trong một gia đình nông dân nghèo khổ ở thôn Cô Trang tại Chung Ly Hào Châu (nay là huyện Phượng Dương tỉnh An Huy). Huyện Phượng Dương là huyện nghèo nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, không những nổi tiếng về điệu Đánh trống hoa (Hoa cổ hý) mà còn nổi tiếng về ăn mày đến tận ngày nay. Cho nên

(4) Thái Điều, *Thiết vi sơn tùng đàm*, Trung Hoa thư cục, 1983, quyển 1, tr. 3 - 4. Xem thêm *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Bác vật hồi biên*, *Nghệ thuật diễn*, quyển 815 *Khất cái bộ*, *Kỷ sự chi từ*

trong hoàn cảnh địa lý văn hóa như vậy thì việc này sinh một người ăn mày như Chu Nguyên Chương vốn không có gì lạ. Nhưng người ăn mày này về sau lại lên ngôi trở thành hoàng đế khai quốc của triều Minh, thì không khỏi khiến người ta tặc lưỡi coi trọng. Năm Chí Chính thứ 4 (1344) Chu Nguyên Chương 17 tuổi. Lúc bấy giờ Hào Châu bị nạn hạn hán, cào cào và bệnh dịch tàn phá nặng nề, nông dân vừa bị đói vừa mắc bệnh, không sao sống được. Cha mẹ và một người anh của Chu Nguyên Chương vì nghèo đói bệnh tật nối nhau chết, người anh thứ hai cũng tha hương lánh nạn, Chu Nguyên Chương bèn tới chùa Hoàng Giác làm một hành đồng phục dịch cho các sư. Như thế cũng có được chỗ yên thân, không đến nỗi chết đói.

Nhưng cảnh đẹp không dài. Sau khi Chu Nguyên Chương tới chùa làm hành đồng hơn 50 ngày, chưa đầy hai tháng thì lại bị bức bách rời chùa làm hành khất vân du, làm sư hành cước, cũng là trở thành ăn mày. Vốn chùa Hoàng Giác trước nay vốn nhờ số địa tô thu được mà không suy vi, chỉ là năm ấy thiên tai nặng nề, bất kể thế nào cũng không thu tô được. Lại thêm lúc bấy giờ phần lớn hòa thượng trong chùa đều có vợ con tới ở cùng⁽⁵⁾, người ăn thì nhiều, lương thực không còn bao nhiêu. Thế thì làm thế nào? Phải nói nhau lên đường xin ăn (hóa duyên) qua ngày thôi. Bàn về lý thì chùa ấy cũng không tệ, người lên đường sau cùng là Chu Nguyên Chương. Nhưng một hành đồng mới vào làm tạp vụ

(5) Đàm Thiên, *Táo lâm tạp trở, Tăng thi thể thất* "Chùa Đại Long Hưng ở Phương Dương, tức chùa Hoàng Giác, còn gọi là chùa Vu Hoàng. Bài *Sắc tăng luật* của Thái tổ nói: Các tăng nhân có vợ, ngoài các lão tăng tiền bối, đều nhân lúc loạn lạc cuối thời Nguyên trời nổi tới địa phương, lúc ấy họ đều có vợ con, nay vì tuổi già không nói tới, còn những sư trẻ hơn có vợ thì tuy sánh vai với bậc trưởng bối hay là người dưới đều được làm nhục, không có tội gì. Ngày nay các sư có vợ, cũng không có gì quấy".

chưa đầy hai tháng trong chùa, đã không đọc Phật kinh cũng không biết Phật sự thì tuy cũng đội mũo sư, mặc áo sư, mang mõ gõ bình bát song thật ra chỉ là một kẻ ăn mày. Cứ thế ông ta đi khắp Hợp Phì tỉnh An Huy, Tín Dương, Cố Thủy, Lâm An, Hoài Dương, Lộc Ấp tỉnh Hà Nam lại trở về Mao huyện, Phụ Dương tỉnh An Huy⁽⁶⁾, suốt ba năm chải gió dầm sương, xin ăn dọc đường, chịu đủ khổ cực nhục nhã, tâm tình thế nào có thể biết được. Chính Chu Nguyên Chương về sau cũng nhớ lại trong bài *Ngự chế hoàng lăng bi* như sau "Chúng các vi kế, Vân thủy phiêu dương. Ngã hà tác vi, Bách vô sở trường. Y thân tự nhục, Ngưỡng thiên mang mang. Kỳ phi khả ỷ, Lũ ảnh tương tương. Đột triều yên nhi cấp tiến, Mộ đầu cổ tự di xu quy, Ngưỡng cùng nhai thôi ngôi nhi ỷ bích, Thính viên dề dạ nguyệt nhi thê lương. Hồn du du nhi mệnh phụ mẫu vô hữu, Chí lạc phách nhi hiệp tường. Tây phong hạc lệ, nga tích lịch dĩ phi sương, Thân như bông trúc phong nhi bất chỉ, tâm cồn cồn hồ phí thang" (Mọi người tính kế, Mây nước ngàn phương. Ta biết làm sao, Chẳng chút sở trường. Cậy nhờ thấy nhục, Đất trời mệnh mang. Không nơi nương tựa, Chiếc bóng cô đơn. Sáng gạt mây mù rào bước, Tối vào chùa cổ nấu nung. Nhìn sườn núi chon von lòng chua xót, Nghe vượn kêu trăng dọi ý thê lương. Hồn bơ vơ tìm mẹ cha không thấy, Chí lạc phách mà đoạn trường. Gió thu tiếng hạc, gian khổ xông sương. Thân như cánh cỏ bông xoay chẳng nghỉ, Lòng cuộn sóng như trùng dương). Cho dù sau này nhiều năm làm kẻ đứng đầu muôn dân hiền hách, thì cảnh ngộ trong ba năm làm ăn mày ấy vẫn hiện rõ trước mắt, khắc sâu trong lòng. Cũng chính nhờ trải qua đoạn đời luân lạc làm ăn mày ấy mà người thiếu niên Chu Nguyên Chương đã được mở rộng tầm mắt, kết giao với rất nhiều bạn

(6) Trên đây đều là những tên gọi hiện nay, còn tên đương thời theo thứ tự là Hợp Phì, Tín Dương, Cố Thủy, Nhữ Châu, Trần Châu, Lộc Ấp, Hào Châu, Đình Châu.

bề giang hồ, mở mang kiến thức, đồng thời nó cũng tạo ra tính cách dưng cãm, kiên cường cũng như đa nghi, tàn nhẫn nơi ông ta. Tất cả những điều đó đều trở thành điều kiện tố chất phát sinh ảnh hưởng vô cùng quan trọng và sâu sắc đối với sự thành công về sau. Ăn mày thì đông, có mặt khắp thiên hạ, nhưng hoàng đế xuất thân ăn mày thì cổ kim chỉ có Chu Nguyên Chương hiển hách như thế, cũng là có tố chất cá nhân và cơ duyên lịch sử. Chu Nguyên Chương đi ăn xin trở về làng vừa gặp lúc quân Hồng cân của Quách Tử Hưng khởi nghĩa, đang lúc không có đường nào liên gia nhập trở thành một tên lính dưới nghĩa kỳ. Chỉ trong hơn hai tháng đã được Quách Tử Hưng thăng lên chức Cửu phu trưởng thân binh, đưa vào sủng phủ, coi như tâm phúc, lại gả con gái nuôi là Mã thị cho, tức Mã hoàng hậu sau này. Từ đó, Chu Nguyên Chương phát tích, lại trải nhiều gian khổ, sau cùng mở ra một kỷ nguyên mới.

Đến mãi về sau, ảnh hưởng của quãng đời làm ăn mày ba năm đối với tư tưởng của Chu Nguyên Chương thỉnh thoảng vẫn bộc lộ. Ví dụ ông từng nói với cận thần Tống Liêm (1310 - 1381) "Tần Thủy hoàng, Hán Vũ đế ưa thần tiên, chuộng phương sĩ, bị mê hoặc về chuyện trường sinh, cuối cùng chỉ là không. Giả như họ dùng phần tâm tư ấy để trị nước thì lẽ nào nước không thịnh trị? Theo ta thấy bậc nhân quân mà có thể thanh tâm quả dục, làm cho trăm họ được yên ổn cây cối, có cơm ăn áo mặc, sống khoái hoạt qua ngày tháng thì cũng là thần tiên rồi"⁽⁷⁾. Ông không những xuất thân từ nhà nghèo ở nông thôn mà còn trải qua ba năm ăn xin để sống, tự nhiên hiểu rất rõ tâm lý nhân dân. Vì thế sau khi lên ngôi hoàng đế, "văn sinh hoạt khá đơn giản, rất

(7) *Minh Thái tổ Thực lục*, quyển 29. Đây theo Ngô Hàm, *Chu Nguyên Chương truyện*, Tam Liên thư điểm, Bắc Kinh, 1965, tái bản năm 1979, tr. 292

tiết kiệm, không thích uống rượu"⁽⁸⁾. Thú vị hơn là Chu Nguyên Chương từng là hòa thượng xin ăn, sau khi làm hoàng đế lại trọng dụng một đạo sĩ điên xuất thân ăn mày là Chu Diên. Theo *Chu Diên tiên nhân truyện* do Chu Nguyên Chương đích thân soạn thì Chu Diên năm 14 tuổi mắc bệnh điên cuồng, xin ăn ở chợ Nam Xương. Năm hơn 30 tuổi, vào cuối thời Nguyên, phàm có quan lại mới tới nhiệm sở là nhất định xin được gặp, nói là để "Nói chuyện thái bình". Nguyên Chương đánh chiếm Nam Xương, Chu Diên lại điên điên khùng khùng tới nói chuyện thái bình, Nguyên Chương bị quấy rầy bèn sai người đổ rượu cho nhưng y không say, lại sai người lấy khạp lớn chụp lên người y, chất lửa đốt chung quanh, đốt liền ba lần chỉ ra một chút mồ hôi. Sai y đến chùa Tượng Sơn ở nhờ, hòa thượng tới kiện, nói Chu Diên giành cơm với tiểu sa di. Lại nhốt trong phòng trống, suốt một tháng không cho ăn, y cũng chẳng hề gì. Chuyện ấy đồn ra, tướng sĩ trong quân mời y tới uống rượu ăn cơm, y lại lúc ăn lúc nhổ, chỉ lúc ăn cơm với Nguyên Chương mới theo lễ phép tử tế. Mọi người đều tin phục, cho rằng y đúng là người tiên. Chu Diên tới gặp Chu Nguyên Chương, hát "Sơn Đông chỉ nên lập thành một tỉnh", rồi dùng tay vẽ bản đồ dưới đất, chỉ vào nói với Chu Nguyên Chương "Người phá tan cái thùng (thống) này, làm một cái thùng". Chu Nguyên Chương tây chinh Cửu Giang, trước khi lên đường tới hỏi Chu Diên "Chuyến đi này ra sao?", y ứng tiếng nói "Được.". Lại hỏi "Hữu Lượng đã xưng đế, tiêu diệt y e không phải dễ?". Chu Diên ngẩng đầu nhìn trời, cúi xuống nghiêm trang nói "Trước mặt không có ai đâu". Tới An Khánh quân thuyền xuất phát, lại gặp lúc không có gió, y nói "Cứ đi sẽ có gió, không dám đi thì không có gió", quả nhiên lát sau gió lớn nổi lên, thuyền lướt một mạch tới thẳng núi Tiểu Cô. Hơn mười năm sau,

(8) *Minh Thái tổ Thực lục*, quyển 12, 91, đây theo *Chu Nguyên Chương truyện*, tr. 293

Nguyên Chương mắc bệnh nhiệt gần chết, sư Giác Hiển đi chân đất đưa thuốc tới, nói là của Thiên nhân tôn giả và người tiên Chu Điền gởi, uống vào lập tức khỏi ngay trong đêm ấy⁽⁹⁾. Ngô Hàm nói "Những chuyện thần tích nói trên đều do một mình Nguyên Chương nói ra viết ra. Nói ra toàn là lời lẽ ma quỷ, không có câu nào là lời con người"⁽¹⁰⁾. Cho dù đúng thế thì càng làm rõ thêm về việc Chu Nguyên Chương yêu thích đạo sĩ diên Chu Điền cũng xuất thân ăn mày như mình, không khỏi ngầm mang ý thức và tình cảm Cùng phận thương nhau. Một người vào cửa Phật rồi làm ăn mày, một người là đạo sĩ diên xin cơm, một người ngồi trên làm vua, một người nhờ thân cận mà được sủng ái, không lẽ thì có đôi, kỳ duyên trên đời cũng là trời đất tuy lớn mà nhỏ, ăn mày có duyên với Phật giáo Đạo giáo.

Nói tới Chu Nguyên Chương cũng khiến người ta nghĩ rằng, trong lịch sử văn minh phương Đông đã xuất hiện hoàng đế xuất thân ăn mày, vậy thì phương Tây có không? Có, đó chính là Hitler hiếu chiến đứng đầu bọn Nazi người Đức nổi tiếng khắp thế giới. Hitler lúc còn trẻ tương mạo cao nhâ, lại tìm cách nhìn trộm những người mẫu khỏa thân trong Học viện Nghệ thuật. Loại tính nết lưu manh ấy rõ ràng có quan hệ trực tiếp với việc lúc trẻ y thi rớt trung học luân lạc làm ăn mày. Xã hội ăn mày phương Tây hiện đại cũng giống với quần thể ăn mày ở Trung Quốc từ thời cận đại đến nay, đã biến chất thành nơi tập hợp bè lũ lưu manh, trở thành nơi nung nấu của bọn tội phạm. Chu Nguyên Chương tuy sau khi cầm quyền đã thể hiện rõ tính cách hẹp hòi tàn nhẫn có liên quan với quãng đời lưu lạc làm ăn mày, nhưng qua sự gắn bó với việc nghèo hèn hoạn nạn mà hiểu rõ lòng dân, từ chỗ một lãnh tụ cách mạng nông dân bước lên ngôi

(9) *Kỷ lục hồi biên*, quyển 6, đây theo *Chu Nguyên Chương truyện*, tr. 290

(10) Ngô Hàm, *Chu Nguyên Chương truyện*, tr. 290

hoàng đế khai sáng nhà Minh, "So với các vua chúa phong kiến trong lịch sử, Chu Nguyên Chương là một nhân vật trác việt"⁽¹¹⁾. Còn Hitler sau khi lên ngôi nguyên thủ nước Đức thì không những thi hành chính sách thống trị độc tài Nazi mà còn trở thành kẻ sát nhân gây chiến tranh khắp thế giới. So sánh hai người thì chỗ cao thấp vô cùng rõ ràng. Đủ thấy việc so sánh về mặt văn hóa như thế, đối với việc khảo sát lịch sử ăn mày mà nói cũng có một giá trị khoa học nhất định.

Năm 1909, Hitler hai mươi tuổi một mình tới Viên thi vào Học viện Nghệ thuật Quốc gia không đậu, luân lạc rơi xuống hàng những người thất nghiệp, ăn mày. Y bắt đầu đi tới ga xe lửa làm người vác hành lý hoặc quét rác, dọn tuyết để duy trì sinh kế, tìm không được tiền lẻ đủ sống thì chỉ còn cách đi ăn xin dọc phố hoặc tới trạm cứu tế lãnh thực phẩm cứu tế đỡ lòng. Được một người ăn mày già chỉ dẫn, mỗi ngày y tới nhà thờ thăm hỏi cha cố cũng có thể được bố thí một bữa súp. Một hôm y xin tiền một vị thân sĩ say rượu, lại bị đánh một trận. Ban đêm thì y ngủ đêm ở công viên hoặc bậc cửa nhà người ta, sau cùng không thể không ngủ nhờ ở nhà làm phuộc của một người Do Thái. Về "Thời kỳ buồn bã nhất" này trong cuộc đời, y nguyên rửa hoàn cảnh chung quanh "đối đầu với y", tìm kẻ có tội phải chịu trách nhiệm về những tao ngộ bất hạnh của y, hy vọng về sau "Một lần bay lên tận trời". Cho dù trong trước tác mang đầy tính chủ quan của y đã né tránh đoạn đời này mà lấy việc gọi là làm thợ xây dựng để che giấu, nhưng đoạn đời lang thang ăn mày này rõ ràng có ảnh hưởng rất sâu sắc và lâu dài đối với việc hình thành tư tưởng-tính cách của y về sau. Cứ lấy đoạn tự thuật của y trong quyển *Sự phấn đấu của tôi* làm bằng chứng "Tôi dành toàn bộ thời gian ngoài lúc làm thuê để học tập. Chính vì vậy trong vòng vài năm ngắn ngủi tôi đã xây dựng được cơ

(11) Ngô Hàm, *Chu Nguyên Chương truyện*, tr. 300

sở trí thức, đến hôm nay những điều đó vẫn còn giúp ích cho tôi. Trong thời kỳ ấy, tôi dần dần hình thành nhận thức về thế giới, xây dựng một loại thế giới quan, nó đã trở thành cơ sở vững chắc cho hành động của tôi ngày nay. Về sau đối với cơ sở vững chắc xây dựng được lúc trẻ ấy, tự nhiên tôi phải bổ sung thêm những kiến thức nho nhỏ, nhưng về căn bản mà nói thì không thấy cần thay đổi gì nhiều", đủ để thuyết minh ảnh hưởng sâu xa của quãng đời làm ăn mày đối với sự hình thành thế giới quan trong đời y. Thật ra trong đó y không những né tránh quãng đời nghèo khổ vất vả tuyệt vọng làm tổn thương tới sự tự tôn của mình mà còn đọc rất nhiều sách vở đề cao chủ nghĩa quốc gia cực đoan và tư tưởng dân tộc chủ nghĩa cực đoan lưu truyền trong dân gian⁽¹²⁾.

Lịch sử rút lại vẫn là lịch sử, cần gì phải che giấu hay tô điểm! Chuyện này nếu đem so với phẩm cách quang minh lỗi lạc của Nguyên soái Bành Đức Hoài, nhà cách mạng, nhà quân sự nổi tiếng của Trung Quốc thì khác xa một trời một vực. Nguyên soái Bành Đức Hoài là một trong những khai quốc nguyên huân và người lãnh đạo lỗi lạc của nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa, trong hồi ký của ông lại hoàn toàn không né tránh việc lúc nhỏ từng luân lạc làm ăn mày, mà ảnh hưởng sâu sắc của quãng đời ấy về tính chất lại trong đục chia dòng, khác hẳn Hitler. Thử xem đoạn hồi ký dưới đây:

(12) Đây theo hai tài liệu: một là *Hy Đặc Lặc* (Aldolf Hitler) của Bì đặc - Ba la phu tư cơ (Liên bang Đức), bản dịch của Khương Chí Trung, Quân chúng xuất bản xã, 1983, hai là *Hy Đặc Lặc đoạt quyền bị chiến chi lộ* (Con đường cướp chính quyền gây chiến tranh của Hitler) do Ngô Hữu Pháp biên soạn, Đỗ Văn Đường hiệu đính, Giải phóng quân xuất bản xã, 1987 và *Ước hân - Thác lan, Từng khát cái đảo nguyên thủ - Hy Đặc Lặc nhất sinh* (Từ ăn mày tới nguyên thủ - Cuộc đời Hitler) bản dịch do *Bắc Kinh nhật báo* 1986 giới thiệu trong *Xã hội khoa thư mục* (Thư mục xã hội học), 1988, tr. 213, bản in lần thứ 17.

"Năm tôi đầy mười tuổi tất cả nguồn sống đều bị cắt đứt. Ngày mồng một tháng giêng, nhà giàu bên hàng xóm pháo nổ vang trời, nhà tôi thì không một hạt gạo bỏ vào nồi, bèn dắt em trai thứ hai, lần đầu tiên đi làm ăn mày. Đi tới nhà ông thầy họ Trần ở thác Du Ma, ông ta hỏi chúng tôi có phải là Chiêu tài đồng tử không, tôi nói là ăn mày, em trai tôi (Bành Kim Hoa) lại đáp là đúng, ông ta bèn cho nó nửa chén cơm, một miếng thịt nhỏ. Đến chiều tối hai anh em tôi mới về nhà, chưa kể còn có hai thăng gạo, tôi đã đói mờ mắt, vào cửa là ngã lăn xuống đất. Em tôi nói hôm nay anh chưa ăn chút gì, bà nội bèn nấu một chút canh cải suông cho tôi húp.

Ngày mừng một tính ra cũng đã qua, ngày mừng hai làm sao đây! Bà nội nói "Bốn người chúng ta cùng đi xin gạo vậy". Tôi đứng ở bậc cửa, tôi không muốn đi, đi xin gạo bị người ta khinh rẻ. Bà nội nói không đi thì làm sao được! Hôm qua ta đòi đi thì mày không chịu, hôm nay mày lại không đi, cả nhà đành chịu chết đói à! Gió rét thấu xương, tuyết rơi lả tả, mà bà, một bà già hơn bảy mươi tuổi, tóc bạc phơ phơ, hai bàn chân nhỏ, dắt theo hai đứa cháu nội (em thứ ba của tôi mới bốn tuổi), chống gậy đi từng bước từng bước. Tôi nhìn thấy đúng là như bị dao sắc đâm vào tim, đau xót không sao chịu nổi.

Họ đi xa rồi, tôi cầm dao lên núi chặt củi, bán được mười đồng tiền, mua một bao muối nhỏ, lúc chặt củi phát hiện trong hốc cây khô có một mớ nấm, bèn hái về nấu một nồi, tôi cùng cha và ông bác ăn trước một ít. Đến chiều tối bà nội và hai em mới về, xin được một bọc cơm, lại có ba thăng gạo. Bà nội cho cơm vào nồi canh nấm, gọi ông bác, cha và tôi ăn. Tôi không chịu ăn, bà nội khóc nói "Cơm xin về được, mày

lại không chịu ăn, có ăn thì mọi người cùng sống, không có ăn thì mọi người cùng chết đói thôi!".

Mỗi khi nhớ tới đó tôi lại rơi nước mắt, lại đau lòng. Hôm nay lại như thế. Không viết nữa!

Trong cuộc đời tôi, những chuyện đau lòng như thế, đâu chỉ có vài trăm lần!

...

Cuộc sống nghèo khổ thời niên thiếu ấy có sự rèn luyện đối với tôi. Trong những ngày sau đó, tôi thường nhớ lại những chuyện đã gặp lúc thơ ấu, răn dạy mình không được hủ hóa, không được quên cuộc sống của nhân dân nghèo khổ. Vì vậy về quãng đời niên thiếu đến nay tôi vẫn còn nhớ rất rõ⁽¹³⁾.

Đọc tới đoạn hồi ký chân thành cảm động này, thì phẩm cách cao quý vô tư không hề sợ sệt của vị đại Nguyên soái công huân nổi tiếng mà một đời lẫn dân này chẳng lẽ không khiến người ta thêm phần kính trọng sao!

Có lẽ chính vì hoàn cảnh lịch sử xã hội hoàng đế khai sáng triều Minh là ăn mày xuất thân như vậy nên từ thời Minh Thanh đến nay, trong dân gian có lưu truyền một câu chuyện "Ăn mày làm việc tốt, hoàng đế làm mai dong". Tuy chưa chắc đáng tin, song cũng là bia miệng. Tác giả hý khúc kiêm nhà lý luận hý khúc nổi tiếng trong sử sách là Lý Ngự sống cuối thời Minh đầu thời Thanh từng đem câu chuyện dân gian ấy biên soạn thành một bộ tiểu thuyết thông tục lấy tên là *Khất cái hành hảo sự, hoàng đế tổ môi nhân*. Bài từ *Ngọc lâu xuân* đầu sách nói "Hảo hán từng lai nan đặc bão, Cùng đảo khát nhi do vị liễu. Đặc tiền y cụ tế diên nguy, Cam tử câu cừ thành nga phụ. Khiếu hóa đồng tiền dung dị

(13) Theo *Bành Đức Hoài tự thuật* (Hồi ký của Bành Đức Hoài), Nhân dân xuất bản xã, 1981, tr. 1 - 5

thảo, Khất cái thanh danh nan đắc hảo. Thù giao (giáo) thử bối dã thành danh, Chỉ vị y quan nhân vật thiếu" (Hảo hán xưa nay thường lắm tội, Nghèo làm hành khất vẫn chưa khỏi. Được tiền theo lệ giúp người nguy, Cam chết rãnh ngồi thành quỷ đói. Đi xin tiền đồng cũng dễ hỏi, Ăn mày tiếng tăm khó lòng nói. Ai làm bọn ấy cũng thành danh, Chỉ bởi triều đình ít quan giời), là muốn nói "Trong niên hiệu Chính Đức nhà Minh, có một người ăn mày tốt". Lý Ngư nói "Người đời đã làm ăn mày cũng có thể nói là hèn hạ như bần, không có chí khí đã tới mức cùng cực, sao còn khen ngợi họ? Không biết rằng con đường xin ăn ấy tuy nhục nhã nhưng cũng còn là đường lui của kẻ anh hùng mặt lộ, cửa sau của bậc hảo hán lạc phách, so với những việc xấu thì khác hẳn. Nếu đem nghề nghiệp của người trên đời từ hạng cuối cùng tính lên thì cũng còn là loại người hạng ba. Loại hạ lưu nhất là bọn trộm cướp. Loại hạng hai là bọn kỹ nữ, con hát, nô lệ, binh lính. Loại người hạ lưu thứ ba mới là bọn ấy. Lòng dạ của bọn ấy chỉ vì không chịu làm trộm cướp, không nỡ làm kỹ nữ, con hát, nô lệ, binh lính, nên mới cẩn thận trong việc kết giao, chọn cách thức để sống mới làm nghề ấy. Những người có tiền trên đời nếu gặp bọn ấy đều nên thương xót họ một chút, thể tất họ một chút. Gặp bọn ăn mày yếu ớt, thì nên so họ với loại người hạ lưu hạng hai. Trong lòng nghĩ ngợi, nếu loại người này chịu làm kỹ nữ, con hát, nô lệ, binh lính, thì ở đâu không tìm được miếng cơm để ăn, chút tiền để dùng, mà lại làm việc mưu sinh vất vả như thế. Loại người có việc không làm, thì nhất định là loại người có việc có thể làm, biết đâu lại chẳng phải là Ngũ Tướng quốc thời tiêu, Trịnh Nguyên Hòa lạc phách, bất kể nhiều ít cũng nên chu cấp cho họ mấy đồng, nhất thiết không nên khinh khi họ là vô dụng, đem lời ác độc chửi mắng họ, đem những thức ăn dơ bẩn làm nhục họ. Gặp bọn ăn mày hung dữ thì nên so họ với bọn hạ lưu hạng nhất. Trong lòng nghĩ ngợi, nếu loại người này làm trộm cướp, đang đêm tới cổng, thì đừng nói là tiền bạc trong

nhà đành mặc ý cho họ mang đi, mà ngay cả tính mạng của mình cũng nằm trong tay họ chứ há chỉ một đồng hai đồng tiền, một chén nửa chén cơm thôi sao. Tại sao không bố thí cho họ, mà cứ nhất định ép họ làm trộm cướp. Nếu mọi người đều có lòng dạ như thế để bao dung họ, thì không những điều tốt tới điều xấu đi, tự mình có phú quý được hưởng thụ lâu dài, mà đời sau không có con cháu của bọn ăn mày xấu xa, cũng có thể khiến kỹ nữ bớt dần, giặc cướp ít đi. Cho dù đối với việc chính sự của bậc vương giả cũng không phải không có chỗ giúp đỡ... Huống hồ trước nay trong bọn ăn mày đều có trung thần nghĩa sĩ, văn nhân mặc khách nung nấu, không thể nhìn ngó qua loa. Còn như sau lúc loạn ly, triều mới vừa dấy, con đường ăn xin ấy lại càng là đất chôn dê của bậc trung thần, núi hái rau của kẻ nghĩa sĩ, nơi thoát thân của bọn văn nhân mặc khách bị chôn sống đấy^(*). Phàm những kẻ có nhà không thể vào, không nước để mà về đều nung nấu trong đó. Những người có lòng với thế đạo, rất nên dùng lễ chiêu hiền nạp sĩ, một bữa ăn nhà cơm ba lần, một lần tắm vắt tóc ba lần để lôi kéo họ mới phải chứ tại sao lại đem lời lẽ tàn độc cay nghiệt để làm nhục họ" ⁽¹⁴⁾ vân vân. Đủ thấy Lý Ngự rất có lòng trắc ẩn, đồng tình với những người khổ cực phải luân lạc làm ăn mày vì những lý do khác nhau. Các loại ăn mày mà ông phân biệt phần lớn đều với ý nghĩa là còn chưa sa đọa biến chất, nên mới kêu gọi "Thương xót họ

(*) Ý nói trong hoàn cảnh ấy thì ăn mày là nơi bậc trung thần như Tô Vũ chôn dê ở Hung Nô mười chín năm vẫn không quên nhà Hán, kẻ nghĩa sĩ như Bá Di Thúc Tề hái rau vi trên núi Thù Dương chứ không ăn gạo nhà Chu, những kẻ vô tội như các nhà nho bị Tần Thủy hoàng đốt sách chôn học trò... ẩn núp.

(14) Xem Lý Ngự, *Liên thành bích*, hồi 7, trong *Lý Lạp Ông tiểu thuyết thập ngũ chủng* (Mười lăm bộ tiểu thuyết của Lý Lạp Ông), bản in do người nay hiệu chú, Chiết Giang Văn nghệ xuất bản xã, 1984, tr. 34 - 35. Chuyện kể sau đây là theo bản hiệu chú ấy, nguyên văn xem tr. 34 - 62.

một chút, thể tất họ một chút", lại căn cứ vào đó phủ định tận gốc quan niệm giá trị truyền thống "Cười kẻ nghèo không cười người làm đĩ".

Khất cái hành hảo sự, hoàng đế tố môi nhân kể chuyện vào niên hiệu Chính Đức (1506 - 1521) đời vua Vũ tông Chu Hậu Chiêu nhà Minh, ở Sơn Đông có một người con em nhà thế gia triều trước, vì trọng nghĩa khinh tài lại vì bất bình đánh bọn quan lại mà mất sạch sản nghiệp mấy ngàn lượng vàng, chỉ còn một cây gậy, một cái bát lưu lạc giang hồ ăn xin, nhưng tính nết vẫn không thay đổi. Để tránh làm nhục tới tổ tiên thân thích bèn giấu diếm tên họ, lấy hiệu là Nghèo không sợ (Cùng bất phạ). Y không những đi xin kiếm cơm qua ngày, mà thỉnh thoảng còn "Làm những việc đạo nghĩa, khiến người ta nhìn thấy ai cũng nghĩ thầm kẻ ăn mày mà còn như thế, chẳng lẽ người ta lại không bằng được ăn mày sao?". Ý tứ là Thay việc kêu gọi thay đổi (Khieu hoán chi hoán), Cầm hóa bằng cách hàm mộ giáo hóa (Mộ hóa chi hóa) thành Dạy bằng cách khuyến giáo (Khuyến giáo chi giáo), Cầm hóa bằng cách thay đổi giáo hóa (Biến hóa chi hóa), răn dạy người đời. Nói thế thì đúng là một người ăn mày nhân nghĩa đạo đức có hiểu biết. Về sau, Nghèo không sợ trở thành người được vùng Bắc Kinh, Hà Nam, Sơn Đông, Sơn Tây khen ngợi là bậc danh sĩ hào hiệp trong đám ăn mày.

Một hôm xin ăn trong thành Cao Dương, Nghèo không sợ thấy một phụ nữ trung niên quý trước mặt một vị hương thân vừa dập đầu vừa nài nỉ "Thiên quan lão nhân, còn có tôi đây mà", liền tiếp mấy ngày như thế. Nghèo không sợ động lòng trắc ẩn bước tới hỏi han lý do, người đàn bà kia thấy y là ăn mày, xì một tiếng bỏ đi. Y không biết làm sao đành theo về tận nhà, nhiều lần phân trần hỏi han mới biết được lý do. Nguyên là người đàn bà ấy có một con gái mười sáu tuổi, mặt mũi xinh đẹp. Ba năm trước chồng bà ta là Chu

Mồ qua đời, hai mẹ con nương tựa nhau mà sống. Không ngờ ở vùng ấy có mấy tên ác côn thấy sắc đẹp nảy tà tâm, bịa đặt là lúc chồng bà ta còn sống từng hứa gả cô nương cho y, muốn đón về làm dâu không, thấy bà ta không chịu bèn đem việc kiện tụng ra dọa. Đúng lúc ấy vị hương thân kia lại sai gia nhân tới nói "Lão gia nhà ta nghe nói bọn lưu manh ở địa phương muốn cướp không con gái của bà, vô cùng căm tức, muốn ra mặt giúp bà, nếu bà chịu viết một tờ văn tự, chỉ cần nói là bán cho lão gia nhà ta thì tự nhiên chúng sẽ không dám vọng tưởng nữa. Nếu chúng còn dám tới đây sinh sự với bà, để lão gia của ta đưa danh thiệp giải cả bọn lên huyện, thì sợ gì không đánh gãy mớ xương chó của chúng. Đến khi mọi việc yên rồi, để sáu tháng một năm sẽ giao trả con gái về cho bà, tìm người tốt gả cho là được". Vì thế bà ta tin là "ý tốt", theo đó viết một tờ văn tự bán thân, ghi giá giả là ba mươi lượng bạc, đưa con gái tới tận cửa, nhiều lần dập đầu tạ ơn đức của y.

Không ngờ đến nay đã quá ba năm, chuyện thị phi đã yên, con gái cũng đã lớn, lúc bà ta muốn đón con gái về gả chồng để dưỡng lão thì gã hương thân kia lại nảy lòng bất lương, đòi cưới con gái bà ta làm thiếp. Người đàn bà mới biết đã rơi vào bẫy, không làm sao được đành phải nghe theo. Nhưng vợ gã hương thân lại nổi tiếng ghen tuông nhất thành Cao Dương, lại giở đủ trò hành hạ người con gái, đặt ra quy củ, mỗi ngày đánh một trăm roi da, bắt người đàn bà phải nhận về. Người đàn bà tới nhận thì gã hương thân lại không chịu thả ra, đòi phải theo giá giả trong văn tự tính cả vốn lẫn lãi giao ra mới được nhận con gái về. Tìm không ra tiền, chỉ còn cách mỗi ngày tới trước cổng nhà y dập đầu năn nỉ, hy vọng có thể khiến gã hương thân kia nảy ý từ tâm. Hôm qua con gái ra hiệu nói đến hôm nay đã bị đánh hơn một vạn roi, toàn thân trên dưới bầm tím, không còn chỗ nào lành lặn, nếu không được chuộc về chỉ còn cách chết. Vì thế

bà ta không còn đường nào, hoảng sợ không biết làm sao là tốt.

Nghèo không sợ thấy thế, lúc gấp rút nghĩ ra một cách, rút ra một đỉnh Nguyên bảo được một vị ân nhân tặng cho lúc sắp chết dối trước đây, bảo người đàn bà lấy làm mồi, cầm một tấm thiệp viết chữ tới từng nhà xin giúp đỡ, phía trên đặc biệt ghi rõ "Người ăn mày Nghèo không sợ nổi tiếng khắp nơi vì nghĩa giúp ba mươi lượng chuộc con gái". Nhưng người ta lại coi việc bị một kẻ ăn mày đứng trên làm nhục hoặc vì đỉnh Nguyên bảo lai lịch bất minh của ăn mày, nên chỉ uống phí một phen tâm huyết. Nghèo không sợ chỉ còn cách rút chiếc nhẫn vàng của người ân nhân cứu mạng tặng để khuyên không nên phung phí tiền bạc cùng số tiền lẻ mới xin được giao hết cho người đàn bà chuộc con gái. Nào ngờ lúc bà ta tới chuộc con, gã hương thân kia truy vấn lai lịch số tiền ấy xong lại bảo người đàn bà ngày mai hãy tới. Hôm sau lúc Nghèo không sợ tới nhà bà ta xem đã chuộc con về chưa thì bị một bọn người cho là giặc cướp chặn đường cướp lương tiền, cả người đàn bà cũng bị trói giải lên huyện nha. Té ra nửa năm trước huyện Cao Dương áp giải một số lương tiền về kinh, dọc đường bị đánh cướp toàn bộ, khiến người sai nhân áp tải phải khuynh gia bại sản để bồi thường, lại áp tải lên kinh mới bảo toàn được tính mạng cả nhà. Mà trên đỉnh Nguyên bảo của Nghèo không sợ có khắc dấu ấn của viên sai nhân áp tải và tên người thợ. Tri huyện lập tức dựa vào đó căn vặn đủ điều, ép Nghèo không sợ phải cung khai. Lúc ấy người đàn bà đành nhận bừa, Nghèo không sợ cũng chỉ còn cách chờ chết.

Vậy những món ấy của Nghèo không sợ là từ đâu ra? Nguyên là trước nay y đi ăn xin đều lấy việc không tới xin xỏ lần thứ hai mà nổi tiếng hiệp nghĩa. Trước khi y tới xin ăn ở Thái Nguyên Sơn Tây đã có người mạo danh y xin được nhiều tiền bạc bỏ đi rồi. Lúc Nghèo không sợ thật tới đó, mọi người

đều cho rằng y là ăn mày lừa đảo, không những không cho đồng nào mà còn khinh rẻ hành hạ, khiến y đói lả ngất đi. Viên Tổng giáp nơi ấy cũng muốn nhân dịp thu tiền người chung quanh chôn cất để nhân nước đục thả câu. Hôm ấy tới thu tiền ở một nhà kỹ nữ họ Lưu, người danh kỹ ấy đang cùng một khách chơi đánh cờ. Nghe nói người ăn mày Nghèo không sợ ở Sơn Đông đã chết, liền nhớ lại năm xưa từng được y cho tiền mua quan tài chôn mẹ. Hôm trước y tới xin cơm không nhận ra mình, bèn để dành một tô cơm, hẹn y hôm sau lại tới để tiện dịp báo ơn một phen, ai ngờ mấy hôm không thấy, lại bị chết đói. Người khách chơi biết chuyện, lập tức sai gia nhân đưa năm lượng bạc cho viên Tổng giáp mua quan tài khâm liệm, lại mời hòa thượng tới tụng kinh siêu độ. Người danh kỹ sợ viên Tổng giáp bớt xén, cũng sai gia nhân tới tấn liệm. May là vừa nhắc quan tài lên thì Nghèo không sợ vẫn còn thở ra một hơi, chưa tắt thở hẳn, lập tức đổ cháo cho rồi đỡ tới tạ ơn ân nhân. Người khách chơi bảo y kết nghĩa anh em với người kỹ nữ, nuôi nấng trong nhà. Nhưng Nghèo không sợ cho rằng ăn chén cơm của kỹ nữ là bọn rùa đen, có chỗ mất cả thanh danh tiết nghĩa, uống phí mười năm chịu nghèo đói, sau vài hôm lại mượn cớ cáo từ. Lúc lên đường người khách chơi rút ra một đỉnh Đại Nguyên bảo năm mươi lượng đưa tận tay, bảo y lấy đó làm vốn buôn bán chứ đừng làm ăn mày nữa. Y chối từ không được đành phải nhận. Người danh kỹ lại sợ y tùy tiện đem cho người khác, lại rút ra một chiếc nhẫn vàng (kim giới chỉ) đeo vào tay y, ý nói mỗi lần muốn dùng đỉnh bạc ấy thì nhìn vật này mà nhớ lại lời khuyên của mình, đừng cho người khác mà bị chết đói lần nữa. Ai ngờ chính vì những vật ấy mà y chuốc cái họa sát thân, bị đánh đập lấy khẩu cung xong chỉ còn chờ chết. Tri huyện sai phòng Hình án treo cáo tị, nói Nghèo không sợ là đầu đảng giặc cướp, hiểu dụ bách tính khai báo những người những vật nghi ngờ là đồng đảng của y.

Nhưng hôm ấy Nghèo không sợ cùng Tri huyện, gã hương thân và hai mẹ con người đàn bà lại cùng bị quan trên sai người áp giải lên kinh thành. Một vụ án tầm thường như thế chẳng lẽ lại làm kinh động thiên tử sao? Chuyện rất bất ngờ, rõ ràng quả là hoàng đế Chính Đức đương triều Chu Hậu Chiếu đích thân ngồi trên điện thẩm vấn. Trước tiên hỏi Tri huyện, kế hỏi người hương thân rồi hỏi người đàn bà, sau cùng mới hỏi tới Nghèo không sợ. Nghèo không sợ lập tức theo sự thật nói ra, nói mình bị oan. Chợt thánh thượng cho phép y ngẩng đầu nhìn long nhan, xem có giống phúc tướng của người khách chơi đã tặng đỉnh Nguyên bảo cho y không. Nhưng Nghèo không sợ đời nào dám nói thẳng. Cuối cùng chính hoàng đế cười kể lại nguyên ủy bên trong "Nếu không giống thì hôm nay người đã bị bọn quan hèn cường hào giam chết trong ngục, không được tới đây đâu. Nói thật người khách chơi tặng người đỉnh Nguyên bảo ấy chính là quả nhân. Quả nhân vì muốn thăm hỏi dân tình nên vì hành ra khỏi cung. Ngẫu nhiên tới Thái Nguyên, ở lại nhà kỹ nữ họ Lưu vài tháng, chỉ là không tiện nói rõ tên họ. Ngay kỹ nữ họ Lưu cũng chỉ cho rằng ta là khách ở xa, không biết chính là hoàng đế Chính Đức hiện nay. Hôm ấy lúc vô tâm không xem lại đỉnh Nguyên bảo tặng người, về sau nhớ lại quả là làm hại người, lẽ nào có kẻ ăn mày có một đỉnh Nguyên bảo mà không gây ra chuyện gì sao. Về sau tới Cao Dương thấy tờ cáo thị, biết quả nhiên người đã gây ra chuyện. Quả nhân bèn ở lại một hôm, hỏi rõ nguyên nhân người bị hại rồi mới về kinh. Về tới kinh rồi lập tức sai người tới cứu người. Người bây giờ oan đã giải rồi, nạn đã thoát rồi, chỗ tốt của Nghèo không sợ thiên hạ đều đã biết, ta khuyên người về sau hãy bớt làm những chuyện nguy hiểm như thế, lưu lại tính mạng xin ăn thêm vài năm nữa đã".

Sau đó vua sai giải Tri huyện qua Cẩm y vệ đánh bốn chục gậy, cách chức đuổi về làm dân để làm gương cho những

kẻ không hời hợt thực mà xét xử, răn bảo những kẻ không công minh. Gã hương thân bắt ép con gái người ta, hãm hại lương dân thì giải qua bộ Hình, lập tức xử chém để răn những kẻ cậy thế hiếp đáp dân lành. Lại nhìn con gái của người đàn bà quý dưới điện, thấy tuy bị hành hạ lâu ngày nhưng vẫn không giấu được dung mạo xinh đẹp, liền nói với Nghèo không sợ "Quả nhân biết người chưa có vợ, thấy cô gái này rất có phúc tướng. Người lúc đầu vì một mình cô ta mà chịu đủ sự hành hạ, nếu không gã cô ta cho người thì bảo gã cho ai? Đây là quả nhân làm mai, thành toàn chuyện hay cho người". Lập tức sai hai người bái đường ngay tại điện Kim Loan. Bái đường xong, hoàng thượng lại nói "Người tốt như người, đừng nói trong đám ăn mày không có người thứ hai, mà cho dù trong bọn có áo mào cũng không tìm ra được. Quả nhân tận mắt nhìn thấy chỗ tốt ấy, há lại không cất nhắc người. Bây giờ cứ giao qua bộ Lại, sai họ giao cho người một chức quan nhàn nhã, làm việc tốt cho bách tính, còn hay hơn là làm ăn mày trượng nghĩa sơ tài". Lúc ấy Nghèo không sợ bèn khẩu đầu nói "Vạn tuế ở trên, những ân thưởng khác thì thần chỉ còn cách tạ ơn, duy chuyện này thì không dám phụng chiếu. Áo mào là vật quý của triều đình, làm sao có thể ban thưởng cho bọn ăn mày. Thần ăn xin mười năm, dấu chân đi khắp thiên hạ, ai chẳng biết Nghèo không sợ là kẻ ăn mày nổi tiếng. Một sớm đội mào đeo đai, đứng giữa hàng quan viên, khiến người ta nhìn thấy sẽ coi áo mào là vật ô uế, bồng lộc là cơm thừa canh cặn. Đừng nói trong bọn ăn mày có kẻ hiền người ngu khác nhau, chỉ nói trong triều đình cũng là sang hèn không phân biệt. Vạn nhất kẻ hiền nhân quân tử đều treo áo mào trốn đi thì thiên hạ của vạn tuế biết lấy ai cùng lo toan? Chẳng lẽ sai thần dẫn đầu bọn ăn mày tới lo việc triều đình sao? Cho nên chuyện ấy thì quyết không dám phụng chiếu". Hoàng đế thấy y nói có lý, tuy không tiện cưỡng ép nhưng trong lòng khen ngợi không thôi. Ngần ngừng một lúc, lại nói với y rằng "Không chịu làm quan cũng là chỗ

tốt của người, bây giờ ta lại có một sự ban thưởng khác cho người. Người kỹ nữ họ Lưu đã theo quả nhân vào cung, hiện đã được phong làm Quý phi. Người lúc đầu từng kết nghĩa anh em với nàng, nay ta phong họ Lưu cho người, để khác họ trở thành cùng họ, cho người làm một quốc thích của hoàng đế thì thế nào?". Nghèo không sợ ngấm nghĩ một lúc mới ứng thuận, nói "Hoàng thân quốc thích tuy thân quý nhưng có quan hàm không có chức tước, khác với kẻ coi dân trị nước. Từ cổ có câu Hoàng đế cũng có bà con nghèo, cho dù hèn hạ cũng không sao, chuyện này thì thần xin phụng chiếu".

Lúc bấy giờ tạ ơn vua xong bèn cùng Chu thị thành thân. Văn võ trong triều thấy Nghèo không sợ được phong là hoàng thân, ai lại không tới chúc mừng. Về sau hoàng thượng ngày càng yêu mến, ban thưởng rất hậu. Lại ban cho y một tòa phủ đệ ở phía trong hoàng thành, vinh hoa phú quý hưởng dụng không hết. Lúc đầu thì Nghèo không sợ, về sau thì quá giàu sang lại bắt đầu thấy sợ, sợ mình mệnh bạc phúc dày không thể hưởng được lại sinh ra tai họa bất ngờ, đại nạn phi thường, nên gặp người ta luôn luôn khiêm tốn, bỏ hết phong thái "lão gia", tự xưng là "tiểu nhân". Sau khi làm hoàng thân, thỉnh thoảng y vẫn cải trang làm ăn mày ra ngoài thăm hỏi dân tình. Phàm có việc gì hưng lợi trừ hại thì vào cung tâu xin hoàng thượng làm. Về sau ba con trai của Nghèo không sợ đều trở thành quan lớn, y thì sống đến tám mươi tuổi mới chết.

Đây chính là câu chuyện truyền kỳ "Ăn mày làm việc tốt, hoàng đế làm mai dong" được chuyển thành đề nhất dị nhân, đề nhất kỳ sự trong giới ăn mày.

Vì thế, xin nêu ra ba cảm nghĩ của người viết.

Thứ nhất, trong bài từ mở đầu tiểu thuyết Lý Ngư coi ăn mày là loại dân nghèo hạ lưu trên bậc kỹ nữ trộm cướp, là thuộc một quan niệm chống lại cách nghĩ "Cười người nghèo

không cười kẻ làm đi", nhưng câu chuyện truyền kỳ này lại lấy việc danh kỹ Lưu thị cảm ơn cứu Nghèo không sợ làm then chốt, dẫn tới sau cùng ăn mày nhờ đó mà được vinh hoa phú quý, nhờ Lưu thị vào cung làm Quý phi mà trở thành hoàng thân, cuối cùng vẫn là "Cười người nghèo không cười kẻ làm đi", coi kỹ nữ cao quý hơn ăn mày, vẫn chưa ra khỏi khuôn khổ cũ. Trong quan niệm có chỗ tự mâu thuẫn, phân biệt giữa quan niệm và "chính quả" thì không khó gì để nhận ra kết cấu đầy mâu thuẫn trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Loại kỹ nữ, ăn mày này đối vị trí cho nhau thì cũng là như thế.

Thứ hai, Nghèo không sợ vốn là kẻ giàu có, nhưng vì trọng nghĩa khinh tài mà rơi rụng làm ăn mày, tuy người cùng chí không cùng, không cam làm điều xấu và không muốn ăn nhờ dưới cửa kỹ nữ, nhưng rốt lại vẫn trung thành với hoàng đế Chính Đức mà thành chính quả. Không những người đương thời không vượt ra được tấm lưới chính thống trong quan niệm truyền thống ấy mà Lý Ngự thời Thanh cũng không vượt ra được, đến tận ngày nay di phong vẫn còn. Nghèo không sợ tuy được tô điểm đáng vẻ kỳ nhân kỳ sự khác hẳn người đương thời, nhờ hào hiệp mà nổi danh trên đời, nhưng vẫn lấy việc "Trung quân báo quốc" làm chính quả, không vượt khỏi rào cản của quan niệm truyền thống. Trên từ đạt quan quý nhân, triều sĩ sáng suốt, dưới tới ăn mày tiện dân, không ai không thế. Chính vì thế mới không ngừng diễn ra vô số tấn bi kịch lịch sử.

Thứ ba, Lý Ngự viết ở cuối tiểu thuyết nói trên rằng "Các vị khán quan xem xong, đều muốn mượn y khuyên răn một phen, nhất định không được cũng đem hai chữ ăn mày làm binh phong, nói về ăn mày thì tôi không muốn theo họ, vẫn cho rằng ăn mày không phải là chuyện nên làm". Điều đó ăn khớp với một đoạn mượn lời hoàng đế Chính Đức khen Nghèo không sợ "Người tốt như người, đừng nói trong đám

ăn mày không có người thứ hai mà cho dù trong bọn có áo mào cũng không tìm ra được". Toàn sách khiến người ta thương xót, che chở ăn mày, không nên khinh rẻ, lý do là trong ăn mày có rỗng ẩn cộp núp, sau khi lạc phách chưa chắc đã chìm tới đáy mà còn có thể phát tích trở lại. Như thế chỉ nói tới một mặt hành hiệp trượng nghĩa của ăn mày đương thời, hoàn toàn né tránh việc quần thể ăn mày thời Minh đã bắt đầu biến chất, mất cá ngọc châu lẫn lộn.

Xem suốt toàn bộ câu chuyện truyền kỳ này, tuy vẫn là bia miệng, chưa chắc thuộc tín sử nhưng cũng không phải không tương ứng với bối cảnh văn hóa lịch sử. Việc nhà vua vi hành trong dân gian ngủ lại kỹ viện đã có từ thời Tống trước hoàng đế Chính Đức nhà Minh rất lâu, không phải là tiền lệ gì! Việc hoàng đế đích thân thăm vấn chuyện hình ngục của dân gian ngay trên điện, phong thưởng ăn mày thì tựa hồ như chuyện ly kỳ hoang đường. Nhưng hoàng đế khai sáng triều Minh chẳng phải xuất thân từ ăn mày sao! Theo truyền thuyết, ở vùng giáp giới hai tỉnh Giang Chiết đến tận thời Thanh cứ vào mùa đông lại có lưu dân Phụng Dương ra chợ xin ăn, thành lệ hàng năm. Có người đoán lý do xin ăn thì đều quy cả về Minh Thái tổ. Chuyện kể Chu Nguyên Chương nhớ đất Hào Châu tức Phụng Dương là nơi phát tích, sau loạn đất hoang người ít bèn cưỡng ép mười bốn vạn hộ dân giàu có ở Giang Nam di cư lên đó, kẻ nào lén trốn về sẽ bị trừng phạt nặng nề. Số khách hộ ấy mỗi năm muốn về quê tảo mộ, không biết làm sao đành cải trang làm ăn mày lén trở về, đông qua xuân tới, dần dần trở thành tập quán, vì thế làm hình thành hiện tượng lịch sử phần lớn người Phụng Dương đi hành khất trên giang hồ⁽¹⁵⁾. Đương nhiên đó có thể là sự thật. Nhưng Phụng Dương từ xưa đã nổi tiếng là vùng nghèo đói cũng là sự thật. Vả lại nếu nói Chu

(15) Từ Kha, *Thanh bị loại sao, Khất cái bộ, Phụng Dương nhân cái thực chỉ do*, tr. 5475

Nguyên Chương nhớ lại nơi ngày xưa từng lưu lạc xin ăn thì cũng là thường tình của con người, tại sao lại né tránh đoạn đời ấy. Trong điều kiện hoàn cảnh lịch sử và quan niệm văn hóa như thế mà nảy sinh truyền thuyết dân gian "Ăn mày làm việc tốt, hoàng đế làm mai dong" cũng là chuyện tự nhiên. Mà nói lại thì nhà Minh đến niên hiệu Chính Đức, Gia Tĩnh thì đã vào lúc xế chiều, tình hình suy bại, kỷ cương giữ gìn trật tự cho xã hội đã rối loạn nên cũng cung cấp điều kiện và cơ hội cho việc hoàng đế cưới kỹ nữ trong dân gian, có duyên phận với ăn mày.

Chương 3

Văn nhân và ăn mày

** Sĩ nhân vì đói rét khốn cùng mà đi ăn xin*

** Sĩ nhân thất chí làm ăn mày * Ẩn sĩ trong đám ăn mày * Sĩ nhân phóng túng nhạo đời lấy việc ăn xin làm vui * Thân sĩ kết bạn với ăn mày * Giả làm ăn mày lánh nạn và ăn xin gom tiền dấy việc học*

"Sĩ" là một chữ có từ lâu đời trong Hán tự. Hứa Thận thời Hán trong *Thuyết văn giải tự* cho rằng "Sự dã, số thủy vu nhất, chung vu thập, nhất, tòng thập. Khổng tử viết: Suy thập hợp nhất vi sĩ" (Mọi việc tính ra thì bắt đầu từ số một, kết thúc ở số mười, một có từ mười. Khổng tử nói: Từ mười gom lại thành một là kẻ sĩ^(*)), cho rằng chữ sĩ là ghi số mà diễn giải nghĩa gốc của chữ sự. Theo thống kê, chữ "sĩ" trong *Luận ngữ* được dùng với hai ý nghĩa: ba lần dùng chỉ tất cả nhân sĩ, mười hai lần đặc biệt chỉ người có địa vị xã hội hoặc có công phu tu dưỡng nhất định⁽¹⁾. Điều thú vị là trong giáp cốt văn thì hình dáng chữ "sĩ" là tượng trưng dương vật theo tục sùng bái sinh thực khí, đầu tiên phát triển thành từ gọi đàn ông nói chung, dần dần trở thành mỹ hiệu để gọi người

(*) Theo lối chiết tự trong Hán tự, có thể coi chữ sĩ (kẻ sĩ) gồm chữ thập (mười) và chữ nhất (một).

(1) Dương Bá Tuấn, *Luận ngữ dịch chú*, Trung Hoa thư cục, 1980, tr. 216.

có địa vị xã hội hoặc có công phu tu dưỡng nhất định⁽²⁾.

Cái gọi là người có địa vị xã hội hoặc có công phu tu dưỡng nhất định, trong truyền thống văn hóa Trung Quốc là một biểu hiện điển hình của tiêu chuẩn Quan bản vị. *Luận ngữ*, *Tử Trương* nói "Tử Hạ viết: Sĩ nhi ưu tắc học, học nhi ưu tắc sĩ" (Tử Hạ nói: Làm quan mà giỏi thì học, học mà giỏi thì làm quan). Về vấn đề này Hình Bính chú rằng "Nói người ra làm quan thì hành chức trách của mình, nếu còn rảnh rỗi có sức thì học di văn của tiên vương". "Sĩ" (kẻ sĩ) thông với "sĩ" (quan)^(*), tức nói sĩ đã trở thành một tầng lớp trong xã hội Trung Quốc, và lại còn đứng đầu tứ dân (Sĩ nông công thương) trong xã hội. Như *Cựu Đường thư*, *Thôi Dung truyện* nói "Sĩ nông công thương, bốn dân có nghề nghiệp. Học để có địa vị gọi là sĩ, cày ruộng trồng lúa gọi là nông, khéo tạo đồ vật gọi là công, làm lưu thông tiền bạc hàng hóa gọi là thương", là nói rõ thân phận địa vị của họ. Đồng thời tầng lớp xã hội này không chỉ bao gồm những người xuất sĩ làm quan, mà cũng bao gồm cả loại người muốn làm quan mà trọn đời không được làm quan, ẩn sĩ, thân sĩ, những người này là dòng phái sinh của sĩ lưu trong chế độ Quan bản vị, đều tự cho mình là "nhã sĩ". Ví dụ Đào Uyên Minh thời Tấn quy ẩn điển viên cũng vẫn không thuộc vào các tầng lớp nông công thương, vẫn thuộc sĩ lưu trên ba tầng lớp ấy, hay như các sĩ nhân bất đắc chí trôi nổi ở đời, nhưng "sĩ khí" vẫn còn. Những từ "sĩ tử", "sĩ nữ", "sĩ hộ", "sĩ lâm", "sĩ môn", "sĩ gia", "sĩ bản", "sĩ ẩn" trong Hán tự đều coi kẻ sĩ là dấu ấn lịch sử của một tầng lớp trong xã hội Trung Quốc.

Người trong sĩ lâm tức tầng lớp sĩ đại phu coi mình là nhã sĩ, nhưng một sớm khốn cùng lưu lạc hoặc gặp tai họa

(2) Khang An, *Văn học nguyên lưu thiển thuyết* (Thử nói về cội nguồn văn học), Vinh Bảo Trai, 1979, tr. 412 - 413.

(*) Theo lối chiết tự trong Hán tự, chữ sĩ (quan) gồm chữ nhân (người) và chữ sĩ (kẻ sĩ).

trôi nổi thì địa vị hạ xuống ngàn trượng, khó tránh khỏi rơi xuống đáy xã hội. Đó là việc mà kẻ sĩ rất đau khổ và lo sợ. Cho nên trong ngôn ngữ xuất hiện rất nhiều những sản phẩm kiêng hủi tương ứng. Ví dụ gọi nhà nghèo là Trong nhà trống rỗng (Gia bản cùng không) hoặc Thiếu cái chi dùng (Tư dụng phạp), cùng khốn là Trong lúc quần bách (Cấp khốn chi trung), kẻ sĩ nghèo là Kẻ sĩ ở lều tranh mặc áo trắng (Cư bông ý bạch chi sĩ) hoặc Người ăn rau hoắc (Hoắc thực chi nhân), đói rét không nơi nương tựa là Đói rét không thể sống (Cơ hàn bất liêu sinh hoạt), ăn mày quá nghèo là Cởi trần ăn cỏ (Khỏa hành thảo thực), ăn mày là Đeo bầu mà xin (Tháo biểu nhi khát), ăn xin là Học Ngũ Viên đùa thối sáo (Sắc Ngũ Viên xuy tiêu chi hý)... Mục *Cơ hàn bản tiện* trong quyển 10 sách *Thư tự chỉ nam* của Nhiệm Quảng thời Tống có thu thập hơn 200 lối nói như vậy trong các sử sách cổ.

Nhưng việc người bế dẫu, việc đời thay đổi. Đừng nói là gió mây trên đời biến hóa vô cùng, cho dù ở cạnh bậc đế vương được sủng ái một thời, cũng có cái nguy "Gần vua như gần cọp" (Bạn quân như bạn hổ), huống chi là chốn sĩ lâm tầm thường sao! Nước có thể chở thuyền nhưng cũng có thể lật thuyền. Lấy địa vị và học vấn đứng trong sĩ lâm cũng khó có thể tránh khỏi việc mất chỗ dựa căn bản mà rơi xuống xã hội bình dân bên dưới, thậm chí luân lạc làm ăn mày. Tục ngữ có câu Cọp xuống đồng bằng bị chó nhờn (Hổ lạc bình xuyên tao khuyển khi), Chim phượng lẻ đôi không bằng gà (Lạc phối đích phượng hoàng bất như kê). Sĩ nhân luân lạc làm ăn mày, ở dưới đáy xã hội, tình cảnh thê thảm có thể biết được. Ngay đế vương còn có duyên với ăn mày, huống chi người trong sĩ lâm còn ở bậc dưới sao, càng đông thì càng nhiều người đói rét.

Xem khắp cổ kim, quan hệ trực tiếp của việc văn nhân trở thành ăn mày có mấy loại hình dưới đây.

Sĩ nhân vì đói rét khốn cùng mà đi ăn xin

Trung Quốc có một điển cố "Bất thực ta lai chi tự" (Không ăn cái ê mà cho) nổi tiếng, ý tứ là quyết không nhận sự bố thí có tính chất khinh miệt, làm nhục. Điển cố này theo *Lễ ký, Đàn cung hạ* là như sau: chuyện kể nước Tề bị mất mùa, Kiềm Ngao đem thức ăn đặt trên đường cho những người đói tới ăn. Có một người dân đói lộ rõ vẻ khốn cùng, vì xấu hổ nên lấy tay áo che mặt bước lên. Lúc ấy Kiềm Ngao tay trái giơ thức ăn, tay phải nâng thức uống khinh miệt nói "Ê, lại đây mà ăn!". Người dân đói kia lại quay qua nói "Tôi vì không nhận được sự bố thí có ý lãng nhục nên mới rơi rụng tới bước này", rồi cự tuyệt không lấy, cuối cùng chết đói. Loại nghĩa sĩ trong đám ăn mày gặp nạn mà không thất tiết ấy trong sĩ lâm cũng có. Như ẩn sĩ Kiềm Lâu nước Tề thời Chiến quốc, gia cảnh bần hàn, không muốn làm quan, không nhận quà biếu của vua hai nước Tề Lỗ, đến nỗi khi chết tẩm chân liệm xác che đầu thì hở chân, che chân thì hở đầu. Tăng tử tới viếng thấy tình trạng như thế bèn nói với vợ Kiềm Lâu "Đắp xéo tẩm chân thì có thể kín" (Tà dẫn kỳ bị tắc liệm hĩ). Vợ Kiềm Lâu nói "Đắp xéo mà thừa, chẳng bằng đắp thẳng mà không đủ" (Tà nhi hữu dư, bất như chính nhi bất túc dã), ngoài tiếng đàn có âm thanh, hàm ý rất sâu sắc.

Tục ngữ nói Người ta lấy cái ăn làm trời (Nhân dĩ thực vi thiên). Kể sĩ có thể "không vì năm đấu gạo mà khom lưng", nhưng không thể lâu ngày không ăn những thức ăn của loài người. Vì vậy khó có thể tránh việc có người lưu lạc làm ăn mày, hoặc trước khi ra làm quan từng trải qua cuộc sống ăn mày.

Thời Tấn có người bần sĩ họ Đồng tên Kinh, tự Uy Liễn, không rõ quê quán, từng cùng quan Kế lại Lũng Tây trú ở Bạch xã Lạc Dương (nay ở huyện Sư Yển tỉnh Hà Nam), giỏi Đạo học, Trần Tử Tự từng theo học với y. Nghèo không

có cái ăn, y thường đi xin ăn ở chợ Lạc Dương, xóa tóc rũ rượi, còn ung dung tự tại ngâm vịnh thơ ca. Nếu được một mảnh vải nhỏ thì dùng để che thân, nhưng không nhận cả tấm vải còn nguyên. Dương thời có Trước tác lang Tôn Sở từng tới gặp và viết thư khuyên y cùng đi làm quan với mình, nhưng bị y viết thư cự tuyệt. Về sau qua vài năm không biết bỏ đi đâu, chỉ để lại một tấm chiếu tre và hai bài thơ ở nơi ngụ⁽³⁾. Theo đó có thể biết Đồng Kinh là một ẩn sĩ nghèo khổ, thà đi xin ở chợ chứ không muốn xuất sĩ làm quan, làm thành người lạ chuyện lạ một thời.

Tương truyền trong đời Ung Chính, Càn Long nhà Thanh những kẻ sĩ nghèo ở Hồ Nam Hồ Bắc sau khi thất học thì ra ngoài du học. Ngẫu nhiên gặp trường thì vào yết kiến thầy ở đó xin tiền, còn xin ăn cơm, ngủ lại một đêm rồi đi, giống như hòa thượng vân du bốn phương⁽⁴⁾.

Có người sinh ra trong gia đình thân sĩ lại không muốn học hành, sau cùng rời khỏi sĩ lâm mà thành ăn mày. Theo truyền thuyết trong niên hiệu Gia Khánh thời Thanh ở trấn Chu Phố huyện Nam Khuông có Khổng Mỗ rất nhiều tiền, tuổi già sinh được con trai, tự nhiên rất yêu chiều, tuy mời thầy tới dạy học nhưng nó vẫn không chịu học. Ông thầy

(3) *Bảo Phác từ, Tập ứng chép* "Ở Lạc Dương có đạo sĩ Đồng Uy Liên thường tới Bạch xã, không ăn uống. Trần Tứ Tự theo thờ làm thầy để học đạo". Lại Hoàng Cơ Thủy thời Minh trong *Bản sĩ truyện* chép "Đồng Kinh tự Uy Liên, không rõ quê quán, ban đầu cùng Kế lại Lung Tây tới Lạc Dương, thường ngụ trong Bạch xã. Có khi đi xin ở chợ, xóa tóc rũ rượi, tiêu dao ngâm vịnh. Được mảnh vải nát nào thì may lại che thân, những tấm vải lành lặn thì từ chối không nhận. Trước tác lang Tôn Sở tới Bạch xã nói chuyện, đưa về nhà mình, lại gởi thư khuyên làm quan, Kinh làm thơ để từ chối. Mấy năm sau trốn đi, không biết ở đâu. Ở chỗ nằm ngủ chỉ còn một tấm chiếu tre và hai bài thơ mà thôi".

(4) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Bản sĩ dĩ du học hành khát*, tr. 5480

coi việc ngồi ăn suông là sự nhục nhã, làm một bài thơ rằng "Học đường như phá tự, Lai tác trụ trì tăng, Bạch nhật tam xan phạm, Hoàng hôn nhất tiền đăng, Kinh thanh nguyên bất khởi, Phật hiệu tổng vô bằng" (Trường học như chùa nát, Tối làm sư trụ trì, Ngày ba bữa cơm đủ, Đêm một đèn đèn che, Tung kinh không thấy tiếng, Niệm Phật chẳng ai nghe). Một hôm ông thầy gặp nó đang chơi trong viện, bèn bắt nó học. Nó nổi giận chửi ầm lên, bị ông thầy quở mắng. Lúc ấy nó bèn đi mách mẹ, nói "Tiên sinh đánh con, con nhất định sẽ đánh lại y". Mẹ nó bèn an ủi khuyên nhủ "Chờ cha con về rồi sẽ nói". Đến lúc cha nó về, không những không dạy con mà còn nhờ người bạn thân của ông thầy đưa tiền khuyên y nên chịu nhịn cho nó đánh một trận. Về sau thằng bé lớn lên, bắt học vô thuật, chỉ biết lêu lổng rong chơi, ăn sạch cả gia tài. Vì thế chỉ còn cách ra chợ ăn xin để sống, cứ thế đến chết⁽⁵⁾. Cha mẹ ai lại không muốn con mình thành rồng, nhưng vì chiều chuộng quá đáng khiến rốt lại chúng lưu lạc làm ăn mày, quả thật đáng thương. Xem thế đủ biết xuất thân trong nhà thân sĩ chưa chắc là nhất định sẽ không làm ăn mày.

Trùng Nhĩ nước Tấn thân là vương công quý tộc, từng trải qua sự rèn luyện trong cuộc sống lưu vong xin ăn mà về sau kiến công lập nghiệp, trở thành nhà chính trị, bá chủ một thời. Minh Thái tổ lấy việc trải qua cuộc sống ăn mày làm tố chất cơ sở để về sau xây dựng được cơ nghiệp nhà Đại Minh. Trong tầng lớp thân sĩ cũng có không ít ví dụ đối rét xin ăn. Như danh tướng Tương quân, về sau làm Đề đốc Phúc Kiến Vương Minh Sơn trong niên hiệu Đồng Trị thời Thanh, lúc trẻ từng vì "Kiếm thảo Khởi vận Vương Nhâm Thu cho rằng trẻ tuổi mạnh mẽ không phù hợp", xin ăn ở Tương Đàm, về sau đầu quân, nhiều lần lập được quân công, phú quý hiển

(5) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Không thị tử dĩ cái chung, tr. 5483.

hách một thời⁽⁶⁾. Đúng là trên trời dưới đất nay không bằng xưa.

Điều thú vị là không lẽ thì có đôi, trong niên hiệu Càn Long thời Thanh cũng có một vị Chế quân xuất thân người Bát kỳ, lại là trước sang sau nghèo mà thành ăn mày. Theo truyền thuyết, y lúc đầu phú quý một thời, cả hầu trai tớ gái cũng đều được ăn ngon mặc đẹp, cực kỳ xa xỉ, phung phí vô độ. Đến lúc y bị bãi quan trở về kinh đô đã thành nghèo khổ, không đầy vài năm thì thành ăn mày đi xin ăn dọc đường phố. Tất cả các vương công quý nhân ở kinh đô đều không cho y tới cửa, chỉ có Chu Văn Chính người Đại Hưng dặn người gác cửa là đừng cự tuyệt, đừng chấp nhất y. Vì vậy cứ mười ngày y lại tới một lần, lần nào Chu Văn Chính cũng đích thân đưa tặng 200 đồng. Một hôm y lại tới, thấy trong phòng không có ai, bèn ăn cắp một tấm gương nhỏ trở ra. Đây tớ tìm không được tấm gương mới nói Chế quân có ghé qua, ngờ là y lấy. Chu Văn Chính dặn gia nhân không cần đi tìm, không nên nói ra, đợi lần sau y tới, chỉ cần bưng trà mời là được. Về việc này có người cảm thán nói "Làm người thật khó, cổ nhân xa hoa quá độ, thế cùng thì chết". Tiết Phúc Thành thời Thanh nói "Nếu Chế quân trường thọ thì chẳng bằng chết sớm còn hơn (nếu không thì còn mặt mũi nào gặp người ta). Nghe nói trước đây có người thích ăn thịt vịt, mỗi bữa cơm đều phải giết một con vịt. Chợt nằm mơ thấy có một nơi, trong ao có rất nhiều vịt. Người giữ ao nói "Đây đều là vịt trong miệng ngươi". Tỉnh dậy lại càng thích thú, lại càng lạm sát vịt để ăn. Về sau lại nằm mơ tới cái ao ấy, thấy vịt không còn bao nhiêu, vì vậy vội bảo người nhà đừng giết vịt nữa. Đúng lúc ấy thì y mắc bệnh, bạn bè thân thích tới thăm viếng đưa tặng thức ăn toàn là thịt vịt. Y đếm lại thì vừa khớp với số vịt nhìn thấy

(6) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Vương Minh Sơn thường khất cái, tr. 5484

trong lần nằm mơ thứ hai, vì thế sợ hãi mà chết. Điều đáng than thở là vì sao người khác biết số vệt của mình đã bị ăn sắp hết, lại làm sao biết rằng hết vệt rồi thì mình cũng chết theo?". Lời nói ấy có hàm ý cảm thán chuyện tao ngộ, sa sút của Chế quân⁽⁷⁾.

Bất kể thế nào kẻ sĩ nghèo hèn đi ăn xin vẫn là chuyện bất đắc dĩ, cũng chỉ có cách khom lưng ở chợ, lưu lạc đầu đường, lại tới mức rơi rụng làm bọn trộm cắp bất nghĩa, đều không thiếu ví dụ. Có kẻ trước làm ăn may, về sau lại phát tích bước vào sĩ lâm trở nên hiển quý, nhưng cũng không thể xóa mờ đoạn đời nhục nhã ấy của mình. Lúc trước là khác, về sau là khác, há có thể tránh né che mặt được sao!

Sĩ nhân thất chí làm ăn may

Tục thích thường đàm của Cung Di thời Tống chép "*Hán cung nghi* nói: Trương Hành nói Minh đế tới đất Tiết Ung, trải qua hai phủ, nhìn thấy đều trắng lẹ, mà riêng phủ Thái úy nhỏ hẹp. Hiến tông vào thăm, than thở nói: Mang trâu rượu tới, đừng để ăn may làm Tể tướng". Bất kể câu ấy của Hiến tông có ý nghĩa ra sao, nhưng ăn may còn làm được hoàng đế thì chẳng lẽ có thể cấm được họ làm Tể tướng sao! Ngày xưa chằm chọc quan lại thăng chức quá mau, thường vẫn dùng câu Ăn may ngồi xe nhỏ để ví dụ. Điển cố này xuất từ *Châu Thái truyện* phụ thêm sau *Thế ngữ*, *Tam quốc chí*, *Nguy chí*, *Đặng Ngải truyện* "Làm quan tới chức Chinh lỗ Tướng quân, quyền Đô đốc Tiết chế việc quân vùng Giang Nam", Bùi Tùng Chi chú thích dẫn sách *Thế ngữ* "Tuyên vương trước khi gặp Thái, sai Thượng thư Chung Diêu hỏi Thái: Ông lên phủ Tể tướng, ba mươi sáu ngày dùng cờ lọng,

(7) Tiết Phúc Thành, *Dung Am bút ký*, bản hiệu đính của Giang Tô Nhân dân xuất bản xã, 1893, tr. 68

coi việc binh mã trong quận, ăn mỳ ngồi xe nhỏ, làm sao giống xe?".

Trong lịch sử không những quả thật có việc Ăn mỳ ngồi xe nhỏ mà còn có rất nhiều ví dụ về việc nhả sĩ, quý nhân bất đắc chí làm ăn mỳ. Thời Nguyên từng coi thường những người đọc sách trong sĩ lâm, ép vào hạng ăn mỳ, xếp vào hàng thứ chín trong các loại người của xã hội, nói là "Nho sĩ thứ chín ăn mỳ thứ mười" (Cửu nho thập cái), đủ biết mức độ hèn hạ của họ. Tạ Phương Đắc thời Nguyên trong *Tạ Tuyên Sơn tập* quyển 2, *Tổng Phương Bá Tải quy Tam Sơn tự* nói "Điển chế nhà Đại Nguyên ta chia người ta làm mười loại, quan thứ nhất, lại thứ hai, loại trên là quý, loại quý là có ích cho nước, thợ thứ bảy, con hát thứ tám, nho sĩ thứ chín, ăn mỳ thứ mười, loại dưới là hèn hạ, loại hèn hạ là vô ích cho nước" thì cảnh ngộ của người đọc sách đương thời có thể biết được. Nhưng đó là một sản phẩm nảy sinh trong tình huống cụ thể của một điều kiện lịch sử nhất định, là sản phẩm của những cách nhìn khác nhau. Chữ xét xưa nay, tầng lớp kẻ sĩ phần lớn đều trên dân thường, là một tầng lớp "nhàn nhã" lấy sự thanh cao, phong nhã để tự hào. Chẳng qua sau khi họ có người bị thất chí, thì bề ngoài còn thua xa tầng lớp bình dân thông thường, Phương hoàng lẽ đời không bằng gà. Thử xem vài ví dụ dưới đây.

Đầu thời Xuân thu Chiến quốc có một nhà chính trị nổi tiếng, tức Quản Trọng tác giả sách *Quản tử*, cũng gọi là Quản Kính Trọng, tên Di Ngô, người Dĩnh Thượng, nhờ Bào Thúc Nha tiến cử được Tề Hoàn công phong làm Khách khanh, tôn xưng là "Trọng phụ". Lúc giữ chức ở nước Tề, Quản Trọng thi hành hàng loạt cải cách về chính trị, quân sự, kinh tế khiến thế nước mạnh hẳn lên, trở thành một cường quốc đương thời, Tề Hoàn công cũng trở thành bá chủ. Nhưng cho dù là một kẻ sĩ hiển hách nhất thời như thế, lúc đầu ông từ nước Lỗ về nước Tề, trên đường bị đói khát cũng

tùng bắt đắc dĩ xin ăn Mã Phong, cảm kích quý xuống xin cái này cái nọ. Đương thời Mã Phong thấy đáng mạo của y từng nói nhỏ "Nếu người may mắn không chết mà được nước Tề trọng dụng, thì sẽ lấy gì để báo đáp ta?". Quản Trọng liền nói "Nếu được như lời ấy, tôi sẽ chọn người hiền dùng người có tài, như vậy đủ báo đáp ông chưa?", khiến Mã rất không vui⁽⁸⁾. Dù biết danh sĩ một thời, cho dù thất chí ăn xin, cũng không mất khí tiết, không lạ gì mà về sau có thể lập nên công nghiệp.

Người ăn mày thất chí nổi tiếng nhất trong lịch sử Trung Quốc mà về sau lại dấy lên ở Đông Sơn chính là Ngũ Tử Tư trước nay được giới ăn mày tôn là Tổ sư. *Sở từ, Cửu chương, Thiệp giang* có câu "Ngũ Tử gặp họa chừ", Vương Miễn chú "Ngũ Tử tức Ngũ Tử Tư, làm tôi Ngô vương Phù Sai, khuyên nên đánh Việt, Phù Sai không nghe, lại ban kiếm cho tự sát". Về việc này Đỗ Quang Đình người đất Thục thời Ngũ đại trong *Lục di ký* quyển 7 ghi chép rất hay "Ngũ Tử Tư mấy lần can gián Ngô vương, trái với ý chỉ, được ban thanh kiếm Chúc Lâu để tự sát. Lúc lâm chung dặn con: Hãy treo đầu ta ở cửa Nam Môn để thấy quân Việt tới đánh nước Ngô, lấy da cá di bó thân ta ném xuống sông để ta có thể sớm tới theo sóng triều mà thấy thất bại của nước Ngô. Từ đó từ đầu núi Hải Môn sóng nổi cao tới mấy trăm thước, qua khỏi Tiền Đường, Ngư Phố mới nhỏ dần, ngày đêm cuộn cuộn, ầm ầm như sấm sét, vang xa trăm dặm. Thỉnh thoảng có người thấy Tử Tư cưỡi xe tía ngựa trắng trong làn sóng, vì thế lập miếu thờ". Truyền thuyết này trở thành tín ngưỡng dân gian, từ Ngô Việt lan tới Dương Châu, An Huy, Mân Quảng. Từ thời Đường Tống trở đi, các bậc đế vương thỉnh thoảng vẫn phong hầu phong vương cho Tử Tư. Truyền thuyết và tục lệ dân gian này nảy sinh từ việc phát tích và

(8) *Cổ kim đồ thư tập thành, Bác vật hồi biên, Nghệ thuật diễn quyền* 815, *Khất cái bộ, Kỹ sự chi nhất*.

kết cục thể thảm của Ngũ Tử Tư ở đất Ngô, giới ăn mày tôn ông làm Tổ sư là về hoàn cảnh của ông lúc tới nước Ngô mà chưa được trọng dụng.

Ngũ Tử Tư họ Ngũ tên Viên, Tử Tư là tên tự, cha là Ngũ Xa làm Đại phu nước Sở. Sở Bình vương năm thứ 7 (522 trước Công nguyên) Bình vương giết Ngũ Xa và hầu hết gia đình. Ngũ Tử Tư may mắn một mình trốn thoát, qua nước Tống, nước Trịnh tìm tới nước Ngô, mong mượn sức nước Ngô để báo thù cha. Lúc đi ngang cửa Chiêu Quan, quân Sở tra xét rất nghiêm ngặt, ông trong một đêm buồn bã mà tóc bạc trắng, thay đổi hẳn diện mạo mới qua được. Trên đường ông băng sông vượt núi, xin ăn qua ngày, lúc tới kinh đô nước Ngô (nay là Tô Châu) đã không còn một đồng dính túi, đầu tóc rũ rượi, mặt mũi dơ bẩn, đứng ở chợ thối sáo xin ăn. Thối sáo ăn xin ba ngày được Bì Ly giỏi tướng thuật ở nước Ngô phát hiện, nghe tiếng sáo rất thương xót, nhìn thấy tướng mạo phi phạm, bèn tiến cử với Công tử Cơ Quang, liền được trọng dụng. Theo truyền thuyết lúc bấy giờ Ngô vương triệu kiến Tử Tư có hỏi "Người vốn là một nhân sĩ, sao lại khốn đốn tới mức này?". Ông lập tức quỳ xuống dập đầu khóc nói "Cha tôi vốn không có tội gì, lại bị Bình vương giết cùng với anh tôi. Tôi nghĩ chỉ có đại vương mới có thể giúp tôi trả mối thù này". Ngô vương ưng thuận, lưu lại trong cung trò chuyện suốt ba ngày ba đêm. Ngô vương thấy ông trí dũng phi thường, lập tức ra lệnh cho người trong nước bất kể là sang hèn lớn nhỏ, nếu ai không phục Ngũ Tử Tư tức là không phục Ngô vương, phạm vào tội chết không được miễn thứ⁽⁹⁾. Từ đó Ngũ Tử Tư ra sức trung thành với nước Ngô, nhờ vậy trả được mối thù Sở Bình vương giết cha và anh.

Dân gian còn truyền tụng là sau khi Cơ Quang lên làm vua nước Ngô thì tham lam tàn bạo, vả lại còn trở thành

(9) *Cổ kim đồ thư tập thành, Bác vật hồi biên, Nghệ thuật điện*, quyển 815, *Khất cái bộ, Kỳ sự chi nhị*, dẫn từ *Việt tuyệt thư*.

người lạnh lùng tàn ác, vô tình bất nghĩa dân nước Ngô khổ không nói xiết. Lúc bấy giờ Cơ Quang (tức Hạp Lư) lại sai Ngũ Tử Tư phụ trách việc xây dựng thành Cô Tô (tức Tô Châu), lúc xây thành ông bí mật làm một việc. Sau khi tường thành xây xong, Ngũ Tử Tư nói kín với thuộc hạ "Ta phải chết rồi, nếu nước nhà gặp năm mất mùa, các người cứ phá tường thành ra thì có thể cứu được bách tính". Quả nhiên không bao lâu Ngũ Tử Tư bị gian thần hãm hại, tự sát mà chết, nước Việt cũng thừa cơ diệt nước Ngô. Năm ấy lại hạn hán lụt lội, dân rất cực khổ, ăn sạch cả vỏ cây rễ cỏ, chết đói đầy đường. Lúc bấy giờ thuộc hạ của Ngũ Tử Tư nhớ lại lời ông nói bèn phá tường thành, đào xuống ba thước, phát hiện lớp gạch nền tường thành đều là thóc lúa đóng thành bánh, vì thế mọi người đều tới nhặt "gạch", mỗi người nhặt vài viên mang về nấu chín để đỡ lòng, khiến nhân dân ở đó qua được năm mất mùa. Mọi người đều nói Ngũ Tử Tư ăn cơm Tô Châu nên làm thế để trả ơn người Tô Châu. Về sau ăn mày ở một dải Tô Châu bèn thờ cúng ảnh tượng Ngũ Tử Tư, tôn làm Tổ sư gia, Như vậy Ngũ Tử Tư trong tín ngưỡng dân gian về sau một thân kiêm hai chức, đã là Thần sống lại là Tổ sư gia, ở cả dưới sông trên đất, rất là bận rộn. Mà hiện tượng này trong tín ngưỡng dân gian Trung Quốc thì rất ít có, đủ thấy ông được mọi người tôn kính rất sâu sắc. Về việc Ngũ Tử Tư thối sáo ăn xin trong chợ thì không chỉ sử sách ghi chép, mà một số bút ký truyền kỳ, Đôn Hoàng biến văn, tiểu thuyết, bình thư, hý khúc cũng lấy đó làm đề tài, đủ thấy phạm vi lưu truyền rất rộng, mức độ ảnh hưởng rất sâu. Như vậy trong văn hóa tín ngưỡng dân gian, hiện tượng ông một thân giữ hai chức cũng không khó lý giải. Trong tâm lý dân gian, người ta đều mong mỗi hình tượng mà mình yêu thương kính trọng không những hoàn hảo phi thường mà còn có năng lực phi thường.

Nhưng trong lịch sử cũng có sĩ nhân thất chí làm ăn mày không được người ta thương xót, mà Trần Tử Minh là một ví dụ.

Trần Giám tự Tử Minh, người Quảng Đông, là Cống sĩ cuối thời Minh, đến niên hiệu Thuận Trị thời Thanh thì đỗ được giữ chức Huyện lệnh Hoa Đình (nay là huyện Tùng Giang ở Thượng Hải). Trần Tử Minh là kẻ lòng dạ hẹp hòi độc ác, thích làm nhục người khác, về sau vì lợi dụng chức quyền tham ô lương thực bị bãi quan, lại bị hạ ngục. Sau đó được tha ra, y vẫn ngụ ở đất ấy, không biết làm sao để sống nên thỉnh thoảng lại tới nhà các thuộc hạ nhà dịch cũ để xin ăn. Nếu hơi không được như ý là đem những chuyện sai trái kém cỏi của họ nói ra hoặc báo quan, khiến ai cũng căm ghét. Đến khi về già không có gì ăn, bèn cùng vợ xin ăn trên đường, lại sống đến tám mươi tuổi, sau cùng không có gì ăn mà chết đói⁽¹⁰⁾. Mọi người vốn có thành kiến với ăn mày, đối với người độc ác bị thất chí như Trần Tử Minh thì càng không ai thương xót. Huống chi y thói cũ không bỏ, vẫn tiếp tục gian trá làm tiền, đòi hỏi người khác, rốt lại chết đói cũng là kết quả tất nhiên.

Ẩn sĩ trong đám ăn mày

Ở ẩn trong núi rừng, giang hồ không ra làm quan là ẩn sĩ. Ẩn sĩ là một hiện tượng xã hội đặc biệt, xưa nay đều có, nhưng hoàn cảnh đều khác nhau. *Luận ngữ*, *Quý thị* nói "Ẩn cư dĩ cầu kỳ chí" (Ở ẩn để mong tròn chí), là nói ẩn sĩ hoàn toàn không phải không có chí, mà căn bản cũng không dứt hẳn với cuộc đời, chỉ là mỗi bên đều có sự ham muốn, mong mỗi riêng, nên có cảnh ngộ, vui buồn riêng. *Tuân tử*, *Chính luận* nói "Trong thiên hạ không có kẻ ẩn sĩ, không có người thiện bị bỏ sót", rất khó được như vậy. *Sử ký*, *Hóa thực liệt truyện* nói "Kẻ sĩ ở ẩn nơi hang động là kẻ có danh thì làm sao mà ẩn?". Những người lấy việc quy ẩn hoặc ẩn cư để

(10) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Trần Tử Minh do quan nhi cái, tr. 5477

dương danh xưa nay không thể kể hết, như Đào Uyên Minh thời Tấn là một ẩn sĩ nổi tiếng. Gia Cát Khổng Minh thời Tam quốc vốn là một ẩn sĩ nơi sơn dã mà danh tiếng lẫy lừng, khiến Lưu Huyền Đức ba lần tới lều tranh mời ra, cuối cùng hoàn thành được chí lớn bình sinh, lưu danh sử sách. Dù biết ẩn sĩ chưa chắc đều là thất chí mà "ẩn", ý của "ẩn" là "hiển", "ẩn" mà không "hiển", hoặc không có cơ hội để "hiển", chứ một khi có cơ hội sẽ lập tức phát tích.

Có rất nhiều cách ở ẩn, có người ẩn ở Phật môn Đạo viện, có người ẩn ở thôn xóm quê hương, có người ẩn nơi chợ búa hàng quán, cũng có người ẩn trong đám ăn mày. Cần nói rằng các ẩn sĩ ở ẩn trong đám ăn mày là khó khăn nhất, tình hình cũng rất phức tạp, lúc ẩn lúc hiển, không có khuôn mẫu nhất định. Như ở núi Động Đình vùng Ngô Trung thời Thanh có một người ăn mày không rõ tên họ, bề ngoài như điên khùng, hàng ngày đi xin ăn dọc đường, tối về ngủ ở chùa miếu, chính là một bậc quân tử ở ẩn. Từng có họ Ưng ghi mấy bài thơ tuyệt cú của y, như "Bất tín càn khôn đại, Siêu nhiên thế mạc quần. Khẩu thổ Tam Giáp thủy, Cước đạp vạn phương vân" (Chẳng biết càn khôn lớn, Siêu nhiên khác với đời. Miệng phun nước Tam Giáp, Chân đạp mây muôn nơi), "Hữu hình giai thị giả, Vô tượng thực vi chân? Ngộ đáo vô sinh địa, Mai hoa mãn tứ lân" (Có hình đều phải giả, Không dáng lấy gì trông? Gặp chỗ không sao sống, Hoa mai kín mấy vòng). Lại có bài "Đăng hỏa huy hoàng khánh thử tiêu, Dạ thâm nhi nữ bất tương chiêu. Phá bỏ đoàn thượng tam canh mộng, Na quán minh triều thị tuế triêu!" (Đèn lửa huy hoàng suốt tối vui, Đêm khuya con cái chẳng buồn mời, Trên bỏ đoàn rách ba canh mộng, Nào kể ngày mai đã tết rồi!), "Nhất tượng xuyên vân đáo thượng phương, Hồ quang sơn sắc tổng mang mang, Càn khôn hữu ngã năng đàn dẫn, Minh nguyệt thanh phong để thái mang" (Một tượng xuyên mây tới cõi trời, Ánh hồ sắc núi thấy chơi vui, Càn khôn có tớ là

thong thả, Gió mát trăng thanh đến hết đời)⁽¹¹⁾. Y không bị ràng buộc vướng víu, an nhàn vui thú như nhà sư vân du, mà tối tới ngủ ở chùa miếu cứ lủi thủi một mình. Từ những bài thơ giản dị như lời nói thông thường trên đây, cũng đủ thấy tâm tích của người ở ẩn trong đám ăn mày trên giang hồ, tức "Cần khôn có tớ là thông thả".

Lại thử xem thêm vài ví dụ dưới đây.

Thời Thanh, ở chợ Tây Phúc Châu một hôm có một người ăn mày tới, vóc dạng nhỏ thó, mặt mũi gầy gò, áo quần rách rưới, cầm một cái bao vải phồng phồng không biết đựng gì ở trong. Y vừa lờ mờ bước đi vừa thỉnh thoảng ngâm thơ. Người trên đường cảm thấy kỳ quái, có kẻ đứng lại nhìn, có kẻ đi theo. Tới một bãi đất trống chỉ thấy y rút cái bao xuống đất, rút ra một tờ giấy trải xuống đất, trên có viết sáu chữ khải ngay ngắn "Bốn bể giúp người đau khổ" (Tứ hải tán nhân thống khổ) lớn như đồng tiền, chữ nhỏ bên dưới thì kể mình là người từ đất Chiết tới đất Mân tìm người thân không gặp, phải lưu lạc tới nỗi này, đã nhịn đói ba ngày không có gì ăn, xin các vị vui lòng giúp đỡ vãn vãn. Nhất thời người chung quanh xúm lại xem thương xót, ném cho mấy chục đồng tiền đồng. Nhưng y hoàn toàn không đếm xỉa tới, thông thả rút trong bao ra một bộ sách, cao giọng ngâm đọc, âm thanh sang sảng, trong đó phần lớn là lời ẩn ngữ. Qua nhiều lần như thế mới cúi xuống nhặt tiền dưới đất, ngang nhiên đi tới một cửa hàng sách, mua sách giắt vào lưng rồi đi ra. Có người không kìm được kinh ngạc bèn hỏi y "Tại sao người lại có tiền mua sách?", không ngờ y khịt mũi nói "Người không phải là chim hồng chim hộc thì làm sao biết được chí hướng của ta!". Nói xong phất tay áo bỏ đi, sau

(11) Vương Sĩ Trinh, *Tri bắc ngẫu đàm*, quyển 25, *Đàm dị, Động Đình cái giả*. Thanh bị loại sao, Ẩn dật loại, *Động Đình cái giả* vì ẩn quân tử có trích lại.

đó không ai gặp nữa⁽¹²⁾. Đủ biết đó là một ẩn sĩ lòng mang chí lớn ở ẩn trong đám ăn mày.

Trong niên hiệu Đạo Quang thời Thanh, trước chùa Vĩnh Quang trong cửa Hải Đại thành Bắc Kinh có một người ăn mày khoảng bốn mươi tuổi giỏi đánh gậy, lại khéo nói chuyện khôi hài, thỉnh thoảng đem lời tục ngữ phổ thành khúc hát, làm khuynh đảo cả chợ, mọi người tranh nhau cho tiền. Xin được tiền rồi thì y lập tức ăn một bữa no say, còn thừa thì cho ăn mày khác, không giữ lại một đồng. Theo chỗ người ta biết, gã ăn mày ấy là con nhà thế thân huân cứu, từng được tập tước hầu, cầm kích hầu vua ở cửa Càn Thanh. Hơn ba mươi tuổi thì bỏ nhà ra đi, ở ẩn trong đám ăn mày. Có lúc vài tháng về nhà một lần, có lúc cả năm không về. Người nhà nhiều lần năn nỉ y về để hưởng dụng của ngon vật lạ, nhưng y cũng chỉ ở lại ba bốn ngày, rồi nhân lúc người nhà không đề phòng lại cải trang hay leo tường trốn đi. Triều đình được tin cũng không biết làm sao, đành lấy cớ y có bệnh xóa tên trong danh tịch Bát kỳ, cho con y được tập tước⁽¹³⁾. Loại quái nhân bỏ hết vinh hoa phú quý không hưởng, lại muốn làm ẩn sĩ trong đám ăn mày như thế không biết chí hướng thế nào, nhưng tuyệt nhiên chắc chắn không phải không có duyên cớ, hoặc vì thấy rõ được kẻ sĩ trong cõi trần ai, thế gian vốn cũng có chuyện như thế.

Cũng dưới thời Thanh, có một người ăn mày tự xưng là Lý Tiên, không biết tên thật là gì, cả ngày mang một cái bầu rượu lớn vào chợ xin ăn, được tiền là mua rượu, mọi người đều gọi y là Gã ăn mày đeo bầu (Hồ lô cái). Uống rượu say là y rải tiền ra trên đường cho bọn trẻ con tranh nhau nhặt, lấy đó làm vui. Vì thế y đi tới đâu cũng có hơn trăm đứa nhỏ theo sau. Người trong chợ khổ vì ôn ào bèn cho

(12) *Thanh bị loại sao, Ẩn dật loại, Kỳ cái ẩn vu khát*, tr. 1468

(13) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Vĩnh Quang tự tiên chi cái*, tr. 5483 - 5484.

nhiều tiền để y đi cho khuất mắt, nên y xin được nhiều tiền gấp mười những người ăn mày khác. Nghe nói y biết chữ, người trong chợ bèn đưa một trăm đồng bảo y làm tờ cam đoan không trở lại thì y lập tức ưng thuận (về sau cũng không bội ước). Lúc bấy giờ làm tờ cam đoan, nhưng trước khi viết một chữ y lại hướng về phía bắc lạy ba lạy, viết rằng "Năm Mão niên hiệu Hoàng đế Quang Tự chúa ta, thần là ăn mày Lý Tiên viết". Có người hỏi "Người khốn cùng lưu lạc tới mức này, sao còn tha thiết không quên ơn hoàng đế?". Y đáp "Tôi không có công lao gì mà được trăm người cho ăn uống, quan lại cũng không cho là có tội, đó đều là ân điển khoan hồng của hoàng đế đấy! Hiện nay trong thiên hạ người coi một huyện thì no say ở một huyện, người coi một quận thì no say ở một quận. Họ cũng không có công lao gì như tôi, nhưng tôi thì lấy làm nhục nhã vì ăn bám vào hàng trăm người, nên càng không dám quên ơn hoàng đế". Có người hiểu ý bèn nói "Đây là một người ăn mày có đặc hạnh", có người nói "Y vốn là thư lại, làm việc trong nha môn, vì thấy quan trên chỉ biết bóc lột trăm họ, bất kể tới việc dân đen sống chết nên nổi giận, nên cố ý làm như vậy để chế nhạo"⁽¹⁴⁾.

Tương truyền năm Quang Tự thứ 23 (1897) trong thành Bắc Kinh xuất hiện một người ăn mày khoảng sáu mươi tuổi, râu tóc bạc trắng, tự xưng là Lão già hồ lô (Hồ lô tẩu). Y không đội mũ, không đi hài, mùa đông mùa hè cũng đều chỉ có một tấm áo đơn, cầm một cái bầu lớn, phàm xin được gì đều bỏ vào đó. Nếu xin được tiền thì đem chia cho người khác hoặc mua pháo đốt. Mọi người thấy y giống kẻ ngây ngốc điên khùng nên gọi là Lão già hồ đồ (Hồ đồ tẩu). Có người ngờ y là tiên, tranh nhau tới xin học đạo. Y nói "Ta không những không phải tiên, mà xưa nay vốn không có ai là thần tiên. Nói là thần tiên chỉ là lừa dối người đời". Có người nói y trước đây là Huyện lệnh huyện Mỗ tỉnh Sơn Tây, vì

(14) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Hồ lô cái tự hồ viết Lý Tiên, tr. 5489.

cương trực làm mất lòng quan trên, họ nhiều lần làm nhục, muốn đưa y vào chỗ chết, vì thế y bỏ nhà vào ở ẩn trong giang hồ, y nói "Bỏ hết người thân để cầu yên thân một mình thì ta không làm". Có người nói y là người Sơn Đông, lúc trẻ có tài danh mà nhiều lần thi rớt, vì vậy phát phần đi làm ăn mày, y nói "Ta vốn không có tài năng gì, nhưng cho dù có tài mà không được dùng cũng là chuyện thường thấy, cần gì phải nổi giận!". Có người hiếu sự hỏi "Tại sao ông thích đốt pháo thế?". y đáp "Là muốn đánh thức những người đang nằm mộng". Những người hiếu sự cho nhiều tiền, y nói "Tôi không cần nhiều như thế", chỉ lấy vài đồng, còn bao nhiêu thì trả lại hoặc chia cho những người ăn mày khác hoặc cho bọn trẻ còn trên đường. Lúc bấy giờ triều chính nay thế này mai thế khác, y tức giận nói "Sắp có loạn rồi, không thể ở đây lâu được". Sau đó không ai thấy y nữa, không biết là đi đâu. Quả nhiên sau đó ba năm (tức năm 1900) phát sinh vụ biến loạn Canh tý⁽¹⁵⁾. Rõ ràng đây không phải là một người ăn mày tầm thường, nếu không phải là một ẩn sĩ chống nhà Thanh thì cũng là một kẻ sĩ có kiến thức ở ẩn dưới đáy xã hội.

Còn có một loại nhĩ sĩ ở ẩn trong đám ăn mày, thuộc loại lấy việc cười cợt người đời làm trò vui. Ở Phượng Đài thời Thanh có một Chư sinh tên Mã Thế Hiếu là thuộc loại này. Mã Thế Hiếu tính tình hào sảng, vợ chồng đều ưa thích thi phú và Phật học, hết ngấm vịnh xướng họa lại nghiên cứu Thiên lý, thường thức đến sáng. Y nhiều năm du ngoạn các danh sơn danh thủy ở Giang Nam, về sau đổi tên là Khoáng, hiệu là Ông Hằng, hành tung bất định. Về sau ở huyện Túc Thiên phát hiện một người ăn mày chết, trong bọc còn một bài thơ, cuối ghi "Thơ tuyệt mệnh của người ẩn sĩ ăn mày là Ông Hằng" (Cái ẩn Ông Hằng tuyệt bút). Huyện lệnh vô cùng lạ lùng, sau khi chôn cất y liền cho khắc in bài thơ, lại theo

(15) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Hồ đồ tẩu khất vu Yên thị*, tr. 5490 - 5491.

vân họa lại, lập một tấm bia viết "Mộ của người ẩn sĩ ăn mây là Tiên sinh Ông Hằng". Khi bài thơ tuyệt mệnh của người ăn mây chết ở huyện Túc Thiên ấy truyền tới tay vợ Thế Hiếu là Tấn thị, nàng đọc xong khóc lớn, nói "Người chết đúng là chồng ta rồi!". Trên bài thơ ấy không đề tên, nhưng khi gia nhân tìm tới so sánh, quả nhiên đúng thế⁽¹⁶⁾. Theo đó đại khái có thể biết những người ăn mây không chuyên tâm vào đường sĩ hoạn, bỏ học viễn du cũng là kẻ sĩ "nhìn rõ hồng trần", nên lấy việc lưu lạc ẩn xin làm nơi trú ẩn cuối cùng.

Sĩ nhân phóng túng nhạo đời lấy việc ăn xin làm vui

Vì nhiều nguyên nhân phức tạp mà tránh đời, trong sĩ nhân những kẻ không theo đời, phóng túng không chịu ràng buộc, thời nào cũng có. Và lại có nhiều người vì thế mà trở thành danh sĩ phong lưu. Vua chúa còn có kẻ lấy việc ăn mây làm trò vui thì kẻ sĩ phong nhã cũng không ít người như vậy, đều là một hành vi phản đối thế tục biến thái, một hiện tượng phản ánh tâm lý không bình thường.

Thời Nam Bắc triều, triều Lương vương có một vị tướng quân họ Tào tên Cảnh Tông, tự Tử Chấn, người Tân Dã (tỉnh Hà Nam) kiêu dũng thiện chiến, nhiều lần lập đại công. Y từ nhỏ đã giỏi cung ngựa, thích săn bắn, về sau làm quan tới chức Thị trung, Trung vệ Tướng quân, Thứ sử Giang Châu, năm 52 tuổi chết trên đường phó nhiệm. Y là người tự tin tự ngạo, gặp chữ nào không biết thì không chịu khuất thân đi hỏi người khác mà tùy ý sửa đi. Đồng thời lại hay rượu thích nhạc, cứ tháng chạp là từ nhà đùa giỡn ra đi, tới nhà các thuộc hạ trong nha môn xin ăn xin ngủ, lấy đó làm trò vui. Lúc bấy giờ đám thuộc hạ dưng mảnh tình nhuệ dưới quyền của y cũng thừa cơ chọc ghẹo phụ nữ, cướp đoạt tiền

(16) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Mã Thế Hiếu ẩn vu cái*, tr. 5477 - 5478.

bạc của người ta. Không ngờ sự tình truyền tới tai vua Cao tổ nhà Lương, Tào Cảnh Tông mới bị cấm không được chơi bởi như thế nữa. Nhưng hoàng đế hoàn toàn không trách phạt gì y. Trước kia Cao tổ nhiều lần ban yến cho công thần, cùng nhau bàn việc, Cảnh Tông thỉnh thoảng say rượu quên mất, hoặc lỡ miệng tự xưng là hạ quan, hoàng đế cũng lắng nghe, lấy đó làm vui⁽¹⁷⁾. Xem ra ngay cả những hành vi cậy công làm bậy của y cũng được Thiên tử đương triều thưởng thức, chẳng lạ gì mà y giở ra đủ trò.

Bùi Lâm tự Công Mỹ nhờ thư pháp, văn chương mà nổi tiếng là danh sĩ thời Đường, trong niên hiệu Đại Trung đời Đường Tuyên tông Lý Đàm từ chức Thị lang bộ Binh thăng làm Đồng Trung thư môn hạ Bình chương sự, trong năm năm thay giữ chức Tào vận, ngăn cấm phương trấn hoành hành, chính tích rõ ràng. Mà trong nhà nhiều đời tin đạo Phật, đến đời ông lại càng quá hơn. Cho nên một bậc nhà sĩ như thế lại cũng thỉnh thoảng mặc áo nhà sư, cầm chén tới ăn xin ở các nhà ca kỹ để làm vui, làm thành một trang dật sự phong lưu⁽¹⁸⁾.

Hàn Hy Tải tự Thúc Ngôn người Bắc Hải Duy Châu nhà Đường thời Ngũ đại, thi đậu Tiến sĩ trong niên hiệu Đồng Quang đời Trang tông Lý Tồn Húc nhà Hậu Đường (923 - 926). Cha là Hàn Quang Tự bị Minh tông giết, vì vậy ông qua sông theo nhà Nam Đường, thời Lý Lạp làm quan tới chức Thượng thư bộ Binh. Ông tính tình phóng khoáng không chịu luồn cúi, mặc dù bị nạn lưu lạc mà thủy chung vẫn không chịu thất tiết, văn chương rất hay, danh tiếng sánh ngang Từ Huyền, sĩ nhân tăng đạo nhiều người bỏ ra nhiều tiền để xin thơ của ông. Nhưng một vị nhà sĩ như thế mà cũng từng tới kỹ viện xin ăn làm vui. Tương truyền từng

(17) *Lương thư*, quyển 9, *Liệt truyện đệ tam*, Tào Cảnh Tông.

(18) *Tục văn kỳ loại lâm*, theo *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Bác vật hồi biên*, *Nghệ thuật diễn*, quyển 815, *Khất cái bộ*, *Kỷ sự chi tử*.

có lần ông mua hơn trăm người nữ nhạc, cả ngày đàn đúm với họ, mặc áo rách, đi hài thủng đóng vai kép hát mù, cầm đàn độc huyền theo môn sinh là Thư Nhã cầm phách dẫn đi, tới phòng các ca kỹ xin ăn, lấy đó làm trò vui. Tô Đông Pha thời Tống có một bài thơ tạ ơn người bạn là Bão Giác tặng áo sư cũ rằng "Bệnh cốt nan kham ngọc đới vị, Thuần căn nhưng lạc tiền phong ky (cơ), Dục giao (giáo) khát thực ca cơ viện, Cố dữ vân sơn cữu nạp y" (Xương bệnh khôn đeo đai ngọc châu, Căn cơ rơi rụng tựa tên mau, Muốn sai khát thực nơi ca viện, Áo cũ nhà sư lấy tặng nhau) là dùng điển cổ Hàn Hy Tải phong lưu nói trên⁽¹⁹⁾. Hành động kỳ lạ không phù hợp với thế tục ấy đại để có liên quan với việc cảnh ngộ nhất thời không được tốt đẹp mà nảy sinh sự phiền muộn khinh thường không theo thói đời, nảy ra ý tưởng hành lạc. Như Hoàng Triều Anh thời Tống trong *Tĩnh Khang tương tổ tập* ký viết "Hàn Hy Tải vốn người Cao Mật, khi Hậu chủ tức vị, nghi ngờ các quan người phương Bắc, nhiều người bị hạ độc giết chết nên Hy Tải sợ hãi, lại càng buông thả, không theo lễ pháp". Lại như Chu Mật thời Tống trong *Quý Tân tạp thức* bình luận "Người sau chê bai vì việc ngày đêm yến tiệc, nhưng về tình cũng có chỗ đáng thương". Đủ thấy thân ở chốn sĩ lâm tuy phong nhã thanh cao nhưng cũng có nhiều nguy hiểm cay đắng, không thiếu những ẩn tình đau khổ. Cho tới Điện trung Ngự sử Tiền Khởi trong niên hiệu Trị Bình đời Anh tông Triệu Thự thời Bắc Tống (1064 - 1067), vì hặc tội Tôn Xương Linh hòa theo Vương An Thạch mà bị đày ra Tú Châu, nhà nghèo mẹ già, xin ăn ở các nhà bạn bè thân thích, lại thân nhiên không có thái độ của quan lại bị biếm, được sĩ lâm khen là phong nhã, không đánh mất khí tiết kẻ sĩ. Vì thế Tô Đông Pha trong thơ tặng nói ông "Mã Phủ tiên sinh thiết tác can" (Mã Phủ tiên sinh sắt đúc gan), nên có

(19) Về việc này các sách sử cũ có ghi rất nhiều, như *Tục vấn kỳ loại lâm*, *Tĩnh Khang tương tổ tập ký*, *Quý Tân tạp thức*, *Diệu Hương thất tùng thoại*, các thuyết đều có chỗ dị đồng.

hiệu là "Ngự sử gan sắt" (Thiết can Ngự sử). Nhưng so với Hàn Hy Tải ông lại không tránh khỏi khiến người ta nảy sinh tâm lý bị đè nén không thoải mái, không được khoáng hoạt như họ Hàn. Hàn Hy Tải phóng túng hình hài, bộc lộ con người thật, còn Tiền Khởi thì đạo mạo giữ mình, không khỏi có chỗ đáng kịch.

Thân sĩ kết bạn với ăn mày

Tục ngữ nói Một người dắc đạo thì gà chó trong nhà cũng lên tiên. Quan niệm bấy đàn tông tộc trong văn hóa truyền thống Trung Quốc có nguồn sâu dòng xa, thâm căn cố đế. Nhưng các thân sĩ cũng chưa chắc đã bảo đảm được cho bạn bè thân thích không trở thành ăn mày, nếu có ai làm mất tiếng nhà, làm nhục tổ tiên thì cũng không biết làm sao. Tương truyền Tô Tử Chiêm rất ưa thích hiền sĩ trong thiên hạ bất kể giàu nghèo sang hèn, từng tự xưng "Trên có thể gặp Ngọc hoàng Đại đế, dưới có thể bồi tiếp ăn mày trong Ty điện viện"⁽²⁰⁾. Thân thích bạn bè làm ăn mày thì cũng là thân thích bạn bè.

Cháu cố Tướng quốc Văn Cung Công Vương Thạc Linh thời Thanh tức cháu nội Viên ngoại Vương Ấu Văn lấy việc đi xin ăn trong chợ làm vui, lúc xin ăn không hát khúc *Liên hoa lạc* mà làm thơ. Người trong chợ phần nhiều đều biết là ai nên thường cho tiền. Cha mẹ nhốt ông trong nhà, trói chặt mà vẫn tìm cách trốn ra, theo lệ đi xin ăn, đêm thì ngủ trên thớt thịt trong chợ, về sau không biết ra sao⁽²¹⁾. Người xuất thân trong gia đình quý hiển như thế, vốn không phải lo cái ăn cái mặc mà lại cam tâm vui vẻ làm ăn mày, tuy làm bại hoại gia phong, nhục nhã thể diện, cũng không biết làm sao.

(20) *Mộng Hoa Châu nhân lục*, theo *Cổ kim đồ thư tập thành, Bác vật biên, Nghệ thuật diễn*, quyển 815, *Khất cái bộ, Tập lục chi nhị*.

(21) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Vương Mỗ lạc vì cái*, tr. 5483.

Lại như giữa niên hiệu Quang Tự thời Thanh trong đám ăn mây trú ở Hoãn Xưởng phía nam thành Bắc Kinh có một lão thái gia là Tôn thất trong triều, cũng là một người thích làm ăn mây. Thỉnh thoảng có bậc quý nhân mặc trường bào mang áo khoác tới trước mặt y thỉnh an cho tiền. Vị lão thái gia này tính nết khó thương, thỉnh thoảng gây sự đánh nhau. Người quản lý Hoãn Xưởng sai trối lại, lão thái gia nói "Người trối ta thì dễ, nhưng nên biết trả ta thì không dễ đâu". Người kia làm ra vẻ giận dữ nói "Không chỉ trối người mà còn đánh người nữa kia". Lúc ấy người cầm gậy đánh muốn cởi trối, lúc cởi thì thấy trong quần của lão thái gia có thất lạng vàng. Theo lệ cũ nếu không phải người Tôn thất thì không được đánh đập trừng phạt người trong Tôn thất. Bèn nói "Người đi đi, ta không đánh người", xem ra trong Tôn thất quý hiển không những có kẻ làm ăn mây, mà làm ăn mây vẫn được hưởng đặc quyền của người trong Tôn thất, cũng là loại đặc biệt mà ăn mây tầm thường không sao với tới⁽²²⁾.

Trong thân thích bạn bè mà có người đi làm ăn mây có thể vì đó làm mất thể diện, nhưng sĩ nhân cũng có người kết giao với ăn mây. Thời Thanh ở huyện Lai Dương tỉnh Sơn Đông có nhà sĩ Khương Học Tại, tự Thực Tiết, con thứ hai quan Hoàng môn Trinh Nghị. Ông ra chơi ở núi Đông Sơn Động Đình, không đi lại với kẻ có tiền mà ở trong chùa Tương Dương, mời một người ăn mây để thơ tuyệt cú trên vách chùa ăn tiệc, coi là khách quý, cùng uống rượu ăn cơm. Người ăn mây không rõ tên họ ấy cầm tay Học Tại nói "Ông đúng là tri kỷ của tôi". Học Tại càng cao hứng, từ đó thường trò chuyện với y. Qua nhiều ngày tháng, chuyện gì cũng rõ. Hòa thượng trong chùa bèn đuổi người ăn mây đi, y tất Hòa thượng một cái rồi bỏ đi không trở lại. Về sau Khương Học

(22) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Lão Thái gia điệch hành khất, tr. 5487 - 5488.

Tại trên đường lại hỏi han tin tức của y. Người lúc bấy giờ mới nói Học Tại không kết giao với người đảng hoàng, nhưng ông không buồn để ý⁽²³⁾. Như thế quả rất có khí khái "có thể bồi tiếp ăn mày" của Tô Tử Chiêm. Để vương khanh tướng, sĩ nhân học giả đều có người xuất thân từ ăn mày hay lưu lạc làm ăn mày, bạn bè thân thích của họ cũng không thiếu người như vậy thì kết giao với ăn mày, mời ăn mày vào tiệc có gì không đúng? Huống chi cho dù từ thời Tống Nguyên trở đi ăn mày dần dần rơi vào chỗ trụy lạc biến chất, nhưng trong đó vẫn có không ít người là kẻ hiền tài ẩn sĩ thất chí.

Giả ăn mày tránh nạn và ăn xin gom tiền dấy việc học

Có một số văn nhân không thèm đếm xỉa tới ăn mày, khịt mũi khinh bỉ, ai ngờ lúc nguy cấp vẫn có thể cải trang làm ăn mày để tiêu tai giải họa. Theo *Tống sử*, *Trương Vĩnh Đức truyện* thì Trương Vĩnh Đức tự Bảo Nhất, người Dương Khúc Kinh Châu, cha là Trương Dĩnh làm quan tới chức Phòng ngự sứ An Châu. Năm Vĩnh Đức bốn tuổi thì mẹ là Mã thị bị xuất, nhờ bà nội nuôi nấng, mẹ kế là Lưu thị nổi tiếng có hiếu. Có Chu Tổ đầu tiên làm Thị vệ sứ, rất thân thiết với Trương Dĩnh, còn hứa gả con gái mình cho Vĩnh Đức. Lúc Vĩnh Đức đón mẹ và vợ tới Tống Châu, đang lúc giặc cướp nổi lên, vì thế bèn đổi quần áo, bôi bẩn mặt mũi, ở trong hẻm nhỏ, gặp lúc giặc kéo qua, bèn bước ra xin ăn. Đối phương không bố thí, nói "Đây là nhà tế bần thu dưỡng bọn ăn mày", không quấy nhiễu mà bỏ đi, nhờ thế cả nhà tránh được tai họa. Thật đáng gọi là cơ trí, nhưng lúc bấy giờ thì không thể nghĩ tới việc sánh ngang với bọn ăn mày là sự nhục nhã cho tổ tiên nữa rồi⁽²⁴⁾.

(23) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, *Khuông Học tại diên cái thượng tọa*, tr. 5479

(24) *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Bác vật hồi biên*, *Nghệ thuật diễn*, quyển 815, *Khất cái bộ*, *Kỹ sự chi tam*.

Ngày 19 tháng 10 năm Đạo Quang thứ 18 nhà Thanh, tức ngày 5. 12. 1838, người nông dân nghèo Vũ Tông Ngụ ở Vũ gia trang tại Đường Ấp tỉnh Sơn Đông (nay ở phía tây Liêu Thành) sinh được đứa con thứ bảy là Vũ Thất. Y chính là Vũ Huấn làm ăn may xin tiền dựng trường nghĩa học mà các sử sách thời cận đại xưng tụng là "Khoảng thế kỷ nhân".

Vũ Thất vốn không phải là người trong sĩ lâm mà là một người ăn mày. Y xuất thân hoàn toàn không phải là con nhà thư hương, mà là từ một nhà thế gia nông dân nhiều đời thiếu ăn. Ngoài cha mẹ, Vũ Thất còn có một chị gái lấy chồng xa và một người anh tên Vũ Nhượng. Năm y năm tuổi thì cha mất, gặp lúc liên năm mất mùa, anh trai vừa hơi lớn đã một mình xa nhà mưu sinh, y thì theo mẹ là Thôi thị xin ăn khắp chốn để sống qua ngày. Xin được thức ăn thì lựa chọn vật nào không ngon thì mình ăn, vật nào ngon thì giữ cho mẹ, có lúc còn ca hát này nọ cho mẹ vui vẻ. Ăn mày không có tiền để học hành, nhưng điều đó vẫn không làm mất đi sự ham muốn được học hành của y. Lúc xin ăn, vừa nghe thấy trẻ con trong trường học đọc sách sang sảng, y bất giác dừng chân lắng nghe, không muốn bỏ đi. Thậm chí mỗi khi thấy trẻ con trong làng vào trường hoặc tan trường, cũng bất giác cung cung kính kính đi theo một đoạn. Làm thế thì thường bị chửi mắng ghét bỏ không sao tả xiết. Một hôm y không tìm được lòng ham muốn học hành, sấn vào trường xin tiền sinh cho học, kết quả là chỉ rước lấy một trận đòn và sự mắng chửi chế nhạo của bọn học trò. Y vô cùng đau khổ, về nhà khóc nói với mẹ "Trẻ con nhà người ta đều đi học, tại sao con không được đi học?". Thôi thị rưng rưng nước mắt an ủi con "Nhà ta nghèo không có cơm ăn, làm sao có tiền cho con đi học? Đi học phải có tiền! Thằng nhỏ ngốc, đừng mơ tưởng hão huyền nữa". Y cực chẳng đã chỉ còn cách hàng ngày cầm gậy đánh chó, đội nón rách lạy ông đi qua lạy bà đi lại dọc theo đường phố xin ăn. Năm bảy tuổi thì mẹ lại qua

đời, y được một bà bác tốt bụng nhận về nuôi dưỡng. Bà bác này nhà cũng rất nghèo nhưng còn chưa tới mức phải đi xin ăn, y cũng tạm thời chấm dứt được lịch sử hai năm ăn mày.

Đứa nhỏ bảy tuổi rồi lại vẫn còn trong trắng. Y vì không cần phải đi xin ăn nữa bèn muốn đi học. Năm chín tuổi, y không kìm được khát vọng trong lòng bèn lớn mật xin bà bác cho đi học. Bà bác buồn rầu trả lời khiến y rơi vào nỗi thống khổ tuyệt vọng "Sách vở không phải chuyện đứa trẻ nhà nghèo có thể nghĩ tới, lớn lên còn phải lo kiếm miếng cơm nữa!". Học hành không được, không biết làm sao, không chịu nhận khổ cũng không được. Nhưng việc nhiều lần nhận ra cái khổ của việc mù chữ lại kích thích ý muốn xây dựng một trường nghĩa học cho trẻ em nhà nghèo ở y - cái nguyện vọng gần như ảo tưởng ấy cuối cùng đã được thực hiện.

Năm mười sáu tuổi, Vũ Thất trôi nổi xin ăn lưu lạc tới thôn Tiết Điểm huyện Quán Đào, làm thuê cho Cử nhân họ Trương, ngă giá mỗi năm sáu ngàn đồng tiền công. Liên tiếp được ba năm, được tin bà bác bị bệnh, cũng định nhận tiền công trở về hiếu kính. Ngờ đâu Cử nhân họ Trương coi thường y thành thật mà ngu dốt không biết chữ, bèn lấy sổ sách giả ra lừa y "Tiền công người đã lãnh cả rồi, người xem đây có phải là sổ sách không?", vu cáo y cố ý gian lận, sai người nhà lôi y ra đường đánh cho một trận võ đũa sắt trán toàn thân bầm tím. Sau đó Vũ Thất lại tới làm thuê cho một vị Tú tài, có một hôm chị gái y nhờ người đem tới hai quan tiền, một lá thư cho y, nhưng gặp lúc y không có nhà, vị Tú tài nhận giúp. Khi y trở về, Tú tài đọc thư cho y nghe, nhưng khinh y mù chữ nên lược bớt đoạn nói chuyện gởi tiền, nuốt luôn số tiền ấy. Về sau chị y lại nhờ người tới hỏi thăm là đã nhận tiền chưa, mới rõ được sự thật. Y tìm vị Tú tài chất vấn, dĩ nhiên bị chửi cho một trận. Qua đầu năm, viên Tú tài viết câu đối tết sai Vũ Thất mang dán. Gặp gió xuân liền bay tứ tung, kết quả là đây một sự hồ đồ. Đầu giường thì dán

thiếp đề "Chó mèo bình an", chuồng gà thì dán ngang câu "Cả nhà cát tường". Tú tài cả giận, đánh y hai tát tai nổ đom đóm mắt, lập tức trừ hai phần tiền công đuổi đi. Vũ Thất không nhìn được bèn chửi "Ông là đồ khốn nạn! Lúc đầu khinh tôi không biết chữ, nuốt tiền chị tôi gởi, bây giờ lại trách tôi không biết chữ dán nhầm câu đối, trừ tiền công của tôi, ông còn có lương tâm không đấy? Máy đồng bạc thối ấy thì tôi thém vào, ông cứ giữ mà nút cái mồm chó lại!". Nói xong cầm tiền ném thẳng vào mặt Tú tài, khoác bao phục đi thẳng ra cửa. Điều khiến Vũ Thất không sao nhìn được là chính Trương lão bản anh rể y cũng khinh y không biết chữ mà coi thường y. Anh rể y có mấy mẫu ruộng, làm nghề bán đậu hủ. Ở nhà anh rể y làm việc quần quật, mùa đông áng thì ra ruộng, thỏa thuận mỗi năm một số tiền công. Không ngờ đến cuối năm tính toán tiền công, anh rể y lại cũng đưa sổ giả ra lừa người, nói là đã trả hết tiền công. Vũ Thất không phục nhưng không muốn tranh cãi, có người hàng xóm hỏi chuyện gì, anh rể y bèn đưa quyển sổ giả ra cho xem khiến người kia cho rằng Vũ Thất không biết trọng người trên, chỉ biết có tiền, khiến y có miệng không sao nói được, tức tối bỏ đi. Ai bảo mình không chịu đi học nên không biết chữ! Lần ấy y đau khổ phát bệnh tới nằm ở ngôi miếu hoang trong thôn ba ngày ba đêm không uống một hớp nước, mê man bất tỉnh. Nỗi đau khổ không biết chữ và sự bất bình ấy khiến y không bao giờ quên.

Trong cuộc đời lưu lạc trôi nổi, Vũ Thất thương xót số phận của mình, cũng thương xót những người có cùng số phận như mình trên đời, vì bản thân không biết chữ nên tới đâu cũng bị người ta coi thường làm nhục, những người không biết chữ trên đời há lại không bị coi thường làm nhục sao! Đột nhiên một ý nghĩ lóe lên, phải xây dựng trường nghĩa học cho những người nghèo không có tiền có thể học hành, biết chữ để không bị người ta coi thường. Từ đó Vũ Thất thể

phải đem hết sức mình để cứu những người hậu bối có cùng số phận. Chủ ý đã định, y từ trong miếu hoang lao ra gào lớn như điên cuồng "Làm thuê bị người ta khinh thường chẳng bằng đi xin ăn được tự do, đừng cho rằng ta chỉ xin ăn, sớm muộn gì cũng phải xây dựng được một trường nghĩa học!". Nhất thời làm kinh động cả Vũ gia trang, mọi người đều cho rằng Vũ Thất phát điên. Chỉ có y hiểu rõ trong lòng là mình không hề điên.

Đối với một người ăn mày mà nói, muốn dựa vào hai bàn tay trắng của mình để thực hiện việc xây dựng trường nghĩa học thì nói sao dễ thế! Không cần nói cách đây một thế kỷ, cho dù ngày nay cũng khiến người ta không sao hiểu được, cho rằng đó là ảo tưởng "Mở đường lên trời". Nhưng dưới lòng mong mỏi tha thiết không tiếc hy sinh phấn đấu của Vũ Thất, thì câu "Trời mở vận văn" (Thiên khai văn vận) đã trở thành việc làm hào hùng trong thực tế, lúc còn sống đã có bài phương ghi công, khi đã chết thì được sử quán chép truyện. Thậm chí trường sư phạm Nam Thông trước đây còn bày ảnh truyền thần của Vũ Thất ngang ảnh Khổng tử, khiến y bước vào sĩ lâm thật sự. Nhưng việc thực hiện ước vọng ấy cũng không phải dễ. Đó là Vũ Huấn phải nhịn nhục quy lụy, trải hết cay đắng chịu nhiều gian nan, dốc hết tâm huyết một đời mới đổi được, đến khi chết thì bản thân vẫn chưa biết được một chữ, toàn nhờ danh tiếng có nghĩa cử mà bước vào sĩ lâm, chứ trong thực tế thì ăn xin trọn đời, là một người ăn mày kỳ lạ (Kỳ cái) mà mọi người đều biết tiếng.

Nói ra thật khiến người ta khó mà tin được.

Để xây dựng trường nghĩa học thì trước tiên phải có một số tiền bạc đáng kể. Để tích lũy, gom giữ số tiền ấy thì biện pháp chủ yếu của Vũ Huấn là đi xin. Để dễ xin tiền, trước tiên y hóa trang thành một người xấu xí, hai bên thái dương cắt trọc để mời gọi người ta mở lòng bố thí. Y nói "Bên

này cắt, bên kia lưu, dựng được nghĩa học không buồn rầu, Bên này lưu, bên kia cắt, dựng được nghĩa học không tiếc sức" (Giá biên thê, na biên lưu, tu cá nghĩa học bất phạm sâu, Giá biên lưu, na biên thê, tu cá nghĩa học bất phí lực). Mọi người đều ghẹo y là "mắc bệnh nghĩa học", y lại hát "Bệnh nghĩa học, không nổi nóng, gặp người ta, biết cung kính, được cho tiền, thấy sung sướng, dựng được trường nghĩa học, muôn năm không lay chuyển" (Nghĩa học chứng, một hỏa tính, kiến liễu nhân, bả lễ kính, thưởng liễu tiền, hoạt liễu mệnh, tu cá nghĩa học, vạn niên bất năng động). Gặp kẻ keo kiệt không những không cho tiền mà còn chửi mắng thì y hát "Không cho tôi, tôi chẳng oán, tôi tự có người lành nuôi nấng, Không ép xin, không ép cho, không cần nổi nóng không cần sợ, Tôi hóa duyên, người làm thiện, mọi người cùng xây trường nghĩa học" (Bất cấp yêm, yêm bất oán, tự hữu thiện nhân quản yêm phạm, Bất cưỡng yếu, bất cưỡng hóa, bất dụng trú cấp bất dụng phạ, Yêm hóa duyên, nhĩ hành thiện, đại gia tu cá nghĩa học viện), hoặc hát "Đại gia đại thúc đừng tức giận, lúc nào người không tức giận, lúc ấy tôi sẽ rút" (Đại gia đại thúc biệt sinh khí, nhĩ kỳ thời bất sinh khí, yêm kỳ thời tựu xuất khứ). Các vị thí chủ không biết làm sao, chỉ còn cách cho vài đồng để tống cổ y đi. Có người mỉa mai y là đồ hèn hạ cứng đầu, y nói "Ăn rễ rau, ăn rễ rau, tôi ăn no, không cầu ai, bớt ăn cơm, để dựng trường nghĩa học, Ăn vỏ khoai, ăn vỏ khoai, không cần lửa, không cần nước, bớt tiêu tiền, dựng trường nghĩa học không khó khăn" (Thực thái căn, thực thái căn, ngã ngật bảo, bất cầu nhân, tỉnh hạ phạn, tu cá nghĩa học viện, Ngật vu vi, ngật vu vi, bất dụng hỏa, bất dụng thủy, tỉnh hạ tiền, tu cá nghĩa học bất phí nan). Thậm chí đi xin thì trước tiên xin nước rửa mặt rồi mới hát, y hát rằng "Khát tạng thủy, bất toán tạng, bất biện nghĩa học chân cơ tạng" (Tuy khát nước, không phải khát, không xây nghĩa học mới đói khát). Nếu gặp ai cho hơi nhiều tiền, Vũ Huấn lại mừng rỡ dập đầu lạy tạ, hát lời khen ngợi "Tôi cần cơm, ông làm

lành, dựng trường nghĩa học rồi ông xem. Các ông làm lành tôi nhọc thay, mọi người cùng nhau dựng nghĩa học. Không chê nhiều, không chê ít, sẽ lấy tiền này dựng nghĩa học. Vừa có danh, vừa có lợi, Văn Xương đế quân đã biết tới, sẽ cho con cháu ông ngồi kiệu tám người khiêng" (Ngã yếu phạn, nhĩ hành thiện, tu cá nghĩa học nhĩ khán khán. Nhĩ môn hành thiện yêm đại lao, đại gia bang trú tu nghĩa học. Bất hiềm đa, bất hiềm thiểu, xá ta kim tiền tu nghĩa học. Hựu hữu danh, hựu hữu lợi, Văn Xương đế quân tri đạo liễu, chuẩn giáo nhĩ tử tử tôn tôn tọa bát đài đại kiệu).

Xưa nay đám ăn mày đều lo việc mưu sinh, cũng tự có những thủ thuật để xin ăn. Vũ Huấn vì muốn có tiền xây dựng nghĩa học cũng thường vận dụng một số thủ đoạn xin ăn mà mình có thể làm. Để người bố thí vui vẻ, xin thêm được ít tiền, có lúc y tới đám lễ hội hoặc chợ búa đông người biểu diễn trò "Túm đầu" (Nã đại đỉnh) (còn gọi là "Dựng chuồn chuồn" - Nhụ thanh đình). Y hai chân chống lên trời, hai bàn tay xòe ra dưới đất theo thế "Chân rết" (Yết tử qua), có thể giữ nửa giờ không đổ xuống. Y vừa biểu diễn vừa hát "Chống một cái, được một đồng, chống mười cái, được mười đồng, chống càng lâu, tiền càng nhiều, ai nói không dựng nổi nghĩa học? Chống một lúc, được một đồng, chống mười lúc, được mười đồng, dựng trường nghĩa học không tiếc công" (Nhụ nhất cá, nhất cá tiền, nhụ thập cá, thập cá tiền, nhụ đắc đa, tiền dã đa, thù thuyết bất năng hưng nghĩa học? Qua nhất tao, nhất cá tiền, qua thập tao, thập cá tiền, tu cá nghĩa học bất phí nan). Có lúc y còn bò trên mặt đất, cho bọn trẻ con thay nhau cưỡi lên như cưỡi ngựa, thậm chí cho phép hai ba đứa cùng ngồi lên lưng vui đùa, để dễ xin tiền. Y vừa bò vừa hát "Ta làm ngựa, cho người cưỡi, người cho tiền, ta ra sức, xây trường nghĩa học không hề uống. Cưỡi thật vững, bò thật nhanh, ta vui vẻ, người yên ổn, dựng trường nghĩa học lâu dài mãi" (Ngã tác mã, nhượng nhĩ kỵ, nhĩ xuất tiền, yêm

xuất lực, biện cá nghĩa học bất phí sự. Kỳ đắc ổn, qua đắc khoái, yêm cao hứng, nhĩ tự tại, tu cá nghĩa học vinh bất hoại). Có lúc y lại dùng rắn rết để xin tiền, tại đương trường biểu diễn nuốt sống rắn rết. Y hát "Rắn ăn được, không cần sợ, dụng trường nghĩa học toàn do ta, Nuốt con rết, nuốt con rết, dụng trường nghĩa học là việc ta" (Xà khả thực, bất yếu phạ, tu cá nghĩa học toàn tại ngã tự gia. Ngật yết tử, ngật yết tử, tu cá nghĩa học ngã đích sự). Có lúc lại biểu diễn nuốt gạch ngói mảnh gốm để xin tiền, người ta cười y "Vũ Thất, người điên thật rồi. Gạch ngói mà ăn được à?". Y lại lập tức nuốt tại chỗ, còn hát rằng "Gạch nát ngói vỡ, đều có thể tiêu hóa, không dụng nghĩa học, mới bị người khinh rẻ!" (Phá chuyên toái ngổa, đồ năng tiêu hóa, bất tu nghĩa học, tài nặc nhân tiếu thoại). Thậm chí có kẻ không có chút lương tâm, lại bỏ ra mấy đồng tiền dụ Vũ Huấn ăn phân uống nước tiểu, y cũng vui vẻ chấp nhận. Trước bấy nhiêu sự khinh rẻ lãng nhệch y vẫn thản nhiên, khiến người viết truyện về sau không nỡ chép lại hết những câu ca dao mà y hát lúc bấy giờ

Dựa vào việc xin ăn để gom góp tiền bạc không đủ, Vũ Huấn thỉnh thoảng còn làm thuê kiếm tiền, như xay thóc, xe dây, hót phân, cắt cỏ, đắp bờ ruộng. Xin nghe mấy câu hát của y:

"Xay thóc, xay thóc, một đấu lúa mạch được sáu chục (sáu mươi đồng chế tiền). Lo xay không lo sàng, Lo sàng nhiều tiền hơn" (Thôi ma, thôi ma, nhất đấu mạch tử lực thập cá. Quân thôi bát quán la, Quân la tiền hoàn đa).

"Nắm đầu dây, tết sợi dây, sớm tối xây dựng trường nghĩa học. Tết sợi dây, nắm đầu dây, dụng trường nghĩa học chẳng hề sâu" (Nắm tuyến đầu, triền tuyến tao, tảo văn tu cá nghĩa học viện. Triền tuyến tao, nắm tuyến đầu, tu cá nghĩa học bất phạm sâu).

"Cho tôi tiền, tôi đắp liễn, dựng trường nghĩa học không tiếc công" (Cấp ngã tiền, ngã đốn điền, tu cá nghĩa học bất phí nan).

"Hót phân, cắt cỏ, đắp bờ cứ tới tì, lo đen không lo xong, bất kể tiền ít nhiều" (Sái phần, tặc thảo, lập thuận tử lai dặc, quán hắc bất quán liểu, bất kể tiền đa thiểu).

Tóm lại, những điều mà Vũ Huấn thường nghĩ thường làm đều để thực hiện việc xây dựng nghĩa học. Để gom góp tiền bạc cho nghĩa học, những chuyện người khác không làm thì y làm, tất cả đều cam tâm tình nguyện hết lòng dốc sức. Việc xây dựng nghĩa học trở thành niềm vui tinh thần duy nhất chi trì cuộc đời y, tất cả mọi cay đắng tủi nhục y đều vượt qua được. Có lần mái ngói miếu mà y ngụ bị sập, gạch ngói rơi trúng đầu y tóe máu, y vẫn vui vui vẽ vẽ hát rằng "Bị vỡ đầu, tóe tóe lữa, xây trường nghĩa học toàn do tớ" (Đả phá đầu, xuất xuất hỏa, biện cá nghĩa học toàn tại ngã). Có thể nói việc xây dựng nghĩa học đã đưa Vũ Huấn tới chỗ như say như ngây. Việc làm và nhiệt tâm của y đã làm cảm động họ hàng làng xóm, làm cảm động các bậc thân sĩ, cũng làm rung động quan phủ, cho tới cả triều đình. Ba mươi năm ăn xin để lập trường, rốt lại thành công. Trong đó bao nhiêu cay đắng gian nan có thể đoán mà biết, nhưng thời gian rốt lại cũng không phụ người có lòng.

Hãy thử xem tờ tấu của Tuần phủ Sơn Đông Trương Diệu năm Quang Tự thứ 14 (1888):

"Lại theo lời Thự Tri huyện Đường Ấp Quách Xuân Hy bẩm việc thân sĩ tuyển dụng Huấn đạo Dương Phường trình: Vũ Huấn là con Vũ Tông Ngụ người trong huyện, từ nhỏ mồ côi cha, nhà rất nghèo, thờ mẹ là Thôi thị hết lòng hiếu cần, cùng anh là Vũ Nhượng cũng rất thương yêu nhau. Chất phác cần

kiệm, hàng năm những tiền chi tiêu còn thừa thì tích góp cho vay, lần lượt mua hơn 230 mẫu đất, tính ra tiền là 4.263 quan 874 bốn đồng, tất cả quyên làm kinh phí dựng trường nghĩa học. Gặp lúc người làng là Quách Phân quyên 1 mẫu 8 phân 7 ly đất ngoài cửa đông chợ Liễu Lâm, bèn dựng trường nghĩa học gồm hai mươi gian nhà ngói. Về các vật liệu cần thiết, riêng Vũ Huấn quyên 2.800 quan, người trong thôn quyên 1.578 quan, mùa xuân năm nay khánh thành, rước thầy về dạy. Học trò nhỏ hơn ba mươi, học trò ngoại khóa hơn hai mươi người. Trộm thấy hương lý thân hào là kẻ sĩ giàu có, gia sản đầy đủ mà không chịu quyên góp lo toan, còn Vũ Huấn chỉ là kẻ tiểu dân nghèo khổ lại nhịn ăn nhịn mặc, dốc hết của cải dành dụm suốt nửa đời để lập nghĩa học, quả thật lo việc công ưa điều nghĩa, việc làm đáng khen. Trình xin báo rõ về tờ tâu xin thưởng trước đây. Thần xét số tiền Vũ Huấn quyên làm kinh phí dựng trường nghĩa học tổng cộng hơn 7.000 quan, tính ra bạc thì hơn 2.000 lượng, hợp với lệ được xây tỉnh phường, ngẩng đội ơn trời, xin cho Vũ Huấn ở huyện Đường Ấp tự dựng tỉnh phường, cấp cho biển đề "Lạc thiện hiếu thí" (Vui điều thiện, thích làm ơn) để tưởng thưởng. Kính can gửi tờ tâu trình bày, còn mong thánh giám dạy bảo. Tuần phủ Sơn Đông Trương Diệu kính tâu".

"Châu phê: Cho theo lời xin, báo bộ Lễ biết, khâm thủ".

Vì thế một tòa tỉnh phường lớn có biển đề "Lạc thiện hiếu thí" (Vui điều thiện thích bố thí) lập tức được dựng ở đường lớn trấn Liễu Lâm. Nhưng tờ tâu nói Vũ Huấn quyên góp dựng trường nghĩa học trên 2.000 lượng bạc thì lấy đâu ra cái gọi là "chi tiêu còn thừa", đó là số tiền mồ hôi nước mắt mà Vũ Huấn chịu cay đắng khổ nhục tích lũy hơn ba

mười năm. Chỉ vì sợ nói thẳng bị tội, không dám tâu thật với nhà vua mà thôi. Xóa nhòa nửa đời mồ hôi nước mắt vào mấy chữ "Lạc thiện hiếu thí", rõ ràng chưa bộc lộ được sự mong muốn thật sự của Vũ Huấn, mà việc lập tỉnh trường để tưởng thưởng cũng không phải là điều y thật sự mong mỏi. Có vị tiên sinh dạy học nào hơi lười nhác, thì y tới trước mặt quỳ xuống nài nỉ. Có đứa học trò nào cứng đầu không chịu ra sức học tập y lại quỳ mọp xuống không chịu đứng lên để khuyên nhủ. Lúc tiên sinh và học trò có thành tích, y lại quỳ lạy cảm tạ và khuyến khích. Lúc y góp tiền xây dựng trường nghĩa học hơi có tiếng tăm, anh ruột y đánh bạc mắc nợ tới xin, Vũ Huấn không cho một đồng. Mà nghe nói góa phụ Trần thị vợ Trương Bát Trại ở Quán huyện khau vá xin ăn để nuôi mẹ chồng, y lại khăng khái tặng cấp mười mẫu ruộng tốt. Y nói "Người ấy hiếu, người ấy hiếu, cấp cho mười mẫu còn e thiếu, Người ấy tốt, người ấy tốt, cấp cho mười mẫu để dưỡng lão" (Giá nhân hiếu, giá nhân hiếu, cấp tha thập mẫu hoàn hiếu thiếu, Giá nhân hảo, giá nhân hảo, cấp tha thập mẫu vi dưỡng lão)... Phần lớn số tiền xin được, y đều dùng vào việc xây dựng trường nghĩa học. Nghĩa học xây dựng xong, y vẫn lưu lạc ăn xin để sinh sống, tối ngủ trong miếu, lúc toàn thể học sinh quỳ xuống xin y tới trú ngụ trong trường, y lại nói "Người tốt cho tiền là bảo ta lấy đó làm trường nghĩa học để các trẻ em nghèo đọc sách biết chữ. Nếu ta hưởng thụ là lừa dối những người tốt. Như thế là việc trái lương tâm, ta quyết không làm. Và lại ta chỉ thấy vui sướng, không hề thấy khổ nào. Các người cứ học hành cho tốt, không cần vướng bận gì về ta". Giúp trẻ em nghèo có thể đọc sách biết chữ đã trở thành lý tưởng tối cao của y, dường như trên đời không có chuyện gì có thể làm y vui sướng hơn.

Sáng sớm ngày 23 tháng 4 năm Quang Tự thứ 22 (1896), Vũ Huấn mắc bệnh chết, thọ 59 tuổi, kết thúc cuộc đời lận đận khôn khổ, xin ăn dựng trường của y. Lúc bấy giờ các học sinh lớn tiếng gào khóc, tất cả thân sĩ ba huyện

Đường Ấp, Quán Đào, Lâm Thanh đều đi dự đám tang, dân các huyện đưa tang có tới hàng vạn người. Năm Quang Tự thứ 30 (1904), tức sau khi Vũ Huấn chết 8 năm, Tuần phủ Sơn Đông mới là Viên Thụ Huân nghĩ tới Vũ Huấn lúc sinh tiền khó nhọc xin ăn làm việc nghĩa bèn đem sự thật bẩm báo về triều đình, xin giao cho Quốc sử quán lập truyện, lại dựng đền Trung nghĩa, thờ cúng mãi mãi. Từ nguyên văn tờ tâu ấy, có thể thấy đại lược về cuộc đời của Vũ Huấn, xin sao ra đây:

“Về việc nghĩa đáng khen, theo sự thật tâu bày, xin giao cho Sử quán để làm rõ tiết tháo cay đắng mà xem thêm cảm việc: Trộm nghĩ thân từ năm trước đão nhiệm, nghe người ăn mày nghĩa khí ở huyện Đường Ấp là Vũ Thất tức Vũ Huấn, gom tiền phát triển việc học, làm điều mà người khác thấy khó khăn. Tháng 9 năm Quang Tự thứ 14, Tuần phủ tiền nhiệm Trương Diệu tâu xin lập tỉnh phưởng, cấp cho biển “Lạc thiện hiếu thí”, đã phụng chỉ phê “Chuẩn theo lời xin, báo bộ Lễ biết, khâm thử”, hiện còn trong văn án. Lại xem tiếp trong văn án thì năm Quang Tự thứ 30, Thụ Tri châu châu Lâm Thanh trực lệ là Trang Hồng Liệt, Tri huyện Đường Ấp Vương Phúc Tăng, Tri huyện Quán Đào Hướng Thực bẩm “Trộm nghĩ người huyện Đường Ấp là Vũ Thất tức Vũ Huấn, cha là Tông Vô, mẹ là Thôi thị, mồ côi cha từ nhỏ, theo mẹ xin ăn, xin được cái ăn thì để cho mẹ ăn trước, mọi người đều khen là có hiếu. Bảy tuổi mẹ bệnh mất, Vũ Thất vẫn đi ăn xin. Tự hận không học hành, không biết chữ, thấy trẻ con ở trường làng đi học là cứ la cà theo sau, đám trẻ trêu chọc làm nhục nên rất cảm phần, tự thể sẽ giúp mọi người học hành biết chữ. Vì vậy ban ngày thì đi xin ăn, ban đêm thì đánh dây gai hoặc xay thóc cho người ta, được một đồng thì để dành một đồng. Có ai cho bánh trái thì

ăn cái đã ăn dở mà bán cái còn nguyên, được tiền cũng để dành. Tích góp ngày càng nhiều, trước tiên cấp cho người nghèo khổ. Kế hương đăng kính trọng, bèn giúp đỡ cho vay lấy lãi, trái mấy mươi năm, tích lũy tất cả được hơn vạn quan. Đầu tiên lấy khu đất quyền được ở trấn Liễu Lâm huyện Đường Ấp, thiết lập nghĩa thực. Kế tới Quán Đào thấy nhà sư Liễu Chứng mở trường học tại Dương Nhị trang (tức Nha Nhị trang), mừng là người cùng chí hướng, bèn giúp ba trăm ngàn đồng tiền để tán trợ cho thành công. Sau đó tới Lâm Thanh mở trường ở ngô Ngự Sử. Tháng 4 năm Quang Tự thứ 23 bệnh chết ở Lâm Thanh, được 59 tuổi. Nay ở phía tây nam thành Lâm Thanh có trường nghĩa học Vũ Huấn, tức do người ăn mày ấy dựng lên, người trong châu lấy tên y đặt tên trường. Hỏi các bậc kỳ lão, họ đều nói Vũ Huấn hành khát hơn ba mươi năm, chưa từng tốn kém một đồng, no say một bữa, có người khuyên lấy vợ, y nhường mày nói: có vợ ắt có con, sẽ làm hao hụt tiền bạc của tôi, nên trọn đời không lấy vợ. Tích góp từng chút, đặt trường học ở ba châu huyện, nhà cửa kinh phí đều đầy đủ, giao cả cho người đồng sự quản lý chứ không hề hỏi tới. Duy khi thấy trò biếng nhác bê trễ thì quỳ rạp trước mặt cầu xin. Vì thế mọi người phần động đều kính sợ, ngày càng nhiều kẻ thành tựu. Nghĩ tới tiết tháo cay đắng đức hạnh kỳ lạ ấy nên xin tâu lên lập án, để khỏi mai một" vân vân. Thần tra xét lời bẩm của viên ấy, sau khi Vũ Huấn chết, thì sự thực rất rõ ràng tường tận. Việc lập trường học và số tiền quyền góp có một số là làm sau khi Tuấn phủ tiền nhiệm Trương Huy tâu xin ban thưởng. Với sức một người ăn mày mà đẩy việc học cho ba châu huyện, quyền tiền hơn vạn quan mà chỉ có tinh biểu tấm thường, thật e hành động gian khổ tiết tháo ấy không

đủ để nêu gương cho người sau mà làm hậu phong tục bạc bèo. Từ khi thánh chiếu ban ra mấy lần, các loại học hiệu dấy lên, chủ nghĩa giáo dục phổ cập nhưng trường công lập của chính quyền không đủ, ắt cần trường tư lập để giúp đỡ bổ sung.

Quốc gia có đặt ra nhiều lệ tưởng thưởng để khuyến khích việc quyên góp. Vài năm gần đây, những bậc tán thân đại tộc ngẫu nhiên có kẻ quyên góp chút ít tài sản đủ số hợp lệ tưởng thưởng, có tiếng hay truyền một thời thì trong trăm người không có được một hai, mà một người ăn mày như thế, dốc hết mồ hôi nước mắt mấy mươi năm, không bị tiếng tăm làm động lòng, không lấy vợ mua ruộng, chỉ chăm chăm dạy việc học để thỏa mãn chí nguyện mọi người ai cũng đọc sách biết chữ, thì chí trọng phẩm cách cao chót vót làm gương cho mọi người, không phải cái vẫn gọi là Người nhân có thể mở rộng đạo sao! Thần vô cùng tôn kính khâm phục y! Trước đây kính vâng lời ân chiếu hỏi han thu nhật những việc nghĩa cử, thần ngu muội cho rằng như việc làm của Vũ Huấn có thể gọi là đại nghĩa, tấm lòng của Vũ Huấn có thể gọi là chí nhân. Vậy ngẩng xin thiên ân đặc biệt ra chiếu chỉ sai Sử quán lập truyện để làm rõ nét tốt ấy. Ôn lớn cao dày ban ra, làm khi thế cho học trò Tề Lỗ, tiếng đọc sách vang khắp xóm làng, rửa mối nhục gọi dạ bảo vâng, có chí thì nên là hào kiệt. Lại theo tờ xin trước đây của Thự Đề học sứ La Chính Quân, thần tra xét lại cũng không khác. Về người ăn mày làm việc nghĩa dành dụm tiền bạc dạy việc học này, xin trước tiên giao ngay cho Sử quán lập truyện chép duyên do sự thực rõ ràng, chia ra tư cho Quốc sử quán, bộ Học, bộ Lễ tra chiếu trong ngoài hợp thành tập tâu đầy đủ dâng lên. Còn mong hoàng thượng thánh giám dạy bảo! Thần Tuấn phủ Sơn Đông Viên Thụ Huấn can tấu”.

Từ đó trở đi chịu ảnh hưởng tinh thần xin ăn dấy việc học của Vũ Huấn, trong nước nổi nhau sáng lập rất nhiều trường học, như trường Sư phạm giảng tập ở huyện Đường Ấp đổi tên thành trường Trung học Vũ Huấn, cháu trong họ Vũ Huấn là Kim Đồng quyền tiền xây dựng ở Quán Đào, Quán huyện mỗi nơi một trường tiểu học sơ cấp Vũ Huấn, Phùng Hoán Chương ở các huyện Thái An và Sào huyện tỉnh An Huy một mình lập ra hai mươi trường tiểu học Vũ Huấn để kỷ niệm, Đoàn Thăng Vũ (Thừa Trạch) cũng một mình quyền tiền xây dựng hơn hai mươi trường tiểu học Vũ Huấn ở một dải Bao Đầu Tuy Viễn để kỷ niệm vân vân, đủ thấy ảnh hưởng lớn lao một thời. Trường nghĩa thực ở ngô Ngự Sử mà trước đây Vũ Huấn được sự giúp đỡ của thân sĩ huyện Lâm Thanh lập ra, hiệu trưởng là Vương Phỉ Hiên học vấn và phẩm hạnh đều tốt đẹp. Sau khi Vũ Huấn chết, Vương Phỉ Hiên đi khắp nơi dập đầu quyền tiền, dần dần biến trường nghĩa thực ngô Ngự Sử từ chỗ là trường nghĩa học nhỏ nhất trong ba trường mà Vũ Huấn lập ra trở thành trường có quy mô lớn nhất. Mà Vương tiên sinh đến năm 1933 hơn tám mươi tuổi mới qua đời, vẫn chưa từng dùng một đồng tiền của nghĩa thực vào việc riêng. Vì làm như thế không được vợ con hiểu và giúp đỡ, nên đến nỗi phải ly hôn. Ông kiếm sống được chỉ nhờ vào phương thuốc gia truyền ông cha để lại, được người sau gọi là "Vũ Huấn thứ hai", không thẹn với Vũ Huấn trước kia đã mời mọc nhờ cậy, có thể nói là đồng chí với Vũ Huấn⁽²⁵⁾.

(25) Những sử liệu trích dẫn trên đây chủ yếu theo *Nghĩa cái Vũ Huấn truyện* trong *Dị hành truyện* của Trương Mặc Sinh. *Dị hành truyện* vốn do Đông Phương thư xã xuất bản năm 1944, Trùng Khánh xuất bản tái bản năm 1987, là một quyển trong bộ *Trung Quốc hiện đại sự cố từng thư*. Đồng thời còn tham khảo *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Vũ Huấn xưng ca hành khất*, nhưng ghi chép rất sơ lược, chỉ qua loa vài hàng mà thôi.

Vũ Huấn không phải loại ăn mày tầm thường, cũng không phải loại nhả sĩ, phẩm hạnh lại càng khó so sánh với người trong sĩ lâm. Việc giáo dục không được chấn hưng là nguy cơ của dân tộc. Bất kể là chấn hưng việc học hay mưu toan làm việc gì, thì trong thực tế cũng phải đề cao tinh thần không mưu đồ danh lợi, dũng cảm hiến thân, dốc lòng theo đuổi, ra sức làm việc của Vũ Huấn, cúc cung tận tụy, đến chết mới thôi.

Như thế rất nhiều, giữa nhả sĩ và ăn mày có rất nhiều chuyện lạ, phản ảnh văn hóa trí thức và văn hóa bình dân trong nội bộ văn hóa dân tộc thường đan xen vào nhau, chính là trong người có ta, trong ta có người, liên tục thay đổi, chuyển hóa vào nhau. Xét tới cùng cũng do hai tầng văn hóa cơ sở là sở thích phẩm cách tình cảm của con người và sự tạo ngộ trong xã hội đan xen với nhau. Cho dù sự đan xen ấy rất có giới hạn, phạm vi cũng rất hẹp nhưng cũng có hiệu quả độc đáo trong văn hóa sử của dân tộc, tức ở một mức độ nhất định phá bỏ giới hạn lịch sử giữa văn hóa trí thức và văn hóa dân gian, ảnh hưởng lẫn nhau, đan xen thúc đẩy văn hóa dân tộc tiến bộ theo sự phát triển xã hội. Đồng thời nó cũng giúp chúng ta khảo sát, phân tích diện mạo, thái độ của các loại người trong lịch sử văn hóa, cung cấp một góc nhìn riêng biệt độc đáo.

Chương 4

Cái bang Trung Quốc

** Một loại tổ chức xã hội đen lấy tập đoàn nghề nghiệp dân gian làm diện mạo * Trùm ăn mày ở Bắc Kinh thời Tống * Hoàng can tử và Lam can tử ở Bắc Kinh thời Thanh * Cùng gia hàng ở Ninh Tân Hà Bắc * Đại khuông và Nhị cự trong Cái bang thời Bắc Tống * Xoang phòng và ăn mày ở Bắc Kinh ngày trước * Lý gia trong bọn lưu manh Lương Sơn ở Bao Đầu * Khất cái xứ ở phủ Song Thành * Các hình thức Cái bang ở Tế Nam, Thẩm Dương, Thượng Hải, Đan Đông hiện nay*

Cái bang, tức hàng bang ăn mày, là một hình thức tổ chức xã hội bí mật hiện diện dưới hình thức tập đoàn nghề nghiệp trong dân gian. Vì thế với nghề nghiệp đặc thù của ăn mày mà hình thành tổ chức, thì đều có đầy đủ những tính chất của bang hội.

Giả Công Ngạn thời Đường trong *Chu lễ, Địa quan*, *Tứ trưởng* viết "Tứ trưởng cầm quyền trong chợ", chú "Chức Tứ trưởng này là trong một chợ lập ra người đứng đầu, có trách nhiệm kiểm soát công việc trong cả chợ, cũng như người đứng đầu hiện nay vậy". Hàng bang lấy việc hình thành người đứng đầu làm đặc điểm bên ngoài của tổ chức, nhưng cái gọi là Tứ trưởng ở đây lại thuộc về nhân viên quản

lý của chính quyền, cũng không thể kể là thủ lĩnh trong hàng hội dân gian, đương nhiên cũng không thể coi là tiêu chí của việc xuất hiện hàng hội. Vì Cái bang mang cả tính chất là tập đoàn nghề nghiệp dân gian và tổ chức xã hội bí mật song trùng, nên nguồn gốc của nó cũng là "Hợp hai thành một". Hình thức là tập đoàn nghề nghiệp dân gian của nó xuất hiện từ thời Tống. Xa Nhược Thủy thời Tống trong *Cước khí tập* quyền thượng viết "Lưu Mạn Đường nói: Trước nay ở Kim Lăng, vẫn nghe nói dân đen có hàng viện. Như có người bán bánh nướng từ nơi khác tới mà chưa có địa điểm và vốn liếng, thì những nhà bán bánh nướng trong toàn thành cho mượn tiền, người này tặng lò nướng, người kia cho vay bột, mọi thứ cần dùng đều đầy đủ, gọi là giúp đỡ dẫn dắt hàng viện, không hề có chút đồ kỵ". Cái gọi là hàng viện ở đây chính là một cách gọi về các đoàn thể hàng bang tổ chức theo nghề nghiệp của giới công thương. Thời Tống việc đá cầu du hí thịnh hành một thời, vì thế lại xuất hiện các hội đá cầu như Viên xã, Tế vân xã nổi tiếng một thời, lại xuất hiện nghề biểu diễn đá cầu để mưu sinh. Theo *Vũ lâm cựu sự* của Chu Mật thời Tống, quyển 6 *Chư sắc kỹ nghệ nhân* ghi chép, thì đương thời ở Hàng Châu có Hoàng Như Ý, Phạm Lão Nhi, Tiểu Tôn, Trương Minh, Thái Nhuận đều là những nghệ nhân đá cầu nổi tiếng. Hàng hội dân gian có một tiêu chí riêng rõ ràng, là đều có tiếng lóng nội bộ tương ứng tức hàng ngữ. Ông Văn Trình thời Tống biên soạn quyển *Tựu cục phổ* có phần *Viên xã cấm ngữ* ghi chép tiếng lóng trong nội bộ các Viên xã dân gian lúc bấy giờ. Mà hình thức tổ chức thành bang hội bí mật trong dân gian Trung Quốc bắt đầu từ phong trào nông dân khởi nghĩa và một số đoàn thể bí mật trong tôn giáo dân gian mà đẩy lên, gần đây thì tới Thanh Hồng bang thịnh vượng một thời đủ cho thấy nguồn gốc, dấu vết. Tổ chức hàng bang của ăn mày, chính là dòng phái sinh của những hình thức tổ chức đoàn thể xã hội nói trên đưa tới.

Theo các sử sách hiện có thì hình thức tổ chức có quan hệ với Cái bang Trung Quốc sớm nhất trong sử sách là Ông trùm (Đoàn đầu) trong tiểu thuyết thoại bản *Kim Ngọc Nô bổng đả bạc tình lang* (Kim Ngọc Nô đánh gậy gã bạc tình) thời Minh Thanh. Ông trùm tức bang chủ Cái bang. Chuyện kể miêu tả một vị Kim Lão Đại bảy đời làm Ông trùm ở Hàng Châu, đứng đầu đám ăn mày toàn thành. Y không những được hưởng một phần trong số tiền bạc cơm rượu đám ăn mày xin được mà còn cho vay lấy lãi, cầm đồ trong đám ăn mày, từ đó thủ lợi. Truyện *Kim Ngọc Nô bổng đả bạc tình lang* trong *Toàn tượng cổ kim tiểu thuyết* quyển 27 của Phùng Mộng Long thời Minh ⁽¹⁾ có nói như sau:

"Chuyện kể trong niên hiệu Thiệu Hưng thời Tống⁽²⁾, Lâm An tuy là đất kinh đô, nhiều người giàu có, nhưng cũng có không ít người làm ăn mày. Trong số ăn mày này có người đứng đầu, gọi là ông trùm (Đoàn đầu), thống lĩnh đám ăn mày. Đám ăn mày xin được gì thì ông trùm thu tiền góp hàng ngày của họ. Nếu lúc mưa gió không xin được gì thì ông trùm sẽ cấp cho cháo loãng, nuôi sống đám ăn mày ấy, quần áo rách rưới cũng do ông trùm chiếu cố. Cho nên đám ăn mày ấy cam lòng nín nhịn, phục tùng ông trùm, giống như nô lệ, không dám xúc phạm. Người làm ông trùm ấy thu tiền góp trong thành, đều chia ra cho đám ăn mày vay lấy lãi. Nếu không chơi gài đánh bạc thì nhất định sẽ trở thành giàu có. Họ dựa vào đó để sinh sống, nhất thời cũng không muốn bỏ nghề. Chỉ

(1) *Kim cổ kỳ quan* thu thập đưa vào hồi 32, đây theo *Toàn tượng cổ kim tiểu thuyết*, Phúc Kiến Nhân dân xuất bản xã theo bản in của Thương vụ ấn thư quán năm 1947 lấy từ bản trong văn khố của Nội các Nhật Bản, có tham khảo hiệu đính với bản *Kim cổ kỳ quan* tái bản năm 1980.

(2) Thiệu Hưng là niên hiệu trong đời Triệu Cấu thời Nam Tống, từ 1131 đến 1162.

có, một việc là tiếng tăm "Ông trùm" không tốt. Cho dù anh có đất đai sản nghiệp, phát tích mấy đời, rốt lại cũng là kẻ đứng đầu đám ăn mày, không được bình đẳng với người thường. Ra ngoài không ai kính trọng, chỉ có giữa hàng bang, trong nhà mình mới là kẻ cả. Tuy thế nhưng nếu nói tới "Tiền gạo" thì chỉ có kỹ nữ, ca xướng, nha lại, binh lính bị coi là hạ tiện chứ không có Cái bang. Xem ra Cái bang chỉ không có tiền chứ trên người không có gì xấu xa. Ví dụ Ngũ Viên thời Xuân thu tránh nạn cũng từng thối sáo xin ăn giữa chợ đất Ngô, Trịnh Nguyên Hòa thời Đường làm ca lang hát khúc *Liên hoa lạc* về sau phát tích giàu sang, trên giường nệm gấm phủ dày, đó đều là loại xuất sắc trong đám ăn mày. Đủ thấy số người này tuy bị người ta khinh rẻ nhưng không thể so với kỹ nữ, ca xướng, nha lại, binh lính.

Chuyện ruồi không cần nói tới, bây giờ hãy nói tới một ông trùm trong thành Hàng Châu, họ Kim, tên Lão Đại. Từ ông cha tới đời y đã bảy đời làm ông trùm, nhà cửa hàng hoành. Ở có nhà đẹp, cây có ruộng tốt, mặc có áo đẹp, ăn có thức ngon, đúng là một người tích lũy được nhiều, trong túi thừa tiền, cho vay lấy lãi, sai khiến đầy tớ. Tuy không phải giàu nứt đổ đổ vách nhưng cũng là giàu có. Gã Kim Lão Đại này có chí khí, đem chức ông trùm nhường lại cho người trong họ là Kim Lại Tử làm, mình thì ở nhà hưởng thụ, không dính líu gì với đám ăn mày nữa. Tuy thế nhưng trong làng quen miệng vẫn gọi y là nhà ông trùm, không sao sửa được. Kim Lão Đại hơn 50 tuổi, vợ chết không có con trai, chỉ có một con gái, tên Ngọc Nô".

Từ đó đưa tới câu chuyện Kim Ngọc Nô đánh gậy gã bạc tình trong truyền thuyết dân gian. Chuyện kể Kim Lão

Đại cây nhan sắc của con gái, dốc lòng muốn gả nàng cho người trong sĩ lâm. Thông qua mai mối Tú tài nghèo Mạc Kê vào gửi rể nhà Kim Lão Đại, không mất một đồng lại được cả người lẫn của. Với sự khuyên bảo, giúp đỡ của Kim Ngọc Nô, Mạc Kê sau khi thi đậu được cử giữ chức Tư hộ Vô Vi quân. Sau khi thi đỗ y nghe bọn trẻ con trên phố nói "Con rể của ông trùm Kim làm quan rồi". Trong lòng không vui, nghĩ thầm "Nếu sớm biết có ngày giàu sang này thì sợ gì không có bậc vương hầu quý thích kết thông gia? Lại đi nhận ông trùm Kim làm cha vợ, há không phải mang nhục suốt đời sao! Sinh được con cái, lại là cháu ngoại của ông trùm để người ta đàm tiếu. Hiện nay việc đã đến thế, nhưng vợ mình lại là người thông minh hiền đức, không phạm vào tội thất xuất⁽³⁾, không thể bỏ được. Đúng là việc không suy nghĩ, sau sẽ hối hận". Vì thế nảy ra ý xấu, trên thuyền đi phó nhiệm xô vợ xuống sông để tỉnh chuyện lấy vợ nhà danh gia lệnh tộc. Nhưng Ngọc Nô lại không chết đuối mà được Hứa Đức Hậu vừa nhận chức Chuyển vận sứ Hoài Tây nhận làm nghĩa nữ, về sau lại gả cho Mạc Kê. Đêm động phòng hoa chúc, Mạc Kê bị đánh mắng một trận, xấu hổ không có chỗ nào trốn tránh, từ đó lại làm lành với nhau, kế đón ông trùm Kim Lão Đại tới ở chung, phụng dưỡng suốt đời. Trước khi kể câu chuyện này có một tình tiết bổ sung rất khéo léo, cũng là một bức tranh phong tục về tình hình ăn mỳ đương thời. Chuyện kể Kim Lão Đại gả con gái, vừa tròn một tháng thì chuẩn bị yến tiệc cho con rể mời các bạn đồng học để làm vinh dự cho nhà mình, mở tiệc liên tiếp sáu bảy ngày. Nhưng lại không nhớ gì tới ông trùm Kim Lại Tử đang đứng đầu đám ăn mỳ. Kim Lại Tử nghĩ "Người cũng là ông trùm, ta cũng là ông trùm, chỉ là người làm nhiều đời, có tiền trong tay chứ bàn về tổ

(3) Còn gọi là "thất khí" hoặc "thất khứ", là một loại lễ giáo để duy trì chế độ phụ quyền trong xã hội thời cổ, chống có bảy lý do để có quyền bỏ vợ là không có con trai, dâm dật, không phụng dưỡng cha mẹ chồng, lăm chèo, trộm cắp, ghen tuông, có bệnh nguy hiểm.

tiên thì cũng như nhau. Cháu Ngọc Nô lấy chồng cũng mời ta tới uống rượu mừng. Bây giờ tròn tháng mời khách, mở tiệc sáu bảy ngày lại không có một tấm thiệp mời ta. Con rể người là Tú tài chứ chẳng lẽ làm tới Thượng thư, Tế tướng thì ta không phải là ông chú à? Không được ngồi ghế trên à? Đúng là không coi người ta ra gì! Ta cứ tới quây phá người một trận, cho các đại gia kia cụt hứng". Kế bên gọi năm sáu mười người ăn mày cùng kéo tới nhà Kim Lão Đại. Chỉ thấy:

Đội mũ rách mướp, mặc áo vá chằng. Mạnh chiếu cũ sánh với nệm sòn, gậy tre ngắn đi kèm bát mẻ. Kêu cha kêu mẹ kêu ông chủ, trước sân chỉ thấy vang ầm, Gọi rần gọi khỉ gọi chó con, trong miệng đều khoe tài khéo. Gõ phách hát Dương hoa, chối tai the the, đập gạch để trang điểm, xấu xí ghê người. Một đoàn ma quỷ họp thành bầy, quả thật Chung Quỷ không trị được.

Kim Lão Đại nghe ồn ào mở cửa ra nhìn, Kim Lại Tử dẫn đầu đám ăn mày xông vào, ầm ĩ cả phòng. Lại Tử lên thẳng trên tiệc, cầm đầu ăn uống, miệng gọi "Mau gọi vợ chồng thằng cháu ra chào ông chú!", khiến đám Tú tài đứng ngồi không yên, đều tránh ra khỏi tiệc, cả Mạc Kê cũng theo bạn bè tránh mặt. Kim Lão Đại không biết làm sao, đành nài nỉ "Hôm nay là con rể mời khách chứ không phải tôi. Hôm khác sẽ đặt riêng một tiệc, nói chuyện với chú". Kế đem nhiều tiền ra thưởng cho đám ăn mày, lại đưa ra hai vò rượu ngon và mấy con gà ngỗng, bảo đám ăn mày đưa về nhà Kim Lại Tử làm quà biếu.Ồn ào mãi đến khuya họ mới chịu tan về. Ngọc Nô trong phòng tức giận ứa nước mắt. Đêm ấy Mạc Kê ngủ lại ở nhà bạn, sáng hôm sau mới về. Kim Lão Đại nhìn thấy con rể, tự thấy xấu hổ, mặt đỏ ửng về thẹn thùng. Mạc Kê trong lòng cũng không khỏi có ba phần không vui,

chỉ là mọi người không ai nói ra. Đúng là người cảm ngứa xót, chỉ có mình hay”.

Từ đó có thể thấy vào thời Nam Tống Trung Quốc đã chính thức xuất hiện tổ chức hàng bang của Cái bang gọi là đoàn, theo chế độ thế tập. Còn việc gọi đoàn là Cái bang cũng có nguồn gốc. Khảo sát theo ngữ nghĩa học, “đoàn” là phát triển ý nghĩa tụ tập, hội họp ban đầu của từ “viên”. Nhìn từ mặt chế độ, trước hết là một loại đơn vị trong quân đội, như *Tùy thư*, *Lễ nghi chí* chép “Lại có bộ tốt tám mươi đội, chia làm bốn đoàn, đoàn có một Thiên tướng đứng đầu”. Thời Tống gọi thị tứ là đoàn, như Trạc Phổ Nại Đức ông thời Tống viết trong *Đô thành kỷ thắng*, *Chu hăng* “Lại có nhóm gọi là đoàn như Hoa đoàn ở nam thành, Thanh quả đoàn ở Nê Lộ, Quyện đoàn ở ven sông, Cam tử đoàn ở chợ sau”. Đám ăn mùa xuân phần lớn lấy nơi chợ búa làm chỗ xin ăn, phạm những kẻ ở chợ búa đều tụ họp thành hàng bang, gọi là đoàn, quả cũng là thuận lý thành chương. Đương thời ông trùm dựa vào việc bóc lột ăn mùa để sống thì thỉnh thoảng cũng phải làm đôi điều có lợi cho họ, cho dù đều mượn đó mà phát tích giàu sang nhưng địa vị trong xã hội vẫn rất hèn hạ, trong quan niệm giá trị của người đời chẳng qua cũng chỉ là kẻ đứng đầu đám ăn mùa, là kẻ vô lại, Tú tài nghèo vào làm con rể chỉ vì tới chỗ cùng đường rồi mà thôi. Còn như địa vị của ăn mùa trong xã hội thì không nói cũng biết.

Thời Thanh đại để lấy huyện làm đơn vị, đều có thủ lĩnh hàng bang ăn mùa, gọi là “Trùm ăn mùa” (Cái đầu). Trùm ăn mùa phần lớn do cốt cán trong bang hội xã hội đen hoặc lưu manh địa phương sung nhiệm, thắng hoặc được nha môn tin cậy, cũng là cây thế mà làm, có khi cũng nhờ dùng thủ đoạn tranh cướp hàng phục được mọi người. Trùm ăn mùa lấy Can tử (gậy) làm biểu trưng quyền lực, rút lại chẳng qua chỉ là đưa chiếc gậy đánh chó cầm theo lúc đi xin ăn lên để sùng bái mà trở thành tiêu chí. Vì thế người trong Cái

bang còn được gọi là Can thượng đích. Gậy của bang chủ cũng như Thượng phương bảo kiếm của nhà vua, dựa vào đó để trừng trị đám ăn mày làm trái "bang quy", "đánh chết cũng không được thù oán". Người vừa nhận chức trùm ăn mày trước tiên phải tế tổ sư và gậy, biểu thị việc nhận quyền, người mới gia nhập Cái bang phải tuân phục Can tử để biểu lộ sự phục tùng. Thật ra trong bối cảnh rộng lớn của văn hóa truyền thống Trung Quốc, Can tử không những chỉ gậy đánh chó mà còn ám chỉ việc "tụ nghĩa" của các hảo hán. *Sử ký, Tần Thủy hoàng kỷ* khen Trần Thiệp "Chặt gậy làm binh khí, dựng sào làm cán cờ" khởi nghĩa, về sau cũng gọi việc nông dân khởi nghĩa là "Dựng sào nổi dậy". Thời Minh gọi việc tụ tập ở lục lâm nổi dậy hoặc kết thành đoàn thể là "Lập can tử" cũng là do cách nói quen thuộc ấy dẫn tới. Cho nên can (*trúc + can*) trở thành can (*mộc + can*), chữ viết khác nhau nhưng ý nghĩa cũng là một, chuyển hóa qua lại.

Cái bang ở kinh sư thời Thanh có chia ra Hoàng can tử và Lam can tử, xuất phát từ chế độ Bát kỳ của nhà Mãn Thanh. Hoàng can tử chuyên quản lý đám ăn mày trong tôn thất Bát kỳ, là Cái bang cao cấp. Người trong Hoàng can tử phần lớn là bọn lưu manh lêu lổng trong Bát kỳ, hoành hành nơi chợ búa, vì thế người làm trùm ăn mày chỉ do kẻ có thần thể hay vương công bối lạc⁽⁴⁾ đứng ra làm mới có thể trị được. Ăn mày trong Cái bang Hoàng can tử lúc bình thời không hề ra ngoài ăn xin, nhưng vào các ngày Đoan ngo, Trung thu hoặc ngày cuối năm thì tới các cửa hiệu xin tiền. Đến lúc ấy hai ba người một bọn, có khi ca hát, có khi gõ phách. Lúc hát thì mu bàn tay hướng lên, phách gõ cũng là phách bình thường, biểu thị ý xin tiền. Mỗi khi tới trước cổng cửa hiệu là có người làm ở trong bước ra, cầm ít nhất năm đồng tiền lớn giơ cao quá đầu, sau đó cung cung kính kính bỏ vào lòng trống. Vả lại phải bước ra cho tiền trước khi họ hát

(4) Bối lạc là tiếng Mãn, là nói tắt từ Đa la bối lạc.

tối câu thứ năm. Nếu có nhà nào dám trái quy củ ấy, họ sẽ bỏ đi không nói gì. Nhưng hôm sau sẽ có rất nhiều người tới, hôm sau nữa lại càng nhiều hơn. Từ lúc mở cửa tới lúc đóng cửa, họ cứ vây kín trước cửa, không bỏ đi, không xin tiền, cũng không làm gì, nhưng cũng đủ không còn cách nào buôn bán. Chung quanh và chủ hiệu lập tức hiểu rõ, đây là Hoàng can tử kéo tới kiếm chuyện. Lúc ấy chủ hiệu chỉ còn cách nhờ người đứng ra giảng hòa, lại phải tặng thêm mấy ngàn đồng mới xong việc, ít hơn thì không được, nếu có thể bỏ ra nhiều tiền hơn mời bang chủ (Hoàng can tử) tới điều đình thì còn có thể giải quyết mau lẹ êm đẹp hơn.

Lam can tử ở kinh đô là trùm ăn mày bình thường. Ăn mày mới tới phải nộp toàn bộ số tiền xin được trong ba ngày đầu tiên cho trùm ăn mày, gọi là "Dâng quả" (Hiến quả), dâng càng nhiều thì càng vinh dự. Lúc bình thời phải nộp trên dưới hai phần mười số tiền xin được cho trùm ăn mày mới xong, trở thành một thu nhập theo lệ thường của trùm ăn mày. Gặp ngày lễ tết hoặc đám ma đám cưới, chủ hiệu hoặc người có việc còn cấp thêm tiền thưởng ngoại ngạch cho ăn mày. Trùm ăn mày là người đứng đầu ăn mày có tính chất khu vực, ăn mày ở nơi khác tới cũng phải phục tùng sự quản lý của y. Một số chủ hiệu để tránh việc ăn mày quấy nhiễu liền đưa nhiều tiền hối lộ trùm ăn mày, xin một lá bùa có vẽ hình cái hồ lô dán trên cửa, gọi là Úp cửa (Trạo môn), có khi còn viết mấy chữ "Tất cả huynh đệ không được quấy nhiễu". Đám ăn mày thấy Úp cửa thì lập tức đi qua luôn, không dám ghé vào xin tiền. Số tiền trùm ăn mày nhận được đã trích ra một phần chia cho họ, nếu ai trái lệ chủ hiệu có thể mời trùm ăn mày tới để y ra mặt thu xếp hoặc trị tội. Trong một số trường hợp, rất ít các cửa hiệu có Úp cửa còn bị quấy nhiễu. Nếu ăn mày sinh con hoặc chết, trùm ăn mày phải có nghĩa vụ đưa tiền nuôi nấng chôn cất hoặc tổ chức mọi người đóng góp. Trong ý nghĩa "Có phúc cùng hưởng, có

nạn cùng chịu", họ thực hiện chế độ gia trưởng phong kiến kiểu bá chủ. Trùm ăn mày không khinh suất mang chiếc gậy biểu trưng quyền lực trong nội bộ theo người, lúc ấy việc hút thuốc thịnh hành, họ đều mang theo một ống điếu hút thuốc vừa to vừa dài để biểu thị thân phận của mình với người trong nội bộ.

Đầu những năm ba mươi thế kỷ này có hai nữ sinh Đại học tiến hành một đợt nghiên cứu về ăn mày, viết ra bản báo cáo *Thượng Hải thất bách cá khát cái đích xã hội điều tra* (Điều tra xã hội học về bảy trăm ăn mày ở Thượng Hải)⁽⁵⁾, trong nói "Đến thời Thanh trong ăn mày có một loại trùm, đại khái là bọn cường hào có thế lực, có đủ tư cách, ở mỗi địa phương do Tri huyện ủy nhiệm phái ra, chia khu vực quản lý, có quyền uy tuyệt đối với ăn mày trong khu vực của mình. Ăn mày mới tới trước tiên phải tới báo với trùm ăn mày ở địa phương, phục dịch cho y, hoặc mỗi ngày biếu xén ít nhiều, hoặc bị đánh đập một trận. Giả sử đủ sức chịu đựng thì có thể làm ăn mày trong khu vực ấy. Trùm ăn mày vì muốn cấm ăn mày ăn xin dọc phố nên hàng tháng tới các cửa hiệu thu tiền Ăn mày phí (Cái tổn). Y lại cấp cho họ một tờ giấy đỏ, dán lên cửa sẽ không có ăn mày nào tới xin. Có điều lúc phát tiền cho đám ăn mày thì y đều thủ lợi trong đó, song vẫn buông thả cho ăn mày như cũ, cho họ ăn xin dọc phố. Cho nên trùm ăn mày không những không thể quản thúc mà còn bóc lột ăn mày. Loại trùm ăn mày này vì nổi đời giữ chức nên có uy quyền, đến nay vẫn còn, vẫn rất có thế lực đối với ăn mày ở địa phương như cũ". Đó là đại thể về tình trạng ăn mày ở Thượng Hải cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc.

Ở phía tây bắc Sơn Đông, tiếp giáp tỉnh Hà Bắc có huyện Ninh Tân. Ở đó có một đại Cái bang gọi là Cùng gia

(5) Luận văn tốt nghiệp của Ngô Nguyên Thục, Tương Tư Nhất ở Đại học Khoa học xã hội Hồ Giang Thượng Hải, bản thảo viết tay, 1933.

hàng tồn tại lâu đời, mãi đến lúc thành lập nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa mới im hơi giấu vết. Thường người ta gọi Cùng gia hàng là Nấm thượng hoặc Nấm tử, ăn mày trong tổ chức này phần lớn không có nhà mà về, lang thang khắp nơi xin ăn, có tiền là uống rượu đánh bạc, phung phí bằng hết, không hề dành dụm, tự xưng là Nghèo muôn năm (Vạn niên cùng), nên có tên là Cùng gia hàng. Lại tự xưng là Lý tình hàng, ý tứ là hiểu rõ sự lý, nhân tình. Cùng gia hàng lại có chia ra Tử Nấm tử, Hoạt Nấm tử và Can thượng, trong đó Tử Nấm tử là chính tông, nhân số nhiều nhất. Tử Nấm tử tức lời tục gọi là Khiếu hóa tử hoặc Yếu tiểu tiên, tương truyền tổ sư là Phạm Nhiễm khốn cùng nổi tiếng cuối thời Đông Hán, còn có tên là Phạm Đan. *Hậu Hán thư, Phạm Nhiễm truyện* chép "Thời Tuyên đế lấy Nhiễm làm trưởng quan Vu Lai, gặp lúc có tang mẹ nên không tới giữ chức". Về sau, ông ta lại "Xem bói ngoài chợ bị đảng nhân bắt giam, bèn giong xe hươu kéo, chở vợ con, thu thập của cải hoặc trú ngụ ở đất khách, hoặc nương tựa dưới bóng cây, ăn ở rất khốn khổ nhưng vẫn tự nhiên như không, lời lẽ nét mặt không hề thay đổi. Trong làng xóm có câu ca dao rằng: Trong vò sinh bụi Phạm Sử Văn, Trong nồi sinh cá Phạm Lai Vu". Truyền thuyết về tổ sư của Cùng gia hàng gắn liền Phạm Nhiễm với Khổng tử đã chết trước đó mấy trăm năm. Truyền kể đương thời Phạm Nhiễm một mình ngụ trong hai gian nhà cỏ, chung quanh dùng bốn mươi tám cành cây kết thành đình viện. Lúc Khổng tử bị tuyệt lương ở đất Trần, từng sai đệ tử là Tử Lộ tới Phạm Nhiễm mượn lương. Phạm Nhiễm hỏi "Trên đời cái gì nhiều cái gì ít? Cái gì vui sướng cái gì buồn?". Tử Lộ không đáp được, đành về tay không. Khổng tử lại sai Nhan Hôi tới mượn lương, Nhan Hôi trả lời "Trên đời người nhiều quân tử ít, lúc mượn vui sướng lúc trả buồn". Vì vậy Phạm Nhiễm bèn cho mượn gạo, miễn mỗi thứ một ống lông ngỗng, đem về đưa cho Khổng tử, trút ra thì là một núi gạo và một núi miễn. Sau đó Khổng tử tới bái tạ Phạm

Nhiệm nói "Số gạo miễn đã mượn không trả nổi", Phạm Nhiệm nói "Sau này cứ trả đồ đệ của ta là được". Khổng tử nói "Hay lắm! Để sau này sẽ bảo bọn đồ đệ của ta trả, phạm nhà nào trên cửa có dán câu đối đều có thể vào đời". Cũng theo truyền thuyết, một hôm Phạm Nhiệm và Khổng tử đánh cờ đến trưa, Phạm Nhiệm hỏi "Trên đời vật gì quý nhất?", Khổng tử nói "Đương nhiên là tiền bạc". Phạm Nhiệm lắc đầu nói "Không đúng, người ta là bảo vật sống trên đời. Người có tiền chưa chắc đã có thể mua được mà ăn, ta không có tiền thì có được bọn đồ đệ đưa thức ăn tới", Khổng tử gật đầu khen phải. Họ dùng đó để thuyết minh rằng Cùng gia hàng trước nay xin xỏ người có tiền không phải là xin bố thí, mà là lý ngay khí mạnh đòi số nợ còn thiếu của tiền nhân.

Có thuyết nói Tử Nấm tử chia làm ba phái lớn là Hàn môn, Tề môn, Quách môn, có bài *Cùng gia luận* ghi chép về các truyền thuyết có liên quan và quy củ trong bang, nhưng hiện rất khó tìm được. Trong chiến tranh chống Nhật, nhà sử học Vinh Mạnh Nguyên từng tới điều tra Lạc tử đầu Lưu Ma Tử ở trấn Đại Liễu huyện Ninh Tân, y nói tổ sư gia của Nấm thượng là Phạm Nhiệm, Nấm thượng đòi tiền các đồ đệ Khổng tử, chủ yếu là các cửa hàng bán bánh nướng, bán dầu muối. Cuối những năm 50, ông lại tới điều tra Lạc tử đầu Lạc Đại ở trấn Đại Liễu, y tự xưng là thuộc Liễu môn, có kể một số chuyện về Liễu môn. Tháng 6. 1982, các đồng chí biên soạn địa chí huyện Ninh Tân lại tới Trình trang tìm được Trình Tuấn Phúc 63 tuổi, ngụ trong dương lão viện công xã Song Hùng để điều tra, nghe nói Trình Tuấn Phúc năm 16 tuổi gia nhập Cùng gia hàng ở Thương Châu, là đệ tử đời thứ 18 của Quách môn. Như vậy ngoài ba chi phái lớn của Tử Nấm tử lại có hai phái Phạm môn, Liễu môn. Và lại Trình Tuấn Phúc của Quách môn vào bang ở Thương Châu, đủ biết tổ chức Cùng gia hàng không chỉ giới hạn ở vùng Ninh Tân Sơn Đông mà ít nhất cũng có dấu vết hoạt động ở Thương

Châu Hà Bắc.

Trong Tử Nấm tử lại chia ra ba loại là Quầy hoa (Hoa tháp tử), Quầy võ (Vũ tháp tử), Kêu trên đường (Khiếu nhai). Quầy hoa là lấy việc ca hát xin ăn, lúc ca hát có kẻ gõ phách sừng trâu, gọi là Thả gậy dất (Tát lạp bổng), có kẻ gõ phách tre, gọi là Thả gậy (Tát bổng tử), có kẻ treo cái bát nhỏ trên giá bằng mảnh tre ghép lại, gọi là Thả gà dất (Tát lạp kê). Quầy võ là dùng cách thức lừa gạt xin ăn, có kẻ cầm dao thái rau đập vào bụng vào ngực, gọi là Thả vụng dất (Tát lạp bổng), có kẻ dùng đế giày đập vào ngực gọi là Đập quả dưa (Tạp nhượng tử), có kẻ dùng lưỡi liềm cào rách mặt mình đến nổi máu me đầm đìa, gọi là Đám rách đầu (Thích phá đầu). Kêu trên đường là đám ăn mày già nua bệnh tật mù lòa và tàn tật què chân cụt tay xin ăn ở chùa miếu hoặc chợ búa. Hoạt Nấm tử là đám móc túi bắt gà, tức đám trộm cắp nhỏ. Tương truyền họ có hai tổ sư, một người họ Thoa, một người họ Lý, ngụ ở Thượng thôn Thông Châu. Một hôm hai người uống rượu trong phòng, đốt một đồng lửa, thức ăn là một chút rau cỏ trong cái bát mẻ, rượu đựng trong một cái bầu mẻ. Vừa khéo hoàng đế Gia Tĩnh (hoặc Gia Khánh, lời khẩu truyền không rõ ràng) vi hành tới đó uống với họ ba hợp rượu, ăn mấy miếng rau. Về sau lập tức sai họ đi làm đương sai, bị họ cự tuyệt, lại đưa tặng họ ba cái Thiết pháo trúc, phong làm Quân môn. Từ đó về sau, lại hình thành một phái Thoa Lý. Người ta nói "Thoa Lý không nhờ cậy", là nói họ không phải chính phái Cùng gia hàng, Tử Nấm tử không coi họ ra gì, không đi lại với họ. Họ cũng là thầy trò truyền nối, nhưng nhân số ít hơn. Họ móc ngoặc với bọn mã khoái ở nha môn, trộm cắp được gì thì hối lộ cho bọn mã khoái nên được ngấm ngầm bảo hộ. Gặp người mất của có thể lực tìm tới mã khoái, mã khoái sẽ để Hoạt Nấm tử đem trả lại vật trộm cắp được. Cho nên những vật họ trộm cắp được không thể đem bán lập tức, mà phải giữ lại từ vài hôm đến một tháng mới được tiêu

thụ. Còn như những thứ rau quả gà vịt trộm cắp được của người nghèo thì có thể lập tức tiêu hủy tang chúng, không hề úy kỵ.

Cái gọi là Can thượng (Trên gậy), là người đốt pháo. Từ Năm tử quen thuộc một địa phương, gặp lúc có ai có việc cưới hỏi tang ma thì mời họ đốt pháo, sau đó có thể được thưởng nhiều tiền. Lúc ấy nếu có người tới cổng xin ăn thì do Can thượng ra mặt đối phó. Can thượng thực chất là người có tài năng hoặc lưu manh trong Từ Năm tử. Từ Năm tử hoặc Hoạt Năm tử ở nơi khác tới hoạt động trong khu vực đều phải cấp cho Can thượng cái gì hay, xin họ bảo vệ chiếu cố. Từ Năm tử và Hoạt Năm tử được gọi chung là Bên đi (Du phương), Can thượng là Bên ngồi (Tọa phương). Nếu Bên đi tới chỗ nào giúp việc cưới hỏi ma chay, trước tiên phải tìm tới Bên ngồi, nhờ Bên ngồi đưa họ tới thảo luận giá cả, thỏa mãn một số yêu cầu. Nếu Bên ngồi không đáp ứng được yêu cầu của Bên đi, Bên đi vẫn có thể chờ họ trên đường để nói lý lẽ, sẽ nói "Người theo học ai? Sư phụ của người không nói rõ cho người à? Không phải là một chén cơm chia hai người ăn sao?", rồi giật hết đồ vật như ống pháo, bánh màn thầu, nói "Gọi sư phụ người tới đây mà đòi!". Can thượng có thể do đồ đệ nối ngôi, cũng có thể do người mình tin tưởng nối ngôi.

Tóm lại có thể thấy Từ Năm tử vẫn là chủ thể của Cùg gia hàng. Đại thủ lĩnh của Cùg gia hàng gọi là Đương gia, bên dưới chia ra làm Năm, năm ba người là một Năm, người đứng đầu gọi là Lâu tử đầu. Lâu tử đầu được nhận khoảng một phần mười số tiền mọi người xin được tức một thành để hưởng dụng. Nhưng các thức gạo muối mọi người dùng đều phải do Lâu tử đầu cung cấp. Muốn gia nhập Cùg gia hàng phải đập đầu nhận sư phụ. Nhận sư phụ tức là Bái can. Lúc Bái can phải có ba người tức sư phụ, minh sư, dẫn sư. Trước mặt bày một chiếc gậy nửa đỏ nửa đen dài một thước, đầu màu đỏ hướng lên, đầu màu đen hướng xuống. Đặt

một bầu rượu, không dùng cốc chén, thay phiên nhau dùng hai tay ôm mà uống. Dập đầu lạy sư phụ xong sẽ được cho biết người là đời thứ bao nhiêu, thuộc chi phái nào, minh sư, dẫn sư thuộc chi phái nào, tên họ là gì, còn phải có người bảo đảm là không làm trái quy củ trong bang, sau đó rưới rượu quanh chiếc gậy đốt. Còn có những cách thức nhận sư phụ bày ra phách gỗ, phách sừng trâu, sọt tre nhỏ, bát xin cơm, cũng rưới rượu đốt tương tự, từ đó đã trở thành người của Cùng gia hàng. Sau khi vào bang còn phải học "Xuân diễn" tức tiếng lóng trong bang, như Liễu, Nguyệt, Vọng, Tại, Trung, Thần, Dữ, Trương, Ái, Cư là gọi các số từ một tới mười, Âm, Mặc, Đạo, Thiếp chỉ Nam Bắc Đông Tây. Những từ khác như ăn mày xin cơm gọi là Tro già (Lão khô), lưỡi liềm để rạch mặt là Cái nhẹ (Khinh tử), ra đường trộm cắp gọi là Tầm bà con đi lạc (Đã lạc thích), pháo là Hòn đá (Đôn tử), đưa tin là Đốt mạ (Hỏa miêu tử), thuốc chữa bệnh là Da (Bì), bụi nhùi đốt lửa là Gò lửa (Hỏa khâu), dao thái rau là Dao thầy (Sư đao), tiếng nói the thé là Gọi (Hoán đầu), đèn là Cái sáng (Lượng tử), củi là Cái tóe sao (Tiến tinh tử), tiền là Chày (Chữ), tiền thành xâu là Chày đủ (Can chữ), trời râm không có mặt trời là Cái trên mờ (Thượng mạn tử) hoặc Làm hàng rào (Đã bằng), bầu rượu dùng trong tiệc là Đầu rồng (Long đầu), chén bát là Đuôi phượng (Phượng vĩ), áo là Lành (Cát), tất là Sâu (Uông), hài là Cây lau nói (Lô ngôn), ăn cơm là Lên thìa (Thượng chủ), uống rượu là Ôm vò (Bão bình), chó là Cái da (Bì tử) vân vân, phần lớn tương thông với tiếng lóng trong giang hồ. Người cùng bang gặp nhau trước tiên nói câu "Vắt vả quá", gặp người không quen thì nói "Người cao chân ngắn" (ý nói không dám với cao). Nếu trên đường gặp người cùng bang thì phải nói tên họ sư phụ, minh sư, dẫn sư, là những người trên của mình, trở thành một trong những quy định của bang. Bởi vì nội bộ của họ dựa theo người trên của mình mà phân biệt lớn nhỏ, với bậc trưởng bối thì gọi là

sư gia, sư thúc, với người ngang hàng thì gọi là huynh đệ, cũng chia ra đẳng cấp thứ tự.

Thời trước ở huyện thành Ninh Tân, mỗi khi đến ngày mồng một và ngày rằm, thì Lâu tử đầu trong Cùg gia hàng liền ra mặt tới xin tiền các cửa hiệu, số tiền xin được mọi người cùng chia đều. Ở những nơi có Lâu tử đầu, mỗi khi lễ tết còn dùng những cách thức ca hát chúc mừng, đón Thần Tài, tiền Thần Tài, đưa lễ hoặc mừng năm mới để xin tiền. Đám ăn mầy lúc bình thời thường nhân những dịp có đám để xin tiền lễ cơm thừa, cũng nhân dịp đó tới các nhà giàu để quấy nhiễu. Vào lúc thu hoạch vụ mùa hoặc vụ chiêm, Lâu tử đầu còn phải hai lần dắt mọi người Đi lấy phần (Khai chiết khứ), tức kéo đoàn mang theo xe một bánh xuống làng xin thóc của các địa chủ phú nông. Lúc lên đường cử ra một Lâu tử đầu tài cán biết ăn nói làm người "Chưởng chiết". Người Lâu tử đầu Chưởng chiết cầm một chiếc hộp nhỏ có khóa, trong có văn bằng do Thánh nhân phủ phát và cờ long phượng bằng the vàng. Nếu đối phương nói "Thiếu nợ các người à?" thì Chưởng chiết sẽ nói "Người coi ta chẳng ra gì? Người đọc qua sách của thánh nhân chưa? Cái người dán trên cửa là của ta đấy!". Ất phải lấy văn bằng và lá cờ long phượng ra đúng lúc, nếu không đáp ứng yêu cầu thì ý ra không chịu đi. Nhưng cách thức ấy chỉ có hiệu quả đối với một số địa chủ, chứ đối với những thân hào trang bị đội hộ vệ võ trang coi nhà hoặc lợi dụng bọn Can thượng địa phương thì không xong. Chứng cứ lý luận của việc Khai chiết xin lương này trên thực tế chỉ là tô đậm và vận dụng truyền thuyết về tổ sư của Cùg gia hàng. Bất kể đối phương đồng ý hay không, cứ cậy người đông thế mạnh, to mồm nói lấy được. Trong điều kiện lịch sử giàu nghèo khác nhau, mâu thuẫn giai cấp càng thẳng, có khi sản sinh và tồn tại một nhân tố "hợp lý" nhất định. Nhưng nếu không phải bối cảnh lịch sử ấy thì sẽ lập tức chuyển hóa thành hiện tượng "bất

hợp lý"⁽⁶⁾.

Trong thực tế trước kia loại hàng bang Cái bang như Cùg gia hàng có rất nhiều ở các địa phương trên toàn quốc, là một mạng lưới tỏa ra theo khu vực và lĩnh vực hoạt động cơ bản. Theo truyền thuyết ở một dải Cát Lâm Hải Long cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc cũng từng có hai loại hàng bang Cái bang là Đại khuông và Nhị cự hoạt động. Cái gọi là Đại khuông chính là Hoa tử phòng. Một số ăn mỳ già nua mù lòa bình nhật trú ở thành trấn, hai vụ xuân thu xuống nông thôn xin lương. Lúc xin lương, do Lạc tử đầu dẫn đầu, tay cầm gậy nhỏ gọi là Cái thuận (Thuận tử) hoặc Chiêu bài ăn gạo (Ngật mễ bài tử), theo truyền thuyết loại chiêu bài này là do Tri huyện cấp phát, tự xưng là Chỉ gậy xin lương (Bổng chỉ yếu lương), lý ngay khí mạnh. Lúc xin lương dùng cái đầu kết bằng cành liễu, là Giỏ lớn (Khuông đầu) của thủ lĩnh Đại khuông. Lạc tử đầu đeo cái đầu kết bằng cành liễu dẫn đầu mọi người xuống nông thôn, chủ yếu là tới xin những nhà có gạo có tiền, trợ thủ của y gọi là Bang lạc tử. Lạc tử đầu biết ăn nói biết lý lẽ mà can đảm, nếu anh nói hoàng thượng muốn chém đầu y sẽ lập tức chìa cổ ra, nhưng lúc xin lương cũng biết nhìn người ra món. Đến một số nhà, y cầm cái đầu kết bằng cành liễu ném xuống cạnh bậc thềm nhà người ta rồi cất giọng the thé kêu "Ông chủ, già này bệnh tật mù lòa, xin chút lương ăn!". Nhưng tới những nhà hương thân có chức tước thì y ném cái đầu cách cánh cổng hơn ba thước. Thế tục đều hoa mắt trước quyền thế tiền bạc, sợ kẻ mạnh khinh kẻ yếu, ăn mỳ dưới đáy xã hội xin xỏ người ta lại càng phải phân biệt mức độ xử sự với mọi người. Số lương

(6) Những điều giới thiệu về Cùg gia hàng ở đây chủ yếu căn cứ vào tư liệu *Cùg gia hàng* của Ban biên soạn *Ninh Tân huyện chí* cung cấp, có lời giới thiệu của Vinh Mạnh Nguyên, đã in trong *Cận đại sử tư liệu* (Tư liệu về lịch sử cận đại), Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 1985, tr. 293 - 300

thực xin được do Khuông đầu phân phối, y trọng thì quần đấm ăn mày, ngoài thì giao thiệp với quan phủ, trở thành một loại "nhân vật" ở địa phương. Lương thực xin được mỗi lần phần lớn đủ cho người trong Đại khuông hưởng dụng nửa năm, dùng xe lớn chở về thành, do Khuông đầu chia chác theo đẳng cấp. Khuông đầu là thủ lĩnh dĩ nhiên phải được hai phần. Cái quạt (Phiến tử) là loại ăn mày một tay cầm ống tre (tương truyền do Phạm Trọng Hoa thời Tống lưu lại), một tay cầm để giầy đập bồm bộp vào ngực kêu khóc xin lương. Cái cối (Giảo tử, còn gọi là Hối tử) là ăn mày cầm gạch ngói đập vào đầu mình để xin lương. Còn có bọn Vỡ đầu (Phá đầu) là ăn mày cầm dao rạch ngực mình lẫn lộn trước mặt nông dân để xin lương. Bọn họ cùng đi với Lạc tử đầu, kết thành nhóm cốt cán của Đại khuông xuống nông thôn xin lương, đều được chia một phần trọn vẹn. Còn như đám Tướng phủ (ăn mày mù), Tiểu lạc tử (đám ăn mày chưa thành niên hàng ngày đeo giỏ kết bằng cành liễu đi tới từng nhà xin xỏ thức ăn, tương chao các loại) và Xin gạo (Khất mễ đích - ăn mày mù là phụ nữ), cồng hiên ít, năng lực kém thì mỗi người được chia nửa phần. Trước khi chia chác còn phải dành ra một phần lớn làm của chung, dùng để cung cấp cái mặc cho mọi người, là loại áo vải xanh rách mặc bên ngoài, gọi là Đáy âm dương (Âm dương đề).

Đám ăn mày già nua mù lòa này dựa vào nhau để sống, chiếu cố cho nhau, như lúc đội ngũ đông đúc xuống nông thôn xin lương, có kẻ mù dắt theo chó con dẫn đường, gọi là Cán bộ yếu (Nhuyễn cán), có người mất sáng đi đầu dẫn đường, gặp chỗ có hầm hố thì kêu lên một tiếng "có hố" để báo cho đám ăn mày mù phía sau bước qua, đám này là Cán bộ cứng (Ngạnh cán). Căn cứ của việc họ xin lương các nhà giàu cũng gần gũi với truyền thuyết về tổ sư Cùng gia hàng, tức năm xưa Khổng tử bị vây khốn ở đất Trần đã phái Nhan Hối tới vay Phạm Nhiễm một núi gạo, một núi miễn,

hẹn là sẽ do những nhà có dán câu đối đời sau trả lại. Nhưng nếu trong Đại khuông có người chết thì phải bỏ vào quan tài bốn bát cát đen tượng trưng chân ngựa, lại thêm một sợi dây gai, tượng trưng đuôi ngựa. Tóm lại biểu thị họ là một đám ăn cơm ngàn nhà, kiếp sau phải biến thành ngựa trạm đưa tin ở các dịch trạm thời cổ, để báo đáp ơn đức kiếp trước. Đến đầu thời Dân quốc, Đại khuông đã bị quan phủ ngăn cấm⁽⁷⁾.

Ở vùng Đông bắc trước kia còn có một hàng bang Cái bang gọi là Nhị cự, số này không giống đám Đại khuông một năm hai lần xuống nông thôn xin lương mà dùng cách thức ăn xin lẻ tẻ, lang thang khắp nơi. Như cái gọi là Xin (Yếu đích) tức xin cơm gồm hai loại, một là cầm bát cầm giỏ đi dọc hè phố xin ăn, gọi là Xin bát cơm người (Yếu lãnh phạn uyển đích), một loại là tìm đủ cơ để xin xỏ như đóng vai người nhà quê giả nuôi con bệnh mà đi xin thịt cá gạo miễn của người ta, hoặc giả làm người đi đường không đủ tiền, gọi là Khua quạt chết (Kháo tử phiến đích). Nhiều nhất là đám ăn mày ca hát, như đám Ăn rừng tre (Ngật trúc lâm đích) tức gõ bầu xin ăn, Nói tướng hoa (Thuyết hoa tướng đích), tức gõ phách, Xin dây đen (Yêu hắc điều tử đích), tức đeo túi chống gậy, Gõ trống phẳng (Xao bình cổ đích), tức đánh thanh la, Khua đồ gốm (Bánh từ nhi đích) tức gõ bát đựng cơm vãn vãn, đều thuộc hàng bang Nhị cự. Đầu mục trong Nhị cự có thể tùy ý đánh chửi ăn mày trong bang, nếu chết thì chỉ trách mình vắn số mà thôi. Y dọc bá một phương, ăn mày ở nơi khác tới trước tiên phải tới bái vọng, nếu không thì không thể xin cơm được ở đó, trở thành một loại Đầu bến đen (Hắc mã đầu) trên giang hồ. Vào bái vọng thì một trong các quy củ giang

(7) Theo Vương Khăng, *Đông bắc đích nhất cái vương quốc* (Vương quốc ăn mày vùng Đông bắc), xem Lý Văn Thụy, *Dân tục thủ thoại* (Giai thoại phong tục dân gian), trong *Cát Lâm Dân gian văn học tùng thư*, Cát Lâm Nhân dân xuất bản xã, 1984, tr. 45 - 47.

hồ là vái lạy Đầu bến. Ví dụ Thuyết hoa tướng bản địa gặp một người đồng hàng đang gõ phách biểu diễn xin ăn sẽ lập tức đứng một bên cũng gõ phách một tiếng, kể hát "Gõ phách trúc, kêu leng keng, tướng phủ phe ta từ đâu tới?", từ Tướng phủ đây gọi chung những người ăn cơm giang hồ, không phải để chỉ riêng những người mù lòa trong Đại khuông. Nếu người mới tới hiểu quy củ của hàng bang, sẽ lập tức hát trả lời "Tối rất gấp, đi lang thang, chỉ mong bái vọng quý Nhị cự", kể tới bái vọng. Vừa vào cửa thì phải hai tay nắm vạt áo nói "Các vị Tướng phủ, xin xem rõ túi!", ý tứ là những tiền mà mình xin được đều có trong túi, xin các vị đếm. Người trong Nhị cự thấy thế lập tức mời ngồi, người mới tới cũng trút hết tiền trong túi áo ra nói "Hôm nay không kém, có không ít Cái bọ (Bào tử – chỉ tiền đồng) còn có Cọp bay (Phi hồ – chỉ tiền giấy) mọi người cứ lấy mà dùng!", người trong Nhị cự nói "Đều có tiền cả rồi". Sau đó treo phách và dùi lên tường, vừa uống trà vừa hỏi han "Tướng phủ từ đâu tới?". "Không đáng gọi là Tướng phủ, ở kinh sư khó sống, phải rời thầy sớm, chẳng qua chỉ là một kẻ nhỏ mọn thôi!" (kiêm xưng mình là một kẻ nhỏ mọn trong giang hồ). Lại hỏi "Xin cơm ở nhà nào?", người kia lập tức nói mình là nhà nào phái nào (tương truyền gồm năm nhà Đinh, Quách, Phạm, Cao, Tề, ngoài chia làm ba cửa Hàn), theo ai (tức sư phó là ai), ôm bầu cho ai (tức sư huynh là ai)". Kể lại hỏi tới sư phụ, sư gia vân vân, nếu quả thật nhất nhất trả lời không có chỗ nào sai thì biết là người trong môn phái (người cùng hàng bang), trở nên đặc biệt thân thiết. Nếu không, lập tức đem những đồ vật kia đưa cho đối phương bảo về tìm sư phụ tới đây. Những người từ ngoài tới mà không có môn phái gia phái (chưa vào hàng bang), nếu làm họ tin tưởng thì cũng theo lệ cho được có chén cơm mà ăn, nhưng không thân thiết như người trong môn phái⁽⁸⁾.

(8) Vương Khăng, *Đồng bác đích khát cái vương quốc, Dân tục thú thời*, tr. 48 - 49

Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc nghề Xoang phòng ở Bắc Kinh hưng thịnh một thời. Cái gọi là Xoang phòng tức chuyên cho thuê nghi trượng làm đám ma, như trên quan tài thì phủ đoạn thêu hoa, đội nghi trượng dùng thanh la, lọng, quạt, cờ, bài, xe, kiệu, nhạc khí mở đường. Đồng thời, còn thay mặt người thuê mượn làm việc nghi lễ, khiêng kiệu, làm nhân viên chấp sự, làm cả việc mua sắm quan tài và những đồ vật cho đám tang. Trong thực tế Xoang phòng trở thành cửa hiệu chuyên nghiệp bao trọn gói việc chôn cất. Khiêng hòm, chấp sự là việc nặng nhọc, tuy cũng có điểm tinh tế nhưng rốt lại vẫn là việc hèn hạ. Như thế cũng cung cấp một nghề nghiệp tạm thời và cơ hội kiếm tiền cho đám ăn mày. Và lại lúc bấy giờ trong tiền công có kèm thêm tiền thưởng, ngoài khoản phải giao cho Xoang phòng thì so với việc đi xin lúc bình thời vẫn được nhiều tiền hơn. Có người phải sung làm "Hiếu tử", có người rải giấy tiền vàng bạc dọc đường. Cho nên Xoang phòng còn có tên gọi là "Hóa tử đầu". Theo sử sách ghi chép "Trên thực tế cái gọi là Hóa tử đầu ở Bắc Kinh không phải thực sự cần những khoản tiền lẻ. Ở Bắc Kinh thời trước những người xin tiền lẻ về đại thể là dân quê ngoài thành, họ xin tiền lẻ cho qua mùa đông. Đến mùa xuân về quê, cũng có thể có được một món tiền. Hóa tử đầu thứ thật ở Bắc Kinh cũ là kéo cả đoàn tới, công khai đòi hỏi. Đầu tiên số người này đều có tên gọi chung là Can thượng, ai muốn mà không có cách nào bán sức lao động, mình không có biện pháp, chỉ còn cách vào nhóm, xin làm Can tử gia nhập Can thượng, sau đó có việc gì sẽ tìm anh đi làm, nhưng phải trích một phần tiền công cho ông trùm, đồng thời ông trùm có lệnh gì thì anh phải nghe theo. Từ thời Dân quốc trở đi thế lực của Can thượng hơi giảm sút, nhưng Xoang đầu và chấp sự trong Xoang phòng thì vẫn còn tàn dư của tổ chức ngày trước. Sau ngày giải phóng, chính phủ tổ chức những người lao động này vào công hội Xoang nghiệp, có việc thì thay phiên đi làm, không cho tranh giành

lộn bậy, tiền công cũng do Xoang phòng bàn định sau khi làm việc xong. Về sau những người này đều gia nhập tổ chức khuân vác nặng nhọc chính thức⁽⁹⁾. Từ đó có thể biết nghề Xoang phòng ở Bắc Kinh thời trước có tên là Hóa đầu tử là vì thường thuê mướn ăn mày. Trong thực tế thuê mướn ăn mày thì bắt buộc thỉnh thoảng phải giao thiệp với hàng bang ăn mày ở đó. Chỉ như thế mới có thể bảo đảm thuê mướn họ bất cứ lúc nào mà không lỡ việc, còn có thể trong một phạm vi nhất định, ở một mức độ nhất định, duy trì được trật tự tất yếu, tránh được những phiền phức bất ngờ trong quá trình kinh doanh, đều nhờ sự giúp đỡ của thế lực Cái bang.

Trong văn hóa Trung Quốc, các loại hàng bang từ khi nảy sinh, về mặt tiên thiên đều nhuốm đậm màu sắc phong kiến. Mà hàng bang Cái bang là một loại tổ chức ô hợp của du dân không có nghề nghiệp thì càng mang ý thức lưu manh, là một số đoàn thể xã hội đen lớn nhỏ, trở thành một tiêu chí cơ bản trong việc truy lục biến chất của quần thể ăn mày Trung Quốc. Các hàng bang ăn mày này câu kết với quan lại giặc cướp, lợi dụng lẫn nhau, trở thành một thế lực xã hội đen. Trong thời gian cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, tức nửa đầu thế kỷ này, các hàng bang Cái bang là xã hội đen đều khá thịnh vượng. Thậm chí đến những năm 80 những thế lực hàng bang ăn mày trở thành tập đoàn tội phạm, lại có cả thủ lĩnh, gây hại một thời.

Ở phía bắc đường Thảo Thị ở thành phố Bao Đầu cũ nay thuộc khu tự trị Nội Mông Cổ có một chỗ gọi là Từ Nhân cầu (Ngôi Người lành), trong gần nửa thế kỷ trước chỗ đó được gọi là Từ Nhân cầu (Ngôi Người chết), vốn là nơi quan quan tài người chết, vì có nhiều ăn mày đào đất đắp hang ở

(9) Trương Cung Đình, *Giải phóng tiền Bắc Kinh đích táng lễ hòa Xoang phòng nghiệp* (Lễ mai táng và nghề Xoang phòng ở Bắc Kinh trước giải phóng), *Văn sử tư liệu tuyển tập*, Bắc Kinh xuất bản xã, 1982, tập 14, tr. 224 - 225

đó để sống, vì thế dần dần trở thành nơi tụ họp nổi tiếng của người nghèo ở Bao Đầu. Theo truyền thuyết, cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc ở đó còn từng là nơi "Phòng đen" tạm giam phạm nhân, phạm những người bị bắt ở khu vực Bao Đầu, Ngũ Nguyên, Đông Thắng, Tát Lạp Tê giải tới, trước tiên đều tới đó để tạm giam, sau đó mới giải tới nhà giam lớn ở Tát Lạp Tê. Đồng thời đại bản doanh của tổ chức xã hội đen Lương Sơn ở Bao Đầu tức Trung Nghĩa đường cũng đặt tại đó. Cái gọi là Lương Sơn là do hai nhà Tỏa, Lý hợp xưng, là một tập đoàn lưu manh tại chỗ. Tỏa gia tương truyền do Mã Tam Hồng canh cổng phủ Công chúa thành Quy Hóa và Tần Tứ Hải ở Chung Thái sáng lập thời Càn Long, thờ hoàng đế Vĩnh Lạc nhà Minh làm tổ sư hàng bang, tức Minh Thành tổ Chu Lệ (ở ngôi từ 1403 - 1424), người trong hai nhà Mã, Tần chủ yếu là đám đánh trống và phu khiêng kiệu. Phương thức mưu sinh thông thường của họ là giúp việc đám ma đám cưới, nhưng đều có địa bàn hoạt động riêng, gọi là Mặt bằng (Phương trường), không được vượt qua ranh giới. Như Mặt bằng của Tỏa gia ở Bao Đầu thì phía đông bắt đầu từ trấn Sa Di Bí, phía tây tới trấn Ma Trì, phía bắc bắt đầu từ ngôi Thạch Lánh, phía nam tới vũng Đại Thụ. Đây là một hàng bang nảy sinh từ ý thức phản Thanh phục Minh của Hồng bang, nhưng lại có chỗ không phù hợp với việc do gia nô nhà Thanh sáng lập. Theo suy đoán, "Có thể lúc bấy giờ hoàng đế Ung Chính để củng cố địa vị thống trị của mình, làm suy yếu lực lượng cách mạng dân tộc trong các bang hội phản Thanh phục Minh, bèn giao cho tông thất và gia nô ra ngoài tổ chức hai tập đoàn phản động dưới đáy xã hội để tiến hành phân hóa và phá hoại"⁽¹⁰⁾. Còn thủ lĩnh của Lý gia theo truyền

(10) Lưu Ảnh Nguyên, *Bao Đầu lưu manh đề tàng xã hội dịch Lương Sơn, Văn sử tư liệu tuyển tập*, Văn sử tư liệu xuất bản xã, 1963, tập 38. Những tài liệu có liên quan tới Bao Đầu dùng ở đây chủ yếu tham khảo trong sách này, ngoài ra đều có chú thích rõ.

thuyết là tám vị vương gia nghèo khổ trong Bát kỳ ở Bắc Kinh, vì thế chia làm tám phái như Trương, Gao, Hàn. Thành viên của Lý gia đều là ăn mày, có người là hành khất hát khúc *Liên hoa lạc*, xướng ca xin ăn, lưu lạc khắp nơi, tôn Phạm Nhiễm (tức Phạm Đan) làm tổ sư. Hai nhà Tỏa Lý để mở rộng lực lượng nên hợp lại thành Lương Sơn, suy cử thủ lĩnh trong nhạc phòng của Tỏa gia, "Trung Nghĩa đường" đặt trong nhạc phòng, ngoài cổng treo bài đầu hổ và roi da trâu làm băng hiệu. Bên trong thờ cúng tổ sư của hai nhà Tỏa Lý. Thủ lĩnh ra khỏi cửa có người bảo vệ, có một chiếc gậy gỗ gọi là lánh đình làm tiêu chí quyền lực trong nội bộ. Lúc bình thời thì đặt lánh đình trên bàn thờ tổ sư, có thể dùng đó để chấp hành bang quy, hành hình đánh người. Cũng chính là nói quyền bính của Lương Sơn thủy chung đều nằm trong tay Tỏa gia. Bình thời ăn mày của Lý gia đều phân chia địa bàn để xin ăn, nếu ngoài địa bàn của mình có đám ma đám cưới cũng không được vượt khỏi ranh giới mà gây náo nhiệt, xin tiền mừng.

Ở nơi đó, tất cả mọi nhà muốn làm gì đều phải mời (trên thực tế là thuê) người của Lương Sơn tới "ngồi xồm ở cửa", tức canh cổng và thu xếp đám ăn mày. Ngồi một ngày là một đồng bạc, lúc ra đi còn xin thay cho đám ăn mày vì Lương Sơn mà không thể tới xin thêm một đồng, trở về giao quỹ. "Ngồi xồm ở cửa" và ăn mày Lý gia thì không được chen chúc vào rạp ăn uống, họ nói "Bọn ta không thể lên bàn tiệc, sợ phạm quy củ của Lương Sơn" ăn mày ở Lương Sơn có lúc dọn tro bếp, đổ nước gạo cho các nhà hàng, theo đó có thể thu được hàng thùng cơm thừa. Gặp những ngày sinh nhật, mừng thọ, khai trương cửa hàng, mừng thăng chức hoặc tết nhất, lên cửa hát mấy câu chúc mừng còn có thể xin được rượu thịt ngon lành. Chiều tối trở về Tử Nhân câu, rất nhiều ăn mày còn hút thuốc phiện. Cho dù là gõ cửa xin ăn lúc bình thời thì người trong Lý gia cũng dễ xin được hơn. Lý do là vì

Lý gia đã ngầm câu kết với thổ phỉ, lại sung làm mật thám cho quan phủ, mọi người chỉ sợ đắc tội với đám ăn mày này mà chuốc lấy tai họa, tức Lương Sơn móc ngoặc với cả các lực lượng trong ngoài đất ấy. Họ một mặt giúp đỡ quan phủ bắt cướp, nhưng mặt khác lại thông đồng với bọn cướp ăn chia tang vật. Phàm bọn trộm cướp từ nơi khác tới Bao Đầu gây án, trước tiên đều tới gặp người Lương Sơn, do người Lương Sơn căn cứ vào bản lĩnh và nhu cầu của họ mà chỉ vẽ thời gian và địa điểm gây án. Trong đó ban đêm đi ăn trộm thì gọi là (Bão hồng điều đích), ban ngày ăn cướp là (Bão thanh điều), ăn trộm ban ngày là (Đã đăng hổ nhi đích). Lúc Bão hồng điều đích, đứng trên mái nhà theo chiều gió huýt sáo ra hiệu là (Đăng can tử đích), qua sân vào phòng ăn trộm là (Khiêu tri tử đích), lúc chia chác tang vật thì người sau được nhiều hơn người trước. Bão thanh điều cũng chia làm bốn loại: ăn trộm của các hiệu buôn gọi là Cao thực, ăn trộm của các nhà buôn nhỏ trong chợ gọi là Tảo nan tử, ăn trộm gỗ ván xe cộ, lừa ngựa của nông dân gọi là Lăn tròn tròn (Cổn luân luân), ăn cắp của người đi đường gọi là (Niết bả tử). Quải hiệu liễu đích các loại tang vật trộm cắp chỉ được là một trong những điều nói trên, cũng không được vượt khỏi ranh giới Lương Sơn chỉ định. Không thì nếu vi phạm quy củ bị đám ăn mày trên đường phát hiện báo về, Lương Sơn sẽ lập tức phái người đi bắt trước. Phạm tội nhẹ (như phạm tội lần đầu) thì dùng Lánh đinh đánh đập, vi phạm nhiều lần lập tức đưa vào nhà ngục Tát Lạp Kỳ. Bọn trộm vật muốn đứng chân ở đất ấy phải tuân theo điều kiện ước thúc của Lương Sơn, những đồ vật trộm cắp được trong vòng ba ngày không được tự mình xử lý để tránh khỏi trộm cắp của những người có thể lực mà bị Lương Sơn phụ trách truy tìm tang vật; sau khi tiêu thụ tang vật xong phải nộp cho Lương Sơn 30%, sau đó sẽ do người đứng đầu Lương Sơn chia chác riêng với cảnh sát.

Thật ra trong đám ăn mày Lương Sơn có đủ loại người

như du thủ du thực, lưu manh vô lại, cơ hồ có đủ loại cận bã xã hội. Giới công thương, cảnh sát đương thời cũng rất vui thích lợi dụng thế lực giang hồ này để duy trì trật tự trị an ở địa phương. Vì thế ban đêm thì họ phụ trách việc tuần phòng trong toàn thành Bao Đầu, có thể tra hỏi và bắt bớ người đi đường về khuya. Lúc bình đình giữ thành ra ngoài kiếm tiền, có lúc cũng để cho họ thay mình giữ chìa khóa cổng thành, họ cũng nhân đó ban đêm mở cửa thành cho người buôn bán ra vào, từ đó thủ lợi. Ngoài ra họ còn phụ trách dọn dẹp đất đá trên đường phố, nhà xí công cộng, chôn cất những xác chết vô thừa nhận và ứng phó với hỏa hoạn cũng như các tai họa thiên nhiên. Năm 1918 ở Bao Đầu có bệnh dịch làm chết hơn ba ngàn người, đều do họ phụ trách đưa ra ngoài thành hỏa táng. Phạm gặp người chết phì mạng, cũng đều do họ tổ chức chôn cất. Gặp kẻ phạm tội bị xử tử không có thân nhân nhận xác, họ sẽ lột hết quần áo, giặt sạch vết máu bám cho hiệu quần áo cũ, thậm chí còn moi tim móc gan của xác chết chế làm thuốc bán. Lúc bình thời công hội của giới công thương cũng cung cấp tiền gạo cho Lương Sơn, bốn ngày tết lớn trong năm các cửa hiệu lại phải đưa lễ vật tặng biếu, còn các loại "bổng ngoại" thì khó mà ghi hết. Vì thế rất nhiều kẻ không chịu yên phận đã coi Lương Sơn như cha mẹ cho cơm ăn áo mặc, có thể nhờ cậy trọn đời.

Nhưng tham gia Lương Sơn thì phải tuân thủ quy củ của hàng bang, rất khó rời bỏ để làm việc khác, lại phải giữ kín bí mật trong tổ chức, nếu không sẽ bị trừng trị thể thảm. Đám ăn mày lúc bình thời được phái đi rong trên đường làm tai mắt, nếu không thể báo cáo tình hình kịp thời, ắt sẽ bị đánh một trận no đòn. Trong hàng bang tổ chức theo mô hình gia trưởng thống trị, bị đánh bị chửi là chuyện cơm bữa. Còn vào những năm mất mùa thì tiền chẩn quyền của xã hội và tiền cứu tế của chính quyền càng phần lớn là rơi vào túi riêng của thủ lãnh Lương Sơn. Trong thời kỳ toàn thịnh, thủ

lãnh Lương Sơn từng có vợ lớn vợ nhỏ và bếp lớn bếp nhỏ. Nếu gặp lúc bang Sơn Tây tiền bạc nhất thời chu chuyển không linh, đến "kỳ hạn thanh toán" người quản lý các ngân trang lớn còn phải hỏi vay tiền thủ lãnh Lương Sơn. Đến khoảng trước sau những năm 20 của thế kỷ này, rất nhiều người ở Lương Sơn tham gia Ca Lão hội rồi sa đọa làm thổ phỉ, mới dần dần khiến thế lực xã hội đen Cái bang hùng cứ lâu năm ở Tử Nhân câu suy giảm, đến cuối những năm 40 thì giải thể.

Hàng bang của ăn mày, trong lịch sử chưa thấy có tổ chức mang tính toàn quốc, tuy phổ biến khắp nơi, nhưng phần lớn đều tự có luật lệ riêng, song có quan hệ sư thừa rất chặt chẽ với nhau. Quan hệ sư thừa về thực chất là hình thức kế thừa chức bang chủ. Các vị bang chủ này đều nắm quyền lực "đương gia", giao chức vụ lại cho những đồ đệ mà họ thấy là trung thực có thể nhờ cậy, lại do người kế vị tới các xứ mở ra địa bàn. Ví dụ hai người đứng đầu hàng bang ăn mày ở huyện Lục An tỉnh An Huy, Lý Tam Thuận (xước hiệu là Lý Hồ Tử) từ Khai Phong tới cùng sư huynh đệ Phì Đạt Khai (xước hiệu Phì Lão Ngũ) ở Lộc huyện đều là đệ tử đời thứ sáu của Lâm Sư Thừa ăn mày đời Đạo Quang nhà Thanh. Họ từ Hà Nam tới An Huy, qua lại giang hồ mở rộng địa bàn, xây dựng Cái bang ở huyện Lục An. Ngoài Lý Hồ Tử có lúc từng diễn trò răn bán thuốc ở miếu Thành hoàng, hai người kia hàng ngày thường ăn tiêu xa xỉ, chủ yếu là dựa vào sự cung cấp của đám ăn mày ở xứ ấy. Đám ăn mày dưới quyền họ ngoài việc hàng ngày đi ăn xin thì lấy tiền xin được trong các dịp đám ma đám cưới và tiền công đòi nợ thuê cho bọn cho vay nặng lãi làm thu nhập chủ yếu. Những người này tới cửa đòi tiền còn hung dữ hơn cả chủ nợ, vì thế người xứ ấy nói "Ăn mày như Cử nhân võ, đòi tiền không dám trả gạo". Theo truyền thuyết người nông dân Chúc Căn Sinh ở Đào Loan không trả được tiền tô cho địa chủ Tôn Đình Thành, lại bị

đám ăn mây Thư Lâm, Trương Hưng Bảng tới đòi nợ thay bức bách đến nỗi phải treo cổ lên xà nhà tự tử. Đồng thời thủ lĩnh ăn mây còn có một nguồn thu nhập thường niên, tức đòi tiền các sòng bạc. Theo truyền thuyết có một người ăn mây tên Ma Tuyến một lần tới đòi tiền ở nhà thân hào Phan Mộng Sơ, kết quả bị nhà họ Phan thông đồng với quan phủ bắt về đánh bốn mươi hèo. Đám ăn mây căm tức trong lòng bèn nhân dịp Phan Mộng Sơ ra ngoài xúm lại đánh y một trận như tử trên đường. Ngoài ra, họ còn làm việc buôn bán trẻ con, thiếu nữ và tiến hành các hoạt động tội phạm như đánh cướp người đi đường một mình, từ đó thu lợi lớn. Có người nói đó là đám ăn mây bị nghèo khổ bức bách, nhưng thật ra đó đều là bọn ác côn mượn danh nghĩa ăn mây chứ cơ bản không phải người tốt. Các hàng bang ấy chính là những tập đoàn tội phạm lưu manh ở địa phương⁽¹¹⁾.

Ở gốc Tây Nam phủ Song Thành thời trước có đường Phú Dục Trường Hồ Đồng, ở đó có một tòa nhà cổng sơn đỏ, trên cổng treo một tấm biển sơn son thiếp vàng đề "Song Thành phủ Khất cái xứ", ở đó từ cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc đến năm ngụy Mãn thứ 14 (1945) từng là trụ sở Cái bang ở phủ Song Thành âm ỉ suốt gần nửa thế kỷ. Viện ngoài có hai dãy nhà tranh hai bên đông tây, mỗi dãy năm gian, mái thấp cửa sổ dán giấy, một sáng một tối, bước vào thì nhìn thấy lò sưởi, là nơi ăn ngủ của đám ăn mây. Vào tới lần cửa thứ hai thì trước mặt là năm gian phòng hải thanh, hai bên đông tây đều có hai phòng phụ, đều rường chạm cột vẽ, là nơi ở của đầu lĩnh ăn mây. Về danh nghĩa đó là cơ quan từ thiện thu dưỡng ăn mây lưu lạc, nhưng trên thực tế

(11) Triệu Văn Lâm chủ biên, *Cựu Trung Quốc dịch hắc xã hội* (Xã hội đen ở Trung Quốc cũ), Hoa Hạ xuất bản xã, 1987, tr. 300 - 302. Tư liệu trong sách này vốn rút từ *Ngã sở tri đạo dịch toán mệnh bút quái hòa hoa tử đầu* (Thấy bói và ăn mây mà tôi biết), trong *An Huy văn sử tư liệu* tập 16.

thì đó là điện Diêm vương của hàng bang ăn mỳ dùng thú đoạn lừa dối.

Ăn mỳ bước vào Khất cái xứ cũng trở thành nô lệ dưới tay Đoàn đầu, mặc ý y hành hạ đánh mắng. Oai quyền của Đoàn đầu chủ yếu lấy Can nhi làm tiêu chí, là một chiếc gậy gỗ dài hai thước, trên đen dưới đỏ, đầu dưới buộc thêm một chiếc roi da dài nửa thước, lấy đó sai khiến quân lý ăn mỳ, khiến nó trở thành bang chủ Cái bang đặc biệt do chính quyền chỉ định. Lương gạo của ăn mỳ thì theo số người trong sổ, mỗi tháng do thương hội cung cấp mỗi người một đấu gạo mì (tức cao lương). Về quần áo thì có sổ quần áo cũ bên quân cảnh thả ra hàng năm. Về củi đốt thì do đám ăn mỳ được phái ra bốn phía thành cắt cỏ hái củi hoặc rút trộm trên xe, lúc nhiều nhất một quý có thể thu được hàng ngàn bó củi cỏ. Lúc Đoàn đầu sai khiến ăn mỳ thu lượm xác chết vô thừa nhận, thì thể phạm nhân, thì thương hộ theo lệ cấp chi phí riêng. Nhưng nhiều thu nhập hoàn toàn không phải chỉ dùng cho đám ăn mỳ được thu dưỡng, mà đều trở thành của cải của Đoàn đầu.

Ngoài ra vào lễ Nguyên tiêu thấp đèn lồng đêm rằm tháng giêng âm lịch và những dịp đám ma đám cưới ở các nhà giàu thì Đoàn đầu đều theo lệ đòi một món tiền lớn. Trước sau ngày rằm tháng giêng ba ngày thì Đoàn đầu giữ chức Quan coi đèn (Đăng quan), đối với những cửa hiệu chưa treo đèn thì phạt đèn nến, một lần có thể thu được tài vật đáng giá hàng ngàn đồng. Đồng thời còn có lệ Đăng quan nương tử, mượn cơ Tiễn chơi gái (Yếu tiêu trưởng) để đòi các cửa hiệu cho "tiễn thưởng". Lúc một số nhà giàu tiến hành đám ma đám cưới thì treo Can nhi của Đoàn đầu cạnh cửa để đe dọa đám ăn mỳ tới xin xỏ, sau đó tính ngày ra giá đòi tiền thù lao cho Đoàn đầu. Nếu chủ nhà thuê mượn ăn mỳ kiêng vác trong đám ma, thì tiền thưởng của Đoàn đầu còn nhiều hơn.

Số thu nhập ấy phần lớn không có phần của ăn mày mà đều là của Đoàn đầu. Những ăn mày được Khất cái xứ thu dưỡng chỉ được ra đường xin ăn vào ngày mồng một và ngày rằm hàng tháng theo quy định của thương hội, đó là những ngày không cấm ăn mày theo lệ.

Đoàn đầu đầu tiên của Khất cái xứ ở Song Thành là Trương Tường người Bát kỳ, người ta gọi là Chiêm gia. Năm 1914 Trương Tường chết, người kế nhiệm là con nuôi của y Quan Phúc Cát, xước hiệu là Quan Xuân tử. Quan Phúc Cát sinh ra đã có tướng mạo rất buồn cười, từng đóng vai tiểu thái giám Giả Quế trong vở *Pháp Môn tự* và đoàn đầu ăn mày Kim Tùng trong vở *Hồng Loan hy* của đoàn Bảo Long, lại được nhận y bát chân truyền của Chiêm gia, rất được lòng quan huyện và Hội trưởng Thương hội. Ban đầu y đối xử với đám ăn mày dưới quyền còn khá, về sau càng ngày càng khắc bạc, không đánh thì chửi, đuổi mọi người ra đường ăn xin. Và lại những cơm thừa canh cặn xin được trước tiên phải qua phó thủ của y kiểm tra, nhặt hết những thịt cá giữ lại cho mình hưởng dụng. Những lúc trời rét, y hạn chế đốt lò sưởi trong phòng của đám ăn mày, đến nỗi lò sưởi lạnh tanh, đám ăn mày bị rét run lên bần bật, bụng sôi sùng sục. Mùa đông năm 1917, có hơn hai mươi ăn mày chết rét bị vùi xác sau phòng, lúc băng tan mới đưa tới nghĩa địa Vạn Nhân khanh ở miếu Quý vương ngoài thành chôn cất. Lúc chôn cất không những rút quan tài về, mà thậm chí còn lột cả bộ quần áo rách trên xác chết khiến đám ăn mày bên ngoài sợ hãi thà ngủ trong miếu hoang chứ không dám vào phòng ăn mày trong Khất cái xứ.

Mười năm sau Quan Phúc Cát bệnh chết, lúc ấy cháu nội của Đoàn đầu Trương Tường trước kia là Trương Hưng Bang đã hơn bốn mươi tuổi, là một gã lêu lổng nghiện thuốc phiện nặng. Trương Hưng Bang hối lộ Thương hội xong, lập tức được kế thừa tổ nghiệp lên làm Đoàn đầu đời thứ ba của

Khất cái xứ. Y ngược đãi ăn mày còn tàn khốc hơn Quan Phúc Cát, lại bắt họ phải đi xin tiền cho y. Thời nguy Mãn, vài cách bố nhất thời thiếu thốn, y bèn bao mua những quần áo rách cho đám ăn mày làm vài cách bố, sau đó đem bán với giá cao, kiếm được món tiền lớn. Không những dùng số tiền ấy tu sửa chỗ ở, còn mua thêm hơn hai mươi chỗ ruộng đất để thu tô, đồng thời còn cho vay nặng lãi để thủ lợi. Năm 1946 Song Thành được giải phóng, lúc bấy giờ hơn năm mươi ăn mày và diên hộ trong Khất cái xứ tìm y thanh toán, y khiếp sợ lòng căm hận của đám đông bèn nuốt thuốc phiện tự tử. Từ đó Khất cái xứ phủ Song Thành qua ba đời Đoàn đầu thống trị tự động giải tán⁽¹²⁾.

Loại Cái bang đặc thù do chính quyền lập ra như Khất cái xứ phủ Song Thành không giống các tổ chức Cái bang tập hợp mọi người khác. Nó là cơ quan từ thiện do quan lại thân sĩ địa phương lập ra để bảo vệ lợi ích của mình, nhưng lại dùng Đoàn đầu quản lý theo lối đầu lĩnh của hàng bang. Lại dùng Can nghi là tiêu chí oai quyền truyền thống của Cái bang làm quyền bính của Đoàn đầu, lợi dụng cảm giác thần bí và tâm lý sợ sệt của ăn mày với hàng bang ăn mày đương thời, khiến họ trở thành một bọn nô lệ cam chịu dè dặt cúi cổ, đủ thấy là một chính sách đối xử với ăn mày rất "cao minh". Nhưng bất kể thế nào, loại bá quyền Cái bang ấy vẫn cứ do bọn lưu manh địa phương nắm giữ, cũng thuộc một nhánh trong xã hội đen của ăn mày.

Đến những năm 50, các loại hàng bang phong kiến kể cả Cái bang ở lục địa Trung Quốc đều bị thủ tiêu, im hơi giấu vết một thời. Nhưng hoàn cảnh địa lý, kinh tế làm nảy sinh ăn mày và hàng bang khất cái vẫn chưa thể nhờ chế độ xã

(12) Triệu Văn Lâm chủ biên, *Cựu Trung Quốc dịch hắc xã hội*, tr. 303 - 307. Tài liệu này vốn rút từ bài *Thanh mạt dĩ lai dịch Song Thành phủ Khất cái xứ* (Khất cái xứ ở phủ Song Thành từ cuối thời Thanh trở đi), trong *Hắc Long Giang văn sử tư liệu*, tập 3.

hội mà thay đổi trong một sớm một chiều. Đã nghèo khổ thì tương ứng với văn hóa truyền thống có thể nảy sinh ra ăn mày, cũng không thể tránh khỏi việc xuất hiện các hàng bang ăn mày lợi dụng hiện tượng xã hội này để tiến hành hoạt động tội phạm. Một số điều tra, báo chí đã phản ánh khá nhiều sự thật, cả một số vụ phá án của Bộ Công an có liên quan cũng cho thấy rõ một thực tế là rõ ràng ở lục địa Trung Quốc hiện nay có những hoạt động của một số hàng bang ăn mày là tập đoàn lưu manh tội phạm, là một lực lượng xã hội đen không thể phủ nhận. Nếu không thường xuyên tấn công thì nó sẽ gây ra ô nhiễm và phá hoại môi trường xã hội, trở thành một mối nguy tiềm ẩn.

Bây giờ, xin cho chúng tôi xuất phát từ một số tư liệu trong các điều tra chính thức của báo chí mà quan sát dấu vết của một số hàng bang ăn mày ở Trung Quốc hiện nay:

Đó là một thành phố loại nhỏ phía bắc Trường Thành. Đám ăn mày đều có "điểm nhĩ", rất ít pha tạp, không ai có vẻ đói rét. Nhân viên cơ hồ cố định, hành động có quy luật, lại rất ít nảy sinh xung đột. Người phục vụ nói: ở đây đám ăn mày đi xin đều có "tư cách", "lý lịch", có kẻ một năm đi xin nửa thời gian, "lý lịch" dài hơn thì có kẻ bảy tám năm. Ăn mày ở đây thuộc về một loại "Khất cái bang", đó là một mối quan hệ lỏng lẻo. Bọn họ thuộc một đại gia bang chủ điều động lãnh đạo. "Đại gia" về chức nghiệp hoàn toàn không phải ăn mày mà là một chủ hiệu sách cũ. Người này hơn ba mươi tuổi, bề ngoài nho nhã yếu ớt nhưng tính tình thì cứng rắn ngang ngạnh, biết võ nghệ, từng làm giám ngục, đến nay đã có tài sản hàng vạn đồng. Trong tay y có mấy "địa bàn", Hoàn Nhai là "lãnh địa" phì nhiêu nhất của y, y nắm "địa bàn" rất chặt nhưng quản thúc ăn mày rất lỏng lẻo. Ăn mày mới tới chỉ cần tới đập đầu lạy y, y sẽ lo việc phân phối lãnh vực hoạt động cho họ, giúp họ giải quyết những khó khăn trước mắt. Y phụ trách giải quyết các quan hệ giữa họ với

nhau, giải quyết những xung đột giữa họ, ngẫu nhiên có ai gặp nạn mắc bệnh, y cũng "trường nghĩa sơ tài". Đám ăn mỳ nhờ cậy y, ngưỡng mộ y, tình nguyện cống nộp cho y. Tự nhiên số y nhận được phải nhiều hơn nhiều so với số họ nhận được. Sự mặc nhận việc điều hòa quan hệ giữa ăn mỳ này làm hình thành pháp quy của Cái bang. Người vượt khỏi giới hạn sẽ bị chế tài rất nghiêm khắc. "Địa bàn" xấu tốt được chia làm nhiều loại, trực tiếp ảnh hưởng tới thu nhập và đời sống của ăn mỳ, sự phân phối địa bàn là theo biểu hiện và lai lịch của từng người mà tùy thời điều chỉnh, tuyệt đối không thể bừa bãi⁽¹³⁾.

Sau đây là một "Cái bang" điển hình. Họ vốn xuất phát từ một xã hội nhỏ yên ổn - gia đình chia xẻ ra, trở thành phần tử không ổn định trong xã hội, lưu lạc đông tây, đi khắp nam bắc... Cuối cùng tụ họp ở thành phố H., lập tức gắn bó với nhau, trở thành một tập đoàn trộm cắp đáng sợ, tất cả có mười sáu người, ngoài hai người vừa đến tuổi thành niên thì số còn lại đều là thiếu niên. Trong đó có hai thiếu nữ, là vương hậu của vương quốc ấy. Ban ngày thì đi ăn mỳ để Thái bản tử (do thám), ban đêm thì bế khóa, đó là quy luật hành động của chúng. Thử nghĩ mười sáu phần tử trộm cắp, ban đêm chia làm bốn toán hoạt động, mỗi toán ăn trộm hai lần thì sẽ gây ra bao nhiêu náo loạn trong một thành phố? Thử xem: thành phố H. vào một đêm cuối năm. Chúng từ thiên đường của chúng, trong ống dẫn hơi ấm của khu gia đình cơ quan nọ bò ra, tản ra như chất phóng xạ, tiến vào khu lân cận đó. Rất mau lẹ, chúng đều có xe gắn máy, sau đó phóng đi bốn phía. Sáng sớm hôm sau, Cục Công an thành phố H tiếp nhận báo cáo của phân cục Công an ba khu vực: khu gia đình Thị ủy mất trộm 4 xe gắn máy; phòng lạnh của nhà nghỉ Trạm Phòng dịch bị bế khóa, mất 2 xe gắn máy, 150 cân thịt dê bò, rượu trắng các loại tám vò, 100 cân gạo miến, 200 cân trái cây, 60 cân cá và một số thực phẩm

khác; kho hàng trước xưởng Mỗ bị bế khóa, mất 3 sọt trái cây; cửa hàng rau quả ở đường Mỗ bị bế khóa, mất một bao dưa, hai sọt đại táo; nhà công nhân Mỗ làm ca đêm bị bế khóa, mất bao nhiêu quần áo vải vóc, đáng giá 600 đồng... Đêm ấy có ba khu vực bị mất cắp, các phần tử tội phạm có thể nói là gây án khắp thành phố, vô cùng lộng hành! Vừa đúng gặp đêm giao thừa, lòng người hoảng loạn, tiếng oán sôi sục. Sau ngày mồng một tết, những vụ án như thế lại liên tục phát sinh. Việc tốt không ra khỏi nhà, việc xấu truyền xa ngàn dặm. Trong một thời gian, cư dân ở thành phố ấy đều bị căng thẳng, ảnh hưởng nghiêm trọng tới sinh hoạt và công tác bình thường. Ma lúc ấy đám "quân tử trên rường" kia lại đang ở trong cung điện của chúng dưới đất, vui vẻ với "vương hậu" của chúng, núi thịt biển rượu tằm hoan tác lạc! Số của cái trộm cắp được rất mau chóng tiêu hết. Ăn nhiều uống lắm, ăn không hết cũng gọi, mang không hết cũng mua, một cái ti vi chỉ bán 17 đồng! Đúng là của trời rất dễ đi rất mau! Việc phá án lại mười phần gian nan. Đây là một đoàn thể trộm cắp đặc biệt, thân phận rất kỳ lạ, ban ngày ẩn núp ban đêm xuất hiện, hành tung bất định, tính lưu động rất lớn, co duỗi tự do. Sau khi phá án, mọi người được một phen hoảng sợ... Bộ phận chấp pháp lập hồ sơ của chúng từ khi sinh ra đến lúc bấy giờ, cuối cùng có người trọng thị bọn chúng. Tuy tình trạng khác nhau, gốc gác khác nhau, nhưng điểm chung nhất của chúng lại mười phần rõ ràng: một là trước làm ăn mầy sau làm giặc cướp, hai là lúc đi xin ăn đều chưa đến tuổi thành niên, ba là đa số đều là trẻ con mồ côi không có nhà mà về⁽¹⁴⁾.

Đồn Tường Quan ở Liêu huyện tỉnh Sơn Đông có một thiếu niên mười sáu tuổi là Vương Mỗ, là con út trong nhà, từ nhỏ quen được cưng chiều, vì một chuyện nhỏ nhặt không vừa

(13) (14) Tương Lâm, *Khất cái hành tung* (Hành tung của ăn mầy), Tạp chí *Thủy xương thạch*, số 6, 1988

lòng bèn cãi nhau với cha mẹ, sau cơn tức giận lập tức ăn cắp 500 đồng trốn tới thành phố Tế Nam. Ở nơi phần hoa ấy y được một thiếu niên ăn mày tóc vàng dẫn tới vườn hoa tam giác ở gần Thiên Kiều, từ đó trở thành thành viên của một hàng bang ăn mày lấy đó làm đại bản doanh. Thành viên của tổ chức Cái bang này tới từ khắp năm hồ bốn bể, nói đủ thứ tiếng Sơn Đông, Giang Tô, Hà Bắc, Sơn Tây, Hà Nam, Chiết Giang, An Huy, Quảng Đông, còn có cả tiếng ba tỉnh vùng Đông bắc, cơ hồ tới từ hơn nửa Trung Quốc. Nhưng tiếng nói bất đồng lại có ngôn ngữ đặc thù là tiếng lóng trong bang để trao đổi, giải thích. Ví dụ đi xin ở một khu vực lâu dài thì gọi là Điểm quỳ (Quy điểm), địa bàn gọi là Đầu núi (Sơn đầu), xin tiền gọi là Hai kẹp (Lưỡng giáp), có tiền gọi là Có nước (Hữu thủy), không tiền gọi là Không núi (Một sơn), ba cái túi trên, giữa và dưới trong quần áo gọi là Tầng trên, Tầng giữa và Tầng dưới (Thượng tầng, Trung tầng, Hạ tầng), tuyến đường sắt gọi là Hai thanh (Song điều), tuyến xe buýt công cộng gọi là Một thanh (Đơn điều), một trăm đồng gọi là Một chày (Nhất can tử), ba ngàn năm ngàn gọi là Ba chuồng năm chuồng (Tam tào Ngũ tào), năm sáu vạn đồng gọi là Năm sáu hòn (Ngũ lục khảm tử), ngủ dậy gọi là Chết gục (Tử đảo), phân biệt dầu nước lớn nhỏ thì dùng các từ Chuột già, Con thỏ và Cọp già (Lão thử, Thố tử, Lão hổ) để thuyết minh, tiêu thụ tang vật gọi là Bán khéo (Mại xảo), mua tang vật gọi là Ăn khéo (Ngật xảo), bán máu gọi là Khêu dây (Khiêu tuyến), cãi nhau gọi là Xào ống tre (Sao trúc xoang), gõ hai ống tre vào nhau gọi là Ăn hai cái bánh màn thầu (Ngật nhị mạn), đồng bọn nhỏ tuổi đẹp trai gọi là Em gái nhỏ (Tiểu muội tử), chơi gái gọi là Treo áo khoác (Quải mã tử) vân vân. Từ đó đủ thấy diện mạo của người trong hàng bang. Một bà già ăn mày hàng ngày ngồi trên ghế đá phe phẩy quạt không nói năng gì, nhưng rất nhiều ăn mày lại chủ động tìm tới thăm hỏi, tặng hoa quả và nộp tiền. Nguyên là đẳng cấp trong Cái bang rất nghiêm ngặt, vẫn tồn tại một hệ thống kết cấu hình

tháp. Quyền uy tối cao là bang chủ tức Lão gia tử, y còn phân công chín người thân tín từ lão đại tới lão cửu gọi là Các lão gia (Gia môn), sắp xếp theo diện mạo và tuổi tác, đám ăn mày còn lại thì đều gọi là Các anh em (Ca môn), không phân biệt lớn nhỏ. Từ mùa đông 1985 đến mùa xuân 1986, trong một nhà kho nhỏ không đầy tám mét vuông ở sau nhà hàng Tân Tân tại Tế Nam, có chín Lão gia và một Bà chị (Thư môn) tụ họp. Họ ban ngày kết bọn trộm cắp, sau đó ăn uống nhậu nhẹt, ban đêm thì quây quần một chỗ. Đây là một phân chi của Cái bang ở Tế Nam - tổ chức "Hội mười anh em" (Thập huynh đệ hội). Lão đại từng tới Quảng Châu, Thẩm Quyến, có lịch sử bốn mươi năm lưu lạc giang hồ. Y từ Thượng Hải tới Tế Nam qua hôm thứ hai đã tổ chức được nhóm nhỏ này. Đó là một buổi chiều tuyết bay đầy trời, mười người tụ họp quanh một đồng củi sưởi, hai mươi bàn tay chồng lên nhau phát thét: có phúc cùng hưởng, có nạn cùng lo, sống chết có nhau, quyết không chia lìa. Sau đó y cầm bầu mời rượu, mọi người lần lượt từng người mời lại, từ đó chúng bắt đầu hoạt động trộm cắp có phân công và phối hợp, trước sau gây ra hơn ba mươi vụ án, về sau bị điều tra phá án bắt được⁽¹⁵⁾.

Nhưng gia nhập Cái bang hoàn toàn không dễ dàng như việc thành lập tổ chức Hội mười anh em. Một đêm, một đứa ăn mày nhỏ từ hồ Huy Sơn rời nhà ra đi đã nhìn trộm được nghi thức gia nhập Cái bang của một thiếu niên ăn mày ở Thượng Hải. Trong một xó tối, mười mấy người ăn mày vây quanh một thiếu niên khoảng mười bốn mười lăm tuổi xin vào bang, có kẻ lấy gậy đánh vào ngực, có kẻ dấn vào chân, có kẻ dè lên lưng. Đứa ăn mày nhỏ kia đau đớn rên rĩ, nhưng miệng đã bị khăn tay nút chặt. Sau đó, hai gã Trâu bò (Ngưu tử) dùng dao lam rạch lên cánh tay nó một hình chữ thập, lại có người cầm tờ mười đồng thấm máu ứa ra rồi bật lửa đốt, đưa cho nó kẹp vào giữa ngón trỏ và ngón giữa, để cho lửa

liếm vào ngón tay, đồng thời nói theo một gã trâu bò cất lời thể "Nếu tôi không giữ quy củ, thì thân xác tôi cũng sẽ bị thiêu đốt như tờ Đại đoàn kết này!". Thế xong, mới được đưa tới bãi kiến bang chủ. Màn kịch ấy khiến đứa nhỏ ăn mày ở hồ Huy Sơn sợ phát khiếp không dám vào bang, ngay trong đêm trốn khỏi Thượng Hải.

Một người ăn mày có lịch sử ăn xin hai mươi năm nói "Cả có ngu dốt, rắn có xà tinh, kiến càng có chúa, ong mật có vua, bọn tôi cũng có hang động, cũng có thủ lãnh. Ai tính nết rộng rãi, ai ngang ngược thì người ấy thống suất mọi người, Triệu Tiên Tôn Lý, Chu Ngô Trịnh Vương... đối với thủ lãnh có một cân cơm phải biếu nửa cân, có một cái bánh phải biếu một nửa, thuốc thì phải mời, tiền thì phải biếu, nếu không sẽ bị đánh. Mới tới một nơi, không rõ quy lệ thế nào, không biết ai là thổ địa một phương thì làm sao? Anh để ý đấy, đừng đặt con mắt ở mộng đời. Ai vừa thấy anh thối sáo mà trợn mắt nhìn, hoặc nghiêm mặt ra vẻ dữ tợn, không có khí Bá vương cũng có sắc Đường vương thì anh phải mau mau bước tới lạy chào. Người từ đâu tới? Tôi từ bên kia tới. Sợ tới Đại quan viên à? Tôi không dám bừa bãi, không có bản lĩnh, xin lão gia rộng lòng dung nạp. Tiểu tử người ngoan lắm, được rồi, hầu hạ cho tốt, ngàn vạn lần đừng giở trò, người bao nhiêu tuổi? Ba mươi tám! Được rồi, phong người làm lão ngũ được không? Vâng! Cá theo tính nước, có theo tính đất, khom lưng một cái, cúi đầu một cái, lấy về mặt tươi cười, đưa bao thuốc ra, dâng lên ít tiền, vậy là xong, kể như là người của y rồi, có thể ăn cơm ở một xứ rồi"¹⁶¹. Nhưng không phải ai cũng làm được bang chủ Cái bang, cũng không phải dễ mà xưng vương ở một xứ. Một thủ lãnh ăn mày cũng như Thổ địa gia một phương, lúc bình thời ẩn mình dưới đất, một khi gặp đối tượng thích hợp, cơ hội thích hợp, y mới từ dưới đất hiện thân lên, thi triển uy quyền của mình. Trung Quốc có câu tục ngữ "Người yếu sợ kẻ mạnh, người mạnh sợ kẻ ngang, người

ngang sợ kẻ liễu mạng". Trong truyền thống của xã hội giang hồ, nếu muốn "hợp thời" thì ít nhất cũng phải biết một trong hai đạo văn võ, nếu không thì không xong. Nhu có thể thắng cương, có lúc người yếu cũng có thể trị được kẻ mạnh, kẻ ngang và kẻ liễu mạng. Làm bang chủ Cái bang, phần lớn đều có công phu mềm (mưu kế) hoặc công phu cứng, có kẻ nhờ thi triển được cả hai môn mà có được chức vụ.

Trước hết hãy nói tới loại bang chủ dùng "công phu cứng".

Tháng 12 năm 1986, có năm người ăn mày từ Sở Thu dung bốn nơi Duyên Châu, Từ Châu, Thiên Tân, Đức Châu gặp nhau ở Thái Châu. Người lớn nhất là Kiều Kim Thành, hai mươi tám tuổi, người Tân Châu, lúc ấy đã có lịch sử tám năm ăn xin. Trương Thanh Văn, hai mươi tuổi răng hô, lưu lạc đã bốn năm là người hương Kim Lư huyện Lư Giang khu Sào Hồ tỉnh An Huy. Hàn Nãi Văn búi tóc, kết bím, mười bảy tuổi, Lý Vinh Khuê mặt vuông mắt lớn, cũng là người thôn Tam Nguyên hương Văn Tổ huyện Chương Khâu, đều có lịch sử ăn xin hơn sáu năm. Còn một người là Khổng Tường Ngọc thân thể to lớn, cắt tóc ngắn mà tính nết ngang ngạnh, bất chấp thiên hạ, là người Vương gia trang hương Nam Tân huyện Khúc Phụ, mười hai tuổi đã làm ăn mày, từng theo thầy học quyền cước, biết mấy chiêu võ công, sức khỏe hơn người, giỏi nhất là Khất cái quyền. Y đứng là cây vào một thân công phu và tính tình ngang ngạnh, làm "Lão đại" đứng đầu Cái bang nhô năm người, Kiều Kim Thành lớn hơn y tám chín tuổi lại trở thành "Lão mặt" đứng cuối cùng. Hôm ấy năm người không hẹn mà gặp nhau ở một quán cơm nhỏ. Kiều Kim Thành mua ba cái bánh bao vừa định ăn thì bị Khổng Tường Ngọc giật lấy bỏ đi. Kiều không phục, Khổng lập tức kéo tai y, tát cho mấy cái, ra một đòn Tảo đường thoát đánh ngã. Lý và Hàn cùng đi sấn lên giúp Kiều, cũng bị đánh lùi lại liên tiếp. Lúc ấy Trương tới, sấn vào giữa vái hai

bên nói "Đều là anh em mình, có gì cứ nói, đừng đánh nữa, đừng đánh nữa!". Lúc ấy Khổng nhật một hòn gạch lên, giẫm chân, thở ra, vận khí, sau đó chát một tiếng dùng ngón tay xia vỡ một góc viên gạch. Bốn người còn lại khiếp phục, lúc ấy nhất tề quỳ xuống gọi đại ca, tôn y làm người đứng đầu. Đồng thời ban ra ước pháp tam chương, nhất thiết mọi việc đều do đại ca điều khiển, không nghe lời sẽ bị phạt. Chúng nói "Nghe theo bang chủ, là có cơm ăn!", "Dựa vào lão đại, ông anh sắt, thật thỏa lòng!". Từ đó y trở thành thủ lãnh⁽¹⁷⁾.

Thủ lãnh Thảo gia của Cái bang Đan Đông quật cũng dùng cách ấy trở thành bang chủ. Y năm nay ba mươi bảy tuổi, vốn là nông dân ở Cát Lâm, muốn ra ngoài ngang dọc một phen nhưng không có tiền đi đường bèn đi trộm cướp, trong một tháng liên tiếp gây ra hơn hai mươi vụ án. Kết quả đúng lúc y sắp lên xe tới Thẩm Dương thì bị công tay đưa vào nhà giam. Năm 1978 y ra tù, người vợ ly hôn mang theo đứa con bốn tuổi bỏ đi, y cũng mang tiếng xấu khắp nơi. Từ đó y tới Cáp Nhĩ Tân, dưới sự chỉ dạy của một tên bạn tù cũ tiếp tục phạm tội. Lúc y ra tù lần thứ hai, lại trốn tới Đại Liên. Lúc không rõ tình hình ở đó ra sao không dám ngang nhiên trộm cướp, bèn tới quán cơm Hải Vị kiếm cơm thừa dỡ lòng. Một hôm đột nhiên có hai người ăn mày khác bước vào giật những cơm thừa y vét được để ăn, bị y đánh cho mấy lần phải quỳ lạy. Chiều hôm ấy y ra trạm xe buýt chuẩn bị ngủ, hai người ăn mày lúc ban ngày lại dẫn hơn mười người gọi y qua bên cạnh "làm việc". Một trường hỗn chiến, y thắng, hơn mười người kia nhất tề quỳ xuống gọi y là "gia gia". Nguyên nhóm ăn mày này đều thuộc Đan Đông quật, vì ở Đại Liên thế đơn lực bạc nên phải chịu sự cai quản của Lữ Đại quật. Như vậy y bất ngờ mà trở thành bang chủ Cái bang Đan

(15) (16) (17) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc dịch khất cái quần lạc* (Quần thể ăn mày Trung Quốc), Giang Tô Văn nghệ xuất bản xã, 1987, tr. 2 - 11, 13 và 198 - 201

Đông. Ngày 7 tháng 7 âm lịch năm ấy, thủ lĩnh Thảo đầu Lữ Đại quật là Trương Đại chủ trì nghi thức lên ngôi cho y ở ngoài Hắc Thạch Tiêu tại Đại Liên, tế trời đất xong, giao một danh sách hai mươi bảy ăn mỳ cho y cai quản. Y cũng có chút "bản lĩnh", không đầy bốn năm đã khiến Cái bang Đan Đông thanh thế đại chấn. Từ đó y không cần ngủ ở trạm xe buýt, vét cơm thừa trong quán nữa, chỉ việc giắt theo một con dao găm và một chiếc roi sắt, rượu ngon nhắm tốt, ăn mặc cũng sang trọng hẳn. Rồi lại y thay đổi phương thức của Cái bang Đan Đông lấy việc xin ăn làm cách mưu sinh chủ yếu mà bắt mọi người lúc ăn xin thì thuận tay dặt dề, đối với những đối tượng khác nhau thì thi triển những thủ đoạn khác nhau, xin không được thì trộm cắp. Y thông qua việc đặt ra bang quy bang pháp, lãnh đạo toàn bang trở thành cường thịnh. Dần dần dưới tay y bồi dưỡng xuất hiện mấy tên phó tướng khác, ví dụ tên "Pháp gia". Y hơn năm mươi tuổi, thân cao, hơi gù, râu quai nón, một chân khập khiễng. Y là người Quý Châu, từng cùng một người anh em họ chiếm cứ núi Nga My xưng vương, cướp được vài món tiền mãi lộ thì gặp phải một bọn "Cá lớn nuốt cá bé", bị đánh gãy một chân. Nửa năm sau y ăn xin dọc đường về tới nhà, lại bịa đặt là mình được "Thần tiên nhập xác" để lừa dối kiếm tiền. Một hôm người của chính quyền hương cách mấy trăm dặm tìm tới, y lập tức liền đêm bỏ trốn, chạy tới Đại Sâm Lâm ở Hắc Long Giang làm lưu manh. Cứ thế hơn mười năm, cũng hơi nhớ nhà, bèn lên xe về quê. Không ngờ đi lầm xe, lạc tới Đại Liên. Vào một quán cơm nhỏ ở Đại Liên ăn cơm thì vừa khéo gặp đồng hương, biết ở quê mấy năm liền mất mùa, người nhà cũng đã chuyển chỗ ở, lại do vị đồng hương ăn mỳ kia tiến dẫn vào Cái bang Đan Đông. Y biết chữ nghĩa, sau một năm lập tức được ủy nhiệm làm "Pháp gia", phụ trách tra xét hoạt động của thành viên trong nhóm, có thể trực tiếp xử phạt những tên liên tiếp vi phạm bang quy. Y tàn khốc vô tình, vì vậy trong Cái bang Đan Đông rất ít kẻ dám trái kỷ

luật hay làm phản bỏ trốn, mà càng đặc biệt ra sức xin xỏ, làm tiền, móc túi, cướp giật⁽¹⁸⁾.

Lại nói tới "công phu mềm", lợi dụng sự mê tín lừa dối mà làm bang chủ.

Ở Tế Nam Sơn Đông có một người ăn mày tự xưng là họ Vương, người bảo Nấm Lý Vô Thành, râu xanh rậm rạp, da dẻ hồng hào, cụt một ngón tay, cả ngày vác gậy, lưng khoác một cái bao lớn đi lang thang. Tối đến về đồi Ẩn mày ngủ, y lại rút ra năm quyển *Yếu đạo vấn đáp* của Thiên chúa giáo đọc cho mọi người nghe, đồng thời giảng đạo. Y nói "Theo đạo có thể khiến người ta có được chỗ gởi gắm tinh thần, khiến người ta cứu rỗi linh hồn, vì thế đạo Gia tô dạy người ta làm điều thiện tránh điều ác, lấy lòng nhân ái đối xử với mọi người, lấy đức hạnh tốt làm người tốt, sau đó linh hồn có thể sống mãi, vào được Thiên đàng". Có người hỏi "Chúa trời cứu người, có thể khiến bọn xin cơm chúng ta có ngày sung sướng không?". Y đáp "Chúa trời thương tất cả những người Do Thái không có nhà mà về, thương tất cả những người không đủ cơm áo. Chỉ cần anh yên tâm xin cơm biết chỗ sáng mà đi. Quan trọng là ở chỗ có đức hạnh tốt. Trong *Giáo nghĩa*, *Thập giới* nói không được giết người, không được gian dâm, không được trộm cắp, không được làm chứng gian hại người, không được tham lam của cải của người khác...", nói tới mức đám ăn mày gật đầu khen hay. Từ đó bên cạnh y liền có một bọn tín đồ, tự nguyện cung phụng cho y làm "Cha đạo", thậm chí có lúc còn tới nhà thờ làm lễ, lời nói của y trở thành lời lẽ có quyền uy tối cao vô thượng, trở thành người phát ngôn của Chúa, đám tín đồ đối với y điều gì cũng nghe theo. Còn y thì lợi dụng loại thuốc phiện mê tín

(18) Hạ Ngọc Văn, *Thần bí đích Đan Đông Cái bang* (Cái bang Đan Đông bí ẩn), *Đan Đông nhật báo* số ra ngày 25. 9 và ngày 9. 10. 1988

tôn giáo ấy mà làm thay đổi không ít người trong đám ăn mày, trở thành một người ăn mày có quyền lực như Chúa ăn mày⁽¹⁹⁾.

Mưu kế để giành quyền bang chủ Cái bang thường thấy nhất là dùng cả công phu mềm lẫn công phu cứng.

Ở trọng trấn Thẩm Dương vùng Đông bắc có một thủ lĩnh Cái bang thường ra vào Tháp kỷ niệm tình hữu nghị Trung Xô ở quảng trường được gọi là Tư lệnh dưới tháp, họ Ngô, xước hiệu Hầu Hạt tử. Y là người bản địa, tuổi gần năm mươi, từng vì trộm cắp, lừa đảo mà bị đi đầy tám năm. Sau khi ra tù, không có nghề nghiệp gì, vợ ly hôn bỏ đi. Y bán hết gia sản để sống rồi lưu lạc làm ăn mày. Tuy nói Hầu Hạt tử diện mạo tầm thường, không có tài gì hơn người nhưng lại thống trị bảy hệ thống lớn trong Cái bang bản địa rất chắc chắn, như phái "Chiết la" vét cơm thừa, phái "Xoang đại khảm" nhặt phế liệu bán lấy tiền, phái "Lão tề" rạch giỏ móc túi, phái Khêu dây bán máu để sống, phái "Khiên lão" lợi dụng phụ nữ lừa đảo lấy tiền, phái "Lão quý" xin tiền lễ vân vân. Các hệ thống đều có đầu lĩnh của mình nhưng các đầu lĩnh ấy và các thành viên đều phải biểu xén cống nạp cho Hầu Hạt tử, hơi có trễ nãi là sẽ phải chịu "nhạn sắc". Y chính là một kẻ nghĩ sâu tính xa, thông thạo con người và hoàn cảnh, lại thêm bạo lực, dùng cả hai cách cứng và mềm mà trở thành bá chủ Cái bang bản địa.

Trước kia y từng giúp Công an làm qua một số công tác tạm thời, quen biết một số người, còn giữ một tờ Giấy chứng nhận đã hết hạn. Cứ động một tí là rút tờ Giấy chứng nhận ấy ra mượn oai thừa để hù dọa lừa gạt đám ăn mày. Nếu ai không phục, y sẽ lớn tiếng đòi tới "Lão quản gia" tính toán với anh, dọa đám ăn mày khiến ai cũng khép nép vâng lệnh. Một lần có ba người ăn mày ở Liêu Nam lưu lạc tới Thẩm Dương, gặp phải Hầu Hạt tử. Y ngang nhiên như vua

(19) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc dịch khát cái quần lạc*, tr. 22 - 23

một nước, thổ địa một phương, chìa tay ra đòi Tiền kinh biểu. Thấy ba người ăn mày vai nở lưng đầy trước mặt không đếm xỉa gì tới hàm râu rậm, y bèn rút tờ Giấy chứng nhận ra lừa. Đối phương cầm lấy nhìn qua rồi khịt mũi hai tiếng nói "Đừng có lấy cái này ra dọa chúng anh, trò đùa này chúng anh biết rồi, trước đây chúng anh cũng đã ăn cơm vài bữa chỗ Lão quản gia đấy!". Hầu Mỗ thấy bị đối phương một câu nói toạc ra bèn lấp liếm "Các người chờ đấy, bây giờ ta sẽ đi tìm... tìm Lão quản gia". Không bao lâu quả nhiên có mấy người mặc sắc phục cảnh sát màu chàm giần dờ sấn tới, vây ba người ăn mày Liêu Nam vào giữa, một trường ác đấu, ba người bị đánh sưng vù mặt mũi, quỳ xuống xin tha. Một người đứng đầu nói "Tới chỗ Lão quản gia một chuyến!". "Không, tha cho chúng tôi một lần đi!". Ba người vừa xin tha, liền hối hận lúc nãy đứng đắc tội với Tư lệnh dưới tháp. "Vây thì được, là công hay tư đây?". "Tư đi, chúng tôi đưa tiền mà". Nói xong ba người vét sạch tiền được hơn một trăm đồng đưa ra. Há không biết đó chính là màn kịch do một tay Hầu Hạc tử đạo diễn. Từ đó trở đi, thần oai của Tư lệnh dưới tháp đồn đãi khắp nơi, đám ăn mày nhìn thấy y ai cũng run sợ. Phàm kẻ mới nhập bọn, trước tiên phải ra mắt Tư lệnh dưới tháp, bái kiến "Hầu gia". Một lần một thiếu nữ không đầy mười bốn tuổi tên Trương Đông Huy từ Giai Mộc Tư lưu lạc tới đất Thẩm, vì mẹ ghẻ ngược đãi nên bỏ nhà trốn đi, lại lầm rơi vào tay Hầu Hạc tử trong một quán cơm trên đường Khai Minh, do "Lão đại" đưa cô tới dâng lên một cái túi vải đỏ làm lễ nhận cha xong, hầu y uống rượu. Ăn cơm xong, lại bị dắt tới một gian phòng thuê trong khách sạn ở quảng trường Bắc Thị để hầu "cha" ngủ. Nên biết những ăn mày là phụ nữ dưới quyền cai quản của Hầu Hạc tử có ai không trở thành công cụ cho y thỏa mãn thú tính đâu!⁽²⁰⁾.

(20) Doãn Văn, Vương Kỳ, *Khất cái vương quốc thám bí* (Điều tra bí mật của vương quốc ăn mày), tạp chí *Văn minh dữ pháp chế*, số 9, 1988

Không lẽ thì có đôi, một thủ lãnh ăn mày tự xưng là Tư lệnh lẽ (Linh tư lệnh) ở Tế Nam cũng có lịch sử phát tích như "Tư lệnh dưới tháp". Chẳng qua chữ lẽ trong Tư lệnh lẽ không phải "dưới tháp" mà là chỉ việc y sống trên đỉnh tháp, trong Cái bang không ai lớn bằng y. Tư lệnh lẽ cũng là người bản địa, hơn bốn mươi tuổi, ngụ ở đường Quan Trát Doanh, xước hiệu là Hắc Đại Cá. Y từng vì trộm cắp, đánh nhau mà bị bắt giam bảy năm, mãn hạn ra tù lại du đãng như cũ, bán sạch vật dùng trong nhà tới mức cả cái giường nằm cũng không còn. Tổ dân phố ở đó đã mấy lần tìm việc cho y, nhưng y căn bản không muốn làm việc, cả ngày rong chơi lêu lổng, sau gia nhập hàng ngũ ăn mày. Không bao lâu y phát hiện ra rằng ăn mày ở nơi khác tới đó phần lớn nhút nhát, bèn khoác lác về mình, nói mình nhiều tiền thế nào, từng gia nhập quân đội, từng làm cán bộ thế nào, khiến một số người có đầu óc đơn giản tưởng thật. Lúc ấy y cũng ít nhiều nói lời thông cảm, giải thích và an ủi, lấy được thiện cảm của một số ăn mày, được tiếng là đại hảo nhân. Về sau y lại liên kết với một số ăn mày người bản xứ lấy cớ "tra xét hộ khẩu", "bắt trộm cắp", tiến hành lừa gạt đám ăn mày từ nơi khác tới. Có lúc y rút giấy đăng ký xe máy ra, che nửa phần trên, chỉ để lộ ra hàng chữ "Cục Công an thành phố Tế Nam" bên dưới, tự xưng là "Trình sát bí mật của Cục Công an", trước mặt đám ăn mày ra vẻ, nói khoác rằng ai không nghe lời y sẽ "bắt người ấy vào nhà giam". Lại thêm bọn bè lũ cùng bang tăng bốc, khiến một số ăn mày tưởng thật, cho rằng "Chống không nổi, theo cho xong". Cứ thế y dễ dàng không chế được đám ăn mày ở bến xe và vùng phụ cận Thiên Kiều, lại nuôi nấng một bọn Tay đánh, phong làm "quan nhĩ", trở thành bang chủ Cái bang một vùng. Bất kể người ăn mày nào mới tới trước tiên cũng đều phải tìm tới y báo cáo, nhận sự lãnh đạo, nếu không sẽ nếm mùi đau khổ. Mỗi ngày y hỏi han để nắm tình hình của đám ăn mày, kể nhận các món "tiền thưởng lệ", rồi sung chúc Chánh án giải quyết các vụ rắc rối trong đám ăn mày,

khống chế những kẻ không nghe lời. Một lần đám ăn mày tố cáo một người ăn mày có tên là Mặt rõ mượn tiền mười mấy người không trả. Lúc ấy y bèn quát bắt Mặt rõ quỳ xuống tiến hành thẩm vấn. Mặt rõ liền thoảng biện bác, y liền một cước đá ngã, đánh đá túi bụi đến khi bảy khiêu ứa máu, hơi thở thoi thóp. Từ đó trở đi, địa vị của Tư lệnh lễ trong Cái bang cao vọt hẳn lên, không ai không sợ⁽²¹⁾.

Phàm ba cách ấy đều là cách thức cơ bản của thủ lãnh các loại hàng bang Cái bang hiện nay sử dụng để lên ngôi nắm quyền. Cũng phải nói cách thức chủ yếu là dùng bạo lực. Trước nay trong xã hội giang hồ bất kể là kẻ "chiếm núi làm vua" hay củng cố địa vị bá chủ "đại vương trên núi" thì phần lớn cũng đều lấy võ lực hung tàn làm pháp bảo, dùng sức mạnh để mở đường. Đầu thời Dân quốc ở Quảng Châu có một hàng bang ăn mày nổi tiếng là Quan Đế sánh nhân mã, lúc thịnh vượng nhất tập hợp được tới năm vạn ăn mày. Quan Đế sánh nhân mã lúc đầu tập hợp ở một dải Tây Quan, bang chủ thì ngồi trấn trong chùa Hoa Lâm nắm quyền. Thật ra ban đầu là thế tập nổi ngôi, về sau từ phương bắc có một thủ lãnh ăn mày tên Trần Khởi Phong tới, y từng làm đầu đà trong chùa Thiếu Lâm mấy năm⁽²²⁾, luyện được một thân công

(21) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc đích nhất cái quân lực*, tr. 15 - 17

(22) Đầu đà, là phiên âm Hán Phạn, có khi phiên là Đồ đa hoặc Đồ trà, có nghĩa là "đầu triệt", chỉ việc bỏ hết sự phiền não ở trần gian. Đây là một cách tu hành khổ hạnh của Phật giáo. Theo quy định trong kinh Phật thì hành giả tu theo pháp Đầu đà phải mặc áo su rách rưới cũ nát; mặc ba loại áo cà sa bằng vải không phải màu chính sắc; thường khát thực; không được ăn nhiều, tức mỗi ngày chỉ được ăn bữa trưa; ăn một bữa, tức ngoài bữa trưa không được ăn thức gì khác; ăn có chừng mực, tức trong bát chỉ được nhận một nắm cơm; trú A la nhục, tức ở chỗ vắng vẻ xa cách người khác; ngồi ở mộ, tức ngồi ở chỗ mồ mả; ngồi dưới cây; ngồi dưới đất, tức ngồi ngay xuống đất; ngồi tùy chỗ, tức không cầu nệ về chỗ ngồi; thường ngồi không nằm, tục gọi là "Su khổ hạnh".

phu quyền cước, thủ hạ lại có một bọn Tay đánh vong mạng, nhờ đó nên tới Cái bang Quảng Châu thế lực ngày càng gia tăng, không có nhiều người có thể dựa vào võ lực thay quyền nắm chức bang chủ, đánh đổ chế độ thế tộc, lại khiến ảnh hưởng của Quan Đế sánh nhân mã ở Quảng Châu đột nhiên tăng vọt, ngay cảnh sát cũng có lúc không làm gì được, tuần cảnh địa phương càng móc ngoặc với họ, dựa vào nhau làm điều gian, gây hại một thời. Võ lực lại thêm liều mạng, nên trở thành thực lực làm bay gây loạn của họ, điều đó cơ hồ đã trở thành một pháp bảo lâu đời trong Cái bang xã hội đen ở Trung Quốc, một tập quán truyền thống xấu xa.

"Ngu muội, dã man, lừa dối, hung tàn, sa đọa có chấp mà lại phóng đảng không chịu bị ràng buộc là một đặc tính lớn của ăn mày, thủ lãnh ăn mày làm sao thống trị được đám thần dân ấy?". Đương nhiên chủ yếu còn là cách thức vận dụng bạo lực. Một tập báo cáo về ăn mày ở Trung Quốc hiện nay đã lấy ví dụ trực tiếp để trả lời câu hỏi sâu sắc mà họ đặt ra. Theo tiết lộ của đám ăn mày, nếu Công an thành phố Vũ Hán không tiến hành đợt thu gom bắt bớ lớn vào mùa thu năm 1986 thì họ vốn đã chuẩn bị đại biểu, sẽ mở ra "Đại hội đại biểu ăn mày" dưới lầu Hoàng Hạc bầu ra thủ lãnh toàn quốc của vương quốc ăn mày. Từ đó mà nhìn thì trong giới ăn mày tồn tại một lực cố kết hướng tâm nhất định tức kinh nghiệm và sinh hoạt cộng đồng, về khách quan họ đã chuẩn bị được loại cơ sở ấy, nhưng nguyên nhân chủ yếu còn ở chỗ sự thống trị của thủ lãnh ăn mày. Vận dụng sức mạnh bóc lột tiền bạc của từng người ăn mày và đánh đập tàn nhẫn là một cách thức duy trì địa vị thống trị. Đám ăn mày là bọn người không biết lý lẽ, chỉ võ lực mới khuất phục được. "Chức năng của miệng lưỡi là đối phó với bọn bất tài, chức năng của tay chân là đối phó với nhân vật sừng nỏ không giết mình". Đó là giáo điều mà thủ lãnh ăn mày rất tin tưởng. Có lần Sả tử Trịnh Châu ăn cắp tiền của Quái tử

Từ Châu, gây ra sự công phẫn. Theo quy củ bất thành văn trong Cái bang thì người tàn phế phải được tôn trọng, bây giờ hành vi của Sả tử lại vi phạm "luật trời", nếu không tiến hành "trừng phạt" thì về sau có thể "rối loạn khuôn phép". Lúc ấy thủ lãnh "Gia Cát Nam Dương" bèn đưa mắt ra hiệu cho bọn Tay đánh, lập tức lột sạch quần áo của Sả tử ra, lục soát khắp nơi, cuối cùng tìm được tiền trong cặp quần, trả lại Quải tử. Tới đó vẫn chưa xong, đám Tay đánh mỗi người một chương, từ lưng tới đùi Sả tử hiện rõ từng vết từng vết Thiết sa chương. Y đau đớn kêu gào, rồi rít xin tha, nhưng cũng không có ích gì. Bị đánh xong, cả quần cũng không mặc vào được, vẫn phải quỳ dưới đất nhận tội. Lúc bấy giờ "Gia Cát Nam Dương" phe phẩy quạt nói "Từ nay ai không nghe lệnh, sẽ xử trị như thế!". Từ đó trở đi không còn ai dám không vâng lời, không nộp "thuế". Người ta tạo ra sự tàn phế, cũng là cách thức khống chế bộ lạc. Mỗi khi thủ lãnh phát hiện gà ăn mỳ ương buồng nào toan trốn tránh hoặc theo về đường chính bèn dùng "thủ thuật ngoại khoa" với y. Cách làm này toàn tiến hành vào lúc người bị hại hoàn toàn không đề phòng. Bố trí đám Tay đánh đầu đấy xong, nhờ một đứa nhỏ nhả tới, sau đó cả bọn ùa ra, chặt đứt cánh tay hoặc làm chân bị thương, hoặc chặt ngón tay, hoặc đánh vẹo lưng, tóm lại không làm mất mạng mà khiến cho bị thương thành tàn tật, sau đó giam lại, không cho chữa chạy. Trên thực tế người bị hại cũng không có tiền chữa chạy, mất đi khả năng sinh hoạt bình thường, còn phải được người khác chiếu cố. Y biết là đắc tội với thủ lãnh, lại thêm thân thể tàn phế, càng thấp kém hơn người khác một bậc, không những từ đó đối với thủ lãnh thì nói gì nghe nấy mà còn không dám có chút chọc giận⁽²³⁾. Đủ thấy muốn trấn áp và đứng được trong đám người Cái bang ngu muội dã man, thì bản lĩnh quan trọng nhất là giỏi việc lấy lòng, dám giở bạo lực.

(23) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc đích khát cái quần lạc*, tr. 21 - 22

Xem suốt lịch sử phát sinh, phát triển của Cái bang xưa nay, đúng là một hiện tượng "ngược dòng" trở về thời đại bầy đàn dã man trước sự khai hóa, phát triển của một dân tộc văn minh, nói cách khác là "tự mình phục chế". Chúng ta đều không có cơ hội trực tiếp biết qua phong thái sinh hoạt của người dã man tổ tiên buổi đầu của nhân loại, nên cách sống của giới ăn mày hiện nay lại cung cấp cho mọi người một hiện tượng trực quan rất tốt. Trong Cái bang, mọi người lấy việc sống gáp làm phương thức tồn tại tạm bợ trên đời, cá lớn nuốt cá bé, kẻ hung tàn ngang ngược làm vua, kẻ lẻ loi yếu ớt lấy việc tuân phục để được che chở, "các nhà tư tưởng" trong đó phần lớn đều bị sự hỗn loạn tiêu diệt. Đương nhiên họ đều thông minh hơn, nhưng lại kế thừa khí chất buổi đầu của những tổ tiên xa xưa trong thời đại dã man. Họ tuân phục bang chủ hung tàn ngang ngược, gáp việc thì dựa vào sự "phán xét công bằng" của bang chủ để được che chở, không những phản ánh truyền thống xa xưa về tập quán loài vật "Người không có đầu không đi được, chim không có đầu không bay được", mà còn mang bóng dáng rõ ràng của quan niệm "quan lại trong sạch" trong truyền thống văn hóa chính trị của dân tộc Trung Hoa. Khao khát mong mỗi được "quan lại trong sạch" nắm chính quyền mà vui vẻ với những chuẩn mực hành vi theo tập quán không thành văn, đúng là một sợi dây ràng buộc sự cất cánh bay lên trong văn hóa truyền thống của dân tộc. Cái bang trong xã hội văn minh lại mang bóng dáng của thời đại mông muội, điều xưa cũ và cái hiện đại đan xen pha trộn với nhau, sử sách và thực tế khiến người ta phải suy nghĩ thật nhiều. Lịch sử Cái bang và hiện trạng của nó chính là hình ảnh một dân tộc trẻ tuổi đi qua mấy ngàn năm phát triển của lịch sử mà một sớm dừng lại hoặc lùi bước thì có thể trở về với dĩ vãng, là một tấm gương lịch sử.

Chương 5

Ăn mày và công án

*Chương này không nói về các vở kịch và tiểu thuyết công án mà chủ yếu nêu ra các cách thức ăn mày lừa đảo phạm tội * Đứa trẻ ăn mày trả vàng và Truyện ông hành khất họ Vương * "Đội điều tra" của Tiêu Hoài Vũ * Gã ăn mày cụt tay vốn là cướp.*

** Ăn cắp và ăn mày * Ăn mày chết được vợ * Tôn Miện trị tội ăn mày * Cách lừa đảo của ăn mày trong Thiên thuật kỳ văn * Việc thương tàn thân thể ở Trung Quốc và Ai Cập * Bài tản văn Người ăn xin của Lỗ Tấn.*

Trong chữ Hán, từ "công án" có nhiều ý nghĩa, có khi chỉ bản án, có khi chỉ bản ngồi xử án của quan lại thời trước, có khi chỉ việc kiện cáo hay một sự kiện. Thoại bản thời Tống có riêng một loại tiểu thuyết công án, nhà Phật cũng mượn ý nghĩa kết luận, đoán định thị phi của từ này để chỉ lời nói và việc làm mang tính khuôn mẫu của các bậc sư tổ tiền bối, vân vân. Trong niên hiệu Ung Chính nhà Thanh (1723 - 1735) Lam Đình Nguyên giữ chức Tri huyện Tấn Ninh, kế kiêm nhiếp cả huyện Triều Dương tỉnh Quảng Đông, sau bị hặc tội cách chức từng ghi lại một số vụ án mình đã xét xử, làm thành bộ sách *Lộc Châu công án* nổi tiếng, tất cả có hai quyển thượng hạ, gồm 24 thiên. Họ Lam

tự Ngọc Sương, Lộc Châu là tên hiệu của ông. *Thanh sử cảo, Tuần lai truyện* có chép truyện họ Lam, khen ông "Giỏi trị tội bọn trộm cướp và thầy kiện", "xét án như thần", "xét xử thường lật đi lật lại vụ án, người ta cho là nghiêm khắc mà không tàn ác". Nội dung bộ *Lộc Châu công án* chủ yếu là trừng trị bọn nha lại, thầy kiện không sợ pháp, luật, dă kích đám cường hào, dẹp yên lũ trộm cướp, chỉnh đốn trật tự trị an ở địa phương, bài trừ mê tín dị đoan và các vụ án dân sự hình sự. Vì vậy tôi lấy nhan đề là *Ăn mày và công án* cốt để nêu rõ rằng ăn mày là một nhóm xã hội có thành phần phức tạp, có liên quan trực tiếp tới nhiều hành vi phạm pháp về hình sự hoặc dân sự. Bất kể trong giai đoạn đầu hay lúc đã sa đọa biến chất thì nhóm xã hội này vẫn không ngừng là mối đe dọa trật tự xã hội, làm hại tới môi trường xã hội mà mọi người dựa vào đó để sinh tồn, vả lại càng về sau càng nghiêm trọng, trở thành một loại tai họa lớn cho toàn xã hội.

Nếu lấy việc hình thành bang hội ăn mày thời cận đại làm mốc để nói, thì trước đó ăn mày phạm tội đơn độc là chủ yếu, còn về sau thì ăn mày phạm tội tập thể là chủ yếu. Dĩ nhiên chưa chắc người ăn mày nào cũng đều gia nhập bang hội, mà trong Cái bang cũng không ít kẻ đơn độc phạm tội, nhưng nói chung có thể phân biệt như trên. Vì vậy cho dù các vụ án do ăn mày gây ra là phạm tội đơn độc hay phạm tội tập thể, thì các vụ nêu ra ở đây cũng nhằm nêu rõ ăn mày là một cội nguồn chủ yếu của việc phạm pháp trong xã hội, và Cái bang là một đại bản doanh chủ yếu của bọn tội phạm lưu manh.

Dĩ nhiên tôi hoàn toàn không nói rằng cứ là ăn mày thì không có ai tốt. Kẻ nghèo mà không mất chí khí thì xưa nay có vô số thí dụ, còn như xưa nay kẻ có hiếu đi ăn xin để nuôi cha mẹ hoặc cha mẹ chồng cũng có không ít. Trong số đó cũng có vô số ví dụ nếu tham của rơi là được tiền của nhưng không nỡ vì thế mà hại người. Chủ Nhân Hoạch thời

Thanh trong *Kiên biểu quảng tập*, quyển 5 có dẫn lại truyện *Cái nhĩ hoàn kim* (Đứa trẻ ăn mày trả vàng) trong *Bạch túy tòa ngôn*. Chuyện kể lúc Viên Trung Thiết cáo quan về, có quan Tham chính Mỗ tới chúc mừng, vì già cả nên có một đứa tiểu đồng đi. Đứa tiểu đồng ấy khoảng mười hai mười ba tuổi, quần áo lam lũ, tướng mạo cổ quái, đứng hầu một bên. Chủ khách chia chỗ ngồi yên xong, Viên Trung Thiết cứ chăm chú nhìn nó hồi lâu. Tham chính hỏi "Thượng thư nhìn đăm đăm, chắc nó có tướng xấu gì phải không?". Viên nói "Theo tôi thấy thì thằng nhỏ này đến khi hiển quý cũng không kém gì ông đâu". Tham chính hỏi "Thằng nhỏ này trước nay là kẻ vô lại, sao ngài lại nói sẽ được phú quý?". Viên đáp "Không bàn việc khác, chỉ xem tướng nó đủ biết". Về sau đứa tiểu đồng ở nhà Tham chính ngày càng rộng can, rốt lại bị đuổi đi, lưu lạc ở Nhạc miếu làm ăn mày. Một hôm có người đàn bà mang bao phục vào quỳ trước tượng thần khẩn vái hồi lâu, lúc ra đi để quên bao phục. Nó bước qua mở ra xem, thấy toàn là vàng bạc bèn cất đi chờ bà ta quay lại tìm. Kể người đàn bà khóc lóc trở lại tìm, nó bèn lấy ra đưa trả. Người đàn bà liền đưa ra một nén bạc tạ ơn, nó nói "Bà lắm rồi, nếu tôi muốn có tiền thì sao không lấy luôn làm của mình, còn trả lại bà làm gì?". Người đàn bà thấy thế bèn hỏi "Người sống với ai?". Đứa trẻ ăn mày nói "Tôi không có nơi nương tựa nên mới làm ăn mày". Nguyên người phụ nữ ấy mang tiền đi kêu oan cho chồng là Chỉ huy sứ Tứ Minh bị mắc oan giam giữ, lúc ấy bèn mang đứa trẻ ăn mày cùng đi. Khi viên Chỉ huy sứ được tha, vì mình không có con cái gì, họ hàng cũng không có ai bèn giữ đứa trẻ ăn mày ấy làm người thừa tự, từ đó nó trở nên quý hiển.

Chuyện cũ tuy pha trộn cả sự xác quyết mang tính tưởng tượng chủ quan của Viên Mỗ, nhưng cũng nêu rõ phẩm cách thuần phác nhất được vàng không hoa mắt của đứa trẻ ăn mày, người cùng chí không cùng, không tham của bất

nghĩa. Loại phẩm cách ấy không phải ai cũng có được mà lại xuất hiện nơi một đứa trẻ ăn mày lưu lạc ngụ trong miếu. Kết thúc của chuyện cũ như thế, có thể thấy tác giả rất tán thưởng về nó.

Trương Triều (Sơn Lai) thời Thanh trong *Ngũ sơ tân chí*, quyển 5, *Khất giả Vương ông truyện* (Truyện ông hành khất họ Vương) cũng ghi lại chuyện một người ăn mày có phẩm cách cao thượng. Chuyện kể một vị tổ tiên của nhà họ Vương đại tộc ở Tiêu quận từng là một người ăn mày. Có một hôm người ăn mày họ Vương này tới nhà trưởng giả họ Trần xin ăn, trời còn sớm bèn ngồi nghỉ chân trước cổng. Không bao lâu cửa mở, một a hoàn nhỏ bưng chậu nước hắt ra. Chỉ thấy có một vật theo nước rơi xuống, tới nhìn thì là một cái vòng vàng. Họ Vương cả mừng nhưng lại nghĩ rằng cái vòng vàng này nhất định là của bà chủ rửa mặt làm rơi vào chậu nước, a hoàn không biết nên mới hắt cả ra. Giả như bà chủ tìm không thấy mà nghĩ là a hoàn ăn cắp, tra vấn ráo riết ắt sẽ sinh chuyện bất ngờ. Mình là một kẻ nghèo khổ mà lại được món hoạnh tài bất ngờ này chưa chắc đã là may, mà còn có thể làm cho a hoàn nhỏ kia mắc phải tai họa. Vì thế cứ ở đó chờ. Qua một hồi lâu mới nghe trong cổng có tiếng ồn ào, tựa hồ còn có tiếng quát mắng. Kế đó lại thấy a hoàn kia mặt mũi đầy máu, đầu tóc rũ rượi chạy ra toan nhảy xuống khe nước trước cổng. Ông ta vội vàng đuổi theo giữ lại, hỏi vì sao mà đến nông nỗi này. A hoàn càng ra sức giãy giụa, khóc nói "Bà chủ mất vòng vàng để cho tôi ăn cắp, tôi lấy đâu ra vòng vàng, thế nào cũng bị bà ta đánh chết, chẳng bằng nhảy xuống nước chết còn được sạch sẽ". Họ Vương nghe thấy quả nhiên không sai điều mình đã đoán, lúc ấy bèn nói với cô ta rằng không nên sợ hãi, kể rút cái vòng vàng trong tay áo ra nói "Tôi chờ ở đây đã lâu rồi". A hoàn bèn vào báo với bà chủ, bà chủ cho rằng cô ta bịa đặt bèn sai tiểu đồng ra cổng xem, quả nhiên là thật. Ông chủ nhà họ Trần nghe chuyện

ấy khen ngợi nói "Trên đời vẫn còn có loại người thế này!". Lập tức gọi họ Vương vào gặp, vừa thấy ông ta còn trẻ rất ưng ý, bèn giữ lại làm người canh cổng. Qua một thời gian dài xem xét thấy ông ta siêng năng thật thà lại thường sai ra ngoài mua hàng hóa hoặc thu tô thuế, đều không có gì lỗi lầm, bèn gả a hoàn kia cho ông ta làm vợ. Từ đó họ Vương càng dốc lòng trung thành với chủ nhân, chăm chỉ làm việc, chủ nhân cũng đối xử như người trong nhà, ủy nhiệm ông ta coi giữ tiền bạc. Lâu sau họ Vương để dành được nhiều tiền, lại sinh được mấy đứa con, đều rất thông minh. Khi các con đã lớn bèn sai chia nhau đi buôn, trở thành một nhà giàu có. Về sau dất cả nhà từ biệt chủ nhân về quê an cư lạc nghiệp. Về việc này, người ta đều kinh ngạc khen ngợi kẻ làm ăn mảy mà không tham của bất nghĩa. Trương Triều bình "Tô Đông Pha có nói Trên có thể tiếp Ngọc Hoàng Đại đế, dưới có thể tiếp bọn ăn mảy, nhưng kẻ có thể tiếp bọn ăn mảy thì đều có thể tiếp Ngọc Hoàng Đại đế. Đại khái loại người ăn mảy nếu không phải là kẻ hết sức ngu xuẩn vô dụng thì là kẻ đại từ bi có điều muốn giữ, không muốn làm con hát đầy tớ, không chịu làm điều gian trá để lừa lấy tiền bạc của người ta, nên không thể không làm ăn mảy đó thôi. Còn như ông họ Vương có phẩm hạnh cao quý lại là người hiếm có trong bọn họ vậy", vân vân. Ý tứ là những người lưu lạc làm ăn mảy, ngoài bọn ngu xuẩn bất tài ắt là những kẻ không cam tâm làm việc bại hoại lợi mình hại người mà thà làm ăn mảy lưu lạc trên đường để bảo toàn phẩm giá, người ăn mảy họ Vương kia là điển hình trong bọn người ấy nên không lạ gì mà về sau ông ta được sung sướng! Nói thế chưa chắc đã đúng hẳn, nhưng cũng đủ để chứng minh trong đám ăn mảy có những kẻ lai lịch xấu tốt khác nhau, cũng có một số "nhà tư tưởng" hoặc người có phẩm cách cao thượng bị xô đẩy vào nghịch cảnh ấy. Vả lại ngọc trong đá, vàng trong cát rốt lại cũng không mất được ánh sáng.

ngang sợ kẻ liều mạng". Trong truyền thống của xã hội giang hồ, nếu muốn "hợp thời" thì ít nhất cũng phải biết một trong hai đạo văn võ, nếu không thì không xong. Nhu có thể thắng cương, có lúc người yếu cũng có thể trị được kẻ mạnh, kẻ ngang và kẻ liều mạng. Làm bang chủ Cái bang, phần lớn đều có công phu mềm (mưu kế) hoặc công phu cứng, có kẻ nhờ thi triển được cả hai môn mà có được chức vụ.

Trước hết hãy nói tới loại bang chủ dùng "công phu cứng".

Tháng 12 năm 1986, có năm người ăn mày từ Sở Thu dung bốn nơi Duyên Châu, Từ Châu, Thiên Tân, Đức Châu gặp nhau ở Thái Châu. Người lớn nhất là Kiều Kim Thành, hai mươi tám tuổi, người Tân Châu, lúc ấy đã có lịch sử tám năm ăn xin. Trương Thanh Văn, hai mươi tuổi răng hô, lưu lạc đã bốn năm là người hương Kim Lư huyện Lư Giang khu Sào Hồ tỉnh An Huy. Hàn Nãi Văn búi tóc, kết bím, mười bảy tuổi, Lý Vinh Khuê mặt vuông mắt lớn, cùng là người thôn Tam Nguyên hương Văn Tổ huyện Chương Khâu, đều có lịch sử ăn xin hơn sáu năm. Còn một người là Khổng Tường Ngọc thân thể to lớn, cắt tóc ngắn mà tính nét ngang ngạnh, bất chấp thiên hạ, là người Vương gia trang hương Nam Tân huyện Khúc Phụ, mười hai tuổi đã làm ăn mày, từng theo thầy học quyền cước, biết mấy chiêu võ công, sức khỏe hơn người, giỏi nhất là Khất cái quyền. Y đứng là cây vào một thân công phu và tính tình ngang ngạnh, làm "Lão đại" đứng đầu Cái bang nhỏ năm người, Kiều Kim Thành lớn hơn y tám chín tuổi lại trở thành "Lão mat" đứng cuối cùng. Hôm ấy năm người không hẹn mà gặp nhau ở một quán cơm nhỏ. Kiều Kim Thành mua ba cái bánh bao vừa định ăn thì bị Khổng Tường Ngọc giật lấy bỏ đi. Kiều không phục, Khổng lập tức kéo tai y, tát cho mấy cái, ra một đòn Tảo đường thoái đánh ngã. Lý và Hàn cùng đi sấn lên giúp Kiều, cũng bị đánh lùi lại liên tiếp. Lúc ấy Trương tới, sấn vào giữa vái hai

bên nói "Đều là anh em mình, có gì cứ nói, đừng đánh nữa, đừng đánh nữa!". Lúc ấy Khổng nhật một hòn gạch lên, giẫm chân, thở րa, vận khí, sau đó chát một tiếng dùng ngón tay xĩa vỡ một góc viên gạch. Bốn người còn lại khiếp phục, lúc ấy nhất tề quỳ xuống gọi đại ca, tôn y làm người đứng đầu. Đồng thời ban ra ước pháp tam chương, nhất thiết mọi việc đều do đại ca điều khiển, không nghe lời sẽ bị phạt. Chúng nói "Nghe theo bang chủ, là có cơm ăn!", "Dựa vào lão đại, ông anh sắt, thật thỏa lòng!". Từ đó y trở thành thủ lãnh⁽¹⁷⁾.

Thủ lãnh Thảo gia của Cái bang Đan Đông quật cũng dùng cách ấy trở thành bang chủ. Y năm nay ba mươi bảy tuổi, vốn là nông dân ở Cát Lâm, muốn ra ngoài ngang dọc một phen nhưng không có tiền đi đường bèn đi trộm cướp, trong một tháng liên tiếp gây ra hơn hai mươi vụ án. Kết quả đúng lúc y sắp lên xe tới Thẩm Dương thì bị công tay đưa vào nhà giam. Năm 1978 y ra tù, người vợ ly hôn mang theo đứa con bốn tuổi bỏ đi, y cũng mang tiếng xấu khắp nơi. Từ đó y tới Cáp Nhĩ Tân, dưới sự chỉ dạy của một tên bạn tù cũ tiếp tục phạm tội. Lúc y ra tù lần thứ hai, lại trốn tới Đại Liên. Lúc không rõ tình hình ở đó ra sao không dám ngang nhiên trộm cướp, bèn tới quán cơm Hải Vị kiếm cơm thừa đồ lòng. Một hôm đột nhiên có hai người ăn mày khác bước vào giật những cơm thừa y vét được để ăn, bị y đánh cho mấy lần phải quỳ lạy. Chiều hôm ấy y ra trạm xe buýt chuẩn bị ngủ, hai người ăn mày lúc ban ngày lại dẫn hơn mười người gọi y qua bên cạnh "làm việc". Một trường hỗn chiến, y thắng, hơn mười người kia nhất tề quỳ xuống gọi y là "gia gia". Nguyên nhóm ăn mày này đều thuộc Đan Đông quật, vì ở Đại Liên thế đơn lực bạc nên phải chịu sự cai quản của Lữ Đại quật. Như vậy y bắt ngờ mà trở thành bang chủ Cái bang Đan

(15) (16) (17) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc dịch khất cái quần lạc* (Quần thể ăn mày Trung Quốc), Giang Tô Văn nghệ xuất bản xã, 1987, tr. 2 - 11, 13 và 198 - 201

Đông. Ngày 7 tháng 7 âm lịch năm ấy, thủ lĩnh Thảo đầu Lữ Đại quật là Trương Đại chủ trì nghi thức lên ngôi cho y ở ngoài Hắc Thạch Tiêu tại Đại Liên, tế trời đất xong, giao một danh sách hai mươi bảy ăn mày cho y cai quản. Y cũng có chút "bản lĩnh", không đầy bốn năm đã khiến Cái bang Đan Đông thanh thế đại chấn. Từ đó y không cần ngủ ở trạm xe buýt, vét cơm thừa trong quán nữa, chỉ việc giắt theo một con dao găm và một chiếc roi sắt, rượu ngon nhắm tốt, ăn mặc cũng sang trọng hẳn. Rồi lại y thay đổi phương thức của Cái bang Đan Đông lấy việc xin ăn làm cách mưu sinh chủ yếu mà bắt mọi người lúc ăn xin thì thuận tay dặt dề, đối với những đối tượng khác nhau thì thi triển những thủ đoạn khác nhau, xin không được thì trộm cắp. Y thông qua việc đặt ra bang quy bang pháp, lãnh đạo toàn bang trở thành cường thịnh. Dần dần dưới tay y bồi dưỡng xuất hiện mấy tên phó tướng khác, ví dụ tên "Pháp gia". Y hơn năm mươi tuổi, thân cao, hơi gù, râu quai nón, một chân khập khiễng. Y là người Quý Châu, từng cùng một người anh em họ chiếm cứ núi Nga My xưng vương, cướp được vài món tiền mãi lộ thì gặp phải một bọn "Cá lớn nuốt cá bé", bị đánh gãy một chân. Nửa năm sau y ăn xin dọc đường về tới nhà, lại bị đặt là mình được "Thần tiên nhập xác" để lừa dối kiếm tiền. Một hôm người của chính quyền hương cách mấy trăm dặm tìm tới, y lập tức liền đêm bỏ trốn, chạy tới Đại Sâm Lâm ở Hắc Long Giang làm lưu manh. Cứ thế hơn mười năm, cũng hơi nhớ nhà, bèn lên xe về quê. Không ngờ đi lắm xe, lạc tới Đại Liên. Vào một quán cơm nhỏ ở Đại Liên ăn cơm thì vừa khéo gặp đồng hương, biết ở quê mấy năm liền mất mùa, người nhà cũng đã chuyển chỗ ở, lại do vị đồng hương ăn mày kia tiến dẫn vào Cái bang Đan Đông. Y biết chữ nghĩa, sau một năm lập tức được ủy nhiệm làm "Pháp gia", phụ trách tra xét hoạt động của thành viên trong nhóm, có thể trực tiếp xử phạt những tên liên tiếp vi phạm bang quy. Y tàn khốc vô tình, vì vậy trong Cái bang Đan Đông rất ít kẻ dám trái kỷ

luật hay làm phản bỏ trốn, mà càng đặc biệt ra sức xin xỏ, làm tiền, móc túi, cướp giật⁽¹⁸⁾.

Lại nói tới "công phu mê", lợi dụng sự mê tín lừa dối mà làm bang chủ.

Ở Tế Nam Sơn Đông có một người ăn mày tự xưng là họ Vương, người bảo Năm Lý Vô Thành, râu xanh rậm rạp, da dẻ hồng hào, cụt một ngón tay, cả ngày vác gậy, lưng khoác một cái bao lớn đi lang thang. Tối đến về đôi Ăn mày ngủ, y lại rút ra năm quyển *Yếu đạo vấn đáp* của Thiên chúa giáo đọc cho mọi người nghe, đồng thời giảng đạo. Y nói "Theo đạo có thể khiến người ta có được chỗ gửi gắm tinh thần, khiến người ta cứu rỗi linh hồn, vì thế đạo Gia tô dạy người ta làm điều thiện tránh điều ác, lấy lòng nhân ái đối xử với mọi người, lấy đức hạnh tốt làm người tốt, sau đó linh hồn có thể sống mãi, vào được Thiên đàng". Có người hỏi "Chúa trời cứu người, có thể khiến bọn xin cơm chúng ta có ngày sung sướng không?". Y đáp "Chúa trời thương tất cả những người Do Thái không có nhà mà về, thương tất cả những người không đủ cơm áo. Chỉ cần anh yên tâm xin cơm biết chỗ sáng mà đi. Quan trọng là ở chỗ có đức hạnh tốt. Trong *Giáo nghĩa, Thập giới* nói không được giết người, không được gian dâm, không được trộm cắp, không được làm chứng gian hại người, không được tham lam của cải của người khác...", nói tới mức đám ăn mày gật đầu khen hay. Từ đó bên cạnh y liền có một bọn tín đồ, tự nguyện cung phụng cho y làm "Cha đạo", thậm chí có lúc còn tới nhà thờ làm lễ, lời nói của y trở thành lời lẽ có quyền uy tối cao vô thượng, trở thành người phát ngôn của Chúa, đám tín đồ đối với y điều gì cũng nghe theo. Còn y thì lợi dụng loại thuốc phiện mê tín

(18) Hạ Ngọc Văn, *Thần bí dịch Đan Đông Cái bang* (Cái bang Đan Đông bí ẩn), *Đan Đông nhật báo* số ra ngày 25. 9 và ngày 9. 10. 1988

tôn giáo ấy mà làm thay đổi không ít người trong đám ăn mày, trở thành một người ăn mày có quyền lực như Chúa ăn mày⁽¹⁹⁾.

Mưu kế để giành quyền bang chủ Cái bang thường thấy nhất là dùng cả công phu mềm lẫn công phu cứng.

Ở trọng trấn Thẩm Dương vùng Đông bắc có một thủ lĩnh Cái bang thường ra vào Tháp kỷ niệm tình hữu nghị Trung Xô ở quảng trường được gọi là Tư lệnh dưới tháp, họ Ngô, xức hiệu Hầu Hạt tử. Y là người bản địa, tuổi gần năm mươi, từng vì trộm cắp, lừa đảo mà bị đi dày tám năm. Sau khi ra tù, không có nghề nghiệp gì, vợ ly hôn bỏ đi. Y bán hết gia sản để sống rồi lưu lạc làm ăn mày. Tuy nói Hầu Hạt tử diện mạo tầm thường, không có tài gì hơn người nhưng lại thống trị bảy hệ thống lớn trong Cái bang bản địa rất chắc chắn, như phái "Chiết la" vét cơm thừa, phái "Xoang đại khảm" nhật phế liệu bán lấy tiền, phái "Lão tể" rạch giỏ móc túi, phái Khều dây bán máu để sống, phái "Khiên lão" lợi dụng phụ nữ lừa đảo lấy tiền, phái "Lão quý" xin tiền lễ vân vân. Các hệ thống đều có đầu lĩnh của mình nhưng các đầu lĩnh ấy và các thành viên đều phải biểu xén cống nạp cho Hầu Hạt tử, hơi có trễ nãi là sẽ phải chịu "nhạn sắc". Y chính là một kẻ nghĩ sâu tính xa, thông thạo con người và hoàn cảnh, lại thêm bạo lực, dùng cả hai cách cứng và mềm mà trở thành bá chủ Cái bang bản địa.

Trước kia y từng giúp Công an làm qua một số công tác tạm thời, quen biết một số người, còn giữ một tờ Giấy chứng nhận đã hết hạn. Cứ động một tí là rút tờ Giấy chứng nhận ấy ra mượn oai thừa để hù dọa lừa gạt đám ăn mày. Nếu ai không phục, y sẽ lớn tiếng đòi tới "Lão quản gia" tính toán với anh, dọa đám ăn mày khiến ai cũng khép nép vâng lệnh. Một lần có ba người ăn mày ở Liêu Nam lưu lạc tới Thẩm Dương, gặp phải Hầu Hạt tử. Y ngang nhiên như vua

(19) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc khát cái quần lạc*, tr. 22 - 23

một nước, thổ địa một phương, chìa tay ra đòi Tiền kính biểu. Thấy ba người ăn mày vai nở lưng đầy trước mặt không đếm xỉa gì tới hàm râu rậm, y bèn rút tờ Giấy chứng nhận ra lừa. Đối phương cầm lấy nhìn qua rồi khịt mũi hai tiếng nói "Đừng có lấy cái này ra dọa chúng anh, trò đùa này chúng anh biết rồi, trước đây chúng anh cũng đã ăn cơm vài bữa chỗ Lão quản gia đấy!". Hầu Mỗ thấy bị đối phương một câu nói toạc ra bèn lấp liếm "Các người chờ đấy, bây giờ ta sẽ đi tìm... tìm Lão quản gia". Không bao lâu quả nhiên có mấy người mặc sắc phục cảnh sát màu chàm giận dữ sấn tới, vây ba người ăn mày Liêu Nam vào giữa, một trường ác đấu, ba người bị đánh sưng vù mặt mũi, quỳ xuống xin tha. Một người đứng đầu nói "Tới chỗ Lão quản gia một chuyến!". "Không, tha cho chúng tôi một lần đi!". Ba người vừa xin tha, liền hối hận lúc nãy đứng đắc tội với Tư lệnh dưới tháp. "Vậy thì được, là công hay tư đây?". "Tư đi, chúng tôi đưa tiền mà". Nói xong ba người vét sạch tiền được hơn một trăm đồng đưa ra. Há không biết đó chính là màn kịch do một tay Hầu Hật tử đạo diễn. Từ đó trở đi, thần oai của Tư lệnh dưới tháp đồn đãi khắp nơi, đám ăn mày nhìn thấy y ai cũng run sợ. Phạm kẻ mới nhập bọn, trước tiên phải ra mắt Tư lệnh dưới tháp, bái kiến "Hầu gia". Một lần một thiếu nữ không đầy mười bốn tuổi tên Trương Đông Huy từ Giai Mộc Tư lưu lạc tới đất Thẩm, vì mẹ ghẻ ngược đãi nên bỏ nhà trốn đi, lại lầm rơi vào tay Hầu Hật tử trong một quán cơm trên đường Khai Minh, do "Lão đại" đưa cô tới dâng lên một cái túi vải đỏ làm lễ nhận cha xong, hầu y uống rượu. Ăn cơm xong, lại bị dắt tới một gian phòng thuê trong khách sạn ở quảng trường Bắc Thị để hầu "cha" ngủ. Nên biết những ăn mày là phụ nữ dưới quyền cai quản của Hầu Hật tử có ai không trở thành công cụ cho y thỏa mãn thú tính đâu!⁽²⁰⁾

(20) Doãn Văn, Vương Kỳ, *Khất cái vương quốc thâm bí* (Điều tra bí mật của vương quốc ăn mày), tạp chí *Văn minh dữ pháp chế*, số 9, 1988

Không lẽ thì có đôi, một thủ lãnh ăn mày tự xưng là Tư lệnh lẽ (Linh tư lệnh) ở Tế Nam cũng có lịch sử phát tích như "Tư lệnh dưới tháp". Chẳng qua chữ lẽ trong Tư lệnh lẽ không phải "dưới tháp" mà là chỉ việc y sống trên đỉnh tháp, trong Cái bang không ai lớn bằng y. Tư lệnh lẽ cũng là người bản địa, hơn bốn mươi tuổi, ngụ ở đường Quan Trát Doanh, xước hiệu là Hắc Đại Cá. Y từng vì trộm cắp, đánh nhau mà bị bắt giam bảy năm, mãn hạn ra tù lại du đãng như cũ, bán sạch vật dùng trong nhà tới mức cả cái giường nằm cũng không còn. Tổ dân phố ở đó đã mấy lần tìm việc cho y, nhưng y căn bản không muốn làm việc, cả ngày rong chơi lêu lổng, sau gia nhập hàng ngũ ăn mày. Không bao lâu y phát hiện ra rằng ăn mày ở nơi khác tới đó phần lớn nhút nhát, bèn khoác lác về mình, nói mình nhiều tiền thế nào, từng gia nhập quân đội, từng làm cán bộ thế nào, khiến một số người có đầu óc đơn giản tưởng thật. Lúc ấy y cũng ít nhiều nới lời thông cảm, giải thích và an ủi, lấy được thiện cảm của một số ăn mày, được tiếng là đại hảo nhân. Về sau y lại liên kết với một số ăn mày người bản xứ lấy có "tra xét hộ khẩu", "bắt trộm cắp", tiến hành lừa gạt đám ăn mày từ nơi khác tới. Có lúc y rút giấy đăng ký xe máy ra, che nửa phần trên, chỉ để lộ ra hàng chữ "Cục Công an thành phố Tế Nam" bên dưới, tự xưng là "Trình sát bí mật của Cục Công an", trước mặt đám ăn mày ra vẻ, nói khoác rằng ai không nghe lời y sẽ "bắt người ấy vào nhà giam". Lại thêm bọn bè lũ cùng bang tâng bốc, khiến một số ăn mày tưởng thật, cho rằng "Chống không nổi, theo cho xong". Cứ thế y dễ dàng khống chế được đám ăn mày ở bến xe và vùng phụ cận Thiên-Kiều, lại nuôi nấng một bọn Tay đánh, phong làm "quan nhì", trở thành bang chủ Cái bang một vùng. Bất kể người ăn mày nào mới tới trước tiên cũng đều phải tìm tới y báo cáo, nhận sự lãnh đạo, nếu không sẽ nếm mùi đau khổ. Mỗi ngày y hỏi han để nắm tình hình của đám ăn mày, kế nhận các món "tiền thưởng lệ", rồi sung chức Chánh án giải quyết các vụ rắc rối trong đám ăn mày,

khống chế những kẻ không nghe lời. Một lần đám ăn mày tố cáo một người ăn mày có tên là Mặt rỗ mượn tiền mười mấy người không trả. Lúc ấy y bèn quát bắt Mặt rỗ quỳ xuống tiến hành thẩm vấn. Mặt rỗ liền thoảng biện bác, y liền một cước đá ngã, đánh đá túi bụi đến khi bầy khiêu ứa máu, hơi thở thoi thóp. Từ đó trở đi, địa vị của Tư lệnh lẻ trong Cái bang cao vọt hẳn lên, không ai không sợ⁽²¹⁾.

Phàm ba cách ấy đều là cách thức cơ bản của thủ lãnh các loại hàng bang Cái bang hiện nay sử dụng để lên ngôi nắm quyền. Cũng phải nói cách thức chủ yếu là dùng bạo lực. Trước nay trong xã hội giang hồ bất kể là kẻ "chiếm núi làm vua" hay củng cố địa vị bá chủ "đại vương trên núi" thì phần lớn cũng đều lấy võ lực hung tàn làm pháp bảo, dùng sức mạnh để mở đường. Đầu thời Dân quốc ở Quảng Châu có một hàng bang ăn mày nổi tiếng là Quan Đế sánh nhân mã, lúc thịnh vượng nhất tập hợp được tới năm vạn ăn mày. Quan Đế sánh nhân mã lúc đầu tập hợp ở một dải Tây Quan, bang chủ thì ngồi trấn trong chùa Hoa Lâm nắm quyền. Thật ra ban đầu là thế tập nối ngôi, về sau từ phương bắc có một thủ lãnh ăn mày tên Trần Khởi Phong tới, y từng làm đầu đà trong chùa Thiếu Lâm mấy năm⁽²²⁾, luyện được một thân công

(21) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc dịch khát cái quân lực*, tr. 15 - 17

(22) Đầu đà, là phiên âm Hán Phạn, có khi phiên là Đồ đa hoặc Đồ trà, có nghĩa là "đầu triệt", chỉ việc bỏ hết sự phiền não ở trần gian. Đây là một cách tu hành khổ hạnh của Phật giáo. Theo quy định trong kinh Phật thì hành giả tu theo pháp Đầu đà phải mặc áo sơ rách rưới cũ nát; mặc ba loại áo cà sa bằng vải không phải màu chính sắc; thường khát thực; không được ăn nhiều, tức mỗi ngày chỉ được ăn bữa trưa; ăn một bữa, tức ngoài bữa trưa không được ăn thức gì khác; ăn có chừng mực, tức trong bát chỉ được nhận một nắm cơm; trú A la nhục, tức ở chỗ vắng vẻ xa cách người khác; ngồi ở mộ, tức ngồi ở chỗ mồ mả; ngồi dưới cây; ngồi dưới đất, tức ngồi ngay xuống đất; ngồi tùy chỗ, tức không câu nệ về chỗ ngồi; thường ngồi không nằm, tục gọi là "Sư khổ hạnh".

phu quyền cước, thủ hạ lại có một bọn Tay đánh vong mạng, nhờ đó nên tới Cái bang Quảng Châu thế lực ngày càng gia tăng, không có nhiều người có thể dựa vào võ lực thay quyền nắm chức bang chủ, đánh đổ chế độ thế tộc, lại khiến ảnh hưởng của Quan Đế sánh nhân mã ở Quảng Châu đột nhiên tăng vọt, ngay cảnh sát cũng có lúc không làm gì được, tuần cảnh địa phương càng móc ngoặc với họ, dựa vào nhau làm điều gian, gây hại một thời. Võ lực lại thêm liều mạng, nên trở thành thực lực làm bậy gây loạn của họ, điều đó cơ hồ đã trở thành một pháp bảo lâu đời trong Cái bang xã hội đen ở Trung Quốc, một tập quán truyền thống xấu xa.

"Ngu muội, dã man, lừa dối, hung tàn, sa đoạ cố chấp mà lại phóng đảng không chịu bị ràng buộc là một đặc tính lớn của ăn mày, thủ lãnh ăn mày làm sao thống trị được đám thân dân ấy?". Đương nhiên chủ yếu còn là cách thức vận dụng bạo lực. Một tập báo cáo về ăn mày ở Trung Quốc hiện nay đã lấy ví dụ trực tiếp để trả lời câu hỏi sâu sắc mà họ đặt ra. Theo tiết lộ của đám ăn mày, nếu Công an thành phố Vũ Hán không tiến hành đợt thu gom bắt bớ lớn vào mùa thu năm 1986 thì họ vốn đã chuẩn bị đại biểu, sẽ mở ra "Đại hội đại biểu ăn mày" dưới lầu Hoàng Hạc bầu ra thủ lãnh toàn quốc của vương quốc ăn mày. Từ đó mà nhìn thì trong giới ăn mày tồn tại một lực cố kết hướng tâm nhất định tức kinh nghiệm và sinh hoạt cộng đồng, về khách quan họ đã chuẩn bị được loại cơ sở ấy, nhưng nguyên nhân chủ yếu còn ở chỗ sự thống trị của thủ lãnh ăn mày. Vận dụng sức mạnh bóc lột tiền bạc của từng người ăn mày và đánh đập tàn nhẫn là một cách thức duy trì địa vị thống trị. Đám ăn mày là bọn người không biết lý lẽ, chỉ võ lực mới khuất phục được. "Chức năng của miệng lưỡi là đối phó với bọn bất tài, chức năng của tay chân là đối phó với nhân vật sùng nể không giết mình". Đó là giáo điều mà thủ lãnh ăn mày rất tin tưởng. Có lần Sả tử Trịnh Châu ăn cắp tiền của Quải tử

Từ Châu, gây ra sự công phẫn. Theo quy củ bất thành văn trong Cái bang thì người tàn phế phải được tôn trọng, bây giờ hành vi của Sả tử lại vi phạm "luật trời", nếu không tiến hành "trừng phạt" thì về sau có thể "rối loạn khuôn phép". Lúc ấy thủ lãnh "Gia Cát Nam Dương" bèn đưa mắt ra hiệu cho bọn Tay đánh, lập tức lột sạch quần áo của Sả tử ra, lục soát khắp nơi, cuối cùng tìm được tiền trong cặp quần, trả lại Quả tử. Tối đó vẫn chưa xong, đám Tay đánh mỗi người một chưởng, từ lưng tới đùi Sả tử hiện rõ từng vết từng vết Thiết sa chuồng. Y đau đớn kêu gào, rớt rít xin tha, nhưng cũng không có ích gì. Bị đánh xong, cả quần cũng không mặc vào được, vẫn phải quỳ dưới đất nhận tội. Lúc bấy giờ "Gia Cát Nam Dương" phe phẩy quạt nói "Từ nay ai không nghe lệnh, sẽ xử trị như thế!". Từ đó trở đi không còn ai dám không vâng lời, không nộp "thuế". Người ta tạo ra sự tàn phế, cũng là cách thức khống chế bộ lạc. Mỗi khi thủ lãnh phát hiện gã ăn mày ương bướng nào toan trốn tránh hoặc theo về đường chính bèn dùng "thủ thuật ngoại khoa" với y. Cách làm này toàn tiến hành vào lúc người bị hại hoàn toàn không đề phòng. Bố trí đám Tay đánh đầu đuôi xong, nhờ một đứa nhỏ nhả tới, sau đó cả bọn ủa ra, chặt đứt cánh tay hoặc làm chân bị thương, hoặc chặt ngón tay, hoặc đánh vẹo lưng, tóm lại không làm mất mạng mà khiến cho bị thương thành tàn tật, sau đó giam lại, không cho chữa chạy. Trên thực tế người bị hại cũng không có tiền chữa chạy, mất đi khả năng sinh hoạt bình thường, còn phải được người khác chiếu cố. Y biết là đắc tội với thủ lãnh, lại thêm thân thể tàn phế, càng thấp kém hơn người khác một bậc, không những từ đó đối với thủ lãnh thì nói gì nghe nấy mà còn không dám có chút chọc giận⁽²³⁾. Đủ thấy muốn trấn áp và đứng được trong đám người Cái bang ngu muội dã man, thì bản lĩnh quan trọng nhất là giỏi việc lấy lòng, dám giở bạo lực.

(23) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc đích khát cái quần lạc*, tr. 21 - 22

Xem suốt lịch sử phát sinh, phát triển của Cái bang xưa nay, đúng là một hiện tượng "ngược dòng" trở về thời đại bầy đàn dã man trước sự khai hóa, phát triển của một dân tộc văn minh, nói cách khác là "tự mình phục chế". Chúng ta đều không có cơ hội trực tiếp biết qua phong thái sinh hoạt của người dã man tổ tiên buổi đầu của nhân loại, nên cách sống của giới ăn mày hiện nay lại cung cấp cho mọi người một hiện tượng trực quan rất tốt. Trong Cái bang, mọi người lấy việc sống gấp làm phương thức tồn tại tạm bợ trên đời, cá lớn nuốt cá bé, kẻ hung tàn ngang ngược làm vua, kẻ lẻ loi yếu ớt lấy việc tuân phục để được che chở, "các nhà tư tưởng" trong đó phần lớn đều bị sự hỗn loạn tiêu diệt. Đương nhiên họ đều thông minh hơn, nhưng lại kế thừa khí chất buổi đầu của những tổ tiên xa xưa trong thời đại dã man. Họ tuân phục bang chủ hung tàn ngang ngược, gặp việc thì dựa vào sự "phán xét công bằng" của bang chủ để được che chở, không những phản ảnh truyền thống xa xưa về tập quán loài vật "Người không có đầu không đi được, chim không có đầu không bay được", mà còn mang bóng dáng rõ ràng của quan niệm "quan lại trong sạch" trong truyền thống văn hóa chính trị của dân tộc Trung Hoa. Khao khát mong mỗi được "quan lại trong sạch" nắm chính quyền mà vui vẻ với những chuẩn mực hành vi theo tập quán không thành văn, đúng là một sợi dây ràng buộc sự cất cánh bay lên trong văn hóa truyền thống của dân tộc. Cái bang trong xã hội văn minh lại mang bóng dáng của thời đại mông muội, điều xưa cũ và cái hiện đại đan xen pha trộn với nhau, sử sách và thực tế khiến người ta phải suy nghĩ thật nhiều. Lịch sử Cái bang và hiện trạng của nó chính là hình ảnh một dân tộc trẻ tuổi đi qua mấy ngàn năm phát triển của lịch sử mà một sớm dừng lại hoặc lùi bước thì có thể trở về với dĩ vãng, là một tấm gương lịch sử.

Chương 5

Ăn mày và công án

*Chương này không nói về các vở kịch và tiểu thuyết công án mà chủ yếu nêu ra các cách thức ăn mày lừa đảo phạm tội * Đứa trẻ ăn mày trả vàng và Truyện ông hành khất họ Vương * "Đội điều tra" của Tiêu Hoài Vũ * Gã ăn mày cụt tay vốn là cướp.*

** Ăn cắp và ăn mày * Ăn mày chết được vợ * Tôn Miện trị tội ăn mày * Cách lừa đảo của ăn mày trong Thiên thuật kỳ văn * Việc thương tàn thân thể ở Trung Quốc và Ai Cập * Bài tản văn Người ăn xin của Lô Tấn.*

Trong chữ Hán, từ "công án" có nhiều ý nghĩa, có khi chỉ bản án, có khi chỉ bàn ngồi xử án của quan lại thời trước, có khi chỉ việc kiện cáo hay một sự kiện. Thoại bản thời Tống có riêng một loại tiểu thuyết công án, nhà Phật cũng mượn ý nghĩa kết luận, đoán định thị phi của từ này để chỉ lời nói và việc làm mang tính khuôn mẫu của các bậc sư tổ tiền bối, vân vân. Trong niên hiệu Ung Chính nhà Thanh (1723 - 1735) Lam Đình Nguyên giữ chức Tri huyện Tấn Ninh, kế kiêm nhiếp cả huyện Triều Dương tỉnh Quảng Đông, sau bị hặc tội cách chức từng ghi lại một số vụ án mình đã xét xử, làm thành bộ sách *Lộc Châu công án* nổi tiếng, tất cả có hai quyển thượng hạ, gồm 24 thiên. Họ Lam

tự Ngọc Sương, Lộc Châu là tên hiệu của ông. *Thanh sử cảo, Tuần lại truyện* có chép truyện họ Lam, khen ông "Giỏi trị tội bọn trộm cướp và thầy kiện", "xét án như thần", "xét xử thường lật đi lật lại vụ án, người ta cho là nghiêm khắc mà không tàn ác". Nội dung bộ *Lộc Châu công án* chủ yếu là trừng trị bọn nha lại, thầy kiện không sợ pháp, luật, đả kích đám cường hào, dẹp yên lũ trộm cướp, chỉnh đốn trật tự trị an ở địa phương, bài trừ mê tín dị đoan và các vụ án dân sự hình sự. Vì vậy tôi lấy nhan đề là *Ăn mày và công án* cốt để nêu rõ rằng ăn mày là một nhóm xã hội có thành phần phức tạp, có liên quan trực tiếp tới nhiều hành vi phạm pháp về hình sự hoặc dân sự. Bất kể trong giai đoạn đầu hay lúc đã sa đọa biến chất thì nhóm xã hội này vẫn không ngừng là mối đe dọa trật tự xã hội, làm hại tới môi trường xã hội mà mọi người dựa vào đó để sinh tồn, vả lại càng về sau càng nghiêm trọng, trở thành một loại tai họa lớn cho toàn xã hội.

Nếu lấy việc hình thành bang hội ăn mày thời cận đại làm mốc để nói, thì trước đó ăn mày phạm tội đơn độc là chủ yếu, còn về sau thì ăn mày phạm tội tập thể là chủ yếu. Dĩ nhiên chưa chắc người ăn mày nào cũng đều gia nhập bang hội, mà trong Cái bang cũng không ít kẻ đơn độc phạm tội, nhưng nói chung có thể phân biệt như trên. Vì vậy cho dù các vụ án do ăn mày gây ra là phạm tội đơn độc hay phạm tội tập thể, thì các vụ nêu ra ở đây cũng nhằm nêu rõ ăn mày là một cội nguồn chủ yếu của việc phạm pháp trong xã hội, và Cái bang là một đại bản doanh chủ yếu của bọn tội phạm lưu manh.

Dĩ nhiên tôi hoàn toàn không nói rằng cứ là ăn mày thì không có ai tốt. Kẻ nghèo mà không mất chí khí thì xưa nay có vô số thí dụ, còn như xưa nay kẻ có hiếu đi ăn xin để nuôi cha mẹ hoặc cha mẹ chồng cũng có không ít. Trong số đó cũng có vô số ví dụ nếu tham của rơi là được tiền của nhưng không nỡ vì thế mà hại người. Chữ Nhân Hoạch thời

Thanh trong *Kiên biểu quảng tập*, quyển 5 có dẫn lại truyện *Cái nhi hoàn kim* (Đứa trẻ ăn mày trả vàng) trong *Bạch túy tảo ngôn*. Chuyện kể lúc Viên Trung Thiết cáo quan về, có quan Tham chính Mỗ tới chúc mừng, vì già cả nên có một đứa tiểu đồng đi. Đứa tiểu đồng ấy khoảng mười hai mười ba tuổi, quần áo lam lù, tướng mạo cổ quái, đứng hầu một bên. Chủ khách chia chỗ ngồi yên xong, Viên Trung Thiết cứ chăm chú nhìn nó hồi lâu. Tham chính hỏi "Thượng thư nhìn đăm đăm, chắc nó có tướng xấu gì phải không?". Viên nói "Theo tôi thấy thì thằng nhỏ này đến khi hiển quý cũng không kém gì ông đâu". Tham chính hỏi "Thằng nhỏ này trước nay là kẻ vô lại, sao ngài lại nói sẽ được phú quý?". Viên đáp "Không bàn việc khác, chỉ xem tướng nó đủ biết". Về sau đứa tiểu đồng ở nhà Tham chính ngày càng rộng can, rốt lại bị đuổi đi, lưu lạc ở Nhạc miếu làm ăn mày. Một hôm có người đàn bà mang bao phục vào quỳ trước tượng thần khẩn vái hồi lâu, lúc ra đi để quên bao phục. Nó bước qua mở ra xem, thấy toàn là vàng bạc bèn cất đi chờ bà ta quay lại tìm. Kế người đàn bà khóc lóc trở lại tìm, nó bèn lấy ra đưa trả. Người đàn bà liền đưa ra một nén bạc tạ ơn, nó nói "Bà lầm rồi, nếu tôi muốn có tiền thì sao không lấy luôn làm của mình, còn trả lại bà làm gì?". Người đàn bà thấy thế bèn hỏi "Người sống với ai?". Đứa trẻ ăn mày nói "Tôi không có nơi nương tựa nên mới làm ăn mày". Nguyên người phụ nữ ấy mang tiền đi kêu oan cho chồng là Chỉ huy sứ Tứ Minh bị mắc oan giam giữ, lúc ấy bèn mang đứa trẻ ăn mày cùng đi. Khi viên Chỉ huy sứ được tha, vì mình không có con cái gì, họ hàng cũng không có ai bèn giữ đứa trẻ ăn mày ấy làm người thừa tự, từ đó nó trở nên quý hiển.

Chuyện cũ tuy pha trộn cả sự xác quyết mang tính tướng tượng chủ quan của Viên Mỗ, nhưng cũng nêu rõ phẩm cách thuần phác nhất được vàng không hoa mắt của đứa trẻ ăn mày, người cùng chí không cùng, không tham của bất

nghĩa. Loại phẩm cách ấy không phải ai cũng có được mà lại xuất hiện nơi một đứa trẻ ăn mày lưu lạc ngụ trong miếu. Kết thúc của chuyện cũ như thế, có thể thấy tác giả rất tán thưởng về nó.

Trương Triều (Sơn Lai) thời Thanh trong *Ngũ sơ tân chí*, quyển 5, *Khất giả Vương ông truyện* (Truyện ông hành khất họ Vương) cũng ghi lại chuyện một người ăn mày có phẩm cách cao thượng. Chuyện kể một vị tổ tiên của nhà họ Vương đại tộc ở Tiêu quận từng là một người ăn mày. Có một hôm người ăn mày họ Vương này tới nhà trưởng giả họ Trần xin ăn, trời còn sớm bèn ngồi nghỉ chân trước cổng. Không bao lâu cửa mở, một a hoàn nhỏ bụng chầu nước hắt ra. Chỉ thấy có một vật theo nước rơi xuống, tới nhìn thì là một cái vòng vàng. Họ Vương cả mừng nhưng lại nghĩ rằng cái vòng vàng này nhất định là của bà chủ rửa mặt làm rơi vào chậu nước, a hoàn không biết nên mới hắt cả ra. Giả như bà chủ tìm không thấy mà nghĩ là a hoàn ăn cắp, tra vấn ráo riết ắt sẽ sinh chuyện bất ngờ. Mình là một kẻ nghèo khổ mà lại được món hoành tài bất ngờ này chưa chắc đã là may, mà còn có thể làm cho a hoàn nhỏ kia mắc phải tai họa. Vì thế cứ ở đó chờ. Qua một hồi lâu mới nghe trong cổng có tiếng ồn ào, tựa hồ còn có tiếng quát mắng. Kế đó lại thấy a hoàn kia mặt mũi đầy máu, đầu tóc rũ rượi chạy ra toan nhảy xuống khe nước trước cổng. Ông ta vội vàng đuổi theo giữ lại, hỏi vì sao mà đến nông nỗi này. A hoàn càng ra sức giãi giụa, khóc nói "Bà chủ mất vòng vàng đổ cho tôi ăn cắp, tôi lấy đầu ra vòng vàng, thế nào cũng bị bà ta đánh chết, chẳng bằng nhảy xuống nước chết còn được sạch sẽ". Họ Vương nghe thấy quả nhiên không sai điều mình đã đoán, lúc ấy bèn nói với cô ta rằng không nên sợ hãi, kể rút cái vòng vàng trong tay áo ra nói "Tôi chờ ở đây đã lâu rồi". A hoàn bèn vào báo với bà chủ, bà chủ cho rằng cô ta bịa đặt bèn sai tiểu đồng ra cổng xem, quả nhiên là thật. Ông chủ nhà họ Trần nghe chuyện

ấy khen ngợi nói "Trên đời vẫn còn có loại người thế này!". Lập tức gọi họ Vương vào gặp, vừa thấy ông ta còn trẻ rất ưng ý, bèn giữ lại làm người canh cổng. Qua một thời gian dài xem xét thấy ông ta siêng năng thật thà lại thường sai ra ngoài mua hàng hóa hoặc thu tô thuế, đều không có gì lỗi lầm, bèn gả a hoàn kia cho ông ta làm vợ. Từ đó họ Vương càng dốc lòng trung thành với chủ nhân, chăm chỉ làm việc, chủ nhân cũng đối xử như người trong nhà, ủy nhiệm ông ta coi giữ tiền bạc. Lâu sau họ Vương để dành được nhiều tiền, lại sinh được mấy đứa con, đều rất thông minh. Khi các con đã lớn bèn sai chia nhau đi buôn, trở thành một nhà giàu có. Về sau đất cả nhà từ biệt chủ nhân về quê an cư lạc nghiệp. Về việc này, người ta đều kinh ngạc khen ngợi kẻ làm ăn mảy mà không tham của bất nghĩa. Trương Triều bình "Tô Đông Pha có nói Trên có thể tiếp Ngọc Hoàng Đại đế, dưới có thể tiếp bọn ăn mảy, nhưng kẻ có thể tiếp bọn ăn mảy thì đều có thể tiếp Ngọc Hoàng Đại đế. Đại khái loại người ăn mảy nếu không phải là kẻ hết sức ngu xuẩn vô dụng thì là kẻ đại từ bi có điều muốn giữ, không muốn làm con hát đầy tớ, không chịu làm điều gian trá để lừa lấy tiền bạc của người ta, nên không thể không làm ăn mảy đó thôi. Còn như ông họ Vương có phẩm hạnh cao quý lại là người hiếm có trong bọn họ vậy", vân vân. Ý tứ là những người lưu lạc làm ăn mảy, ngoài bọn ngu xuẩn bất tài ắt là những kẻ không cam tâm làm việc bại hoại lợi mình hại người mà thà làm ăn mảy lưu lạc trên đường để bảo toàn phẩm giá, người ăn mảy họ Vương kia là điển hình trong bọn người ấy nên không lạ gì mà về sau ông ta được sung sướng! Nói thế chưa chắc đã đúng hẳn, nhưng cũng đủ để chứng minh trong đám ăn mảy có những kẻ lai lịch xấu tốt khác nhau, cũng có một số "nhà tư tưởng" hoặc người có phẩm cách cao thượng bị xô đẩy vào nghịch cảnh ấy. Và lại ngọc trong đá, vàng trong cát rốt lại cũng không mất được ánh sáng.

Nhưng trong ăn mày xưa nay quả có một số lớn là cần bả xã hội, đó cũng là sự thật. Quả thật đám cần bả này đã đem tới cho xã hội rất nhiều điều nguy hại, thậm chí còn gây ra những tội ác lừa đảo, mà nghiêm trọng nhất là làm tổn thương nặng nề tấm lòng lương thiện trác ẩn của mọi người, tạo ra quan niệm cảnh giác, khinh bỉ đối với ăn mày. Chuyện này thì làm sao có thể trách những người vô tội được! Xưa nay người ta đã khắc sâu ý nghĩ là bị ăn mày làm hại, bọn ăn mày bất lương cũng bất kể ngày giờ tạo ra hình ảnh xấu xa về mình, làm thay đổi lòng thương xót lúc đầu của người đời đối với ăn mày, không phải thế sao!

Thành phần ăn mày vô cùng phức tạp, từ xưa đã như thế, đây cũng là một lý do khiến ăn mày và bọn tội phạm thường có liên hệ với nhau. Trịnh Khắc thời Tống soạn quyển *Chiết ngục quy giám* khi chép lại chuyện *Vi Đình Giác kiện* cũng nhân tiện kể lại chuyện Tiêu Hoài Vũ trong *Thành Đô cổ kim ký*. Chuyện kể thuộc hạ của vua Hậu chủ nhà Tiền Thục thời Ngũ đại có người tên Tiêu Hoài Vũ, phụ trách chủ trì tổ chức Đội điều tra (Tầm sự đoàn), vốn là một loại lính giữ việc điều tra. Y quân lính hơn một trăm người, mỗi người lại nuôi dưỡng vài mươi kẻ thân tín. Bọn họ khi họp khi tan, người ta khó lòng phân biệt, gọi là chó săn. Trên đường lớn hẻm nhỏ, trong đám thầy lang ngựa, kẻ rượu, ăn mày, người làm thuê, nhà buôn, thậm chí trong bọn trẻ con cũng có người của họ. Vì vậy ngay cả những lời trò chuyện riêng tư trong dân chúng, họ đều biết cả. Trong bọn họ có những người làm nấu bếp, chăn ngựa, phu kiệu đánh xe, nhạc công trong dinh thự các quan hoặc các nhà huân thần quý thích, chuyện công tư động tĩnh gì cũng có thể lập tức mật báo cho Tiêu Hoài Vũ. Vì vậy người ta lo sợ, ngờ vực rằng người chung quanh mình đều là chó săn của Tiêu Hoài Vũ. Cho nên Tiêu Hoài Vũ mượn đó giết người vô số, tiếng oán thán vang khắp trong triều ngoài nội. Sau khi Quách Sùng Thao đem

quân vào Thục, bèn đem xử chém cả nhà y. Về việc này, Trịnh Khắc cho rằng "Chính là sử dụng bọn người gian ác làm trình sát mà tạo ra luật lệ gian ác. Hạng người ấy mà dùng làm tai mắt, phân biệt ngay gian đường như có chỗ sai chẳng?"⁽¹⁾. Rõ ràng ăn mày cũng là một phần trong bọn người xấu xa ấy.

Có kẻ ăn mày vốn là giặc cướp hết thời. Năm Quang Tự thứ 23 (1897) ở đầu cầu Thủy Trưng tại Thiệu Hưng thường có một người cụt hai tay xin ăn, thỉnh thoảng dùng hai chân cặp xúc xắc gieo như đánh bạc, còn dùng ngón chân cặp mảnh ngói ném xa tới mấy mươi bước. Theo lời y kể thì lúc trẻ vì bị giặc cướp dụ dỗ nên trở thành giặc cướp. Một lần vào cướp một nhà giàu ở Phúc Kiến, không ngờ họ đã có phòng bị, y lập tức giẫm chân nhảy lên nóc nhà, có người cũng nhảy theo, chưa kịp đề phòng thì tay trái đã bị chém đứt, lúc ấy y nhịn đau nhảy qua tường bỏ chạy. Kế người kia đuổi tới sát sau lưng, lại chém đứt cánh tay phải của y. Người kia không đuổi theo nữa, y mới chạy trốn vào một ngôi chùa. Hòa thượng trong chùa rất từ bi, lại biết y đạo, trị thương cho y ba tháng vết thương mới lành. Đồng đảng có tất cả ba người, hai người kia đều bị bắt, chỉ có một mình y thoát thân lưu lạc ăn xin qua ngày. Bây giờ tuy y đã mất cả hai tay nhưng vẫn có thể chạy nhảy. Người đứng xem bèn bỏ tiền ra điều kiện, bảo y biểu diễn để xem. Y bèn từ trên cầu nhảy xuống, rơi xuống đất không có tiếng động, có thể biết vẫn còn giữ được thuật khinh công⁽²⁾. Chuyện này cho thấy rằng từ góc độ nguồn gốc mà nhìn thì ăn mày là một nhóm người có

(1) Nguyên văn là "Đồ ỉ sai tra xét trộm cướp mà ngược lại lại trở thành kẻ gian, mà dùng làm tai mắt, phân biệt ngay gian đường như có chỗ sai chẳng?". Đây theo Lưu Tuấn Văn, *Chiết ngục quy giám dịch chú*, Thượng Hải Cổ tịch xuất bản xã, 1988, tr. 32 - 34

(2) Từ Kha, *Thanh bị loại sao*, *Khất cái loại*, *Đoạn tỷ cái*, tập 11, tr. 5491

thể dung chứa bọn tội phạm ẩn náu.

Không chỉ có bọn Tiêu Hoài Vũ thời Ngũ đại lấy ăn mày làm mặt thám, mà bọn ăn trộm cũng giỏi làm việc ấy. Theo Trương Cảnh thời Minh trong *Nghị ngục tập*, quyển 10, *Nghị ngục khiến liên* chép thì có tên trộm phát hiện người đàn bà nọ vào những ngày lễ chùa lễ Phật đều có một bọ ăn mày tới cổng xin làm lành tích đức cho họ cơm ăn, bèn trà trộn vào đám ăn mày, nhân cơ hội thăm dò đường đi nước bước để chuẩn bị ăn trộm. Đó cũng là chuyện trong thời Ngũ đại. Khi vụ án được xét ra, lại có ai không vì thế mà cảnh giác hơn, khinh ghét thêm đám ăn mày! Ngược lại cũng có lúc người ta giết oan ăn mày vô tội. Cũng trong *Nghị ngục tập*, quyển 10 có chép một truyện *Bố cấp lạm oan cái* (Tuần bố gấp rút giết oan ăn mày). Chuyện kể ở khu vực giữa hai huyện Tuyên, Háp có tên cướp ban đêm giết chết một người đi đường, vứt xác trên đường, cắt đầu cho vào túi bỏ đi. Lúc trời sắp sáng có người đi qua đó không cẩn thận đạp phải vũng máu, rất muốn tránh liền lạy lại bị quan phủ cho là thủ phạm giết người bèn bắt hạ ngục. Nhưng vì không có đầu người để đối chứng nên nhất thời không sao xét xử. Quan trên ra kỳ hạn rất gấp, đám Tuần bố lúc gấp này ý khôn, bèn chặt đầu một người ăn mày mắc bệnh nằm trong miếu hoang thay vào. Đến nỗi người tránh ty hiềm mà bị bắt giam kia không chịu nổi sự tra tấn, chỉ còn cách cúi đầu nhận tội. Về sau tên cướp giết người bị bắt thì đã giết oan một người qua đường, một người ăn mày rồi. Một tên hung phạm, ba mạng chết oan, nghĩa là ăn mày vô tội mà bị giết. Việc quan lại giết oan người vô tội rất đáng ghét, nhất là không coi ăn mày là người, xác chết không có đầu thì lấy đầu ăn mày thay vào, thiên hạ há lại có đạo lý như thế sao! Đủ biết địa vị xã hội của ăn mày trong quan niệm của người đời đã trở thành thối kém đến mức nào.

Điều thú vị là ngược lại với việc giết oan ăn mày lại

có kẻ nhận xác ăn mày chết đuối là cha và chồng, mặc áo gai để tang. Chuyện này là Lam Đình Nguyên trong *Lộc Châu công án* kể lại một vụ vu cáo lúc ông làm Tri huyện Tấn Ninh kiêm nhiếp huyện Triều Dương tỉnh Quảng Đông. Chuyện kể vợ của người dân Trịnh Hẫu Thu trong huyện là Trần thị lên huyện nha tố cáo có người bức tử chồng mình. Theo chị ta nói, lúc chồng chị ta làm Bảo trưởng phường Nam Đồng, vì Tiêu Bang Vũ khai giấu thuế cho người bạn mà cãi nhau với chồng chị ta, tức giận để bụng. Vì thế ngày 13 tháng 11 Tiêu Bang Vũ kéo một lũ côn đồ tới nhà họ Trịnh đập phá ầu đả. Chồng chị ta bị đánh trọng thương, chỉ còn thở thoi thóp, không sao chạy được, nhảy xuống sông mà chết, thi thể hiện dạt vào cạnh ngòi Đô Đại Đàn ở Giáp Sơn. Không bao lâu con người chết quả nhiên đem thuyền chở xác cha tới giao cho quan huyện khám nghiệm. Trong móng chân móng tay của người chết còn đầy bùn đất, đúng là chết đuối, nhưng trên thân thể không có vết thương, mặt mũi rất khó nhận ra. Mẹ con Trần thị mặc áo gai cầm gậy tang, khóc lóc thê thảm, xin quan huyện làm chủ bắt bọn họ Tiêu đền mạng. Nhưng ông căn cứ vào các dấu vết và những điểm còn ngờ vực lúc khám nghiệm, phán quyết rằng gã Trịnh Hẫu Thu này vì lúc bình nhật rộng cửa cướp bóc hại dân dọa quan, lại khép vợ con y vào tội vu cáo người tốt. Không đầy ba ngày quả nhiên bắt được Trịnh Hẫu Thu trốn ở huyện Huệ Lai lân cận giải về, chân tướng rõ ràng, ai cũng khen ngợi. Sau cùng, Lam Đình Nguyên nói "Còn như hỏi tới cái thầy kia ở đâu ra thì là một người ăn mày chết đuối đã lâu, không có thân thích đứng ra nhận lãnh. Bây giờ có người giả làm vợ con mặc áo gai để tang, chống gậy chôn cất cũng rất có thể thống, thì y cũng có thể ngậm cười nơi chín suối rồi"⁽³⁾. So với người ăn

(3) Nguyên văn là "Tới như cái xác ở đâu ra, thì là một người ăn mày đói chết đuối từ lâu, tìm hỏi không ai nhận. Nhưng đã có con giả vợ giả để tang chống gậy chôn cất theo lễ, thì người ăn mày ấy cũng có

mày vô tội bỗng dưng bị mượn đầu làm chứng cứ trong *Nghi ngục tập* thì người ăn mày đói rét chết đuối này tính ra đã quá may mắn. Nhưng đã lưu lạc làm ăn mày mà rốt lại vẫn không thoát khỏi cảnh đói rét, không còn đường sống, cuối cùng rơi xuống nước chết đuối thì cũng rất thê thảm. Nếu không phải có chuyện vu cáo này thì ai mà chôn cất cho y? Còn không bằng một con sâu nhỏ đáng thương bị chết. Nhưng cho dù được một phen chôn cất suông như thế cũng có ích gì? Còn không bằng lúc sinh thời được thêm một ít cơm thừa canh cặn, kéo dài cuộc sống thêm một khắc. Nghèo túng đói rét mà chết rốt lại cũng không phải là chuyện vui.

Nhưng ăn mày lo lắng sinh kế không chọn thủ đoạn, hoặc trộm cướp, hoặc lừa đảo, chuyện ấy xưa nay đã thấy không ít, cũng là một tồn tại khách quan.

Theo *Chiết ngục quy giám* quyển 5 thì lúc Khu mật Phó sứ Tôn Miện thời Tống ra làm Tri phủ Hàng Châu, có người ăn mày tay trái bị cụt mất bàn tay, tay phải chỉ còn hai ngón ăn trộm cái nôi của một người nhà nghèo, hai người cãi cọ đưa nhau lên quan. Người ăn mày giơ cánh tay cụt ra khóc nói "Người này vu cáo tôi! Tôi không có tay, làm sao ăn trộm được nôi?". Tôn Miện lúc đầu tỏ ra đồng tình, quát đuổi người kia ra, lấy lời lẽ dịu ngọt an ủi người ăn mày rồi đưa cái nôi cho y. Người ăn mày ban đầu không dám nhận, Tôn Miện lại an ủi mấy lần. Y không biết kế của Tôn Miện bèn lấy hai ngón tay còn sót nhắc cái nôi lên, từ từ đưa cánh tay cụt ra nâng lên úp vào đầu bước đi. Tôn Miện bèn sai người đuổi theo bắt người ăn mày lại, chặt đứt hai ngón tay còn lại của y để thị chúng. Về vụ án này, Trịnh Khắc bình rằng "Việc nghiêm trị bọn gian ác vốn không phù hợp với đạo

thể ngậm cười nơi chín suối rồi". Theo bản dịch và chú thích *Lộc Châu công án* của Lưu Bằng Vân và Trần Phương Minh, Quán chúng xuất bản xã, 1985, tr. 82 - 87

trung dung, quả là việc bất đắc dĩ phải làm. Sở dĩ Lữ Công Xước muốn đặc biệt xét xử các binh sĩ bị khép tội chết⁽⁴⁾, là nói không làm thế thì không thể an định quân tâm. Việc ấy có quan hệ rất to lớn nên lấy đó để dẫn dắt bọn gian tà, theo đạo lý mà nói cũng không có gì không được. Nhưng ăn mỳ ăn trộm cái nôi, chuyện đó quả thật rất không đáng, tìm ra được sự thật lại xử tội nặng như vậy, sao nhân tâm quá thế? Đó là chuyện thế tục ca ngợi là nghiêm minh nhưng người quân tử thì không tán thành. Đặc biệt ghi lại việc này đồng thời phân tích ý nghĩa để tiện cho những người trừng trị kẻ ác lấy đó làm răn⁽⁵⁾. Xem ra Trịnh Khắc không tán thành việc Tôn Miện chặt đứt hai ngón tay còn lại của người ăn mỳ ăn trộm nôi, cho rằng hình phạt quá nặng. Thật ra làm thế cũng có hơi quá đáng, lại không khỏi có phần tàn nhẫn. Nhưng nghĩ lại nếu người ăn mỳ kia không ăn trộm nôi mà còn vu cáo người ta, thì làm sao mà bị như thế được?

Từ xưa đến nay, tội ác quan trọng nhất của ăn mỳ là lừa đảo. Điều này đúng là chỗ mà người đời ghét nhất. Nhưng vì cuộc sống thay đổi, cách lừa đảo cũng thay đổi nên người ta rốt lại cũng không khỏi tiếp tục bị lừa, đúng là một chuỗi vụ án không sao xử được. Nhìn trên tổng thể thì ăn mỳ lừa đảo không ra khỏi mấy đường lối, tập hợp lại mà nhìn thì

(4) Theo Vương Khuê, *Hoa Dương tập*, quyển 38 "Lữ công mộ chỉ minh chép: Lúc Lữ Công Xước giữ chức Tri sự phủ Khai Phong, lính trong doanh Hồ dực là Lưu Khánh bí mật tố cáo trong quân có kẻ âm mưu làm loạn. Giao cho Pháp lại thẩm tra, thì nguyên là đầu tiên Lưu Khánh định làm loạn, mọi người không theo, nên ý lại trở mặt vu cáo hãm hại mọi người, cũng nhân đó mong được thưởng. Lữ Công Xước nói: Vệ binh trong thành rất đông, nếu để kẻ gian dắc ý, thì không sao an định quân tâm. Lúc ấy bèn phá lệ đặc biệt xử tử Lưu Khánh". Theo khảo chú của Lưu Tuấn Văn trong *Chiết ngục quy giám dịch chú*, tr. 263, thì việc Lưu kiểm soát việc hình ngục ở kinh thành được Trịnh Khắc sưu tập đưa vào bộ *Thời Ngô lục*.

(5) Lưu Tuấn Văn, *Chiết ngục quy giám dịch chú*, tr. 264 - 265

thấy rõ dù kiểu vẽ vờ đổi mới, gắng sức dụng tâm. Vì thế không ngại gì dẫn ra vài việc ăn mỳ lừa đảo thường thấy xưa nay để làm ví dụ.

Thời Thanh, Mỗ Giáp làm người trung gian làm chứng cho người khác, người ta hẹn y tới một nơi công sở để giao tiền. Lúc đang cân bạc, có một đứa ăn mỳ nhỏ dơ bẩn tay cầm giỏ tre bước vào xin tiền, Mỗ Giáp liền bốc cho nó một dùm bạc vụn. Ai ngờ nó chê ít, Mỗ Giáp bèn làm ra vẻ tức giận, cầm một đỉnh Nguyên bảo (50 lượng- ND.) ném vào trong cái giỏ đựng quần áo rách của nó, quát "Người muốn cái này à?". Đứa ăn mỳ tỏ vẻ hoảng sợ nói "Vị tài chủ này, nếu không chịu cho thêm một chút thì thôi, cần gì phải tức giận thế chứ!", rồi lấy đỉnh bạc trong giỏ ra, cầm hai tay đặt lên bàn rồi đi. Về sau người kia mở gói bạc ra mới biết đỉnh Nguyên bảo đứa ăn mỳ trả lại là giả, đỉnh bạc thật đã bị đánh tráo mang đi rồi. Té ra Mỗ Giáp và đứa ăn mỳ ấy đã thông đồng với nhau để lừa đảo⁽⁶⁾.

Lại có khoa thi hội nọ, xe công các tỉnh tụ tập ở kinh thành. Lúc Hiếu liêm Mỗ đi ngang Lưu Ly Xưởng, gặp một người ăn mỳ đang cầm một cái áo khoác màu lam rao bán, xem ra là đồ ăn cắp. Bước lên hỏi giá, quả nhiên rất rẻ, chỉ có hai lượng bạc, viên Hiếu liêm vô cùng mừng rỡ mua ngay. Về tới nhà bèn nói với mọi người "Ai nói sinh hoạt ở kinh đô đắt đỏ, hai lượng bạc cũng mua được một cái áo khoác". Mọi người không tin, y bèn mở bọc áo ra thì lại là một bao giẻ rách. Mọi người vỗ tay cười lớn nói "Đâu phải là áo khoác thật, một bao giẻ rách quả đáng giá hai lượng bạc đấy!". Viên Hiếu liêm vô cùng ngạc nhiên nói "Rõ ràng tôi nhìn thấy là áo khoác, sao lại biến thành giẻ rách?". Lúc ấy mọi người bèn

(6) Lôi Quân Diệu, *Hội đồ biển thuật kỳ đàm*, quyển 4, *Biển Nguyên bảo*, Đài Loan Tân Hưng thư cục hữu hạn công ty, *Bút ký tiểu thuyết đại quan tòng san*, 1981, tập 32, quyển 3, tr. 1402

nói với y là đã mắc kế của người ta. Bọn chúng trước tiên chuẩn bị sẵn một bao giẻ rách, chờ khi mua bán xong bèn đánh tráo vật thật. Nếu đánh tráo không được thì sẽ có người đóng vai chủ nhân thật của cái áo ra mặt cướp lại, người mua sợ bị tố cáo liên lụy lời thối, chỉ còn cách chịu thua. Đối với loại người ấy nếu không dấy vào thì thối, chứ dính dấp vào một chút thì bất kể thế nào cũng bị mắc lừa. Vì vậy quyết không nên tham chút lợi nhỏ mà bị thiệt lớn vậy! Đó là một cách hợp tác lừa đảo mà ăn mày thường dùng⁽⁷⁾.

Hai chuyện kể trên đều là chuẩn bị sẵn mưu kế, hợp tác để lừa đảo. Vì lừa đảo là thủ đoạn quen dùng của ăn mày nên mỗi khi gặp cơ hội có thể lợi dụng thì thấy thấy sẽ tức cảnh sinh tình, tùy cơ mà lừa đảo. Thử xem ví dụ dưới đây.

Chuyện kể có một người ăn mày điếc lớn tuổi ăn xin ở cửa quan Vũ Lăng. Hôm ấy gặp một chiếc quan thuyền phất cờ khua chiêng dừng lại ở cửa quan, viên quan lớn ngũ phẩm ngồi trong thuyền ngược đầu nhìn thấy người ăn mày điếc trên bờ, bèn sai tùy tùng đỡ ông ta xuống thuyền nhìn kỹ, hỏi "Người có phải là trưởng giả Mỗ không? Trước đây từng nhận con làm nghĩa tử, về sau vì con về quê lo việc công danh, nay đã phát tích làm quan, không ngờ nghĩa phụ lại cùng khốn tới mức này, toàn là tội lỗi của con!". Lão ăn mày biết rõ là đối phương nhận lầm người nhưng lại ứng tiếng đáp "Tôi tuổi già lú lẫn, chuyện cũ nhớ lại đều như trong mộng vậy". Viên quan ngũ phẩm nói "Tuy cha dẫu dãi phong trần nhưng về mặt đáng người cũng không thay đổi nhiều lắm nên con không thể lầm được". Rồi đó sai người mời lão ăn mày tắm rửa thay áo, dời thuyền tới một nơi yên tĩnh nuôi dưỡng hơn một tháng, lại chải chuốt đầu tóc, chăm sóc chu đáo, lão ăn mày ngấm nhiên trở thành một ông già bề vệ. Lúc bấy giờ viên quan nói với lão ăn mày rằng "Quần áo

(7) *Hội đồ biến thuật kỳ đàm*, quyển 3, tr. 1374

của con cha mặc không vừa, phải lên chợ mua vàng lụa để cha ăn mặc cho đẹp để mới có thể cùng tới nhiệm sở. Có điều cha từng ăn xin ở đây không khỏi sẽ có người nhận ra, có chỗ quan ngại tới thể diện. Lúc vào cửa hiệu xem hàng, nếu vừa ý chỉ cần lắc đầu là được, không nên nhiều lời". Lão ăn mày ưng thuận. Sau đó hai người cùng đội mũ mặc áo quan ngũ phẩm chia nhau ngồi hai chiếc kiệu, dắt theo hai tên tùy tùng lên bờ vào thành. Trước tiên vào hiệu vàng bạc, mua hai cặp vòng vàng mỗi chiếc nặng bốn lạng, bảo chủ hiệu theo mình cùng sang hiệu bán vải để lấy tiền một thể. Qua hiệu bán vải, lại đem hóa đơn đưa cho chủ hiệu xem. Chủ hiệu thấy những món ghi trên hóa đơn giá hơn ba ngàn đồng, quả là một ông khách sộp, lập tức mời vào khách sảnh, ân cần tiếp đãi. Chủ hiệu ngấm hỏi dò hai người tùy tùng thì biết viên quan trẻ tuổi là Phủ thừa Nghiêm Châu, người lớn tuổi là cha, vì em gái của Phủ thừa sắp gả cho con trai của Tri phủ Mỹ, phải đưa dâu tới làm lễ cưới nên tới đây mua nữ trang. Chủ hiệu nghe tới đó càng cung kính để lấy lòng, còn lập tức bày tiệc khoản đãi. Viên quan lại mời chủ hiệu vàng bạc cùng vào tiệc, nói là bạn thân của mình, người ấy cũng vâng dạ theo lời, tự lấy làm vinh dự. Tiệc tan, chủ hiệu vải đưa ra các loại gấm vóc lụa là mời lão ăn mày xem qua để lựa chọn, không ngờ lão ta cứ lắc đầu lia lịa. Chủ của hiệu bán vải hoảng sợ nói "Đây đều là hàng tốt nhất, dùng để tiến cống Hoàng thượng còn được mà may quần áo cho lão nhân gia người không được sao?". Lúc ấy viên quan nói "Nếu cha tôi không ưng ý thì cứ đưa tới cho em gái tôi xem qua một lượt". Lập tức gọi phu kiệu khiêng vải đi, sai một tên tùy tùng dắt về thuyền. Hồi lâu không thấy có tin báo, lại sai người tùy tùng kia đi giục. Lúc ấy phu kiệu đã trở lại, nói người trên thuyền bảo y nhấn lại rằng cô nương rất vừa ý các loại vải vóc mang tới, đều giữ cả lại, nhưng không biết nên dùng loại bạc nào để trả tiền, mời quan nhân đích thân về kiểm điểm. Viên quan liền nói với lão ăn mày "Xin cha cứ

tạm ngồi đây một lúc, con đi lấy bạc rồi sẽ trở lại ngay". Nói xong lên kiệu đi luôn. Lên tới thuyền viên quan thưởng thêm tiền cho phu kiệu, nói "Các người đi tới đi lui vất vả, cứ cầm tiền đi ăn điểm tâm trước". Phu kiệu đi rồi, chiếc thuyền lớn ấy nhỏ neo đi mất. Bên này lão ăn mày già ngồi chờ trong hiệu bán vải đến khuya vẫn không thấy người lấy tiền trở lại. Lúc ấy chủ hiệu vàng bạc và chủ hiệu vải bắt đầu hoảng sợ bèn tra hỏi lão ăn mày, lão ta đã sợ hãi nên ấp a ấp úng, vì thế bị hai người đưa lên huyện nha. Tri huyện hỏi lão ăn mày biết được sự thật cũng không biết làm sao, chỉ đem lão ta giam lại cho xong chuyện. Đến lúc lão ta được thả thì đã bị bọn tù lột sạch quần áo trên người, chỉ còn có cái mũ và đôi hài ngũ phẩm không hợp lẽ chế, không phải bách tính tầm thường có thể được dùng nên không ai cần. Từ đó về sau lão ăn mày ấy cứ đội mũ mang hài ngũ phẩm trần truồng đi dọc phố phường xin ăn, ai nhìn thấy cũng bật cười⁽⁸⁾.

Lão ăn mày trong truyện cũ này vốn định nhân cơ hội

(8) *Hội đồ biến thuật kỳ đàm*, quyển 2, tr. 1306. Cùng quyển lại có một truyện *Nhận cái bà vì mẫu hành biển*, tình tiết cũng tương tự "Một viên quan vào kinh, trên đường gặp bà già ăn mày bèn nhận là mẹ, chở trong xe sau, tới ở chợ Luy Mã. Lâu sau chợt ngồi xe kiệu tới Tứ Bài lâu mua sâm, gói ghém dầu dấy rồi cùng mang tới hiệu vải vóc, nói với chủ hiệu "Chờ ta mua vải xong sẽ trả tiền một thế". Rồi chọn vải cây lụa, sai đầy tớ mang về đưa Thái phu nhân xem. Giấy lát đầy tớ quay lại nói "Những món mang về Thái phu nhân đã giữ lại ở nhà, hiện đang đích thân tới đây chọn mua thêm vài cây". Chủ hiệu ra đón vào nội sảnh, Thái phu nhân mang theo bạc tiền, khoảng ngàn lượng vàng, đặt cạnh chỗ ngồi. Chọn mua hàng khoảng vài trăm lượng, sai đầy tớ mang về. Viên quan liền nói đau bụng, cáo từ ra về, không quay trở lại. Chủ hiệu nghi ngờ, bèn cật vấn người được gọi là Thái phu nhân, mới biết là một bà già ăn mày trên đường mà thôi, lớn tiếng kêu khổ. Kế xem tới bạc tiền, thì toàn là gạch ngói. Chủ hiệu bán sâm vội lấy lọc sâm ra xem, thì cũng đã bị đánh tráo. Đuổi theo tới nơi họ ở, thì không thấy tung tích đâu cả (tr. 1310).

người ta nhận lầm đê lừa gạt, không ngờ trong vụ này vốn có chỗ giả trá nên lại rơi vào bẫy của bọn lừa đảo. Tuy cũng được một phen hưởng thụ no ấm vinh hoa, không ngờ cuối cùng cảnh đẹp không dài, lại rơi vào tình cảnh không có quần áo đi ăn xin như cũ, lại còn bị người ta chê cười. Còn như tên lừa đảo dùng kế nhận lầm cha nuôi, cha giả cho là thật thì cũng là nắm rất vững tâm lý của ăn mày vốn hay thừa cơ để lừa đảo. Đó thật là “Nhĩ biến ngã lai ngã biến nhĩ, Lang bối vi gian đô nguyên ý. Chân tướng đại bạch nhất trường không, Khốc tiếu bất đắc khanh nhân hỷ” (Người định lừa ta ta lừa người, Ý gian ai cũng nguyện tình thôi, Đến khi lộ mặt thành hư ảo, Đã khóc không xong cũng khó cười).

Ngày 24. 9.1924, tiên sinh Lỗ Tấn viết một bài tản văn có nhan đề *Cầu khát giả* (Người ăn xin). Bài này về sau được đưa vào tập *Dã thảo* (Cỏ dại) dùng thủ pháp tượng trưng kiêm tả thực như sau:

“Tôi đi dọc theo bức tường cao lở lóe, đập lên tro bụi. Ngoài kia có mấy người, ai đi đường nấy. Gió nhẹ nổi lên, sương bám ở những chiếc lá héo chưa rụng trên cành của gốc cây cao bên tường rơi lác đác xuống đầu tôi.

Gió nhẹ nổi lên, bốn phía đều là cát bụi.

Một đứa trẻ bước tới xin tiền tôi, cũng mặc áo rộng, cũng không thấy vẻ gì bi thương, nhưng chặn tôi lại đập đầu rồi đuổi theo nài nỉ.

Tôi chán ghét giọng nói và thái độ của nó. Tôi căm ghét vì nó hoàn toàn không có chút gì bi ai, mà như trẻ con đùa giỡn, tôi ghét nó đuổi theo nài nỉ.

Tôi đi trên đường. Ngoài kia có mấy người, ai đi đường nấy. Gió nhẹ nổi lên, bốn phía đều là cát bụi.

Một đứa trẻ bước tới xin tiền tôi, cũng mặc áo rộng, cũng không thấy vẻ gì bi thương, nhưng là bị cầm, đưa tay làm cử chỉ ra hiệu.

Tôi rất ghét cử chỉ của nó. Vả lại nó không hề cầm, đó chẳng qua chỉ là một cách để xin tiền.

Tôi không bố thí, tôi không muốn bố thí, tôi chỉ ở địa vị kẻ bố thí, cho nó sự bực bội, nghi ngờ, chán ghét.

Tôi đi dọc theo bức tường đất thủng, gạch vụn chất đầy chỗ thủng, trên mặt tường không có gì. Gió nhẹ nổi lên, đưa hơi lạnh mùa thu xuyên qua tấm áo rộng của tôi. Bốn phía đều là cát bụi.

Tôi nghĩ thử xem mình sẽ dùng cách gì để xin: nói ra thì dùng ngữ điệu gì, giả cầm thì dùng cử chỉ gì?...

Ngoài kia có mấy người, ai đi đường đấy.

Tôi sẽ không được bố thí, không được người ta muốn bố thí, tôi chỉ sẽ nhận được từ kẻ ở địa vị bố thí sự bực bội, nghi ngờ, chán ghét.

Tôi sẽ dùng cách im lặng không làm gì cả để xin!...

Ít nhất tôi cũng sẽ nhận được sự hư vô.

Gió nhẹ nổi lên, bốn phía đều là cát bụi. Ngoài kia có mấy người, ai đi đường đấy.

Cát bụi, cát bụi...

.....

Cát bụi..."

Trước đây học giới đánh giá tác phẩm của Lỗ Tấn đều chỉ chú ý tới hai phương diện tượng trưng và tả thực trong

nghệ thuật của ông. Ở trong nước, đối với ý nghĩa tượng trưng trong tác phẩm thì nhiều năm nay càng chú trọng hơn, nhưng trong đó cũng không khỏi có sự gói ghém thêm ý nghĩa chính trị khiên cưỡng. Nghiêm khắc mà nói, điều đó vốn trái với tinh thần khoa học.

Một học giả nghiên cứu Lỗ Tấn người Nhật Bản là Tiểu Điền Nhạc Phu cho rằng "Trong tản văn của ông có một bài *Cầu khát giả*. Bài này thể hiện rất rõ tâm trạng chán nản của ông lúc bấy giờ"⁽⁹⁾. Về việc này, trong nước có nhà học giả đã chỉ ra rằng "*Dã thảo* của Lỗ Tấn quả thật bộc lộ rất đậm nét tình cảm hư vô và bi quan, nhưng không thể nói *Cầu khát giả* là đại diện cho tâm trạng chán nản ấy... Trong toàn bài Lỗ Tấn tỏ ra căm ghét sự xin xỏ, cũng phủ định sự đen tối và hư vô. Ông khao khát lấy sự đấu tranh để vượt thoát ra khỏi xã hội đen tối. Bề ngoài chán nản ấy hàm chứa sự sôi sục trong nội tâm, đó chính là nét đặc sắc trữ tình của *Cầu khát giả*"⁽¹⁰⁾. Ông ta cho rằng *Cầu khát giả* viết theo phong cách thơ ca, "triển khai được cả bút pháp tượng trưng lẫn tả thực để miêu tả sinh hoạt của đứa trẻ xin ăn", coi việc xin xỏ của đứa trẻ là "khuất phục số phận nô lệ mà tượng trưng cho thái độ sống hướng tới xã hội đen tối để kêu khóc nài nỉ", biểu hiện rõ "tiếng thét phẫn nộ đau khổ trong nội tâm" của tác giả, "Lỗ Tấn phản đối việc xin xỏ và bố thí không phải là phản đối sự đồng tình với chủ nghĩa nhân đạo chân chính mà là phản đối thứ chủ nghĩa nhân đạo giả dối xin xỏ và hời hợt mang hình thức nô lệ"⁽¹¹⁾ vân vân, đều thấy rõ nhân và trí.

(9) *Lỗ Tấn tiên sinh đích nhất sinh* (Cuộc đời tiên sinh Lỗ Tấn), Dạ Tích biên dịch, Nghệ Quang xuất bản xã, 1946. Đây dẫn lại theo Tôn Ngọc Thạch, "*Dã thảo*" nghiên cứu (Nghiên cứu tập Cò đại), Trung Quốc xã hội khoa học xuất bản xã, 1982, tr. 90

(10) (11) Tôn Ngọc Thạch, "*Dã thảo*" nghiên cứu, tr. 88 - 91

Tôi cho rằng ở đây đối với hai mặt tượng trưng và tả thực trong *Cầu khát giả* đều không nên thiên lệch. Thật ra trong trên phương diện tả thực thì trong bài tản văn này Lỗ Tấn đã chú ý tới thủ đoạn lừa gạt quen dùng của ăn mày. Ví dụ như "cũng không thấy vẻ gì bi thương, nhưng chận tôi lại dập đầu rồi đuổi theo nài nỉ", "cũng không thấy vẻ gì bi thương, nhưng là bị cầm, đưa tay làm cử chỉ ra hiệu". Đó đều là lối lừa gạt thường thấy xưa nay của ăn mày. Cho nên Lỗ Tấn đã nói rất rõ ràng "Tôi chán ghét giọng nói và thái độ của nó. Tôi cảm ghét vì nó hoàn toàn không có chút gì bi ai, mà như trẻ con đùa giỡn", "Tôi rất ghét cử chỉ của nó. Và lại nó không hề cầm, đó chẳng qua chỉ là một cách để xin tiền". Cách thức lừa gạt và nguy trạng ấy cứ từng đời từng đời nối nhau kéo dài lại làm tổn thương lòng thương xót của kẻ bố thí. Cho nên Lỗ Tấn nói "Tôi không bố thí, tôi không muốn bố thí, tôi chỉ ở địa vị kẻ bố thí, cho nó sự bức bối, nghi ngờ, chán ghét". Việc đời nhiều thay đổi, ai dám đảm bảo rằng suốt đời mình sẽ không bao giờ phải lưu lạc làm ăn mày? Vì vậy, Lỗ Tấn cũng liên tưởng tới tình cảnh khốn khổ của bản thân "Tôi nghĩ xem mình sẽ dùng cách gì để xin: nói ra thì dùng ngữ điệu gì, giả cầm thì dùng cử chỉ gì?...". Nhưng Lỗ Tấn lại không muốn đối trá lừa gạt, chỉ muốn "dùng cách im lặng không làm gì cả để xin", kết quả tất nhiên cũng "sẽ không được bố thí, cũng không được người ta muốn bố thí", mà điều nhận được chỉ có thể là "sẽ nhận được từ kẻ ở địa vị bố thí sự bức bối, nghi ngờ, chán ghét".

Cầu khát giả thể hiện một cách trực quan thủ đoạn lừa gạt quen dùng của ăn mày, biểu hiện một cách nhìn trong quan niệm của người đương thời. Còn về mặt tượng trưng trong nghệ thuật của *Cầu khát giả* thì đã có nhiều người giải thích, cũng không thuộc phạm vi quyển sách này nói tới. Ở đây nói tới tác phẩm *Cầu khát giả* hoàn toàn là nói về khía cạnh cách lừa gạt của ăn mày.

Ăn mày lừa đảo, không đâu không có, không chỉ là thái độ thường thấy lúc họ ăn xin. Không ngại gì xem qua một ví dụ. Thời Thanh ở xứ nọ năm kia có một người quần áo sang trọng ngồi xe ngựa dắt kẻ hầu tới một hiệu cầm đồ, tháo ra hai chiếc vòng vàng xin cầm. Chủ hiệu cầm lên nhìn kỹ, thấy sắc vàng lóng lánh đúng là đồ thật, cân lên thì mỗi cái nặng năm lượng. Người kia đòi cầm năm trăm quan, chủ hiệu đáp rằng không đáng giá ấy. Cờ kè trả giá một lúc, đôi bên thỏa thuận là ba trăm quan, cầm xong giao ngân phiếu đủ số. Khi người ấy đi rồi, một người ăn mày đứng bên cạnh cũng cởi chiếc áo rách đang mặc bước vào, đòi cầm hai mươi quan, bị chủ hiệu xua đuổi. Không ngờ người ăn mày ấy lại cười nói "Ngay cái vòng vàng giả cũng cầm được ba trăm quan, thì cái áo này tuy rách nhưng không phải là giả, chẳng lẽ không đáng giá hai mươi quan sao?". Lúc ấy chủ hiệu mới sinh nghi, xem lại cặp vòng vàng thì đã bị đổi bằng vòng mạ vàng. Bèn hỏi người ăn mày rằng "Anh làm sao mà biết được?". Người ăn mày đáp "Người khách cầm đồ ấy là một gã lừa đảo nổi tiếng, tôi biết cả chỗ ở của y kia". Chủ hiệu lập tức đưa hai quan tiền thù lao, nhờ người ăn mày đưa đi tìm. Tới một nơi quả nhiên thấy chiếc xe của người khách cầm đồ để bên ngoài. Người ăn mày đứng từ xa chỉ rõ người khách kia, rồi cầm tiền đi. Chủ hiệu bước vào, chỉ thấy người khách cầm đồ kia đang uống rượu với toàn những người sang trọng, không dám làm ầm lên, nhờ chủ nhà trọ nói giúp với người hầu gọi người khách ra, bắt đầu tranh cãi. Người khách nói "Nếu đồ vật là giả thì tại sao ông chịu đưa bấy nhiêu tiền?". Mấy vị khách có vẻ sang trọng bên trong nghe họ cãi nhau bèn mời hai người vào phòng, kể nói với người khách cầm đồ rằng "Chúng ta thà chịu thiệt chứ không chơi gác người khác, không thể đôi co với bọn tiểu nhân ở chợ làm mất cả thân phận thể diện, tiền cầm đồ của các hạ nếu chưa dùng tới thì trả lại y đi". Người khách cầm đồ bất đắc dĩ theo lời, bèn lấy ngân phiếu ra đổi lại cặp vòng vàng. Chủ hiệu vui vẻ cầm về,

đến xế chiều tới tiền trang lấy tiền, không ngờ tiền đã bị rút rồi. Người ở tiền trang đưa ngân phiếu ra đối chiếu với tờ ngân phiếu mà chủ hiệu cầm thì tờ sau rõ ràng là giả mạo. Đến khi y trở lại chỗ nọ để tìm thì mọi người đã đi hết, người ăn mày cũng không biết đi đâu rồi⁽¹²⁾. Té ra đó là bọn ăn mày vô lại và lừa đảo như chồn cáo cùng gò phối hợp với nhau để lừa đảo.

Việc giả dạng làm người có tang hay người cầm để lừa gạt cũng vậy, đây lại là phát triển thêm một bước, cấu thành tội phạm hình sự. Nhưng những cách lừa gạt này so với việc cố ý tạo ra hình dáng tàn tật tức làm thương tàn thân thể để lừa gạt xin xỏ cũng như bọn móc túi so với ăn cướp. Ví dụ trong niên hiệu Càn Long nhà Thanh có Thường Huy (tự Y Vân) từng làm Tri huyện Chiêu Văn, Phụng Hiến, vào năm Càn Long thứ 34 (1769) ngụ ở ngõ Phú Lang Trung thành Tô Châu soạn quyển *Lan phảng bút ký* viết "Lúc tôi ngụ ở kinh, thường thấy có quái nhân đi xin tiền, hoặc lùn hai ba thước, hoặc có nửa người trên mà không có nửa người dưới, hoặc cánh tay quật ra phía sau, hoặc có một chân, đủ loại hình dạng... Mùa xuân năm Canh dần (tức năm 1770), nghe nói ở cầu Trung Thị thành Chấn Trạch có một cô gái mười lăm tuổi, rất xinh đẹp nhưng không có chân, bò rạp ra đất xin tiền. Suốt ngày không được gì thì đến xế chiều vừa khóc vừa xin, kể lể rằng hôm nay ắt bị đánh chết, lời lẽ rất thảm thiết. Có năm sáu người hiếu sự chờ để theo dõi thì thấy có một người đàn ông to lớn công cô ta đi, bèn ngấm đi theo tới bờ sông ngoài thành, dưới thuyền đã có ba bốn đồng nam đồng nữ, đều cụt chân cụt tay. Có năm sáu người chèo chống trên thuyền, đều là đàn ông to lớn. Họ bèn hẹn với nha dịch tới bắt, tên trùm nhảy xuống sông trốn mất, chỉ bắt được một người. Hỏi kỹ cô gái kia thì là con gái của thân sĩ Mỗ trong thành. Lúc tám chín tuổi ra cống chơi, có một người đi qua

(12) *Hội đồ biên thuật kỳ đàm*, quyển 1, tr. 1248

liền đi theo, không hay biết gì cả. Tới một chỗ gò đồng chập chùng, sông ngòi quanh co, không thấy ánh sáng mặt trời, khi tỉnh lại kêu khóc thì bị đánh gần chết hay không cho ăn uống. Về sau họ lấy thuốc bôi vào chân cô ta, lấy dao chặt đứt, cũng không thấy đau lắm... Mọi người báo tin cho cha mẹ cô ta, quả nhiên họ có con gái thất lạc đã bảy năm, bèn tới nhận. Đưa tên bị bắt lên quan, mấy lần thẩm vấn vẫn chưa lấy được khẩu cung, xem ra đánh đập đối với y không mùi mễ gì. Vụ án ấy chưa xử xong, thì tôi đi lên phía Bắc". Ép buộc người ta để tạo ra đám ăn mày tàn tật, đó là một tội ác của bọn ăn mày. Thời trước, việc lừa bắt trẻ con để thực hiện các thủ đoạn tàn nhẫn, biến chúng thành hình thù dị dạng để kiếm tiền đã trở thành một mối nguy hại cho xã hội.

Theo Thanh bị loại sao, Côn biển loại, Thái sinh chiết hại thì "Bọn phi đồ trên giang hồ có kẻ lấy việc dụ dỗ trẻ con, làm thương tàn thân thể để kiếm lợi, khi bắt được rồi thì lấy sức mạnh bắt ép, dùng mưu kế dụ dỗ, khiến chúng cũng trở thành người của bọn lưu manh lừa đảo. Đời Càn Long, trong chợ Trường Sa có hai người dắt một con chó, so với chó thường thì lớn hơn, móng hai chân trước so với chó thường cũng dài hơn, chân sau như chân gấu, có đuôi mà ngắn, biết nghe tiếng người, khác hẳn chó nhưng toàn thân mọc đầy lông chó. Có thể nói tiếng người, hát các khúc tiêu điều đều ăn nhịp với phách đàn. Người kéo tới xem đông nghịt, tranh nhau cho tiền để được nghe nó hát một khúc. Quan Tri huyện Hình Mỗ đi ngang qua, sai nha dịch dắt về, nói thác là Thái phu nhân muốn xem, sẽ thưởng hậu cho. Về tới công thự, trước hết sai dắt con chó vào nha môn cất ván, hỏi "Người là người hay là chó?". Nó đáp "Tôi cũng không biết mình là người hay chó nữa". Hỏi "Thế là thế nào?". Nó đáp "Tôi cũng không biết nữa". Nhân đó lại hỏi hai người kia lúc bình nhật làm nghề gì, nó đáp "Ban ngày thì dắt tôi ra chợ, chiều tối trở về thì nhốt tôi vào thùng, không biết rõ là họ làm gì. Có một hôm vì mưa lớn, họ cho tôi lên thuyền,

được ra khỏi thùng, thấy hai người mở rương ra, trong rương có mấy chục người gổ tay chân mất mũi đều biết cử động. Dưới ván thuyền có một ông già nằm, còn sống hay chết thì tôi không biết". Hình bắt hai người vào hồi cung, ban đầu chúng không nhận, Hình bèn sai nung đồ que sắt châm vào huyết Quý khốc, đến khi bị tra tấn chúng mới nói con chó này là đứa trẻ ba tuổi làm thành. Ban đầu thì dùng thuốc xoa lên cho lở lói hết da, đến khi lớp da ngoài tuột hết thì đốt lông chó lấy tro hòa với thuốc xoa lên, lại cho uống thuốc, khi bình phục thì trên người sẽ mọc lông chó, lại có đuôi, nghiêm nhiên thành một con chó. Cách này dùng với mười đứa thì không được một đứa sống, nhưng nếu tạo ra được một con chó thì có thể thu lợi suốt đời. Chúng đã giết vô số trẻ con mới tạo ra được con chó này. Hỏi những người gổ dùng để làm gì, chúng đáp "Nếu lừa được trẻ con, thì sai chúng tự chọn một người gổ, nếu được người què, người mù, người cụt chân cụt tay thì cứ theo đó mà làm, sai chúng làm ăn may xin tiền". Hình được lời cung, lập tức dắt nha dịch tới khám thuyền, tìm được bộ da của một ông già, rách phía sau lưng ra thì bên trong là độn bằng cỏ. Hỏi dùng để làm gì, chúng đáp "Đây là bộ da của ông già trên chín mươi tuổi, rất khó tìm. Nếu tìm được làm thành hình nộm, hòa với thuốc rầy vào ai thì hồn vía của người ấy đều tuân theo ý mình sai khiến. Chúng tôi tìm mấy mươi năm, gần đây mới tìm được. Lại vì bộ da còn ướt chưa thể làm hình nộm được nên việc mới bị bại lộ. Đây đúng là số trời, số trời! Nay đã bị bắt chỉ xin được chết ngay". Hình cá giận, bèn sai đóng gông giải ra chợ kể tội rồi đánh đến chết, người xem đều thỏa lòng. Về sau con chó cũng đói mà chết". Thiên ấy lại chép "Năm Tân tỵ đời Càn Long (1761), ở chợ Hồ Khâu tại Tô Châu có một người ăn may dắt con gấu chó làm trò, con gấu chó to bằng con ngựa nhỡ, lông lá xồm xoàm, biết viết chữ làm thơ nhưng không biết nói. Người đứng xem đưa ra một đồng tiền thì nó sẽ làm thơ cho xem. Nếu lấy giấy trắng xin viết chữ thì nó sẽ viết một bài

thơ Đường bằng chữ lớn, phải trả một trăm đồng. Một hôm người ăn mày đi vắng, chỉ có con gấu chó trong nhà. Có người tìm tới đưa một tờ giấy xin nó viết chữ, con gấu viết rằng "Tôi là người ở Trường Sa, còn đi học, họ Kim tên Nhữ Lợi. Lúc nhỏ bị gã ăn mày này và đồng bọn bắt đi, đầu tiên đổ thuốc cam cho tôi uống, bèn không nói được nữa. Trước đó chúng đã nuôi một con gấu chó trong nhà, lột hết quần áo tôi ra trói chặt lại, lấy kim đâm nát toàn thân, khi máu chảy đầm đìa, nhân lúc máu còn nóng, giết con gấu chó lột bộ da chụp vào người tôi, máu người và máu gấu dính vào nhau, vĩnh viễn không sao cởi ra được nữa, rồi lấy xích sắt khóa tôi dắt đi lừa người, đến nay đã được cả vạn quan tiền rồi". Viết xong chỉ tay vào miệng, nước mắt như mưa. Mọi người cả sợ, bắt gã ăn mày đưa lên quan, chiếu theo luật làm thương tàn thân thể, đánh gậy đến chết. Rồi áp giải "con gấu chó" về Trường Sa, trả lại cho gia đình".

Trong sách còn chép "Tháng 9 năm Đinh Sửu đời Quang Tự (1877) trong giáo trường ở thành Dương Châu có người họ Trương tỉnh Sơn Đông căng lều vải cho người ta vào xem để thu tiền. Trong đó có năm người hình thù dị dạng, một người đàn ông nửa người trên như người bình thường nhưng hai chân mềm nhũn như không có gân cốt, có người bế lên vận vẹo hai chân như thất dây vậy. Một người đàn ông thì trên ngực có một đứa trẻ con nằm sấp, da thịt dính liền với nhau làm một, ngũ quan đều đầy đủ, có thể cựa quậy nói năng. Một người đàn ông thì tay phải chỉ dài năm sáu tấc, bàn tay nhỏ như đồng tiền, nhưng tay trái thì dài quá gối, bàn tay to như cái quạt. Một người đàn ông thì rốn to bằng cái chén, có thể hút thuốc bằng rốn, đưa ống điếu vào rốn thì thở khói ra miệng. Một người đàn bà hai bàn chân bé tí, hai vú nhô cao, nhưng dưới cằm thì râu ria tua tủa, vì thế người xem rất đông. Việc tới tai quan, cho là bọn làm thương tàn thân thể người ta bèn trục xuất ra khỏi địa phương".

Bấy nhiêu hình thù dị dạng ấy là một quyển sổ ghi chép tội ác làm thương tàn thân thể, bòn ăn mảy hành hạ trẻ em bằng những thủ đoạn tàn nhẫn vô nhân đạo, làm hại sự sống, dựa vào đó để kiếm lời. Đó là những cách thức lừa gạt không còn chút nhân tính, muộn nhất là từ thời Minh đã thấy sử sách ghi chép, như tiểu thuyết *Nhị khắc phách án kinh kỳ* của Lăng Mông Sơ cuối thời Minh, chương 18 đã tả "Mất quen thấy việc ăn thịt chó, ăn thịt người, là một bọn cường đạo làm việc thương tàn thân thể theo kiểu bí truyền". Việc làm thương tàn thân thể đương thời thì không những chỉ chế tạo ra ăn mảy tàn tật để lừa gạt lấy tiền, mà còn lấy tay chân và các bộ phận thân thể khác của người sống ngâm thuốc bán cho người bệnh lấy tiền. Pháp luật thời Minh Thanh như *Đại Minh luật phụ tắc*, quyển 1 *Lưu tù gia ngục* và *Thanh công điển sự lệ*, quyển 804 *Hình bộ*, *Hình luật*, *Nhân mệnh* cuối thời Thanh đều có quy định rõ là đối với những tội phạm loại này thì xử cực hình. Đến thời Thanh việc làm thương tàn thân thể trẻ em để kiếm tiền đã trở thành một tội ác phổ biến trong đám ăn mảy, nghĩa là lấy nghệ thuật làm thương tàn thân thể để lừa gạt khơi gợi lòng trác ẩn của người ta, đồng thời đánh vào sự hiếu kỳ của người đời, mục đích là để lừa dối lấy những tiền bạc máu và nước mắt.

Từ thời Thanh trở đi, cái gọi là Vô hoa (Phách hoa đích) là chỉ tội ác làm thương tàn thân thể trẻ em. Lý Hồng Nhược thời Thanh trong *Triều thị tùng tải*, quyển 7 *Nhân sự*, *Phách hoa* có nói "Phách hoa nhiều hại biến kinh thành, Dục vị mê nhân nhiệm ý hành, Đa thiếu nhi đồng tàng hộ nội, Khả linh tán quán chúng tiên sinh" (Vô hoa gây hại khắp kinh thành, Đồ thuốc gây mê mặc ý mình, Trai gái nhi đồng đem cất giấu, Thấy đồ đóng cửa hết môn sinh). Có thể thấy mối nguy hiểm ấy đe dọa cả một thời, nhưng đến nay vẫn chưa tuyệt tích. Tiểu thuyết *Hồng lâu mộng*, hồi 19 viết

"Dánh Yên cười khẽ nói "Bây giờ không ai biết, tôi rón rén đưa Nhị gia ra ngoài thành chơi nhăng một lúc sẽ về". Bảo Ngọc nói "Không được, không khéo bị bọn võ hoa bắt đi mất". Cũng có thể nói mối nguy hiểm này khiến người ta lo sợ, gây tai họa nghiêm trọng cho trị an xã hội. Từ góc độ từ nguyên học mà giải thích, thì chữ võ (phách) theo truyền thuyết là chỉ cần dùng thuốc mê võ lên đầu trẻ em một cái, lập tức có thể khiến chúng mê man mà theo lời mình sắp đặt, còn chữ hoa thì gốc vốn là hóa, tức Khiếu hóa tử (Ăn mày). Võ hoa chính là nói lừa gạt nhi đồng (tức làm thương tàn thân thể) để chúng làm ăn mày.

Đến đầu những năm 50, ở Thẩm Dương vẫn còn thấy người lớn dùng bọn "Võ hoa" để dọa trẻ con khóc nhè, hoặc ngăn cản trẻ em một mình ra đường chơi. Tình hình ấy người viết sách này lúc còn nhỏ đã tận mắt nhìn thấy.

Nếu nói ăn mày lấy tình hình bị thảm để khơi gợi sự thương tâm trắc ẩn của người đời làm một chiêu pháp phổ biến, thì việc thương tàn thân thể lại là một sự đùa cợt tàn nhẫn đối với lương tâm của loài người. Đáng buồn là những cách thức làm thương tàn thân thể này không chỉ Trung Quốc mới có, mà ở Ai Cập cũng là một quốc gia văn minh của thế giới thời cổ đại, đến nay vẫn còn tồn tại những thủ thuật xấu xa thâm tuyệt nhân hoàn ấy.

Ông A bốc đồ lạc A để Háp mẽ đức hiện là Phó Chủ biên tờ báo *Tin tức hôm nay* của Ai Cập là một ký giả can đảm mạo hiểm nổi tiếng. Ông ta từng hóa trang làm người giúp việc, lưu manh, ăn mày hoặc tội phạm để thâm nhập vào tầng lớp dưới của xã hội Ai Cập, có một loạt bài báo làm chấn động xã hội, khơi lên một số vấn đề xã hội cần giải quyết. Trong quyển *Sự mạo hiểm của một ký giả dưới đáy xã hội Ai Cập*, chương 2 *Xin lỗi, tôi lừa được anh rồi*, ông ta đã thuật lại chuyện mạo hiểm của mình vào vương quốc ăn mày

ở thành phố Alexandrie. Ông ta vào một bệnh viện nhờ bó bột một cánh tay, hóa trang thành người tàn tật đi ăn xin làm giấy thông hành để bước vào thế giới ăn mày. Sau đó ông ta đổi mặc một chiếc áo dài màu tro nhàu nát, đội một chiếc mũ trắng, đi chân đất tới cửa chùa A bố A ba tư thanh chân, chìa "cánh tay cụt" ra xin tiền. Khoảng nửa giờ sau, một người đàn ông cụt một chân tới quát với ông ta rằng "Đây là địa bàn của Hải mẫu, ai xâm phạm tới địa bàn của tao thì tao sẽ cắt cổ nó!". Qua một lúc năn nỉ khẩn cầu, sư phó Hải mẫu mới đồng ý nhận ông ta vào làm thành viên của nhóm, mỗi ngày phải nộp cho y năm bảng sáu tiền thu nhập được.

Hải mẫu cai quản tám mươi người ăn mày. Sau hai ngày Hải mẫu gọi tên phó của y, một người tứ chi đều tàn khuyết đất A bốc đổ lặc A đề Háp mẽ đức xuống phòng Thủ thuật. Trong một gian phòng tối om, ông ta nhìn thấy ba đại hán đáng vẻ dữ tợn đang đè một người đàn ông xuống đất, một đại hán khác chọc hai ngón tay vào hố mắt người ấy, dùng móng tay đâm thủng luôn tròng mắt, máu từ trong hố mắt vọt ra, người kia kêu gào nhưng không ai giúp đỡ. Ở đó còn có một số người trói chặt một người khác bằng dây điện, xiềng cả tay chân lại, anh ta nằm ngửa, một chân bị vài người đặt lên một tấm ván gỗ, bị lấy khăn đen bịt mắt lại. Kế đó Hải mẫu cầm một lưỡi dao lớn chém mạnh xuống một cái, chỉ thấy một bàn chân văng ra, máu vọt như suối, một tên người làm lấy một nắm lá tỳ ma và thuốc trộn với nhau bó vết thương lại. Ngoài ra, A bốc đổ lặc A đề Háp mẽ đức còn tận mắt thấy Hải mẫu dùng que sắt nung đỏ đốt một người thành tàn phế ra sao. Lúc ông ta hoảng sợ cơ hồ ngất đi, một người tên Nỗ phát nhĩ nói "Thầy Hải mẫu sai chúng tao làm cái gì đó trên chân của mày, như thế tay chân của mày đều có tật. Nếu mày về quê ắt sẽ kiếm được khôi tiền". Lúc ấy ông ta đem đủ thứ lý do ra nài nỉ, cam đoan nếu giữ

lại cái chân của ông ta thì quyết cũng không phương hại gì tới việc xin tiền. Ông ta trốn tránh vào Sở chẩn tế người tàn tật nên thoát khỏi rủi ro. Ông ta biết trong thành phố có sáu người như Hải mẫu. Trong bài báo ấy, ông ta viết "Ăn mày hiện nay vẫn gia tăng, trong số họ quả thật có không ít người vì sinh kế bức bách, nhưng cũng có không ít ăn mày như họ tự nói ra thì ăn xin là một nghề nghiệp không cần vốn. Thường có việc cảnh sát lục soát trong người ăn mày có tới vài ngàn bằng, thậm chí còn có nhà cửa phòng ốc. Họ thường nói Ăn xin chính là thuật luyện kim, tức nói ăn xin là nguồn gốc của tiền bạc. Trong quá trình cải trang để điều tra tôi đã hiểu thu nhập của ăn mày còn cao hơn nhiều nghề khác. Gần đây nhất báo chí tìm được một người ăn mày, y có ba gian nhà, dưới đất chôn bảy trăm năm mươi ngàn bằng. Những luật lệ trị tội bọn ăn mày cũng cần sửa chữa, tăng thêm những hình phạt nặng để ngăn chặn bọn lưu manh tội phạm chế tạo ra người tàn phế, làm gia tăng đội ngũ ăn mày. Sau cùng, nếu quả thật anh gặp một người ăn mày xin anh làm phúc, thì bất kể dáng vẻ của y đáng thương thế nào cũng không nên tin y, không nên cho tay vào túi, không nên bị lời nài nỉ và nước mắt lừa gạt. Nên biết đó là một màn kịch, mà chính tôi đã từng làm một diễn viên như thế"⁽¹³⁾.

Hoặc lấy trẻ em làm đối tượng để làm thương tàn thân thể, hoặc đem người đã trưởng thành để "cải tạo" thì bản chất cũng là một, là phạm tội lừa dối lương tâm của mình và của người. Về mặt này thì văn hóa Âu Á lại một lần nữa thống nhất, ăn khớp với nhau một cách đáng buồn. Vì thế tôi bất giác lại nhớ tới lời của Lỗ Tấn trong *Câu khát giả*:

"Tôi căm ghét vì nó hoàn toàn không có chút gì bi ai, mà như trẻ con đùa giỡn". "Tôi rất ghét cử chỉ

(13) Theo *Ngã tại khát cái vương quốc đích mạo hiểm kinh lịch* (Cuộc mạo hiểm của tôi trong vương quốc ăn mày), Phó Đông biên dịch, *Thế giới bác lâm*, số 11. 1988

của nó". "Tôi không bố thí, tôi không muốn bố thí, tôi chỉ ở địa vị kẻ bố thí, cho nó sự bực bội, nghi ngờ, chán ghét".

Đáng chú ý nhất là, những cách lừa gạt xấu xa của ăn mày trong lịch sử vẫn được liên tục kế tiếp trong hiện tại... Những tập quán xấu và tốt trên đời đều có sự nối tiếp dai dẳng, đều có thị trường. Điều làm tôi suy nghĩ là làm thế nào để chính nghĩa chiến thắng tà ác, để cái Chân, cái Thiện, cái Mỹ thay thế cái Giả, cái Ác, cái Xấu.

Chương 6

Ăn mày và các loại người giang hồ

** "Nghĩa hiệp" và "lưu manh vô lại" là "nhân cách quần thể" song trùng của ăn mày*

** Người ăn mày nghĩa hiệp cảnh cáo mọi người đề phòng tai họa * Người ăn mày Trương Nhị chống giặc Nuy có công mà không cậy công * Lão ăn mày già thần kỳ cứu con của tỉnh giải nạn cho ngư dân * Người ăn mày nghĩa hiệp cơ trí ở trấn An Sơn Lâu tìm cầu trượng nghĩa hành hiệp * Người ăn mày họ Trương không bày hàng với bọn ăn mày * "Bốn tên cướp lớn" ở Quảng Châu.*

** Người ăn mày Mao Than Tử * Bọn giặc cướp và Cái bang câu kết bắt ăn mày quyên góp * Mối liên hệ giữa nghĩa gốc của chữ "manh" và ăn mày * Tình hình tổ chức của xã hội ăn mày ở Thượng Hải đầu thời Dân quốc*

** Tiếng lóng của ăn mày từ thời Minh Thanh đến nay phản ánh mối liên hệ bản chất giữa họ với bọn xã hội đen trong giang hồ.*

Trong quan niệm thông thường của văn hóa truyền thống Trung Quốc, "Lưu lạc giang hồ" (Tẩu giang hồ) là việc của tầng lớp tiện dân.

Bài *Khiển hoài* của nhà thơ thời Đường là Đỗ Mục viết "Lạc phách giang hồ tải tâu hành, Sở yêu tiêm tế chương trung khinh" (Mang rượu bơ thờ khắp núi sông, Trên tay gói Sở nhẹ lưng ong), chính là chỉ những người thất chí, không còn đường nào khác đành lưu lạc vào xã hội giang hồ, cũng là rơi xuống đáy xã hội. Viên Thái thời Tống trong *Viên thị thế phạm*, quyển trung *Tử đệ đương tập nho nghiệp* có viết "Con em sĩ đại phu nếu không có bổng lộc, tài sản để sinh sống mà muốn trên thờ cha mẹ, dưới nuôi vợ con thì không gì bằng làm nhà nho. Những người có tư chất tài năng, có thể theo đường sĩ nghiệp thì người giỏi có thể lấy khoa danh để phú quý, người khá cũng có thể mở trường dạy học để nhận tiền lễ của học trò. Những người không thể theo đường sĩ nghiệp thì trên có thể làm việc sổ sách không phải lao dịch vất vả, thứ nữa cũng có thể chấm câu đọc sách, dạy trẻ học hành. Nếu không thể làm nhà nho thì làm thầy bói, thầy thuốc, tăng nhân, đạo sĩ, làm ruộng, buôn bán, làm thợ để sinh sống mà không đến nỗi làm nhục cho tổ tiên, đều có thể được. Con em mà lưu đày đến nỗi làm ăn mảy, trộm cắp thì đó là điều làm nhục cho cha ông nhất", cũng là một quan niệm mười phần chính thống ấy.

Ai cũng biết khoảng cách giữa nhà và tục đều là tương đối, hoàn toàn không có ranh giới rạch ròi. Xưa nay không những có rất nhiều kẻ sĩ vẫn nhà lưu lạc giang hồ, mà người trong xã hội giang hồ cũng tự có đạo đức nhân cách truyền thống, quan niệm thẩm mỹ và giá trị, cũng có sự duy trì tinh thần giang hồ kể tục không dứt, ràng buộc họ vào với thế giới phức tạp ấy. Xã hội ăn mảy là một nhánh của xã hội giang hồ, cũng cùng với các nhánh khác dựa vào nhau để tồn tại, cũng phản ánh ở một mức độ lớn "tinh thần giang hồ" trong đục pha trộn với nhau.

Ở đây chúng ta chủ yếu từ một số sự việc cụ thể khảo sát "nhân cách quần thể" điển hình cho nhân cách song

trùng "nghĩa hiệp" và "lưu manh vô lại" của ăn mày để khảo sát mối liên hệ bản chất giữa nó với "tinh thần giang hồ".

Hàn Phi Tử từng nói "Kể hiệp khách lấy võ lực để phạm điều cấm", là chỉ bọn du hiệp trong thời kỳ đầu. *Sử ký, Thái sử công tự truyện* của Tư Mã Thiên có nói "Cứu người lúc nguy cấp, giúp người không tiếc rẻ, người nhân là thế chăng? Không hứa hẹn mà không nuốt lời, người nghĩa giữ điều đó". Đó là quan niệm cơ bản nhất về nghĩa hiệp. Theo đó ông đã viết hẳn một phần *Du hiệp liệt truyện* trong *Sử ký*. Trong lời tựa *Du hiệp liệt truyện*, Tư Mã Thiên khi mô tả các nhân vật nghĩa hiệp càng ra sức thuyết minh cụ thể, như "Nói ra ắt làm theo, làm việc ắt có kết quả, đã hứa là giữ lời, không tiếc tính mạng, giúp người lúc nguy khốn. Sau khi đã xông pha sống chết, lại không khoe tài năng, thẹn việc kể ơn", "Lấy đức báo oán, giúp đỡ nhiều mà mong cầu ít". Về việc này có người chú giải rằng "Đó tức nói khí chất và phẩm giá của nghĩa hiệp là phải trọng tình bạn, hiếu tín nghĩa, lấy việc giúp người làm điều vui, bất kể tính mạng của mình để làm người, đã nói là làm, giúp người lúc nguy khốn, cương cường chính trực, nêu cao chính nghĩa, không tự khoe công lao, không mong được báo đáp. Chứ nếu chỉ hung hăng liều lĩnh, phóng túng ngang tàng, cậy mạnh ra oai, lớn mật làm bậy thì hoàn toàn không phải là hành động của kẻ nghĩa hiệp"⁽¹⁾. Còn việc thù oán chém giết giữa các môn phái trong giang hồ không phân biệt thiện ác sai đúng cũng không phải là hành vi nghĩa hiệp". "Nhân cách quần thể" của ăn mày là dung nạp cả tính cách song trùng "nghĩa hiệp" và "lưu manh vô lại".

(1) Trần Tấn, *Bi hoạn cái phong lưu - Trung Quốc truyền thống nhân cách đích đạo đức mỹ học thế giới* (Ăn mày hoạn nạn phong lưu - Thế giới đạo đức mỹ học của nhân cách truyền thống Trung Quốc), Quốc tế văn hóa xuất bản công ty, 1988, tr. 174.

Những nhân vật hiệp nghĩa trong *Du hiệp liệt truyện* của Tư Mã Thiên phần lớn là người áo vải ở làng ở quê, xuất thân thấp kém, có thể sánh với tầng lớp kỹ sĩ có đời sống kinh tế ổn định ở châu Âu thời Trung cổ. Nhưng có lẽ lúc ấy ăn mày chưa trở thành một nhóm xã hội riêng biệt, nên *Du hiệp liệt truyện* của Tư Mã Thiên không có truyện nào viết về ăn mày hành hiệp trượng nghĩa. Nhưng chữ "du" (trôi nổi) trong từ "du hiệp" đã có chỗ phù hợp với hành trạng lưu lạc giang hồ của ăn mày. Ăn mày thời cận đại và hiện đại tập hợp thành nhóm hội thì điều ràng buộc mọi người trong nội bộ chủ yếu là "nghĩa khí giang hồ", vì họ "trọng nghĩa khí", nhất là càng suy tôn "tinh thần hiệp nghĩa". Cho dù địa vị của ăn mày trong đời sống xã hội là thấp hèn nhưng họ vẫn thường có một số hành động nghĩa hiệp, đó chính là kết quả truyền thống văn hóa của dân tộc in dấu trong một số nhân cách đặc thù.

Nếu nói việc "Không ăn cái ê mà cho" bộc lộ quan niệm giá trị vốn có của ăn mày thì điều đó cũng đồng thời nuôi dưỡng quan niệm nghĩa hiệp và nhân cách cơ bản của ăn mày, đó là tuy mình là một thành viên dưới đáy xã hội, đã xin ăn để sinh tồn song cũng muốn tìm cách giúp đỡ người khác, "làm điều thiện, tích âm đức". Năm Diên Hựu thứ 1 đời Nguyên Nhân tông, có người ăn mày mặc áo đen, cầm chiếc bầu lớn qua lại trong các quán rượu trong trại thủy quân và bến Trương Kinh xin rượu uống, lúc uống rượu thì gào lên "Trâu tới" (Ngưu lai), y còn viết lên khắp vách tường trong thủy trại và nhà người ta chữ "hỏa" (cháy), mọi người đều tức giận vừa chửi mắng vừa bôi xóa, về sau không biết y đi đâu mất. Mùa đông năm ấy tên cướp biển Ngưu Đại Nhân từ cảng Lưu Gia tới cướp Thái Thương, trại thủy quân và cảng Trương Kinh biến thành biển lửa. Lúc bấy giờ người ta chợt sực nghĩ ra rằng người ăn mày kia đã ngầm cho biết trước, nhưng đã

muộn rồi⁽²⁾. Thân là một người ăn mày hèn hạ trong đám thảo dân, mà trước khi sự việc xảy ra đã đem cách thức ám thị để thức tỉnh người ta để phòng bị cướp bị đốt, không phải là một tinh thần "can đảm nghĩa hiệp" sao! Y dùng cách thức đặc biệt đó để báo đáp ân huệ bố thí của người ở vùng ấy.

Lúc đại địch lâm đầu, quốc gia nguy khốn, thì tinh thần can đảm nghĩa hiệp của ăn mày thường chuyển hóa thành chí khí dân tộc. Theo sử sách, thời Minh có một người ăn mày tên Trương Nhị, không biết xuất thân ra sao. Người này rất giỏi lặn lội dưới nước, có thể không ăn uống gì hơn một tháng. Năm Gia Tĩnh thứ 33 (1554), giặc Nụy vào cướp, Trương Nhị ứng mộ theo Phương Thái thú tham gia chống giặc. Thái thú sai y đi trước thăm dò địch tình, Trương Nhị nhiều lần mang khí giới sắc bén lặn xuống nước, gắp thuyền địch thì lập tức đâm thủng đáy cho chìm, còn thỉnh thoảng thâm nhập vào sào huyệt của quân giặc để trinh sát, lại chém thủ cấp của giặc Nụy đem về dâng. Thái thú ban phát ngân bài để thưởng thì Trương Nhị không nhận, nhưng nếu thưởng bằng rượu thì y vui vẻ nhận lãnh. Sau khi dẹp yên giặc Nụy, luận công xét thưởng, y xứng đáng được thưởng chức Bá hộ, quận huyện đưa quần áo tới nhưng y đều khước từ, lại chỉ muốn làm ăn mày. Ban đêm y ngủ trong miếu, cả ngày cười hề hề không có vẻ gì buồn khổ. Về việc này người sau khen rằng "Phàm ra vào nơi sống chết, dẹp nạn lớn, lập nghiệp lớn mà cười khi từ chối phú quý, hay trong đám ăn mày ở Đông Hải cũng có tiên sinh Lỗ Trọng Liên chẳng!"⁽³⁾. Vứt bỏ công lao lợi lộc không thêm ngó ngang tới như thế, có chí khí dân tộc tình nguyện vì quốc gia ra sống vào chết thì

(2) *Thái Thương châu ký*, đây theo *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Bác vật hồi biên*, *Nghệ thuật diễn*, quyển 815, *Khất cái bộ*, *Kỷ sự* mục 5, *Tạp lục* mục 1.

(3) *Nụy biến lục*, *Chữ Nhân Hoạch* thời Thanh trong *Kiên biểu quảng tập*, quyển 3, *Trương cái nhi* có trích dẫn sách này và thêm lời bình.

đó là sự thăng hoa của nhân cách nghĩa hiệp nơi người ăn mày nổi tiếng họ Trương. Giặc lui việc xong vẫn vui vẻ làm việc xin ăn mà sống, không mong cầu gì, lại quay về với bản chất nghĩa hiệp. Nếu so với nhiều kẻ ở ngôi vị hiển quý nhưng tham lợi lộc đến nỗi bán rẻ thân phận cầu vinh hoặc vô sỉ đầu hàng kẻ thù xưa nay, thì kẻ tiện dân ăn mày họ Trương kia không khỏi có chỗ khác nhau một trời một vực.

Chính vì địa vị của ăn mày là hèn hạ, đứng sau các loại người trong giang hồ nên những truyện hiệp nghĩa trong bọn họ rất ít được ghi chép vào sách vở, càng khó được ghi chép vào sử truyện. Có điều trong lời "bia miệng" lưu truyền trong dân gian thì có rất nhiều câu chuyện khiến người ta thú vị.

Thử xem một ví dụ dưới đây.

Cạnh sông Ly Giang tại Quảng Tây có một hòn núi lớn nằm ở phía bắc các núi Chung Linh, Tiểu Cô, Ngọc Cô và Trúc Đầu, tên là núi Bàng Giải (núi Con Cua), tương truyền là một con cua thành tinh bị một lão ăn mày già câu từ sông Ly Giang lên biến thành. Theo truyền thuyết có một ông già câu cá được người ta gọi là "Ông Chín Cân", mỗi ngày đều câu được chín cân cá ở sông Ly Giang. Năm ấy Ly Giang có một trận lụt lớn hàng trăm năm mới thấy một lần. Khi nước rút rồi thì ông Chín Cân câu suốt bốn mươi chín ngày không được con cá nào, lại phí rất nhiều mồi câu. Hôm ấy ông Chín Cân đang lo buồn vì không có gạo bỏ vào nôi thì có một người ăn mày già quần áo rách rưới đầu bù tóc rối tới cửa xin ăn. Ông Chín Cân than rằng "Ông tới đây xin tôi, tôi còn phải lạy ông làm thầy theo ông đi ngàn cửa xin trăm nhà kia!". Có điều ông ta cũng gọi lão ăn mày vào nhà, bảo vợ giết con gà mái duy nhất trong nhà làm cơm khoản đãi. Lão ăn mày hỏi ông Chín Cân tại sao có lưới không búa, có cá không câu mà còn muốn đi xin ăn. Nghe ông Chín Cân kể lại, lão ta bèn

muốn ra bờ sông xem thử. Tới bờ sông đứng nhìn một lúc, lão ta chợt hoảng sợ nói "Ài chà! Chẳng trách gì hàng ngày ông không câu được cá, vốn là ở đây có một con cua thành tinh đuổi hết cá đi, còn nó cứ lẳng lặng ăn hết mỗi câu của ông. Tôi sẽ giúp ông câu con cua này lên". Nói xong chỉ thấy lão ta nhổ một sợi tóc dài trên đầu, thổi vào một hơi, sợi tóc ấy biến thành một sợi dây thừng dài mấy trượng⁽⁴⁾. Lại đập cái gậy trong tay một cái, biến thành một chiếc cần câu trúc lớn. Kéo đó lão ta buộc sợi dây thừng vào đầu cần câu, không dùng lưỡi câu, cũng không dùng mồi câu, chỉ nhổ một bãi nước bọt vào đầu sợi dây ném xuống sông, không đầy thời gian hút tằm một mồi thuốc thì sợi dây thừng từ từ rút lên khỏi mặt nước. Chỉ thấy lão ăn mày cong lưng, hai tay cầm cây gậy dùng sức giật một cái, giật tung một con cua lớn bằng cái thùng đựng lúa lên không, rơi xuống đầu núi Dương Giác. Sau đó, lập tức cá ùn lên như nước sôi. Lúc ông Chín Cân muốn đập đầu tạ ơn lão ăn mày thì lão ta đã mất tăm mất tích, không thấy đâu nữa⁽⁵⁾.

Đây là một chuyện cổ tích cũ. Nó đem tinh thần tượng nghĩa giúp người nghèo giúp đỡ ngư dân của lão ăn mày kết hợp với lai lịch của núi Bàn Giải, thể hiện rõ sự trông cậy của mọi người đối với tinh thần tượng nghĩa, cũng bộc lộ sự thương ghét chê khen của mình. Đồng thời đối với nhân cách được thần thánh hóa của lão ăn mày, cũng là một cách đề cao chính mình của đông đảo nhân dân nghèo khổ.

Chuyện kể cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, ở trấn An Sơn tại Lương Sơn có một người tên Trương Phiêu, xước hiệu Lâu kim cầu, là ăn mày không nhà không cửa, ngụ ở miếu Quan Đế. Tương truyền trên trời có hai mươi tám vì sao (Nhị thập bát tú), trong đó có sao Lâu kim cầu, phạm xuống trần đều muốn làm việc tốt cho người khác. Trương Phiêu là

(4) La Tố, La Khuông dịch quy sách.

một người nhiệt tâm, rất có di phong nghĩa hiệp lộ kiến bất bình, bặt đao tương trợ của các hảo hán Lương Sơn Bạc, gặp việc trái lẽ là can thiệp. Vả lại y can thiệp còn hết sức hòa nhã vui vẻ. Có một lần y cắt tóc trong hiệu của người thợ cắt tóc họ Vạn ở trấn An Sơn thì gặp chuyện bực mình. Lúc Vạn mới cắt được một nửa đầu cho Lâu kim cầu thì có một viên quan từ Đông Bình tới, xuống ngựa trước hiệu cắt tóc, bước vào không nói tới hai câu, túm lấy Lâu kim cầu đẩy ra nói "Đi ra, đi ra! Để ta cắt trước rồi người cắt tiếp!". Lâu kim cầu không biết làm sao đành xốc áo bước ra, xoa xoa cái đầu mới cắt được một nửa, nhìn Vạn gật gật đầu cười hì hì bỏ đi. Không bao lâu Lâu kim cầu bưng một cái mâm đựng hai mươi quan tiền quay lại, Vạn kinh ngạc không biết là chuyện gì. Chỉ nghe y nói "Ông thầy, đây! Đây là trả tiền cắt tóc nửa cái đầu! Còn nửa kia khi nào ông cắt tiếp tôi sẽ trả nốt". Nói xong đặt tiền xuống bỏ đi. Viên quan kia thấy tình hình như thế ngăn người trở mắt nhìn. Trước nay người cắt tóc không nói giá, đưa bao nhiêu lấy bấy nhiêu, là theo thân phận của khách. Đưa ít thì sợ bị người ta chửi là cắt phải "đầu thẳng bản tiện". Bây giờ chính mắt nhìn thấy người ta cắt có nửa cái đầu còn trả hai mươi quan tiền, mà mình lại đuổi người ta đi để cắt trước, thì phải trả bao nhiêu? Không còn cách nào khác, cắt tóc xong chỉ còn cách móc ra hai đồng tiền Tây dương trả tiền cắt tóc, rầu rĩ lên ngựa ra đi. Té ra hai mươi quan tiền ấy là Lâu kim cầu chạy qua giật nóng của quán rượu Thiên Địa Tuyền. Hai người hã giận, lại làm tiền được viên quan, hỉ hã gọi rượu thịt bày ra uống với nhau đến lúc say mèm⁽⁶⁾.

Bất kể xuất thân và địa vị sang hèn ra sao, chỉ cần có nhân cách nghĩa hiệp là có thể được người ta thương yêu quý

(5) (6) Xem *Dân gian văn học*, số 8 năm 1988.

mến, ăn mày cũng không phải ngoại lệ, vì đó là một loại mô hình nhân cách lý tưởng cơ bản trong truyền thống văn hóa của nước ta. Người ta đề cao tinh thần nghĩa hiệp mà những câu chuyện về tinh thần nghĩa hiệp của ăn mày thì truyền bá khắp nơi, cũng là sự phân biệt kẻ thiện người ác trong bọn họ, có nghĩa là mọi người đều không hoàn toàn phủ nhận rằng trong ăn mày có người tốt, người giỏi, cũng không còn gì phải nghi ngờ là trong đó cũng có rất nhiều kẻ vô lại. Lại như thời Thanh có người ăn mày tên Vương Thọ không bao giờ xin tiền phụ nữ. Y cậy mình là nam tử hán đại trượng phu, coi việc xin xỏ đàn bà là điều sỉ nhục chẳng? Không phải thế. Người ta ngạc nhiên hỏi, y đáp "Phụ nữ đã nhờ người khác nuôi nấng, chẳng lẽ ta lại còn nhờ phụ nữ nuôi nấng sao?"⁽⁷⁾. Đủ biết trong ăn mày thì người và ma lẫn lộn, cũng không thiếu các nhà tư tưởng, cũng có những ý thức đạo đức đặc biệt. Nhận thức ấy tuy hẹp hòi đáng trách, nhưng cũng ý thức được rằng địa vị kinh tế của phụ nữ trong xã hội phong kiến là không thể tự lập, rõ ràng khó có thể giàu có, cũng biểu hiện một loại nhân cách nghĩa hiệp.

Đầu thời Thanh có người ăn mày họ Trương người Tiêu Lăng, năm Ung Chính thứ 2 (1724) bị què một chân lê lết trong chợ Chu Gia Khẩu xin ăn, không kéo bè với những người ăn mày khác, cũng không nài nỉ xin xỏ, trên mặt cũng không có dáng vẻ đáng thương, chiều tối là tối nằm trên một cái giường trong nhà tế bần ở phía tây chợ. Lúc ấy mọi người đều cảm thấy người ăn mày này khác với kẻ khác, tại sao như thế? Vì y không có dáng vẻ vô lại. Một lần có tuyết lớn dày cả thước, người ta đều cho rằng y sẽ chết rét. Có người hiếu sự bới tuyết ra xem thì y vẫn còn ngủ say. Mọi người tranh nhau cho cơm cho áo, y cũng không lấy nhiều. Có người muốn cho y một tấm chăn để chắn tuyết, y không nhận, nói

(7) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Vương Thọ bắt hương phụ nữ khất cái, tr. 5479.

"Tôi lấy trời đất làm nhà, không cần chốn. Vả lại mình ở ngoài đường mà mặc quần áo mới thì chỉ khơi gợi lòng tham của bọn cướp"⁽⁸⁾. Tại sao người ta lại thương xót y? Chính vì người ăn mày họ Trương này không giống như đám ăn mày thường quấy nhiễu mọi người trong chợ, đều là bọn vô lại, không biết gì là nghĩa khí.

Ngược lại có rất nhiều ăn mày không như thế, thậm chí còn bị gọi là giặc. Như *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Việt hữu tử đại khẩu* chép "Bốn tên giặc lớn (Tứ đại khẩu) là người Quảng Châu, làm ăn mày. Ăn mày mà có tiếng là giặc, là muốn nói tới sự hung ác. Ban đầu do bốn người xướng lên, nên gọi là Bốn tên giặc lớn. Bọn này không phải người đất Việt mà từ Giang Nam tới, là con cháu của quan lại ở đất Việt, nghèo khổ không nơi nương tựa, lưu lạc ở Dương Thành làm việc ăn mày kiếm sống. Nhưng ăn xin lại khác hẳn người thường, nhất định phải chọn những nhà giàu có đám cưới đám ma mới tới. Nếu người làm ở đó lén cho ở lại thì bất kể người tỉnh nào họ cũng nhận là đồng hương. Đến khi đi thì đưa thủ bản ra xin tiền thưởng. Trên thủ bản ghi tên họ, quê quán, phía trên ghi rõ danh hiệu phẩm hàm của ông cha, ví dụ con ông Mỗ tức con ông Mỗ là con của Tri huyện Nam Hải Mỗ vân vân. Lúc tới thì mặc áo dài, đi giày rách, mà kéo bọn rất đông, tới mười mấy người, không được vài mươi đồng bạc thì không chịu đi. Trong đó vốn có nhiều người là con cháu quan lại cũ, nhưng cũng có kẻ giả mạo, vả lại còn có nhiều người đất Việt biết nói tiếng quan thoại trà trộn vào đó"⁽⁹⁾. Rõ ràng đây là một bọn lưu manh vô lại.

Lại như gã ăn mày đầu thời Thanh là Mao Than tử. Theo sử sách thì Mao Than tử là người huyện Thiên Trường,

(8) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Trương khất nhi dị vụ quần cái*, tr. 5480

(9) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại*, tr. 5476.

vừa lọt lòng đã bị bại liệt, về sau dùng hai tay bò trên đất đi ăn xin. Tương truyền y cũng có nghĩa khí, năm Thuận Trị thứ 16 (1659) bọn cướp biển công hãm Giang Ninh, huyện Thiên Trường cũng bị bọn buôn muối lậu Lưu Trạch chiếm cứ, quan huyện treo cổ tự tử, xác phơi mấy ngày không ai đếm xỉa. Mao Than tử đi ngang nhìn thấy bèn khóc lóc đem xác liệm trong Diễn vũ sảnh. Sau khi giặc yên, Tri huyện mới biết chuyện bèn viết một tấm thẻ tre sai Mao Than tử làm Viện trưởng Viện Dưỡng tế để biểu dương. Từ đó Mao Than tử đi lại không cần phải bò dưới đất mà là ngồi trên vai của bọn ăn mày. Sau khi y được quan địa phương cho làm thủ lãnh ăn mày thì không những hàng năm được huyện cung cấp tiền lương vật dùng, mà mỗi tháng ở chợ cũng có lệ cống, vì thế y dựng được ba gian nhà tranh, còn cưới một vợ một thiếp. Mỗi khi đến cuối năm, vợ và thiếp của y chuẩn bị rượu thịt, đám ăn mày tới chúc thọ, trải qua cuộc sống sang trọng⁽¹⁰⁾. So với người ăn mày nghĩa hiệp Trương Nhị thời Minh vì nước ra sống vào chết, có công không cày thì hiển nhiên y là một tên vô lại hoàn toàn.

Trước nay hạng người đi lại giang hồ là một xã hội người và ma lẫn lộn. Trong đó có không ít người nghĩa hiệp, cũng có rất nhiều kẻ lưu manh vô lại. Từ thời cận đại đến nay, khi đoàn thể ăn mày biến chất trở thành một nhánh của xã hội đen thì càng thể hiện rõ bản chất của nhóm hội lưu manh. Trong sinh hoạt xã hội, nhóm hội ăn mày thường bị quan lại lợi dụng, cũng thường câu kết với các nhóm hội xã hội đen khác, dựa vào nhau làm điều gian tà, gây hại cho xã hội. Ví dụ *Thanh bị loại sao*, *Khất cái loại*, *Cái sung Hải bố* có chép "Ở các châu huyện vùng Hà Nam phạm nhận được văn thư sai bắt bỏ truy nã thì giao cho Hải bố. Hải bố suất lãnh bọn ăn mày đi làm việc, quan cũng giao phiếu sai cho.

(10) *Thanh bị loại sao*, *Khất cái loại*, *Mao Than Tử vi Dưỡng tế viện trưởng*, tr. 5477

Năm ba người thành một bọn, tới hương trấn, gặp cửa hiệu liền đưa biểu một nén hương, ắt sẽ được mười đồng hoặc tám đồng, so với việc xin ăn lúc bình thời thì khó dễ khác hẳn nhau. Có thể đi hơn cả năm thì quay về nộp lại phiếu, gọi là hết hạn sai sử, còn có bắt bớ được hay không thì không nói tới⁽¹¹⁾. Đó là quan lại lấy ăn mày làm đương sai, ăn mày cũng rất vui thích mượn đó để sách nhiễu tiền bạc, nói là ơn thường lợi thường, rốt lại là xã hội phải chịu tai họa.

Từ thời Dân quốc trở đi Thanh bang, Hồng bang vì có cống hiến trong cách mạng Tân hợi mà lừng lẫy một thời, về sau quan lại và bang hội câu kết lợi dụng nhau, trở thành một thế lực xã hội đen hoành hành ở Trung Quốc trong thời cận đại, gây nhiều tai họa. Trong đó cũng có cả Cái bang ở các địa phương, càng khiến bộ mặt lưu manh của các nhóm hội ăn mày bộc lộ rất rõ. Ở đây cứ lấy việc Thu tiền lệ phí ăn mày (Khai mã đầu - Thu Cái quyền) làm ví dụ để nói rõ vấn đề này. Cứ xem ghi chép trong bộ *Tam giáo cứu lưu giang hồ bí mật quy củ* nổi tiếng của Kim Lão Phật:

"Các bang hội làm ăn đại khái có thể chia làm hai phái cố định và lưu động. Phái cố định thì chiếm cứ bến cảng, tổ chức sông bạc làm đủ chuyện gây hại cho xóm làng. Phái lưu động thì buôn muối lậu, sục sạo khắp nơi, cùng bọn chiếm cứ bến cảng hạch sách vôi vỉnh đủ thứ quy lệ. Thu nhập hàng năm cũng xuất phát rất nhiều từ hai phái ấy. Còn như trộm cắp cướp giết lại tự thành một phái riêng, không liên can gì tới hai loại nhân vật nói trên, tức cái gọi là Võ sai sử vậy. Người trong bang không phải là lúc túng bán cùng cực thì những việc Võ sai ấy cũng rất không muốn làm. Mà điều cả bang chú ý nhất chính là hai loại Văn sai nói tới trên kia. Nay thử nói về loại mở

(11) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại*, tr. 5475.

bến cảng trong đám Văn sai trước. Mở bến cảng lại có thể chia làm mấy hạng, tức diễn trò, mãi võ cùng các loại người tam giáo cứu lưu, có tên chung là Tẩu giang hồ. Bọn họ cho dù khó tránh khỏi những việc không theo quy củ, nhưng bề ngoài vẫn ít có hành vi phạm pháp. Những gì họ lấy được đều do người ta tình nguyện đưa ra, không phải đòi hỏi hạch sách mà lấy. Nhưng riêng trong tháng hai tháng tám hàng năm thì họ kéo bè lũ túa ra khắp nơi hạch sách lừa gạt thương nhân, tình cảnh rất đáng ghét. Xét về nguyên do, thì là theo một hạng mục trong việc văn sai Hồng bang mở bến cảng đưa tới. Đó là chia nhau đi các nơi, tới những cửa hiệu buôn bán vôi vỉnh hạch sách vậy. Các huyện đều có chức Cái đầu do chính quyền đặt ra, phần lớn đều lấy kẻ có thể lực trong bang hội sung vào chức ấy. Đặc biệt cho phép mỗi năm hai lần thu tiền Cái quyền, mỗi lần mỗi hộ phải đóng 2.000 đồng, phạm hộ nào đã nộp, Cái đầu sẽ phát cho một tờ Cái điều giấy đỏ in chữ đen bảo dán trên cổng. Hối ý tứ thì nói là phạm nhà nào có tờ Cái điều ấy thì mỗi khi đến tháng hai tháng tám đảm bảo sẽ không có ăn mày tới cửa đòi tiền. Tháng giêng tháng bảy hàng năm Cái đầu công nhiên dắt theo bè lũ, đều khoác bị đựng tiền trên vai, tới từng nhà thu tiền Cái quyền rồi dán tờ Cái điều mới thay tờ cũ, phú hộ đại gia cũng bắt kể. Nếu gặp kẻ nghèo, nhất thời không có tiền giao nộp, cũng có thể xin khất lại, dán Cái điều trước, hẹn ngày nộp tiền. Nếu gặp kẻ quá nghèo, cũng có thể được miễn. Duy những nhà bậc giữa có ai cố ý lơ đi không nộp thì qua tháng hai, tháng tám bọn họ sẽ liên tiếp tới quấy rối, Cái đầu ắt sẽ cố ý sai sử bọn ăn mày suốt ngày tới cửa hạch sách, cốt cho nhà cửa không yên. Cách giải vây duy nhất là xin Cái đầu sai họ rút lui. Cái đầu có được cơ hội tốt ấy ắt sẽ lập tức

ra điều kiện, đặc biệt nói rõ, so với định lệ 2.000 đồng phải nộp gấp mấy lần, mới chịu ra lệnh cho ăn mỳ rút lui, nếu không thì dùn đẩy không nói tới. Phàm các hiệu buôn đã bị khuấy rối và tổn thất như thế một lần thì đến lần sau đều khép nép vâng lệnh. Những cửa hiệu khác cũng lấy đó làm gương, không ai dám lơ đi. Vì thế nên phàm các nhà bậc trung trở lên trong thành trấn không ai không nộp tiền Cái quyền, mà Cái đầu thì nhờ đó mà phát tài. Đến tháng hai tháng tám bọn họ cùng tới, trước tiên ắt đi một vòng khắp phố phường kiểm tra xem có Cái điều không. Nếu nói là không, thì cơ hội đã tới vậy. Lúc ấy họ sẽ ra tay, đủ trò đủ vẻ, có thể nói là kỳ quan. Có khi lấy biển sắt ném lên quấy, tự xưng là khách qua đường lưu lạc tới quý địa; có khi đem đủ thứ vũ khí đao thương kiếm kích bày đầy trước cổng, cầm một món vung múa; có khi buộc nhiều vật treo trên sào cao, dựng sào trên sống mũi hay gò má, giữ cho cân không để đổ xuống; có khi hát Côn khúc kinh điệu, gảy đàn thật lớn, cao giọng xin chủ nhân thương tình. Những trò như vậy rất nhiều, muốn họ thôi đi thì không phải một hai trăm đồng không xong. Lại có một điểm đáng ghét, là như bọn ấy quấy rối, diễn đủ trò xong, muốn bao nhiêu phải đưa bấy nhiêu, như hơi có vẻ ngần ngừ là lập tức chửi rủa tục tằn, thậm chí còn tính tiền phí tổn làm chậm trễ giờ giấc, phải trả gấp mấy lần mới chịu đi. Ví dụ như đầu tiên đòi 100, chậm trễ giây lát thì tăng lên 200, rồi tăng lên 400, 800, không có giới hạn, phải đòi bằng được mới thôi. Nhưng cũng có khi gặp kẻ cứng cổ, cứ để mặc kệ, nhất định không đưa tiền. Không biết rằng bè đảng của họ rất đông, nhóm trước chưa lui thì nhóm sau đã tới, nhóm sau vừa đi thì nhóm sau, nhóm kế đã tới. Mỗi nhóm tạm kể là bốn người, nếu lên tới trên bốn năm nhóm tụ họp thì

ăn mày thành bầy, tới hai ba mươi người rồi. Người đông thế mạnh, xúm xít ngoài cửa, thì với hiệu buôn sẽ làm ăn đình đốn, không sao chịu nổi sự quấy nhiễu. Các nhóm vừa tới thì trước tiên đi quanh ngoài phố xem xét một vòng rồi tới chỗ Cái đầu lãnh tiền Cái quyền, số tiền nhiều ít là theo thể diện của người đứng đầu mà định ra. Mỗi nhóm ba bốn người hay năm sáu người khác nhau, trong nhóm ắt có người đứng đầu, tiền Cái quyền do người ấy lãnh. Tính bình quân thì mỗi nhóm được khoảng từ 5 tới 10.000, anh em cùng đi, nhất nhất chia đều. Số được nhận mỗi mùa ít nhất cũng bốn năm mươi nhóm. Tổng số Cái đầu chi ra không dưới vài trăm ngàn đồng. Nhưng số thu vào mới càng đáng sợ. Phàm số cư dân hiệu buôn trong một thành trấn cứ tính tối thiểu cũng khoảng một ngàn nhà, tiền Cái quyền đã tới con số hai triệu, trừ đi ba phần mười chi ra, còn thừa hơn một triệu. Cái đầu mang tiếng làm nghề hèn hạ, mà số tiền còn thừa trong hai mùa xuân thu có tới hai ba triệu đồng, há không phải chuyện lạ sao. Duy khoản tiền lớn hai ba triệu ấy cũng không phải là bỏ túi được tất cả, lấy các chi phí thường niên và những khoản chi phát sinh thì con số cũng không ít. Ví dụ một người làm Chánh Cái đầu ắt có mấy người làm Phó Cái đầu giúp đỡ, ngoài ra còn có nhiều người làm thuê, quan lại cai quản ăn mày trong hạt. Bọn ấy suốt ngày hút thuốc phiện, chơi gái đánh bạc, tiền bạc đều lấy từ đó ra. Và lại bốn phía quanh thành đều có xây vài chỗ Khiếu hóa bằng làm nơi trú ngụ cho người đau ốm hoặc không có khả năng đi xin ăn trong xứ. Ví dụ gặp lúc mùa đông gió to tuyết lớn, đám ăn mày không thể ra ngoài xin ăn, cũng phải cung cấp cơm cháo, phát tiền điểm tâm cho họ. Ăn mày lang thang trong toàn thành có tới hàng trăm hàng ngàn, số tiền chi ra

hàng ngày cũng không phải ít.

Đám ăn mây lang thang, theo người trong bọn họ nói, cũng có địa điểm nhất định. Ví dụ các bến cảng ở huyện Tô Tùng tỉnh Giang Tô trước nay do bang Giáp xin xỏ thì bang Ất không được xin ở đó. Trong địa hạt Thường Thái, trước nay thuộc bang Ất thì bang Bính cũng không được đặt chân vào. Vì thế châu ấy huyện ấy phủ ấy trấn ấy có bao nhiêu nhóm ăn mây nên tới đều có ranh giới nhất định, hoàn toàn không được đi lại bừa bãi. Mà bang nào tới nơi nào, đối với nơi mình tới, không ai nhìn ngó tới thì không hề lên tiếng. Mà cách bảo vệ bến cảng cũng nghiêm ngặt phi thường. Giả như có ai lên tới xin xỏ ở đó ắt bị đưa vào đất chết. Cho nên mỗi khi đến tháng hai tháng tám các nơi thường có màn kịch ác đấu giữa các bang. Ví dụ tháng hai năm ngoái ở trấn Mỗ Mỗ có Mỗ Giáp bang nọ lên tới xin, dắt theo năm sáu anh em đi dọc phố hạch sách, ngay các hộ trước nay vốn nộp tiền Cái quyền cũng không bỏ qua. Cái đầu Mỗ Ất tới, vung tay đuổi đi, bọn Giáp lờ đi không nghe, vẫn đi dọc phố quấy nhiễu, càng không đếm xỉa gì tới thể diện của Cái đầu. Ất thấy phép tắc ăn mây không được thi hành, động võ thì không địch nổi, cũng mặc kệ cho họ mà thôi, lúc ấy các nhà buôn trong trấn có người rất ngạc nhiên. Hôm sau lúc trời chưa sáng, chợt nghe có tiếng la cứu mạng ầm ĩ. Các nhà buôn cầm đèn ra xem, thì dưới ánh sang ban mai mờ mờ, thấp thoáng có năm sáu người đều trần truồng như nhộng bị hơn mười người lôi về đầu phía đông chợ, tiếng la cứu mạng vang lên từ phía đó. Khoảnh khắc trời sáng hẳn, mọi người mở cửa ra nhìn, thì thấy Cái đầu Mỗ Ất tới trấn hôm qua đang suất lĩnh một đám

thuộc hạ ăn mày điệu vô dương oai từ đầu phía đông chợ kéo về. Có người biết Ất hỏi tiếng la cứu mạng từ đâu ra. Đám ăn mày nói đó là bọn ăn mày cứng đầu không tuân lệnh hôm qua, bây giờ đã bị Trông sống (Hoạt chủng) (xét: tức chôn sống) rồi. Người nghe đều hoảng sợ, nhưng không biết đó là phép tắc của đám ăn mày bọn họ⁽¹²⁾.

Như vậy, có thể thấy rõ nhóm hội ăn mày và bang hội xã hội đen trong giang hồ cùng quan lại xấu xa đã thông đồng với nhau, lợi dụng lẫn nhau, hoàn toàn đều là hành vi vô lại của bọn lưu manh. Trước mặt bọn phỉ đồ này thì còn nói gì tới nghĩa khí giang hồ. Theo sử sách thì hơn trăm châu huyện ở hai tỉnh Giang Chiết không nơi nào không có bang hội ăn mày thu tiền lệ phí⁽¹³⁾.

Chữ "manh" trong từ Lưu manh, theo ý nghĩa ban đầu mà xét thì quả thật còn có quan hệ với ăn mày. Khổng Diễn Đạt trong *Mao thi chính nghĩa* cho rằng "Manh là một tên gọi khác của chữ dân, nhưng về chữ viết thì khác... Manh (*diên + vong*) còn viết là manh. Manh là đáng về ngu ngơ". Lưu Cần thời Nguyên trong *Thi truyện thông thích* nêu ra rằng "Manh vi manh muội vô tri chi xưng" (Manh là từ chỉ những kẻ mù mờ không hiểu biết gì). Đoàn Ngọc Tài thời Thanh trong *Thuyết văn giải tự chú* cũng nói "Dân từ nơi khác tới thì gọi là manh, nên viết bằng chữ dân và chữ vong". Gần đây lại có người theo thuyết của Đoàn Ngọc Tài đề xuất rằng chữ Manh trong *Thi, Vệ phong, Manh* phù hợp

(12) Lục tự Kim Lão Phật, *Tam giáo cửu lưu giang hồ mật quy cũ*, Thượng Hải đại thông đồ thư xã, 1937, tr. 116 – 120. Vì sách này nay đã ít thấy, truyền thuyết hơi ít, và lại văn chương hơi non nớt nên chưa từng được dịch ra, nên chép lại để người đọc tham khảo.

(13) Nhóm Ngô Vũ, *Dân quốc hắc xã hội* (Xã hội đen thời Dân quốc), Giang Tô cổ tịch xuất bản xã, 1988, tr. 229

với câu "Dân từ nơi khác tới". Theo cách nói thông thường của người thời nay, thì Manh là "người nơi khác"⁽¹⁴⁾. Như thế hợp những điều ấy lại để giải thích thì lưu manh là chỉ những người ngu muội không biết gì, không lo làm ăn mà du dương khắp nơi, thậm chí làm điều bậy bạ. Đương nhiên đó chưa hoàn toàn đầy đủ nghĩa cổ của từ "Manh", nhưng ăn may là thuộc hạng người ấy.

Sự thật đã chứng minh, ăn may làm hại cho xã hội lớn nhất không gì bằng khi họ đã quy tụ thành nhóm hội, sa đọa thành tập đoàn xã hội đen. Nhà Nhân loại học người Mỹ, Giáo sư Phi lực phố K. Bát khắc cho rằng "Lúc các quần thể chính quy trong xã hội không thể thỏa mãn các yêu cầu mà xã hội liên tục đặt ra thì các quần thể tự phát đối lập với xã hội sẽ lập tức thể hiện tính chất quan trọng"⁽¹⁵⁾. "Chức năng của nhiều quần thể tự phát bao gồm việc cung cấp hành động tự biểu hiện cho thành viên của mình hoặc các cơ hội khác để biểu hiện chính mình"⁽¹⁶⁾. Ăn may thì khó có thể ngang nhiên hùng dũng bước vào các quần thể chính quy của xã hội, một cá thể ăn may cũng khó có thể đứng chân trong xã hội. Vì vậy số phận và địa vị xã hội của cộng đồng cũng khiến các thành viên phức tạp về mặt thành phần dưới đáy xã hội này kết hợp với nhau, tổ chức thành một loại nhóm hội đủ màu sắc mang trật tự nội bộ đặc biệt. Trong một quần thể mang tính chất tự phát gắn liền với cường quyền như thế, những thành viên của nó có thể tìm được chỗ dựa để sinh tồn và vị trí của mình.

(14) *Tân Hoa văn trích*, số 8 năm 1989, tr. 203, *Quốc phong "Manh" tự chỉ hương nhân, ngoại lai hán* (Chữ Manh trong Quốc phong chỉ dân quê, người nơi khác tới), nguyên văn trong *Nội Mông Cổ đại học học báo* (Triết xã bản) số 2 năm 1998, tác giả là Vương Chí Trung.

(15) (16) Phi gia phố K. Bát khắc, *Đa nguyên văn hóa dữ xã hội tiến bộ* (Văn hóa đa nguyên và tiến bộ xã hội), bản dịch của nhóm Từ Hưng An, Liễu Ninh nhân dân xuất bản xã, 1988, tr. 140.

Vào những năm 30 của thế kỷ này Thượng Hải là một nơi hội họp của ăn mày, các cuộc điều tra đã phát hiện bên dưới bề ngoài ăn mày ấy cũng có sự phân biệt. Chia theo quê quán thì có bang Sơn Đông, bang Giang Bắc, bang An Huy, trong mỗi bang đều có hệ thống. Mỗi bang đều có thủ lĩnh riêng tức ông trùm, là người khỏe mạnh hung dữ. Y nắm tất cả quyền lực trong nhà, phàm mọi việc đều phải được y ưng thuận mới được phép tiến hành, mỗi bang cũng giống như một thôn, ông trùm chính là trưởng thôn. Các thủ lĩnh Cái bang cũng như các chư hầu thời phong kiến, lãnh đạo ăn mày ở Thượng Hải lúc bấy giờ có tám vị bang chủ Lục, Chu, Chung, Vương và hai vị họ Thẩm, hai vị họ Vương, họ Lục đứng đầu, họ Triệu đứng thứ hai, gọi chung là Tám anh em. Tất cả ăn mày ở Thượng Hải theo quê quán chia làm các bang Phụng Dương, Hoài Dương, Sơn Đông, Giang Bắc và bản địa, tất cả có năm phái lớn. Mỗi bang bầu ra một lão đại là đại biểu toàn quyền của nhóm mình. Việc nảy sinh ông trùm của Cái bang là do các viên Địa bảo ở địa phương cử ra người có năng lực làm việc trong bọn côn đồ giữ chức, có thể cho con cháu nối ngôi. Bọn họ chia địa bàn Thượng Hải theo đông tây nam bắc làm bốn khu vực lớn, do Tám anh em cử hai người quản một khu. Lúc bình thời các ông trùm phụ trách việc duy trì, giữ gìn trật tự nội bộ, giải quyết việc xung đột, gặp những ngày lễ tết thì tới các cửa hiệu thu tiền, cũng chia một phần cho đám ăn mày dưới quyền. Mà ăn mày ngày thường xin được bao nhiêu cũng phải trích ra một phần nộp cho ông trùm, nhiều tầng nhiều lớp cống nộp lên trên. Nếu không tuân theo "gia pháp" của Cái bang, ví dụ tới hạch sách quá nhiều ở các cửa hiệu mà ông trùm đã nhận bảo kê, hay phản lại bang hội gia nhập đoàn thể khác, lẫn lại địa bàn làm ăn của người khác hoặc dâm loạn vãn vãn thì sẽ bị xử phạt theo tội. Việc xử phạt của họ chủ yếu là đánh đập, ví dụ Bó vắn thần (Trát hồn đồn), tức trói chặt tay chân một ngày không cho ăn uống, Ván trơn lưng (Bắn du bôi), là lấy thanh

ván rộng vài tấc đâm vào xương sống, Ván vào mặt (Bản nhập ngạch) là dùng ván rộng hơn một tấc đâm ngập vào thịt gò má, kể là đánh đến chết hoặc trục xuất ra khỏi Thượng Hải. Vì có một sức mạnh cường quyền quản lý và hệ thống tổ chức như thế nên nghe nói trùm ăn mày có thể trong vòng mười mấy phút triệu tập toàn bộ ăn mày dưới quyền. Phạm vi Thượng Hải rất rộng lớn, họ lại không phải quân đội, làm sao mà mau lẹ như vậy được. Chẳng qua theo đó có thể thấy được phần nào lực lượng tổ chức của Cái bang. Các đầu mục nhỏ trong Cái bang là Ông chú (Thúc gia) trực tiếp quản lý các loại ăn mày trong một địa bàn. Tuy Ông chú cũng là ăn mày nhưng y chỉ thu tiền hiếu kính của mọi người chứ không đích thân ăn xin. Các thủ lĩnh ăn mày để đứng vững trong nội bộ bang hội đều giúp đỡ những nhân vật có tài năng trong xã hội để làm chỗ dựa, tức là Nhận anh hai (Bái lão đầu tử). Lão đầu tử của ăn mày Thượng Hải còn lớn hơn những nhân vật cốt cán trong xã hội đen. Cũng là nói tổ chức ăn mày rớt lại câu kết với các loại tổ chức xã hội đen, lợi dụng lẫn nhau, từ đó khiến mình tự nhiên trở thành một hệ phái của xã hội đen. Đối nội thì thực hiện việc dùng cường quyền thống trị, đối ngoại thì làm điều bậy bạ, đó cũng là đặc điểm của cộng đồng lưu manh trong xã hội giang hồ⁽¹⁷⁾.

Rất nhiều sự thật trong và ngoài nước đã cho thấy hầu như các quần thể xã hội bí mật trong dân gian đều có một số quy củ và tiếng lóng nhất định, trở thành một trong những tiêu chí và nội dung cơ bản của việc lưu hành loại á văn hóa ấy, quần thể ăn mày cũng thế. Quyển *Khoa văn hóa truyền thông* của các học giả nước Mỹ hiện nay là Lạp lý - A. Tát mẫu ngôa, Lý tra đức E. Ba đặc và Lôi mẽ C. Giản ân hợp tác biên soạn cho rằng: trong á văn hóa mà mọi người

(17) Tài liệu chủ yếu theo Ngô Nguyên Thục, Tường Tư Nhất, *Thượng Hải thất bách cá khát cái đích xã hội điều tra* (Điều tra xã hội học về bảy trăm ăn mày ở Thượng Hải), bản thảo viết tay, 1933, quyển thượng

cho rằng do các hành vi kỳ lạ cấu thành, loại ngôn ngữ của văn hóa ấy rất dễ có khả năng phát triển thành một loại tiếng lóng (Argot). Những kẻ lang thang và ăn mày, theo phần lớn tiêu chuẩn mà nói tuy không phải là tội phạm, nhưng họ với văn hóa chủ lưu rất không ăn khớp, vì họ cũng có loại tiếng lóng này. Đối với chúng ta mà nói, then chốt là ở chỗ phải hiểu tiếng lóng là bị giới hạn trong một loại Á văn hóa cụ thể nhất định và bởi ngôn ngữ mà quần thể ấy sử dụng, các thành viên đều là ngoài dòng văn hóa chủ đạo. Hiểu được tiếng lóng là hiểu được Á văn hóa hoặc chỗ then chốt của quần thể văn hóa có liên quan, bởi vì "Tiếng lóng hoàn toàn không chỉ là một hình thức đặc biệt của ngôn ngữ, chúng phản ánh một phương thức sinh hoạt ... Chúng nói rõ tâm trạng có liên quan, là then chốt về việc đánh giá con người và xã hội, phương thức tư duy, tổ chức xã hội và năng lực kỹ thuật"⁽¹⁸⁾. Vì vậy tiếng lóng là một phương thức kết hợp hành vi và ngôn ngữ. Rất nhiều nhu cầu thực tế quan trọng của Á văn hóa được thỏa mãn qua việc sử dụng ký hiệu ngôn ngữ đặc thù. Chức năng này trước hết biểu hiện ở chỗ tiếng lóng giúp đỡ một cách thức tự vệ cho những kẻ chống lại văn hóa chủ lưu, thứ nữa là thông qua ký hiệu ngôn ngữ quen thuộc của cộng đồng mà bảo vệ được tính nhất trí và chặt chẽ trong quan hệ của nội bộ quần thể Á văn hóa, tức là giúp đỡ việc xây dựng một quần thể xã hội thực sự có khả năng sinh tồn. Mà một loại Á văn hóa hoặc Á quần thể nhất định, trong những hoàn cảnh cụ thể có thái độ nhất định với mọi người mọi việc, điều đó cũng phản ánh qua ngôn ngữ tiếng lóng của họ⁽¹⁹⁾.

(18) Đối duy W. Ma lạc, *Đầu cốt đồ đích ân ngữ*, trong *Mỹ quốc chính trị xã hội học niên giám*, số 269 năm 1950, tr. 119.

(19) Xem thêm *Khoa văn hóa truyền thống*, bản dịch, Tam Liên thư điểm, 1988, tr. 191 - 195

Các loại tiếng lóng của quần thể ăn mày trở thành một loại ngôn ngữ văn hóa phái sinh của xã hội đen trong giang hồ, tất nhiên cũng in đậm bản chất mối quan hệ giữa ăn mày với các loại người trên giang hồ. Ví dụ từ thời Minh Thanh trở đi, Xin cơm nói là Treo hơi lửa (Quải hán), Núi nát (Toái sơn), ăn mày bị bại liệt gọi là Trãi đường (Phi nhai), giả làm người bị nạn để xin là Tượng thoa (Chà tướng), Khỉ tắm (Mộc hầu), viết chữ kể lể cảnh khổ để xin xỏ là Đảng mài đường (Ma nhai đảng), dắt phụ nữ đi xin là Đảng Quan Âm (Quan Âm đảng), dùng thủ bản để xin là Lối xưa (Cổ tướng), đội khăn tang đi xin là Đảng có tang (Tang môn đảng), lay lục xin xỏ là Đảng khách sáo (Bãi sáo đảng), khóc lóc xin xỏ là Đảng kêu oan (Tố oan đảng), mượn cơ quỷ thần để xin xỏ là Đảng đồng tử (Đồng tử đảng), nuôi rắn làm trò để xin ăn là Dắt dây (Xả lư), nuôi khỉ làm trò để xin ăn là Dắt ông già (Nao lão tử) vân vân. Những cách nói này không chỉ lưu hành trong ăn mày mà còn là tiếng lóng thông dụng trong xã hội giang hồ, chỉ là nghề nghiệp đặc biệt của riêng ăn mày mà thôi. Trong đó còn có một số tiếng lóng đang được sử dụng, cũng có thể làm bằng chứng. Ví dụ xin tiền là Đóng tiền (Đinh ba), không biết tốt xấu là Cây nển nhỏ (Tiểu lạp đảng), người đẹp là Xét thấy trắng (Sát bạch), nhìn lên là Soi trộm (Tá chiếu tử), dùng đồ xấu giả làm đồ tốt để lừa đảo là Bán đầu người rừng (Mại dã nhân đầu), đem vợ cho người ta vui thú là Bàn đình (Đinh bàn), thiếu tiền mắc nợ là Rủi tới tay (Đáo thủ hung), mạo xưng là góa vợ hoặc góa chồng để xin ăn là Đánh lễ (Đả đơn tử), đóng vai người đi thăm thân thích không gặp là Bánh xe long (Thoát trục đầu), giả làm người chạy nạn là Tìm bạn (Tầm bạn tử), giả có bệnh là Giả thảm (Miêu hoàng), giả làm người căm là Vạch ngón tay (Hoạch chỉ), vân vân. Đến nay thì gọi việc chơi gái là Khoác áo ngoài (Quải mã tử), móc tiền túi là Phát ngân (Phát thuyên), móc túi áo trong của người ta là Lật ván (Phiên bản tử), móc túi áo ngoài của người ta là Mở cửa trời

(Khai thiên song), đứng một chỗ để xin tiền là Quỳ lạy (Quy điểm), khu vực hoạt động là Đầu núi (Sơn đầu), giặt tiền là Giặt công (Luống giặt), thủ tiêu tang vật là Bán khéo (Mại xảo), mua của ăn cắp là Ăn khéo (Ngật xảo), làm tiền là Ăn hai cái bánh màn thầu (Ngật nhị mạn), đường sắt là Hai thanh (Nhị điều), xe buýt là Một thanh (Đơn điều), bán máu gọi là Khều dây (Khiêu tuyến), một trăm đồng là Một chày (Nhất chữ tử), một ngàn đồng là Máng (Tào), một vạn đồng là Khảm (Khảm), vân vân.

Như thế rất nhiều, song song với việc bộc lộ kỹ thuật và bí mật trong việc làm ăn cũng như suy nghĩ của ăn mày, cũng chứng minh được bản thân quần thể này cũng là một quần thể vô lại lưu manh có hàng ngàn hàng vạn mối dây liên hệ với xã hội đen, về bản chất là như nhau, đều là một cái ung nhọt ác tính ký sinh trên cơ thể xã hội, một loại hệ thống văn hóa biến thái thuộc phạm trù á văn hóa.

Chương 7

Các hình thức kiếm sống của ăn mày xưa nay

** Loại nguyên thủy: xin ăn, ăn mày nhai gạch
ngói * Loại biểu diễn: thổi sáo, ca hát, gõ phách, hát
khúc Liên hoa lạc, đánh trống, diễn trò rần, chữa
bệnh bán thuốc, thuật mồm, khí công, xem bói xem
tướng, nuôi khỉ làm trò, quay chén * Loại lao dịch: gọi
đê phòng hỏa hoạn * Loại tàn tật: lấy chân cặp bút
viết chữ, phụ nữ mắc bệnh, hai người ăn mày mù ở
đất Tề đất Lương, giả điên, những kẻ có hình dáng kỳ
quái * Loại lưu manh vô lại: vái chào, viết thư kể lể,
giả thần, gửi chữ, khóc lóc xin xỏ, đưa thủ bản, mặc
đồ tang*

** Hai mươi lăm loại hành khất ở Thượng Hải
đầu thế kỷ XX*

Lịch sử xã hội loài người đúng là một bức tranh phong
tục lớn mà dài vô tận. Ở những mặt cắt lịch sử khác nhau,
những vị trí hoặc góc độ khác nhau tức những không gian
sinh hoạt khác nhau đều có vũ đài hoạt động của các loại
người. Trên vũ đài lúc nào cũng sôi động ấy hoặc che giấu
hoặc trần trụi đều bộc lộ hình thức sinh sống của những
người khác nhau về tầng lớp xã hội, nghề nghiệp, tuổi tác và

giới tính. Cho dù chìm lấp dưới bức tranh lịch sử phong tục thì ánh phản của hình thức ấy cũng đều khắc họa được ngôn ngữ cử chỉ và tư tưởng tâm lý của con người qua các hình thức kiếm sống ở mọi lúc mọi nơi.

Nhìn lại cách thức và kỹ thuật ăn xin của ăn mày xưa nay, rõ ràng nó bộc lộ các hình thức kiếm sống mang tính chất á văn hóa của nhóm người dưới đáy xã hội này, bất kể là có thật có giả, có khóc có cười, mà lại có thanh có sắc, thì đó cũng là những bi kịch của cuộc sống. Lột bỏ đi những lớp màn che giả tạo bên ngoài, thì phần lớn đều trở thành một màn hài kịch xấu xa khiến người ta dễ khóc dễ cười.

Ngay từ rất sớm, ăn mày đã lợi dụng các cách thức ăn xin, hình thành một loại kỹ thuật biến hóa không ngừng - nghệ thuật xin ăn giống nhiều khác ít xưa nay, một hình thức á văn hóa mang tính chất nối tiếp đặc biệt, tức tập tục và thói quen trong việc ăn xin. Tìm trong phần lớn các kỹ thuật và cách thức xin ăn của ăn mày ngày nay có thể thấy được nhiều dấu vết về quy chế hoặc lịch sử của dĩ vãng, điều này có thể khiến người ta kinh ngạc, nhưng đó là sự thật.

Theo báo chí thì New York được gọi là "đô thị hoàng kim" của thế giới có một "Học viện ăn mày" chuyên huấn luyện ăn mày. Học viện này đóng ở một khu vực hẻo lánh vắng vẻ ở New York. Người tới xin học thì mỗi người phải đưa ra 100 USD học phí, học xong sẽ được cấp giấy chứng nhận tốt nghiệp. Các học viên tốt nghiệp loại ưu trong thực tiễn làm việc có thể thu nhập được từ 2.000 tới 4.000 USD một tháng. Toàn bộ chương trình của học viện này dạy trong sáu ngày, đều học tập về ban đêm. Trong bốn ngày đầu thì học tập lý luận trong phòng học, hai ngày cuối là ra đường thực tập, tức học viên chia nhau đem những học vấn học được ra thi triển với người đi đường. Lúc ấy hiệu trưởng sẽ đích thân đứng bên cạnh quan sát tình hình thực tập của học viên, tìm ra những vấn đề và khuyết điểm, tiến hành phụ

đạo cụ thể thêm để mỗi học viên tốt nghiệp xong đều trở thành một người ăn mày hoàn toàn. Kỹ thuật thành công nhất trong đó không gì bằng việc giả làm một người cần tiền để mua thuốc chữa bệnh. Bởi cho dù là người lòng dạ sắt đá thì đối với việc ấy cũng nảy sinh lòng thương xót. Họ dùng là lợi dụng vào loại bản năng lương thiện ấy của mỗi người. Bí quyết của một người làm ăn mày thành công là mồm mép lanh lợi, phản ứng linh hoạt, nhẫn nại, mặt dày. Và lại đáng vẻ bề ngoài không thể quá đói khổ, tốt nhất là cải trang thành một nhân sĩ ở tầng lớp trên của xã hội, nhất thời bị rơi vào cảnh khốn khổ, cần được giúp đỡ ngay. Người sáng tạo ra "Học viện ăn mày" này là Áo mã bốn mươi tuổi, từng làm việc lâu năm trong một công xưởng sản xuất thuốc men. Còn về tôn chỉ của việc dạy học, Áo mã nói rằng "Đây là một loại sự nghiệp chung. Tôi là cứu giúp những người rơi vào cảnh khốn khổ, không còn cách nào để sống. Học sinh của tôi tuyệt nhiên không dính vào những việc làm vô đạo đức, họ không ăn trộm ăn cướp, chỉ là sau khi được người đi đường động lòng trắc ẩn thì nhận được một chút bố thí không đáng kể mà thôi"⁽¹⁾. Nhưng cho dù có thể không dạy trộm cắp cướp bóc mà dạy cách lừa gạt thiện tâm tốt đẹp của mọi người thì cũng khó có thể nói là "việc làm đạo đức"! Quả thật là một lối quanh co buồn cười. Hướng chỉ sau khi số "học sinh" ấy gia nhập vào đội ngũ ăn mày thì ai dám bảo đảm rằng họ không "ăn trộm ăn cướp", "tuyệt nhiên không dính vào những việc làm vô đạo đức"! Việc dối trá trong một điều kiện nhất định là một phạm trù "đạo đức" không thuộc sự chế định của pháp luật, nhưng trực tiếp dùng thủ đoạn dối trá để lấy tiền của người khác thì đã tạo ra hành vi phạm tội rồi.

Ở Trung Quốc đến nay vẫn chưa có tổ chức nào liên quan tới việc bồi dưỡng đào tạo ăn mày. Nhưng kỹ thuật ăn xin trong lịch sử rõ ràng đã trở thành một đường mòn á văn

(1) Theo *Kim vân báo* ngày 31. 1. 1988.

hóa kéo dài trong dân gian. Thông qua việc tìm tòi nguồn gốc của nó, có thể chỉ ra được những cách kiếm sống trong cuộc đời phức tạp của quần thể dưới đáy xã hội này.

Căn cứ vào kỹ thuật và cách thức ăn xin truyền thống của ăn mày xưa nay, khái quát để nói thì đại để có thể chia làm năm loại: 1. Loại nguyên thủy, 2. Loại biểu diễn, 3. Loại lao dịch, 4. Loại tàn tật, 5. Loại lưu manh vô lại.

1. Loại nguyên thủy

Cái gọi là "loại nguyên thủy" là chỉ loại ăn mày hành động theo bản năng nhất mà cũng là đúng phận nhất tức lấy việc khóc lóc, cầu xin làm cách thức xin ăn chủ yếu. Đây là loại cơ bản xưa nay thường gặp nhất. Loại này xưa nay đều có, chẳng qua từ khi ăn mày sa đọa biến chất trở thành một nhánh của xã hội đen đến nay thì nó không còn chiếm địa vị chủ đạo trong quần thể á văn hóa này. Nhưng trước đó thì nó là chủ thể cơ bản nhất.

Loại ăn mày này đại đa số là những người mắc nạn rơi xuống đáy xã hội, hoặc nhất thời sa sút không gượng dậy được, bị sinh kế bức bách phải làm việc này để kiếm sống qua ngày. Loại này phần lớn đều chất phác, yếu ớt, khả năng tự lập kém, cảnh ngộ ấy khiến người ta thương xót, thường được bố thí. Cho nên *Quản tử*, *Khinh trọng át thiên* viết "Dân sinh ra không cha không mẹ gọi là mồ côi, không vợ không con gọi là đàn ông đơn chiếc, không chồng không con gọi là đàn bà đơn chiếc. Ba loại người ấy đều phải được quan lại nuôi nấng, khiến trên đường không có kẻ xin ăn. Trên đường có kẻ xin ăn thì đó là tội của Tể tướng", cho rằng việc những người mồ côi đơn chiếc không có ai chăm sóc nuôi nấng là nguồn gốc của việc xuất hiện ăn mày, mà việc xuất hiện ăn mày là tội lỗi của kẻ làm quan. Loại ăn mày ấy đều không biết biểu diễn, làm thuê, càng không đến nỗi là lưu

manh vô lại, chỉ có thể nài nỉ xin xỏ để sống. Lý Thương Ẩn thời Đường trong *Nghĩa Sơn toàn*, *Bất nhân văn* có câu "Đêm vắng nghe tiếng ăn mày" tức chỉ vào loại nguyên thủy này, hoàn toàn không phải chỉ vào loại lưu manh đời sau.

Loại ăn mày nguyên thủy hoàn cảnh rất cực khổ, địa vị xã hội càng thấp, gặp người là lùn xuống ba phần. Vương Quân Ngọc thời Tống trong *Tạp toàn tục*, *Bất đắc nhân linh* nói "Khiến ăn mày nổi giận". Dựa vào việc người ta bố thí để sống mà còn muốn ra vẻ, muốn nổi giận thì đúng là vì "không được ai thương" (bất đắc nhân linh) mà không có cơm ăn, không sao sống được. Vì thế chỉ có thể hạ giọng nén giận, đón ý lấy lòng, chịu nhục để sống. Nếu không thì như Tô Thúc thời Tống trong *Tạp toàn nhị tục* nói "Ăn mày đánh người tốt", tức là ngu dại (không biết xấu tốt, không kể hậu quả) rồi. Đúng là Đứng dưới thêm người khác, Sao dám chẳng cúi đầu. Có khi vì hoàn cảnh bức bách lại nảy sinh hiện tượng có tâm lý tham ăn. Từ Huyền thời Tống trong *Kê thần lục* chép "Ở Quảng Lăng có một người đàn ông ăn mày ăn xin trong chợ, cứ thấy trên đường có phân ngựa là vô lấy mà ăn. Theo y nói thì trước đây đã từng chăn ngựa cho người ta nhưng không thể nửa đêm dậy cho ngựa ăn. Chủ nhân mỗi đêm thường đích thân tới đốc thúc, phát hiện trong tàu ngựa không có cỏ là trách mắng y. Vì thế y cho ngựa ăn ô mai, ngựa thấy chưa ăn không được nên chết đói. Về sau y bị mắc bệnh, cứ thấy phân ngựa là chảy nước bọt, ăn vào thì thấy có mùi vị như ô mai, hoàn toàn không thấy hôi thối". Xem đó đủ thấy hoàn cảnh của ăn mày.

Địa vị của loại ăn mày nguyên thủy này rất thấp kém, cũng không có gì đảm bảo sự an toàn cá nhân, không những chính mình không xin được gì để ăn mà còn bị người ta ăn tươi nuốt sống. Như ở Tuy Ninh thời Thanh có một người Lương sai tên Trương Tiểu Tam, tính nết ngang tàng hung dữ, thích ăn thịt người, từng sai người ra đồng nhặt trẻ sơ

sinh bị vút bỏ nấu hèm để ăn, hoặc trả nhiều tiền để mua của bọn ăn mày. Về sau lại ăn cả tối thịt cha mình. Cha y vốn làm nghề kéo xe, như dây tở của Tiểu Tam, hơi có chút nào trái ý là đánh đập chửi mắng. Một hôm Tiểu Tam ngồi trên xe do cha y kéo xuống làng thu thuế. Trên đường trở về cha y đói không còn sức lực, kéo xe rất chậm. Tiểu Tam quát tháo bảo kéo nhanh lên nhưng chưa kịp đáp thì cha y đã ngã vật ra bên đường. Tiểu Tam cả giận giơ gậy đập vào ngực đánh chết ông tại chỗ, kế vút xác cha lên xe, lấy chiếu đắp lên đấy về. Trên đường qua Nam Quan bị một người Tuần bố nghi ngờ bèn hỏi trên xe chở gì, Tiểu Tam thản nhiên đáp "Là heo rừng, định chở về nhà ăn". Người kia càng nghi ngờ bèn hỏi đùa "Cho xin một miếng được không?", Tiểu Tam cự tuyệt. Người Tuần bố giật tung tấm chiếu ra nhìn thì rõ ràng là một xác chết, lập tức bắt Tiểu Tam lên quan, vừa thẩm vấn một lần đã nhận tội, về sau bệnh chết trong ngục⁽²⁾. Từ thâm kích người ăn thịt người này có thể thấy Trương Tiểu Tam mất hết nhân tính, rơi vào tâm lý bệnh hoạn điên cuồng của đám ăn mày tham ăn, không những mua ăn mày để ăn mà ngay cả cha đẻ cũng không bỏ qua, thì số phận ăn mày rõ ràng đã trở thành thấp kém tới cùng cực.

Một biến thái tương tự khác còn có loại ăn gạch ngói. Thời Thanh từng có người chính mắt nhìn thấy một người ăn mày cầm hai mảnh ngói vỡ người khác đưa cho vào mồm, nhai cơm cộp như nước đá rồi nuốt⁽³⁾. Thời Minh còn có người trong thành Quảng Châu gặp một người ăn mày hơn hai mươi tuổi ăn gạch ngói và đồ sành sứ vỡ, bụng to như quả bầu. Những người hiếu sự trước tiên đưa y chút ít tiền, kế nhặt một viên đá hoặc mảnh ngói bảo y ăn. Người ăn mày ấy bỏ vào mồm, xem đáng nhai nuốt thì có vẻ ngon ngọt lắm, như ăn vật gì rất thơm ngon vậy. Nhưng nếu muốn y ăn đồ

(2) Thanh bị loại sao, Ngục tụng loại, Tuy Ninh thí phụ án, tr. 190.

(3) Chư Hồi Hương, Minh Trai tiểu thức, quyển 3, Tước ngôa cái.

sành sứ thì phải cho nhiều tiền hơn mới chịu, nhai xong trộn mất rướn cổ nuốt xuống một cách khó nhọc⁽⁴⁾. Trừ phi là có bệnh gì đó đặc biệt, chứ gạch ngói há phải là vật người ta ăn sao, nên số phận của loại ăn mày nguyên thủy thế nào thì có thể biết rồi. Chính vì loại ăn mày này thành thật, dễ bị lừa dối nên mới đến nỗi bị một bọn người phi nhân hiếp sự làm nhục như thế, họ cũng chỉ còn cách cam phận khổ cực để sống tạm bợ thêm một lúc trên đời.

Tương truyền thời Thanh có một người ăn mày họ Lý qua lại vùng Giang Hán suốt ba mươi năm mà lúc nào trông cũng vẫn như người năm mươi tuổi. Hành trang tùy thân của y cũng không có gì, chỉ có một cái bầu xin cơm, thường xin được thịt trâu, mỡ dê để ăn, còn bắt chuột cống ăn sống, ăn còn thừa thì bọc trong tấm áo rách, dù là mùa hè nóng nực cũng không thối rửa. Người ta hỏi chuyện y, y đều không đáp. Gặp giấy bút thì vớ lấy viết lằng nhằng gì đó, giống như vẽ bùa vậy. Có một vị Quận thừa phái sai nhân qua sông tới, cưỡng ép mời y tới công thự, y ở lại vài hôm rồi lập tức cáo từ. Khi y đi, Quận thừa tặng một đôi hài bằng vải mỏng. Không bao lâu hài rách, y lại là một người ăn mày trong gió tuyết⁽⁵⁾. Trong thực tế đời sống, loại ăn mày nguyên thủy phổ biến lại được Quận thừa đối đãi lễ phép thì còn ít hơn sao buổi sớm, quả thật rất hiếm hoi. Còn phần lớn thì chỉ có thể tuân theo số mệnh, vật lộn trong cảnh đói rét tối tăm rồi nhắm mắt lia đời.

2. Loại biểu diễn

Cái gọi là "Ăn mày thuộc loại biểu diễn" là chỉ loại ăn mày dựa vào một chút sở trường hoặc tài nghệ của bản thân

(4) Nhữ Tú, *Cô thường*, chính biên, quyển 7, *Việt cô thường*, *Tước thạch cái*.

(5) Thanh bị loại sao, *Khất cái loại*, *Lý cái tùy thân nhất biểu*, tr. 5479

làm vốn liếng, dùng đó để mời gọi mọi người hoặc khiến người ta vui vẻ bố thí. So với loại ăn mày nguyên thủy mà nói, thì họ cũng có "khả năng", hơi có "bản lĩnh giang hồ". Loại ăn mày thuộc loại hình biểu diễn này là một trong những sản phẩm của các đô thị kinh tế và văn hóa ngày càng phồn vinh từ thời Tống Nguyên đến nay. Nhưng tìm tới nguồn gốc thì phần lớn đều có thể phát hiện được những dấu vết hay hình thức sớm nhất trong lịch sử xã hội trước thời Đường hay từ thời Tần Hán.

Thời kỳ hình thành của loại ăn mày biểu diễn chính là thời kỳ mà bộ phận chủ yếu của quần thể ăn mày ở Trung Quốc chuyển hóa thành quần thể lưu manh trong xã hội. Vì thành phần, vị trí xã hội và cảnh ngộ của loại người lưu lạc giang hồ biểu diễn này đều rất phức tạp, trong đó đám ăn mày có máu mặt đã liên kết thành bang hội hoặc chính là các nhân vật nổi tiếng trong giới xã hội đen, cỏ lúa chen lẫn. Cho dù nhiều người lấy "loại nguyên thủy" làm phương thức xin ăn chủ yếu thì cũng có thể ăn trộm được là ăn trộm, lừa gạt được thì lừa gạt, quen Thuận tay dặt dề hoặc các lối bất chấp thủ đoạn khác.

Ăn mày thuộc loại biểu diễn dùng đủ cách để mời gọi hoặc khiến người ta chú ý mà bố thí, đủ trò kỳ lạ, nếu tập hợp tất cả lại một chỗ thì có thể gọi là một "Đoàn Nghệ thuật Giang hồ".

Thối tiêu xin ăn. Người nổi danh nhất là "Ngũ Viên thối sáo xin ăn trong chợ" ⁽⁶⁾ thời Xuân thu, Ngũ Tử Tư vì thế cũng được rất nhiều ăn mày tôn là ông tổ nghề nghiệp để cúng tế. Đến thời hiện đại vẫn còn có thể gặp những người ăn mày thối tiêu xin ăn, nhưng phần lớn là người mù. Họ đứng ở dọc đường hoặc trong chợ, thổi những khúc điệu ai oán thê lương để người ta bố thí. Đến hiện nay kèn acmonica

(6) Lý Thâm, *Độc dị chí*, quyển thượng.

của phương Tây du nhập, lại có những người thổi kèn acmonica ăn xin, phần lớn cũng là người mù. Tình hình này đều có thể nhìn thấy ở lục địa Trung Quốc và Hương Cảng. Từ Ngũ Tử Tư thổi tiêu tới những ăn mày thổi kèn acmonica hiện đại đã thể hiện sự biến chuyển và đổi mới trong phương thức ăn xin, việc lưu hành kèn acmonica khiến mọi người vui vẻ tiếp nhận, vì thế chiếc tiêu xưa cũ trong tay ăn mày chỉ còn cách nhường ngôi. Nhưng trong lịch sử lâu đời, "thổi tiêu đầu phố" vẫn là từ chỉ chung ăn mày.

Ca hát xin ăn. Trên giang hồ còn gọi là Bán xuân (Mại xuân), cũng là một cách xin ăn lâu đời thường thấy. Tương truyền từ rất sớm, đại khái trong khoảng từ thời Chiến quốc đến thời Tần có một người phụ nữ ca hát nổi tiếng tên Hàn Nga, từng ca hát xin ăn, đến nay vẫn còn để lại thành ngữ Vần vớt trên ruộng ba ngày chưa dứt (Nhiều lương tam nhật bất tuyệt). Chuyện này có chép rõ trong *Liệt tử*, *Thang vãn*: chuyện kể nàng Hàn Nga không có lương, qua ngang Ung Môn bèn ca hát xin ăn. Nàng đi ba ngày rồi mà dư âm vẫn còn, người ta còn cho rằng nàng chưa đi khỏi! Qua quán trọ ở một nơi nọ, bị người trong quán làm nhục nên nàng bật tiếng khóc lớn, khiến mọi người già trẻ chung quanh đều thương tâm rơi lệ, ba ngày không ăn uống gì. Rồi đó họ bèn truy vấn Hàn Nga, bảo nàng ca hát, mọi người lập tức vui vẻ nhảy múa theo lời ca, nhất thời quên cả lo buồn, vì vậy bèn hậu thưởng cho nàng. Theo chuyện kể thì sau đó phần lớn người Ung Môn đều giỏi ca hát, giỏi khóc lóc, đó đều là dư âm của Hàn Nga để lại⁽⁷⁾. Đủ thấy việc ca hát để

(7) *Liệt tử*, *Thang vãn* "Thời cổ Hàn Nga đi qua phía đông tới nước Tề, hết lương, qua ngang Ung Môn, ca hát xin ăn. Khi đi rồi dư âm còn vương vẩn trên ruộng ba ngày không dứt, chung quanh cho rằng nàng vẫn chưa đi. Tới đất Nghịch Lữ, người ở đó làm nhục, Hàn Nga vì thế dài tiếng khóc lóc, già trẻ cả làng buồn bã, nhìn nhau rơi lệ, ba ngày không ăn uống. Vội vàng đuổi theo mời, Nga quay lại, lại

xin ăn đã có từ lâu, không những ca hát trên đường mà còn vào quán trọ ca hát để xin tiền khách trọ.

Ca nữ đời sau lấy việc ca xướng để xin nhai, hoặc những nghệ nhân mù lòa có thiếu nữ đi kèm ca hát ở trà đình, tửu điểm hoặc quán trọ biểu diễn cho khách xem để kiếm sống, đều tôn Hàn Nga làm tổ. Thậm chí có người bán cả nhan sắc hoặc thể xác, số phận so với Hàn Nga còn thê thảm hơn nhiều. Trong đội ngũ ăn mày, những người ca hát đã sớm thành một loại riêng. Ca kỹ trong khu lầu xanh Ngõa Xá (Nhà ngói) ở Lâm An (nay là Hàng Châu) thời Nam Tống là một dạng ca hát xin ăn biến thái phát triển thành chuyên nghiệp. Ngô Tự Mục thời Tống trong *Mộng lương lục*, quyển 19 *Ngõa xá* chép "Ngõa xá có ý nói lúc tới như ngói ghép, lúc đi như ngói vỡ, dễ hợp dễ tan vậy, không biết bắt đầu có từ lúc nào. Trước đây là nơi sĩ thứ ở kinh sư lấy làm chỗ phóng túng buông thả, cũng là nơi đám con em say đắm phá tán gia tài. Từ Hàng Thành tới Thiệu Hưng thường nghỉ lại ở đó, quân sĩ của Dương Hòa vương phần lớn là người vùng Tây Bắc, nên trong ngoài thành đều lập ra nhà ngói, chiêu tập nhạc kỹ làm nơi cho quân sĩ giải trí. Nay các lang quân con nhà phú quý vì thế rong chơi, phá tán còn hơn cả vùng Biện Kinh. Nhà ngói ở Hàng Châu tính cả trong ngoài thành có mười bảy chỗ". Lại quyển 20 *Kỹ nhạc* cũng chép "Trong phố phường có kẻ đàn hát, năm ba người thành một toán, có một hai em gái nhỏ nhảy múa, hát tiểu khúc, chuyên biểu diễn trên đường. Đêm rằm tháng giêng thấp đèn lồng, vui chơi ở khu Tam Xuân Viên hoặc lúc chơi hồ ngắm cảnh, hoặc trong tửu điểm, hoặc thù ứng ở các kỹ viện chốn đường hoa ngõ liễu nhưng không được bao nhiêu tiền, gọi là Hát rong (Hoang cổ

ngân nga ca hát, già trẻ ca làng vui vẻ nhảy múa, không ai kìm được, quên hết nỗi buồn bã trước đó. Về sau tiền tặng nàng rất hậu. Cho nên người Ung Môn đến nay giỏi ca khéo khóc, là học theo âm thanh Hàn Nga để lại".

bản)" vân vân, đều thuộc loại ăn mày ca hát xin ăn. Chỉ có điều so với loại ca hát trên đường trong quán thì nội dung cách thức càng phức tạp về vờ, có khi làm cả việc bán thân xác.

Theo sử sách còn có người nhờ ca hát xin ăn mà phát tích thành giàu có cự vạn. Cuối thời Thanh có một người ăn mày quê ở Ngô Hội, sáu bảy tuổi mồ côi cha, mẹ làm nghề may vá kiếm sống lại không đủ ăn, không bao lâu phải đi làm ăn mày. May là y thông minh, liền dùng giọng hát êm ái của mình hát tiểu khúc để xin tiền. Về sau năm chồng thảng chất, dần dần khá lên, còn giàu gấp trăm lần các phú thương. Đến khi y khôn lớn thành người, lập tức nối theo nghề nghiệp của cha, mở một cửa hàng bán giày, đứng ra làm chủ⁽⁸⁾.

Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc vẫn còn thường gặp những người ca hát xin ăn. Họ đi khắp phố phường ca hát xin ăn, thậm chí có lúc còn được người ta gọi vào nhà giúp vui. Vì thế trong bọn họ cũng lưu hành một số tiếng lóng, có thể kể qua để xem xét. Ví dụ ca hát xin ăn gọi là Ngân nga (Xướng hưởng tử), chiêm nhỏ là Cái kêu (Hưởng tử), dùi đánh chiêm là Chày gõ kêu (Xao hưởng bản), quán trọ là Phố cao (Cao phố tử), chưởng quỹ là Chủ nhà (Phố đầu tử), xin ăn là Chờ ngoài hiên (Ai ngôa thiềm), các khúc hát là Mảnh (Phiến tử), làng xóm là Ổ chó (Cầu oa tử), nơi trú ngụ là Cửa hang (Quạt khẩu), nhà cửa của các bậc phú hào là Ổ chó cao (Cao cầu oa), vân vân. Từ nghĩa đen của các bộ phận cấu thành những tiếng lóng ấy, dễ dàng nhận ra được hoàn cảnh, thái độ xử thế và tình cảm của những người ăn mày.

Trên đường phố ở Bắc Kinh ngày trước lại có những người đàn ông đàn bà mù tay cầm gậy tre, mang theo nhạc khí vừa đi vừa đàn, lại còn đánh trống, đó cũng là ca hát xin

(8) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Ngô Hội cái*, tr. 5486 - 5487

ăn. Có nhà để giải trí hoặc có việc vui mừng cũng mời những nghệ nhân mù này tới nhà biểu diễn. Cứ hát một đoạn thì được hai ba hào hoặc bao cả ngày (hát bao lâu thì trả bấy nhiêu tiền), các khúc hát của họ kể lại những sự thật ở Bắc Kinh, như từ các khúc *Thăm thanh thủy hà*, *Thương tử Vương Hữu Toàn* đến các đoạn trong *Kim cổ kỳ quan* như *Đỗ Thập nương nộ trăm bách bảo sương*, *Kiều Thái thú loạn điểm Uyên ương phổ*, *Kim Ngọc Nô bổng dả bạc tình lang*. Còn có trống lớn Tây Hà, trống lớn nhạc đình, trống lớn Mai Hoa, hòa tấu ngũ âm, lúc biểu diễn có thanh có sắc. Xem đó đủ biết xuất phát từ mục đích kiếm sống, những người ăn mày biểu diễn có lúc cũng không giới hạn các ca khúc, còn biểu diễn cả các điệu múa lời ca có hình thức làm người ta vui vẻ⁽⁹⁾.

Dùng các nhạc cụ bộ gõ xin ăn. Tức trên tay đánh các loại phách gỗ thẻ tre, sừng trâu xương thú có thể vang thành tiếng làm nhịp, miệng ngâm đọc hoặc ca hát một số bài ca dao, từ khúc tương ứng để xin tiền. Dưới đây sẽ phân biệt khảo sát vài hình thức biểu diễn thường thấy.

Gõ phách tre xin ăn. Còn gọi là Gõ phách lắc cắc (Đả qua đáp bản nhi đích), là một cách xin ăn thường thấy trong thời hiện đại. Cách thức gõ phách tre xin ăn bắt đầu xuất phát lúc nào và ở đâu thì rất khó tìm hiểu. Nhưng có thể nhận thấy nó lưu hành ở vùng người Khách gia phía tây đất Mân (Phúc Kiến) đã khoảng hai trăm năm, phách tre dài mười tám phân tây, rộng trên dưới ba phân tây, dày khoảng nửa phân tây. Tất cả có bốn thanh, dùng dây xuyên qua từng cặp một, chia cầm ở hai tay, hai thanh ở tay phải nửa trên làm thành hình lược cửa. Lối gõ có một cặp, liên châu và kéo cửa, có khi một tay cầm hai thanh, một tay cầm nhiều mảnh

(9) Nhóm Vương Ẩn Cúc, *Cựu đô tam bách lục thập hàng*, Bắc Kinh Lữ du xuất bản xã, 1986, tr. 163 - 164

trúc nhỏ xếp thành hình như hàm răng lởm chởm, ngón tay để cạnh lưới cửa để khi cần thì điều khiển. Hình thức, cách gõ lưu hành ở các nơi đều khác nhau. Vừa gõ vừa thuyết minh ca hát, lời hát chủ yếu là lấy thơ bốn câu bảy chữ hoặc năm câu bảy chữ. Ở khu vực Khách gia thì chủ yếu là loại năm câu nên lại gọi đó là Phách năm câu (Ngũ cú bản) hay Phách gõ năm câu (Ngũ cú lạc bản). Vì đó là cách biểu diễn dùng để xin ăn nên lại gọi là Bài ca xin ăn (Khất thực ca), Bài ca khuyên bố thí (Cáo hóa ca), hay Điệu giang hồ (Giang hồ điệu), về sau phát triển chuyển thành một loại ca khúc trong dân gian nhưng thường được ăn mày sử dụng để ăn xin trên đường trong chợ để kiếm sống. Những ca khúc lưu hành ở một dải Hà Bắc, Sơn Đông như *Diêm Sơn trúc bản thư*, *Nhiệm Khâu trúc bản thư* vốn cũng đều là các cách thức mà những người ăn mày hát trên đường, xin ăn trên đường hay chúc mừng trong đám cưới, về sau dần dần biến thành một loại nghệ thuật dân gian.

Trong niên hiệu Đồng Trị, Quang Tự thời Thanh ở Bắc Kinh có nghệ nhân ca hát dân gian tên Chu Thiệu Văn lúc biểu diễn ở cầu Thiên Tân tại Bắc Kinh thường dùng phách tre làm hình thức diễn xướng. Hai cặp phách tre ông ta dùng, một cặp khắc "Nhật thực thiên gia phạn, Dạ túc cổ miếu đường" (Ngày ăn cơm ngàn nhà, Tối ngủ thêm miếu cổ), một cặp khắc "Bất tố phạm pháp sự, Na phạm kiến quân vương" (Không làm điều phạm pháp, Đâu sợ gặp quân vương). Đó là loại nghệ nhân diễn xướng lấy ba chữ Cùng bất phạ (Nghèo không sợ) làm nghệ danh, rõ ràng không khác gì những người ăn mày biểu diễn kiếm sống, xưa nay đều như thế.

Hát khúc Liên hoa lạc xin ăn. Ăn mày hát khúc Liên hoa lạc để xin ăn muộn nhất cũng đã xuất hiện từ thời Tống. *Liên hoa lạc* (Hoà sen rụng) vốn là "Liên hoa nhạc"

(Nhạc hoa sen), nhạc và lạc chuyển âm cho nhau. Bộ ngữ lục của nhà Phật là *Tục Truyền đăng lục*, quyển 23 *Du đạo bà* chép "Một hôm nghe người ăn mày hát khúc *Liên hoa nhạc* rằng "Bất nhân Liễu Nghị truyền thư tín, Hà nhân đắc đảo Động Đình hồ" (Nếu không Liễu Nghị đưa thư giúp, Làm sao về được Động Đình hồ), chợt đại ngộ". Lại như Thích Hiểu Oanh thời Tống trong sách *La Hồ dã lục* quyển 2 cũng chép "Ở Kim Lăng có bà vải họ Du..., một hôm nghe ăn mày hát khúc *Liên hoa nhạc* trong chợ..., chợt nghĩ ra, bất giác cười lớn", có thể làm một bằng chứng. Về sau nhiều người viết là *Liên hoa lạc*. Như *Cổ kim tạp kịch* có chép hồi đầu vở *Hợp hân sam* của Trương Quốc Tân thời Nguyên viết "Một tòa lầu cao chót vót thế này ắt là nhà của người tốt, không sao, mình cứ hát khúc *Liên hoa lạc*, xin ít cơm ăn là được". Lại như hồi đầu vở *Đông đường lão ấu phá gia tử đệ* của Tần Giản Phu viết "Người còn nhỏ không thể múa chùy, cứ học hát khúc *Liên hoa lạc* một thời gian đã". Lại như vở *Bố đại hòa thượng nhần tự ký* của Trịnh Đình Ngọc viết "Nhà cao thế này không phải của một nhà giàu sao? Mình cứ vào thăm họ tìm chút cơm nước... rồi hát khúc *Liên hoa lạc* Nhất niên xuân tận nhất niên xuân (Một năm xuân hết một năm xuân)". Đến nay phần lớn mọi người đều viết là *Liên hoa lạc*, có điều từ khi viết là *Liên hoa nhạc* thì từ này đã được dùng chỉ một cách kiếm sống của ăn mày rồi.

Vì ăn mày đi xin ăn khắp nơi, tính lưu động rất cao, nên khúc *Liên hoa lạc* được biểu diễn rộng rãi, càng dễ được người ta tiếp nhận thành một hình thức biểu diễn, vì lưu hành khắp nơi nên đến nay rất khó nói đầu tiên nó nảy sinh từ địa phương nào. Khúc *Diêu An Liên hoa lạc* lưu hành ở các huyện Diêu An, Đại Diêu, Cảnh An tỉnh Vân Nam tương truyền là do ăn mày ở Tứ Xuyên đưa vào trong niên hiệu Hàm Phong, Đồng Trị. Khúc *Giang Tây Liên hoa lạc* (còn có tên là *Giang Tây Đả hoa lạc*) lưu hành ở phần lớn vùng

Giang Tây, nghe nói là do ăn mỳ ở Giang Tô, Chiết Giang đưa tới. Khúc *Liên hoa náo* (tức *Liên hoa lạc*) lưu hành khắp các địa phương vùng Hồ Nam tương truyền cũng là ăn mỳ các tỉnh ngoài đưa vào. Ở Hồ Nam thì đặt lời hát để làm cách thức xin ăn và biểu diễn nghệ thuật, chia làm hai thể là nhạc khúc và thi tán. Thể nhạc khúc lưu hành ở một dải Hành Sơn, lúc biểu diễn thì nói kèm hát, đều có vần điệu, dùng phách tre gõ nhịp, hát thì có chữ đệm khúc đệm và nhạc khí diễn kèm. Thể thi tán lưu hành ở vùng Trường Sa, kết cấu và số chữ số câu cũng tương tự, dùng một người hoặc hai người đối đáp biểu diễn, dùng phách tre gõ nhịp diễn kèm, vì thế gọi là Phách mau Trường Sa (Trường Sa khoái bản). Khúc *Liên hoa náo* lưu hành ở một dải Kiếm Dương thì thuộc loại nhạc khúc, còn gọi là *Hưng long sa*.

Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Lý A Thất xướng Liên hoa lạc dĩ hành khất chép "Ăn mỳ mang hai chiếc phách tre bẻ ngang ba tấc, lấy dây xỏ qua từng cặp, nhịp ngón tay tạo ra âm thanh, hòa theo tiếng hát để nài nỉ và cầu chúc, cũng có khi diễn kịch về chuyện cũ, gọi là *Liên hoa lạc*, cũng gọi là *Liên hoa náo*, nhưng lời lẽ thô lậu không sao nghe được. Ở Tô Châu có Lý A Thất biểu diễn một mình. Mỗi khi vào chợ, hát ở cửa hiệu buôn, người ta không hề ghét bỏ, có khi còn gọi tới bảo hát, vì thế cũng được chu cấp chút ít". Có thể thấy hình thức nhạc khí đi kèm và tình hình sử dụng khúc *Liên hoa lạc* cơ bản là của ăn mỳ, nhưng không thể nói rõ là xuất phát từ nơi nào. Ở Bắc Kinh trước đây cũng có loại ăn mỳ này. Như Yến quy lai Di chủ nhân viết quyển *Yên thị phụ bản tòa ký* có chép "Hát khúc *Liên hoa lạc*, gõ phách lớn là loại ăn mỳ hạng nhất, có các từ như Cửa vàng, Cửa đỏ (Hoàng môn, Hồng môn). Quanh năm họ đứng trước cổng các hiệu buôn lớn ca hát, hát xong ắt phải cấp cho vài trăm đồng, nếu không thì đồng bọn đi theo xúm lại trước cửa, gõ phách ca hát huyền náo, có khi mười ngày nửa tháng vẫn

chưa chịu thôi. Lúc ấy thì dầu có cho mười đồng tám đồng cũng không chịu đi. Gần đây Cục Cảnh sát có lệnh cấm, loại tập tục ấy đã biến mất không còn dấu vết⁽¹⁰⁾. Đủ biết sau khi khúc *Liên hoa lạc* trở thành một loại khúc điệu dân gian ở các địa phương thì đến thời Dân quốc vẫn còn không ít kẻ lấy đó làm cách xin ăn, ở các đô thị lớn như Bắc Kinh cũng không phải ngoại lệ.

Nhặt ít không nhàn xin ăn. Cách ăn xin này muộn nhất là từ niên hiệu Khang Hy nhà Thanh (1662 - 1722) đã thấy trong các phố lớn hẻm nhỏ ở Bắc Kinh. Bức tranh số 24 trong bộ *Bắc Kinh dân gian sinh hoạt thái độ*⁽¹¹⁾ của các nghệ nhân thời Thanh vẽ, hiện được giữ trong Bắc Kinh Đồ thư quán, tức bức *Tiểu thập bát nhân khát cái đồ* có lời giới thiệu "Đây là tranh vẽ về ăn mày Nhặt ít không nhàn (Tiểu thập bát nhân) ở Trung Quốc. Người này xoa phấn lên mặt, lấy chậu đựng nước làm trống con, đập gõ ca hát để được chút tiền mà thôi". Cái gọi là Nhặt ít không nhàn thể hiện rõ lối nói tắt lạ lùng thú vị, để lưu động biểu diễn để xin bố thí. Lúc biểu diễn thì vừa gõ phách vừa thuyết xướng. Lý Thanh Chấn trong *Bách thi trúc chi từ* cho rằng *Thập bát nhân* là bài ca của phụ nữ Phương Dương, tuy ở một mức độ nhất định cũng có lý nhưng không biết căn cứ vào đâu. Sở dĩ nói có lý ở một mức độ nhất định là vì hình thức, cách thức biểu diễn có nét giống như lối đánh trống hoa của phụ nữ Phương Dương. Cuối thời Thanh lại có người nói *Thập bát nhân* là *Thái bình ca từ* cũng là ý đó. Về sau *Thập bát nhân* dần dần

(10) Theo Đài Loan Tân Hưng thư cục hữu hạn công ty, *Bút ký tiểu thuyết đại quan từng san*, 1981, chương 9, tập 8, tr. 5195. Có tham khảo thêm *Phụ bản tòa lục* trong *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí* của Hồ Phúc An, thiên hạ, *Kinh triều, Bắc Kinh du hiên lục*, Hà Bắc nhân dân xuất bản xã, 1986, tập hạ, tr. 23 - 24.

(11) Thư mục Văn hiến xuất bản xã, tháng 3 năm 1983 xuất bản đối là *Bắc Kinh dân gian phong tục bách đồ*, các ví dụ dưới cũng theo bản này.

dan xen vào *Liên hoa lạc*, gọi là *Phấn ban Liên hoa lạc* (Liên hoa lạc đánh phấn). Loại *Phấn ban Liên hoa lạc* này tức *Tiểu thập bát nhân* trong bộ *Bắc Kinh dân gian sinh hoạt thái độ*.

Lại bài 14 trong *Thẩm Dương bách vịnh* của Liêu Nhuận Phát thời Thanh viết "Đăng nguyệt giao huy chiếu bát quan, Bàn long kỹ thực đấu long nhân, La cổ xao canh ngư xa tẩu, Thú não thêm lai thập bát nhân" (Trăng đuốc lung linh tám cửa quan, Múa rồng tài khéo tiếng dân gian, Chiêng trống rền đêm trâu ngựa chạy, Âm i còn thêm Nhật chảnh nhân). Ở cuối có lời án viết "Xét phong tục sau tết Nguyên tiêu, dân bản xứ đua nhau làm đèn rồng múa sư tử vui chơi để đón xuân. Múa đẹp ca hay, nhất thời rất thịnh hành. Lại có bọn Nhật ít không nhân, thì là loại cuối". Mọi người đem đám Nhật ít không nhân gọi là Trò chơi làm đèn rồng múa sư tử tức loại âm nhạc, nghệ thuật "quê kệch" bậc dưới, dù thấy lúc ấy thịnh hành việc đám ăn mỳ cũng theo lệ "gây ồn ào mà tới". Gọi là *Đã thập bát nhân* là chỉ tài nghệ quê kệch và trò vui tầm thường của bọn ăn mỳ.

Đánh trống xin ăn. Thanh bị loại sao, *Khất cái loại*, *Thượng Hải hữu Hồ Bắc* chỉ cái chép "Đất Hồ có đám ăn mỳ ở Hồ Bắc, đều là đàn bà trẻ con, không có đàn ông khỏe mạnh. Cứ họp bọn ba năm ba người đi rong trong chợ, tay cầm nhạc khí như chiêng trống, vòng xóc xách (Cửu liên hoàn), lưng đeo bao đựng đao kiếm và các vật linh tinh. Một người miêng hát tiểu khúc vùng Giang Hoài, như *Thập bát mô*, *Thập bát tửu*, *Thập bát lang*, tay tung hứng đao, một người đánh trống khua chiêng làm nhịp. Họ bắt đầu tới trong đời Quang Tự, Tuyên Thống, đến năm Tân hội niên hiệu Tuyên Thống (1911 - tức năm Cách mạng Tân hội ở Trung Quốc lật đổ ách thống trị của triều Mãn Thanh, thành lập nước Trung Hoa Dân quốc) càng đông. Ba lượt trống cũng là phương tiện xin ăn. Cách biểu diễn thì dùng ba người, một người bày trống ra đánh. Trống có giá bằng tre, cơ động, có

thế tháo lách được. Một người đeo trống con, một người hát, đánh chiêng theo nhịp để họa. Lời lẽ bài hát phần nhiều quê kệch, những người ấy ăn nói cũng lớ mớng". Đó là nói ăn mày Hồ Bắc biểu diễn ba hồi trống (tức trong nguyên văn nói là ba lượt trống) để xin ăn. Điển Nghi Hành thời Minh trong *Lưu thanh nhật trát* viết "Phụ nữ vùng Ngô Việt đánh ba tiếng trống, gọi là ba hồi trống. Dân ông ở Phụng Dương vùng Giang Bắc càng giỏi, tức Tam trường có thời Đường". Lối biểu diễn theo nghệ thuật này là lúc biểu diễn luân phiên ném ba chuỗi tiền đồng làm dùi đánh trống. Vừa đánh vừa hát mà nổi tiếng, lưu hành ở một đai Hồ Bắc, Hồ Nam, nghe nói có nguồn gốc từ lối Trống hoa Phụng Dương. Thuyết ấy cũng có lý ở một mức độ nhất định, trong lịch sử xưa nay Phụng Dương là nơi gặp thiên tai dịch họa không ngớt, nghèo nàn lạc hậu nổi tiếng nhất, thường có người làm ăn mày đi ăn xin ở khắp nơi. *Thanh bị loại sao, Khát cái loại, Phụng Dương nhân khát thực chi do* nói "Vùng Giang Chiết gần đất Tương, mỗi khi đến mùa đông thì có lưu dân ở Phụng Dương đi xin ăn trong chợ, hàng năm đều như thế. Hỏi tới lý do đi ăn xin thì vì Minh Thái tổ nghi Hào Châu (tức phủ Phụng Dương - nguyên chú) là đất phát tích, sau loạn người ít đất hoang bèn dời mười bốn vạn dân ở Giang Nam lên đó sinh sống, ai trốn về thì bị tội nặng. Người giàu muốn về quê viếng mộ không có cách nào, dân ông dân bà bèn giả dạng làm ăn mày, ngấm trơ về cúng tế, mùa đông đi, mùa xuân trở về... bèn lấy việc xin ăn trên giang hồ làm nghề nghiệp". Đó lý do vào chính sách của hoàng đế Chu Nguyên Chương có thời từng làm ăn mày đường như cũng có lý nhưng không khỏi có màu sắc truyền kỳ, mà vùng ấy hàng năm vẫn sản sinh ra ăn mày, lý do chủ yếu còn là dân nghèo khốn cùng không thể sống được. đương nhiên nói thế cũng không phải hoàn toàn phủ nhận quan niệm, tập tục truyền thống lâu đời và hoàn cảnh địa lý văn hóa ấy. Thật ra bản thân truyền thuyết kể trên đã phản ánh một loại quan niệm

giá trị biến dạng, dường như đã không coi ăn mỳ là giặc.

Lại như loại Trống thuyền rồng (Long thuyền cổ) tức Trống thuyền rồng Thụy Xương (Thụy Xương long cổ) lưu hành ở Thụy Xương, Cửu Giang, Vũ Ninh vùng Giang Tây, vốn là hình thức ca hát biểu diễn trong dịp đua thuyền rồng mang tính chất giải trí ở khu vực Hồ Tân ngày Đoan dương, đánh trống khua chiêng diễn xướng, trong niên hiệu Càn Long thời Thanh càng đặc biệt lưu hành rộng rãi. Nhưng giống số phận của Trống hoa Phượng Dương, về sau nó cũng dần dần biến thành một cách ăn xin của ăn mỳ. Lại như bức tranh thứ 13 *Tam bóng cổ đồ* trong bộ *Bắc Kinh dân gian sinh hoạt thái độ* vẽ cảnh lưu dân ở nơi khác tới Bắc Kinh đánh ba lượt trống xin ăn. Lời giới thiệu viết "Đây là bức tranh vẽ Ba lượt trống ở Trung Quốc. Người này từ tỉnh Thiểm Tây tới kinh, tay cầm ba chiếc dùi gỗ, dưới là một chiếc trống con, đánh dùi vào trống, vừa đánh vừa diễn xướng, xin tiền để làm lộ phí, không phải là người giang hồ trình diễn tài nghệ"⁽¹²⁾. Chuyện này còn cho thấy vì ăn mỳ lấy ba lượt trống làm cách ăn xin lưu lạc khắp nơi nên cũng khiến một hình thức nghệ thuật dân gian được truyền bá rộng rãi, hoặc đan xen, dung hợp với các hình thức diễn xướng dân gian ở nhiều địa phương.

Có người đánh các loại trống da trâu trình diễn ăn xin thì không phải là nghệ thuật dân gian chính thống, chỉ có tính nhất thời, tính tùy nghi. Chẳng qua trong các loại "nghệ thuật của ăn mỳ" thì theo đó đánh lên có âm hưởng, vì đã trở thành quen thuộc trong dân gian nên cũng trở thành tiêu chí tùy thân, chiêu bài xin ăn của ăn mỳ, cũng là một đặc điểm trong phù hiệu của kẻ xin ăn. Loại đặc điểm phù hiệu này khiến mọi người nhận ra được thân phận của

(12) Theo Thư mục Văn hiến xuất bản xã, *Bắc Kinh dân gian phong tục bách đồ*.

họ, mà còn là cách thức ăn xin. Chính trên cơ sở tính chất ấy nên người ta không ngừng đem đổi mới. Theo báo chí, buổi sáng mừng một Tết năm nọ ở Hương Cảng có một vị khách lên trà lâu sớm, phát hiện đã có khách khứa đầy bàn, không sao chen vào được. Chợt thấy ngoài đường lớn có một ông già tập tễnh thổi kèn acmonica, dùng loa điện để khuếch âm, cũng ngồi vào bàn uống trà năm mới, bên cạnh còn có ba đứa trẻ hai trai một gái trên dưới mười tuổi giúp vui, trên bàn bày đầy chén đĩa, ăn uống rất ngon lành! Té ra đó là loại ăn mày điện tử (Điện tử khát cái) tiếng tăm vang dội. Ngoài đường trong xóm, người ta nhìn thấy là nhận ra ngay. Lúc ấy lão ăn mày già bước ra nhường chỗ cho vị khách kia. Trò chuyện một lúc mới biết ba đứa nhỏ đang cầm cúi ăn uống chính là vì đầu xuân "làm ăn" khá giả, lão ta đưa ra ba mươi đồng thuê chúng làm người giúp việc để tiến hành việc ăn mày điện tử! Nguyên là gần đây lão ta có chiêu số mới, phát minh ra việc dùng bảy cái thùng lớn nhỏ khác nhau, lúc đi xin thì thay phiên vỗ đi vỗ lại, phát ra âm thanh cao thấp khác nhau mừng tụng như tiếng trống của các bộ lạc da đen trong rừng ở châu Phi. Người trên đường quả nhiên bị quái chiêu này thu hút, nhao nhao xúm lại bố thí một đồng hoặc năm hào. Thu nhập càng thêm khả quan, vì vậy cũng thuê được người giúp việc. "Bọn chúng từ ngày mừng một đến ngày mừng bảy thì theo tôi tới dưới cầu Thiên Tân hành khất. Tôi hứa nếu làm ăn có tiền sẽ thưởng thêm cho chúng!". Lão ăn mày già nói tới đoạn ấy thì lại nghiêm nhiên giống hệt một nhà buôn vậy⁽¹³⁾. Đó rõ ràng là vắt óc suy nghĩ ra cách thức mới trong việc đánh trống xin ăn, một phen đổi mới như thế lập tức thu hút được thêm những khoản bố thí

(13) Theo tạp chí *Hoàng kim thời đại* Quảng Châu, số 9 năm 1983, nguyên văn nhan đề là *Điện tử khát cái đích "quái chiêu"* (Quái chiêu của ăn mày điện tử).

ngoại ngạch, còn thuê được người giúp việc để đi xin.

Diễn trò răn xin ăn. Việc diễn trò răn bắt đầu trong dân gian từ lúc nào thì rất khó khảo xét, có điều việc diễn trò răn để xin ăn thì *Kê thần lục* của Từ Huyền thời Tống đã có chép. Sách ấy chép rằng "Có người ăn mày họ Mao, người An Lục, giỏi nuốt răn độc, từng tới Tế Lỗ, lại qua Dự Chương, đều diễn trò răn ở chợ để xin ăn kiếm sống hơn mười năm. Có một người bán rơm cỏ từ Phiên Dương tới, đêm ngủ dưới chân núi Hoàng Bội mơ thấy một ông già nói "Cho ta gửi một con răn, cứ đưa cho người ăn mày họ Mao làm nghề diễn trò răn ở Giang Tây". Sau đó y tới Dự Chương, bán hết rơm cỏ rồi thì phát hiện trong khoang thuyền có một con răn màu trắng xanh, đựng vào vắn nằm bất động. Lúc ấy y nhớ lại lời ông già trong giấc mộng, chiều tối bèn mang răn vào chợ hỏi thăm được người ăn mày diễn trò răn họ Mao, đưa cho y. Người ăn mày họ Mao đang định bắt chợt bị con răn mổ trúng ngón tay, lập tức kêu thất thanh ngã lăn ra, chết ngay lập tức. Không bao lâu xác y rửa ra, con răn cũng không biết bỏ đi đâu mất. Đây là một câu chuyện truyền kỳ cũ, chưa chắc đã đáng tin nhưng cho thấy muộn nhất là vào thời Tống đã xuất hiện việc diễn trò răn để xin ăn.

Lưu Nguyên Khanh thời Minh trong *Hiển vi thiên* chép "Ở Ngô Trung có một ông già, lúc đầu trong nhà rất nghèo khổ, làm nghề diễn trò răn để sống, con trai lớn đi xin cơm, con thứ đi câu nhái, con út hát khúc *Thái liên ca* (Xét: tức hát khúc *Liên hoa lạc*), cả nhà làm ăn mày. Về sau dần dần khá giả, một hôm ông ta gọi mấy đứa con tới nói "Trước đây trong nhà nghèo túng, không dễ phát đạt, bây giờ sống khá hơn rồi thì nên đổi nghề học tập văn chương, như thế mới có thể khiến cho cả nhà có chút tiếng tăm". Lúc ấy bèn mở lớp học trong nhà, mời thầy tới dạy, đốc thúc dạy dỗ ba con học hành. Khoảng được nửa năm, nghe tiên sinh thỉnh thoảng khen ngợi ba đứa con học tập tiến bộ, ông ta bèn mở

tiệc mời danh nho tới khảo thí một lần. Vị danh nho trước tiên ra câu đối thử tài Lão tam, đọc rằng "Phân phân liễu như phi" (Phất phơ tơ liễu bay). Lão tam ứng thanh đối "Lý lý Liên hoa lạc" (Lãng lú Hoa sen rụng). Lại ra câu đối cho Lão nhị "Hong hạnh chi đầu phi phấn điệp" (Bướm bướm tung tăng cánh hạnh đỏ), y đối rằng "Lục dương thụ hạ điều thanh oa" (Châu chàng ộp oạp gốc dương xanh). Sau cùng bắt Lão đại đối câu "Cửu trùng điện thượng, bài lương ban văn vũ quan viên" (Trên điện chín trùng, bày hai hàng văn võ quan viên), y đối rằng "Thập tự nhai đầu, khiếu kỳ thanh y thực phụ mẫu" (Ngoài ngã tư đường, kêu mấy tiếng mẹ cha cơm áo). Ông già nghe câu đối của ba đứa con thấy rất kỳ quái, câu nào cũng nói tới khuôn phép của ngày mình còn diễn trò răn để xin ăn!".

Trên đây là ví dụ về việc diễn trò răn xin ăn thời Tống Minh, dưới đây thử xem thêm một ví dụ thời Thanh.

Chuyện kể năm Càn Long thứ 4 (1739), Phùng Mỗ cùng bạn đi du lãm ở Tây Hồ Hàng Châu, tới trước chùa Tinh Từ gặp một người ăn mày đen đủi to béo râu quai nón, vai vác bao vải, phía sau còn có mười mấy người ăn mày cầm sọt tre, không biết định đi đâu. Hỏi thì họ đáp là tới núi Nam Bình bắt rắn. Họ Phùng lúc ấy trẻ tuổi hiếu kỳ cũng đi theo. Vào tới một chỗ núi sâu phía tây chùa, có một cái hang miệng rộng hơn thước, bốn phía trơn láng như thường có con vật ra vào. Người ăn mày kia nhón chân bước tới trước hang, niệm thần chú quát tháo, há miệng phun nước bọt vào hang, chỉ nghe bên trong vang ra tiếng huỳnh huych. Lúc ấy những người ăn mày còn lại đều chia ra đứng hai bên, cùng rút trong túi ra một chiếc lá cỏ cho vào miệng nhai nát. Không bao lâu trong hang có rất nhiều rắn ngoằn ngoèo bò ra như nước thủy triều dâng lên, đầu tiên là rắn đen, rắn xanh, rắn khoang, sau cùng là các loại xích luyến, bức xà. Hình dáng thì có con giống cua, có con giống cá chép, con thì giống chiếc

hải, con thì đầu cộp thân rắn, con thì đầu nhọn mà thân to, dài không quá vài tấc, con thì nhỏ như đòn cân, con thì ngắn như chiếc gậy, con thì đỏ như chu sa, cũng có con xanh như chàm, xanh thẫm như đồng xanh, con trắng như phấn, còn có con nửa đen nửa trắng, khiến người ta ngạc nhiên sợ hãi. Đám ăn mây đều nhai nát lá cỏ lấy nước xoa vào tay, đem phần bã nút lỗ mũi, kể đó người nào cũng rút một ống tre chứa rắn mang trong người ra để trước mặt. Trong chớp mắt chợt nghe trong hang vang ra từng tràng tiếng sấm sập như gió mưa, người ăn mây đứng đầu nhìn mọi người nói "Xà vương ra rồi, mau tản ra!". Nói xong cũng rút trong túi ra một chiếc lá cỏ cho vào miệng nhai, đồng thời giơ cao hai cánh tay, một mình đứng chờ trước cửa hang. Kể đó tiếng gió trong洞 rít lên càng gấp, chỉ thấy một con mãng xà to bằng thân người, đầu vàng thân xanh, trên đầu mọc một cái mồng thịt ngắn theo tiếng gió phồng ra, cuốn chặt lấy người ăn mây kia, ngẩng đầu phun phì phì, tiếng nghe vang rền. Chỉ thấy người ăn mây kia không hề hoảng sợ, nhắm mắt liên tiếp phun nước cỏ trong miệng ra chống lại, con mãng xà lập tức rũ đầu xuống, nhưng vòng cuốn càng lúc càng xiết chặt. Những người ăn mây khác lại đưa lá cỏ tới, người ăn mây kia vừa nhai cỏ vừa đưa tay bắt quyết, con mãng xà lớn lại cong người phun phì phì, y lại phun nước cỏ ra chống, con rắn liền lập tức rũ đầu xuống lần thứ hai. Như thế ba lần, con mãng xà chỉ trì không được, nới lỏng vòng cuốn đang xiết người ăn mây, bò trở lại vào hang.

Lúc người ăn mây kia đấu với Xà vương, những người khác thừa cơ bắt hết đám rắn. Mọi người cao cao hứng hứng trở về trước chùa, mặt người ăn mây đứng đầu dẫn dân sùng vũ lên, không bao lâu thì tất cả tai mắt miệng mũi đều bằng nhau, vội gọi tất cả bọn ăn mây nhất tề nhai lá cỏ phun vào, phun tới đâu những chỗ sùng xệp tới đó. Có người hỏi tại sao bỏ Xà vương không bắt, y đáp "Đó là Xà vương, tôi muốn giết

nó thì phải triệu tập Xà vương bốn núi mà chúng tôi cũng sẽ gặp tai họa. Hôm qua trước khi tới tôi đã niệm thần chú hợp rắn nên hôm nay rắn ở Nam Sơn đã tụ hợp cả ở đó. Sau lần bắt này trong vòng bốn năm dặm sẽ không còn bị rắn làm hại trong năm năm. Nhưng tôi cũng phải tránh không được tới đất này trong mấy năm, vì sợ Xà vương trả thù".

Ở bậc đá bên phải của đình dựng bia Hiếu Chung ở Nam Bình nếu có ai ngồi lên một lần thì ắt toàn thân sưng đỏ lên, thối rữa cả xương. Mọi người mời người ăn mỳ kia tới xem, y vừa xem liền nói "Dưới này có con rắn độc bị nhốt trong đá không ra được, chỉ có thể phun khí qua khe hở, lúc ấy ai ngồi lên sẽ bị trúng độc". Nhấc một đầu tảng đá lên xem, quả nhiên giữa hai tảng đá có một con rắn, lại bẫy đầu kia lên thấy con rắn to như con cá đuối, bị đá đè nên có hình thù như thế. Người ăn mỳ nói "Đây là Bức xà (Rắn dơi), vì không ra được nên ở đây, nó không ra khỏi hang chứ không thì đã sớm bị chúng tôi bắt rồi". Lập tức bắt bỏ vào sọt. Người ra hỏi bắt để làm gì, y nói là để bán cho hiệu thuốc, các loại rắn đều có giá trị làm thuốc khác nhau, mà rắn càng độc thì làm thuốc càng tốt, giá tiền cũng cao, nên mới làm việc mạo hiểm này. Dân trước chùa đều cảm kích ơn bắt rắn của y, góp tiền mua rượu khoản đãi, đám ăn mỳ vui cười ăn uống thỏa thích, còn lấy lá cỏ trong túi ra tặng chủ nhân, nói "Loại cỏ này có thể giải độc, bất kể là bị rắn cắn hay ong đốt, bị nhọt độc hay bị sưng, cứ nhai ra đắp vào là lập tức khỏi ngay, không nên coi thường lạm dụng", kể đó cùng mang rắn bỏ đi.

Đây là một loại ăn mỳ khác với loại ăn mỳ diễn trò rắn kiếm bán rắn làm thuốc để sinh nhai, thực chất là thuộc loại lao dịch bắt rắn mưu sinh. Trong ngôn ngữ giang hồ thời Minh Thanh, ăn mỳ bắt rắn và ăn mỳ diễn trò rắn cũng có sự phân biệt. Trên giang hồ gọi ăn mỳ bắt rắn là Trị rồng đất (Khắc địa long), rắn là Rồng đất (Địa long), sọt là Sọt

dầu dầy (Tuyển dầu lam), lá cỏ là Dầu dầy (Tuyển dầu), ống điều hút thuốc là Một tặc (Áp thốn dầu), bắt rắn là Trói buộc (Chuyên đới), mở mả là Đóng bùn cao (Cao nề đôn), đâm lầy là Ngồi lộn (Đại cầu), rắn độc là Hàng cay (Tân hóa), hang rắn là Chồ hơ (Lậu từ), ổ rắn là Trại rồng (Long trang), lấy mật rắn là Lấy của bầu (Thủ bảo), vân vân. Mà ăn mỳ diễn trò rắn để xin ăn thì gọi diễn trò rắn là Kéo dây (Chỉ lưu), rắn là Dây (Lưu dầu), rắn mua được là Đầu (Đương đầu), rắn mình bắt được là Đầu vốn (Bản đương đầu), diễn trò rắn xin ăn là Dâng hưng vương (Hiển khánh long), túi đựng rắn là Túi càn khôn (Càn khôn đại), rắn diễn trò chết là Dây toi (Đảo lưu), rắn sống là Dây chạy (Lưu tẩu), ăn thịt rắn là Nướng cá đất (Đốn địa man), tới xin các hàng quán là Chờ bình minh (Ai triều dương), xin khách qua đường là Chờ bạc cửa (Ai môn hạm), vân vân. Hiển nhiên đó đều là dựa vào việc diễn trò rắn mà tạo ra tiếng lóng tương ứng, đương nhiên đều có đặc điểm riêng, nhưng bản chất thì đều là loại ăn mỳ lấy việc bắt rắn làm sinh kế.

Chữa bệnh bán thuốc xin ăn. Y dược học truyền thống của Trung Quốc có nguồn gốc lâu đời, lại quan niệm con người là một chỉnh thể thống nhất để theo chứng mà trị, kết hợp phòng bệnh và chữa bệnh. Hiện nay có thể thấy trong lời bói từ thời Thương, về những chứng bệnh hiện có đã ghi được trên năm trăm điều. Thời Tây Chu, việc chữa bệnh thuộc chức phận của Thiên quan Trùng tể, đã xuất hiện các cách chữa chứng trúng thực, chữa bệnh tật (tức nội khoa), chữa vết thương (tức ngoại khoa), thú y, có ý coi việc chữa bệnh. Sau đó việc chữa bệnh trong dân gian dấy lên, theo *Sử ký, Biển Thuộc Thương công liệt truyện* chép, thì "Tân Việt người thời Xuân thu tinh thông cả nội khoa, ngoại khoa, lại giỏi cả phụ khoa, nhi khoa, khoa tai mũi họng, đều tùy thời mà biến đổi". Theo truyền thuyết thì Trung y bắt nguồn từ dân gian vì các đời đều có thầy thuốc lưu lạc giang hồ, lấy

việc chữa bệnh bán thuốc để mưu sinh. Vả lại học vấn của Trung y có tập quán cha truyền con nối, một số làm nghề khác cũng có thể có duyên biết thêm cả kỹ thuật y được hoặc hiểu rõ các tri thức có liên quan. Ngày trước nhân viên theo làm việc ở các cửa hiệu bán thuốc cho dù không phải là thầy thuốc chữa bệnh cũng hiểu biết rộng về y dược, có thể chẩn đoán nhiều bệnh, bốc thuốc chữa trị. Đó là vì trong văn hóa dân tộc của chúng ta tồn tại loại truyền thống văn hóa y dược ấy nên trong đám ăn mày xuất hiện một loại lấy việc bốc thuốc chữa bệnh để xin ăn, cũng không có gì lạ. Không cần nói tới những nhân viên làm trong các cửa hiệu bán thuốc hay các nhà làm nghề hái thuốc, trồng thuốc, chế thuốc, cho dù một số nhà sĩ hoạn và những người theo nghề nghiệp khác, một sớm sa sút, gặp lúc hoạn nạn khốn cùng cũng lấy nghề này làm chén cơm, tìm vài đồng chi dùng, vì thế tay trắng đi đường gõ cửa xin ăn cũng thuận tiện và có thể diện hơn.

Theo *Hậu Hán thư*, *Phương kỹ truyện* chép thì có Quách Ngọc người đất Lạc vùng Quảng Hán, cha thường câu cá ở sông Bồi Thủy nên có hiệu là Bồi Ông, lúc ẩn cư trong dân gian xin ăn, gặp ai có bệnh thì lập tức dùng kim châm cứu chữa cho, về sau có trước tác *Châm kinh*, *Chẩn mạch pháp* dạy lại cho đệ tử là Trình Cao. Trình Cao cũng ở ẩn không ra làm quan. Quách Ngọc từ nhỏ theo Trình Cao học tập kỹ thuật bắt mạch và bí ẩn âm dương, về sau làm Thái y thừa trong cung, chữa bệnh rất hiệu nghiệm. Nhưng vì ông nhân ái không cậy tài kiêu căng, đối với dân nghèo lại hết lòng hết sức chữa chạy nên sau cùng chết lúc đang làm việc. Chuyện này kể cha Quách Ngọc lấy việc chữa bệnh để xin ăn mà Quách Ngọc sau khi thành danh làm quan vẫn giữ được nếp nhà, không coi thường những người bệnh nghèo khổ, nhân phẩm y đức đều trọn vẹn. Từ ví dụ này có thể thấy rằng muện nhất là từ thời Hán, trong dân gian Trung Quốc

đã xuất hiện loại ăn mỳ chữa bệnh để xin ăn.

Lại theo *Thiệu thị văn kiến hậu lục* của Thiệu Bác thời Tống, quyển 29 chép "Trịnh Sư Phủ bị nhọt ở bàn chân, dần dần mưng mủ, đau đớn không thể đi lại được. Có một người ăn mỳ bảo ông ta lấy ráy tai bỏ vào vết thương, chỉ qua một đêm mủ chảy ra, cái nhọt cũng xẹp đi rất nhiều". Trong sách chỉ ghi lại qua loa hơn ba mươi chữ rất đơn giản, chỉ là lời Trịnh Sư Phủ tự thuật, cũng không kể lại là có thưởng cho người ăn mỳ kia gì không. Nhưng theo tình hình ghi chép thì có thể đoán rằng người kia là ăn mỳ lấy kỹ thuật chữa bệnh để xin ăn.

Bản sử truyện của Hoàng Cơ Thủy thời Minh, quyển hạ *Vương Quý* chép "Vương Quý tự Chí Đạo, là người Tiền Đường (Hàng Châu), một chân bị què, cảnh nhà rất nghèo, ăn buổi sáng không biết buổi chiều nên làm việc bán thuốc để sống. Về sau không thể tiếp tục bán thuốc lại đổi qua xem bói để sống, gỡ điều nạn giải điều nghi cho người ta, ai cũng tìm tới". Có thể thấy Vương Quý không những có thể bán thuốc xin ăn mà còn có thể lấy việc xem bói để đổi chén cơm, là một người ăn mỳ thân mang hai tuyệt kỹ.

Ngày xưa gọi những người chữa bệnh, xem bói, xem sao, xem tướng trong giang hồ là Phương kỹ. *Sử ký, Thương công truyện* nói "Sở trường của phương kỹ là có thể chữa bệnh". *Hán thư, Nghệ văn chí* cũng chép "Những kẻ làm nghề phương kỹ đều đủ nghề sinh sống, là một trong những loại người mà nhà vua và quan lại cần tới. Thời Thái cổ có Kỳ Bá, Du Phụ, thời sau có Biển Thước, Tần Hòa..., thời Hán có Thương công". Đó đều là nói y thuật của phương kỹ trong giang hồ. Về sau xã hội giang hồ cũng chia làm bốn loại, trong đó một loại là làm nghề chữa bệnh bán thuốc. Theo *Nga huyền hồi biên* của Đường Tái Phong do Đào Hoa Tiên quán ở Tô Châu khắc thạch ấn in trong niên hiệu Quang Tự,

quyển 12 *Giang hồ thông dụng thiết khẩu trích yếu* nói "Các loại tài nghệ trên giang hồ có thể chia làm bốn loại là Khăn (Cân), Da (Bì), Mận (Lý), Dưa (Qua), người trong đó được gọi là Tướng phu. Phàm người làm Tướng phu không gọi là làm nghề (Tổ) mà gọi là Lành (Đương) nên tự xưng là Đương tướng. Loại tính số, coi tướng, chiết tự gọi chung là loại Khăn. Loại chữa bệnh, bán thuốc, chế thuốc cao gọi chung là loại Da. Bốn loại diễn xướng gọi chung là Mận, đi quyền, cưỡi ngựa gọi chung là Dưa". Người trong bốn loại ấy thực chất đều là loại ăn mày biểu diễn.

Trước thời Minh Thanh, trong đám ăn mày chữa bệnh bán thuốc trên giang hồ cũng lưu hành khá nhiều tiếng lóng của Đương tướng. Ví dụ *Tân khắc giang hồ thiết yếu* chép "Thầy thuốc gọi là Ông chống chết (Tế băng công), Giúp gốc (Phù bản) hoặc Người khuyên can (Khổ khuyến nhân), danh y là Thông hơi nóng (Hán hỏa thông), thầy thuốc giàu là Lửa mở hơi (Hân hỏa), thỉnh thoảng làm thầy thuốc là Xanh đỏ (Đan thanh), Mầu tre (Trúc thái), nhãn khoa là Da căng (Bì khẩn), châm cứu là Chia khói công (Xoa yên loan), bắt mạch là Búng dây đàn (Đàn huyền tử), nhúm thuốc là Hòa hơi nóng (Phối hán), thuốc xấu là Biết già, Biết hơi nóng (Am lão, Am hán), thuốc cao là Giấy tròn (Viên chỉ), Bùn tròn (Đồ viên), xắt thuốc là Cắt hơi nóng (Tiễn hán), bốc thuốc là Mây bay (Phi tiêu), Thuốc trong bình là Lửa hơi nóng (Hán hỏa), Đàn hơi nóng (Hán cầm), đi lại bán thuốc là Khêu da (Khiêu bì), Làm hơi nóng (Hành hán), bán thuốc lật vật là Ném bao nhỏ (Đầu tiểu bao), bán thuốc kích dục là Phái hơi nóng (Phái hán), Bật ba ba (Thủ miết), Quay sỏi (Quải lang), đuổi sâu bọ là Thông bảy tiết (Thất tiết thông), Xót bảy tiết (Thất tiết diêu), ra tay châm cứu là Bán nĩa (Xoa mai), Đàng nĩa (Xoa đàng), thuốc hoàn là Viên hơi nóng (Hoàn hán), Hạt hạt (Lạp lap), Ngưu hoàng là Thợ pháo (Bộc công), đối võ thuốc là Thợ đánh búa (Cổ phủ công), nôn ra giun sán là Hắt nước

in (Bát ấn thủy), gánh gồng bán thuốc là Đàng cái cân (Thiên bình đàng), bán thuốc hoàn là Nhảy hạt hạt (Khiêu lập lập), bàn tay cộp là Tắc lục lạc (Thốn linh), bán thuốc ghé là Nhảy hơi nóng chữ thập (Khiêu thập tự hán), thấp hương vào chùa bán thuốc là Đàng cúng (Cung đàng), Đàng Quan Âm (Quan Âm đàng), đánh đàn bán thuốc là Cái cong (Loan tử), bán phương thuốc là Vung tay không (Đế không), nấu thuốc cao là Nấu bùn (Xuy đồ nhĩ), người ở kinh bán thuốc là Đọc thông bảy da (Niêm thất bì thông), tàng nhân bán thuốc là Ba da nhảy (Tam bì khiêu), đạo sĩ bán thuốc là Chàng nấu bếp (Hỏa đầu sinh), Đàng Toàn Chân (Toàn Chân đàng), lấy sâu răng là Nhận củi (Sải thụ), phụ nữ bán thuốc là Đất xanh (Đà thanh), Ván củi (Bản sải), lấy nước mưa trên không làm thuốc là Nhật hạt (Thái lập), cưỡi lửa bán thuốc là Đất ma (Đà quỷ), cầm ô bán thuốc là Da tốt (Xương bì), diễn trò bán thuốc là Đàng đình ba (Đình xoa đàng), bày hàng bán thuốc là Đàng cao vút (Ngất đạt đàng), ngồi ra đất bán thuốc là Mất ghé (Đâu đồn tứ), bố cáo bán thuốc là Bày nhân nheo (Thiết tịch), bán thuốc giả là Nhảy hơi nóng (Khiêu tương hán), học nghề thuốc là Khóa da (Tỏa bì) vân vân. Các hình thức sinh sống của Đương tương đều đi vào lời ăn tiếng nói.

Tới như *Giang hồ thông dụng thiết khẩu trích yếu* chép càng cụ thể sinh động, trong nói "Đặt bình thuốc chữa bệnh trên quấy gọi là Bình phong bốn bức (Tứ bình), đặt bình thuốc la liệt trên quấy gọi là Cái nắm (Nắm tử), bày bình thuốc lơ thơ trên mặt đất gọi là Chiếm hang (Chiếm cốc), cầm bàn tay cộp đi trên đường, dùng vải dài làm chiếu bài gọi là Đẩy bao (Thôi bao), bàn tay cộp gọi là Cái đẩy (Thôi tử). Kẻ bán thuốc cao dùng chùy sắt tự đánh mình gọi là Đàn ông bên cạnh (Biên hán), kẻ bán thuốc cao dùng dao tự rạch cánh tay mình gọi là Tranh tím (Thanh tử đồ), bán thuốc cao nấu bằng da voi gọi là Tranh Long cung (Long cung đồ), bán thuốc cao không lấy tiền nhưng lấy hương gọi là Thọ

làm nhang (Hương công). Chuyên vào làng quê tự xưng là con hát mà chữa bệnh gọi là Thu bao (Thu bao), bày cây thuốc ra gọi là Đàn ông cô (Thảo hán), bán thuốc bắt sâu bọ mà treo vô số sâu bọ trên đầu gậy gọi là Bao sói (Lang bao), bán thuốc hoàn bắt sâu bọ không treo sâu bọ nhưng lúc vắng người đổ cơm có sâu bọ hoặc đồng tiền xuống đất rồi nói do người bệnh nên ra gọi là Đồ nước lòng (Đảo mao thủy). Bán sâm và tam thất gọi là Cái rễ (Cẩn căn tử), trộn thuốc tán với nước làm thành hoàn gọi là Nấu canh mạn (Thang lý tử), bán thuốc rượu màu vàng có thể chữa bệnh gọi là Đuối mạn (Truy lý tử), người bán thuốc chữa mắt gọi là Đàn ông vẩy (Chiêu hán), bán xương cá voi già gọi là Thê lương (Thê lương tử), người bán thuốc cao bắn đạn gọi là Tranh bắn cung (Đàn cung đồ). Chữa bệnh hoa liễu, bán thuốc kích dâm gọi là Tiền mềm (Nhuyễn trưởng), người bán thuốc kẹo gọi chung là Ngọt (Điềm đầu), gõ thanh la bán thuốc kẹo gọi là Bao to (Siêu bao), cho thuốc vào đường trước khi đun lên khuấy đều gọi là Róc gỗ ngọt (Tòa mộc điềm đầu), cắt đường kẹo trước rồi khi gặp việc dùng của cắt ra gọi là Bao nhỏ ngọt (Tiểu bao điềm đầu), Thuốc nước có đường gọi là Hàng trên phố (Phố hóa năm địa), trước tiên diễn trò rồi sau bán thuốc gọi là Hộp mè (Tụ ma). Tất cả việc bán thuốc gọi chung là Bao nhỏ hàng da (Bì hàng tiểu bao).

Như thế rất nhiều, đủ cho thấy hậu trường của những người chữa bệnh bán thuốc rong. Ghi chép trong hai sách ấy cũng hơi có chỗ khác nhau, có thể bổ sung cho nhau, đó là vì sự sai biệt trong quá trình lưu hành ở những thời điểm và không gian khác nhau.

Bức tranh thứ 96 trong bộ *Bắc Kinh dân gian sinh hoạt thái độ* thời Thanh tức bức *Quán lính mọi được đồ*, có lời giới thiệu viết "Đây là bức tranh về việc xâu lục lặc bán thuốc ở Trung Quốc. Người này là thầy thuốc trong giang hồ, hơi biết y lý, hiểu rõ được tính, miệng khéo ăn nói, nên đi

các tỉnh chữa bệnh rong, một tay cầm râu lục lạc khua vang, một tay cầm tấm biển trên đề tên thuốc khác nhau. Lúc xem bệnh thì xem thanh sắc, lời lẽ huyền thiên, tiếng là bán thuốc nhưng thật ra kẻ nào cũng đều chỉ cốt kiếm cơm áo⁽¹⁴⁾. Hình vẽ trong tranh thì không như lời giới thiệu, thể hiện rất rõ hành vi và cử chỉ của một người ăn mày lấy việc chữa bệnh bán thuốc rong làm cách xin ăn, "đều chỉ cốt kiếm cơm áo", câu ấy rất quan trọng. Thật ra là một câu vạch rõ bản chất của ăn mày.

Dùng thuật mồm xin ăn. Thuật mồm (Khẩu kỹ) vốn có nguồn gốc từ rất sớm, *Sử ký, Mạnh Thường quân liệt truyện* chép "Lúc Mạnh Thường quân bị nguy khốn ở cửa ải Hàm Cốc, vì gà chưa gáy sáng nên người giữ cửa ải chưa mở cửa cho đi. Lúc ấy có người lúc gấp nảy ý khôn, bảo một người khéo giả tiếng gà trống gáy báo hiệu, khiến gà chung quanh đều gáy ran, mới được ra khỏi cửa quan". Lúc bấy giờ đã có người học lối mô phỏng âm thanh như thế. Đến văn hiến thời Tống thì rõ ràng đã chép về việc lấy thuật mồm biểu diễn. Như *Đông Kinh mộng hoa lục*, quyển 9 *Tể chấp thân Vương tôn thất bách quan nhập nội thượng thọ* chép "Nhạc chưa trỗi, trong điện Tập Anh có bọn giáo phường nhạc nhân bước ra trên lầu giả tiếng của trăm loài chim, trong ngoài ran ran, chỉ nghe tiếng kêu hòa vào nhau trên không, như loan phượng bay liệng hội họp". *Vũ lâm cận sự*, quyển 1, *Thánh tiết* chép "Tiết mục Trăm loài chim kêu (Bách diểu minh) là bọn Hồ Phúc hai người biểu diễn", quyển 6, *Chư sách kỹ nghệ nhân* chép "Biểu diễn tiết mục học lối ăn nói của người nhà quê có Phương Nhụ Lang, biểu diễn tiết mục kẻ ngâm người kêu có sáu người bọn Khương A Đắc". Và lại, cái mà đương thời gọi là Gọi quả (Khiếu quả tử), ngâm nga cũng thuộc về thuật mồm. *Sự vật kỷ nguyên* của Cao

(14) Theo Thư mục Văn hiến xuất bản xã, *Bắc Kinh dân gian phong tục bách đồ*.

Thừa thời Tống, quyển 9 có viết "Cuối niên hiệu Gia Hựu, Nhân tông băng hà, bốn bể kêu khóc nên chỗ chợ búa bắt đầu có trò diễn Gội quả. Nguồn gốc của tiết mục này đã có trong niên hiệu Chí Hòa, Gia Hựu, gọi là Viên tía tô (Tứ tô hoàn), bắt đầu từ nhạc công họ Đỗ. Ở kinh sư phàm bán vật gì ắt cũng có thanh vận ngâm nga khác nhau, nên người ở chợ búa lựa lấy thanh điệu, cắt bớt từ chương để làm trò diễn. Nay rất thịnh hành trên đời, lại gọi là ngâm nga". Đó cũng chính là tiếng rao hàng của người buôn bán ở chợ búa được chép trong *Đô thành ký thắng, Ngõa xá chủng kỳ*, hợp với cung điệu mà thành trò Gội quả, tức tổng hợp mô phỏng cả tiếng rao hàng ở chợ búa.

Đương thời các loại nghệ nhân kể chuyện, ca múa, diễn xướng, tạp kỹ đều có địa vị không khác gì ăn mày, huống hồ chỉ là loại nghệ nhân có tài nghệ vun vật loại thuật mồm sao. Như *Thanh bị loại sao, Khất cái loại* có chép ví dụ về một truyện *Cái hiệu các chủng thanh*. Đây là ví dụ về việc lấy cách biểu diễn thuật mồm để xin ăn, lấy từ sách *Thứ chủng nhân ngữ* của Trình Chi Tường thời Thanh, quyển 3 *Cái kỳ*. Chuyện kể đầu năm Quang Tự thứ 1 ở Thượng Hải có một người ăn mày, miệng ngâm cái ống, có thể phát ra âm thanh như tiếng trẻ con khóc, tiếng gà gáy, tiếng đàn tranh giống hệt, khiến người ta không phân biệt được thật giả. Ngoài ra y còn có thể mô phỏng tiếng các loại gia súc như heo, chó, bò, dê, nghe cũng rất giống.

Biểu diễn khí công xin ăn. Theo sách vở trực tiếp chép lại thì trong sách sử và sách thuốc hai ngàn năm trước đã có ghi chép việc vận dụng khí công để giữ gìn sức khỏe và trị bệnh. Và lại võ thuật truyền thống cũng lấy việc luyện tập khí công để giữ gìn sức khỏe và phòng thân, dung hòa cả võ thuật và khí công làm một từ rất sớm. Trong lịch sử có rất nhiều bậc đại sư về võ thuật, phần lớn đều tinh thâm thuật khí công. Cùng với việc xuất hiện của loại ăn mày biểu diễn

để mưu sinh trên giang hồ, khí công cũng trở thành một kỹ thuật để ăn xin. Theo sử sách, năm Tuyên Thống cuối cùng nhà Thanh (1911), tức năm nổ ra cách mạng Tân Hợi, ở chợ Hạ Quan tại Giang Ninh có một người ăn mày, y vào một cửa hàng lấy một chiếc ghế dài lật lại đặt lên quầy, sau đó nắm quyền vận khí để tay cách đầu chiếc ghế khoảng hai ba tấc, đẩy quyền ra rồi rút lại, khiến chiếc ghế theo đó xê dịch, cứ thế bốn lần, nhưng tay quyền không hề chạm vào chiếc ghế¹⁵¹. Dĩ nhiên sau một lần biểu diễn như thế người trong quán phải thưởng tiền cho y.

Xem bói xem tướng xin ăn. Từ lời bói quẻ trên ván giáp cốt đến *Chu Dịch* đã cho thấy từ rất sớm ở Trung Quốc đã hình thành một hệ thống quan niệm và phương pháp bói toán hoàn chỉnh. Theo ghi chép trong *Chu lễ*, *Xuân quan*, *Tư vu*, "phàm có việc tang đều giữ việc bói toán để chôn cất", thuật bói toán không những lưu hành trong dân gian mà còn chiếm một địa vị hợp pháp rất quan trọng trong sinh hoạt chính trị của tầng lớp trên trong xã hội. Trong một truyền thống văn hóa có bề dày như vậy thì sẽ nảy sinh rất nhiều thuật sĩ giang hồ đáp ứng nhu cầu sinh hoạt thường ngày của nhân dân, đó cũng là chuyện rất bình thường. Nhưng cho dù khoa học hiện nay đã nhận thức được một bộ phận trong đó có những yếu tố khoa học và hợp lý thì trong di vãng lại càng có nhiều thuyết của phần lớn các thuật sĩ giang hồ học hành nông cạn, lấy hình bỏ thần, như đúng mà sai, lấy đó làm cách thức mưu sinh. Lúc cùng khốn long đong, ăn mày vận dụng lối này cũng không phải là chuyện gì mới lạ.

Tây dương tạp trở tục tập của Đoàn Thành Thức thời Đường, quyển 1, *Chi nặc cao thượng* chép "Tân Bí thi đậu khoa Ngũ kinh xong, tới Thường Châu phó hôn. Đi tới Thiêm

(15) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Khất nhi dĩ quyền tiền thoái* đáng, tr. 5494

Tây, nghỉ lại dưới bóng cây. Bên cạnh có người ăn mày ngồi, mặt mũi nhem nhuốc, áo quần rách rưới hỏi Tân đi đâu, Tân không buồn trả lời bỏ đi, người ăn mày cũng đi theo. Ngựa của Tân mệt không thể bắt lên được, người ăn mày cứ lẻo đẻo theo sau nói chuyện không thôi. Gặp một người mặc áo xanh, Tân chấp tay chào hỏi trò chuyện, người ăn mày ở phía sau cũng nói chen vào. Đi hơn một dặm, người áo xanh chợt phóng ngựa lên trước, Tân ngạc nhiên nói một mình rằng "Người này cần gì phải làm thế". Người ăn mày nói "Vận hạn của y tới rồi, há được tự do sao?". Tân thấy lời nói lạ lùng, mới hỏi "Ông nói vận hạn đã tới là thế nào?". Người ăn mày đáp "Lát nữa ông sẽ biết". Sắp tới quán trọ thấy có mấy mươi người xúm xít, bước vào hỏi thì người áo xanh đã chết. Tân rất kinh ngạc, vội tó vớ nhũn nhặn đưa áo cho mặc, đưa hài cho đi, người ăn mày kia lúc đầu không hề tỏ vẻ biết ơn, nhưng lời lẽ dần dần có ý nghĩa sâu sắc. Tới đất Biện, y nói với Tân "Tôi dừng lại ở đây, ông đi chuyến này có việc gì vậy?". Tân đáp là đi cưới vợ, người ăn mày cười nói "Ông là bậc sĩ nhân, việc học không nên ngừng lại, người ấy không phải là vợ ông, ngày cưới của ông còn xa lắm". Cách một hôm lại mua một bầu rượu để từ biệt Tân, chỉ vào chùa Tướng Quốc nói "Đến giờ Ngọ ở đây sẽ cháy, chậm một lát nữa hãy chia tay". Đến lúc ấy trong chùa vô cớ phát hỏa, cháy rụi cả tượng Phật. Lúc lên đường, y lấy cái khăn tặng lại Tân, thắt lại một cái nút, nói với Tân lúc nào có điều gì nghi ngờ thì cởi nút ra mà xem. Hơn hai mươi năm sau Tân làm Huyện úy Vị Nam, mới cưới Bùi thị. Gặp ngày sinh nhật của Bùi thị, Tân họp khách ăn mừng, chợt nhớ tới lời người ăn mày, bèn cởi cái nút khăn ra được một tấm thiếp to như tấm thủ bản, trên viết "Vợ Tân Bí là Bùi thị ở Hà Đông, sinh ngày ấy tháng ấy năm ấy", đúng là hôm ấy. Tân tính lại vào năm chia tay người ăn mày thì vợ mình còn chưa chào đời, có lẽ y là người coi tiên bị trích xuống nhân gian chăng? Huống chi áo quần lam lũ, có nổi oán phần như Kiềm Lâu, gió bụi phơi

pha, được lời tôn xưng nơi Dương tử, rất là khác nhau". Chuyện cũ này rõ ràng mang nhiều sắc thái hoang đường, nhưng chẳng qua muốn nói người ăn mây bói rất đúng, mà người ăn mây giỏi xem bói ấy lại nhân đó mà được đối xử hậu hĩ, nhìn bằng mắt xanh.

An Đôn (tự Sử Hậu) thời Tống làm quan tới chức Thượng thư bộ Binh, Đồng Tri Khu mật viện, năm ấy có tội bị biếm ra Đàm Châu, trên đường đi qua đất Nghi Chân, tới đình Khách Hà có một người ăn mây bước lên tự xưng biết làm trò vui, xin mua một trận cười. An Đôn trong lòng lấy làm lạ nhưng cũng vui vẻ đối đãi rất lễ phép. Lúc ấy người ăn mây xin bút nghiên giấy và lò hương, khắc nước bọt làm mực, nhúm đất làm hương, đốt lên nghe mùi thơm sực nức. Kế y vừa mài mực vừa nói với An Đôn rằng "Tôi không biết viết, nhờ người tiểu lại viết giùm", đề bài thơ như sau "Giai nhân như ngọc tầu như du, Tọa ngọa uyên ương trưởng lý đầu, Chỉ xích Động Đình quân bất đáo, Trường sinh bất tử tối phong lưu" (Giai nhân như ngọc rượu như dầu, Lăn lóc uyên ương chỗ trưởng đầu, Gang tác Động Đình ông chẳng tới, Trường sinh bất tử rất phong lưu). An Đôn đọc xong nghĩ thầm "Mình không có tật nghiện ngập gì, há lại có chuyện Giai nhân như ngọc, Lăn lóc uyên ương, còn nói Động Đình ông chẳng tới là nói mình không thể thành tiên chẳng". Rồi đó cảm ơn người ăn mây, tặng y một bầu rượu, người ăn mây uống một hơi cạn hết, vái dài rồi đi. Sau đó khi An Đôn đi qua hồ Động Đình thì bị triều đình cách hết quan chức cho về quê, lúc ấy nhớ lại bài thơ kỳ lạ của người ăn mây mới thấy thần kỳ¹⁶¹. Hiển nhiên người ăn mây bói toán linh nghiệm trong câu chuyện truyền kỳ này là một người ăn mây bói rong xin ăn.

Thời trước những người xem sao, xem bói, xem tướng trong giang hồ gọi là loại Khăn, trong giới có nhiều tiếng

(16) Trương Bang Cơ, *Mặc trang mạn lục*.

lóng để che giấu những bí mật nội bộ của giới Đường tướng. Theo *Giang hồ thông dụng thiết khẩu trích yếu* ghi chép thì như "Quẻ Văn vương gọi là Đầu tròn (Viên đầu), quẻ Lục nhâm là Sáu đen (Lục hắc), trái giấy lấy số là Tám đen (Bát hắc), đoán chữ viết gọi chung là Đen nhỏ (Tiểu hắc), qua đêm đoán mệnh là Thay khăn (Đại tử cân), nghe tiếng chim đoán mệnh là Đuối khăn (Truy tử cân), lại có tên là Khăn chim sẻ (Tước cân), dùng dây để đo là Đo khăn (Lượng cân), gõ lục lạc đi bói là Khăn cong (Loan cân), gãy đàn đi bói là Khăn cành liễu (Liễu điều cân), cầm đàn đi xem bói là Khăn tơ hẹp (Hiệp ty cân). Xem tướng gọi chung là Chém mâm (Trảm bàn), trú lại trong miếu hoặc nhà tranh đều là Quải trang (Quải trường), Quải trang trong miếu là Đất âm (Âm địa), quải trang trong nhà tranh là Đất dương (Dương địa), không mở miệng mà xem tướng là Khăn cầm (Á cân), đứng cạnh tường cạnh cửa xem tướng là Cướp khăn (Sang cân), dùng người khác cùng đi xem tướng là Tìm gió (Tầm phong), dùng câu nói rời rạc như sợi dây, mượn chữ để bói, có tên là mười tám sợi Khốn tiên thằng là Ván cổ (Phác bản). Bói chữ ngay dưới đất gọi là Đất nghiêng (Nghiên địa), bói chữ trên bàn tiệc là Cầu (Kiểu lương), tới quán trà bói chữ là Du xuân (Đạp thanh), vẽ ếch nhái sâu bọ bói chữ là Sáu đen (Lợi hắc), vẽ mực đen lên ván để bói chữ là Ván đục (Hỗn bản), vẽ mực xanh lên ván để bói chữ là Ván xanh (Lam bản)". Còn kỹ thuật trong các kiểu xem bói coi tướng đều khác nhau, đều có những chi tiết riêng, thì tiếng lóng cũng có phân biệt⁽¹⁷⁾.

Nuôi khỉ diễn trò xin ăn. Khỉ diễn trò (Hầu hý) là

(17) Xem thêm *Trung Quốc dân gian bí mật ngữ* (Tiếng lóng dân gian Trung Quốc), chương 7, *Dân gian bí mật ngữ dữ thị tình biến thái văn hóa - Trung Quốc dân gian bí mật ngữ dịch xã hội văn hóa khảo sát chi tam* (Tiếng lóng dân gian và văn hóa biến thái ở đô thị - Khảo sát văn hóa xã hội về tiếng lóng dân gian Trung Quốc III), tiết 1, *Vu bích tình tương ẩn ngữ* (Tiếng lóng của giới xem bói xem tướng), Thượng Hải Tam Liên thư điểm, 1989

một trong những trò chơi dân gian của Trung Quốc tục gọi là Khí diễn trò (Nao hầu nhi). Bức tranh thứ 50 *Nao hầu đồ* trong bộ *Bắc Kinh dân gian sinh hoạt thái độ* thời Thanh có lời đề từ rằng "Đây là bức tranh vẽ khí diễn trò ở Trung Quốc, loại thú này có hình dáng như người, toàn thân mọc lông, tính nết rất khôn ngoan, có thể làm các trò tự đeo mặt nạ, mặc quần áo, cầm gậy, đấu vật, cưỡi dê vân vân. Người ta dắt nó ra đường, khua thanh la làm hiệu, lấy đó để kiếm sống"⁽¹⁸⁾.

Lấy kỹ thuật ấy để xin ăn cũng thuộc loại biểu diễn. Nó tự thành một loại riêng, về tiếng lóng trong giới thì có thể xem lời giải thích trong *Nao hầu đồ*. Ví dụ khi gọi là Ông già (Lão tử), cho khi làm trò là Đùa ông già (Nao lão tử), dây xích khi là Mạng dài (Trường mệnh), chó là Con cào (Bát tử), dê là Hai sừng (Song giác), mặt nạ là Mặt sáng (Kiềm hoảng), bài diễn là Cái mâm (Bàn tử), cái roi là Mào đầu (Đề dẫn), giá gỗ để khi biểu diễn là Giá Thiên bình (Thiên bình giá), sai khi cúi chào là Dâng đao (Hiển đao tử), quán trọ là Bầy thế (Bãi thức), nhà người ta là Ổ (Oa tử), xóm làng là Đống tro (Bào khôi đôi), xin được tiền bạc đồ vật là Vang (Hưởng đầu), xin không được là Tịt (Vô hưởng đầu), vân vân.

Quay chén xin ăn. Từ góc độ nghệ thuật dân gian mà nhìn thì cách thức biểu diễn để xin ăn này là một loại tạp kỹ nhỏ rất đơn giản, tức loại Thủy lưu tinh trong các môn tạp kỹ nhỏ. Vì đơn giản dễ học nên trong số ăn mày làm nghề này để xin ăn có rất nhiều trẻ con. Năm cuối cùng thời nhà Thanh tức năm 1911, có người ở ngoài thành Tế Nam nhìn thấy một đứa nhỏ dùng cách này để xin bố thí. Đứa nhỏ cầm một chén nước đầy, chén nước được buộc bằng một sợi dây treo giữa hai hàng lông mày, trước tiên lấy tay đẩy chén

(18) Theo Thư mục Văn hiến xuất bản xã, *Bắc Kinh dân gian phong tục bách đồ*.

nước, buông tay ra rồi thì dùng đầu lắc cho chén nước quay tròn như bay, mà nước trong chén không rớt ra ngoài. Theo truyện kể thì đứa nhỏ ăn mày ấy họ Vương, vì cha mẹ chết hết nên lang thang xin ăn⁽¹⁹⁾.

Từ thời hiện đại đến nay, chúng ta vẫn thịnh thoàng nhìn thấy một loại ăn mày trẻ con dùng cách thức nhanh tay lẹ mắt tung hứng hai cái chén và một quả bóng để xin ăn, cũng thuộc loại ăn mày này.

Người thành niên còn có kẻ dùng cách Hòa lưu tinh để xin ăn. *Bắc Kinh dân gian sinh hoạt thái độ*, bức thứ 90 tức *Nao hỏa lưu tinh đồ* có đề từ rằng "Đây là (bức vẽ) hòa lưu tinh của Trung Quốc. Người trong tranh dùng một sợi dây, hai đầu buộc dây sắt, trong đốt than đỏ, gọi là Hỏa lưu tinh. Dùng chén chứa nước thì gọi là Thủy lưu tinh, dùng tay để quay hoặc ngậm ở miệng, hoặc nằm ngửa trên đất mà quay, có các kiểu Nhị long hí châu, Phiêu dương quá hải, Bối kiếm, Biển mã, biểu diễn trên đường phố để xin tiền"⁽²⁰⁾.

Ngoài ra còn có các cách thức khác như làm ảo thuật, đi quyền múa võ, Nao đàn tử, Đả liên tương, Nao thạch tỏa cho tới Lạp dương phiến, Nao hao tử, cơ hồ đều được sử dụng làm các cách thức biểu diễn để xin ăn, ngũ hoa bát môn, đủ trò kỳ lạ.

3. Loại lao dịch

Cái gọi là ăn mày thuộc "loại lao dịch" là chỉ những người ăn mày không muốn gian trá hèn hạ, lao động phục vụ những việc đơn giản để xin bố thí.

(19) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Khất nhi vận uyển*, tr. 5494 – 5495

(20) Theo Thư mục Văn hiến xuất bản xã, *Bắc Kinh dân gian phong tục bách đồ*.

Cổ Lục thời Thanh trong *Thanh hạ lục*, quyển 12 *Thập nhị nguyệt*, *Khiếu hỏa chúc* chép "Đêm cuối năm có người gõ phách tre đi dọc đường phố kêu lớn Xin cẩn thận chuyện củi lửa, gọi là Gọi đề phòng hỏa hoạn (*Khiếu hỏa chúc*). Xét thơ Thái Thiết Ông nói: Hoàng hôn hỏa chúc hà nhân khiếu, Khất cái duyên nhai đã trúc bang (*Chiều buông ai gọi lời răn cháy, Dọc phố ăn mỳ gõ phách tre*), theo tục lệ ngày nay tức những người tuần canh". Phần lớn ăn mỳ đều chỉ có một mình lưu lạc khắp nơi, vào đêm khuya rét mướt mà nhất là đêm cuối năm thì người bình thường đều quây quần với gia đình, nên chỉ có họ mới chịu làm việc Gọi đề phòng hỏa hoạn, mà ăn mỳ cũng rất vui thích mượn việc ấy để nhận tiền thưởng nhiều hơn ngày thường.

Cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, ăn mỳ ở Ngòi Người Chết (*Tử Nhân cầu*) tại Lương Sơn phụ trách liệm xác chết, canh đêm, cũng thuộc loại lao dịch. Đường nhiên thu nhập đều phải giao hết cho ông trùm. Xoang phòng ở Bắc Kinh mỗi khi gặp nhà người ta có việc ma chay, cưới hỏi thì trong đó có rất nhiều nhân viên là nhất thời thuê trong đám ăn mỳ. Ăn mỳ tại một số thành phố lớn làm việc mở cửa xe, vác hành lý, hoặc giúp phu xe đẩy xe lên dốc, khiêng kiệu, nhờ đó nhận một ít tiền thưởng, tiền trà, cũng đều thuộc loại ăn mỳ lao dịch.

Trong tình trạng khốn khổ ấy mà lao dịch để mưu sinh cũng rất không dễ, cũng cần phải trong sạch. Cách thức xin ăn này phần lớn đều mang tính tạm thời, tính may rủi rất cao. Vả lại trừ những lúc vắng lệnh của các ông trùm trong bang hội ăn mỳ sai đi làm việc khác thì phần lớn ăn mỳ làm việc lao dịch đều yên phận hơn ăn mỳ bình thường, không phải loại lưu manh vô lại.

Vài năm gần đây ở một số thành phố thỉnh thoảng lại có đàn ông đàn bà mù đi dọc đường bán báo *Điện thị* và các

loại báo chí, giá bán báo của họ hơi cao hơn giá quy định, nhưng người ta thương người mù, có trả thêm chút ít cũng không tính toán, nhờ đó cũng thành toàn cho họ, tuy không phải ăn mày nhưng cũng tạm thời trở thành ăn mày làm việc lao dịch. Và lại đối với những người mù bán báo kia mà nói thì việc lao dịch để ăn xin tìm thêm chút tiền chi tiêu ấy cũng có thể diện hơn, yên tâm thuận lý, rốt lại bảo họ đi làm nghề khác cũng không dễ.

4. Loại tàn tật

Vì thân thể bị tàn tật mà không thể sinh hoạt bình thường như mọi người, nên phải dựa vào sự thương xót của người đời bố thí cho để sống. Dĩ nhiên trong đó bao quát cả loại ăn mày đau khổ bị làm thương tàn thân thể, cũng bao quát cả loại ăn mày dùng thủ đoạn cải trang làm người tàn tật. Nếu nói loại thứ nhất là số phận rủi ro, bị sinh kế bức bách, loại thứ hai là kẻ bị hoàn cảnh làm hại, thì loại thứ ba là lưu manh vô lại dùng thủ đoạn lừa gạt lòng lương thiện từ bi của người đời. Loại thứ hai đoạn trên sách này đã nói qua, ở đây chỉ khảo sát về loại thứ nhất và loại thứ ba.

Trước tiên, hãy xem loại ăn mày bị tàn tật thật.

Theo Đoàn Thành Thức thời Đường trong *Tây dương tạp trở tiền tập*, quyển 5 *Ngụy tập* chép thì trong niên hiệu Đại Lịch (766 - 799) đời Đường Đại tông Lý Dục, ở cầu Thiên Tân Đông Đô tức Lạc Dương (ở phía Tây Nam thành Lạc Dương cũ ngày nay) có người ăn mày không có tay, thường dùng chân phải cặp bút viết kinh để xin tiền sinh sống. Mỗi khi định viết thì đầu tiên cặp bút ném lên cao hơn một thước rồi chụp lại, không bao giờ rơi xuống đất. Y viết chữ theo lối chữ khải, so với người viết bằng tay còn đẹp hơn. Phải thừa nhận rằng người ăn mày tàn tật trong chuyện cũ này đã đáng thương mà còn đáng kính. Không có tay thì luyện chân

làm tay để viết chữ, lấy tài khéo ấy viết kinh xin tiền, có ai không vì thương xót kính phục khen ngợi mà cho thêm vài đồng!

Từ Huyền thời Tống trong *Kê thần lục* có chép chuyện một người phụ nữ ăn mày tàn tật. Chuyện kể ở Kiến Nghiệp (Nam Kinh) có một phụ nữ trên lưng có một cái bướu to bằng cái đầu, bên trong có rất nhiều vật gì đó lúc nhúc như con tằm, di trên đường còn phát ra tiếng động, hàng năm ăn xin trong thành. Theo lời người ấy kể lại thì chị ta vốn là phụ nữ ở nông thôn, từng cùng các chị em bạn dâu chia nhau nuôi tằm, phát giác ra mình năm nào cũng thua kém bên ngấm ngấm đốt tằm của chị dâu, khiến trên lưng tự mọc ra cái bướu, cứ to dần lên. Lúc bình thời nếu mặc áo che cái bướu thì thấy khó chịu, nếu để lộ ra thì như trên lưng có cái bao lớn vậy. Câu chuyện cũ này không khỏi mang màu sắc truyền kỳ nhân quả báo ứng. Chẳng qua người đàn bà mắc bệnh ấy đã bị mất hết năng lực lao động, lại còn xấu xí, khó mà lại có được địa vị xã hội như cũ, há không đáng thương sao.

Xưa nay đều có không ít ví dụ về người mù ăn mày. Theo sử sách thời cổ đại có một nơi gọi là Tân Thị, có một người ăn mày họ Tề ăn xin trong chợ, nếu trên đường có ai không chú ý nhường đường thì y sẽ tức tối chửi mắng "Người cũng là đồ mù!". Người ta thấy y mù lòa cũng không cãi cộ. Về sau lại có một người mù họ Lương tới đó xin ăn, tính tình còn nóng nảy hơn. Hôm ấy vừa khéo hai người ăn mày mù Tề, Lương va vào nhau trên đường, người họ Lương ngoác miệng ra chửi "Người cũng là đồ mù!", không biết đôi bên đều là người mù, vì vậy chửi nhau ầm lên, khiến người đi đường bật cười⁽²¹⁾. Xem ra truyện này giống như chuyện cười, nhưng cũng nói rõ những người ăn mày mù trong quá khứ là thường thấy.

(21) *Cổ kim đồ thư tập thành, Bức vật hồi biên, nghệ thuật diễn*, quyển 815 *Khất cái bộ, Kỳ sự mục* 5.

Cuối thời Thanh ở Quảng Đông từng xảy ra một đợt bệnh hủi, ngoài thành Quảng Châu bèn mở ra một bệnh viện cho người hủi để tránh lây lan. Người bị bệnh hủi rụng hết lông mày, mà mặt mũi nổi u nổi cục, tay chân co quắp khiến người ta sợ hãi. Có lúc họ rời bệnh viện vào chợ xin ăn, người ta nhìn thấy là lập tức cho tiền để họ đi ngay, vì thế đám ăn mày bị hủi xin tiền dễ hơn đám ăn mày khác, cần bản là thấy đáng về như thế thì người ta sợ bị lây, chỉ muốn đuổi đi cho mau⁽²²⁾.

Người tàn tật bản thân đã vô cùng đau khổ, rơi rụng làm ăn mày thì càng đặc biệt thê thảm, tự nhiên sẽ khiến người ta thương xót, thông cảm bố thí giúp đỡ trong chừng mực có thể, tính ra thì cũng hợp tình hợp lý. Nhưng chính sự tàn tật của ăn mày cũng trở thành vốn liếng để họ cậy vào đó ăn xin. Đối với những người ăn mày tàn tật không biết tự lập, tự trọng, tư ái mà nói thì đó còn là nhân họa mà được phúc, lấy đó làm vốn để y lại vào xã hội, y lại người khác, không khỏi có chỗ lừa dối sự thông cảm và thương xót của người đời. Quá đáng hơn, một số ăn mày vốn không phải bị tàn tật, đầu óc và thân thể đều rất bình thường mạnh khỏe, vì thấy ăn mày tàn tật dễ được người ta thương xót thông cảm bố thí bèn thi triển thủ đoạn hóa trang, giả làm người tàn tật để xin ăn. Có kẻ thậm chí cùng không buồn hóa trang, trực tiếp đóng vai người bệnh. Đường thời trên đường phố lớn nhiều người qua lại ở thành phố nọ tại Trung Quốc có một người đàn ông trung niên, hai mắt trợn trắng, mặt mũi bầm tím, sùi bọt mép, một bàn tay cào cào trên mặt đất như con gà vừa bị cắt tiết, vỗ đập kêu gọi thì thân thể cứ run lên theo từng đợt. Rõ ràng đây là bị mắc bệnh kinh phong, tục gọi là Dương giác phong, một căn bệnh mười phần đau đớn, nhưng không chết mà lại rất khó chữa trị. Bên cạnh y còn có một đứa bé trai khoảng năm sáu tuổi khóc lóc khiến

(22) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Việt dã ma phong cái, tr. 5476

người ta thương xót, trên lưng đứa bé có khâu một tấm vải trắng viết chữ đen nói về hoàn cảnh không may của cha con họ để cầu xin người qua đường "Những người tốt bụng trong thành, các bác các chú, các cô các thím, tôi là người thôn Mỗ huyện Mỗ ở Sơn Tây, ở quê mấy năm mất mùa, vợ bị người ta bắt đi, cha tôi tức giận mà chết, lên trời không lối, xuống đất hết đường, chỉ còn cách mang con ngàn dặm tìm vợ, xin được giúp đỡ, mong các vị hương thân thương xót, đại ân đại đức, kiếp sau xin làm trâu ngựa báo đáp. Tôi bị bệnh kinh phong, lúc lên cơn xin những người tốt bụng chiếu cố cho con tôi, đừng cho nó đi đâu, làm thiện tích đức sẽ được đại phú đại quý, con cháu đầy đàn", lời lẽ làm mũi lòng người. Thương xót người yếu ớt cũng là một loại tâm lý phong tục chung của loài người, vì vậy nhất thời có vô số người nhao nhao dúi tiền vào cái chậu mẻ trên tay đứa bé, có khi được cả đồng bạc. Nhưng ai biết được rằng mỗi ngày y biểu diễn hai lần như thế trong bốn năm, đã xây được bốn gian nhà ngói hàng vạn đồng. Y họ Thượng, xước hiệu là Nhị lại đầu, là một tên lưu manh vô lại ở thôn X, hương X Hà huyện vùng Nội Mong. Bệnh kinh phong ấy là y giả làm ra, cả đứa bé cũng đã được tập luyện. Ngoài đứa bé rã, đạo cụ khác của y còn là một tờ bố cáo xin ăn danh phù kỳ thực, một cái chậu mẻ. Trước khi biểu diễn y đã ngậm sẵn một ít xà phòng bột, mới có thể "sùi bọt mép". Y căn bản không hề bị người ta bắt mất vợ, nếu muốn thỏa mãn sinh lý thì tạm thời tìm một chị em⁽²³⁾.

Việc làm cho người ta dở khóc dở cười nhất là người khỏe mạnh còn có thể đem người tàn tật làm đạo cụ và biến hiệu để xin ăn. Trạm Thu gom người lang thang ở thành phố Thẩm Dương từng thu gom được một già một trẻ, người trẻ bốn mươi ba tuổi, tên Lưu Côn, là người huyện Đằng Sơn

(23) Sương Lâm, *Khát cái hành tung*, Tạp chí *Thủy xương thạch tình* Liêu Ninh, số 6. 1988

Đông, người già tên Lưu Ba là chú Hai của Lưu Côn. Chú Hai của y là một người tàn tật hình thù kỳ quái, Lưu Côn có vợ có con nhưng du dương thích rong chơi, hiểu được giá trị xin tiền trên đường của chú Hai y. Vì thế hai người hợp tác diễn kịch, đưa cháu lấy xe lăn đẩy ông chú tàn tật đi Nam Kinh, Thiên Tân, Thẩm Dương, trên xe treo một lá cờ trắng nhỏ viết mấy chữ "Xin rón tay làm phúc", trên đường đi cứ hát khúc tiểu điệu "Đáng thương, đáng thương thay!". Vì thế trong ánh mắt thương xót và tiếng thở dài, công nhân, cán bộ, quân nhân cho đến học sinh tiểu học gặp họ trên đường đều nhao nhao cho tiền, một hào, hai hào, năm hào, có người cho cả đồng, không ngừng ném vào lòng ông già ngồi trên xe, người đẩy xe gật đầu cảm tạ, người trên xe chảy nước mắt cảm ơn, không bao lâu đã thu được mấy ngàn đồng⁽²⁴⁾.

Tấm lòng thiện lương của mọi người đã bị lòng dạ gian dối của bọn ăn mày lừa gạt như thế, họ dùng các kỹ thuật đơn giản vẽ vời dối mới để kêu gọi sự thông cảm và bố thí.

Nhưng đó hoàn toàn không phải việc "mới lạ trong đời" mà chiêu số này đã có trong tiếng lóng của bọn ăn mày diễn trò từ thời Minh Thanh, ký hiệu tiếng lóng riêng của số người này che giấu đủ thứ "chuyện kín", tức hàng ngàn hàng vạn tội lỗi. Ví dụ Trãi đường (Phi nhai) chỉ bọn ăn mày mắc bệnh, Trâu đất (Địa hoàng ngư) chỉ việc lăn tròn trên đường, Đẩy sừng dê (Thôi dương giác) chỉ việc dùng xe đẩy người đi xin ăn, Đạp là thắng (Đạp định thắng) chỉ việc chống tay lết đi, Quả dưa (Đông qua) chỉ loại ăn mày không có cả tay chân, Báo đốm (Kim tiền báo) chỉ việc ghê lở đầy mình, Tiên gậy (Đinh tiên) là chống gậy đi, Kho tiền (Tụ bảo) chỉ túi đựng tiền của ăn mày, Đón Địa Tạng (Nghe

(24) Y Văn, Ngọc Kỳ, *Khất cái vương quốc thám bí*, Tạp chí *Pháp chế dữ văn minh*, số 9 năm 1988.

Đĩa Tạng) tức đi xin ăn, Khĩ tắm (Mộc hầu) chỉ việc hóa trang thành văn nhân gặp nạn, Dạng khô nhục kế (Hiến khô nhục kế) chỉ việc hóa trang tay chân thành chó lở lở, Lân tới (Lai cẩu) chỉ chân bị tàn tật không thể đi lại, Mắt bị đâm (Quá phong chiếu tử) chỉ việc giả làm người mù, Vạch (Hoạch) chỉ việc giả làm người cảm, Tô vang (Miêu hoàng) chỉ việc giả làm người bệnh, Vê mặt (Miêu dung) là cải trang vân vân, toàn là các cách thức lừa gạt quen dùng.

5. Loại lưu manh vô lại

Từ thời cận đại đến nay, đại đa số ăn mày đều có tính chất lưu manh vô lại, biểu hiện chủ yếu là ở khả năng lừa gạt dối trá, vòi vĩnh được là vòi vĩnh, gian trá nài ép dễ xin, ăn cướp, ăn cướp, giục dục, dâm dăng, đến nỗi gây ra án mạng, nguy hiểm cho sự an toàn tinh mạng của mọi người, có thể nói là dù cả ngũ độc^(*), không điều xấu xa nào không làm, như thế rất nhiều, phần trên của sách này đã đề cập tới.

Nhưng cũng phải thừa nhận cùng với một số lớn ăn mày chưa hoàn toàn nguy trang còn có các loại thủ đoạn giấu diếm để thì triển kỹ thuật, ví dụ những người giang hồ biểu diễn, những biến thái xin ăn. Thử xem các loại tiếng lóng phản ánh thủ đoạn ăn xin của ăn mày giang hồ cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc thì có thể thấy rõ bản lai diện mục.

Chấp tay xin ăn. Vái lạy gọi là Lịch sự (Khách sáo), người trong bọn là Đảng Lịch sự (Khách sáo đảng), đi theo người ta xin xỏ không thôi là Bày trận chó (Thiên cẩu trận), đuổi theo xe để xin là Dời bốn chân (Thiên tứ cước), người già là Thăng già (Ba lão), đàn bà già là Mụ già (Thư ba lão), thiếu phụ gọi là Long dê (Dương mao), trẻ con là Chó con

(*) *Ngũ độc*: tức năm tệ nạn xã hội là ăn xin, mại dâm, cờ bạc, bang hội (lưu manh) và thuốc phiện - ma túy.

(Cầu từ), xin được nhiều tiền là Đẩu vàng (Kim đẩu).

Viết chữ kể lễ xin ăn. Viết rõ tình cảnh của mình vào bảng nêu lên khiến người ta thương xót gọi là Treo bảng vàng (Quái hoàng bảng), lấy đó làm thủ đoạn xin ăn là Đẳng mài đường (Ma nhai đẳng), tay cầm thiệp ghi tình cảnh là Cầm quân bài (Đề dao bài), đưa thiệp ghi tình cảnh của mình cho người trên đường xem là Đưa thiệp chào (Đầu thiệp tử), kể lễ tình tiết đã ghi trên thiệp là Đọc thần chú (Bồi thần sấm), nguyên ủy là Nếp nhà (Gia thừa), viết nguyên ủy trên tường dưới đất là Tô vôi (Đồ phấn tử), nằm phủ phục xuống đất là Đá mài đường (Ma nhai thạch).

Giả thần xin ăn. Bịa đặt nói thần linh bảo hộ cho mình để đi quyên mộ gọi là Đẳng đồng tử (Đồng tử đẳng), dán hình người cật bằng giấy lên cổng nhà người ta để xin tiền là Tiền con (Tống tử), hình người cật bằng giấy là Trời cho (Thiên tử), một người đi xin là Tiền nghèo (Lãnh tống), kéo cả bọn khua chiêng đánh trống đi xin là Tiền âm i (Hưởng tống), đi xin là Khều vàng (Khiêu hoàng), chỗ tới xin là Trang trại (Trang tử), người bố thí là Chủ trang trại (Trang đầu).

Tặng chữ xin ăn. Tặng chữ để xin ăn gọi là Lá bay (Phiêu diệp tử), tặng câu đối là Cửa rồng bay (Phiêu long môn), câu đối chúc tết là Màu xanh bay (Phiêu nghi thanh), bút là Rắc hoa (Sái hoa), giấy là Lá (Diệp tử), tặng chữ cho người không biết chữ là Đàn gảy tai trâu (Đôi thạch ngư), tặng chữ cho người biết chữ là Cùng cánh (Đồng phái), đối phương không nhận chữ tặng là Đánh trống lù (Đả thoái cổ).

Khóc lóc xin ăn. Khóc lóc kể lễ xin ăn gọi là Đang kêu oan (Tố oan đẳng), viết chữ trên mặt đất kể lễ là Tờ đơn đất (Cáo địa trạng), tờ giấy viết chữ kể lễ là Tập sách khô (Khố sách), khóc là Chó hai mồm (Song khẩu khuyển), giả làm người đi thăm thân thích không gặp là Bánh xe long

(Thoát trực đầu), bịa đặt chồng chết hoặc vợ chết là Đánh lẻ (Đả đơn tử), giả nằm lăn dưới đất khóc lóc để xin là Giả tố khổ (Lão ma khổ), trẻ con đứng bên cạnh khóc lóc theo mẹ là Trẻ tố khổ (Tiểu ma khổ).

Cầm thủ bản xin ăn. Thủ bản gọi là Ván kiếu (Tướng bản), cầm thủ bản đi xin gọi là Kiếu cổ (Cổ tướng), phạm tội trốn tránh là Ván trôi tới (Thoán lai bản), giả xưng Bảo tiêu là Con nhà võ (Vũ tướng phu), vào nhà xin xỏ là Chào khách (Bái khách), giả xưng là văn nhân nhà sĩ là Con nhà văn (Văn tướng phu), viết chữ để lừa gạt xin xỏ là Tán thể kinh (Xả thiêm kinh), giả làm người lánh nạn gặp tai họa là Tìm bạn (Tầm bạn tử), ngang ngược cưỡng ép để xin là Tranh tiền (Tranh ba tử).

Mặc tang phục xin ăn. Giả nói cha mẹ bị chết để xin gọi là Đàng Tang môn (Tang môn dăng), cha chết là Mất trên (Thất thượng), mẹ chết là Mất dưới (Thất hạ), đồng bọn là Đánh trống bên cạnh (Đả biên cổ), giả nói không có quan tài để chôn cất là Chờ bao bì (Đẳng ngoại sáo), giả nói lúc tắm liệm không có áo là Chờ bọc gói (Đẳng bao thân), giả nói không có tiền chôn cất là Chờ đầu nước (Đẳng thủy đầu), lừa được tiền là Bắt đầu nước (Đầu thủy đầu), bị người ta nhìn ra mảnh khoe là Nước chạy (Tẩu triều), bỏ chạy là Nước rút (Thoái triều).

Những điều kể trên đủ cho thấy bản sắc của bọn lưu manh vô lại. Còn như giả dạng cái trang, cỡi truông làm tiền, hợp bọn cướp giết thì trong bang hội ăn mày lưu manh vô lại xã hội đen là chuyện bình thường, tiếng là ăn mày nhưng ngấm ngấm dòm ngó rình mò để thừa cơ cướp giết trộm cắp, còn tới việc lấy gái ăn mày làm mối để Thả bồ câu trắng (Phóng bạch cấp), Câu cá (Điếu ngư) thì càng xấu xa.

Đầu thế kỷ này, hai nữ sinh viên Ngô Nguyên Thực, Tưởng Tư Nhất ở khoa Xã hội học Đại học Hộ Giang Thượng

Hải trong quá trình tiến hành điều tra xã hội học trên bảy trăm ăn mày ở Thượng Hải đã thấy rằng "Nếu theo cách thức ăn xin để phân loại thì có thể chia ăn mày ở Thượng Hải làm (hơn) hai mươi loại... Kỹ thuật xin ăn của họ cũng tiến bộ cùng với nền văn minh"⁽²⁵⁾. Họ chia ra làm hai mươi lăm tình huống cụ thể, đại khái có thể làm dữ kiện ẩn chứng cho năm loại lớn mà sách này đã nói, có thể giúp người đọc hiểu rõ thêm về con đường hình thành kỹ thuật và cách thức ăn xin của ăn mày Trung Quốc xưa nay, nên không ngại gì chép lại dưới đây.

1. **Tờ đơn đất.** Những kẻ dùng cách này để xin ăn tính ra cũng có thể diện. Ở một dãy đường Thụ Đa Á, đường Tây Tạng đông người qua lại, thường có loại phụ nữ ăn mày một mình hoặc bế theo con nhỏ ngồi trên đất cúi đầu không nói gì, hoặc quỳ ở đó sa nước mắt. Trước mặt họ trải một tờ giấy hoặc một tấm vải trắng, phía trên ghi rõ là hy vọng người qua đường mở túi giúp đỡ cảnh nghèo khổ, có người thì dùng vôi trắng viết thẳng lên mặt đất. Nội dung của tờ đơn đất thì giống nhiều khác ít, kẻ thì nói mình xuất thân thanh bạch, là dòng dõi đại tộc nhưng bất hạnh cha mẹ đều mất, phải lưu lạc tha hương, tình người như giấy mỏng, bạn bè thân thuộc ngày cũ đều coi như kẻ xa lạ, không chịu giúp đỡ, tự nghĩ mình xuất thân từ danh môn, không dám làm nhục tổ tiên, không ngờ nơi đây đất lạ người dưng, vì thế khẩn cầu các bậc nhân nhân quân tử khảng khái giúp cho tiền lộ phí để về quê cũ. Kẻ thì nói chồng mình mắc bệnh nằm liệt giường, người lớn trẻ con đều đói, kẻ thì mẹ già hơn tám mươi tuổi mắc bệnh, không có tiền chữa chạy vãn vãn.

(25) *Thượng Hải thất bách cá khất cái đích xã hội điều tra*, chương 5, *Thượng Hải khất cái đích chủng loại* (Các loại ăn mày ở Thượng Hải), tiết 3 *Ấn chiếu hành khất phương pháp đích phân loại* (Phân loại theo cách thức xin ăn).

2. **Theo xe.** Loại ăn mày theo xe để xin tiền này phần lớn ở trong tô giới. Bọn họ cả ngày ngêu ngao hát những tiểu điệu vùng Giang Bắc, đi rong trên đường, ngẫu nhiên thấy phụ nữ ăn mặc chỉnh tề ngồi trên xe ngựa hoặc xe kéo chạy qua thì đuổi sát theo bên cạnh, tay cầm nón rách hoặc chấp hai tay nhìn thái thái, nài nài hoặc tiểu thư trên xe xin một bữa cơm. Nếu không xin được thì ngoác mồm ra chửi một câu gì đó, rồi dừng lại chờ xe khác.

3. **Kéo xe.** Loại này quá nửa là trẻ con từ mười ba tới mười lăm tuổi, phần lớn là con trai, chuyên chờ ở cầu Nhị Bạch Độ, cầu Tự Lai Thủy, cầu Thiên Hậu Cung, cầu Bồn Thang Lộng, cầu Lão Áp thay phiên giúp phu xe kéo xe lên cầu, sau đó xin tiền người ngồi trên xe. Loại trẻ con ăn mày này có tổ chức, đứa nào cũng nhận một gã lừa đảo làm Ông chủ, mỗi ngày phải nộp hai ba trăm tiền, nếu không thì không thể yên ổn mà kéo xe.

4. **Chó dại hoặc Cái đình.** Loại ăn mày này là nhiều nhất, lấy việc gian trá làm hàng đầu, họ xin tiền người đi đường, có khi tay cầm những đồ vật cũ nát, đuổi theo sát người ta, miệng không ngừng kêu "Lão gia, thái thái, thiếu gia, tiểu thư, xin làm điều tốt, cứu một mạng người bảo đảm sẽ được nhiều phúc nhiều thọ, thăng quan phát tài. Cho tôi một đồng, công đức vô lượng, cứu khổ cứu nạn, hưởng phúc vô cùng. Lão gia, thái thái làm một việc tốt cũng như bắc cầu sửa đường, để lại cho con cháu chút âm đức!". Nói tới mức nước bọt bắn tung tóe, có người bị bám riết không buông, muốn thoát thân sớm chỉ còn cách bố thí một đồng tiền đồng. Nếu không sẽ bị bám theo kêu réo không ngớt tới tận ranh giới cuối cùng của tô giới, có lúc sơ ý còn bị ăn cắp vật dùng mang theo người. Có khi là phụ nữ bế con nhỏ, dắt thêm một đứa lớn hơn quỳ bên cạnh xin xỏ, đứa lớn bên cạnh trước tiên quỳ mọp dưới đất dập đầu mấy cái, sau đó đuổi theo chia tay xin tiền. Bọn họ cũng có khu vực hoạt động cố định.

5. **Ăn mày trên đường.** Loại ăn mày này phần nhiều là hạng tay mơ, da mặt mỏng, miệng lắp bắp, gan nhỏ tiếng thấp, rụt rụt rè rè, không dám bước tới. Nhưng họ đứng ở cạnh cửa nhà hay trước cửa hiệu cũng không khỏi có chỗ bắt nhả, cũng khiến khách khứa ngại ngùng, vì vậy cũng đành cho họ một đồng.

6. **Diễn trò răn.** Loại ăn mày này phần đông là người Giang Bắc, phần lớn tính tình cương cường dữ tợn, tay cầm một con răn lớn màu xanh, ra ép người ta cho tiền. Nếu không cho, họ sẽ múa may con răn đủ kiểu.

7. **Cóc ba chân.** Loại ăn mày này đều là bọn trẻ con bị lừa bán lên Thượng Hải, chặt cụt chân tay sai phủ phục ở đầu phố khóc lóc xin xỏ. Xin được tiền thì nộp hết cho Ông trùm, được một bát cháo loãng, xin không được thì bị đánh đập. Muốn sống không được, muốn chết không được, còn khốn cùng hơn cả bọn tù phạm.

8. **Mở cửa sổ trời.** Loại ăn mày này có kẻ dùng dao hoặc kim rạch phá, đâm nát đầu và mặt mình, có kẻ dùng dao cán dài cả thước đâm vào cổ họng, hoặc dùng gậy sắt đập vỡ đầu khiến toàn thân máu me nhầy nhụa để đổi lấy một đồng của những người qua đường thương xót.

9. **Đặt chén nước lên mũi.** Là đặt chén nước trên miệng hoặc sống mũi đi dọc phố xin ăn. Loại ăn mày này ở Thượng Hải không có nhiều, nhưng thỉnh thoảng vẫn gặp.

10. **Không mở miệng.** Đây là loại ăn mày giả câm, giả điếc, lấy sự câm điếc để khơi gợi lòng trắc ẩn của người qua đường.

11. **Đỉnh lò hương.** Loại ăn mày này có nhiều người mù, họ cầm một chiếc gậy nhọn bằng sắt lên đỉnh đầu, trên chiếc gậy gắn một cây hương, hai ngọn nến đỏ, khói hương phơ phất đi trên đường, dùng đó để thu hút mọi người và

khơi gợi lòng từ bi, bố thí cho họ vài đồng tiền đồng.

12. **Đọc kinh Tam Quan.** Loại ăn mày này lưng công tượng Phật hoặc khám thần, gõ mõ gõ, đọc kinh Phật, đem việc mộ duyên của chùa chiền ra nói, đi dọc phố để hóa duyên. Không cần nói phải sửa chữa chùa Phật, chỉ cần nói là tô điểm lại tượng Phật, thái độ thành khẩn, lời lẽ hòa thiện thì những người tin đạo Phật cũng đã vui vẻ bố thí.

13. **Ba lão giang hồ.** Loại ăn mày này túm năm tùm ba, có cả đàn ông đàn bà chuyên qua lại bến cảng, rong ruổi giang hồ biểu diễn để sống. Thượng Hải là một thành phố lớn thông thương với khắp nơi, vì vậy họ thường đóng quân ở đó. Hoặc đi một đường quyền Thiếu Lâm, hoặc quay chén trà, hoặc chống người, hoặc nhào lộn, hoặc đàn ông đàn bà gảy hồ cầm cùng hát một bài *Bốn mùa tương tư*, khi người đứng xem vỗ tay khen ngợi thì người đứng đầu khom lưng xin tiền thưởng, thu nhập cũng nhiều hơn gấp bội so với đám ăn mày van xin trên đường. Cũng có người đứng ở cửa các quán hàng dùng đỉnh mũi xoay một chiếc đĩa trên có cái chén, hai tay tung hứng dao nhỏ, làm một lúc thì nhìn khách khứa đứng xem và người trong quán xin tiền. Nếu không cho tiền mà đuổi đi, họ sẽ nói "Đánh ăn mày không phải là hảo hán", rồi ỳ ra không chịu đi. Người trong quán để khỏi ồn ào bèn bỏ ra vài đồng.

14. **Bà Phượng Dương.** Đây là dân nghèo ở Phượng Dương vùng Giang Bắc, kéo năm ba người thành nhóm đi trong nắng mưa gió tuyết xin ăn, năm nào cũng thấy. Đàn ông thì cầm gậy gỗ mật cật, phụ nữ tay lắc trống bỏi, đầu đội mũ rách, phía trên cài mấy đoá hoa vải màu đỏ đã cũ, phía sau búi tóc thành một cái bím nhỏ như đuôi gà, tô son đánh phấn, hát khúc tiểu điệu, đánh trống nhảy múa, đàn ông thì làm những động tác múa phụ. Biểu diễn qua một lượt thì nhìn người chung quanh xin tiền, nói "Nương nương ơi, lão

gia à, làm việc tốt đi!". Có thể được vài mươi đồng tiền đồng.

15. **Tăng nhân đạo sĩ.** Loại ăn mày này phần lớn là sư khuyến hóa và đạo sĩ nghèo khổ vân du bốn phương, người đi đường muốn kết thiện duyên, lập tức bố thí.

16. **Ăn mày tàn tật.** Có khi tay cụt chân què, có khi cụt cả hai chân, có khi không còn cả tay lẫn chân, máu me đầm đìa, lăn tròn trong cống trên đường, kêu khóc xin ăn. Loại ăn mày này ngụ trong chùa miếu, rất thường thấy trong các miếu huyện. Có kẻ cố ý chém mình một nhát, bôi máu heo lên, kêu xin trên đường khiến người ta thấy tình cảnh thể thảm đáng thương bố thí cho vài đồng.

17. **Đập ngực.** Loại ăn mày này bất kể ai gặp phải cũng phải bủi môi chửi mắng một trận. Bởi họ xin tiền người ta không giống như ăn mày bình thường, một bên thì một đứa con kêu gào mà không có nước mắt, khóc lóc kể nỗi khổ, một bên thì một đứa cầm đũa giầy rách ra sức đập, đập vào ngực đến nổi da thịt đều thâm tím sưng vù.

18. **Đưa Thần Tài.** Loại ăn mày này chuyên đi xin vào đầu năm, mỗi khi đến chiều ngày mùng bốn tháng giêng, các chủ cửa hiệu mê tín vì muốn phát tài đều đốt hương cúng vái để đón tiếp Thần Tài. Ăn mày nắm được tâm lý ấy, bèn tới cửa hàng bán giấy mua ảnh Thần Tài vẽ bằng mực đen trên giấy vàng, cầm tới cửa hiệu nói "Thần Tài tới!". Người đời không ai nghe nói Thần Tài tới lại ra đuổi đi, nên vừa nghe "Thần Tài tới!" bèn cho là điềm may mắn, vội ra đón vào, tiện tay cho họ vài đồng tiền đồng. Trang giấy in ảnh Thần Tài mà ăn mày đưa tới ấy cũng không to lắm, rất tiện cất giữ. Loại mua bán này vốn ít lắm, thu nhập trong một đêm so với lúc bình thời thì nhiều gấp mấy lần.

19. **Hát chúc tết.** Loại ăn mày này cũng vào dịp đầu năm mới thấy. Từ ngày mùng một đến ngày rằm đầu năm

mới, tới nhà người ta xin tiền thì câu đầu tiên không thể kêu lão gia thái thái như lúc bình thời, trước tiên ắt phải hát một câu chúc mừng quen thuộc "Tân niên tân nguyệt quá tân xuân, Hoa hồng đối tử thiếp mãn môn, Đẩu đại đích Nguyên bảo thập tiến lai, Tiền môn tiến đích thị Dao tiền thụ, Hậu môn tiến đích thị Tụ bảo bồn. Tụ bảo bồn, thập kim hoa, Phú quý vinh hoa đầu nhất gia" (Tháng giêng năm mới đến mùa xuân, Câu đối đỏ hồng đầy trước sân, Vào nén bạc to như cái dậu, Vào cửa trước là Cây tiền, Vào cửa sau là Chậu của. Chậu của gắn hoa vàng, Một nhà hưởng phúc được giàu sang). Hát xong mới gọi "Lão gia, thái thái, năm mới xin chúc mừng các vị, cho tôi ít tiền đi!". Người ta muốn được điều may mắn, cũng không tiếc rẻ cho họ vài đồng.

20. **Tới vào các dịp lễ tết.** Loại ăn mày này chuyên chờ đến tiết Đoan ngọ và Trung thu thì tìm tới các cửa hiệu lớn nhỏ xin tiền. Bọn họ đứng cạnh cửa hiệu vừa gõ phách gõ vừa hát dân ca, đều căn cứ vào nội dung kinh doanh của cửa hiệu mà phổ nhạc, nửa là lấy lòng, nửa là kể khổ, lúc nào cho tiền mới chịu im.

21. **Trút cơm nguội.** Đám này tuổi còn rất nhỏ, đều có Ông chú. Mỗi khi đến bữa cơm trưa, cơm tối, tới các hàng cơm theo khu vực đã chia trước, chuyên chờ khách ra về, xông vào trút lấy cơm thừa canh cặn mang về ăn.

22. **Nhặt đồ bỏ đi.** Loại ăn mày này quá nửa là phụ nữ và trẻ em, nhiều nhất là người Sơn Đông vùng Giang Bắc. Bọn họ đeo sọt sau lưng, tay cầm que tre đi khắp đường lớn hẻm nhỏ bới trong sọt rác tìm những thứ đồ vật đã cũ mang đi bán lấy tiền, mỗi ngày có thể được hai ba hào.

23. **Nhặt tàn thuốc lá.** Loại ăn mày này tay cầm que sắt đi trên đường nhặt đầu mẩu thuốc lá mà người ta ném xuống đất, bán cho người khác để sống qua ngày.

24. **Mở cửa xe hơi.** Đây là một loại ăn mày xuất hiện mấy năm gần đây, bọn họ ăn mặc sạch sẽ tề chỉnh, chuyên đứng chờ ở cổng ba loại công ty, rạp hát, nhà hàng lớn, nhớ kỹ số xe và khách đi xe, khi khách trở ra, lập tức lần tới chiếc xe ấy, cung cung kính kính mở cửa đưa khách lên, sau đó cười hì hì chìa tay xin tiền. Nếu không cho tiền thì lâu bầu không thôi. Còn với những khách không có xe thì ra kêu xe giúp, để được vài đồng tiền đồng.

25. **Ăn mày ở cảng.** Loại ăn mày này phần lớn đều có nhà cửa, chuyên chờ ở các bến cảng xách giỏ, khiêng hàng giúp khách, những lúc làm ăn được một ngày cũng có thể được bảy tám hào.

Cảng Thượng Hải thời cận đại là nơi bọn xã hội đen hoành hành một thời. Bản điều tra báo cáo này nêu ra hai mươi lăm loại ăn mày, đều chỉ mới đưa ra những hình thức cụ thể bề ngoài chứ chưa bước vào phía sâu tẩm màn đen ăn mày kết hợp với các loại xã hội đen. Nhưng đối với hai nữ sinh viên sắp tốt nghiệp lúc bấy giờ thì làm được một bước như thế cũng đã là vô cùng khó khăn quý báu rồi. Thông qua báo cáo này, chúng ta cũng có thể có thêm một số tài liệu rất có giá trị để khảo sát cách thức kiếm sống của ăn mày xưa nay.

Cuối cùng, chúng ta hãy xem xét hai loại ăn mày dùng học vấn để xin ăn.

Theo sử sách, chùa Chiêu Khánh ngoài cửa Tiền Đường thành Hàng Châu thời Thanh hương hỏa thịnh vượng, mỗi khi gặp ngày lễ nhiều khách vãng lai thì ăn mày cũng nhiều hơn. Một lần có người ăn mày từ Thiệu Hưng tới, mặt mày sáng sủa, giỏi khôi hài, biết giữ phận, hơi có học hành, không giống bọn ăn mày léo nhéo xin xỏ ở chợ hoặc bò rạp ra đất xin ăn. Mỗi ngày y thường cùng các loại khách khứa nói chuyện xưa, kể chuyện cười, hoặc can những người cãi

nhau, có ai hỏi tới chữ nghĩa thì không gì không biết. Vì thế phần lớn người trong chợ đều vui thích bố thí cho y, có người cho mười đồng, có người cho hai mươi đồng. Y được tiền thì ngoài việc mua cơm, còn thừa bao nhiêu đều mua rượu uống thật say, uống hết thì đi ngủ. Như thế nửa năm, một hôm y đột nhiên bỏ đi, cũng không biết là đi đâu⁽²⁶⁾.

Cuối thời Thanh, ở Thượng Hải có một người ăn mày hơn ba mươi tuổi đọc văn bát cổ xin tiền. Có người học trò Mỗ thấy đổi một bài văn bát cổ lấy một đồng tiền không khỏi có chỗ đáng thương xót, bèn bước lên hỏi. Người ăn mày ấy nói "Tôi trung niên lận đận, lưu lạc tới đất này, trong túi hết tiền, quả thật rất xấu hổ, xin đừng hỏi nữa. Nếu ngài cho tôi một đôi hài cũ thì tôi vô cùng cảm tạ". Người học trò kia không có hài cũ bèn tặng hai bài thơ tuyệt cú và mười mấy quan tiền. Thơ rằng "Tiểu tụy thanh sam lệ dục liên, Văn nhân lạc phách tối kham liên (lân). Vị tăng học đắc xuy tiêu kỹ, Lãng tưng danh gia bát cổ thiên" (Áo xanh tiểu tụy lệ vòng quanh, Lưu lạc phong trần nghĩ xót anh. Thối sáo xin ăn chưa học cách, Đọc văn bát cổ để mưu sinh), "Tư ta ngã diệc thanh hàn sĩ, Tặng dĩ thanh phù mạc tiểu vi, Đồng thị tư văn nhân dục nghị, Tùng kim thiết vật tiến sài phi" (Than ôi ta cũng thân hàn sĩ, Tặng chút hành trang chẳng bỏ cười, E kẻ tư văn người trách móc, Từ nay xin đóng cửa tre thôi). Người ăn mày nhận được thơ cũng khẩu chiếm một bài rằng "Chi y bách kết tẩu phong trần, Lạc phách thù linh thử nhất thân, Thế lộ kỳ khu y lịch biến, Phùng quân kim nhật độc chu bản" (Áo đen trăm mảnh ruổi phong trần, Lận đận ại thương xót một thân, Đường thế gặp ghềnh đá trái khắp, Hôm nay gặp kẻ xót văn nhân), rồi lập tức ra đi không trở lại⁽²⁷⁾. Nghèo khổ tới mức như thế thật khiến người ta phải than thở.

(26) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Thiệu Hưng cái dữ quần cái dị*, tr. 5488 - 5499

(27) *Trình Chi Tường, Thủ trung nhân ngữ*, quyển 2, *Khất cái phong lưu*.

Những người đọc sách ngày xưa ngoài thơ văn sở học thì không biết cách nào để mưu sinh, bị rơi xuống địa vị ăn mày cũng chỉ còn cách lấy chút học vấn của kẻ đọc sách làm vốn. Nhưng người trong ví dụ sau thì khác hẳn người ăn mày ở Thiệu Hưng khoát đạt hơn người, chỉ vì nhất thời bán bách mới làm thế mà thôi. Đọc tới đây bất giác khiến người ta nhớ lại truyện ngắn *Khổng Ất Kỷ* của Lỗ Tấn. Khổng Ất Kỷ cũng là một người đọc sách rơi rụng xuống địa vị ăn mày! Khổng Ất Kỷ rốt lại cũng đau ốm mà chết, số phận càng thê thảm.

Nhìn tổng quát cách thức ăn xin của ăn mày xưa nay thì biết người ta một sớm sa sút rơi rụng không thể thoát ra được nhưng vì muốn kéo dài cuộc sống lây lất trên đời nên bất kể liêm sỉ, làm đủ chuyện xấu xa, thậm chí còn sa đọa làm điều ác. Hôm nay một chút, ngày mai một chút, khó lòng dừng lại, không sao quay đầu được. Lúc ấy thì bất kể bề ngoài giả dối ra sao, chân tướng của mọi loại người trên đời cũng bị phơi bày trần trụi. Chỉ có lúc ấy bản năng muốn sống, muốn ăn, muốn thỏa mãn mới có thể bộc lộ hoàn toàn, mới diễn ra hàng loạt bi kịch, xú kịch trên đời. Trong đó có kẻ yếu ớt, cũng có kẻ độc ác, nếu muốn bày tỏ lòng thông cảm thì cũng nên có sự phân biệt. Căn bản nhất là phải tiêu diệt hiện tượng ăn mày, nhưng việc đó nói thì dễ chứ làm thì khó. Song dù thế thì cũng phải chữa trị bằng được loại bệnh hoạn xã hội này. Phải làm cho trên vũ đài sinh hoạt của loài người, ăn mày trở thành một di tích của quá khứ.

Bức tranh về ăn mày xưa nay cũng là một cái bóng đổi màu của lịch sử đời sống xã hội loài người, một bộ lịch sử đời sống dưới đáy xã hội.

Chương 8

Hiện tượng ăn mày và phong tục tập quán

*Tập tục về tết nhất: * Ăn xin mùa xuân và xin
xỏ cuối năm * Ăn mày đuổi vua Táo.*

*Tập tục về ăn uống: * Truyền thuyết về sủi cào
* Truyền thuyết về Lục Cảo Tiến * Truyền thuyết về
món Gà ăn mày * Gạo trăm nhà * Đả thiên trai.*

*Về đạo đức trung hiếu: * Ăn mày có hiếu, hiếu
tử tâm * Giả ăn mày tích cóp tiền bạc cho con cái.*

*Tập tục về tôn giáo: * Sư hành cước chôn Phật
xuống đất * Cháo Lạp bát * Sư lác lác tham tiền
giết người * Khưu Xử Cơ tả tiết Chung cữu * Ăn mày
tiên dạy ăn mày người * Ngồi trong cũi hóa duyên.*

Ăn mày là một hiện tượng xã hội.

Ăn mày là một hiện tượng văn hóa.

Từ góc độ cá thể văn hóa mà nói, ăn mày có tập tục lưu truyền cố hữu của một quần thể, là một loại biến thái văn hóa trong á văn hóa. Đồng thời từ góc độ tổng thể văn hóa mà nói, văn hóa ăn mày cũng không tồn tại độc lập, nó là một nhánh của á văn hóa mọc lên từ mảnh đất văn hóa dân tộc. Vì thế văn hóa ăn mày tất nhiên cũng trực tiếp hoặc

gián tiếp đan xen với nhiều mặt nhiều tầng của văn hóa dân gian và văn hóa bác học.

Lịch sử ăn mỳ là một nhánh của lịch sử xã hội. Lịch sử ăn mỳ là một nhánh của lịch sử văn hóa, một nhánh lịch sử biến thái văn hóa.

Điều đó không còn gì phải nghi ngờ.

Tiến hành khảo sát phân biệt các loại phong tục tập quán của ăn mỳ hình thành, lưu truyền trong lịch sử và các phong tục tập quán trong văn hóa dân gian có quan hệ với ăn mỳ sẽ có ích cho việc hiểu rõ hơn về "Chức năng chủ thể" của văn hóa dân tộc đối với các biến thái văn hóa khác, cũng như về "Hiệu ứng ngược lại" của biến thái văn hóa đối với văn hóa chủ thể. Nghĩa là xét trong tổng thể thì hình thức và nội dung của văn hóa biến thái chịu sự chế định của văn hóa chủ thể, nhưng xét trong kết cấu bề sâu của một loại văn hóa biến thái thì cũng có tác động trở lại phong tục tập quán của văn hóa chủ thể và tầng nấc của văn hóa bác học.

Ở đây chú trọng khảo sát một số hiện tượng hoặc hình thái cơ bản trong cơ sở văn hóa dân tộc của văn hóa ăn mỳ và tác dụng đan xen của chúng với phong tục tập quán dân gian.

1. Tập tục về tết nhất

Vì Trung Quốc là một quốc gia có nền văn minh nông nghiệp lâu đời, lại thêm đất rộng người đông, chịu sự quy định sâu sắc của hoàn cảnh địa lý, nên các phong tục ngày tết là nảy sinh trên các tập tục và định chế cơ bản nhất, quan trọng nhất của người Hán và một số dân tộc thiểu số.

Người Hán và nhiều dân tộc thiểu số đều coi ngày tết là ngày lễ mừng quan trọng nhất. Từ khi theo dương lịch, ngày Nguyên đán đến nay vẫn chưa mất đi địa vị truyền

thống trong âm lịch. Ngày mồng một là ngày đầu năm, là ngày tổng cựu nghênh tân, tục gọi là ngày Quá niên, chính phản ảnh nội dung cơ bản ấy. *Nhĩ nhĩ, Trạch thiên* chép "Nhà Hạ gọi là Tuế, nhà Thương gọi là Tự, nhà Chu gọi là Niên, Đường Ngu gọi là Tái". Đủ biết trong thời đại Nghiêu Thuấn xa xưa trong truyền thuyết đã hình thành phong tục về ngày tết (năm mới). Ở các khu vực người Hán, nơi nào cũng hình thành các hiện tượng phong tục như treo bùa đào, dán hình Môn thần, dán tranh Tết, dán câu đối, dán giấy đỏ viết chữ chúc tụng, cúng Thần Tài, Phá ngũ, ăn cơm tết, đốt pháo tre. Tục ngữ nói "Nhất niên chi kế tại vụ xuân" (Kế sách một năm ở mùa xuân), "Tân niên thuận, nhất niên hảo" (Qua năm thuận, cả năm tốt). Trong văn hóa nông nghiệp truyền thống suốt năm lo lắng về đời sống cơm áo bệnh tật thiên tai nhân họa, thì nghèo khổ, bệnh tật và tai họa thủy chung vẫn là nỗi lo âu ám ảnh tâm lý con người. Cho nên từ ngày mồng một đến mồng ba năm mới, điều kiêng kỵ có tính chất tiêu biểu là kiêng ăn mỳ tới nhà xin tiền làm thành điểm không hay, không được làm vỡ đồ vật (nhất là những đồ dùng có liên quan tới việc ăn uống như nồi niêu chén bát), đều là những điều cấm kỵ vì sợ rủi ro cả năm. Điều kiêng kỵ ấy đến nay vẫn còn lưu hành trong rất nhiều khu vực người Hán. Người không đủ cơm áo, không biết làm sao sinh sống mới rơi rụng xuống cảnh gõ cửa dọc phố xin ăn. Người ta sợ nghèo đói, khát khao qua năm mới sẽ chuyển qua vận hội giàu sang phúc thọ, nên trước đêm giao thừa phải đón Thần Tài, cúng mời Nguyên soái Triệu Công Minh chiếu cố phù trì, mà vừa qua năm mới lại gặp ăn mỳ tới cửa xin tiền thì tự nhiên sẽ gặp xui xẻo. Vả lại ngày mồng năm tháng giêng là ngày Phá ngũ ở rất nhiều địa phương, một số địa phương còn có hoạt động Tiễn nghèo (Tổng cùng), Hắt nghèo (Băng cùng). *Lâm Đồng huyện chí* chép "Ngày mồng năm tháng giêng, cắt giấy thành hình người ném ra ngoài cửa, gọi là Tiễn nghèo". *Diên Tuy huyện chí* chép "Ngày mồng năm ăn

no gọi là Lấp năm nghèo (Điền ngũ cùng)". *Hàn Thành huyện chí* chép "Ngày mồng năm, kiêng ra khỏi nhà, lấy thịt mới cho vào nồi, đốt lửa nướng lên, hoặc dùng mè đậu, gọi là Xô nghèo" vân vân. Ăn mày khốn cùng không còn đường sống phải đi xin ăn, đâu có ai muốn! Không muốn làm ăn mày, tất nhiên dẫn tới việc năm mới không muốn gặp ăn mày làm xui xẻo.

Vậy thì ăn mày "quá niên" ra sao? Mọi người không phải vì sợ nghèo mà đêm giao thừa đón Thần Tài để cầu xin giúp đỡ mong được cát tường sao, vì thế đám ăn mày cũng chiêu đón tâm lý ấy trong phong tục dân gian, mua một số giấy bồi in hình Thần Tài vẽ vụng về đưa tới các gia đình, mượn đó kiếm ít tiền thưởng. Ai mà dám cự tuyệt Thần Tài tới cửa, nên để mong điều cát lợi, đều thưởng tiền cho họ để rước Thần Tài. Vả lại còn phải tươi cười vui vẻ, hăng hái mời thỉnh, chỉ sợ bọn ăn mày đưa Thần Tài tới nói những lời khó nghe. Một ngày làm việc "Đưa Thần Tài" đầy tính lừa đảo ấy không những thừa tiền cho đám ăn mày quá niên, mà còn là một thu nhập lớn hàng năm của họ. Quá đáng hơn, một số đoàn thể ăn mày còn thường nhân dịp ấy để yêu sách đòi hỏi. Như Trần Vũ Môn trong *Khai Phong xuân tiết câu trăm* có kể lại một chuyện "Tết nhất cũng là thời gian phát tài nhất của bọn Hoa tử (ăn mày) và bọn đệ tử Tọa bát ở chùa Tướng Quốc. Theo các bậc kỳ lão ở Khai Phong kể lại thì cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc từ mồng một đến ba mươi tháng chạp, bọn đệ tử ở chùa Tướng Quốc kết hợp với bọn đệ tử Tọa bát (một chi trong cừu lưu trên giang hồ, bao gồm cả bọn Bát thủ, dụ dỗ, lừa đảo) đóng vai ma quỷ phụ nữ, đánh trống thổi sáo, từ buổi chiều mỗi ngày tới ngồi trước cổng các hiệu buôn và đi dọc phố xin xỏ, càng gần ngày giao thừa càng quá hơn. Từ khi Bá tử (tức ông trùm) chùa Tướng Quốc Lỗ Diệu ra mặt điều đình, mỗi khi giáp Tết, các nhà buôn lớn chọn ra một người đại diện đem theo một số tiền thù lao đưa tới cho trùm

ăn mỳ, gọi là "Tống niên". Từ năm Dân quốc thứ 8 trở đi, phong tục ấy mới mất dần. Ngoài ra người viết còn đích thân nhìn thấy, trước thời kỳ chiến tranh chống Nhật thường có bọn ăn mỳ hát khúc *Liên hoa lạc*, sai một đứa nhỏ đầu trùm bao cói khoét lỗ để hở mũi và miệng, trên dùng than vẽ hình một con ba ba, giữa viết hai chữ "Vương Bát" (khốn nạn), buộc dây thừng vào cổ, kéo đi dọc đường phố xin ăn, gọi là thu gom vận rủi. Mỗi khi tới một cửa hiệu thì theo cửa hiệu lớn nhỏ mà đòi tiền theo số tám (tức 80, 800, hay ít nhất 8 đồng), các thương gia có kinh nghiệm lập tức cho 80 hoặc 800 đồng thì họ sẽ nói một hai câu cát lợi rồi chào đi. Nếu không sẽ nói toàn những lời khó nghe, cả ngày không thôi, còn nếu họ dùng mâm đặt lễ vật bốn màu, chúc mừng năm mới trước, phải gói sẵn tiền lễ hậu hĩ (ít là 100, nhiều là 1.000 đồng chế tiền) để cho thì càng là việc thường thấy⁽¹⁾.

Những việc như thế đều trở thành một bộ phận cấu thành tập tục ngày tết thời trước, mà ăn mỳ cũng hình thành một số thói quen tương ứng. Thú vị là ở chỗ lúc bình thời mọi người dưới sự thúc giục của tâm lý thông cảm với kẻ yếu và lòng thiện lương nhất định sẽ vui vẻ tùy túi tiền mà bố thí cho họ một ít, nhưng khi có xung đột với số phận bản thân và lợi ích thiết thân của mình người ta lại tiến hành các biện pháp tự vệ theo bản năng. Đám ăn mỳ biết thế nên tự giác né tránh những sự cấm kỵ ấy, không tới xin tiền đầu năm mà cuối năm đã đi xin, đó cũng là sự thích ứng khéo léo đối với những chế định của tập tục, tức là thay đổi phương thức khiến nó trở thành một hủ tục nhìn từ cả hai phía. Còn như ăn mỳ ở Hà Nam trước kia "Xin tiền ắt theo số tám", thì càng là sự lợi dụng khéo léo về số tám trong văn hóa số của người Hán được coi là số tốt, số may.

(1) Xem *Hà Nam văn sử tư liệu* tập 5, Hà Nam Nhân dân xuất bản xã, 1981, tr. 170 - 171

Việc ăn mày đi xin tiền cuối năm đã bắt đầu có từ thời Tống, gọi là "Đả dạ hồ (hồ = cổ + nhục). Mạnh Nguyên Lão thời Tống trong *Đông Kinh mộng hoa lục* quyển 10, *Thập nhị nguyệt* viết "Bắt đầu đến tháng này thì có kẻ nghèo năm ba người họp thành một nhóm, đóng giả đàn bà quỷ thần, khua chiêng đánh trống, đi tới từng nhà xin tiền, gọi là Đả dạ hồ, cũng là đạo xua đuổi tà quỷ". Việc Đả dạ hồ này trong quyển *Dương công bút lục* của Dương Ngạn Linh viết là Đả dạ hồ (hồ = khuyến + qua), *Vân ly mạn sao* của Triệu Ngạn Vệ viết là Đả dã hồ. Có điều có địa phương đưa Thần Tài, có địa phương thì giả thần giả ma, trong thực tế đều là biến tướng của việc nhân cơ hội kiếm tiền, chỉ là tên gọi khác nhau mà thôi. Ở Tô Châu thời Thanh thì có việc ăn mày đuổi vua Táo, như Cố Lộc thời Thanh trong *Thanh gia lục*, quyển 12, *Thập nhị nguyệt*, *Khiêu Táo vương* chép "Ngày mồng một, đám ăn mày năm ba người họp thành một nhóm, cải trang thành ông Táo, bà Táo, đều cầm phách tre tới hát trước cửa xin tiền, đến ngày 24 thì thôi, gọi là đuổi vua Táo (Khiêu Táo vương). Chu Tông Thái trong *Cô Tô trúc chi từ* nói: Hựu thị tàn đông cấp cảnh thôi, Nhai đầu tài mã điểm tề khai. Táo thần nhân my tương nhân my, Tất cánh tiền tài nằng để lai (Lại tới tàn đông sắp tết rồi, Phố phường hàng quán mở đông dấy, Người đem thần Táo đưa lừa đối, Chỉ cốt làm sao nặng túi thôi)". Về việc này, Cố Lộc còn theo phương thức lời án khảo đính dẫn chứng như sau "Lý Khuếch trong *Kính thánh từ* viết: Hạp trung thủ kính từ Táo vương (Lấy gương trong tráp chào Táo vương), tức gọi thần Táo là vua Táo, từ thời Đường đã như thế. Lại Lý Trác trong *Tần trung mộng thời ký* viết: Cuối năm hàng ngày tới cửa, đều cải trang làm quỷ thần. Trong đó có hai ông già làm Ông Na Bà Na. Gia Tuyết Đình trong *Thổ phong lục* nói đó tức là Ông Táo, Bà Táo hiện nay. *Lương thư* nói: Na là gọi kẻ quê mùa. *Nam sử*, *Tào Cảnh Tông truyện* viết: Thường vào tháng chạp sai người trong nhà làm ma quỷ rồi xua đuổi... Các sách *Duy*

giang, *Chấn chí* cũng viết: Ngày hai mươi bốn, ăn mỳ bôi mặt cải trang, giả trang thành Nữ Phấn quan, quát tháo đuổi thần Nan, xin xỏ đồ vật, tục gọi là Khiêu Táo vương. Chu Mật trong *Vũ lâm cựu sự* cũng nói: Ngày hai mươi bốn, chợ búa đón thần Na. Lại như Ngô Mạn Vân trong bài tựa quyển *Giang hồ tiết vật* từ cũng nói: Đất Hàng có tục đuổi vua Táo, đến hạ tuần tháng chạp, đám ăn mỳ bôi phấn mực lên mặt, nhảy nhót trên đường phố, lấy đó xin tiền gạo. Có thơ rằng: Tá danh tư mệnh tác hương Na, Bất túy kỳ như lữ vũ ta. Phấn mặc đương trường cung tiểu mị, Chỉ khoa năng để đắc tiền đa (Mượn danh giữ mệnh gọi thần Na, Không rượu mà ra diễn đủ trò, Sơn phấn giữa đường đua diễn xướng, Cốt sao trong túi nặng tiền cho)". Trong đó còn có tập tục ăn mỳ đuổi Chung Húc. *Thanh gia lục* quyển 12, *Thập nhị nguyệt*, *Khiêu Chung Húc* chép "Ăn mỳ mặc áo rách làm giáp trụ, giả làm Chung Húc, nhảy nhót dọc theo các nhà để đuổi quỷ, cũng bắt đầu từ ngày mồng một đến ngày cuối năm thì thôi, gọi là đuổi Chung Húc. Chu Tông Thái trong *Cô Tô Trúc chí* từ viết: Tàn tu phá mạo cựu y thường, Vạn lượng hoàng kim tiến thổ hương. Bảo kiếm tân ma kham trục quỷ, Cư nhiên hộ quốc hữu trung lương (Mão rách râu xơ áo cũ buông, Muôn lượng vàng ròng nộp cúng đường, Kiếm báu mới mài đem đuổi quỷ, Rõ ràng giúp nước có trung lương)". Đương nhiên muốn ăn mỳ đuổi Chung Húc cũng là một đề mục để họ kiếm tiền, chẳng qua sau cùng thì trở thành một tập tục. Mọi người đã muốn làm vui lòng thần và mình vui, nhưng lại không muốn đích thân đóng giả quỷ thần "làm mất tư cách" thì chỉ còn cách móc túi bỏ tiền ra thuê đám ăn mỳ tiện dân làm thay, thông qua việc bố thí mà buôn bán với ăn mỳ, từ đó đạt tới mục đích làm vui lòng thần và mình vui. Như thế lại khiến ăn mỳ đóng vai kẻ liên hệ giữa quỷ thần và người trần. Tôn kính thần mà lại lấy ăn mỳ làm vui lòng thần, hy sinh nhân cách của ăn mỳ, coi ăn mỳ là sứ giả trung gian giữa người và ma, đúng là một sự rắc rối khiến người ta

không sao hiểu được. Nhưng trong các tập tục xưa nay đâu phải ít những chuyện mâu thuẫn như thế. Từ một ý nghĩa nhất định mà nói, tập tục là một mâu thuẫn đặc biệt, một loại công cụ phù hợp để điều giải, quân bình một mâu thuẫn đặc biệt.

2. Tập tục về ăn uống

Dân lấy ăn làm trời. Theo ý nghĩa vốn có của câu ấy mà nói, thì ăn mày xin ăn, trước hết là để giải quyết vấn đề cái ăn. Như thế ắt có phát sinh quan hệ với một số tập tục ăn uống của ăn mày.

Tương truyền trước đây có một vị tài chủ lớn, xước hiệu là Vạn đại gia. Nghe nói sủi cảo ở quán Lão Lai Hương rất ngon, xa gần biết tiếng, y muốn ném thử một lần. Người trong quán không dám chậm trễ, vội vàng bung lên. Vạn đại gia ăn một miếng, cầu nhàu nói "Sủi cảo này cũng có mùi vị, nhưng vô nhiều thịt ít". Lúc ấy y ăn hết sủi cảo mà nhà vô ra đất, ăn tới mức mặt đất chung quanh bàn đầy vỏ sủi cảo. Một hôm Vạn đại gia lại ăn sủi cảo ở đó, một lão ăn mày già cũng vào quán, thấy trên mặt đất có vỏ sủi cảo, bèn khom người nhặt hai miếng cho vào mồm. Lúc ấy Vạn đại gia nhắc chân đá vào tay y chửi "Lão già chết bầm nhà ngươi mù à? Đây là ta bỏ tiền ra mua, ngươi nhặt cái gì, cút mau đi cho ta!". Người trong quán sợ lớn chuyện sấn tới khuyên lão ăn mày đi ra. Cứ thế hàng ngày Vạn đại gia đều tới ăn sủi cảo, mà đều theo lối ăn ruột bỏ vỏ. Mùa thu năm ấy trên núi bốc cháy, cháy thẳng tới nhà Vạn đại gia, đốt rụi gia sản hàng vạn quan của y. Trong vài giờ y trở thành kẻ khốn cùng, chỉ còn cách bị gậy đi ăn xin, trở thành ăn mày. Hôm ấy y tới xin trước quán sủi cảo Lão Lai Hương, tất cả tiền lẻ trong túi cũng không đủ để ăn sủi cảo, đói tới mức ruột sôi ùng ục, chỉ còn cách bước vào tìm cái gì ăn. Người trong quán muốn xô y ra ra ngoài, lại nhận ra là Vạn đại gia ngày trước, bèn nói

"Người là khách quen ở đây, ngồi xuống đi, ta cho người cái gì ăn". Nói xong kéo Vạn đại gia vào bếp, để y ngồi xuống cạnh bàn, lát sau mang cho y một tô canh bốc khói ngùn ngụt, nói "Ăn đi, cái này là cho không người đấy". Vạn đại gia ngồm ngoàm ăn uống, người trong quán hỏi y có thơm không, y chỉ gật đầu. Người trong quán nói với y "Đây là vô sủi cảo đấy. Số vô sủi cảo này là trước kia người nhờ xuống đất, ta nhặt tất cả lại phơi khô, giữ lại cho người thiếu cơm ăn. Hôm nay vừa khéo, người cũng tới ăn một bát". Vạn đại gia ngẩn ngơ nhìn cái bát còn một ít nước cạn, tay run lên, nước canh đổ ra. Y muốn đi nhanh ra khỏi quán nhưng chỉ thấy hai chân nặng chịch không nhấc lên nổi, cố bước lên một bước, lập tức ngã lăn xuống đất, không sao đứng dậy nổi⁽²⁾. Ở Trung Quốc truyền thuyết dân gian về loại người giàu có không biết tiết kiệm, đến khi lưu lạc làm ăn mảy mòi tình ngộ xấu hổ như thế hầu như địa phương nào cũng có, thuộc về một đề tài giống nhau hoặc rất gần gũi với nhau.

Học giả Đinh Nãi Thông người Mỹ trong "Chuyện kể sinh hoạt", phần "Chuyện kể phổ biến" của quyển *Trung Quốc dân gian cổ sự loại hình sách dẫn* cũng chép một chuyện "Vô sủi cảo" có nội dung tương tự. Chuyện kể một vị công tử hào hoa giàu có, hầu như ngày nào cũng đồ một ít cơm miến xuống rãnh, không hề tiếc rẻ. Về sau cha y phá sản, y cũng bắt đầu nếm mùi đói khát. Một hôm y bắt buộc phải rời nhà đi xin ăn, mấy người láng giềng cho y thức ăn gì đó rất ngon. Lúc y đang cảm kích bất tận, họ nói đó chẳng qua chỉ là một phần số thức ăn mà trước kia hàng ngày y đồ xuống rãnh được họ vớt lên mà thôi⁽³⁾. Trong các bút ký tạp ký của văn nhân thời cổ cũng ghi lại rất nhiều những chuyện

(2) Xem thêm *Giáo tử biên dịch cổ sự* (Chuyện cổ tích về vô sủi cảo) trong *Dân tục thú thoại*, Cát Lâm Nhân dân xuất bản xã, 1984, tr. 73 - 75

(3) Bản dịch của nhóm Mạnh Tuệ Anh, Xuân Phong Văn nghệ xuất bản xã, 1983

tương tự. Thời nào người ta cũng vận dụng chủ đề ấy trong truyền thuyết dân gian để giáo dục người đời, dạy dỗ người sau phẩm chất tốt đẹp biết quý trọng lương thực, giàu có mà không kiêu căng xa xỉ. Trong các truyền thuyết có liên quan lại có rất nhiều trường hợp lưu lạc làm ăn mảy mềnh vì không nghe lời khuyên răn ấy.

Thức ăn là vật cơ bản nhất trong việc duy trì, kéo dài tính mạng của loài người, các tập tục ăn uống hình thành trên cơ sở đó phần lớn đều lấy việc ăn thế nào cho ngon lành, cho khỏe mạnh làm trọng tâm. Thú vị là ở chỗ sự phát sinh của nhiều món ăn ngon lành trong dân gian lại có quan hệ với ăn mảy.

Ở khu vực từ sông Trường Giang trở về phía nam tỉnh Giang Tô có rất nhiều các quán cơm mang biển hiệu là Lục Cảo Tiến, có nhiều quán còn thêm vào phía trước những chữ như Chân, Lão, để làm rõ bằng hiệu của mình. Lục là họ, Cảo Tiến chính là cái chiếu cỏ. Vốn đầu tiên có một nhà Lục Cảo Tiến ở cầu Thố Phường tại Tô Châu, vốn tên là Lục Vinh Trai, chủ quán họ Lục, ưa điều lành hay bố thí. Tương truyền một hôm có người ăn mảy quần áo rách rưới, mặt mảy vàng vọt vào xin bố thí. Chủ quán họ Lục giữ y lại, lại mời thầy thuốc chữa bệnh cho y. Sau khi khỏi bệnh, một buổi sáng sớm người ăn mảy ấy không từ biệt mà bỏ đi, chỉ để lại trên giường một cái chiếu cỏ, chủ quán họ Lục bảo người nhà cuốn lại cất đi. Vừa khéo mùa xuân năm ấy củi cỏ thiếu thốn, chủ quán bèn sai người nhà đem cái chiếu ấy làm củi nấu thịt. Người nhà vừa vớt cái chiếu vào bếp, lập tức thịt trong nồi bốc mùi thơm lừng, người chung quanh ai cũng chảy nước dãi. Mọi người đều vô cùng kinh ngạc, ngờ rằng người ăn mảy ấy có thể là Lý Thiết Quái thuộc bát tiên trong truyền thuyết, chuyên cải trang thành ăn mảy chống gậy sắt, cái chiếu cỏ y đã đắp qua chắc chắn không phải vật tầm thường. Lúc ấy họ lập tức rút cái chiếu cỏ chưa cháy hết trong bếp ra, giữ gìn

cẩn thận. Về sau mỗi khi nấu một nồi thịt lại rút một hai cọng ra cho vào bếp, hiệu quả cũng như thế. Từ đó món thịt của quán ấy nổi tiếng xa gần, làm ăn thịnh vượng. Để mời gọi khách khứa, chủ quán bèn đổi tên quán Lục Vĩnh Trai thành Lục Cảo Tiến. Về sau, vì cạnh tranh nên trong thành Tô Châu xuất hiện rất nhiều quán ăn mang tên Lục Cảo Tiến, Lục Cảo Tiến cũng trở thành tên một món thịt ngon nổi tiếng khắp nam bắc Đại giang⁽⁴⁾.

Một người ăn mày thần bí, một chiếc chiếu cỏ thần kỳ, đưa lại một món ăn ngon mang sắc thái truyền kỳ. Chuyện ấy phản ánh ham muốn của loài người đối với món ăn ngon, lại thể hiện ý thích mỹ học dân gian về việc không thể coi thường kẻ nghèo hèn yếu ớt và của cải. Ai ngờ không những vào lúc cuối năm bị coi là vật bất tường, chiếc chiếu cỏ cũng từng nhiều lần bị coi là vật không may. Lý Thương Ẩn thời Đường trong *Nghĩa sơn tạp toản*, *Bất tường* có một chuyện *Tiến thượng tọa*, lại trong *Nghi lễ*, *Tang phục* coi việc đắp chiếu cỏ gối gối đất là nghi thức lúc có tang⁽⁵⁾. Lại thêm cỏ trong khoảng trời đất vốn là vật hèn hạ, ăn mày trên thế gian cũng thuộc loại tiện dân. Đem nguồn gốc của món ăn ngon ghép vào với vật hèn hạ và tiện dân, cũng là một tầng nấc của ý thức triết học trong tâm lý "Lấy sự hèn hạ làm cái đẹp" hoặc "Cái đẹp xuất phát từ sự hèn hạ", là phản ánh đặc

(4) Xem thêm Dương Văn Kỳ, *Trung Quốc ẩm thực dân tục học* (Dân tộc học ẩm thực Trung Quốc), Trung Quốc Triển vọng xuất bản xã, 1983, tr. 41 - 42; Tiêu Sĩ Thái, Trịnh Bá Hiệp, *Trung Quốc thổ sản sản truyền thuyết* (Truyền thuyết về thổ sản đặc sản Trung Quốc), Thượng Hải văn nghệ xuất bản xã, 1982, tr. 116 - 117. Truyền thuyết hai sách này chép về tình tiết có khác nhau nhưng đều lấy việc người ăn mày lưu lại cái chiếu cỏ làm cốt lõi, đây theo sách trước.

(5) Xem thêm Khúc Ngạn Bân, "*Tiến thượng tọa*" hà dĩ "*Bất tường*" (Vì sao "*Tiến thượng tọa*" là "không hay"), *Xã hội khoa học tập san*, số 1, 1988

điểm mâu thuẫn mạng tính chất song trùng trong tâm lý mỹ học dân gian.

Truyền thuyết về món "Gà ăn mày" trong dân gian cũng tương tự. Gà ăn mày (Khất cái kê) là một món ăn ngon ở vùng Thường Thục Giang Tô, dùng cách thức nướng đặc biệt và mùi vị độc đáo mà nổi tiếng khắp bốn phương. Cách làm đại thể là trước hết dùng gà mái lớn béo, sau khi cắt tiết nhỏ sạch lông, móc hết bộ lòng, rửa sạch để ráo nước, sau đó nhồi vào bụng gà nhiều loại phối liệu như thịt tươi, tôm, hương trường, nấm hương cô, lòng gà, đinh hương và các thức gia vị như hành, gừng, muối, dầu tương, bên ngoài con gà thì phết lên một lớp mỡ heo, rồi dùng lá sen bọc lại, bên ngoài đắp đất sét lên, sau cùng đặt lên bếp than nướng lửa lớn từ bốn tới năm sáu giờ, bỏ lớp đất sét ra là ăn được. Món gà này thơm ngon vừa miệng, có mùi thơm riêng, đặc biệt ngon lành. Trước đây ở trấn Ngu Sơn huyện Thường Thục có rất nhiều quán cơm bán món Gà ăn mày, xa gần mộ tiếng tìm tới nườm nượp không dứt. Theo truyền thuyết năm Quang Tự thứ 8 (1882) mở ra quán cơm Sơn Cảnh Viên ở Ngu Sơn, bắt đầu có món gà ăn mày ấy, đến nay đã có lịch sử hơn một trăm năm.

Vậy thì tại sao lại gọi món ấy bằng từ "Ăn mày"? Tương truyền cách nướng gà ấy là do một người ăn mày thời Minh dưới núi Ngu Sơn huyện Thường Thục sáng chế ra. Người ăn mày này không biết tên họ là gì. Cuối năm y lưu lạc tới miếu Thành hoàng tại một thôn trong huyện Thường Thục, đói bụng gần chết, lại sợ lúc bảy giờ người ta kiêng tới cửa xin ăn, không tiện vào thôn kiếm chác. Y bần thần ra khỏi cửa miếu, thấy một phụ nữ trung niên đang xách một con gà mái béo vừa giết xong từ khe nhỏ bên cạnh thôn đi tới. Bà ta vừa tới cạnh khe, phía sau lại có một đứa bé đuổi theo, tới cạnh khe ngồi xuống vọc nước chơi đùa. Người phụ nữ cao giọng kêu "Ái chà, cục cưng của mẹ, không được

ngịch nước. Đi về nào!". Nói xong vội vàng đặt con gà xuống tảng đá bên khe, đưa đứa bé về thôn. Bên này người ăn mày nhìn thấy, có được cơ hội ấy, dù cho mình qua năm mới. Lúc ấy y nhặt con gà mái lên xoay người bỏ chạy, lúc vội vàng một chân thụt xuống bùn, ngay cả đôi hài rách cũng lấm bùn be bét. Chạy lên tới trên núi, một là không có nổi, hai là không có bầu nước, rốt lại cũng không thể ăn thịt gà sống! Y chợt nhìn thấy bùn đất dính dưới chân, bèn nẩy ra chủ ý. Lúc ấy y nhúng con gà vào hồ nước cho ướt, dùng bùn bôi lên con gà thật kín, rồi châm lửa đốt một mớ củi củi nướng lên. Y không chờ được liền lôi con gà trong đồng than ra, lúc bùng lên bị bỏng tay, "ái chà" một tiếng buông xuống đất. Con gà vừa chạm đất, bùn đất vỡ ra, cả lông gà cũng tuột ra, lộ ra thịt gà hồng tươi, y ném một miếng thấy thơm lùng, bèn ăn một bữa qua năm ngon lành. Về sau cách nướng gà ấy không biết vì sao truyền vào quán cơm, thêm thất thêm một tầng, thu hút rất nhiều thực khách, vì thế càng làm càng ngon, công nghệ, phối liệu tuy nhiều lần cải tiến nhưng phương pháp cơ bản là bọc đất nướng lửa vẫn như cũ, trở thành một món ăn truyền thống dân gian ngon lành⁽⁶⁾.

Các nhà nhân loại học coi việc nhân loại phát hiện ra lửa để nấu nướng thức ăn so với ăn sống thì có nhiều dinh dưỡng hơn, mùi vị cũng thơm ngon hơn, từ đó mới học cách lấy lửa, dùng lửa nấu nướng, dùng lửa soi sáng, và dùng lửa để giữ lửa, coi đó là một trong những tiêu chí để bước vào xã hội văn minh. Dùng phương pháp nguyên thủy nhất để chế ra món gà ăn mày, không những ngon lành hấp dẫn mà còn đạt tới chỗ sâu sắc của ý thức mỹ học thuần phác hoài cổ nhớ xưa phản phác quy chân của con người. Tức nói món gà ăn

(6) Trương Tử Thần, *Trung Quốc cổ đại truyền thuyết*, Cát Lâm Văn sử xuất bản xã, 1986, tr. 256 - 257, Tiêu Sĩ Thái, Trịnh Bá Hiệp, *Trung Quốc thổ đặc sản truyền thuyết*, Thượng Hải Văn nghệ xuất bản xã, 1982, tr. 113 - 115. Truyền thuyết hai sách này chép về tình tiết có khác nhau, đây theo sách sau.

mày là một hiện tượng vật chất cụ thể nhưng cũng là kết tinh của sự dung hợp vật chất và tinh thần. Nếu không nó cũng chỉ có thể hữu danh vô thực, cũng sẽ không có sức sống rộng rãi liên tục như thế trong các món ăn dân gian.

Bắt đầu từ sự tế tự của người nguyên thủy, đã mở ra nghi thức con người ắt phải dâng hiến thực phẩm cho quỷ thần. Bắt đầu từ việc dâng hiến ngũ cốc, gia súc cho tới lấy đầu người rồi người sống để cúng tế (chữ Mạnh - vật dụng trong Giáp cốt văn vốn có ý nghĩa là mổ ra để dâng hiến cho thần linh). Như vậy đó đã là tập tục tín ngưỡng, tập tục nghi lễ mà cũng thuộc phạm trù tập tục ăn uống trong dân gian. Mọi người đã nhân cách hóa quỷ thần, tất nhiên cũng chiếu theo mô thức văn hóa của loài người và tập tục ăn uống của bản thân để lấy lòng quỷ thần. Ăn mày lấy việc xin cơm đỡ lòng làm gốc, dựa vào việc ăn cơm của thiên hạ mà sống. Vì thế người ta lại sáng chế ra rất nhiều cách "Cơm trăm nhà" (Bách gia phạn) để tiêu tai giải họa, trở thành một loại tập tục. Hồ Phác An trong *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí* quyển hạ ghi chép việc "Mê tín chuột ở Sùng Minh" tại Giang Tô nói "Người Sùng Minh có ba sự mê tín về chuột. Một là chuột đếm tiền ... Hai là chuột huyệt chân. Lúc con chuột ra ngoài tìm cái ăn, có khi huyệt chân rơi xuống đất. Các phụ nữ mê tín cho rằng ai nhìn thấy sẽ có chuyện rất bất lợi, nếu không mắc bệnh ắt có tai họa gì khác, ắt phải tìm cách giải trừ. Cách thức giải trừ thì người nhìn thấy phải đi tới từng nhà trong làng xin gạo trắng, gọi là gạo trăm nhà, mang về nấu cơm ăn thì có thể giải trừ tai họa. Tuy phụ nữ nhà giàu cũng phải cải trang thành ăn mày đi xin gạo, thật rất buồn cười. Thứ ba là chuột cắn đồ vật", vân vân⁽⁷⁾. Lúc bình thời người ta coi ăn mày là hèn hạ là điếm bất tường, khi gặp việc lại khom lưng khuất thân bắt chước ăn mày đi xin, hạ thấp nhân cách của mình để tiêu tai giải họa, thật ra cũng là

(7) Hà Bắc Nhân dân xuất bản xã bài ấn bản, 1986, tr. 206 - 207

hành vi ngu muội để điều hòa tâm lý của mình. Ăn mày không vì chuột mà ngờ thần ngờ ma, đó là vì họ lưu lạc đầu đường xó chợ không nơi nương tựa, bữa đói bữa no, chỉ vì nhất thời cơm áo thúc bách nên không thể có những nỗi lo lắng khác, chứ người khác còn lo lắng và ham muốn hơn ăn mày nhiều. Tâm lý ấy biểu hiện rất rõ, tựa hồ chỉ cần làm ăn mày một lúc thì có thể xóa tan lo lắng, yên ổn không bị tai họa. Trong thực tế, điều mà cách làm ấy giải quyết được chỉ là tạo ra hiệu ứng về mặt tinh thần mà thôi.

Tục lệ mô phỏng ăn mày xin gạo trăm nhà để tiêu tai giải họa, nhiều địa phương đều có. Như người Bình Hương Hồ Nam cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, nếu té ngã bị thương, da thịt sưng lên, bị ngoại thương hoặc bị những bệnh ngoài da lâu ngày không khỏi, sẽ nhờ bạn bè người thân mang giỏ trên lưng đi các nhà xin gạo, nhiều thì một thăng, ít thì một đĩa một vò khác nhau, ngoài ra còn thêm tiền đèn hương tùy giàu nghèo khác nhau. Cứ thế đi trên đường ăn xin nhiều ngày, có thể xin được ba bốn tới mười gánh gạo. Sau đó đem một nửa số gạo ấy nghiền ra bột, viên thành viên, đun lên gấc chín cho vào vật đựng bằng tre, chọn mấy người khỏe mạnh đứng trên nóc nhà ném ra bốn phía, để trai gái chung quanh tranh nhau nhặt, gọi là Cúng chay (Thương thiên trai), ném xong, mọi người cùng kêu lớn một tiếng rồi giải tán, nghe nói như thế có thể lập tức khỏi bệnh. Lúc tranh nhặt đồ cúng, tất cả những người bản thân mỗi một đều không dám xông lên, vì nếu không nhặt được mười viên trở lên có khi lại mắc bệnh, nhất định phải ném trả lại, gọi là Đánh chay (Đả thiên trai)⁽⁸⁾. Lối bắt chước ăn mày xin gạo trăm nhà như thế đã lan ra khắp mọi người, tuy không phải trực tiếp cúng tế quỷ thần nhưng cũng là thông qua một loại cách thức làm mình hèn hạ đi xin mọi người giúp đỡ, để phát tán tai họa.

(8) Thanh bị loại sao, Mê tín loại, Đả thiên trai, tr. 4689 - 4690

Như vậy bất kể là xin gạo trăm nhà để tránh cái tai họa do chuột mang tới hay Đánh chay đều là một hình thái phong tục dân gian ngu muội biến hình, mượn một hình thức của văn hóa ăn mày mà phát triển ra.

3. Về đạo đức trung hiếu

Trong văn hóa truyền thống Trung Quốc, quan niệm đạo đức trung hiếu đã thông qua các nhà tư tưởng của Nho gia từ thời Chu Tần trở đi mà vượt ra khỏi phạm trù tông tộc và gia đình, thăng hoa thành đạo lý làm chính trị "An bang định quốc bình thiên hạ", lại khiến hai điều đó bước vào hệ thống trung tâm của truyền thống văn hóa dân tộc. Các sách loại *Nhị thập tứ hiếu*, *Nhị thập tứ hiếu đồ thi* tập hợp hai mươi bốn người hiếu hạnh từ Ngu Thuấn, Hán Văn đế tới Mạnh Tông, Hoàng Đình Kiên, sắp xếp theo thứ tự có thơ kèm theo để giáo dục trẻ em lưu hành rộng rãi trong xã hội như kinh điển, ảnh hưởng rất sâu sắc. Ngoài các trường hợp tận hiếu tự sát hoặc cắt thịt mình ra còn phải kể tới các trường hợp vì tận trung tận hiếu mà cam tâm làm ăn mày, xưa nay rất được người đời khen ngợi tôn vinh là "Ăn mày có hiếu" (Hiếu cái). Những ví dụ vì có hiếu làm ăn mày trong các bút ký tạp ký các đời đều thấy ghi chép rất nhiều, thêm lời khen tặng, trở thành một loại phong khí xã hội. Trong ăn mày có hiếu các đời thì thời Minh là nhiều nhất, đủ thấy tập tục xã hội một thời. Ở đây, xin kể qua vài ví dụ.

Cảnh Sở Hưởng thời Minh trong *Nhị hiếu tử truyện* chép, có một người ăn mày xin ăn ở Ngô Thị. Ở Ngô Môn có một vị quý nhân đang đêm ngồi kiệu đi trên đường, nghe phía sau có tiếng người hát, bước xuống nhìn thì thấy người ăn mày ấy đang bưng một chén rượu xin được quỳ xuống đút cho một bà già, lại ca hát trợ hứng. Vị quý nhân ấy không khỏi ngạc nhiên, bước tới hỏi han, người ăn mày ấy nói "Tôi

là con nhà nghèo, làm thế này để mẹ già vui". Tình cảnh ấy khiến vị quý nhân kia thở than hồi lâu rồi mới đi, sau đó kể lại khắp nơi, người ta đều khen là lạ, thỉnh thoảng cũng có người đích thân tới xem, quả nhiên là thật. Từ đó những người giàu có ở xứ ấy mở tiệc, đều chuẩn bị thêm một cái chén không, nói là để phần cho người ăn mày vô danh hiệu hạnh. Chuyện ấy người ta coi là việc hay một thời⁽⁹⁾.

Theo sách *Tây tiểu dã ký* cũng của người Ngô Quận chép nói ở Tương Thành Trường Châu có một người ăn mày mỗi lần xin được của Thẩm Mạnh Uyên (tự Ẩn Quân) cái gì cũng đều không ăn mà chia ra cơm bánh rõ ràng cất vào giỏ. Họ Thẩm ban đầu không để ý, về sau hỏi nguyên do, y đáp rằng mang về để nuôi mẹ già. Thẩm thấy rất kỳ quái, vì thế sai người rón rén theo sau quan sát, phát hiện ra người ăn mày kia xin được cơm rồi thì lên một chiếc thuyền ven sông, chiếc thuyền tuy hư nát nhưng rất sạch sẽ, có một bà già trong đó, người ăn mày dọn các thức xin được ra trước mặt mẹ, lại rót rượu quỳ xuống dâng lên, sau đó nhảy nhót ca hát một bên để làm vui. Khi mẹ già ăn xong y lại đi xin cái khác, ngày nào cũng thế. Về sau mẹ già chết, cũng không biết y bỏ đi đâu⁽¹⁰⁾. Lý Hủ không biết người ấy chuyện ấy có phải là một trường hợp trong *Nhi hiệu tử truyện* không nên ghi lại làm phần phụ cho truyện đầu. *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Khất cái bộ*, *Danh lưu liệt truyện chi tam* cũng có chép truyện ấy, nhan đề là *Thẩm hiếu tử*, nói người ăn mày ấy cùng họ Thẩm, ở cuối có lời Chúc Doãn Minh "Ẩn Quân khen ngợi, thỉnh thoảng cũng chu cấp cho, đó không phải không làm mà là làm, có thể nói là thật sự có hiếu vậy". Chữ Nhân Hoạch thời Thanh trong *Kiên biểu bí tập*, quyển 4, *Lý cái* có dẫn lại *Đô công đàm toàn* nói trong niên hiệu Chính Thống nhà Minh (1436 - 1449), có người ăn mày đưa cha mẹ tàn phế tới ở trong ngõ Cảnh Quán cầu Nam Thương. Y hàng ngày đi

(9) (10) Theo Lý Vũ, *Giới Am lão nhân mạn bút*, quyển 4

sớm về muộn, xin được thịt cá trong chợ thì nhất định lựa những thức mới nấu, cả rượu cũng mang về dâng cha mẹ ăn uống, lại ca hát giúp vui, nhất định khiến hai người vui vẻ uống say mới thôi. Người trong chợ cũng đều cảm động vì người ăn mày ấy hiếu hạnh, vui vẻ bố thí cho y.

Tiểu thuyết văn ngôn *Ngũ sơ tân chí* cuối thời Minh đầu thời Thanh do Trương Triều thời Thanh biên tập, quyển 15 có một thiên *Á hiếu tử truyện* của Vương Cật. Người con hiếu cảm họ Thôi tên Trường Sinh, người Phì Châu (Phì huyện), sinh ra đã bị câm, cánh tay bị co rút không cử động được. Y làm ăn mày nuôi dưỡng cha mẹ, rất được người trong chợ thương xót, thỉnh thoảng bố thí giúp đỡ cho. Xin được vật gì đều mang về cho cha mẹ ăn trước, mình thì ăn rẽ cỏ dờ lòng, nhờ vậy mà cha già mẹ bệnh của y mới sống được qua năm mất mùa. Có hôm y nhặt được vàng trong một đồng rác, giữ lại chờ người mất lâu quá không thấy, qua hơn một tháng mới đem bán lấy tiền nuôi nấng cha mẹ, lại mua sắm quần áo quan tài cho cha mẹ. Về sau cha mẹ y chết, người câm khóc rất đau thương, ba ngày liền không ăn uống gì. Chôn cất cha mẹ xong, người câm cũng không biết ra sao. Về việc này, có người cảm thán nói "Sĩ đại phu ngày nay hàng ngày tụng đọc thi thư, bàn luận nhân nghĩa, nhưng chuyện phụng dưỡng cha mẹ thì không biết có bằng người câm kia hay không! Than ôi, thật đáng than thở vậy!".

Những việc như thế nhất thời rất được truyền tụng, dần làm giai thoại, đủ thấy phong khí một thời. Cam lòng làm ăn xin để nuôi dưỡng cha mẹ có thể được gọi là chí hiếu. Hiếu kính người già là một nét tốt trong truyền thống dân tộc Trung Hoa. Ngược lại cũng không ít người vì con cháu bất hiếu, đến nỗi cha mẹ phải luân lạc làm ăn mày, khác hẳn với những "Ăn mày có hiếu". Đến nay vì nghề nghiệp và phúc lợi xã hội phát triển đã ít thấy những người "Ăn mày có hiếu" hoặc người già vì con cái bất hiếu không chịu nuôi dưỡng nên

lưu lạc làm ăn mày, nhưng thỉnh thoảng vẫn có những người ăn mày già vì con cái bất hiếu nên làm ăn mày. Ví dụ cạnh thị trấn nọ có một ông già gần bảy mươi tuổi như vậy, ông ta mặt dày đi xin ăn để giúp con cái phát tài. Ở đó còn có một vị lão thái thái bàn chân nhỏ hơn sáu mươi tuổi, nói con cháu bất hiếu đuổi mình ra khỏi nhà, nhưng thực tế thì bà ta cũng mặt dày đi tích góp chút ít tiền bạc cho con cháu. Bà đưa con trai của bà ta ai cũng có nhà ngói, tivi màu, catsette, ba người con cháu còn thường xuyên cãi vã nhau vì tranh giành tiền bạc mà bà ta xin được⁽¹¹⁾. Loại người già này đi làm ăn mày, hoàn toàn là xuất phát từ một tình thương bệnh hoạn, một biến thái ý thức. Loại người này vì bản thân có thể làm ô nhiễm, bại hoại phong khí xã hội.

4. Tập tục về tôn giáo

Tôn giáo phần lớn bắt đầu từ nguồn gốc tín ngưỡng, lại trở lại tác động tới nhiều hình thức phong tục. Ảnh hưởng sâu sắc nhất tới văn hóa truyền thống của dân tộc Trung Hoa, không gì bằng tam giáo Nho, Đạo, Thích. Thú vị là ở chỗ cả ba nhà ấy lại đều phát sinh những quan hệ lịch sử nhất định với xã hội ăn mày. Tương truyền Khổng phu tử năm xưa bị vây khốn tuyệt lương ở đất Trần từng tới vay mượn Phạm Nhiễm, vì thế dám ăn mày xưng là "Cùng gia hàng" coi việc xin xỏ các nhà giàu là đòi nợ không có bằng chứng đều thờ Phạm Nhiễm làm tổ sư gia. Tuy Khổng, Phạm sống cách nhau mấy trăm năm, hoàn toàn không hề là sự thật, nhưng chuyện ấy cũng gom cả tổ sư của Nho gia vào một chỗ với Cái bang. Mà đạo sĩ và hòa thượng thì rõ ràng lấy việc khuyến hóa làm chính đạo tu hành, các nhà sư khổ hạnh cũng tu hành như thế, cũng khó mà tránh khỏi nảy

(11) Sương Lâm, *Khất cái hành tung*, Tạp chí *Thủy xương thạch tình* Liêu Đông, số 6, 1988

sinh một hiệu ứng ảnh hưởng tiềm tàng tới phong khí xã hội.

Trước hết hãy nói tới Phật giáo.

Hòa thượng còn gọi là khát sĩ, như *Đại trí độ luận* nói "Thế nào gọi là tỳ kheo? Tỳ kheo có tên là khát sĩ". Cát Tạng thời Tùy trong *Pháp Hoa nghĩa* sơ cũng giải thích "Tỳ kheo có tên là khát sĩ, trên theo Như Lai cầu phép để luyện thân, dưới tìm tục nhân xin ăn để nuôi thân, nên có tên là khát sĩ". "Tỳ kheo" là phiên âm ra chữ Hán của từ Phạn, có nghĩa là "Khất sĩ" hoặc "Khất sĩ nam", chỉ đàn ông sau khi xuất gia đã chịu đủ giới luật. Trong *Đại trí độ luận* quyển 3 thì "Tỳ kheo" có năm nghĩa, nghĩa đầu tiên là khát sĩ, chỉ việc xin ăn mà sống. Trong năm điều khổ hạnh mà kinh Phật quy định có điều "Phải xin ăn" và lại còn phải "Ăn uống có chừng mực", tức trong bát chỉ được nhận một nắm cơm. *Đại thừa nghĩa chương* quyển 15 nói "Chuyên làm việc khát thực là vì hai điều, một là vì mình, để rảnh rang tu hành, hai là vì người khác, làm cho người đời được phúc". *Pháp tập kinh* nói "Kẻ làm việc xin ăn, phá tất cả những sự kiêu mạn". *Thập nhị đầu đà kinh* nói "Ăn có ba loại, một là được mời ăn, hai là ăn với chư tăng, ba là thường khát thực... Nếu ăn với chư tăng, thì phải theo mọi người làm việc, liệu lý tăng sự, trong lòng tan tác, ngại ngừng bỏ phước việc hành đạo. Nếu vì thế mà náo loạn nhân duyên thì nên theo cách khát thực". Theo *Thập trú luận*, *Hành sự* sao giải thích, lại có "Mười điều lợi của việc khát thực" là: 1. Những vật dùng để sống là do mình chứ không phải do người khác, 2. Những kẻ cho mình ăn cũng thuộc tam bảo, 3. Những người cho mình ăn nảy lòng từ bi, 4. Hợp với lời dạy của Phật, 5. Dễ đủ dễ nuôi, 6. Là cách thức để phá bỏ sự kiêu mạn, 7. Cảm hóa được lòng thiện lương của Vô kiến đỉnh tướng đứng đầu ba mươi hai tướng, 8. Thấy mình khát thực thì những người tu thiện căn khác sẽ học theo, 9. Không vướng bận vì những lý do trai gái già trẻ, 10. Lăn lợt xin ăn khiến chúng sinh nảy lòng bình đẳng.

Bảo vũ kinh lại có "Mười lý do khát thực": 1. Để nhận của những người có tình, 2. Để lần lượt xin ăn, 3. Để không mỗi một, 4. Để biết đủ, 5. Để san sẻ của cải, 6. Để không tham ăn, 7. Để biết cân nhắc, 8. Để viên mãn, 9. Để thiện căn hiện ra, 10. Để phá bỏ cái chấp của mình. Vả lại Phật gia gọi việc tăng ni hướng tới người khác xin bố thí là "hóa duyên", cho rằng giữa người bố thí và Phật có mối quan hệ về duyên pháp. Chính là nói từ con mắt của Phật gia mà nhìn thì tăng ni nên làm "khất sĩ" xin xỏ mọi người, là chuyện thiên kinh địa nghĩa không có gì sai trái, vì lý do "duyên pháp" mà mọi người cũng có nghĩa vụ bố thí cho tăng ni.

Về những luận thuyết, giải thích có liên quan tới việc tăng ni cầu khất trong kinh điển của Phật gia thì ý nghĩa trọng tâm là ở chỗ: 1. Yêu cầu tăng ni gạt bỏ những nỗi khổ vì tạp dục để tu hành, 2. Dùng cách thức ấy để quảng kết "thiện duyên", trên thực tế là dùng cách đi khắp nơi xin ăn để tuyên truyền tư tưởng Phật giáo. Về hai điểm này *Phật đình sự uyển*, quyển 8, phần có liên quan tới "Hành cước tăng" tức "Vân du tăng" thuật giải rất rõ "Sư hành cước là gọi kẻ rời xa quê hương, đi khắp thiên hạ, bỏ tình quên lo, tìm thầy gặp bạn, cầu pháp chứng ngộ. Cho nên học không có thầy như bình thường, nhờ từng trải mà thành bậc cao". Nhìn từ tổng thể lịch sử Phật giáo Trung Quốc, thì bất kể dựa vào "tài sản của chùa" hay "hóa duyên" để duy trì đời sống vật chất thì thật ra cũng là khoác gánh nặng kinh tế của sự phát triển Phật giáo lên vai xã hội, "hòa thượng du phương" dựa vào sự bố thí để sống lại càng rõ ràng. Trong lịch sử có ít nhiều tăng ni thuần túy tự cày ruộng dệt vải để sinh sống, nhưng cũng là một thiểu số rất ít. Những người cho rằng giữa kẻ bố thí và Phật có mối quan hệ gọi là "duyên pháp", cũng cùng một đường lối với luận điểm hoang đường của Cùngth gia hàng ăn mà cho rằng đi xin ăn là "Đòi nợ", có thể nói là "Cùng đích khác đường", về bản chất đều rất nhất

trí với nhau, nghĩa là tôi tình nguyện xin ăn thì theo lý anh cũng nên bố thí, đều là chuyện thiện kinh địa nghĩa. Có điều luận cứ khát thực của Phật gia thì sâu kín hơn, có sức mạnh cảm hóa mọi người hơn, mà cách nói của Cùng gia hàng thì rõ ràng trần trụi hơn. Nhưng việc tăng ni hành khát đã sớm được xã hội đồng ý, trở thành một tập tục chế độ của Phật gia, đã trở thành một loại hiện tượng văn hóa đặc thù.

Đối với các hòa thượng, sư cô du phương khát thực cụ thể mà nói, thì lối sinh hoạt này về bản chất và xã hội hoàn toàn không khác gì với ăn mày, rõ ràng là một loại khổ hạnh. Từ "Hòa thượng xin cơm" trong các tác phẩm bạch thoại thời Tống Nguyên nói rất rõ ràng, mà thực tế cũng đúng thế. Từ đó đến nay, khát sĩ đương nhiên thuộc về một khía cạnh khác với đám ăn mày bình thường trong xã hội.

Ảnh hưởng của Phật giáo trong văn hóa Trung Quốc rất sâu sắc, từ tổng thể mà nhìn thì có thể nói tư tưởng cây vào xã hội nuôi dưỡng và những giáo nghĩa có liên quan tới việc khát thực của Phật gia là nhân tố tạo thành tính chất lười biếng trong truyền thống văn hóa Trung Quốc. Còn khảo sát ở những chi tiết hoặc trường hợp cụ thể, thì "hòa thượng xin cơm" công khai đi dọc hè phố gõ cửa xin ăn về khách quan cũng trở thành thị phạm, khuôn mẫu cho những người ăn mày khác trong xã hội lấy việc ăn xin làm nghề nghiệp, khiến đám ăn mày càng yên tâm ăn bám, ký sinh vào xã hội, cùng khát sĩ làm ô nhiễm xã hội. Tìm tới sự thật thì bất kể trong kinh Phật luận giải ra sao, đòi hỏi tăng ni lấy việc hành khát để khổ hạnh tu hành ra sao, rốt lại cũng thuộc một mô thức văn hóa biến thái xuất phát từ khuynh hướng tâm lý biến thái chuyển thành.

Ngoài việc mặc cà sa, cầm bình bát, thì việc hành khát của khát sĩ về hình thức cơ bản cụ thể so với những người ăn mày khác hoàn toàn không có gì khác biệt. Khất sĩ muốn người ta "Làm thiện tích đức", ăn mày cũng muốn

người ta "Làm thiện làm lành". Ăn mày biết nhiều kỹ thuật xin ăn, khất sĩ thì ngoài việc biết đọc kinh làm việc Phật là vốn liếng cũng biết nhiều thủ đoạn của ăn mày bình thường để xin ăn, như chữa bệnh bán thuốc, xem bói coi tướng. Có một số "hòa thượng xin cơm" cũng xấu xa không khác gì ăn mày bình thường. Trong tiểu thuyết chương hồi *Tây du ký* lấy việc thầy trò Đường tăng qua Tây thiên lấy kinh làm đường dây diễn ra đủ màu đủ sắc khiến người ta ưa thích, có một điều xuyên suốt từ đầu đến cuối tức là trên đường đi đều lấy việc xin cơm chay để sống, nhưng hoàn toàn không xin tiền đi đường.

Người trong thiên hạ chưa chắc đều đã tin Phật, người tin Phật cũng chưa chắc đều có khả năng bố thí thường xuyên cho các nhà sư hành cước đi hóa duyên. Vì thế có những khất sĩ chỉ muốn nghĩ ra chiêu lạ để mộ hóa. Theo Dung Nạp cư sĩ thời Thanh trong *Xích văn lục*, quyển 3, *Phật tông thổ xuất* chép "Vị Châu đất dày chất xộp. Có một vị hòa thượng du phương tới đình Tân Lĩnh nghỉ lại ba đêm, phao tin rằng mình nhìn thấy trên đỉnh núi có ánh sáng phát ra, rêu rao rằng nhất định sẽ xảy ra chuyện lạ gì đó. Qua một hôm, quả nhiên xuất hiện một pho tượng Phật vàng dưới đất nhô lên, trước tiên lộ đầu ra, kế tới mặt, đến ngày thứ ba thì toàn thân xuất hiện. Hòa thượng nói là Phật sống giáng thế, vì thế hàng ngày tụng kinh, khuyên người ta bố thí để dựng chùa cho Phật sống. Có mấy vạn người nghe tin tìm tới đều chính mắt thấy tình hình Phật dưới đất nhô lên, đều tưởng rằng quả thật Phật muốn nương thân ở xứ ấy. Hòa thượng kia còn cho chạm mấy ngàn cái trâm Như ý bằng gỗ, phàm ai có lòng bố thí để lại tiền bạc thì được một cái cầm về, nói là mang về có thể giữ được sức khỏe sống lâu. Không đầy hai mươi hôm, vị hòa thượng du phương ấy đã quên được một món tiền bố thí hàng vạn lượng vàng, đều bị y cuốn mang đi hết. Về sau tra xét ra được, nguyên là hòa thượng ấy ăn trộm

một tượng Phật bằng gỗ trong một ngôi chùa nát, đào một cái hố trên núi, trước tiên đổ xuống đáy hố mấy đấu đậu vàng, đặt tượng Phật lên, lấp đất lên mớ đậu. Về sau y sớm tối lên đó tưới nước, nước thấm vào đậu nở ra mà lại nhân đất xốp nên đẩy tượng Phật bằng gỗ phá đất hiện ra. Khi đậu vàng nở bung thì tượng Phật cũng xuất hiện hoàn toàn trên mặt đất, hoàn toàn không cần sức người trực tiếp động thủ. Vì thế những người không biết chân tướng thấy cảnh tượng kỳ lạ Phật vàng từ dưới đất hiện ra, bỏ ra một món tiền lớn, đều bị vị hòa thượng xin cơm kia "hóa" hết mang đi.

Có lúc trong chùa muốn "quảng kết thiện duyên", tranh thủ thêm thiện nam tín nữ, như chùa Ngọa Phật trong thành Nam Kinh tỉnh Giang Tô trước kia, mỗi khi đến ngày mồng 8 tháng 12 âm lịch đều chia cháo Lạp bát cho mọi người. Cháo nấu bằng gạo, trong có nhân hạt táo hạt dẻ, đi dọc theo phố chia cho từng nhà, nói là có thể được Phật che chở. Nhưng phí tổn ấy lại không phải do chùa bỏ ra mà là lấy từ mọi người. Trước đó mấy hôm, phương trượng chùa Ngọa Phật đã suất lãnh tất cả sư trong cả chùa, mặc áo hồng cầm bình bát, đi dọc theo phố xin gạo để nấu cháo Lạp bát bố thí mấy hôm sau, đúng là "lấy nơi dân, dùng nơi dân"⁽¹²⁾.

Hoàng Doãn Giao thời Minh trong *Tạp toán tam tục* nói "Ăn mây gặp hoạnh tài" là "lập tức vui mừng", đó là một câu tục ngữ đương thời trong dân gian. Hòa thượng du phương khổ cực được hoạnh tài đương nhiên cũng sẽ "lập tức vui mừng". Có khi họ để vớ được một món hoạnh tài, cũng sẽ giở thủ đoạn tương tự ăn mây, tới mức không tiếc phá giới giết hại sinh linh, tham tiền giết người. Theo sử sách anh Mỗ ở huyện Nghi Chỉnh thời Thanh có vợ rất xinh đẹp, con trai của một thương nhân gặp được rất muốn vui vầy với nàng. Lúc ấy bèn cho một bà già tới trước nói chuyện, cô gái

(12) Theo Hồ Phác An, *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí*, quyển hạ, Hà Bắc Nhân dân xuất bản xã, 1986, tr. 134

kia đáp ứng tới đêm ấy sẽ gặp nhau, y lập tức đưa tiền ra đền ơn. Đến sáng hôm ấy người chồng tránh mặt rời khỏi nhà, người đàn bà mở cửa, thấp nền đợi y, đặt số vàng báo đáp cạnh ngọn nến, hồi lâu không thấy y tới, bèn đi ngủ trước. Lúc ấy có một hòa thượng du phương cầm lục lạc sắt đi ngang, nhìn thấy cửa không đóng rất ngạc nhiên, bèn bước vào, thấy vàng động tâm, nhìn dưới bếp không có ai, lập tức vào bếp lấy dao chặt đầu người đàn bà, thối nền lấy vàng bỏ đi. Đến khi con trai người thương nhân theo hẹn tìm tới, lên giường sờ thấy máu tươi rùng rùng hoảng sợ, vội vàng bỏ trốn. Sáng sớm hôm sau chồng người đàn bà trở về, cả kinh thất sắc nói "Đã yêu cô ta như thế, tại sao lại còn giết cô ta, mình phải tới hỏi y". Tìm tới nhà người thương nhân, thấy cửa đóng chặt, trên cửa còn lưu vết bàn tay dính máu, lập tức kêu khóc nói "Người giết vợ ta nhất định là y rồi!". Rồi lập tức lên báo quan, con trai người thương nhân lập tức bị bắt hạ ngục. Người thương nhân thương con, ngầm hỏi con rốt lại là chuyện gì, người con theo sự thật kể lại. Người thương nhân nói "Chỉ cần tìm được cái đầu người đàn bà ấy, thì mày mới ra khỏi ngục được". Lúc ấy người thương nhân hỏi khắp bọn nha dịch, hứa sẽ hậu tạ, treo giải thưởng bắt giặc. Qua một thời gian khá lâu, có người đánh cá tới nộp cái đầu người còn mới, là y giết em gái mình để nhận thưởng, bị quan phủ tra xét rõ, lập tức sai đánh chết. Lúc ấy có kẻ nói với người thương nhân "Thằng giặc ấy là sư ở chùa Mỗ, đầu người thì ném xuống cái giếng khô". Tra xét một lần, quả nhiên dưới cái giếng khô có năm sáu cái đầu đàn ông đàn bà, nhưng không có đầu của người đàn bà bị hại, lập tức bắt hòa thượng về, con trai người thương nhân vẫn bị quản thúc trong ngục. Trong làng có một hòa thượng xin cơm không biết từ đâu tới, rất quen mặt với dân làng, có người trong thành về kể chuyện hòa thượng ở chùa Mỗ giết người bị lộ, hòa thượng xin cơm kia lập tức biến sắc chửi "Giết nhiều người như thế ắt trời không tha, ta bình sinh chỉ hại một người thôi", họ hỏi thêm một lúc, y mới nói "Ta vì tham tiền giết một người

đàn bà, cũng vớt dầu xuống giếng". Dân làng báo với quan, bắt hòa thượng xin cơm, lại tìm được dưới một cái giếng khô cách nhà người đàn bà không xa được cái dầu của nàng và lưỡi dao, lại sai người chồng tới nhận diện, quả nhiên không sai. Nhân chứng, vật chứng đã có đủ, quan xử hòa thượng xin cơm vào tội tử hình, tha con trai người thương nhân. Khi giải hòa thượng lên quan, người dọc đường đều nhận ra y, cùng nói "Đây chính là hòa thượng khổ hạnh hàng đêm vẫn lắc lưc lạc trên đường mà!"⁽¹³⁾. Xem đó đủ biết các khất sĩ cũng có lúc bị hoạnh tài dụ dỗ như ăn mỳ, thậm chí giết người cướp của.

Lại nói tới Đạo giáo.

Đạo giáo theo thuật thần tiên thời Tần Hán bắt nguồn từ đồng bóng thời cổ, là tôn giáo bản địa ở Trung Quốc. Thú vị là Đạo giáo cũng tôn sùng việc khổ hạnh tu hành để đắc đạo, cũng chuyên về việc du phương khất thực. Hình tượng nhân vật thần kỳ trong truyền thuyết Đạo giáo trong văn hóa dân gian phần lớn đều có hình ảnh ăn mỳ nghèo hèn đi xin ăn, thậm chí còn trực tiếp ra mặt dưới diện mạo ăn mỳ. Đạo sĩ nổi tiếng thời Kim, một trong Thất chân phái Toàn Chân là Khưu Xử Cơ, năm mười chín tuổi từ núi Côn Luân Ninh Hải (nay ở phía đông nam huyện Mâu Bình tỉnh Sơn Đông) xuất gia làm đạo sĩ, nhận Vương Trùng Dương làm thầy. Năm Đại Định thứ 14 đời Kim Thế tông (1174) vào ở hang Phiên Khê, lấy việc xin ăn độ nhật, thường mang theo một chiếc áo tơi, người ta gọi là "Soa y tiên sinh". Về sau lại tới núi Long Môn ở Lũng Châu ẩn cư tu hành, trở thành người sáng lập ra phái Long Môn. Đến thời Nguyên, Nguyên Thái tổ từng hỏi Khưu Xử Cơ về "Cách thức trị bình", ông nói phải lấy việc kính trời thương dân làm gốc, hỏi tới "Đạo trường sinh sống lâu" thì ông nói lấy việc thanh tâm quả dục làm điều cốt yếu. Nguyên Thái tổ rất thích lời

(13) Thanh bị loại sao, Ngọc tụng loại, Du tăng lợi kim sát phụ gia, tr. 1166 - 1167

ấy, ban cho danh hiệu Thần tiên và tước Đại Tông sư, chuồng quần Đạo giáo khắp thiên hạ. Dân gian phương bắc thời trước có một ngày lễ truyền thống gọi là Chung cửu tiết hoặc Diên cửu tiết, tổ chức vào ngày 19 tháng giêng âm lịch. Theo Đâu Quang Nãi, Chu Duân thời Thanh trong *Nhật hạ cữu văn khảo* thì hôm ấy là ngày Khuu Xử Cơ lên tiên. Trong ngày Chung cửu ấy người phương bắc tụ họp lại nhìn mây trắng, "Cưỡi ngựa đánh bài, chen chúc đi dạo". Theo truyền thuyết thì hôm ấy nhất định ông sẽ tới đó, hoặc hóa làm thần, hoặc hóa làm đàn ông đàn bà, hoặc hóa làm ăn mày, "Vì thế mọi người ngồi la liệt để chờ, may ra được gặp một lần", coi việc được gặp Khuu chân nhân là điều may mắn. Trương Triều Phổ thời Thanh trong *Yên Kinh tuế thời tạp vịnh* có thơ ghi lại việc này như sau "Linh quán tranh khai yến cửu diên, Tung đàn vô phục ngộ thần tiên. Bình sa thập lý tùng thiên xích, Nộ mã ly yên kỷ thiếu niên" (Đạo quán tranh nhau mở yến diên, Lên đàn không gặp lại thần tiên. Cát dài mười dặm từng ngàn thước, Phi ngựa rời mây mấy thiếu niên). Đủ thấy "mối duyên" giữa Đạo gia và ăn mày không phải là kém, có ảnh hưởng rất sâu trong văn hóa dân gian.

Vả lại một trong các tín ngưỡng dân gian về thần tiên. Đạo gia là bát tiên chính là hình tượng một bọn ăn mày⁽¹⁴⁾. Trong đó điển hình nhất là Thiết quải Lý. Thiết quải Lý, còn gọi là Lý Thiết quải, xuất hiện sớm nhất trong truyền thuyết về bát tiên, có ảnh hưởng sâu xa nhất. Nhưng những ghi chép về ông ta trong thư tịch lại xuất hiện khá muộn. *Cổ kim đồ thư tập thành*, *Thần dị điển*, quyển 240 dẫn lại *Tục văn*

(14) Theo truyền thuyết Hà tiên cô vốn là con dâu được nuôi dưỡng từ nhỏ của một bà già độc ác dưới chân núi Bạc La. Có một hôm, bảy vị thượng tiên Lý Thiết Quải, Trương Quả Lão biến thành bảy người ăn mày tới độ "Tú cô" thành tiên, trở thành Hà tiên cô trong bát tiên về sau. Xem *Bát tiên đích cổ sự* (Sơn hải kinh tùng thư quyển 7), Chiết Giang Văn nghệ xuất bản xã, 1983, tr. 24 - 27

hiển thông khảo rằng "Lý Thiết Quảĩ, có thuyết nói là người đất Thiểm thời Tùy, tên Hồng Thủy, tiểu tự Quảĩ Nhi, lại có tên là Thiết Quảĩ. Thường ăn xin ở chợ, người ta đều khinh rẻ. Về sau ném thiết trượng lên trời, biến thành con rồng, cưỡi lên bay đi. Có thuyết nói Lý vốn là bậc trượng phu anh hùng, thường gặp Lão quân nên đắc đạo. Về sau làm thần tiên đi hầu Lão quân, hẹn với đệ tử nếu bảy ngày không về thì cứ đốt nhà. Sáu ngày sau người đệ tử vì mẹ bệnh, đốt nhà mà đi. Lý về, nhập vào một cái xác ăn mày sống lại, nên chân què mặt mũi xấu xí". Một thuyết nói ông vốn là ăn mày, một thuyết thì nói về sau nhập vào xác ăn mày. Lại Hoàng Phỉ Mặc trong *Tập thuyết thuyên chân* dẫn lại *Sự vật nguyên hội* nói "Lý Nguyên Trung là người trong niên hiệu Khai Nguyên đời Đường Huyền tông, Đại Lịch đời Đường Đại tông. Học đạo ở núi Chung Nam bốn mươi năm, xuất thần ra khỏi nhà, xác bị cọp ăn, tìm được một cái xác ăn mày què chân bèn nhập vào, người ta không biết".

Trong truyền thuyết dân gian, mọi người lại gán sự lười biếng tham ăn của ăn mày trong thực tế đời sống vào với "Ăn mày tiên" Lý Thiết Quảĩ, hình thành một truyền thuyết "Ăn mày tiên" dạy dỗ "Ăn mày người". Chuyện kể trước đó có một người ăn mày trẻ tuổi, vì lười biếng tham ăn, nghiện cờ bạc, phá tán hết sạch gia tài tổ phụ để lại, tới mức không có nhà mà về, ăn xin trên đường, đêm vào ngủ trong miếu Lý Thiết Quảĩ. Lúc y đối sắp chết cầu khẩn Lý Thiết Quảĩ phù hộ thì được phép tiên của Lý Thiết Quảĩ cứu giúp. Nhưng y chứng nào tật ấy, lại mấy lần được voi đòi tiên, mong được thành tiên nhân nhà, sau cùng nhận được bốn câu thơ của Lý Thiết Quảĩ dạy "Cấp nhĩ Nguyên bảo lân đắc bao, Nhượng nhĩ tổ quan lân thượng triều, Tứ thể bất động không tưởng hảo, Chỉ hữu yếu phạm hoài bão biêu" (Cho tiền bạc người lười cất giữ, Cho làm quan người lười vào triều, Tứ chi bất

động mong điều tốt, Chỉ muốn xin cơm nhét chặt điều)⁽¹⁵⁾.

Trong lịch sử, ngoài các đạo sĩ vân du đi dọc đường phố gõ cửa xin ăn, chữa bệnh bán thuốc, xem bói coi tướng, còn có các đạo sĩ Ngồi trong củi hóa duyên, tức đạo sĩ ngồi trong củi bằng gỗ, xếp bằng như tọa công, ở những chỗ hiểm trên người đều cắm đinh, mũi đinh chĩa vào trong, nếu đạo sĩ tọa công hơi động đây sẽ lập tức bị đâm vào người. Cứ thế hóa duyên không mở miệng để thiện nam tín nữ nảy ý từ bi, ở mỗi cái đinh đều treo bằng giá, nhất là hai cái đinh chỗ hai mắt treo giá cao nhất. Ai thương xót đạo sĩ ngồi trong củi có thể nhận quyền tiền, ghi tên vào sổ công đức xong thì có thể nhổ mũi đinh tương ứng. Thông thường người đứng xem thì nhiều, kẻ bỏ tiền thì ít. Tương truyền trong nửa đầu thế kỷ XX trong lễ hội ngày 28 tháng 4 ở miếu Dược Vương tại Bắc Sơn Cát Lâm có đạo sĩ ngồi trong củi hóa duyên, đặt ngoài cổng bắc miếu Dược Vương. Theo truyền thuyết cầu đá Đức Nguyên tại Cát Lâm là do đạo sĩ ấy lấy tiền hóa duyên xây dựng⁽¹⁶⁾. Điều thú vị là hình thức hóa duyên ấy rất gần gũi với lối Không mở miệng hoặc cách thức tự làm thương tàn thân thể trên giang hồ, chỉ có điều về hình thức thì dễ coi hơn một chút, không thô tục như đám ăn mày. Vả lại, cách Ngồi trong củi lại chính là sự phát triển của hình thức tu luyện Tọa bát của Đạo gia. *Thái Thanh ngọc sách* chép "Trong công phu tọa bát thì kẻ vào vòng ngồi là công phu kém nhất. Tập tới mức yên tĩnh lặng lẽ, luyện thần luyện hình, sau trăm ngày mới bước ra. Công dụng ở bốn giờ Tý

(15) Thạch Văn Hưng ở Hà Bắc kể, Vũ Tôn Trục sưu tập chính lý, xem *Bát tiên truyền thuyết cổ sự tập* (Tập hợp cổ tích về truyền thuyết Bát tiên), Trung Quốc Dân gian văn nghệ xuất bản xã, 1988, tr. 283 - 286

(16) Xem Phan Khởi, *Tích nhật Cát Lâm dân gian tập tục* (Tập tục dân gian ở Cát Lâm ngày trước), Hội Dân tục học tỉnh Cát Lâm, Hội nghiên cứu Văn nghệ Dân gian thành phố Cát Lâm biên soạn, 1984, tr. 65 - 67

Ngọ Mão Dậu, lấy khí của trời đất làm diệu pháp. Muốn ra khỏi vòng khổ cực của sự sống chết mà bước vào cõi siêu phàm nhập thánh". *Toàn Chân tọa bát tiệp pháp* cũng chép "Phàm người tọa bát bắt đầu từ ngày một tháng mười, tu tập qua mùa đông đến trung tuần tháng giêng năm sau đủ trăm ngày làm lễ. Vào nhà tọa bát, tham vấn đức độ tổ sư, tuân theo quy cũ". Công phu Ngồi trong cũi và Tọa bát mà đạo hạnh không sâu thì rất khó dùng cách ấy để mộ hóa. Xem đó đủ thấy về mặt kỹ thuật việc Ngồi trong cũi để hóa duyên là thuộc một tầng nấc rất cao của đám ăn mày du phương khát thực, tương tự nhưng ở mức thấp thì chiêu số Không mở miệng của đám ăn mày trên giang hồ không khỏi có chỗ quá tầm thường.

Từ đó, so sánh tập tục chế độ hóa duyên của Phật giáo Đạo giáo với cách thức ăn xin của ăn mày trong xã hội giang hồ, có thể thấy trong quá trình tôn giáo tham dự vào sinh hoạt xã hội, đồng thời với việc hấp thu, dung hợp tinh hoa văn hóa (nhã văn hóa) cũng bộc lộ rất rõ sự ảnh hưởng và thẩm thấu qua lại với văn hóa hạ tầng (tục văn hóa). Sở dĩ như vậy thì cơ bản nhất là vì tôn giáo nảy sinh từ dân gian, có đủ yếu tố tiên thiên làm môi giới để tương thông và hòa tan với văn hóa hạ tầng, hai là về nguồn gốc lại ở cùng một tầng văn hóa, tức cùng ở trong kết cấu bề sâu của văn hóa dân gian, mà sự phát triển của tôn giáo trước hết cũng dựa vào sự nhìn nhận của xã hội dân gian, được xã hội dân gian hưởng ứng.

Sự khảo sát mấy phương diện trên đây cũng nói rõ rằng ăn mày là một loại quần thể xã hội, văn hóa ăn mày là một bộ phận cơ bản trong văn hóa dân gian, có một vị trí đặc biệt và hiệu ứng nhiều mặt trong kết cấu văn hóa tổng thể của xã hội. Khảo sát, nghiên cứu đặc điểm ấy có một ý nghĩa thực tiễn và giá trị khoa học nhất định đối với việc xây dựng thuần phong mỹ tục và giải quyết tổng thể vấn đề ăn mày.

Chương 9.

Ăn mày và văn hóa Trung Quốc

Nghĩ lại lịch sử ăn mày Trung Quốc

*Phân tích văn học ăn mày * Ý thức nhân văn trong các tác phẩm văn học viết có liên quan tới ăn mày * Ăn mày và ý thức lưu manh trong xã hội * Tầm mạn về chính sách với ăn mày*

Bác sĩ Dư Anh Thời tập hợp tám luận văn của ông thành bộ sách lớn *Kẻ sĩ với văn hóa Trung Quốc* hơn bốn trăm ngàn chữ⁽¹⁾, so sánh hệ thống và đi sâu vào phân tích quan hệ giữa “kẻ sĩ” với văn hóa Trung Quốc trong lịch sử. Trong lịch sử Trung Quốc, “ăn mày” là một loại quần thể xã hội, có điều chỉ là một tầng lớp nhỏ mọn dưới đáy xã hội, không có gì quan trọng so với địa vị của “kẻ sĩ” trong cơ cấu văn hóa dân tộc. Nhưng hiện tượng ăn mày trở thành một vấn đề xã hội không sao giải quyết, “văn hóa ăn mày” cũng là một loại biến thái á văn hóa, cho dù ảnh hưởng tới văn hóa Trung Quốc rất ít ỏi thì cũng là một hiện thực khách quan.

Trong quá khứ, vấn đề này rất ít được mọi người chú ý. Nhưng đến nay, theo xu thế chức nghiệp hóa ngày càng rõ ràng của ăn mày và hiện tượng ăn mày trở thành một mối nguy hại đối với trị an xã hội, nó đã thu hút sự chú ý của

(1) *Sĩ dũ Trung Quốc văn hóa* (Kẻ sĩ với văn hóa Trung Quốc), trong Tủ sách Trung Quốc văn hóa sử tòng thư, Thượng Hải nhân dân xuất bản xã, 1987

chính quyền và dư luận. Thử xem vài con số của báo chí dưới đây:

Năm 1985, thành phố Quảng Châu có 12.622 ăn mày.

Năm 1987, tỉnh Quảng Đông thu gom được 29.600 lượt người ăn mày lang thang, qua thẩm tra phát hiện ra trong đó có 783 phần tử tội phạm cướp của giết người.

Năm 1986, số ăn mày lang thang mà thành phố Châu Hải thu gom được nhiều gấp mười lần so với năm 1979.

Năm 1986, trong các vụ án hình sự mà Công an đường sắt Cấp Nhì Tân phá án được có 30% các phần tử gây án là ăn mày lang thang.

Từ 1980 trở về trước, trong toàn bộ ăn mày lang thang ở Trung Quốc có 80% là vì không sao sống được mới rời nhà ra ngoài xin ăn, nhưng hiện nay số người không còn cách nào sống mới phải ra ngoài lang thang xin ăn chỉ có 20%.

Các con số này đều lấy từ báo chí công khai như *Nhân dân nhật báo* (bản tiếng nước ngoài), *Kinh tế tham khảo*. Bản thân các con số này phản ánh khuynh hướng chức nghiệp hóa và tội phạm hóa của ăn mày Trung Quốc đương đại theo xu hướng thành thị hóa của khu vực trung tâm và duyên hải. Còn những vấn đề phía sau mà các con số ấy chưa thể phản ánh được chính là “Đi xin đi xin, không lo cơm áo, một phen đi xin, cái gì cũng có, ba năm đi xin, về nhà xây lầu” khiến người ta nhìn thấy phát hoảng. Đó là câu ăn mày thuận miệng nói ra, là sự phản ánh chân thực về mùi vị ngọt ngào, lợi ích thực tế từ “thành công trong sự nghiệp” của họ. Theo truyền thuyết, trong số người ở thôn Mỗ tỉnh Hồ Nam ra ngoài xin ăn trở về có khoảng 50% xây nhà mới. Còn theo

chuyện kể thì vào mùa thu năm 1986 nếu chính quyền và công an thành phố Vũ Hán không tiến hành đợt thu gom và trục xuất lớn, thì ở dưới lầu Hoàng Hạc đã diễn ra một "Đại hội đại biểu ăn mỳ Trung Quốc" để bầu ra thủ lĩnh ăn mỳ toàn quốc nổi tiếng trong lịch sử ăn mỳ Trung Quốc rồi. Về việc này đã có nhiều báo chí đăng tải. Về thành phần ăn mỳ thì hoàn toàn không chỉ là dân nghèo già nua yếu đuối bệnh tật tàn phế và đám lưu manh vô lại trà trộn vào, mà trong đó đã xuất hiện đảng viên cộng sản và cán bộ cơ sở. Quá đáng hơn, một số ăn mỳ lang thang từ nông thôn lên còn chừa ra một tờ giấy giới thiệu xin ăn có đóng dấu của Đảng bộ và chính quyền địa phương, như "giới điệp" (chứng minh thư cấp phát cho tăng nhân Phật giáo xuất gia đã thụ giới) của các hòa thượng, hợp pháp hóa việc ăn xin. Còn về thủ đoạn ăn xin thì so với ăn mỳ trong quá khứ tuy muôn lần biến hóa không rời cội nguồn, có những thủ đoạn cổ điển song cũng không thiếu các chiêu thức hoa dạng mới.

Những điều đó nói rõ rằng sự phát triển của ăn mỳ là mau lẹ ghê người, ăn mỳ là một mối nguy hại chung cho xã hội cần được tiến hành xử lý tổng hợp. Vì thế không những nó khiến người ta liên tưởng tới "làn sóng ăn mỳ" tràn tới từ "Thiên phủ chi quốc" trong thời gian đại cách mạng văn hóa, "làn sóng ăn mỳ" xuất phát từ một nơi nổi tiếng nghèo khổ mà cũng là "căn cứ địa cách mạng" hoặc "đất phát tích" của rất nhiều triều đại trong lịch sử, liên tưởng tới "làn sóng lưu manh" dâng lên mạnh mẽ ở vùng Đông bắc trong đợt thiên tai mang tính toàn quốc vào ba năm cuối thập niên 50 đầu thập niên 60. Đồng thời nó cũng khiến người ta liên tưởng tới việc một số ăn mỳ Trung Quốc lưu lạc ra nước ngoài sau khi kẻ xâm lược phá tung chính sách bế quan tỏa cảng cuối thời Thanh. Theo sử sách thì:

"Thời Quang Tự, quan ở biên giới tâu xin dời dân lên khai phá biên giới, vì thế châu Hưng Quốc

tỉnh Hồ Bắc có mấy vạn dân nghèo dắt díu vợ con tới Hắc Long Giang. Nhưng không nghe gì về việc người cầm quyền thu xếp an trí cho họ, nông cụ giống má không đủ, nhà cửa chưa xây dựng, muốn cày thì không có đất, muốn về cũng không có tiền, bèn lưu lạc làm ăn mảy. Về sau nghe nói nước ngoài giàu có, kiếm ăn dễ dàng, họ bèn men theo tuyến đường sắt Tây Bá Lợi Á đi bộ qua châu Âu. Người Nga rất ghét, chặn lại trên đường, dùng sức mạnh bắt lên xe lửa, chở về Trung Quốc. Nhưng vẫn không sao kiếm ăn, lại trở qua, người Nga lại dùng xe lửa chở về. Trở về rồi, vài tháng lại qua. Từ đó tới Nga, tìm cách né tránh, đại khái đều có đường bộ. Năm Tân hơi niên hiệu Tuyên Thống, lúc Từ Tân Lục du học ở châu Âu từng tới Paris, một hôm cùng người Pháp dạo chơi trên phố thấy có đàn ông đàn bà người nước mình ăn xin, nghe giọng nói thì là người châu Hưng Quốc. Trong đó có người cầm dùi đánh trống, có người phóng đao nhảy múa, đều quần áo rách rưới. Phụ nữ thì không ai không bó chân. Người Pháp xúm lại xem lấy làm vui thích, thưởng cho tiền franc. Đó là một điều nhục nhã cho quốc thể vậy. Nghe nói có người để dành được ngàn vàng. Vả lại bọn ấy cũng có thủ lãnh, đại khái như trùm ăn mảy, mọi người góp tiền nuôi, ăn mặc theo lối phương Tây, kết giao với cảnh sát, cũng đã tích lũy được mấy ngàn vàng⁽²⁾.

Sau khoảng một thế kỷ đến ngày nay, ăn mảy ở lục địa Trung Quốc có ai ra xin ăn ở nước ngoài không? Vẫn chưa thấy các báo chính thức đưa tin. Có điều dựa vào ý thức truyền thống dân tộc mà nói thì nếu không xuất hiện hiện tượng "lâm nhục quốc thể" như thế là tốt, nếu không sẽ làm

(2) Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Hưng Quốc nhân hành khất chi Âu, tr. 5495 - 5496

tổn thất rất lớn cho tâm lý truyền thống tự tôn, tự trọng, tự cường, tự ái của dân tộc, có chỗ làm thương tổn tới đạo đức thẩm mỹ và hình ảnh quốc gia. Vả lại Trung Quốc cũng không có chính sách và tiền lệ nạn dân, chuyên gia vượt biên.

Đương nhiên vào cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc, ở các đô thị vùng duyên hải đại lục Trung Quốc đã xuất hiện ăn mày nước ngoài. Theo sử sách, "Thượng Hải có nhiều ăn mày, ăn mày các tỉnh đều có ở đó. Quả thật đó là những người nghèo hèn, mưu sinh ở đất Hộ không xong, phải lưu lạc ăn xin. Nhưng lại có ăn mày nước ngoài, đại khái cũng là lưu lạc tới đất Hộ. Có người vì kém khả năng, có kẻ vì không đứng đắn, mà kết quả là tới mức ấy. Không những tới xin ở nhà người Tây dương, người Hoa mà còn ngồi ở chỗ cố định để xin, bò rạp ra nài nỉ. Mà người Trung Quốc đã quen thói lấy lòng người nước ngoài, vừa thấy ăn mày mắt xanh tóc vàng là lập tức cho tiền không hề tiếc rẻ, chứ không phải như đối với ăn mày bình thường một đồng cũng tiếc. Trên đường Bảo Sơn có trường nữ sinh do Thánh mẫu viện lập ra, có một nữ sinh người thấp mặt tròn, mũi cao mắt xanh, ăn mặc lối người Âu, cũng không xấu, sớm tối mang sách qua lại, ở chung với cha mẹ trong một căn nhà trên đường Bảo Hưng. Mà người cha Bối Minh Sinh là ăn mày, cũng mặc Âu phục, cả ngày la cà ngoài chợ, diện mạo rất giống nữ sinh kia. Cha người ấy là người Anh mang quốc tịch Pháp, ở Trung Quốc lâu ngày, trong niên hiệu Hàm Phong, Đồng Trị làm thuộc hạ của người Mỹ Hoa nhĩ... Người ấy thường đọc sách, đến nỗi mắc bệnh thần kinh, không làm được gì mới lưu lạc làm ăn mày"⁽³⁾. Hiện nay ở lục địa Trung Quốc vẫn chưa thấy báo chí đưa tin về việc người nước ngoài tới Trung Quốc làm ăn mày, nhưng giả như ăn mày nước ngoài xuất hiện ở đô thị thì người Trung Quốc hiện nay sẽ đối xử thế nào, có cảm tưởng thế nào? Tương tự, đối với những lưu dân

(3) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Thượng Hải hữu ngoại quốc khất nhi*, tr. 5492 - 5493

Cái bang Trung Quốc thì người nước ngoài sẽ có cảm tưởng gì? Xuất phát từ chỗ bảo vệ tâm lý truyền thống của dân tộc và lợi ích thực tế của xã hội Trung Quốc, chỉ e phần đông đều không muốn có sự giao lưu ăn mỳ trong lĩnh vực trao đổi dịch vụ hoặc kinh tế mậu dịch. Nhưng dưới sự lan tràn của "làn sóng xuất ngoại", cũng tất yếu phải đề phòng "làn sóng ăn mỳ hiện đại" tràn ra khỏi biên giới. "Làn sóng ăn mỳ hiện đại" là một vấn đề không thể coi thường, là một tồn tại xã hội khách quan, lại có xu thế "triều cường" mạnh mẽ không lui, nếu không lập tức thi hành các biện pháp xử lý tổng hợp phù hợp thì e khó tránh khỏi có ngày nó sẽ vượt ra khỏi biên giới. Mức độ ham muốn của ăn mỳ hiện đại ngày càng gia tăng, hướng chỉ ngay cả một số người có thân phận, địa vị bình thường cũng hy vọng ra nước ngoài nhặt vàng ròng, vui vẻ làm ăn mỳ năm bữa nửa tháng không phải là mộng như thế sao! Đóng cửa đã lâu, họ cũng muốn được ra nước ngoài mở rộng tầm mắt, thỏa mãn dục vọng một phen như người thường mà! Nhất là trong thời đại làn sóng tư tưởng phương Tây và hàng hóa nước ngoài tấn công mạnh mẽ vào đời sống xã hội đại lục hiện tại.

Thực tế rất nghiêm trọng, vấn đề rất cần giải quyết.

Nhưng đồng thời với việc phải khiến toàn xã hội coi trọng việc tìm ra biện pháp thích hợp hữu hiệu, cũng phải nghĩ lại cặn kẽ về ảnh hưởng của ăn mỳ trong văn hóa truyền thống Trung Quốc. Chỉ như thế mới có thể giúp đỡ cho việc chữa trị từ gốc một loại biến thái văn hóa, tức chữa trị từ ngọn đồng thời phải chữa trị cả gốc.

Ở đây chúng tôi sẽ khảo sát, nghiên cứu vài điểm rời rạc đứt đoạn trong lịch sử ăn mỳ Trung Quốc, từ vài góc độ khác nhau triển khai một cái nhìn thô thiển hạn hẹp, tiến hành gợi mở việc thảo luận về "Vấn đề ăn mỳ với văn hóa Trung Quốc", cung cấp một số tư liệu thú vị cho mọi người tham khảo.

1. Phân tích văn học ăn mày

Giống như mọi nghề nghiệp khác trên đời đều có văn học dân gian mang tính đặc thù riêng, ăn mày cũng có văn học truyền miệng của mình. Thông qua loại nghệ thuật ngôn ngữ đặc biệt này, không khó khăn gì để hiểu rõ tư tưởng, tâm lý của họ.

Nếu coi những tiếng lóng trong nội bộ ăn mày là biến thể và công cụ xã hội thì cũng không đủ, tôi cho rằng sự cấu thành ngữ nghĩa về mặt chữ của các ký hiệu ấy cũng có thể coi là một loại nghệ thuật khẩu ngữ đặc biệt, là một loại ký hiệu trong tổ hợp văn hóa biến thái. Ví dụ ăn mày cuối thời Thanh đầu thời Dân quốc gọi việc kể lể tình cảnh lên tờ thiếp để xin ăn là Cầm lá bài (Đề dao bài), trong thực tế tờ thiếp ấy cũng chính là chiêu bài để họ dựa vào đó lừa gạt người ta bỏ tiền ra làm việc từ thiện, tức Cái rèm (Hoảng tử). Họ còn gọi việc đưa thiếp kể lể tình cảnh cho người đi đường xem là Đưa danh thiếp (Đầu thiếp tử), đọc những tình tiết trên thiếp là Đọc thần chú (Bối thần sấm), người đi đường bị my lực của những câu thần chú ấy chinh phục, động lòng trắc ẩn cho tiền. Thủ đoạn ấy sử dụng nhiều đời không hề thất bại, đến nay my lực vẫn không hề giảm sút. Tại sao như thế? Là vì tâm lý của người đồng tình nhu nhược và tâm lý của đám ăn mày vô lương tâm, da mặt dày chỉ biết có tiền xưa nay đều thế, thủy chung vẫn là một. Không kể liêm sỉ chỉ cần tiền, nên lại gọi cái bao giấy đựng đầy tiền lẻ là Đấu vàng (Kim đấu), mong mỗi nó cũng giống như Châu bảo vật (Tụ bảo bốn), Cái đấu ma (Ma đấu) không cần tiền bạc trong truyện cổ tích. Còn tiếng lóng mà người ngoài không hiểu thì trong nội bộ ăn mày lại là một loại ngôn ngữ cát tường, một câu hai nghĩa, có thể nói là điệu ngữ. Nếu xem xét tỉ mỉ thì bí mật và tâm lý của người trong cuộc đều có thể bộc lộ rõ ràng trước thế gian.

Từ thời Chu Tần trở đi, Trung Quốc đã hình thành một chế độ sưu tầm phong tục, đưa vào sinh hoạt chính trị để

cung cấp tư liệu cho kẻ cầm quyền "xét tập quán sửa phong tục". Cho dù lịch sử ăn mỳ Trung Quốc ít nhất cũng đã có hơn hai ngàn năm, vẫn rất ít thấy những tác phẩm văn học ăn mỳ được trực tiếp ghi chép lại. Thành tựu tiêu biểu trong việc sưu tầm phong tục trong quá khứ là *Kinh Thi, Phương ngôn* và các thơ ca từ khúc Nhạc phủ cũng chưa thấy có nội dung nói trên, ngay các sách địa phương chí và phong tục chí cũng rất khó thấy, không khỏi có chỗ đáng tiếc. Điều thú vị là thi nhân Hoàng Tôn Hiến cuối thời Thanh trong tác phẩm *Nhân cảnh lưu thi thảo*, quyển 1 *Sơn ca* lại chép một bài *Khất nhi ca* "Lại có điệu Khất nhi ca (Bài ca ăn mỳ), tới từng nhà gõ phách mà hát, là sở trường riêng của ăn mỳ người Hưng Ninh (huyện Hưng Ninh ở phía đông Quảng Đông). Tôi ghi lại được một bài như sau: Nhất nhật chỉ hữu thập nhị thời, Nhất thời chỉ tẩu lưỡng tam gian, Nhất gian chỉ thảo nhất văn tiền, Thương thiên thương thiên chân khả linh!" (Một ngày chỉ có mười hai giờ, Một giờ chỉ đi hai ba nhà, Một nhà chỉ được một đồng tiền, Trời ơi trời ơi thật đáng thương!) bị tráng thế lương. Tôi bỏ ra một trăm đồng để họ vui lòng mới chép lại được". Xem đó đủ biết bài *Khất nhi ca* này là họ Hoàng bỏ tiền ra mua.

Vài năm gần đây dân tục học lại bắt đầu quật khởi trong khu rừng khoa học nhân văn Trung Quốc, có người từng cảm khái về việc "Văn học là tái hiện sự kết hợp thực tế và linh hồn" (lời Bartók Béla), trong khi tiến hành điều tra về ăn mỳ ở đại lục Trung Quốc đã lưu ý sưu tập một số bài ca ăn xin, chúc mừng, chửi người và giải trí của ăn mỳ hiện đại, lại cho rằng "Ca dao của ăn mỳ từ khi loài người có ăn mỳ đến nay vẫn tồn tại, lưu hành và phát triển"⁽⁴⁾. Những bài ăn xin như "Hảo tâm hữu hảo báo, Hoại tâm quỷ bất nhiều. Tín Phật hành thiện sự, Khả linh ngã cùng lão. Cầu tiền bất yếu đa, Chỉ yếu ngũ cá tiền. Nhĩ nhược cấp ngã tiền, Bảo nhĩ bình bình yên" (Lòng tốt thần cho phúc, Lòng xấu

(4) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc dịch khất cái quán lạc*, tr. 113 - 119

quỷ không tha, Tin Phật làm việc thiện, Già khổ nghĩ thương ta. Xin tiền không cần nhiều, Chỉ cần năm đồng bạc, Nếu anh cho tôi tiền, Bảo đảm anh bình yên). Đây là cửa đám ăn mày "quỷ gối dập đầu" quanh chùa Hạc Minh ở Nam Kinh, phù hợp với tâm lý của những người vào chùa khẩn khẩn, hoàn nguyện, mượn Phật để xin tiền. "Trúc bản đả tiến nhai lý lai, Nhất nhai lưỡng sương hảo mại mải. Kim tự chiêu bài ngân chiêu bài, Đông đông tây chỉ quải khởi lai. Giá nhất lưỡng thiên ngã một lai, Thính thuyết chương quỹ phát tài. Chương quỹ phát tài ngã niêm quang, Nhĩ ngật giáo tử ngã yết thang. Nhất bái kim lai nhị bái ngân, Tam bái chương quỹ đại hảo nhân. Đại hảo nhân lai hải lượng khoan, Lưu Bị lão gia tọa Tứ Xuyên. Tọa Tứ Xuyên lai Hán Lưu Bị, Năng hoạt tam thiên lục bách tuế" (Tay gõ phách trúc bước lên phố, Một phố hai bên buôn bán đất, Bảng hiệu chữ bạc bảng hiệu vàng, Phía đông treo cao bên tây mắc. Mới một hai hôm không tới đây, Nghe nói chương quỹ đã phát tài, Chương quỹ phát tài tôi cũng may, Ông ăn sủi cảo tôi húp nước, Một chào tiền vàng hai chào bạc, Ba chào chương quỹ người rất tốt, Người tốt độ lượng như biển lớn, Lưu Bị lão gia ngồi Tứ Xuyên. Ở Tứ Xuyên kia Hán Lưu Bị, Sống được ba ngàn sáu trăm tuổi). Đây là bài ca của các nghệ nhân đi dọc phố xin những cửa hiệu bán lẻ ở khu vực Tây Thành Bắc Kinh, cũng phù hợp với tâm lý người buôn bán, đối phương cũng muốn thưởng hai ba đồng cho ăn mày để được may mắn, tránh việc họ ăn nói bậy bạ khiến người ta bực mình. "Hỷ thước lạc chi cha cha khiêu, Phượng hoàng thành song cấp cấp tiểu. Chủ nhân hỷ khánh thiên địa lượng, Thính ngã tam hạ bả hỷ đạo. Nhất hạ phu thê hòa mục hảo, Ân ân ái ái lưỡng hoạt bảo, Nhị hạ phu thê hội phát tài, Chi ma khai hoa tiết tiết cao, Tam hạ lai niên sinh quý tử, Tảo tảo tự bả long tư bảo" (Chim khách đậu cành kieu riu rít, Phượng hoàng thành đôi cấp cấp, Chủ nhân hỷ khánh thiên địa lượng, Thính ngã tam hạ bả hỷ đạo. Nhất hạ phu thê hòa mục hảo, Ân ân ái ái lưỡng hoạt bảo, Nhị hạ phu thê hội phát tài, Chi ma khai hoa tiết tiết cao, Tam hạ lai niên sinh quý tử, Tảo tảo tự bả long tư bảo) (Chim khách đậu cành kieu riu rít, Phượng hoàng thành đôi cười khúc khích, Chủ nhân vui mừng xin rộng lòng, Nghe tôi chúc mừng ba việc lớn. Một mừng vợ chồng được

hòa thuận, Ân ân ái ái cùng vui khỏe, Hai mừng vợ chồng sẽ phát tài, Phú quý quanh năm hoa nở rộ. Ba mừng sang năm sinh quý tử, Sớm có cục cưng để bông ả). Đây là bài hát mừng đám cưới của ăn mày ở vùng nông thôn Phong Phú tỉnh An Huy, trong những dịp ấy người ta càng thích vung tiền mua vui, vì thế so với lúc bình thời cũng dễ kiếm tiền hơn. Nếu không đếm xỉa tới, ăn mày lại có cách hát khiến người ta phải hối hận, có một bài lưu hành ở vùng Thái huyện như sau "Huynh đệ a huynh đệ nhĩ đại hỷ, Lý lý ngoại ngoại toàn thị lễ. Lưu trước hỷ tửu bất nhượng yết, Lưu trước tự kỷ túy hồ đồ. Hồ đồ tẩu lộ trác hà lý, Yêm tử lưu hạ tiểu cá quả phụ" (Huynh đệ ơi huynh đệ người đám cưới, Trong trong ngoài ngoài toàn đồ lễ. Giữ lại rượu mừng không cho uống, Giữ lại để mình uống say sưa. Say sưa đi đường rớt xuống sông, Chết đuối để lại vợ góa trẻ), bộc lộ rất rõ bản sắc lưu manh vô lại của ăn mày. Nhưng không gì phản ánh quan niệm giá trị và thế giới tinh thần của họ rõ bằng những bài thuận miệng ứng tác tự biên tự diễn mang tính chất giải trí. Ví dụ bài vẫn lưu hành trong ăn mày Tế Nam "Hữu gia yếu xuất gia, Một gia yếu dặc gia. Ca môn thư môn bảo nhất đoàn, Thiên hạ đồng phạn đích thị nhất gia" (Có nhà muốn ra đi, Không nhà muốn kiếm nhà. Các anh các chị kéo một đoàn, Cơm nguội thiên hạ đều một nhà). Các thành viên cơ bản trong Cái bang đương đại phần lớn đều có tâm lý ấy. Lại như "Thủ thị hoạt Tài Thần, Chiêu thủ tiện tiến bảo. Bất phạ kiếm bì hậu, Bì bạc yếu bất đao" (Tay là Thần Tài sống, Chìa tay là có tiền. Không sợ da mặt dày, Da mỏng làm sao xin), "Bất tiên đông du ngã tây du, Nhất thế dăng du vi khoái hoạt. Yếu thượng nhị niên tam niên phạn, Cấp cá Huyện trưởng dã bất hoán" (Tám tiên qua đông ta qua tây, Một đời rong chơi là sung sướng. Xin được cơm ăn hai ba năm, Cho chức Huyện trưởng cũng không muốn). Trên đây là hai bài ca dao sưu tầm được ở Thủ Châu, Đức Châu và Viêm Thành, càng trực tiếp bộc lộ quan niệm giá trị và tâm lý của ăn mày

hiện nay, xu thế chức nghiệp hóa của ăn mày chính nảy sinh từ đó. Một chức Huyện trưởng, thậm chí giáo sư đại học lại không có được hơn trăm đồng mỗi tháng sao! Nhưng một người ăn mày ở các thị trấn lớn tại khu vực Trường Sa Hồ Nam mỗi tháng thu nhập tổng cộng hơn một ngàn, ít nhất cũng hai ba trăm. Ở Quảng Châu có lần một vị Hoa kiều cho ăn mày tới 150 đồng. Theo đó mà nói thì ăn mày lại có thể không cảm thấy tự dắc sao! Sự không công bằng, không hoàn thiện trong chế độ phân phối cũng làm gia tăng sự méo mó bệnh hoạn trong tâm lý ăn mày. Làm ăn mày nhân nhả mà được hưởng thụ nhiều hơn so với những công việc khác, thì làm sao lại không cung cấp cơ hội cho việc ăn mày dấy lên thành cao trào và việc chức nghiệp hóa của ăn mày!

Thời cổ những tác phẩm văn học truyền miệng của ăn mày lưu lại rất ít, những ghi chép trong thư tịch ghi lại phần lớn đều là tác phẩm của các nhà thơ ăn mày, tức thơ kể chuyện của những người ăn mày lạc phách lưu lạc làm ăn mày. Chữ Nhân Hoạch thời Thanh trong *Kiên biểu tứ tập*, quyển 1 dẫn lời của Chu Quốc Trinh thời Minh trong *Thông chàng tiểu phẩm* rằng "Người ăn mày làm thơ quê Lạc An, họ Lý tên Hưng năm nay sáu mươi bảy tuổi, bị trúng phong, miệng méo, mắt lác, tay run. Muốn ăn thì phải nằm ngửa dưới đất mới nuốt được, muốn nói thì vạch chữ trên mặt đất, mới nói được ý mình, nhưng có thể làm thơ. Đồng Thời Vọng lúc chưa thi đậu gặp người ăn mày ấy, bảo làm thơ cho xem, y ấy gật đầu ưng thuận, trong khoảnh khắc thành câu rằng: Điều ngạc trực xung tiêu hán viễn, Long Tuyền cao xạ Đẩu Ngưu quang. Thanh thời tảo triển vi lâm thủ, Mạc khiến thương sinh vọng bát hoang (Điều ngạc xông mây Ngân hán thăm, Long Tuyền vọt ánh Đẩu Ngưu lòe. Sáng ra nên sớm làm sương rươi, Đứng để dân đen mỗi thiết tha). Năm Giáp thìn niên hiệu Thành Hóa (xét: tức năm 1484, là niên hiệu thời Minh Hiến tông Chu Kiến Thâm), Thời Vọng thi đậu Tiến sĩ, muốn đưa người ăn mày ấy tới chỗ làm quan, y từ

chối vì có mẹ già, Thời Vọng kính trọng tặng cho rất hậu. Vì thế kể lại chuyện này". Lại viết "Cuối niên hiệu Hoàng Quang (xét: khoảng 1644 - 1645, là niên hiệu của Phúc vương Chu Do Tung Nam triều), Nam Kinh thất thủ, một người ăn mày để thơ trên cầu Định Kiều rằng: Tam bách niên lai dưỡng sĩ triều, Như hà văn vũ tận giai đào. Cương thường vọng tại ty Điền Việt, Khất cái tu tồn mệnh nhất điều (Ba trăm năm lẻ dạy anh tài, Văn võ vì sao chẳng thấy ai. Điền Việt lại mong trung nghĩa sót, Đời thừa nghĩ then kiếp ăn mày), rồi nhảy xuống sông Tần Hoài tự tử. Những kẻ ăn lộc vua mà còn sống thừa cũng nên then với người ăn mày ấy vậy". *Kiên biểu bổ tập* quyển 1 chép theo *Lý cái truyện* của Mao Hạc Phường (Tế Khả) rằng "Người ăn mày quê Giang Tây, qua lại vùng Giang Hán hơn ba mươi năm. Gặp giấy bút, lập tức viết chữ như phù triện, mọi người đều không biết đó là thơ. Tiên sinh bỏ tiền lấy được, ghi lại hơn hai mươi bài. Thơ giống như chùa cao trong núi sâu, những thơ văn ngông cuồng ngạo đời không sao sánh được. Thơ rằng "Bộc tuyền kim cổ thuyết Lư đài, Khoảnh hướng vân cư tuyệt đỉnh lai. Đàm bức ngũ long thời nộ hồng, Thế thôi Tam Giáp cánh huyền ngôi. Hoành bốn nguyệt quật thiên đôi tuyết, Đảo tả Ngân hà vạn đạo lôi. Tỏa đoạn âu phong huyền bạch luyện, Dao khan châu vông quải tăng đài" (Thác treo kim cổ tiếng Lư đài, Chợt tới vùng mây sát cõi trời. Đầm bức năm rồng căm giận thét, Thế xưa Tam Giáp cuốn dòng xuôi. Tuôn ngang trăng sáng ngàn đôi tuyết, Rót ngược sao sa vạn đạo trôi. Chặt đứt đỉnh cao treo lụa trắng, Xa xem lưới ngọc mắc trên đài). "Liêm diễm hồ quang sổ khoảnh phù, Thùy tri khúc dũng vạn phong đầu. Khê khai cổ điện đương tiền nguyệt, Tấn tác không sơn bất tận lưu. Kim bích ảnh dao thủy kính lý, Ngư long thâm tại Quảng Hàn thu. Nhất luân trực tiếp Tào Khê lộ, Bạch lãng gia phong biến Thái Châu" (Lóng lánh trên không mấy khoảnh hồ, Ai hay thung tưới vạn non cao. Rã rời điện cổ trắng lai láng, Tan tác non không nước mịt

mù. Trong kính vàng xanh lay bóng nước, Chốn sâu rỗng cá núp trắng thu. Một vắng tới thẳng Tào Khê đó, Sóng trắng mênh mông khắp Thái Châu). "Hà niên tiên nguyệt giá trường hồng, Bích lạc vô môn khước hứa thông. Tăng thị ngư phong nhân khứ hậu, Cố lưu diếu đạo nghi hư không (Năm nao thức nguyệt cười cầu vồng, Không cổng trời xanh lại suốt thông, Cười gió người xưa đi đã khuất, Đường chim để lại chốn hư không). "Sơn sắc kê quang minh tổ ý, Diếu đề hoa tiếu ngữ cơ duyên. Hữu thời độc tọa đài bàn thượng, Ngộ hậu vô vân nguyệt nhất thiên" (Sắc núi đáng khe ngơi tổ ý, Chim kêu hoa thắm nói cơ duyên, Có khi trên đài riêng ngồi ngắm, Tối đến không mây nguyệt một miên).

Như thế, ba người ăn mày làm thơ ấy tựa hồ đều là người đọc sách lưu lạc giang hồ, người đầu có hiếu hạnh, người kế vì nhà Minh mất nên ghi lại thơ tuyệt mệnh rồi nhảy xuống sông tự tử, là bậc nghĩa sĩ yêu nước, người cuối cùng thì tả cảnh trăng núi nên thơ, mặt lộ cùng đường, không đủ áo cơm mà vẫn ung dung phong nhã, đúng là vô liêu tới mức cùng cực. Nhưng đều chưa thể phản ánh hoàn cảnh thật của mình trong thơ, thua xa "Bài thơ của người ăn mày ở Động Đình" mà Vương Sĩ Trinh thời Thanh chép lại trong *Tri bắc ngẫu đàm*, quyển 25, *Đàm dị* mô tả rất thực tế "Ở Động Đình có người ăn mày, dáng mạo kỳ lạ, thường ăn xin trên đường, tối thì ngủ lại ở chái các chùa miếu, sư ở đó ghét vì nghèo đói, đuổi đi lại trở lại. Ông Thuần ông từng ghi lại được mấy bài thơ của y như sau: Bất tín càn khôn đại, Siêu nhiên thế mạc quần. Khẩu thôn Tam Giáp thủy, Cước đạp vạn phương vân (Chẳng biết càn khôn lớn, Siêu nhiên khác với đời. Miệng nuốt nước Tam Giáp, Chân đạp mây muôn nơi), "Hữu hình giai thị giả, Vô tượng thực vi chân? Ngộ đạo vô sinh địa, Mai hoa mãn tứ lân" (Có hình đều phải cả, Không đáng lấy gì trông? Gặp chỗ không sao sống, Hoa mai kín mấy vòng). Lại một bài "Đăng hỏa huy hoàng khánh thử tiêu, Dạ thâm nhi nữ bất tương chiêu. Phá bổ đoàn

thượng tam canh mộng, Na quán minh triều thị tuế triều (Đèn lửa huy hoàng suốt tối vui, Đêm khuya con cái chẳng buồn rời, Trên bờ đoàn rách ba canh mộng, Nào kể ngày mai đã tết rồi!). Lại một bài: Nhất tượng xuyên vân đảo thượng phương, Hồ quang sơn sắc tổng mang mang, Càn khôn hữu ngã năng dần dần, Minh nguyệt thanh phong để thái mang" (Một gậy xuyên mây tới cõi trời, Ánh hồ sắc núi thấy chơi vơi, Càn khôn có tớ là thông thả, Gió mát trăng thanh đến hết đời), còn đúng tình cảnh đêm ấy chỗ ấy. Nhưng rốt lại cũng là tác phẩm của văn nhân lạc phách, đều khác những lời ca dao ngạn ngữ do nhân dân thuận miệng thống khoái bộc bạch, rơi rụng làm ăn mà vẫn không mất khí phách khoe khoang chua chát một đời. Tác phẩm của những thi cái này tự nhiên cũng khó phản ánh tình cảnh, tâm lý và một phần cuộc sống trong xã hội ăn mày giang hồ thời Minh Thanh. Nên biết rằng từ thời Tống Nguyên về sau, quần thể ăn mày ở Trung Quốc đã bắt đầu từ chỗ loại hình ăn mày nguyên thủy phát triển theo hướng trụ lạc biến chất, đến thời Minh Thanh thì đại bộ phận đã rơi vào quần thể lưu manh vô lại xã hội đen, trở thành một mối nguy hại chung của toàn xã hội.

2. Ý thức văn nhân trong các tác phẩm có liên quan tới ăn mày

Ăn mày dưới sự miêu tả của các văn nhân thời cổ, phần lớn đều đúng là loại ăn mày nguyên thủy không đủ cơm áo mà lưu lạc tới thành trấn chợ búa ăn xin, tức loại dân nghèo dưới đáy xã hội.

Trong lịch sử văn học Trung Quốc, tác phẩm miêu tả về ăn mày điển hình nhất là tác phẩm *Trục bản phú* được nhiều tuyển tập thơ văn tuyển chọn đưa vào của Dương Hùng thời Hán. Hồng Mai thời Tống trong *Khách trai tục bút* quyển 15 nói "Bài *Tống cùng văn* của Hàn Văn công, bài

Khất xảo văn của Dương Tử Hầu đều tương tự bài Trục bản phú của Dương Tử Vân. Bài Tiến học giải của Hàn công tương tự bài Khách nan của Đông Phương Sóc, bài Tấn vấn thiên của Liễu Tử tương tự bài Thất phát của Mai Thặng... đều đạt tới mức tuyệt diệu của văn chương. Bài Trục bản phú hơn năm trăm chữ, Văn tuyển không thu thập, Sơ học ký chỉ chép hơn trăm chữ, người thời nay đại khái ít kẻ được thấy". Đủ biết bài phú ấy lưu truyền chưa rộng, nên theo bản họ Hồng chép mà sao ra ở đây:

Dương tử độn thế, Ly tục độc tọa, Tả lân sùng sơn, Hữu tiếp khoáng giả. Lân viên khất nhi, Chung bản thả lữ. Lễ bạc nghĩa tề, Tương dữ quần tụ. Trừ trưởng thất chí, Hồ Bản dữ ngữ. Nhĩ tại lục cực, Đẩu bốn hoang hà. Hảo vi dung tốt, Hình lục thị gia. Phi duy ấu trĩ, Hy hý thổ sa. Cư phi cận lân, Tiếp ốc liên gia. Ân khinh mao vũ, Nghĩa bạc khinh la. Tiên bát do đức, Thoái bát thụ a. Cửu vi trệ khách, Kỳ ý nhược hà. Nhân giai văn tú, Dư cát bát toàn. Nhân giai đạo lương, Ngã độc lê xan. Bản vô bảo ngoạn, Hà dĩ tiếp hoan! Tông thất chi yển, Vi lạc bát bàn. Đồ hành phụ nhậm, Xuất xử dịch y. Thân phục bách dịch, Thủ túc biên đề. Hoặc vân hoặc tử, Triêm thể lộ ky. Bằng hữu đạo tuyệt, Tiến quan lãng trì. Khuyết cứu an tại, Chúc nhữ chi vi. Xả nhữ viễn thoán, Côn Luân chi diên, Nhĩ phục ngã tùy, Cán phi lệ thiên. Xả nhĩ dăng sơn, Nham huyết ẩn tàng, Nhĩ phục ngã tùy, Thiệp bỉ cao cương. Xả nhĩ nhập hải, Phiếm bỉ bách chu, Nhĩ phục ngã tùy, Tả trầm tả phu! Ngã hành nhĩ vận, Ngã tĩnh nhĩ hưu. Khởi vô tha nhân, Tùng ngã hà cầu? Kim nhữ khứ hĩ, Vật phục cứu lưu. Bản viết duy duy, Chủ nhân kiến trực. Đa ngôn ích sù, Tâm hữu sở hoài. Nguyên đắc tận tử. Tích ngã nãi tổ, Sùng kỳ minh đức. Khắc tá Đế Nghiêu, Thệ vi diễn tác. Thố giới mao tư, Phi điều phi sức. Viên cập quý thế, Tùng

kỳ hôn cảm. Thao xan chi quân, Tham phú cầu dắc.
Bỉ ngã tiên nhân, Nãi ngạo nãi kiêu. Dao dài kinh
thất, Hoa ốc sùng cao. Lưu tầu vi trì, Chúc nhục vi hào.
Thị dụng cốc thệ, Bất tiên kỳ triều. Tam tính ngô thân,
Vị dư vô khiên. Xử quân chi gia, Phúc lộc như sơn.
Vong ngã đại đức, Tư ngã tiểu oán. Kham hàn năng
thử, Thiếu nhi tập yên. Hàn thử bất thắc, Đằng thọ
thần tiên. Kiệt Chích bất cố, Tham loại bất can. Nhân
giai trùng tề, Tử độc lộ cư. Nhân giai thuật thích, Tử
độc vô ngu. Ngôn từ ký khánh, Sắc lệ mục trương. Toát
tề nhi hưng, Giáng giai hạ đường, Thệ tương khứ nhữ,
Thích bỉ Thủ Dương. Cô Trúc chi tử, Dữ ngã liên hàng.
Dư nãi tỵ tịch, Từ tạ bất trực. Thành bất nhị quá, Văn
nghĩa tắc phục. Trường dữ nhĩ cư, Chung vô yếm cực.
Bản trực bất khứ, Dữ ngã du tức.

(Dương tử lánh đời, Tránh tục ở riêng, Bèn là
núi cao, Bèn là đồng trống. Láng giềng ăn mày,
Nghèo hèn lam lũ. Lễ nghĩa đơn bạc, Cùng nhau quần
tụ. Bồi hồi thất ý, Gọi Nghèo nói chuyện. Người trong
lục cực, Trôi dạt miền xa. Giống như lính mọn, Bị tội
không tha. Không còn trẻ nít, Vọc đất đuổi gà. Không
phải gần gũi, Kẻ mái liền nhà. Ôn nhẹ tựa khói,
Nghĩa mỏng như sa. Tiến chẳng nơi dức, Lui không
nhận theo. Cứ làm khách mãi, Ý tứ ra sao. Người đều
áo gấm, Áo ta không lành. Người đều ăn gạo, Ta chỉ
có rau. Nghèo không vật quý, Lấy gì tiếp nhau! Trong
cung yến tiệc, Vui sướng không vào. Trên đường
khìêng vác, Tới lui mỗi ngày. Trăm việc nặng nhọc,
Tay chân nổi chai. Hoặc bữa hoặc cày, Mồ hôi đầm
địa. Bạn bè dứt nghĩa, Quan lại khinh khi. Có gì lắm
lỗi, Mà người chưa đi. Bỏ người chạy xa, Lên sườn Côn
Luân, Người lại theo ta, Có chạy đằng trời. Bỏ người
lên non, Hang đá nấu nướng, Người lại theo ta, Lên
gò cao kia. Bỏ người ra biển, Chèo thuyền bách kia,

Người lại theo ta, Nổi chìm lênh dênh. Ta chèo người lái, Ta nghỉ người thôi. Há không còn ai, Theo ta làm chi? Nay người đi đi, Đừng ở lại lâu. Nghèo nói vâng vâng. Chủ nhân muốn đuổi, Lời nhiều chê bai. Lòng có sở hoài, Xin được hết lời. Tổ tiên tôi xưa, Sùng thượng đức sáng. Phò tá Đế Nghiêu, Thệ là điển tắc. Nền đất nhà tranh, Không hề tô vẽ. Cho đến đời cuối, Rong càn phóng túng. Tham lam không thôi, Sang giàu tạm bợ. Tiên nhân của tôi, Lại ngạo lại kiêu. Đền đài chạm trổ, Lầu gác xây cao. Đồ rượu làm ao, Vứt thịt làm hào. Mặc tình phá tán, Chẳng đầy buổi mai. Tự xét lại mình, Không can tới tôi. Tới ở nhà ông, Phúc lộc như non. Quên tôi đức lớn, Trách lỗi con con. Chịu nóng chịu rét, Tập dần ~~cơ~~ quen. Nóng lạnh không khổ, Thọ sánh thần tiên. Cui khinh Đạo Chích, Lòng không tham lam. Người đều lầu gác, Ông riêng ngoài trời. Người đều lo lắng, Ông riêng thanh thoi. Câu nói vừa dứt, Trợn mắt nhướng mày. Đứng phắt ngay lên, Xống bạc rời thêm, Sẻ xin rời đây, Lên núi Thú Dương. Hai con Cô Trúc, Cùng ta bạn bấy. Tôi bèn bước ra, Từ tạ không phải. Xin đừng giận nữa, Nghe nghĩa thì phục. Ở mãi với người, Không còn ghét bỏ. Nghèo đuổi không đi, Cùng ta làm bạn).

Như thế, lựa thưa năm trăm chữ biên ngẫu, mượn lời lảng giềng của một người ăn mày cảm xúc bộc lộ lòng đồng tình với kẻ yếu, làm rõ nổi bất bình về sự bất công kẻ giàu người nghèo trên đời, đặt mình vào vị trí ấy, tình cảm thẳng thắn lời lẽ tha thiết, quả là rất khó khăn đáng trân trọng. Chính vì thế nên cuối cùng ông kết giao làm bạn với ăn mày. Bài *Trục bản phú* thể hiện tâm lý đồng tình vốn có của văn nhân học sĩ với ăn mày, chính là sự đồng tình ban đầu của loài người với kẻ yếu, cũng là tâm lý cơ bản nhất của người đời. Đến khi bộ phận chủ thể của xã hội ăn mày đã trở thành một nhánh của xã hội đen thì trong tâm lý phức tạp của

người đời với ăn mày vẫn giữ được tâm lý đồng tình thương xót ấy, nếu không thì những trò lừa gạt của ăn mày cũng không thể làm thay đổi tấm lòng thuần phác thiện lương của người đời.

Tác gia Thạch Quân Bảo thời Nguyên lấy đề tài từ tiểu thuyết truyền kỳ *Lý Oa truyện* của Bạch Hành Giản thời Đường viết thành vở *Lý Á tiên hoa tửu Khúc Giang trì* (gọi tắt là *Khúc Giang trì*), cùng đề tài là các vở *Trịnh Nguyên Hòa phong tuyết dã ngọa nương* của Cao Tú thời Nguyên, *Tứ nhu ký* của Tiết Cận Duyệt thời Minh (có thuyết nói là của Từ Lâm), *Khúc Giang trì* của Chu Hữu Đôn vân vân, từ thể tài, nội dung, tình tiết tới nhân vật nhiều lần thay đổi, nhưng mỗi đây chủ yếu là câu chuyện tình yêu vô cùng chân thành giữa kỹ nữ và ông chủ từng một dạo lạc phách làm ăn mày đại thể vẫn không thay đổi. Trong câu chuyện mang tính truyền kỳ này, các tác giả miêu tả phẩm chất, nhân cách hình tượng của ăn mày phần lớn đều rất tốt đẹp, khiến người ta đồng tình, khiến câu chuyện tăng thêm sức rung cảm và xúc động lòng người. Về kết cục cũng lấy việc thuận theo xu hướng tâm lý của người đọc (người nghe hoặc người xem), kết thúc chỗ vinh hoa phú quý đại đoàn viên. Như vở thoại bản *Kim Ngọc Nô bồng đã bạc tình lang* thời Tống Nguyên có nói "Nếu tính hai chữ lương thiện (kẻ lương thiện hèn hạ) chỉ kể ra bốn loại người hèn hạ là kỹ nữ, con hát, lại lệ, binh lính, không hề nói tới ăn mày. Xem ra ăn mày chỉ không có tiền, chứ trên người cũng không có ghê lở gì. Như Ngũ Tử Tư thời Xuân thu tránh nạn cũng từng thối sáo ở chợ nước Ngô xin ăn, Trịnh Nguyên Hòa thời Đường làm ca lang, hát khúc *Liên hoa lạc*. Đủ thấy bọn họ tuy bị người ta khinh rẻ, nhưng không thuộc loại kỹ nữ, con hát, lại lệ, binh lính". Loại tâm lý ấy có thể nói là tâm lý cơ bản chung của sĩ nhân và bình dân.

Có tấm gương ấy, nên hình tượng và tạo ngộ của ông trùm Kim Lão Đại trong truyện *Kim Ngọc Nô bồng đã bạc*

tình lang, tác giả cũng miêu tả theo chiều hướng khiến người ta đồng tình. Nhân vật Kim Lai Tử kế nhiệm chức ông trùm là "đạo cụ" trong chuyện kể, đã làm sâu sắc hóa tính tiết mà còn có tác dụng đối chiếu quan trọng với nhân cách và hình tượng của nhân vật Kim Lão Đại. Ở đây nhân cách và hình tượng của nhân vật Kim Lai Tử không phải là kẻ yếu khiến người ta đồng tình mà là kẻ lưu manh vô lại đáng ghét. Hai loại nhân cách và hình tượng ăn mày song song tồn tại, rất phù hợp với sự thật lịch sử về ăn mày cũng như sự truy lục, biến chất và phân hóa của ăn mày Trung Quốc, quả là bắt đầu từ Tống Nguyên đến Minh Thanh thì hoàn tất. Thử xem đoạn miêu tả Kim Lai Tử sách *Động đấm ăn mày* tới làm âm ỉ ở nhà ông trùm cũ "Đội mũ rách mướp, mặc áo vá chằng. Manh chiếu cũ sánh với nệm sồn, gậy tre ngắn đi kèm bát mẻ. Gọi cha gọi mẹ gọi ông chủ, trước sân chỉ thấy vang âm, Gọi rần gọi khỉ gọi chó con, trong miệng đều khoe tài khéo. Gõ phách hát Dương hoa, chối tai the thé, đập gạch để trang điểm, vẽ xấu ghê người. Một đoàn ma quỷ họp thành bầy, quả thật Chung Quỷ không trị được". Rõ ràng là diện mạo của một bọn lưu manh vô lại, giống như một bầy ác ma. Ai chẳng biết đám ăn mày này cũng là những người cũ mà ông trùm Kim Lão Đại nhờ vào đó trở thành giàu có. Đến nay Kim Lão Đại giàu có rồi, kết thông gia với sĩ nhân nhưng trong con mắt của các nhà sĩ nhất thời lại trở thành kẻ yếu, mà hình tượng Kim Lai Tử và đám ăn mày vẫn là sự phản ánh và bằng chứng về dĩ vãng của y. Sự chuyển biến này cho thấy rõ sĩ nhân chỉ đồng tình với một số ăn mày cụ thể chứ hoàn toàn không phải với toàn bộ quần thể ăn mày. Ý thức nhân văn đầy mâu thuẫn ấy chính bao gồm cả phương thức hóa giải mâu thuẫn, phân biệt đối xử tùy người tùy việc.

Vì đề tài, chủ đề và tư tưởng tác phẩm có chỗ khác nhau, tất nhiên cũng miêu tả nhân cách của ăn mày khác nhau, mượn đó để bộc lộ tư tưởng nhân văn và quan niệm xử thế của tác giả, các tác phẩm cùng ra đời vào thời Thanh như

Kim ốc mộng (nói theo *Kim Bình Mai*) và *Ăn mày làm việc tốt, hoàng đế làm mai dong* chính phản ảnh những khuynh hướng tư tưởng khác nhau.

Hồi 60 *Lý Bình Nhi nhân đồ khi nặc bệnh, Tây Môn Khánh lập đoạn phố khai trương* (*Lý Bình Nhi* vì thua bạc mắc bệnh, *Tây Môn Khánh* lập hiệu vải khai trương) trong *Kim Bình Mai* từ thoại tả bọn *Tây Môn Khánh* uống rượu xai quyền, *Ứng Bá Tước* đọc tấu lệnh như sau "Một lão tiểu thông thả bước, tay trái cầm một đầu đậu vàng, tay phải cầm một chiếc khăn gấm, chỉ lo bước về phía trước, đụng phải một con chó lông vàng dốm trắng... Không biết tay đánh thảng hay chó đánh thảng!". Nói xong, *Tây Môn Khánh* cười mắng "Thằng giặc nhà người ngốc thật, đồ trời đánh! Ai lại lấy tay cầm chó bao giờ? Làm sao lại không bị chó cắn?". *Ứng Bá Tước* phân bua "Ai bảo y không dùng gậy! Tôi bây giờ không thấy bọn ăn mày cầm gậy chọc giận chó nữa". Lúc ấy *Tạ Hy Đại* cùng bàn nói "Đại quan nhân, anh xem bọn ăn mày cứ ra vẻ, tự gọi là Hoa tử". *Ứng Bá Tước* có xước hiệu là *Ứng Hoa tử*, *Hoa tử* đương nhiên là ăn mày. Có thể bắt đầu từ mối liên hệ ấy mà lúc *Mộng Bút Sinh* thời *Thanh* viết *Kim ốc mộng* tiếp theo *Kim Bình Mai* đã cho nhân vật *Ứng Bá Tước* theo giúp *Tây Môn Khánh* làm ác bị rơi rụng thành ăn mày mù ở cuối truyện "Nguyên *Ứng Bá Tước* sau khi bị mù, nhớ lại những việc cùng làm với *Tây Môn Khánh* ngày trước, không có chuyện gì tốt, đến nỗi hôm nay bị mù, già cả không có nhà mà về, không bao lâu nhất định sẽ chết đói, làm sao tìm cách kiếm ăn? Lúc bình nhật học được mấy điệu đàn Tứ bát ưng, Sơn pha dương, bèn đem chuyện đời mình soạn thành một khúc *Trương thu diệu*, để khuyên răn người đời đừng học theo *Ứng Hoa tử*, không có tương lai". Sau cùng y bị một con chó là hóa thân của *Tây Môn Khánh* do một người ăn mày chột mắt là *Thẩm Kim* ca nuôi cắn thành lở loét, chết trên đường phố. Ngoài ra con rể của *Tây Môn Khánh* là *Trần Kinh*

(Kính) Tế cũng biến thành ăn mày chết đói. Sở dĩ Mộng Bút Sinh tả những người này thành ăn mày trong *Kim ốc mộng*, là theo thuyết nhân quả báo ứng, diễn giải ý "Thiện hữu thiện báo, ác hữu ác báo". Ở đây, những nhân vật nam nữ xấu xa trong *Kim ốc mộng* phần lớn đều được an bài một kết quả thê thảm có tính chất báo ứng. Thú vị là ở chỗ ba người thầy tớ con rể Tây Môn Khánh, Ứng Bá Tước, Trần Kinh Tế đều biến thành ăn mày. Xem tới toàn bộ kết cấu và tình tiết, thì tác giả cho rằng bọn họ suốt đời làm nhiều điều ác, theo lẽ phải trở thành bọn ăn mày hèn hạ hơn người thường. Thực tế này thuyết minh, trong quan niệm của tác giả *Kim ốc mộng* thì ăn mày hoàn toàn không đáng thương xót, sở dĩ rơi rụng tới mức ấy thì đó là báo ứng về những việc ác đã làm trong kiếp trước, nếu không thế đã không tả bọn dâm đồ ác côn trong *Kim Bình Mai* thành ăn mày, ông cho rằng đó là điều báo ứng tất nhiên với họ.

Nhưng Lý Ngư, nhà văn và soạn giả sân khấu nổi tiếng thời Thanh lại có một cách nhìn khác. Trong lời dẫn tiểu thuyết *Khất cái hành hảo sự, hoàng đế tổ môi nhân*, Lý Ngư đề xuất: thấp kém nhất trên đời là kỹ nữ, con hát, nô lệ, binh lính, kẻ là cường đạo, còn ăn mày thì trên hai loại người ấy. Sở dĩ họ cam lòng làm ăn mày, là vì sau khi sa sút không chịu đồng hàng với hai hạng người hạ lưu nhất ấy. Phần lớn bọn họ là những người đáng thương xót đồng tình, "Người có việc không làm, nhất định là người có việc có thể làm". Vì thế, đối với ăn mày không những không thể khinh rẻ, mà còn nên "đặc biệt rộng rãi với họ", cũng giúp họ khỏi bị bức bách rơi xuống chỗ kỹ nữ cường đạo. Ông ta nói chỉ có như thế mới có thể "tự mình có phú quý được hưởng, hậu thế không có con cháu làm ăn mày, cũng có thể khiến cho bọn kỹ nữ, con hát giảm dần, trộm cướp thưa thớt". Vì vậy ăn mày cũng thường làm việc tốt, lại còn được ân điển của hoàng đế. Cũng là nhân quả báo ứng, nhưng ông không dùng tới những

nguyên nhân khiến người ta trở thành ăn mày, mà dùng hình tượng ăn mày làm việc tốt để răn dạy người đời đồng tình và giúp đỡ ăn mày. Trong tác phẩm nói trên của ông, nhân cách hình tượng ăn mày khác xa trong *Kim ốc mộng*, hình thành một sự so sánh tương phản. *Lữ thị Xuân thu*, *Tinh thông* viết "Nghe ăn mày hát ngoài cổng mà đau lòng". Ý thức về nhân cách của ăn mày ở Lý Ngự đúng là kế thừa tâm lý đồng tình với kẻ yếu của cổ nhân, những người mà ông đồng tình là loại hình ăn mày nguyên thủy không thuộc bọn lưu manh vô lại.

Song cho dù là loại nạn dân ăn mày nguyên thủy không thuộc bọn lưu manh vô lại thì thông thường trong con mắt của sĩ đại phu cũng thuộc loại tiện dân. Thiên đầu quyển 5 *Cơ hàn* trong sách *Hạc Lâm cựu lệ* của La Đại Kinh thời Tống nói "Đương Thành có nói: Người ta đều sợ đói rét, kẻ không biết sợ là gì, chính vì không đói không rét mà thôi, câu ấy rất có ý vị. Xin cơm nông dân, Trùng Nhĩ nước Tấn dụng nghiệp bá. Đói rét húp cháo đầu, Quang Vũ nhà Hán nhờ thế dấy lên. Huống hồ những người kém hơn, lại có thể không biết mùi đói rét sao!". Nói thế thì kiến thức của La Đại Kinh cũng rất khác người. Quãng đời làm ăn mày thời trẻ của Minh Thái tổ Chu Nguyên Chương cũng có thể coi như một nhân tố tích cực tiềm ẩn đối với sự nghiệp về sau của ông ta. Nhưng quan niệm của người đời thì hoàn toàn không vì những hiện tượng cá biệt ấy mà thay đổi. Dương Hùng là sĩ nhân, lại có thiên *Phương ngôn* mượn lời nói trực tiếp hoặc gián tiếp, tập hợp các sách vở dạy trẻ em phổ biến đương thời, hiểu rõ tầng lớp dưới của xã hội nên soạn được bài *Trục bản phú*. Những truyện truyền kỳ thời Đường Tống, thoại bản thời Tống Nguyên, tạp kịch thời Nguyên, tiểu thuyết thời Minh Thanh, về tính chất vốn là các tác phẩm văn học phổ biến đương thời, nhưng trong con mắt của các nhà sĩ đương đại cũng chỉ là những thứ thô lậu hèn hạ không khác địa vị của ăn mày bao nhiêu, các tác giả phần lớn am

hiếu sinh hoạt xã hội, địa vị bản thân cũng không cao, vì thế phần lớn có quan niệm đồng tình với ăn mày. Cho dù như *Kim ốc mộng* chẳng qua cũng là theo thuyết nhân quả báo ứng, đưa tới cho bọn dâm đồ ác côn một sự trừng phạt. Còn về tổng thể mà nói, trong quan niệm của sĩ nhân thì ăn mày rốt lại vẫn là "hèn hạ". Về điểm này có thể dễ dàng tìm được ví dụ để chứng minh.

Nguy Khánh Chi thời Tống biên soạn quyển *Thi nhân ngọc tiết*, quyển 10 *Hàn khát, Khát nhi tướng* chép lại sách *Mạn tẩu thi thoại* nói "Giang Vi có thơ rằng: Ngâm dâng tiêu tự nhiệm đàn khách, Túy ý vương gia đại mạo diên (Ngâm thơ chùa vắng lên ngôi khách, Say rượu nhà vương dựa sập vàng). Có người nói kẻ làm bài thơ ấy quyết không phải là quý tộc. Có người bình câu Trục trang khúc phổ kim thư tự, Thụ kỷ hoa danh ngọc triện bài (Trục ghi điệu nhạc nghiêng vàng ánh, Cây viết tên hoa triện ngọc bày) là lời bọn ăn mày. Thiều Khê Ngư ẩn nói: *Thanh sương tạp ký* cũng chép chuyện ấy. Xét Nguyên Hiến nói: Thơ ấy là tướng ăn mày. Lời xưa nói: bàn sự giàu sang không nhắc tới vàng ngọc gấm vóc, chỉ nói khí tượng mà thôi. Như những câu Lâu đài trắc hạn dương hoa quá, Liêm mạc trung gian yến tử phi (Cạnh khu đài tạ hoa dương lướt, Trong khoảng rèm song cái én bay); Lê hoa viện lạc dung dung nguyệt, Liễu như trì đường đạm đạm phong (Hoa lê trong viện trắng nhàn nhật, Tơ liễu bên ao gió phất phơ) đúng là như thế. Ông nói: Nhà người nghèo có cảnh tượng như thế không? *Vân Trai quang tập* chép thơ của người gần đây có câu: Châu liêm tú hộ trì trì nhật, Liễu như lê hoa tịch tịch xuân (Cửa thêu rèm ngọc ngăn ngừ nắng, Tơ liễu hoa lê lặng lẽ xuân), tuy dùng những chữ ngọc, thêu nhưng khí tượng há không phú quý, chẳng hại gì cho câu thơ hay". Đủ biết cả việc bình phẩm thơ hay dở cao thấp cũng lấy hình tượng ăn mày để chỉ loại kém, cho thấy một ý thức có liên hệ với ăn mày. Còn như những thành ngữ cổ loại "Ăn mày làm tể tướng", "Ăn mày ngồi xe nhỏ"

càng cho thấy rõ sự khinh rẻ ăn mày của sĩ nhân. Ngược lại năm xưa Hậu chủ nhà Bắc Tề xây dựng thôn hoang nhà nát trong hậu cung, đích thân cải trang làm ăn mày đi xin ăn làm vui, Hàn Hy Tài thời Đường lấy việc giả trang làm ăn mày vào kỹ viện xin ăn làm trò vui, đều là một loại tâm lý méo mó, lấy cái nghèo làm sự thoải mái. Họ buồn bực trong cảnh vinh hoa phú quý, trời hoa đất rượu nên đóng vai ăn mày nghèo hèn khác hẳn một trời một vực để bổ sung vào chỗ trống trong tâm lý méo mó. Mà Tống Thái tổ bày kế giết ăn mày là lại cốt tỏ rõ dâm uy của mình, hy sinh một cái mạng ăn mày nhỏ nhoi đối với họ thì không bằng dìm chết một con kiến nhỏ. Cho dù trong lịch sử có không ít ví dụ về các vua chúa là ăn mày hoặc sĩ nhân đi xin ăn ra sức học tập, hoặc sĩ nhân rơi rụng làm ăn mày một phen có công danh hoặc làm lại cuộc đời, nhưng vẫn rất coi thường ăn mày. Những người có nhân cách lương phân còn như thế, huống chi kẻ suốt đời là sĩ nhân.

3. Ăn mày và ý thức lưu manh trong xã hội

Vương Hữu Quang được gọi là Bắc Trang tiên sinh thời Thanh soạn sách *Ngô Hạ ngạn liên* có hai chỗ luận thuật về một hiện tượng xã hội là ăn mày, đủ thấy có kiến thức mới lạ sâu sắc. Một chỗ là giải thích câu tục ngữ "Con khỉ trốn đi, ăn mày không thể diễn trò" trong quyển 4 như sau "Ăn mày tham lam mà bất nghĩa, con khỉ khôn ngoan mà không có lòng hăng. Làm trò múa may, cười chớ chống gậy, diễn trò tạp kịch. Ăn mày gõ thanh la, theo vở tuồng ca hát thu được nhiều tiền. Nhưng ăn mày tham ăn, không cho khỉ ăn ngon, xiềng xích nó, sai khiến nó, con khỉ không chịu nổi, nhân lúc sơ hở trốn chạy. Ăn mày thần thờ không có bạn, không có gì để diễn trò, không có gì để ca hát, con chó đói khát, đạo cụ vứt bỏ, trở về ăn xin trong chợ, thường không đủ sống. Tố Sử thị nói: con khỉ bỏ trốn là rất hay, chỉ

hạn không trốn sớm hơn mà thôi. Phàm khi vốn ở trong núi, có thể tự kiếm thức ăn ngon, lại muốn dựa vào ăn mảy làm nghề nghiệp thì sai lầm. Tuy nhiên nếu khi không bỏ đi, ăn mảy không nghèo, khi cũng là bạn tốt vậy!". Nguyên nhân chủ yếu khiến "Tổ Sử thị" (tức Vương Hữu Quang) không đồng tình với ăn mảy là "Tham lam mà bất nghĩa" ăn khớp với một đặc điểm bản chất của bọn ăn mảy trên giang hồ từ thời Tống Nguyên đến nay, là sự thể hiện một loại ý thức lưu manh.

Mạnh Thường quân (Điền Văn) thời Chiến quốc nhờ hiếu khách mà nổi tiếng trong lịch sử, như *Sử ký*, *Mạnh Thường quân liệt truyện* chép "Mạnh Thường quân ở đất Tiết, mời gọi các tân khách và bọn vong mạng ở các nước chư hầu, họ đều về cả với Mạnh Thường quân. Mạnh Thường quân phá tán gia tài hậu đãi, vì thế được lòng kẻ sĩ trong thiên hạ. Có tới mấy ngàn thực khách, không phân sang hèn mà đều coi như nhau". Nhưng khi Mạnh Thường quân vừa bị vua Tề bãi chức Tướng quốc thì các thực khách đều bỏ đi, đúng như Phùng Hoan nói "Giàu sang thì nhiều tân khách, nghèo hèn thì ít bạn bè, việc ấy là tất nhiên". Hãy xem Vương Hữu Quang lúc giải thích câu tục ngữ "Cáo hóa địch Mạnh Thường quân" (Mạnh Thường quân mời mọc ăn mảy) trong quyển 3 sách *Ngô Hạ ngôn liên* đã cho rằng "Thường nuôi ba ngàn tân khách, kẻ sĩ nước Tề đều về theo Mạnh Thường quân. Người gần đây không tiếc cơm gạo thu dưỡng đám du thủ du thực mà bọn ăn mảy lại đem so với Mạnh Thường quân. Họ lại cho rằng mình đúng là Mạnh Thường quân, vinh dự tự đắc, ý khí ngênh ngang. Tạm thời không nói tới chuyện đó, thì cho dù Mạnh Thường quân thật đương thời chưa chắc đã không phải là người đầu tiên mời mọc ăn mảy, giả tiếng gà gáy chó sủa, đều là tài khéo của bọn ăn mảy lang thang. Chỉ có Phùng Hoan hơn được bọn ấy, nhưng cưỡi xe gỗ kiếm, đòi tiếp đãi mình, rốt lại cũng không thoát

khỏi thói tham ăn tham uống, kiêu căng nịnh bợ" vân vân. Ông coi các thực khách môn hạ của Mạnh Thường quân như bọn ăn mày vô lại, Mạnh Thường quân thì nghiêm nhiên như trùm ăn mày. Chỗ rất cao minh của họ Vương ở đây là nói toạc ra ý thức lưu manh của ăn mày, "Đều là tài khéo của bọn ăn mày lang thang".

Nhìn chung các cuộc bể dâu trong lịch sử Trung Quốc thì có biết bao nhiêu "tài khéo của bọn ăn mày lang thang"! Việc đời ảm lạnh, từ sinh hoạt xã hội tới chính trị ở chợ búa làng xóm, đâu đâu cũng tiềm ẩn ý thức lưu manh. Loại ý thức lưu manh này lấy "tài khéo của bọn ăn mày lang thang" làm hình ảnh thu nhỏ, có khả năng nảy nở ẩn hiện trong mọi biểu hiện của cuộc sống xã hội xưa nay.

Học giả Đài Loan Tát Mạnh Vũ trước kháng chiến chống Nhật từng xuất bản một quyển sách có tên là *Thủy hử dũ Trung Quốc xã hội* (Thủy hử với xã hội Trung Quốc) ở đại lục, tuy không trực tiếp nói về ý thức lưu manh như Vương Hữu Quang, nhưng những ý kiến lý giải khi phân tích về "cơ sở xã hội của Lương Sơn Bạc" quả có thể nói đã thấu hiểu sâu sắc về "tài khéo của bọn ăn mày lang thang". Cách nhìn cơ bản của ông là: Trong lịch sử Trung Quốc, những kẻ có dã tâm muốn tranh đoạt ngôi vua không ngoài hai loại, một là bọn quý tộc như Dương Kiên, Lý Thế Dân, hai là lưu manh như Lưu Bang, Chu Nguyên Chương. Lưu manh Trung Quốc không có "tính mạng ba họ", mà cuộc sống lại không ổn định, lúc sống ít khi được nếm mùi sung sướng, lúc chết đau khổ cũng không sợ sệt. Họ rất sẵn sàng mạo hiểm, trong chỗ mười phần chết một phần sống đột nhiên bước lên mây xanh. Cá nhân họ tuy không có thế lực, nhưng sau khi kết thành đội ngũ thì có thể hoành hành giang hồ. Thân sĩ sợ họ gây loạn, nông dân sợ họ hà hiếp, trong xã hội Trung Quốc họ là dân ngoài giáo hóa, ngầm trở thành một loại thế lực. Về kinh tế, họ thực hành chủ nghĩa cộng sản trong tiêu dùng. Về

quan niệm luân lý thì vì lưu lạc giang hồ nên họ đặc biệt coi trọng bạn bè, lấy nghĩa khí làm đạo đức tối cao, phát triển tới mức tốt cùng sẽ trở thành nhân đức. Thời Vương Mãng, "Bốn phương đều đói rét cùng khổ, nổi lên làm trộm cướp, dần dần tụ họp lại, tét nhất nhớ nhà muốn về quê, tuy đông mấy vạn người nhưng không dám đánh chiếm thành ấp, mà đổi làm kẻ ăn xin, tự trở về mà thôi". Thời Tấn Huệ đế, "Nhiều năm mất mùa, trăm họ lưu lạc vào núi", "Đến như đời Vĩnh Gia, vô cùng loạn lạc, người ta phần nhiều đói khổ, cầm vợ đợ con, lưu lạc khắp nơi, không biết bao nhiêu mà kể", rồi lại dẫn tới việc lưu manh làm loạn. Thời Tùy Dạng đế, "Trăm họ khốn cùng, tài lực cùng kiệt, ở yên thì không khỏi đói rét, cái chết trước mắt, trộm cướp thì có thể kéo dài tính mạng, vì thế bắt đầu họp nhau làm cướp. Thời Đường Hy tông, "Trộm cướp trong thiên hạ nổi lên như ong, đều vì đói rét". Đến thời Tống, sưu cao thuế nặng, trăm họ phần lớn đều bỏ ruộng không cày, "Dân ít làm lụng". Mà Hoa Thạch cương lại có dân nổi dậy, "Phương Lạp vì nhân dân không chịu nổi, ra mặt tụ họp bọn du thủ du thực nghèo đói nổi loạn, phá sáu châu năm mươi hai huyện, có dân hai trăm vạn". Theo đó họ Tát đề xuất rằng sự bần cùng trở nên phổ biến chính biểu hiện việc xã hội Trung Quốc sẽ mau chóng phát sinh đại loạn, vì bần cùng mà làm loạn, phần lớn là do lưu manh phát động. Lưu manh Trung Quốc không lao động, cũng không muốn lao động, là một loại nhân khẩu thừa, xã hội không dựa vào họ để tồn tại nhưng họ lại phải dựa vào xã hội mà sống, vì thế về kinh tế họ chỉ phá hoại chứ không có tác dụng xây dựng⁽⁵⁾.

Những điều như thế, tìm hiểu tới thực chất chính là một bức tranh tả thực về xã hội ăn mày. Nhất là những miêu tả luận thuật về ý thức lưu manh cũng ăn khớp với dấu vết và hạt nhân cơ bản trong ý thức của quần thể ăn mày.

(5) *Thủy hử dữ Trung Quốc xã hội* (Truyện Thủy hử với xã hội Trung Quốc), Nhạc Lộc thư xã, 1987, tr. 3 - 12

Nhưng chúng ta không nên vì thế mà coi thường một phương diện khác mang những biểu hiện tích cực của ý thức ăn mày trong tiến trình lịch sử. Xã hội ăn mày là một quần thể người và ma lẫn lộn, đá vàng và cặn bã cùng tồn tại, phần lớn đều có khả năng chuyển thành nhân cách lương phân. Chu Nguyên Chương xuất thân ăn mày không phải lấy kinh nghiệm giang hồ, bần hàn giang hồ làm cơ sở để một phen thống nhất Trung Quốc sao! Vô số lần thành công của nông dân khởi nghĩa cũng thuộc loại ấy, mà không chỉ đơn thuần có tác dụng giáo huấn về mặt thất bại. Mà tổng kết những bài học thất bại, lại có thể chỉ rõ tác dụng và tính chất căn bản trong sự phá hoại của ý thức lưu manh.

Chỗ yếu căn bản của nhân dân Trung Quốc là ý thức lưu manh. Năm xưa Viên Thế Khải để khôi phục đế chế đã tạo ra dư luận, không tiếc cường gian ý dân, tùy tiện "Lấy ý dân trang điểm cho đế chế, chuyện buồn cười nhất là Nữ tử tình nguyện đoàn không đủ thì có Kỹ nữ tình nguyện đoàn, Quốc dân tình nguyện đoàn không đủ thì có Khất cái tình nguyện đoàn"⁽⁶⁾. Nguyên đó là một vở kịch ảm ỉ do Dương Mỗ phò tá Viên Thế Khải lúc bấy giờ đạo diễn. Y ra giá cho trùm ăn mày 100 đồng, ăn mày bình thường 1 đồng, trong vòng ba ngày tập hợp được hơn một vạn ăn mày ký tên tình nguyện xin Viên Thế Khải xưng đế, trở thành lá đơn tình nguyện có nhiều người ký tên nhất lúc bấy giờ. Họ Viên cũng đem đơn tình nguyện của ăn mày cùng hơn mười lá đơn khác cất vào hồ sơ mật, lại bảo thư ký chép toàn thể danh sách ăn mày ra một bản, thường đặt trên đầu bàn trong văn phòng riêng, "để chuẩn bị ngày khác ban ơn". Sau đó kẻ chủ mưu là Dương Mỗ nói với người ta rằng "Việc làm này của tôi còn hơn việc Cố Cựu vận động Kỹ nữ tình nguyện đoàn hàng trăm lần. Xem lời lẽ sắc mặt thì hoàng thượng coi bọn đàn bà đua mị không thành thật, rất là coi thường. Mà ăn mày cũng là công dân, chẳng qua chỉ hơi nghèo hèn thôi! Huống hồ lại còn thu được tên họ của dân nghèo, nên hoàng thượng rất coi trọng việc

làm này. Công lao của tôi nhất định sẽ được hoàng thượng ghi nhớ"⁽⁷⁾, từ đó ghi lại một chương xấu xa trong chính trị cận đại trong lịch sử ăn mày Trung Quốc. Kết quả ấy không những là "tài khéo của bọn ăn mày lang thang" tạo ra, mà còn là tính chất thiếu sót, ý thức lưu manh tất yếu của quốc dân.

Nhìn lại thảm kịch mười năm "Đại cách mạng văn hóa", chẳng phải cũng là một phen bộc lộ ý thức lưu manh, một lần tái diễn của "tài khéo của bọn ăn mày lang thang" trong văn hóa truyền thống sao! Xét trong thực tế sinh hoạt kinh tế xã hội, thì loại "tài khéo của bọn ăn mày lang thang" và ý thức lưu manh vẫn là mối hại chung của toàn xã hội. Có lần có người từng lưu ý rằng "Xuất hiện trong chúng ta như lông dê trên mặt đất, con mọt trong gạo, thuốc giả, thuốc lá giả cho tới lừa đảo vôi vỉnh hạch sách, lừa gạt làm tiền, cưỡng gian cướp bóc, giết người cướp của, chỉ sợ rất khó khoác lên cổ giai cấp tư sản. Vậy thì khoác lên cổ ai? Phải khoác lên cổ bọn lưu manh - dân lang thang. Tầng lớp này chán ghét lao động, không lo sản xuất, không biết lương tâm, không giữ quy củ. Engels cho đó là Bọn cận bã do các phần tử sa đọa của các tầng lớp tạo thành, họ hoàn toàn có thể là bạn đồng minh với những kẻ xấu xa nhất, đám người lang thang này rất dễ mua chuộc và vô cùng mặt dày"⁽⁸⁾, chỉ ra "tài khéo của bọn ăn mày lang thang" chủ đạo trong ý thức lưu manh.

Lại xem vài ví dụ thực tế cụ thể về ý thức lưu manh. Viêm Thành Sơn Đông có một câu ngạn ngữ nổi tiếng là "Thảo phạm tam niên, cấp cá Huyện trưởng đã bất hoán" (Xin cơm ba năm, cho chức Huyện trưởng cũng không đổi). Ở đó có

(6) (7) Hứa Chi Nghiêm, *Tân hoa bí ký*, xem Vinh Mạnh Nguyên, Chương Bá Phong chủ biên, *Cận đại bị hải*, Tứ Xuyên nhân dân xuất bản xã, 1985, tập 3, tr. 392 - 394

(8) Theo *Quang Minh Nhật báo* xã chủ biện, *Văn cải báo* số 3 ngày 27. 11. 1988, nguyên văn từ *Kinh tế học chu báo* ngày 20. 11. 1988

phong tục là đàn bà không biết xin tiền không phải đàn bà giỏi. Ở đó cơ hồ nhà nào cũng có phụ nữ ra ngoài xin ăn, Viêm Thành cơ hồ trở thành "Làng xóm ăn xin". Ở hương Tiểu Phụ khu phụ cận Viêm Thành có một phụ nữ làm chủ tịch Hội Phụ nữ mười mấy năm, chồng là kế toán đội sản xuất trong công xã. Tình hình kinh tế nhà chị ta so ra là đứng đầu trong thôn, gian trước gian sau, nhà lợp ngói mới, đồ dùng mới, trong ngoài sáng choang, còn có vườn hoa cây cảnh, trong phòng có máy ghi âm, máy cassette, salon, máy may, nhưng chị ta vẫn muốn dắt một toán phụ nữ ra ngoài xin ăn. Chị ta công nhiên nói "Làm cán bộ thì có gì hay nào? Làm cán bộ chẳng bằng làm ăn mày, ba năm làm ăn mày còn hơn làm quan huyện"⁽⁹⁾. Trên thực tế những "Làng xóm ăn mày" tương tự trên toàn quốc đâu chỉ có Viêm Thành. Ở Phù huyện Giang Tô, mỗi khi đến lúc nông nhàn đều có những nhóm lớn nam nữ nông dân kéo nhau ra ngoài ăn xin. Mùa hè năm 1983, Cục Dân chính thành phố lớn nọ một lần trực xuất 43 "dân lang thang" người hương Mỗ huyện ấy. Người xứ ấy đối với việc ăn xin thì vui thích không biết mệt, cũng không nghĩ tới tình cảnh không vinh dự, thậm chí các cô gái tìm chồng cũng lấy việc đối phương có biết xin ăn không làm một tiêu chuẩn. Một phụ nữ trung niên tên Thẩm Lan Hà ở xứ ấy, vợ chồng có hai con, trong nhà bốn người vô cùng sung túc. Nhưng lúc nông nhàn cuối mùa đông, người chồng ở lại coi nhà, chị ta dẫn hai con, dắt theo đứa cháu gái mười hai tuổi được trường cho nghỉ đông, tay cầm giấy giả, nước mắt rờn rờn, bịa đặt là ở quê bị lụt không thu được hạt lúa nào, đi nhờ xe lên Thẩm Dương xin ăn. Sự thật thì nhà chị ta gặt được 3.000 cân thóc. Không quá một tuần, chị ta xin được hơn 200 đồng, trong vài năm xin được hơn 3.000 đồng, dựng lên sáu gian nhà ngói. Chị ta nói "Tóm lại không thể ngồi ngáy ra ở nhà ăn không, dưới lỗ mũi còn có cái

(9) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc đích khát cái quần lạc*, tr. 174 - 176

miệng"⁽¹⁰⁾, làm ăn mầy lại trở thành nghề nghiệp thứ hai để làm giàu.

Ở thôn Tiết Gia Loan huyện Vĩnh Đăng tỉnh Cam Túc hiện có gần một trăm gia đình cư trú. Vào những năm 40, tuyệt đại đa số người ở đó đều quen lối năm ba gia đình hợp thành một toán quanh năm đi khắp bốn phương, gieo quẻ xem bói, yểm bùa trị bệnh cho người ta. Vả lại, phong tục tập quán gắn với dân tộc lang thang ở châu Âu - người Cát Phổ Trại có rất nhiều nét tương tự, trở thành một đoàn thể chức nghiệp dân gian vô cùng đặc biệt. Các học giả trong quá trình điều tra phát hiện ra "Người Tiết Gia Loan" đối xử với ăn mầy mười phần nhiệt tình, ai tới cửa xin cũng không để họ tay không mà về, vả lại cũng không cho cơm thừa canh cặn. Nếu đúng bữa cơm còn gọi vào cùng ăn, lúc bình thời thì cho bánh bao hoặc miến. Họ nói "Chúng ta cũng là người ra ngoài, biết chỗ khổ của người ra ngoài"⁽¹¹⁾. Đó là kết quả ý thức tâm lý về việc cùng số phận, tức tác dụng vẫn gọi là "Cùng số mệnh thương nhau". Lại như xứ Mỗ ở phía bắc nước ta, dân vùng ấy rất kỵ bốn chữ "Đào hoang yếu phạn" (Lang thang xin cơm), thậm chí tới mức có tật giết mình. Nhưng với những người lang thang xin cơm ở nơi khác tới họ lại đối đãi nồng nhiệt, khiến khách như về lại nhà mình. Lý do là vì những người già cả ở khu vực ấy đều vốn là người lang thang

(10) Doãn Văn, Ngọc Kỳ *Khát cái vương quốc thám bí* (Thăm dò bí mật trong vương quốc ăn mầy), xem Tạp chí *Pháp chế dữ văn minh*, số 9, 1988

(11) Từ Kha, Triệu Ngọc Tỷ, *Cam Túc Vĩnh Đăng huyện, Tiết Gia Loan nhân dịch chức nghiệp cấp kỳ tín ngưỡng tập tục - Quan vu Trung Quốc đích các phổ trại nhân dịch dân tục điều tra* (Nghề nghiệp và tín ngưỡng tập tục của người Tiết Gia Loan huyện Vĩnh Đăng tỉnh Cam Túc - Về việc điều tra tập tục dân gian tại các phổ trại ở Trung Quốc), xem *Dân tục điều tra dữ nghiên cứu* (Điều tra và nghiên cứu tập tục dân gian), Hà Bắc nhân dân xuất bản xã, 1988, tr. 100

xin cơm tới đó, vì thế xử sự tốt với ăn mày cũng là chuyện tự nhiên. Có hán tử trung niên ăn xin tướng mạo đại khái cũng giống người bản địa, ăn mặc tính ra cũng còn khá, không gõ cửa mà đi thẳng vào nhà một nông dân. Y thần thái thần nhiên cầm một cái túi gạo rất lớn nói với chủ nhân một tiếng "Phát tài", "Thu hoạch tốt", kể như lời chào, rồi ngồi xổm xuống đất, cuộn thuốc lá hút, chờ chủ nhân "Thu xếp". Lúc ấy chủ nhân tươi cười chào đón, nổi lửa nấu cơm. Cơm chín xong cũng như phục vụ người nhà, đem mâm chén cơm canh đặt lên mâm đẩy vào giữa giường, để mặc y thông thả ăn uống. Cơm xong uống một tô trà đặc sánh, hút vơi một bao thuốc, lại cho ăn mấy tô miến. Có lúc cũng cho làm việc nhà, lúc tình ý nồng thắm có khi còn cho gặp người già trong làng. Không có gõ phách ca hát, cũng không có đám trẻ con reo hò đuổi theo. Không năn nỉ không tạ ơn, không điều ngoa không keo kiệt. Loại hành khất ấy từng nhóm năm ba người kéo tới, ban ngày chia nhau ra, chiều tối tập hợp lại, phần lớn là ngụ trong nhà nông dân hoặc nhà khách ở khu tập thể các trường các viện. Họ đều mang giấy chứng minh cấp ở quê, trên viết: đây là bản nông bản thôn XYZ, đến chỗ quý vị xin ăn, mong được giúp đỡ vân vân. Họ đều không trộm cắp, cá biệt có người tuổi trẻ khỏe mạnh có khi còn giúp đỡ nhà chủ gặt lúa, lợp nhà. Họ xin một hai ngày thì tất cả đều đã đầy túi, sau đó tới các chợ búa lân cận để bán, đổi tiền và tem gạo gửi về nhà. Còn như những người dùng "khẩu kỹ" tới hương trấn xin ăn thì hàng ngày đều xin được tiền và tem gạo. Họ chủ yếu ở huyện Phủ Cốc và Thần Thủy ở vùng Thiểm Bắc, khu Dân Cần tỉnh Cam Túc nghèo khổ lân cận. Ở các nơi ấy việc xin ăn cũng đã trở thành phong tục. Trước kia không ít người trong bọn họ tới đó xin ăn, nên coi nhau là đồng hương⁽¹²⁾. Vì thế khiến người ta nhớ tới bọn ăn mày

(12) Tương Lâm, *Khất cái hành tung*, Tạp chí *Thủy xương thạch* tỉnh Liêu Đông, số 6, 1988

người Quảng Đông chuyên xin người đồng hương ở Thượng Hải đầu niên hiệu Quang Tự. "Bọn này đều xin ăn ở đường Tứ Xuyên, đường Thiên Chàng trong tô giới chung. Những kiểu dân cư ngụ ở đó thì người Quảng Đông là đông nhất... Ăn mày người Quảng Đông đi xin, nhìn diện mạo thấy đúng là người Quảng Đông, nghe giọng nói thấy đúng là người Quảng Đông, nhìn áo quần thấy đúng là người Quảng Đông thì lập tức dùng tiếng Quảng Đông bước tới xin. Cứ nói "Tôi là người cùng quê với ông, thất nghiệp ở đây, lưu lạc không nơi nương tựa, có giúp được gì cho nhau không?". Nếu không cho vài mươi đồng là theo mãi không thôi"⁽¹³⁾. Cũng như tình cảm lúc gặp người đồng hương lại trở thành lý do vốn liếng hoặc bố thí có thể mượn đó để xin xỏ, ý thức ăn mày đã ít nhiều chuyển hóa thành tài nghệ ăn mày vậy!

Nhân đó lại khiến người ta nhớ tới thời Thanh mạt, "Các xứ Hoài, Từ, Hải tỉnh Giang Tô, hàng năm có kẻ lang thang làm nghề nghiệp, kéo đoàn hàng trăm người đi xin ăn ở các châu huyện, thậm chí còn tới các tỉnh lân cận, đầu niên hiệu Quang Tự là nhiều nhất. Trước tiên nài nỉ quần áo lương thực, cầm hộ chiếu có đóng dấu quan, tới đâu cũng theo lệ xin xỏ. Vả lại mỗi khi tới một huyện ắt xin quan đóng dấu lên đó, lấy đó làm cái tới nơi khác xin ăn. Bọn họ cứ mùa thu mùa đông kéo tới, mùa xuân thì về làm ruộng. Đại khái người nhà quê đều bị bọn vô lại ngon ngọt dụ dỗ, rủ rê đi theo để làm mạnh thanh thế. Nếu xin được thì phần lớn chỉ béo bọn chúng, những người còn lại trong trăm phần không được một phần"⁽¹⁴⁾. Nguyên là việc phát "hộ chiếu" đi ăn xin hoàn toàn không phải là người thời nay sáng chế ra, mà từ cuối thời Thanh đã lưu hành. Việc xin ăn kiểu "dân lang thang" như

(13) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Thượng Hải hữu Việt tịch khất nhi*, tr. 5485 - 5486

(14) *Thanh bị loại sao, Khất cái loại, Hoài Từ nhân đạo hoang hành khất*, tr. 5486

thế từ lâu đã trở thành tập quán ở nhiều địa phương. Đến nay loại tập tục hủ lậu ấy lại nhen nhóm lại, và lại đang làm hình thành trào lưu ăn mày mới hiện nay, mà ý thức lưu manh cũng theo đó lan tràn trở thành tai họa tiềm ẩn chung cho toàn xã hội, dần dần lan rộng. Điểm này đủ khiến người ta phải suy ngẫm để cảnh giác. Nếu nói lúc trước *Liệt tử*, *Hoàng Đế* ghi "Từ đó trở đi, môn đồ họ Phạm gặp ăn mày, thầy lang ngựa trên đường, đều không dám khinh thường", đưa ý thức lưu manh của quần thể ăn mày vào mảnh đất văn hóa của dân tộc Trung Hoa là nói hay nói tốt cho phong tục, thì đến nay đã hiển hiện kết quả xấu.

Đương nhiên chúng ta nói ý thức ăn mày tức ý thức lưu manh thì hoàn toàn không phải đơn thuần là dám "lưu manh" tội phạm hình sự có thể đại diện được, nó thuộc một hình thái phạm trù ý thức xã hội, nhất là mang tính đại biểu rõ ràng nhất cho ý thức của quần thể ăn mày. Nội hàm của loại ý thức này cùng bối cảnh văn hóa mà nó nảy sinh đều rất phức tạp. Trung Quốc trước nay có tâm lý truyền thống coi trọng tinh thần nghĩa hiệp, Tư Mã Thiên trong *Sử ký* có riêng một phần *Du hiệp liệt truyện*, tinh thần du hiệp cũng là một hình thức phát triển của ý thức lưu manh. Những người tự hào hay được xưng tụng là võ hiệp, du hiệp hay hiệp khách giang hồ xưa nay có không ít "tài khéo của bọn ăn mày lang thang", về thực chất tinh thần đều không ra khỏi vết xe cơ bản của ý thức lưu manh.

4. Bàn về chính sách đối với ăn mày

Từ một số cá nhân ăn mày mà nói, thì họ là kẻ yếu trong sinh hoạt xã hội. Nhưng từ việc quần thể ăn mày trở thành một hiện tượng xã hội, một hình thái văn hóa biến dạng mà nói thì rất cần xử lý và trừ diệt tận gốc. Đã phải xử lý về căn bản hiện tượng ăn mày, lại phải tẩy rửa ý thức lưu manh có quan hệ mật thiết với việc sản sinh ra ăn mày trong

văn hóa truyền thống, đúng là một công trình xử lý xã hội tổng hợp phải tiến hành song song.

Trong lịch sử, mọi người đã quen tìm tới nguồn gốc nảy sinh ăn mày từ nguyên nhân kinh tế nghèo khổ, thiên tai, lấy đó làm một tiêu chí xem xã hội có giàu có không, nhân dân có an cư lạc nghiệp không, chính trị có công khai tốt đẹp không? Nhưng ở đây chỉ chú ý tới một khía cạnh của vấn đề, chú trọng điều kiện vật chất mà bỏ qua hiệu ứng và lực lượng ý thức xã hội, văn hóa tinh thần tiềm ẩn. Các ví dụ về việc lấy ăn xin làm con đường làm giàu, đến nỗi sau khi đã giàu có lại càng nảy sinh ham muốn ăn xin nhiều hơn, chính là sự ẩn chứng vấn đề này. Ngày xưa Vũ Huấn lấy việc ăn xin kiếm tiền dựng trường nghĩa học, nói ra thì đáng cười chứ làm thì vất vả nhưng cuối cùng thu được thành công. Trong thực tế hành vi cử chỉ của ông ta đều phù hợp với địa vị xã hội, điều kiện kinh tế của mình, cũng phù hợp với ý thức lưu manh, tương ứng với quan niệm văn hóa truyền thống, nếu không thì "tài khéo của bọn ăn mày lang thang" có cao minh hơn cũng không thu được thành tựu như thế. Thạch Đức Lâm đầu niên hiệu Kiến An thời Đông Hán (196 - 220) nhờ ăn xin để sống mà ra sức học hành⁽¹⁵⁾, Hồ Tảo trong niên hiệu Thiên Giám đời Lương Vũ đế thời Nam triều (502 - 519) không coi việc ăn xin là nhục nhã mà còn khinh miệt nhà giàu⁽¹⁶⁾, những việc được người đời ca ngợi ấy cũng hàm chứa hiệu ứng tiềm tàng của nhân tố ý thức lưu manh.

Quản tử, Kinh trọng Ất thiên nói "Trên đường có người ăn xin là tội của tế tướng". Vì vậy vua chúa các đời phần lớn đều coi việc chần tể người nghèo khổ là công đức ân trạch, như *Nam Tề thu*, Vũ đế bản kỷ chép tháng giêng năm Vĩnh Minh thứ 5 (487) Vũ đế hạ chiếu ban lương thực cho những người cô độc già yếu nghèo khổ bệnh tật; *Ngụy thu*, Hiếu Văn đế bản kỷ chép tháng 4 mùa hạ năm Thái Hòa thứ

(15) (16) Hoàng Cơ Thủy, *Bản sử truyện*, quyển hạ

13 (489), Hiếu Văn đế hạ chiếu lên lầu cao ném vật dùng xuống ban phát cho những người nghèo khổ già yếu; *Chu thư*, *Vũ đế bản kỷ* chép tháng 2 năm Kiến Đức thứ 6 (577) Vũ đế hạ chiếu ban quần áo thức ăn cho những người bệnh tật tàn phế cô độc già yếu, không thể sinh sống, vân vân. Năm Khai Nguyên thứ 23 (735) nhà Đường, bắt đầu đặt Bệnh phương thu dung ăn mày, về sau lại theo thuyết bố thí cho người nghèo đổi gọi Bi điền (ruộng từ bi) của nhà Phật là Bi điền viện, trong tạp kịch thời Nguyên ghi là Ty điền viện. Đến thời Tống, lại đặt Lậu trạch viện chuyên làm việc chôn cất những người chết vì loạn lạc không ai thừa nhận hoặc những người nghèo không có đất chôn cất, những ăn mày lang thang chết cũng do chính quyền đứng ra chôn cất. Đường thời còn đặt các nơi Cư dưỡng viện, An tế viện đều mang tính chất của Bi điền viện. *Tống sử*, *Thực hóa chí* chép "Ở kinh sư trước đây đặt Phúc điền viện ở hai bên đông tây nuôi dưỡng những người già nua, bệnh tật, cô đơn, nghèo khổ, ăn mày, về sau cấp tiền lúa cho hai mươi bốn người. Anh tông ra lệnh đặt thêm Phúc điền viện ở hai phía nam bắc, hai phía đông tây thì mở rộng nhà cửa, hàng ngày nuôi dưỡng ba trăm người, hàng năm xuất công quỹ ra năm trăm vạn đồng để chi phí, sau đổi thành Tử Châu Thí lợi tiền, tăng lên tám trăm vạn đồng".

Loại phúc lợi xã hội này, do điều kiện kinh tế giới hạn nên không thể thu dung rộng rãi những người nghèo hèn, cô độc ăn mày lang thang, mà phải gặp lúc hoàng đế cao hứng ban ân chiếu mới có thể thu dung nuôi nấng họ với tính chất tượng trưng. Như sách *Uyển thụ tạp ký* của Thẩm Bang thời Minh, quyển 11 *Thái tự*, *Dưỡng tế viện cô lão* chép "Dưỡng tế viện ở phường Hà Tào Tây trong thành Uyển Bình (trong niên hiệu Đại Hưng ở đường Cô Lão Hồ Đồng trước phủ), có một nơi công phủ gồm mười hai gian phòng. Nhưng quan huyện ở kinh theo lệ thì không được thu dung những người cô đơn già yếu, chỉ những lúc đổi niên hiệu hoặc nhà

nước có điển lễ lớn thì có chiếu ban xuống hàng huyện, tra xét những người già yếu bệnh tật cô độc nghèo khổ trong ngoài kinh đô, nuôi dưỡng hết năm thì thôi, không có kỳ hạn nhất định, cũng không có số lượng nhất định, chỉ theo lệnh nhà vua. Túc nam nhước phụ thị phủ lương huyện quan, vô luận dã. Trong niên hiệu Vạn Lịch, Uyển Bình thu dung được 1.810 người. Năm thứ 7, cử hành đại hôn lễ xong, lại thu dung bọn Lưu Chân 500 người. Năm thứ 10, Hoàng trưởng tử sinh, lại thu dung bọn Lý Thông 585 người (số thu dung trong niên hiệu Đại Hưng cũng thế). Mỗi người một tháng được cấp ba đấu gạo, mỗi năm được cấp một cái quần vải. Trong đó chọn ra vài người đứng đầu hội, mỗi hội nhận quản hơn trăm người, mỗi tháng tập hợp ở viện một lần chờ Huyện thừa điểm danh" vân vân. Còn phần lớn ăn mỳ khác thì không thể chiếu cố như vậy được. Tạ Triệu Chế thời Minh trong *Ngũ tạp trở*, quyển 5 *Nhân bộ* chép "Những đêm mùa đông, Ngũ phường có chỗ trú ngụ, trong chứa cỏ khô và lông chim lông thú, nhưng mỗi đêm phải nộp một đồng cho người quản thủ, nếu không chỉ có chết rét. Những người cực kỳ đói rét thì tìm tới hầm hố nhà xí chui vào, có người nuốt một viên thạch tín, nhưng đến mùa xuân chất độc của thạch tín phát ra ắt chết. Tính số chết rét, chết vì chất độc hàng năm không dưới vài ngàn người, mà đám ăn mỳ phần lớn đều như thế". Đủ thấy từ thời Đường trở đi loại cơ sở như Bi điển viện phần lớn chỉ là đặt ra chút ít để làm vật trang sức cho đời thanh bình, tỏ rõ ơn vua mà thôi. Còn từ thời Thanh trở đi, những cơ quan như Khất cái xứ, Hóa tử viện mà các địa phương chia nhau đặt để thu dung ăn mỳ thì phần lớn do trùm ăn mỳ coi sóc, trở thành cứ điểm hoạt động của bang hội, lưu manh xã hội đen.

Vì chính quyền rất chú trọng vấn đề ăn mỳ trong xã hội lúc bình thời và có thiên tai, lấy đó làm một trong những nội dung của việc có chính tích, nên trong các sách địa phương chí cũng ghi chép nhiều về tình hình ăn mỳ, nhưng

lại thành ký thuật về phong tục nhân tình địa phương. *Kim chi* khen phủ Tâm Châu tỉnh Quảng Tây "Đàn ông siêng cày ruộng đọc sách, phụ nữ giữ đức hạnh, coi trọng liêm sỉ, phong tục thuần hậu, tuy năm mất mùa cũng không có ăn mày"; lại khen "Cư dân ở trấn Bình Lạc phần lớn là người Quảng Đông và Toàn Châu. Kẻ sĩ thường nghèo khổ, nhưng không làm điều bày bợ, rất biết giữ mình. Dân chỉ lo làm ruộng, không biết buôn bán, không có cửa cái, cũng không xa xỉ, nên trên đường ít có ăn mày". *Vĩnh Định huyện chí* tỉnh Phúc Kiến nói "Người nghèo trồng trọt trên núi, chữ ít ăn xin ở chợ". *Mân thư* của Hà Kiều Viễn nói "Ở Đinh Châu kẻ sĩ đọc sách làm vui, nhân dân yên phận làm ruộng ít kẻ buôn bán. Người giàu giữ ruộng đất, người nghèo làm ruộng núi, bọn tôi tớ ai cũng lo làm ăn. Ở chợ búa không có kỹ nữ bán thân, trên đường phố không có ăn mày nài nỉ" vân vân, đều lấy việc có ăn mày hay không làm một nội dung để khảo sát phong tục một địa phương. Hồ Phác An thời cận đại trong *Trung Hoa toàn quốc phong tục chí*, thiên hạ *Hồ Bắc*, *Vũ Xương Khất cái chí ác tục* chép "Bọn ăn mày bá đạo hoành hành, phi động kỳ đạo giả mặc trị, nhiên diệc hữu đạo dã. Những việc ma chay cưới hỏi lớn nhỏ đều phải mời họ, hơi có chỗ không vừa ý là lật bàn hất mâm, đập chén ném đĩa, nhất định chủ nhà phải ra xin lỗi, bày mâm khác mới thôi. Với những nhà cưới hỏi sinh con còn quá hơn, nhưng cũng xem hoàn cảnh nhà người ta, người nghèo thì không tới. Lúc tới đốt một bó mười chiếc roi nhỏ, một người ăn mày chúc mừng, số còn lại phụ họa. Tan tiệc đưa tiền thù lao, khiêm tốn tiễn tặng tiền roi, thật ra gấp mấy trăm lần tiền roi. Nhà có tang mà không chấp diếu đãi khách thì không tới, nếu tới cũng theo ý chủ nhân, không cãi cò gì. Bọn họ ít trộm cắp, nếu gặp việc tang thì cùng tới khiêng quan tài, tuy có việc rất quan trọng cũng không dám từ chối. Chỉ muốn nhà người có tang quỳ lạy cảm ơn, ăn một bữa cơm là đi, không nhận thù lao"⁽¹⁷⁾. Trong thực

(17) Theo bản in của Hà Bắc nhân dân xuất bản xã, 1986, tr. 317

tế bọn ăn mỳ đòi hỏi lo việc giúp nhà có ma chay cưới hỏi là hiện tượng thường thấy ở các địa phương chứ không riêng gì Vũ Hán.

Nhưng điều đáng chú ý là là tài nghệ vốn có của ăn mỳ trong chuyện mượn tiếng "Chúc mừng" để đòi tiền đám cưới lại diễn ra vào cuối những năm 80 ở ngoại ô thành phố Thẩm Dương. Theo báo chí, lúc một người dân ở thôn Dư Lương hương Dương Sĩ tại Hồng khu cử hành hôn lễ, đột nhiên có ba vị khách ngang tàng tới thổi sáo "Chúc mừng" rồi đòi tiền, không cho tiền hoặc cho ít thì sẽ không đi, một người thổi ầm lên. Chủ nhà vừa xua được họ đi xong, lại có hai vị gõ phách tre tới hát chúc mừng. Sau buổi trưa, còn có ba vị tay cầm quạt vừa quạt vừa hát "Chúc mừng" xin tiền. Họ đều đi xe gắn máy tới, đã hơn hẳn bọn ăn mỳ bình thường. Người ta kêu gọi trên báo chí là không thể để cho tục lệ nhân đám cưới đòi tiền ấy tiếp tục kéo dài⁽¹⁸⁾.

Hoàng hiến ngoại sử, Từ thụ thiện nói "Để thỏa mãn kẻ ăn mỳ thì chỉ có sự tham lam của Đạo Chích là đúng chứ sự liêm khiết của Bá Di là sai". Đối xử với ăn mỳ và giải quyết vấn đề ra sao, quả thật là một vấn đề nan giải. Ở nước ngoài giải quyết vấn đề này ra sao? Theo sách vở thì vào thời Gia Nhĩ đại đế, nước Pháp thử thi hành việc "Cấm chỉ ăn mỳ, dân lang thang có thể làm việc thì phải làm việc, không được xin cứu trợ, đó là điều lệ cứu trợ mang tính chất công cụ pháp chế đầu tiên, cưỡng chế việc giúp đỡ, cưỡng chế dân nghèo làm việc nhưng không may là chưa thể thực hiện". Về sau vì "Hành vi bác ái của Cơ đốc giáo lại nảy sinh kết quả khác nên có nhiều viện từ thiện và cơ sở từ thiện của dân nghèo quyên góp được thành lập, tài sản cứu trợ của Giáo hội tăng lên nhưng số lượng ăn mỳ cũng tăng lên rất nhiều, trở thành thói xấu trên đời, các cơ quan hành chính không thể can thiệp, lại đặt ra Cảnh sát Dân nghèo, ban bố

(18) Theo *Thẩm Dương nhật báo*, ngày 25. 1. 1989

Điều lệ Dân nghèo (Colmar năm 1393, Duy Ân năm 1442, Nỗ Nhĩ Pha năm 1478). Ăn mày chỉ được người bản địa đồng ý cấp giấy tờ mới được ăn xin, từ nơi khác tới thì sẽ bị trục xuất hoặc đóng gông hiểu thị. Nhưng ăn mày vẫn nảy sinh không ngớt, lại từ khi Quốc hội Đức quyết định ban hành Điều lệ Cảnh sát quốc lập, tư tưởng chủ đạo là chỉ những người yếu đuối tàn phế mới được ăn xin, ăn mày là phụ nữ trẻ em thì đưa vào học các nghề thủ công hoặc nghề nghiệp khác". "Sau ba mươi năm chiến tranh, số lượng dân nghèo tăng lên, ăn mày phổ biến, chính quyền hai nước Đức, Áo dùng cấm ngặt ăn mày lang thang nhưng đến thế kỷ XVIII vẫn chưa hết. Chính sách của các nước trong chuyện này có một đặc điểm chung là để ngăn cấm ăn mày thì dùng hình phạt và roi vọt để xử trị, cấm cố chung thân cho tới tử hình. Lại cấm bố thí, mỗi lần vi phạm phải nộp phạt 40 thaler (đồng tiền cổ của Đức, bằng 3 mark)" ⁽¹⁹⁾ vân vân.

Cuối những năm 20 của thế kỷ này, trong nước có người đề xuất chia việc cứu trợ người nghèo làm hai phần là cứu tế dân nghèo và cảnh sát dân nghèo. Phần trước bao gồm tất cả những việc cứu tế dân nghèo, phần sau thì bảo vệ cho quần chúng không phải chịu cái nạn dân nghèo, hay khiến xã hội tránh được mối nguy dân nghèo vì bản cùng nổi loạn. Những việc thuộc về cảnh sát dân nghèo như hạn chế nhà trọ, người nơi khác tới không thể tự cấp mà không được gia đình chu cấp thì sẽ bị chính quyền địa phương trục xuất, cưỡng bách người lười biếng làm việc, ngăn cấm ăn mày lang thang và bố thí bữa bãi, điều tra đời sống của người nhận cứu trợ vân vân ⁽²⁰⁾. Đầu những năm 30 sau khi điều tra xã hội học về bảy trăm ăn mày ở Thượng Hải, hai sinh viên đại học

(19) Mã Quân Vũ, *Thất nghiệp nhân cấp bản dân cứu tế chính sách* (Chính sách cứu tế đối với người thất nghiệp và dân nghèo), Thương vụ ấn thư quán, 1929, tr. 73 - 76

(20) Mã Quân Vũ, *Thất nghiệp nhân cấp bản dân cứu tế chính sách*, tr. 33

xã hội học cũng đề xuất những vấn đề "phương pháp căn bản giải quyết vấn đề ăn mày" như thiết lập bệnh viện bình dân, quỹ cho bình dân vay, tổ chức hợp tác xã bình dân, đề xướng việc gia đình lo làm ăn, khuyến khích việc tích lũy, chỉnh đốn thuế má, tiêu diệt trộm cướp, đề phòng thiên tai, đời dân khẩn hoang, bảo trợ nông công nghiệp, ngăn cấm kẻ tàn phế kết hôn, mở ra các cơ quan kinh doanh của chính quyền để giải quyết vấn đề việc làm, hạn chế sinh đẻ, đổi mới phong tục, cho tới phổ cập giáo dục trong xã hội vân vân⁽²¹⁾.

Ở đại lục Trung Quốc từ những năm 50 trở đi, nhà nước căn cứ vào *Biện pháp trục xuất thu gom những người lang thang ăn xin ở thành thị* của Quốc vụ viện thiết lập hơn sáu trăm trại thu gom trục xuất trên toàn quốc, đến những năm 80 lại đặt ra nông trường, công xưởng và trường dạy nghề cho những người bị trục xuất, tạo điều kiện cho ăn mày trở lại đời sống bình thường. Nhưng vì tâm lý và thói quen buông thả không chịu ràng buộc của ăn mày quen lối sinh hoạt lang thang không ai quản thúc nên rất sợ rơi vào trại thu gom, lại tìm trăm phương ngàn kế trốn khỏi trại, lại sống cuộc đời lưu lạc chân trời góc biển⁽²²⁾. Có nhiều nhân viên áp giải ăn mày bị trục xuất về quê trở về thì trên xe lửa lại gặp kẻ lưu lạc lần nữa.

Phạm bấy nhiêu chính sách với ăn mày cổ kim trung ngoại, phần lớn đều thuộc kế sách quyền nghi loại "ngăn hạn", nhất là đối diện với trào lưu ăn mày đương đại, đều không có kế sách xử lý tận gốc. Một bộ phận ăn mày hiện nay thuộc loại hình ăn mày nguyên thủy khốn cùng về mặt vật chất nhưng khá đông lại là kẻ khốn cùng về mặt tinh thần. Tương ứng với trào lưu ăn mày là mối hại ý thức lưu manh, là một lực lượng xấu xa với cả việc quốc kế dân sinh

(21) Ngô Nguyên Thục, *Tướng Tư Nhất Thượng Hải thất bách cá khát cải đích xã hội điều tra*, tập hạ.

(22) Lưu Hán Thái, *Trung Quốc đích khát cải quần lạc*, tr. 232

lẫn việc xây dựng nền văn minh tinh thần. Đối diện với lịch sử và thực tế ăn mày, xem xét những điều kiện lịch sử nảy sinh ăn mày và hoàn cảnh văn hóa chính trị khác nhau, đặt ra pháp luật và chính sách tương ứng, tiến hành những biện pháp thiết thực khả thi về cả hai phương diện vật chất và tinh thần, xử lý tổng hợp và tiêu diệt các tệ đoan xã hội đủ loại làm nảy sinh ăn mày đã trở thành một sự nghiệp xã hội vô cùng cấp bách, cần thiết mà khó khăn, nặng nề.

Tiêu diệt nguồn gốc nảy sinh ăn mày, tiêu diệt hiện tượng ăn mày là một sự nghiệp thần thánh tạo phúc cho con cháu muôn đời của xã hội loài người, là một trách nhiệm lịch sử không thể từ chối, một nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược. Cho nên "Ăn mày với văn hóa" cũng như "Kẻ sĩ với văn hóa" đều là những đề tài nghiêm túc không thể né tránh trong việc nghiên cứu văn hóa Trung Quốc.

LỊCH SỬ ẨM MÀY

Khúc Ngạn Bân

Cao Tự Thanh dịch

<i>Chịu trách nhiệm xuất bản:</i>	LÊ HOÀNG
<i>Biên tập:</i>	THANH LIÊM
<i>Sửa bản in:</i>	NGUYỄN TRUNG
<i>Vẽ bìa:</i>	DUY NGỌC
<i>Đơn vị liên doanh :</i>	Cty TNHH phát hành sách Sài Gòn

NHÀ XUẤT BẢN TRẺ

161B LÝ CHÍNH THẮNG – QUẬN 3 TP. HỒ CHÍ MINH

In 1000 khổ 14,5 × 20,5cm. Tại CTy In Chuyên ngành LĐXH.
Số đăng ký KHXB: 297/78. Giấy trích ngang KHXB số: 251/2001.
In xong và nộp lưu chiểu tháng 04 năm 2001

Mời các bạn tìm đọc :



PHUY HAI TÀI
 nhà sách **QUỲNH MAI**
 40M NGUYỄN THỊ BÌNH AN HƯNG - Q. 3 - TP. HỒ CHÍ MINH
 ĐT: 8044363 - 8048183 - FAX: 84.8.8044363

GIÁ: 35.000